

Văn Học Việt Nam  
**Văn Học Việt Nam.**  
**Cận và Hiện đại**

Tập VII

HUỲNH ÁI TÔNG

\*

Lou.190614

MỤC LỤC

Lời Tựa .....	5
<i>Tiết bốn: Nhóm mở miệng</i> .....	7
1. Lý Đợi (1978-20 ) .....	15
2. Bùi Chát (1979-20 ) .....	25
3. Khúc Duy (1978-20 ) .....	41
<i>Tiết năm: Những nhà văn sắc tộc</i> .....	53
1. Nông Quốc Chấn (1923-2002) .....	57
2. Y Điêng (1928-20 ) .....	65
3. Triều Ân (1931-20 ) .....	69
4. Mã Thế Vinh (1932-20 ) .....	75
5. Vi Hồng (1936-1997) .....	81
6. Bế Thành Long (1938-20 ) .....	89
7. Kim Nhất (1942-20 ) .....	97
8. Mã A Lệnh (1943-20 ) .....	101
9. Ma Trường Nguyên (1944-20 ) .....	111
10. Lò Ngân Sủn (1945-2013) .....	117
11. Hơ Vê (1945-20 ) .....	125
12. Pờ Sảo Mìn (1946-20 ) .....	129
13. Dư Thị Hoàn (1947-20 ) .....	135
14. Linh Nga Niê Kdăm (1948-20 ) .....	147
15. Y Phương (1948-20 ) .....	161
16. Mai Liễu (1950-20 ) .....	171
17. Lâm Tẻn Cuôi (1951-20 ) .....	177
18. Triều Lam Châu (1952-20 ) .....	187
19. Cao Duy Sơn (1956-20 ) .....	207
20. Inrasara (1957-20 ) .....	225

## HUỲNH ÁI TÔNG

21. Lý Lan (1957-20 ) .....	259
22. Trà Vigia (1957-20 ) .....	275
23. Đoàn Ngọc Minh (1958-20 ) .....	289
24. Dương Thuần (1959-20 ) .....	313
25. Bùi Tuyết Mai (1971-20 ) .....	321
26. Hoàng Thanh Hương (1978-20 ) .....	331
27. Vi Thùy Linh (1980-20 ) .....	357
28. Niê Thanh Mai (1980-20 ) .....	369
29. Tuệ Nguyên (1982-20 ) .....	381
30. H'Triem Knul (1982-20 ) .....	397
31. Y Việt Sa (1990-20 ) .....	403
Chương Tám: Những nhà phê bình văn học .....	415
<i>Tiết một: Những nhà phê bình văn học ở hải ngoại</i> .....	416
1. Đặng Tiến (1940-20 ) .....	417
2. Thụy Khuê (1944-20 ) .....	433
3. Nguyễn Mạnh Trinh (1949) .....	443
4. Nguyễn Vy Khanh (1951-20 ) .....	467
5. Nguyễn Hưng Quốc (1957-20 ) .....	489
<i>Tiết hai: Những nhà phê bình văn học ở trong nước</i> .....	499
1. Nguyễn Đăng Mạnh (1930-20 ) .....	499
2. Hoàng Ngọc Hiến (1930-2011) .....	509
3. Phan Cự Đệ (1933-2007) .....	519
4. Hà Minh Đức (1935-20 ) .....	527
5. Phong Lê (1938-20 ) .....	533
6. Trần Đình Sử (1940-20 ) .....	547
7. Vương Trí Nhàn (1942-20 ) .....	565
8. Trần Hữu Lục (1944-20 ) .....	575
9. Lại Nguyên Ân (1945-20 ) .....	585
10. Nguyễn Văn Lưu (1945-20 ) .....	595
11. Đỗ Lai Thúy (1948-20 ) .....	605
12. Huỳnh Như Phương (1955-20 ) .....	613
13. Phạm Xuân Nguyên (1956-20 ) .....	627
14. Nguyễn Thanh Sơn (1970-20 ) .....	639
15. Ngô Hương Giang (1985-20 ) .....	647
Chương Chín: Tổng kết .....	659

*Lời Tựa*

*Đây là tập sách cuối cùng trong bộ Văn Học Việt Nam Cận và Hiện Đại, nội dung gồm có Nhóm Mở miệng, các nhà văn sắc tộc và Những nhà phê bình văn học.*

*Về Nhóm Mở miệng thành phần nòng cốt gồm có Lý Đợi, Bùi Chát, Khúc Duy và Nguyễn Quán. Riêng Nguyễn Quán chúng tôi không tìm thấy bài nào trên mạng nói về nhà thơ này, có người cho biết Nguyễn Quán đã đi tu, nếu đúng vậy nhà thơ đã phải sạch nợ duyên văn chương.*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Về các nhà văn sắc tộc, chúng tôi cũng chỉ sưu tầm được một số nhà văn chủ yếu là sắc dân Chăm, Tày, Nùng, Ê- đê, Hmông, Dáy, Hrê, Hoa, Mường, Bana còn vài chục sắc dân khác, chưa tìm thấy sự góp mặt văn chương của họ, thật là đáng tiếc.*

*Quý tác giả các bài viết đã trích dẫn trong tập sách này, cũng như quý tác giả đã cung cấp cho những thông tin cá nhân cần thiết, xin nhận nơi đây lòng biết ân của soạn giả.*

*Thời đại hiện nay, trên mạng có nhiều thông tin có thể tìm thấy dễ dàng, nhưng tìm cho được những thông tin thích hợp cũng không phải là dễ, cho nên khó tránh những sai sót, nếu có mong được chỉ dẫn để đính chính kịp thời, ngõ hầu có được sự chính xác hoặc giữ được nguyên bản của tác phẩm.*

*Cán ghi,*

*Soạn giả.*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

\*

### *Tiết bốn: Nhóm Mở miệng*

Nhóm Mở miệng là một nhóm thơ do các nhà thơ trẻ, tốt nghiệp Đại học tại Tp. HCM thành lập từ cuối năm 2000, đầu năm 2001, gồm có Lý Đợi, Bùi Chát, Khúc Duy và Nguyễn Quán, họ ở lứa tuổi sinh năm 1978, từ Quảng Nam vào Tp. HCM học đại học, trừ có Bùi Chát người Hồ Nai Tp. Biên Hòa.



*Ảnh từ trái sang phải:  
Bùi Chát, Khúc Duy, Lý Đợi, Nguyễn Quán.*

Theo Bùi Chát cho biết ngay sau khi tốt nghiệp đại học, họ còn rất trẻ, mới ngoài 20 tuổi, là những thanh niên đầy nhiệt huyết có dự định trong việc cống hiến cho xã hội, cho nghệ thuật, nhưng họ nhận thấy sự phi lý, trì trệ, sự cam chịu đến khó hiểu trong sinh hoạt văn hoá ở Việt Nam. Không thể nào khác được, những người trẻ này đã quyết tâm phải Mở Miệng do Lý Đợi chủ xướng, lấy tên Nhóm từ gợi ý của Bùi Chát theo Thánh kinh: “Khởi thủy là lời” để phá vỡ mọi rào cản, lối mòn, ức chế

## HUỶNH ÁI TÔNG

trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam, bằng những bài thơ nhại, những từ dung tục, bình thường chữ nghĩa, tự xuất bản sách không qua cơ quan kiểm duyệt, tháng 6 năm 2002, họ xuất bản một tập thơ chui của nhóm Mở Miệng do nhà xuất bản Giấy Vụn ấn hành được Bùi Chát phụ trách in photocopy, đóng cắt thủ công.

Tại Việt Nam hiện nay có nhiều nhà xuất bản chui. Nhà xuất bản chui được nhiều người biết đến phải kể là Cửa của họa sĩ Trịnh Cung và nhà văn Nguyễn Viện, Lê Bên Trái của nhà văn Đào Hiếu, Tùy Tiện của nhà thơ Bim, Minh Châu của nhà thơ Đoàn Minh Châu, Da Vàng của nhà thơ Huỳnh Lê Nhật Tân, Một Minh của nhà văn Cung Tích Biền, Mũi Tên của nhà thơ Liêu Thái,... Tuy nhiên các nhà xuất bản này đều xuất hiện sau Giấy Vụn và thường chỉ để tự xuất bản sách của người sáng lập, do đó, số lượng đầu sách rất ít có khi chỉ có một vài, họa hoãn mới có nhà xuất bản in được năm ba đầu sách.

Ngược lại, nhà xuất bản Giấy Vụn có quy mô lớn nhất trong các nhà xuất bản chui ở Việt Nam từ trước đến nay.

Bắt đầu hoạt động từ năm 2002, với tập thơ đầu tay *Vòng tròn sáu mặt* của sáu tác giả Bùi Chát, Khúc Duy, Lý Đợi, Trần Văn Hiến, Hoàng Long và Nguyễn Quán. Đến nay, Giấy Vụn đã in được gần 30 đầu sách, nhiều nhất là thơ của các nhà thơ trong nhóm Mở Miệng. Những tác phẩm ấy có thể liệt kê tiếp theo như sau:

- Lý Đợi *Bảy biển tầu con nhện*, 2003
- Bùi Chát *Xáo chộn chong ngày*, 2003)
- Bùi Chát *Cái lồn bỏ đi & những bài thơ chửi rửa [bởi, lộn]*, 2004
- Lý Đợi *Trường chay thịt chó*, 2005
- Bùi Chát *Tháng tư gãy súng*, 2005
- Vương Văn Quang *Lĩnh nam tạp lục*, 2005



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Bùi Chát *Xin lỗi chịu hồng nổi*, 2007
- Đinh Linh *Lĩnh đình chích khoái*, 2007.
- Phạm Lưu Vũ *Luận ngữ tân thư*, 2007
- Đào Hiếu *Lạc đường*, 2008
- Bùi Chát *Bài thơ một vần/One-rhyme poems – thơ song ngữ Anh Việt*, 2009
- Lý Đợi *Khi kẻ thù ta buồn ngủ / When our enemy falls asleep – thơ song ngữ Anh Việt*, (2010)
- Phạm Minh Ngọc, *Trại súc vật* dịch của George Orwell, (2010)
- Bùi Hoàng, *Vị Việt*, (2011)
- Nguyễn Khánh Long, *Việt Nam – hành trình một dân tộc* dịch của Philippe Papin, (2011)
- ....

Giấy Vụn là một nhà xuất bản chui nhưng không lén. Họ hoạt động công khai và sẵn sàng chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình.

Năm 2010, giáo sư thỉnh giảng trường Đại học sư phạm Hà Nội, Đỗ Thị Thoan làm luận văn Cao học với Đề tài: *Vị trí của kẻ bên lề: Thực hành thơ của nhóm Mở Miệng từ góc nhìn văn hóa*, do Phó giáo sư Tiến Sĩ Nguyễn Thị Bình hướng dẫn, được Hội đồng chấm luận văn đánh giá điểm 10/10. Được cấp bằng Thạc sĩ năm 2011.

Nhưng đến năm 2013, từ bài viết của Chu Giang tức Nguyễn Văn Lưu đến Hội nghị Lý luận- Phê bình của Hội nhà văn Việt Nam, vào đầu tháng 6-2013 tại Tam Đảo, các nhà phê bình đã chỉ trích luận văn của Đỗ Thị Thoan,

Nhà nghiên cứu phê bình văn học Nguyễn Văn Lưu gọi đó là “*một luận văn kích động sự phản kháng và chống đối*”. Có người còn nói rằng: “*Đây là một luận văn trá hình mang nội dung chính trị phản động...*”.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Theo tác giả Thanh Phương, tờ *Quân đội Nhân dân* số ra ngày 07/07/2013 có một trong bài chính luận mang tựa đề “*Một góc nhìn phản văn hóa và chính trị*”, đã kịch liệt lên án bản luận văn của Đỗ Thị Thoan. Tờ báo cho rằng các thi sĩ trong nhóm *Mở Miệng* đã dùng thơ để “*hạ bệ các thần tượng, giải thiêng linh tụ và các danh nhân... xúc phạm tình cảm của hàng triệu đồng bào ta đối với Bác Hồ kính yêu*”.

Theo nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên nhận xét:

*“Về nhóm Thơ Mở Miệng, tôi cũng có thể nói rằng là phần lớn những người phê bình có thể chưa đọc hoặc không biết gì về nhóm này. Nhóm Mở Miệng bao gồm những người trẻ ở Sài Gòn, đều đã tốt nghiệp đại học.*

*Họ làm một thứ thơ trước hết là nhằm phản ứng lại những thứ thơ đang thịnh hành: thứ thơ du dương, véo von, hoặc thứ thơ không đi sát đời sống... Họ làm một thứ thơ mà bản thân họ tự nhận là “thơ dơ”, “thơ rác”, “thơ nghĩa địa”, thứ thơ nên “đào đất chôn đi”. Họ thực hành một thứ thơ nhằm biểu lộ một thái độ. Thơ của họ có những bài tục, có những bài thơ nhại, tức là lấy một bài thơ quen thuộc, nổi tiếng, sửa đi một vài từ, thêm một vài từ, biến một bài thơ nghiêm túc thành một bài thơ cợt nhả...”*

Tưởng cũng nên trích ra những bài thơ của nhóm Mở Miệng, người ta cho là thơ tục tĩu:

Thơ của Lý Đợi:

**chúng nói: “sông có thể cạn, núi có thể mòn”**

*Chúng nó nói  
Chúng nói  
Sông có thể cạn*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Núi có thể mòn  
Chúng nói  
Sông có thể cạn  
Núi có thể mòn  
Và tôi thấy chúng làm:  
Chúng đuổi người đi đường  
Chúng không cho người dân cất tiếng nói  
Chúng bao vây và trấn áp người biểu tình chống xâm lăng  
Chúng cho người trà trộn vào đám đông biểu tình để phá  
thối, gây chia rẽ  
Chúng bảo chúng ta bị xúi giục  
Chúng coi thường sự hiểu biết của nhân dân  
Chúng bảo mất Hoàng Sa – Trường Sa không phải lo.  
Hãy về nhà ngủ và tin vào Cộng sản và nhà nước.  
(Tin chúng mày để hôm nay thấy Sài Gòn & Hà Nội đầy  
một lũ tay sai Bắc Kinh à?)  
Chúng vu khống những người yêu nước là phản động  
Chúng muốn chúng ta vĩnh viễn là nô lệ  
Chúng đã lãng mạ lòng tự trọng dân tộc  
Chúng đã phỉ nhổ vào lịch sử  
Chúng đã đập bàn thờ tổ quốc  
Chúng đã ném cứt vào xương máu những người đã chết  
cho quê hương  
Chúng tóm cổ các nhà báo tự do  
Chúng đe dọa, đánh đập văn nghệ sĩ  
Chúng khủng bố các nhà trí thức  
Chúng theo dõi điện thoại, email  
Chúng hiếp dâm nhân quyền...  
Và chúng nói tiếp, sau khi làm: “song chân lý ấy không  
bao giờ thay đổi.”*

Thơ của Khúc Duy:

**Nghị định 1/VN**

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Nghiêm chỉnh chấp hành luật*

*cắt cu, trám lỗ đít*

*các đồng chí thơ*

*không được chửi tục , đụ đéo*

*có được chửi thanh , hoa mỹ , hoa mông gà , hoa thúi địt ...*

*ăn (t)hôi!           cắm ĩa đái           (dơ lắm )*

*hửi (t)hôi!           cắm địt           (thúi lắm)*

*nhìn (t)hôi!        cắm đụ           (sướng lắm)*

*nghiêm chỉnh chấp hành luật*

*từ lỗ rún lên*

*tụi bây đụ đéo tao tức dái... tai lắm*

*...ụ cái thằng... ngực nào đâm lỗ...*

*miệng tao vậy.*

### **Thơ của Bùi Chát:**

#### **Cũng vậy à**

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Chừa được cái nào hay cái ấy*

*Có chồng hờ hững cũng như không*

#### **Biết sao được**

*Quanh năm buôn bán ở mom sông*

*Nuôi đủ năm con với một chồng*

*Địt mẹ, thói đời ăn ở bạc*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

**2000 chuyện kể năm 2000**

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Trăng lên tới đỉnh mu rùa*

*Em cho anh đụ chịu, cuối mùa anh trả khoai*

*Nghe đồn ở tận Hồ Nai\**

*Nứng lòn mà chết đến hai ngàn người*

.....

*Thượng đế thì cười*

Chú thích:

\* theo Phan Bá Thọ: Hồ Nai thì biết rồi đấy!

Năm 2014, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội đã tiến hành thủ tục thu bằng Thạc sĩ của Đỗ Thị Thoan. Các Giáo sư Hồ Tú Bảo, Ngô Bảo Châu, Trần Văn Thọ và Cao Huy Thuần gửi thư đến Hiệu trưởng Đại học Sư Phạm Hà Nội phản đối việc thu bằng. Chưa thấy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trả lời.

Theo tự nhiên, nếu chủ trương của Nhóm Mở Miệng được nhiều người tán đồng áp dụng. Đó là chủ trương đúng, ngược lại, phải có yếu tố thời gian, thứ yếu tố trọng yếu, vô tư để khẳng định thơ của nhóm Mở Miệng có phải là thơ hậu hiện đại hay không.

Vào năm 2008, Bùi Chát, đại diện nhà xuất bản Giấy Vụn, được Hiệp hội các Nhà xuất bản Quốc tế mời tham dự Đại hội thứ 28 được tổ chức tại Seoul trong ba ngày, từ 12 đến 15 tháng 5, với nhiều tên tuổi lớn khác như Orhan Pamuk (Nobel Văn học năm 2006), Yoshinobu Noma (Phó chủ tịch Bộ xuất bản Nhật bản), Sheila Copps (Nguyên Phó Thủ tướng Canada), và Eugene Schoulgin (Thư ký Hội văn bút Quốc tế) Lần thứ hai, Bùi Chát, cũng đại diện cho nhà xuất bản Giấy Vụn, được Trung tâm văn học Literaturwerkstatt tại Berlin, dưới sự tài trợ của Bộ Ngoại giao Đức, mời “giao lưu” với đồng nghiệp quốc tế cũng như với độc giả tại Đức.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày 25-4-.2011 Bùi Chát, người sáng lập và điều hành nhà xuất bản Giấy Vụn nhận Giải thưởng Tự do Xuất bản do International Publishers Association (IPA) Hiệp hội Nhà xuất bản Quốc tế trao tặng, tại Buenos Aires, là một vinh dự lớn cho cá nhân anh, nhà xuất bản và Nhóm Mở Miệng đồng thời khẳng định công việc thầm lặng nhưng đầy dũng cảm của nhà xuất bản Giấy Vụn đã được thế giới ghi nhận.



*Bùi Chát nhận giải thưởng Tự Do Xuất bản năm 2011*

Tài liệu tham khảo:

- Nhóm Mở Miệng Web: [rfa.org](http://rfa.org)
- Nhà xuất bản Giấy Vụn Web: [voatiengviet.com](http://voatiengviet.com)

## 1. Lý Đợi



**Lý Đợi (1978-20 )**

Lý Đợi sinh năm 1978, tại làng Khúc Lũy, huyện Điện Bàn, Quảng Nam.

Theo học Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn tại Tp. HCM.

Năm 2001, tốt nghiệp Cử nhân Văn học.

Lý Đợi, Bùi Chát, Khúc Duy, Nguyễn Quán là những người khởi thủy thành lập Nhóm thơ Mở miệng từ cuối năm 2000 đầu năm 2001.

Tháng 6 năm 2002, Lý Đợi, Bùi Chát, Khúc Duy, Trần Văn Hiên, Hoàng Long và Nguyễn Quán, xuất bản tập thơ *Vòng tròn sáu mặt* do nhà xuất bản Giấy Vụn được Bùi Chát chủ trương in Photocopy mà không xin giấy phép.

Lý Đợi hiện là nhà thơ, viết báo tự do, sống tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Vòng tròn sáu mặt* (in chung 6 tác giả, Giấy Vụn, 2002)
- *Mở miệng* (in chung 4 tác giả, Giấy Vụn, 2002)
- *Bầy biển tàu con nhện* (Giấy Vụn, 2003)
- *Trường chay thật chó* (Giấy Vụn, 2005)
- *Chiến tranh các vì thơ* (truyện tranh, Giấy Vụn, 2006)
- *Lý Đợi Khi kẻ thù ta buồn ngủ / When our enemy falls asleep* – thơ song ngữ Anh Việt, Giấy Vụn, 2010)

Trích văn:

### **Thử bàn về 3 cách viết về Trịnh Công Sơn\***

Về Trịnh Công Sơn (TCS), xưa nay thường có 3 cách viết:

1.

Những bài kể lể, kiêu như TCS là bạn tôi, thầy tôi, thần tượng của tôi, là hàng xóm, đồng nghiệp, người cùng quê, người tình, người "cùng chiến tuyến", "cùng mặt trận"... Nói chung viết để thấy "tôi" là người cũng "khá quan trọng", là có thể quàng vai, choàng cổ, ngồi chung bàn, nằm chung chiếu... với TCS. Tôi đưa những trường hợp bài viết này lên vị trí số 1, vì thực tế thì theo chủ quan của tôi, phải có đến 90% số bài viết về TCS khai thác theo hướng này. Vì công việc, tôi cũng đã đọc lướt qua khoảng 200 bài kiểu như vậy, đọc ở sách, báo, tạp chí và Internet... Và theo chủ quan của tôi, thì chẳng mấy giá trị, ngoài chuyện "giết thời giờ", có tính cách thù tạc, kiêu chuyện làng văn nghệ... Đọc những bài này chỉ để biết 2 điều: người viết ra bài đó "kể công" của mình với TCS như thế nào; và 1 chút "giai thoại", hay "kỷ niệm" [theo nghĩa rộng của 2 từ này] về TCS.

2.

Những bài viết đi vào chuyện môn và nghiên cứu về TCS, như: tiểu sử, âm nhạc, ca từ, tính triết lý, một quan niệm nghệ thuật... Theo chủ quan của tôi, thì những loại bài như thế này



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

chỉ có khoảng 5% trong tổng số những bài đã viết về TCS. Tôi nghĩ nhân dịp này, những ai có quan tâm tới TCS theo nghĩa thứ 2 này, có thể tìm đọc lại những bài viết của John C. Schafer, Đặng Tiến, Bùi Vĩnh Phúc, Ban Mai, Hà Vũ Trọng... và khoảng 4-5 người nữa. Cá nhân tôi thích cách viết của 3 người: John C. Schafer [Bài "Hiện tượng Trịnh Công Sơn"], Đặng Tiến ["Đời và nhạc Trịnh Công Sơn"], Hà Vũ Trọng ["Chiêm ngắm Đóa hoa vô thường"]. Những bài viết dạng này giúp cho độc giả "sáng" hơn, dù có tiếp xúc hay không tiếp xúc với TCS, nó vượt qua được tính thời gian - để khơi gợi một cái nhìn từ tương lai [nghĩa là các thế hệ sau] vào quá khứ [là thế hệ TCS], nếu TCS còn đáng nhìn.

Nền nghệ thuật VN vốn nhỏ bé, tạm bợ... nên cá nhân tôi cho rằng TCS vẫn còn là đề tài để nhiều thế hệ nhìn ngó. Tôi thích những bài viết kiểu [số 2] này, vì qua thời gian, những người cùng thời và có quen với TCS cũng sẽ chết đi, vậy cách viết trung lập và dựa trên văn bản vẫn là có tình, có lý nhất.

3.

Bài viết của Trịnh Cung thuộc nhóm tác giả [số 3], mà tôi cho rằng nó thuộc vào số những % ít ỏi còn lại. Những bài viết dạng này rất có tính thách thức với người đọc, vì nó đụng vào những chuyện kiểu "thâm cung bí sử" – mà vì nhiều lý do nào đó, luôn bị giấu kín, hoặc khi nói ra, luôn bị bóp méo, xuyên tạc.

Với bài viết của Trịnh Cung, tôi cho rằng những người còn sống, có liên đới, hoặc có cứ liệu, có chứng kiến, hoặc bị đề cập đến... cần phải lên tiếng. Bởi trong suy nghĩ và nghi ngờ của nhiều người, thì: "Sự thật phải được nhiều người đồng thuận!", dù nhiều khi sự thật không phải như vậy. Tôi không muốn truy xét và cũng không có thẩm quyền truy xét nội dung, độ chân thật và mục đích bài viết của họa sĩ Trịnh Cung. Tuy nhiên, từ góc độ người đọc, tôi nghĩ Trịnh Cung đã có cách

## HUYỀN ÁI TÔNG

hành xử dửng cảm – vì dám chống lại những "tâm hồn", những "cái tâm" trong nhóm tác giả số 1, vốn rất đông đúc.

Đó là chưa nói, dám chống lại những người yêu mến và thần tượng TCS, yêu một cách "vô tâm, vô lý", yêu "mê muội", không cần lý lẽ... nghĩa là vì yêu mà muốn đứng ngoài tất cả những "thị phi" về tiểu sử, lịch sử và con đường nghệ thuật của TCS. Yêu không cần phân tích và nghiên cứu trung lập, độc lập. Những bài viết của nhóm tác giả số 2 thường ít được đọc [theo thống kê qua mạng Internet] và ít được đề cập, phân tích, trao đổi, thảo luận... là một minh chứng.

Cho nên, bằng cách nào đó, những người có "liên đới trách nhiệm", hoặc "liên lụy" tên tuổi với bài viết của Trịnh Cung, cá nhân tôi nghĩ họ cũng cần nói một điều gì đó. Bởi khi tất cả, hay từng "sự kiện" và "vấn đề" trong bài viết của Trịnh Cung được "đối chấp", "làm rõ"... thì sử liệu về cuộc đời nghệ thuật của TCS sẽ thêm một vài tiểu mục đáng lưu ý và cần nghiên cứu kỹ càng hơn.

*La Hán Phòng 5.4.2009*

*\* Tựa do BBT tạp chí Da Màu đề xuất.*

Trích thơ:

### **điểm cấp orê điều trị ỉa chảy cấp**

*tao có điểm cấp orê ngay dưới lưng quần và không ở phía sau  
mày hơn chi tao dù mày phía trước...*

*có thời mày nói với tao rằng thích ỉa chảy  
ỉa chảy trong quần để gió cuốn đi...*

*còn bao năm qua tao thích điều trị [xin lỗi đó lười: điều*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*trị]*

*cái thứ ỉa chảy trong quần rồi thành cát bụi...*

*có kẻ rằng tự vườn khuya bước về [không phải mây] thom  
mùi ỉa chảy*

*tao ôm lòng\* đê mê ỉa chảy-táo bón...*

*tao xin lỗi mây vì bài thơ ỉa chảy  
thù hằn chi đâu mà rếu thơ ca...*

*tao muốn làm thơ như điều trị ỉa chảy  
rồi xúc phạm mây mỗi gói ra đi...*

*bao năm rồi mây mãi ra đi  
bao năm rồi tao điều trị chảy cấp...*

*tao xin lỗi mây rồi, mây xin lỗi tao đi  
lời thơ đâu mà chỉ lời tục tũ...*

*trị tục tũ hoài cũng như trị ỉa chảy  
bác sĩ khuyên rằng:*

*với người lớn thì oresol với nước ấm*

*với trẻ em thì oresol với nước ấm*

*với xác chết thì cũng oresol với nước ấm*

*CÒN TAO VỚI MÂY THÌ ORESOL VỚI OLRESO...*

*tao mặc kệ, mây viết toa đi  
thưa bác sĩ: tiền và thơ đã hết.*

Ghi chú:

\* Bù Chát xúi là *lớn*

**Phước [hay phúc] cho ai không thấy mà tin...!**

Phước cho cư sĩ em nhỏ [Bàng Uẩn:740-808 or 811] nổi

## HUỶNH ÁI TÔNG

danh thời Đường đi  
nước bước Thiên tông; được những em nhỏ khác phong  
phú quý  
Duy-ma-Đông độ-cật, có sách ghi chuyện được  
gọi *Bàng cư sĩ ngữ lục*, gây hứng thú vật tộ  
độ trong giới miệng lưỡi Thiên ngữ, có kế kinh thiên động  
địa  
rằng: hữu nam bất thú [*có trai không cưới*] hỏi han ai  
hữu nữ bất giá [*có gái không gả*] bán đổi chác  
đại gia đoàn biến đầu [*cả nhà chung hội họp*] mặt mũi  
cộng thuyết vô sinh thoại [*đồng bàn lời vô sinh*] để có kế  
hoạch...

Phước cho lũ thi sĩ Mở Miệng [*2001-2004 or 200...*] luyện  
ong vò  
vẽ mà thành mặt Tông xe cộ  
phước cho ai không thấy [*mở miệng*] mà tin tưởng tượng  
đài phát thanh  
*[không nghe mà biết/không đè mà đau]* điếng điếng  
phước cho ai không ăn mà no [*không ngủ mà sướng/không  
giường mà êm*]  
phước cho ai cùng chơi/cùng ăn/cùng nhậu nhẹt... Mở

Miệng chi bảo ban, kệ lời lão đảo [*chánh*]:  
*ở La Hán Phòng có nhóm  
Mở Miệng làm thơ rất nhảm  
bày đặt long đong chẳng muốn  
gì hơn mà hòng mở miệng.*

Tin thì tin, không tin thì thôi...!  
Phước [*khùng*] cho ai không tin mà thấy [*mụ nội*].

## Yêu đương khi

*yêu đương khi lửa tắt com sôi*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*yêu đương khi* lợn kêu con kóc  
*yêu đương khi* chồng đòi tòm tem

\*

*yêu đương khi* con đã ngủ êm  
*yêu đương khi* lợn no cơm chín  
*yêu đương khi* tòm tem thì tòm!

\*

*yêu đương khi* cho tới chiều hôm  
*yêu đương khi* ngày năm ba lượt  
*yêu đương khi* anh tòm mãi thôi.

\*

*yêu đương khi* tòm chán chê rồi  
*yêu đương khi* ngày ngày cứ thấy  
*yêu đương khi* mặt tôi là tòm.

\*

*yêu đương khi* đèn tắt tối om  
*yêu đương khi* anh kêu để tối  
*yêu đương khi* nó mom được rồi!

\*

*yêu đương khi* đèn thấp sáng ngời  
*yêu đương khi* anh rằng để sáng  
*yêu đương khi* tòm chơi mới tình!

\*

*yêu đương khi* trời đã bình minh  
*yêu đương khi* anh đòi tòm để  
*yêu đương khi* lưu tình gói chẵn.

\*

*yêu đương khi* đang sắp bữa ăn  
*yêu đương khi* anh kêu nó đói  
*yêu đương khi* chúng mình chén sau!

\*

*yêu đương khi* đang tưới vườn rau  
*yêu đương khi* anh đòi tòm đứng  
*yêu đương khi* ôm nhau giữa trời!

\*

HUỖNH Ỉ TÔNG

*yêu đưong khi* may vá đđang ngồỉ  
*yêu đưong khi* anh kều ta thử  
*yêu đưong khi* tòm ngồỉ xem sao!

\*

*yêu đưong khi* đđang tằm ngoài ao  
*yêu đưong khi* anh đòỉ cắmm một  
*yêu đưong khi* con sào dướỉ trắng.

\*\*

*yêu đưong khi* khồng lể nỏỉ nắng  
*yêu đưong khi* chồng thương thử hỏỉ  
*yêu đưong khi* ỉ rằng khồng nghe?

\*\*\*

*yêu đưong khi* nướcc đắng trầnn ngắpp  
*yêu đưong khi* [trầnn ngắpp] bỗnn bẻ  
*yêu đưong khi* lửả tìnhh cằng bỗcc  
*yêu đưong khi* cằng mê mắnn tìnhh.

\*\*\*\*

*yêu đưong khi* đđang lúcc bựcc mìnhh:  
*yêu đưong khi* còm sỏỉ lửả tắtt  
*yêu đưong khi* con cồnn khỏcc rầnn  
*yêu đưong khi* chồng lắỉ hỏỉ hầnn  
*yêu đưong khi* u màyy nhằ vắng  
*yêu đưong khi* thử tòm cắỉ chỏỉ!

\*\*\*\*\*

*yêu đưong khi* lỏnn kều con khỏcc  
[chàng ỏỉ]  
*yêu đưong khi* chờ em nhómm bếp  
*yêu đưong khi*. . . tí thỏỉ sẽ tòm.

-----

*yêu đưong khi* chú thớcc chằng ỏỉ:

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*yêu đương khi bài này xem tại  
yêu đương khi Giấy Vụn số 3  
yêu đương khi tới đây là hết.*

### **Lời hứa của Doi Ly**

*bấy giờ ta sẽ làm cho Môi Miệng chư dân nên tinh sạch  
để tất cả đều kêu cầu danh Nhân quyền  
và kẻ vai sát cánh phụng sự Đổi mới...*

*ngày ấy, các người sẽ không còn phải hổ thẹn  
vì mọi hành vi ngang trái chống lại Độc quyền  
bấy giờ, ta sẽ đuổi cho khuất mắt các người  
những kẻ kiêu căng đắc thắng  
những kẻ ôm mộng toàn trị  
và các người sẽ không còn nghênh ngang hay luôn cúi  
trên xứ sở của những người mất tự do  
ta sẽ cho sót lại giữa các người những con dân nghèo hèn  
và bé nhỏ  
để các người khoe mẽ về Nhân quyền  
về Toàn cầu hoá  
về Bản sắc dân tộc  
về các trò hù dọa trong y tế  
và cả chuyện tù đầy...*

*ta cũng sẽ cất khỏi các người những tai hoạ  
khiến các người không còn phải ô nhục  
ta cũng sẽ trừng phạt những kẻ đã hành hạ các người  
ta cũng sẽ tập hợp những ai đi lạc  
ta cũng sẽ cho các người được vinh danh  
và ngợi khen ngay giữa các sắc dân trên cõi đất  
ngày ta đổi vận mạng cho các người  
ngay trước mắt các người – như là một lời hứa  
lời hứa của Doi Ly...*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*lời hứa tiếp nối lời hứa  
lời hứa của truyền thống  
lời hứa của hiện nay...  
các người hãy cứ tiếp tục tin đến hết đời của mình – hơn  
sáu mươi năm cuộc đời  
hãy tiếp tục tin và hãy tiếp tục nhớ rằng các người đã được  
hứa  
một lời hứa không đến từ hư vô  
mà đến từ Hiện thực, một hiện thực không bao giờ có thực  
hiện thực không bờ bến...*

*tất cả các lý do ấy quy về:*

*... về -  
... bởi -  
... vì -*

**ĐỜI LY... CŨNG KHÔNG BAO GIỜ CÓ THỰC**

Nhà văn Mặc Lâm phóng viên đài Rfa viết về nhà thơ Lý Đợi như sau:

*Tác phẩm của Lý Đợi phần nhiều xuất hiện trên các diễn đàn Internet như Tiền Vệ, Talawas hay Da Màu... Bảy Biển Tầu Con Nhện, Trường Chay Thịt Chó là hai trong số nhiều tác phẩm được giới sinh hoạt văn nghệ đánh giá cao. Lý Đợi là cây viết nhận định văn học được xem là mạnh mẽ, trong tinh thần đã phá những lề thói mà anh cho là cũ kỹ, sáo mòn không giúp gì được cho xã hội, nơi người sáng tác đang sống. Lý Đợi cũng là người có những bài viết chống lại Trung Quốc khi sự kiện quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa xảy ra mới đây.*

Tài liệu tham khảo:

- Lý Đợi Web: [smashwords.com](http://smashwords.com)
- Thử bàn về 3 cách viết về Trịnh Công Sơn Web: [damau.org](http://damau.org)



## 2. Bùi Chát



### **Bùi Chát – Bùi Quang Viễn (1979-2011)**

Nhà thơ Bùi Chát tên thật là Bùi Quang viễn sinh ngày 22 tháng 10 năm 1979 tại Hồ Nai, Biên Hòa trong một gia đình Công Giáo gốc di cư.

Năm 2001, Bùi Chát tốt nghiệp ngành Văn Học, khoa Ngữ Văn-Báo Chí, Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Tp. HCM. Từ đó sống ở Sài Gòn.

Năm 2001 anh cùng với Lý Đợi thành lập nhóm Mở Miệng. Anh cũng là người đề xướng các khái niệm “thơ rác,” “thơ nghĩa địa,” và là người sáng lập nhà xuất bản Giấy Vụn, chuyên in ấn và phát hành tác phẩm của các nhà thơ via hệ dưới hình thức photocopy, kh ông qua thủ tục kiểm duyệt của nhà cầm quyền.

Ngày 25 tháng 4 năm 2011, nhân dịp Hội Sách Quốc Tế lần thứ 37, tổ chức tại Buenos Aires, Argentina. Hiệp hội xuất bản quốc tế (International Publishers Association) đã trao giải

## HUỶNH ÁI TÔNG

thưởng tự do xuất bản (Freedom to Publish Prize) cho Bùi Chát, người chủ trương nhà xuất bản Giấy Vụn.



*Bùi Chát đọc diễn từ nhận Giải thưởng Tự Do Xuất Bản tại sảnh đường Jorge Luis Borges ở Buenos Aires chiều ngày 25-4-2011.*

Ngày 30-4-2011, Bùi Chát về đến Sài Gòn bị công an tại phi trường Tân Sơn Nhất bắt giữ trong 2 ngày, khám xét, tịch thu những tập thơ của Bùi Chát, Lý Đợi, Giấy chứng nhận giải thưởng, và sau đó bị chủ nhà không cho tạm trú do áp lực của công an.

Nhà thơ Bùi Chát làm nghề tự do, sống ở tại Tp. HCM

Tác phẩm:

- *Xáo chộn chong ngày* (thơ, Giấy Vụn, 2003)
- *Made in vietnam* (conceptual art, Giấy vụn, 2004)
- *Cái lồn bỏ đi & những bài thơ chửi rủa [bới, lộn]* (thơ,

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Giấy Vụn, 2004)

- *Tháng tư gãy súng* (thơ, Giấy Vụn, 2005)

- *Xin lỗi chịu hồng nổi* (thơ, Giấy Vụn, 2007)

- *Bài thơ một vần/One-rhyme poems* (thơ song ngữ Anh Việt, Giấy Vụn, 2009)

Trích văn:

### **Thực trạng xuất bản ở Việt Nam**

(Bài tham luận của nhà thơ Bùi Chát - sáng lập viên nhà xuất bản Giấy Vụn, đọc tại Đại Hội Xuất Bản Quốc Tế tại Seoul 05-2008)

Kính thưa quý vị!

Việt Nam, ngay từ những ngày đầu độc lập, Hiến pháp của nhà nước Dân chủ Cộng hoà quy định:

"Công dân Việt Nam có quyền:

- Tự do ngôn luận
  - Tự do xuất bản
  - Tự do tổ chức và hội họp
  - Tự do tín ngưỡng
  - Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài."
- (Điều 10, Hiến pháp 1946)

Sau mấy lần thay đổi Hiến pháp, năm 1992 Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam một lần nữa lại thông qua bản Hiến pháp mới, trong đó quy định:

"Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy

## HUỶNH ÁI TÔNG

định của pháp luật.” (Điều 69, Hiến pháp 1992 – đã được sửa đổi, bổ sung 2001)

Hiến pháp 1992 không nêu cụ thể vấn đề tự do xuất bản, nhưng cứ tạm hiểu tự do xuất bản nằm trong các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được thông tin... Vậy quy định của pháp luật Việt Nam về tự do xuất bản là thế nào?

Luật xuất bản Việt Nam 2004, điều 5, khoản 2, ghi rõ:

“Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản.”

Có thực sự là nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản? Nếu đúng thế thì quả là một giấc mơ, mà có lẽ không người dân nào dám nghĩ rằng sẽ có cơ may chứng kiến nếu chế độ cộng sản toàn trị này còn đang tồn tại. Và để củng cố sự “không kiểm duyệt” này không vượt quá xa tầm kiểm soát của mình, nhà cầm quyền Việt Nam đã huy động gần như toàn bộ hệ thống quyền lực từ trung ương đến địa phương, gồm: Ban Tư tưởng Văn hoá của Đảng Cộng sản (nay là Ban Tuyên giáo), Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) và Bộ Công an tham gia quản lý. Vấn nạn này được thể hiện phần nào trong Điều 7, Luật xuất bản 2004:

Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong phạm vi cả nước.
2. Bộ Văn hoá – Thông tin chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ phối hợp với Bộ Văn hoá – Thông tin thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tại địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.”

Việc quản lý được thấy rõ hơn ở các nhà xuất bản, thông qua quy trình xuất bản một cuốn sách:

Thủ tục in ấn một cuốn sách của Nhà xuất bản T.

*Đăng ký kế hoạch xuất bản:*

1. Lập phiếu đăng ký theo mẫu có sẵn của từng nhà xuất bản. Phiếu đăng ký gồm các mục sau đây: Tên bản thảo, tên tác giả, tóm tắt nội dung, tủ sách gì (văn học, kinh tế, ngoại ngữ...) số trang, số lượng bản in, dự kiến in xong ngày tháng nào?

2. Tập hợp các phiếu đăng ký lại và làm thành một danh sách gọi là KẾ HOẠCH XUẤT BẢN QUÝ...NĂM... sau đó gửi lên Cục Xuất Bản xin duyệt.

Các thủ tục nộp và duyệt bản thảo:

1. Gặp anh nhân viên văn phòng để gửi bản thảo và vô sổ.
2. Bản thảo sẽ được phân công cho biên tập viên chuyên trách.
3. Biên tập viên sẽ biên tập trong vòng từ 7 ngày đến 30 ngày tùy theo độ dày và nội dung bản thảo, sau đó BTV chuyển BGĐ duyệt.
4. Người làm sách đến nhận bản thảo đem về ra NHỮ, sau đó nộp lại cho BTV cả Nhữ + Bản thảo (đã duyệt) + Mẫu Design bìa sách.
5. BTV sẽ hướng dẫn vài thủ tục kế tiếp để xin cấp GIẤY PHÉP. (Tùy theo quy định của từng nhà xuất bản)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### *Các thủ tục in ấn:*

1. Đem bản thảo và giấy phép đến nhà in để nhờ nhà in làm một HỢP ĐỒNG IN. Hợp đồng này do nhà in ký với nhà xuất bản. Phía nhà in ký trước, phía NXB ký sau.
2. Khi hai bên đã ký xong HĐ, bản thảo sẽ được in thành sách.
3. Sách in xong, người làm sách phải nộp lưu chiểu cho NXB từ 10 đến 20 cuốn tùy theo số lượng in.
4. Bảy ngày sau khi nộp lưu chiểu, sách mới được phát hành.  
(Tài liệu phổ biến trong nội bộ của một nhà xuất bản ở Sài Gòn)

Về mặt khách quan mà nói, với sự quản lý chặt chẽ và đồng bộ như thế, không cách nào một tác phẩm được xem là “có vấn đề” có thể lọt qua được bộ máy kiểm duyệt đồ sộ từ khâu biên tập đến khâu phát hành với các trợ thủ đắc lực gồm các biên tập viên, cộng tác viên, các kiểm soát viên... được đào tạo kỹ lưỡng từ phía chính quyền, mà phần lớn những người mang yếu tố quyết định sự ra đời của tác phẩm này đều là “đảng viên trung thành”.

Dĩ nhiên cũng có vài trường hợp do yêu mến tác phẩm, muốn nhiều người cùng biết đến, và cũng vì sắp đến tuổi hưu cần làm điều gì có ý nghĩa, một số quan chức hoặc biên tập viên có thể lực trong nhà xuất bản vẫn tìm cách để tác phẩm ra đời. Và điều tất yếu cuối cùng cũng đến: tất cả tác phẩm này đều bị thu hồi.

### *Thực trạng xuất bản ở Việt Nam*

Ở Việt Nam hiện nay báo chí và xuất bản là những lĩnh vực “nhạy cảm” cần phải canh giữ, vì thế tư nhân chớ có mon men

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

đến gần. Vấn đề này đã được chính phủ hứa hẹn, nghĩa là trong vòng ít nhất 10 năm nữa; báo chí và xuất bản vẫn thuộc lĩnh vực độc quyền của nhà nước. Vì theo quan điểm của họ, được tìm thấy trong các giáo trình biên tập xuất bản sách thì: “Sách trở thành công cụ truyền bá hệ tư tưởng thống trị, xuất bản trở thành một thiết chế thực hiện có hiệu quả công tác tư tưởng của giai cấp thống trị. Hoạt động xuất bản gắn bó hữu cơ với chính trị, là công cụ thực hiện sự thống trị trên lĩnh vực chính trị tư tưởng.”

Để biện minh cho sự độc quyền trong lĩnh vực xuất bản, một quan chức chính phủ, ông Nguyễn Đức Chính, Giám Đốc Sở Tư Pháp thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: “Với mặt bằng dân trí của cả nước hiện nay, chưa đủ độ chín để tự đánh giá chất lượng tác phẩm. Do vậy, không nên để tổ chức, cá nhân tham gia vào khâu xuất bản... Nhà nước chưa thể buông được việc xuất bản, tổ chức bản thảo trong thời điểm hiện nay.”

Với chính sách cứng nhắc và bảo thủ như thế, dĩ nhiên phản ứng từ phía các doanh nghiệp và dân chúng là có, nhưng cũng hết sức dè dặt. Mặt khác, các phong trào dân chủ nhân quyền đang phát triển mạnh và ngày càng tác động đến quần chúng. Để đối phó với tình trạng này, chính quyền tỏ ra khôn khéo và cách che đậy của họ cũng hoàn thiện hơn. Ở lĩnh vực báo chí - xuất bản, tất cả những vấn đề cảm đoán đều là những chỉ thị ngầm, các biên tập viên cũng tự biết phải cắt bỏ chỗ nào là an toàn nhất (không cần thông báo cho tác giả và độc giả biết)... lệnh thu hồi cũng chỉ được truyền qua miệng. Hoàn toàn không có một chút văn bản giấy tờ gì để lại dấu vết, và tất nhiên nếu phản ứng của dư luận quá lớn thì cũng không ai đứng ra chịu trách nhiệm hoặc giải thích gì cả. Vụ Trần Dần – Thơ xảy ra vào tháng 2/2008 vừa qua là một ví dụ cụ thể. Là nhà thơ chủ chốt của Nhân Văn – Giai Phẩm, mặc dù Trần Dần đã được giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam và giải thưởng nhà nước, thơ ông vẫn ít được phổ biến. Trần Dần – Thơ là tuyến

## HUỶNH ÁI TÔNG

tập chọn lọc từ di cao và từ những tác phẩm đã công bố, cuốn sách in xong 2/2008, đã được phép phát hành, và đã được đưa ra thị trường. Nhưng trong Ngày thơ Việt Nam lần thứ VI (21/2/2008) tổ chức tại Văn Miếu, Hà Nội, tập Trần Dần – Thơ đã không được phép đưa vào bán bình thường như các cuốn sách khác, theo một lệnh miệng từ Cục Xuất bản. Tiếp đó, ngày 26/2/2008, sau cuộc làm việc của đoàn thanh tra liên ngành do Bộ Thông tin - Truyền thông cầm đầu với Công ty Nhã Nam, tập Trần Dần – Thơ đã bị ngưng phát hành vì lý do “vi phạm hành chính về xuất bản.”

Nhà thơ Hoàng Hưng – một người đã từng bị bỏ tù vài năm vì có ý định chuyển tập thơ của một nhà thơ đàn anh ra nước ngoài – đã phát biểu rằng thực trạng này là: “Bất minh, vì quyền xét duyệt công bố và quyền thu hồi sách nằm trong tay một số người không bao giờ công khai danh tính, không bao giờ có ý định thuyết phục công luận về lý do chính đáng của những quyết định của họ, và không chịu trách nhiệm pháp lý đối với những quyết định ấy. Đó là chưa nói chúng ta hoàn toàn có quyền đặt dấu hỏi về trình độ chuyên môn của những người nắm trong tay quyền sinh sát đối với tác phẩm văn học vốn là thực thể rất phức tạp, rất khó phán xét theo tư duy "hoặc A hoặc B".”

Sau cùng, các nhà xuất bản thực chất chỉ còn là nơi để công khai bán giấy phép và để trưng bày một bộ máy kiểm duyệt đang thoi thóp từng ngày. Hậu quả là cho ra đời vô số những cuốn sách vô thưởng vô phạt hoặc tuyên truyền vụng về có nguy cơ tổn hại đến não trạng của nhiều thế hệ.

*Những khó khăn của các nhà xuất bản tự do*





*Bùi Chát tại Hội nghị IPA 2008*

Chắc chắn không thể trông mong gì vào sự ban ơn từ phía chính quyền, không thể chạy chọt lo lót để các tác phẩm vẫn được ra đời một cách nguyên vẹn rồi sau đó lại bị thu hồi, không thể ngồi đó hy vọng vào ngày mai tươi sáng một cách may rủi cho bản thân mình và cho người khác. Bởi bản thân sự tự do và dân chủ không thể có được nếu chỉ đến từ ý nghĩ, từ sự đòi hỏi trong im lặng, nó cần thiết phải có một môi trường để phơi bày, thể hiện. Trong xuất bản, đó là sự ra đời của các nhà xuất bản độc lập.

Ban đầu những nhà văn nhà thơ tự samizdat những tác phẩm của mình với ý nghĩ đây là những tác phẩm cá nhân không ai có quyền can thiệp hoặc cắt bỏ, nó phải được tồn tại như nó vốn thế. Theo họ, thơ văn hoàn toàn là vấn đề mang tính chất riêng tư bất khả xâm phạm và việc cho ra đời tác phẩm là chuyện hiển nhiên, không ai lại đi xin phép người khác cho mình được quyền tự do. Tuy có những suy nghĩ táo bạo, nhưng việc in ấn thường núp dưới danh nghĩa “bản thảo nhờ bạn bè góp ý” hoặc “lưu hành nội bộ”...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Những năm gần đây, do sự mở cửa về kinh tế cũng như sự phát triển nhanh về công nghệ in ấn và photocopy, đặc biệt là các loại máy in cá nhân, việc tự xuất bản và phổ biến tác phẩm trở nên dễ dàng. Các nhà xuất bản phi chính thống (chủ yếu ở Sài Gòn) cũng xuất hiện rầm rộ và chuyên nghiệp hơn, nếu cách đây 7 năm chỉ duy nhất Giấy Vụn là nhà xuất bản dám đứng ra công khai, thì bây giờ con số đã lên cả chục. Tất nhiên ấn phẩm ngày càng có chất lượng và ngày càng đẹp hơn.

Điều tất yếu phải hiểu khi làm việc ở một môi trường như Việt Nam hiện nay là phải chuẩn bị tâm lý và đề cao cảnh giác vì “không biết chuyện gì sẽ xảy ra vào ngày mai”, bạn có thể bị chú ý bởi các quan chức văn hoá văn nghệ hoặc đang bị theo dõi mà không hay biết. Bạn có thể bị hù dọa hoặc quấy nhiễu liên tục từ phía công an và có thể bị bắt bất cứ lúc nào mà không cần phải có lý do. Trường hợp tôi đã từng bị bắt và nhốt hơn một ngày cùng với một người bạn (nhà thơ Lý Đợi) chỉ vì dám tổ chức đêm trình diễn thơ (1.1.2004) mà không có sự đồng ý của chính quyền. Những tập thơ của nhà xuất bản Giấy Vụn cũng bị tịch thu và tiêu huỷ sau đó.

Nhưng với những người làm công việc xuất bản độc lập ở Việt Nam như chúng tôi, vấn đề đáng lo ngại nhất không phải đến từ phía chính quyền mà chính là việc làm sao để phát triển thêm nguồn nhân lực cho các nhà xuất bản và mở rộng hệ thống phát hành trên quy mô lớn. Vấn đề thực sự khó khăn chưa có hướng giải quyết đối với chúng tôi là vấn đề tài chính, cho đến nay chúng tôi vẫn chưa có nhà bảo trợ, chưa có quỹ hỗ trợ tài chính, chưa có nguồn kinh phí cố định cho các dự án xuất bản. Hầu hết các cuốn sách đã được xuất bản đều do tiền túi hoặc do đóng góp của những người thân mà thành, vì thế dù đã hoạt động được 7 năm nhưng đến giờ nhà xuất bản Giấy Vụn cũng chỉ cho ra đời được xấp xỉ 20 tác phẩm, số còn lại thì vẫn nằm trong “kế hoạch”.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Từ việc này có thể nhìn rộng ra. Có lẽ những dự án về tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do xuất bản ở Việt Nam cũng đang nằm trong tình huống tương tự: vẫn chỉ là trong kế hoạch.

Trích thơ:

### **Rồi, tôi**

*Rồi tôi nhận ra tiếng nói từ bầy súc vật  
Mơ hành vi của những con người Tổ quốc!  
Chúng ta vĩnh viễn không được tự ruồng bỏ  
Bởi suy nghĩ hẹp hòi của chúng ta  
Thế giới cũng vút lên bằng bước chân mòn  
Với một niềm tin ở dưới gót  
Tôi chiêm bao thấy đứa con sắp lọt lòng của tôi nhả như  
Tổ quốc ta như một con mèo [1]  
Tiếng chào đời con gọi meo meo [2]*

Gợi nhớ:

- [1] Tổ quốc ta như một con tàu (Xuân Diệu)
- [2] Tiếng chào đời con gọi Xít-ta-lin (Tố Hữu)

### **Ai?**

*Tôi gặp gỡ những người cộng sản  
Những người anh em của chúng tôi  
Những người làm chúng tôi mất đi kí ức  
Mất đi tiếng nói bản thân  
Mất đi những cái thuộc về giá trị  
Chúng tôi còn sở hữu duy nhất một điều  
Nỗi sợ  
Tôi trò chuyện với những người cộng sản  
Những người anh em  
Những người muốn chẵn dốt chúng tôi  
Luôn biến chúng tôi thành đồ hộp*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Hy vọng chúng tôi đời đời biết ơn  
Những người cộng sản  
Anh em chúng tôi  
Chưa bao giờ thấy họ tự hỏi  
Trong ngôi nhà đen đui này  
Ai muốn thừa kế di sản của họ?*

### **Hoa sữa**

*Đến từ đâu  
Nồng, tanh. Hoa sữa  
Nào phải ai cũng đều được biết*

*Trông thấy dáng cây từ xa, tôi thiết sự muốn chết  
Hoa sữa gọi nỗi đau chuyện bị chèn ép  
Chúng cướp dưỡng khí, đường cô lập tôi giữa rừng người*

*Trong những bài thơ và những bài hát  
Ngợi ca hoa sữa. Khiến thời gian nực cười  
Về lãng mạn tôi tàn  
Mùi hoa nhắc nhớ mùa thu đương trị*

*Đã quen với việc hiện diện của chúng  
Người ta có thể dễ chấp nhận. Trên mảnh đất này  
Một kiểu chánh trị đậm mùi. Hoa sữa*

### **Đền đồ**

*Tôi đứng trước một ngã tư  
Đền đồ ngăn tôi lại  
Những dòng người ra đi tất bật  
Gió mát sau lưng họ  
Chúng tôi, nhiều thế hệ  
Bị giữ lại bởi đền đồ  
Chúng tôi không cất bước được*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Chúng tôi không bay lên được  
Giao lộ ở khắp nơi  
Không ai có thể vượt qua màu đỏ  
Chúng tôi đứng trước ngã tư  
Nhiều thế hệ  
Chỉ một con đường đầy bụi đỏ trước mắt*

### **Bài thơ một vắn**

*Màu đỏ  
Như loài cỏ  
Ngỡ là chuyện nhỏ  
Nên không ai dọn bỏ  
Chúng tôi luôn hốt hoảng nhưng biết làm thế nào!?  
Đành bỏ ngõ...!!!*

### **Thối**

- Các ông cho chúng tôi được biết sự thật nhé!
- Các ông cho chúng tôi được ngủ với vợ/ chồng chúng tôi nhé!
- Các ông cho chúng tôi được thờ nhé!
- Các ông cho chúng tôi được bình đẳng trước pháp luật nhé!
- Các ông cho chúng tôi được suy nghĩ khác với các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được chống tham nhũng nhé!
- Các ông cho chúng tôi được tự do ngôn luận nhé!
- Các ông cho chúng tôi được lập hội via hè nhé!
- Các ông cho chúng tôi được viết bài thơ này nhé!
- Các ông cho chúng tôi được ghét các ông chống đối các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được tự do biểu tình nhé!
- Các ông cho chúng tôi được bầu cử tự do nhé!
- Các ông cho chúng tôi được bảo vệ tổ quốc nhé!

## HUỖNH Ỉ TÔNG

- Các ông cho chúng tôi được học ngoại ngữ nhé!
- Các ông cho chúng tôi được phản đỏi Trung Quốc chiếm Hoàng Sa-Trường Sa nhé!
- Các ông cho chúng tôi được giỏi hơn các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được đi chùa đi nhà thờ nhé!
- Các ông cho chúng tôi được đọc bản Tuyên ngôn nhân quyền nhé!
- Các ông cho chúng tôi được sở hữu mảnh đất tổ tiên chúng tôi để lại nhé!
- Các ông cho chúng tôi được tổ cáo các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được là người Việt Nam nhé!
- Các ông cho chúng tôi được giữ gìn truyền thống nhé!
- Các ông cho chúng tôi được yêu thêm gia đình bạn bè ngoài các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được xây dựng đất nước nhé!
- Các ông cho chúng tôi được biết diện tích mặt đất và biển đảo của chúng tôi nhé!
- Các ông cho chúng tôi được biết tên của đất nước chúng tôi 20 năm nữa nhé!
- Các ông cho chúng tôi được không theo các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được sống riêng tư không bị dòm ngó nhé!
- Các ông cho chúng tôi được đá đít các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được yêu nước nhé!
- Các ông cho chúng tôi được đi bằng đôi chân của chúng tôi nhé!
- Các ông cho chúng tôi được xuất bản bài thơ này sau khi viết xong nhé!
- Các ông cho chúng tôi được chờ các ông đến bắt nhé!
- Các ông cho chúng tôi được từ chối các ông nhé!
- Các ông cho chúng tôi được ước gì chúng tôi chẳng ước điều gì nhé!
- Các ông cho chúng tôi được mưu cầu hạnh phúc và mưu cầu không hạnh phúc nhé!

**Khó thấy**

*Sự phát triển của nghệ thuật  
Có thể kết liễu một chế độ độc tài  
Bao nhiêu người đã nói  
Những điều tương tự như vậy  
Các nghệ sĩ nhậu ở vỉa hè  
Kể về tính nước đôi  
Cây kim giấu trong bọc vải  
Lâu ngày cũng thành thơ  
Chúng ta  
Những cư dân không được đón chào  
Gió chiều nào  
Ta tào lao chiều ấy  
Độc giả yêu quý  
Độc những dòng này  
Xin quý vị nhớ một điều  
Tất cả những gì tôi viết là của quý vị  
Của người thân, tổ chức, và bạn bè quý vị...  
Bằng chứng là. Lúc này  
Khi quý vị bỏ thời gian, công sức, và nhiều thứ nữa... Để  
đọc  
Tôi đâu ở cạnh mà thực sự biết  
Chúng nhạt nhẽo và ngớ ngẩn đến nhường nào*



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Thơ Bùi Chát* nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc viết:

*“Thơ của Bùi Chát có hai khuynh hướng rõ rệt: Thứ nhất, thử nghiệm về kỹ thuật, bao gồm hai yếu tố chính: một, sử dụng loại ngôn ngữ và chất liệu rất đời thường, đầy bụi bặm, ngoài vỉa hè, hay nói theo cách nói của anh, những thứ bị người đời cho là chất dơ hay rác rưởi, thường bị vất ngoài nghĩa địa; hai, kỹ thuật nhại (pastiche) và giễu nhại (parody): lấy nguyên bài thơ hay một phần bài thơ của người khác, chỉ thêm vào một ít chữ để thành một bài thơ mới với giọng điệu và chủ đề khác hẳn, thường mang tính chất giễu cợt và phê phán: giễu cợt để phê phán. Thứ hai là những bài thơ nặng về thể sự, lúc anh quên những nỗ lực cách tân về hình thức, chỉ nhằm bộc lộ những ý nghĩ và cảm xúc về những vấn đề khiến anh trần trọc và day dứt; trong đó, có rất nhiều vấn đề liên quan đến chính trị.”*

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Chát Web: [diendanthekey.net](http://diendanthekey.net)
- *Thực trạng xuất bản ở Việt Nam* Web: [baomai.blogspot.com](http://baomai.blogspot.com)



### 3. Khúc Duy



#### **Khúc Duy - Khúc Duy Toàn Thắng (1976-20 )**

Nhà thơ Khúc Duy tên thật là Khúc Duy Toàn Thắng sinh ngày 4 tháng 12 năm 1976, tại Tp. Đà Nẵng, quê quán Quảng Nam.

Năm 2001, tốt nghiệp Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM.

Năm 2001, tham gia vào Nhóm thơ Mở Miệng với Lý Đợi, Bùi Chát và Nguyễn Quán.

Tác phẩm:

- *Vòng tròn sáu mặt* (thơ, in chung, Giấy Vụn, 2002)
- *Mở miệng* (thơ, in chung, Giấy Vụn, 2002),
- *Hùm bà lân* (thơ, Giấy Vụn)

Trích thơ:

#### **Mắt lửa**

*Tôi trôi trong mảng đen  
cái chết nhìn tôi con thú săn nhỏ dãi  
nuốt không gian cũ sắt*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*hàng vạn con muỗi bán tôi cho ánh sáng  
con rắn trong tôi đã không tự lột da và tiết nọc  
cắn đôi cánh trắng  
đập đôi máu thời tiền sử  
nhúng đêm đầu gáo dừa  
dưới hàng, trên đầu trong khối động không tự chết \_ vỡ ra*

*ở ô sáng kia có những bàn tay đang đoạt không khí*

*đã mất lửa  
ánh mắt và hành vi*

*trong lãnh địa con dẫu  
đất nhào con bọ  
đại bàng trong lồng kiếng  
và lũ mèo ngủ ngon*

### **Vòng lửa**

*Một tiếng kêu rách hàng bầu trời  
nhả lưỡi sáng bén nhọn liếm mặt hồ chảy  
úp dòng mật ruồi và ruồi*

*rung lên trò chơi loài nhện*

*nơi ấy gió dần nổi  
những con bọ hung nghinh chiến  
trong mùi thơm  
những mũi nhọn đâm chọt*

*cái chết nhảy múa và đất hệt dần hệt dần  
tôi đang bay bằng những sợi dây giấu mặt  
trước những lỗ máu những con ong rỗng*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*đây một khu vườn toàn dao  
và tiếng kêu loài bọt chết*

### Nơi gió rơi

*Chiếc hộp đầy  
đóng khung hòn bi đánh số thứ tự lẫn mình*

*những vết nứt  
chui vào đàn kiến vùng đất cần  
dòng sữa bàn tay lia xa*

*núi đôi tua tủa dây leo mọc nắng  
những hình ảnh vụn nước xoáy  
tôi đắm ngày  
trong bóng cốc thủy tinh dốc ngược*                      *kẻ mộng du*

*những trái táo mùa hạ cháy mắt dơi đêm*

*cánh đồng khuất trong tiếng sáo  
và một cánh chim lao về phía trời kia*

### Vườn trời

*Nốt nhạc chết  
hòn sỏi nứt xương mụn cát  
bồ hóng đóng biển*

*tôi gõ đầu đá xám và thẳm sâu  
trong nước lặng  
bóng tàu chuyển động nhão*

*một ngày bùng lửa              miệng chảo              những nấc thang  
nhà mồ*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*bầy chuột nhám những mảnh sao  
tắt lịm gân guốc trời      khu vườn trơ gốc  
tai sói ngơ ngác trong tiếng núi đổ*

*quay về vũng đen  
và sóng gầm trong đá*

### **Mờ sáng**

*Chà nát sao  
trong đống đổ nát  
quả cầu muối  
chân rách toạc ngưỡng sâu lỗ đen*

*biển lửa hộp sọ  
đen tròng núi  
mở mắt      không khí hạt gạo*

*cát dính đá  
dưới kia những lâu đài không bóng  
thuốc độc và máu*

*một hang đá  
thần lẫn bất động trong tiếng thở kiến cánh*

*và cùng gió râm rì trên đỉnh đồi xa*

### **Dị dạng**

*Xuyên làn da  
tôi hỗn độn chảy sâu  
rừng lông dựng đứng mở rạn*

*xoáy lông gió mùa cháy  
phơi lưng vỏ cây rệu rã đom đóm ngày*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*đóng cục mạch suối*

*hàm răng trên nóc nhà ám khói  
trong hộp tủ dây thừng và cổ họng*

*đêm chạy dọc trên phố  
trước những nguyên tố trong ống nghiệm*

*và một tiếng lừa vỗ bến cảng mùa đông*

### **Nơi bình yên**

*Tôi đây      bàn tay mất máu  
bầy cá hồ đầm lầy  
triền dốc thiên nga*

*xám đầy bao tử      vực thăm      đằng sau khoé miệng  
những cái đầu ngựa rú      điệu múa hạt mầm lép*

*bầu trời lặng im trong hồ bùn nhão và tiếng cười trên thớt*

*hốc đá mở bộ mặt nhá nhem ngày*

*trong vòng bay về phía biển  
cuộc triển lãm mặt trời cùng khách trắng toát  
bụng óc nóc*

*khép mí những ô cửa bữa tiệc máu*

*và tấm vải trắng đùng đưa*

### **Chất bột mịn**

*Từ những vết xước vách phòng em trọ,  
mọi ánh mắt và hơi thở người thân*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*đâm da thịt mỗi bước em gõ gót  
nhẹ ngày. Em hút đêm trong vách xước,  
gom lại dịu dàng từ đôi mắt sâu  
nhão, nhả sáng qua cửa bình minh già,  
thứ bột mịn bay.*

*Từ những vết xước vách phòng em tro  
mọi ánh mắt và hơi thở người thân,  
dấu vết nuốt những cử động em, không  
cần biết sóng đang đen và cạn mạch.  
Đi thôi. Em đang rỉ máu buốt tuyết  
trong mũi dao xé vào tiếng xua đuổi  
mọi ánh mắt và hơi thở người thân.*

*Đã gãy những cây cầu nơi em đến  
bỏ ngày, vạch đêm vào ngực và nấc.  
Từ những vết xước em chọn hướng chết  
mũi dao.*

### **Đứa con xương trắng**

*Cây dừa trong tranh – nấc thang cửa sổ  
hút tôi từ gằm giường ngoi lên, bước  
vào đêm đầy cỏ phẳng lì góc phòng  
hoen lạnh. Em ngả lưng cùng lớp sáng  
nghĩa trang trái thảm nệm trong khoen mắt  
ngẹn một mảnh sao. Tôi không ngăn ngày  
đêm kêu mấp máy sau làn da em:  
giọt máu tôi tụt dài rãnh tối, rung  
mâm đất còn trùng gõ nhịp lao đi  
trên tầng mái nhọn sứt lở mùi bay.*

*Giữa hai khoảng xương tụ về sáng chảy  
sâu khung giường trắng khoảng xương – nắm mở  
im lặng trắng phủ bóng hai khoảng xương.*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Cây dừa sơn buông mình khỏi tranh, duỗi  
dài bước nghỉ dưới nền đá xám ngắt  
vuốt từng khoảng xương, nắn từng khoảng xương.  
Nấc thang cửa sổ – cây dừa đũa con  
của mối tình – xương trắng.*

### **Đáy đầu gối**

“Hậu Hiện Đại biên trên lưng”

*đâm cọc khô  
bước chân xuống tiếng  
góc nhọn trần bàn tay  
xoè cánh núi giọng cổ thụ vũng bùn*

*trữ đòi đá          gặm gừ mắt lưới  
phát phơ mũi nhọn  
đen ngón tay trộn mằm          chó sủa*

*sợi dây ngang cổ gáy vằn vện máu đông  
xón mắt  
gió ho hần biển chôi – lửa cháy đục*

*gà nướng lu  
cao áp đầu cây          mạng nhện giăng bóng  
toát mảnh          nắng sa lầy  
há hóc via hè          bướm đêm đập răng  
niếng niếng rơi          đầu gối rên lụp xụp biên giới ngày*

### **Ốc ma**

*Đi bằng hai tay và bịch ốc. Sài Gòn  
chảy nước tràn lỗ cống phố, con tàu chệ  
nước ngập phố hít mùi ốc ma La Hán  
Phòng [1]. Nhót dụ họng miệng ngã ngựa năm thàng  
tên thi – họa – báo sĩ. Đêm ngủ êm, không*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*bị ma bé đê xịt sữa . Nghe nhói người !  
Ba tràng hột tròn vô cổ. Ngày không mùi  
rượu khó chịu con mắt trằm trọng từ Mỹ  
trở về\_ một năm vẫn không hết bệnh căn  
nhà chó trai . Gã lười biếng biết ăn chơi  
ch(đ)u – ia đi dự tết chằm không chịu viết  
báo . Chửi âm lên trào bọt bìa, phòng triển  
lãm phải có bánh xe bò. Đạo này hai  
chục tòa báo phỏng vấn, hơi mệt! Không sao,  
qua nhà hầm tập khí công, khỏe liền. Bữa  
nhậu vui thiệt! Mùi khóe miệng phun ra không  
đặt khuôn như gã Tiên Sanh đặt khuôn inox  
mỗi khi nghỉ bôn cầu. Không sét đâu! Đùi  
chó đâm vô nách bốc khói một tuần. Chà!  
cái thằng mặt quỷ đeo kiếng cận nó chơi  
ác hi. Ủ hay! viết có nét lấm nhưng  
hơi tròn, bóp méo hoài hồng được! Lại cái  
tật đọc thơ trong bàn nhậu sôi bọt cá.  
Mấy bữa nữa ghé Phước Khùng lấy ít “mật”  
Bông Giấy vẽ viết bài gửi qua Mỹ. Nghe  
đâu bên Nhà Hầm [2] cho không giấy bầy chuột,  
kì này chắc phải đánh hàng loạt triển lãm  
xuyên Việt. Lại còn phải học Anh Văn để  
giao lưu với đám nghệ sĩ quốc tế, lu  
bu quá! đi cầu nhớ đóng cửa kéo chuột  
cẩn sách nghe bầy.*

Chú thích:

[1] La Hán Phòng: nơi cư ngụ 2 thi – 1 họa – 1 báo sĩ

[2] Hà Hầm: nơi thi sĩ Trần Tiến Dũng làm việc

## Canh mướp đắng

*Thấp nhang sau ót, rằm không có police,  
ăn thịt chó lũng lảng lấm. Hôm rày thềm*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

món bà chủ tiệm thuốc Bắc. Ủ! nước trà sao không rửa cu. Tại trời đen, trình diễn hử vớ, ruồi tắm rượu tây. Đố la đố da heo viết lên mạng, mày không có cửa mình. 3 tháng kiếm tài liệu 3 tháng, không dám viết, làm sao chịu nổi. Xúm lại rẽ mông gà nó, thương quá cái ben xuôi ngược diễn đàn. Luyện em nhỏ bằng hai con tí xào khô. Ai để ra nó, nửa đêm hứng tình thọc tay vô hang triết lý cái búa. Mọi được bóp được. Em chỉ chơi mấy tờ giấy vụn, có làm chi mô. Nứng thì nứng. Văn hóa đầy quần, anh muốn hử. Tụi bây mần ăn sống nhần.

Tối ngủ sợ cà phê phở bò mỗi sáng,  
sợ lũ chim táo bón, sợ mặc quần, mùi  
giày không phai.

### Trò vịt xiêm

Có thể phòng cái mông đỏ chót  
một cây tăm đâm hóc mũi, đĩa  
máu lưng trộn gan khè bong bóng  
sê gỏi. Đâu phải tiền, tại con  
nhỏ cầu tiêu thả cú nhảy thất  
bàn nhậu. Gã cặm cụi món môn  
làng hấp chao, thọc tay cổ chai  
bốn lần to bụng. Luật khai tử  
trên mặt phẳng râu ria, con vẹt  
đeo kính lúp ngoài nhìn những sợi  
lông hóa bạc, cạp...cạp...  
vịt xiêm lai học cái trò mề  
hử cứt.

**Trước lúc khoái cảm**

Tặng em chân mày

*Khoảng 3 giờ chiều, em nhìn tôi trên  
boong tàu. Biết chứ! đôi giày dã ngoại,  
bàn tay mơn mớn lông. Hút điếu thuốc  
xin số fone người bạn gái cuối boong.  
Em đói bụng quá! ừ anh cũng muốn.  
Em đi mười ngàn tám trăm giây về  
giặt chiếc khăn lúc lắc ngón tay đói.  
Trước biển, em chìa cây kem. Cho tôi  
một két bia và cô gái cuối boong.  
Sáng mai lý lịch mở toang cùng lũ  
khỉ lòi dái. Không sao, hai chân toét  
loét cầm bịch mía, em xấu lắm hả.  
Ừ! hôn bằng ống hút, chiều/những  
cái mộng phơi boong tàu.*

**Vả chắm mắt tôm**

*Bùi “chát” kể ra là thằng “tán phét”  
bùi bùi đôi khi chát chúa, chát phật,  
giống trái vả lược thì đúng hơn. Trái  
Vả vô tư lự chờ ngày chích mắt  
tôm. Hấn làm tình với bất cứ những  
gì có lỗ hay không có lỗ. Một  
hôm “mắm tôm đậu phụ” Cái ngứa lỗ,  
mở mắt hà hơi đàn chị email  
nguyên cái đèn pin vô bẹn Vả rồi  
lên đồng thoát y. Vả có quyền tùy  
hỉ mũi, thơ tùy hỉ mũi: nằm nghiêng,  
nằm sấp, nằm ngá, bò, quỳ, đi, đứng,  
banh càng, vác cày qua núi, kiểu chó,  
kiểu mèo... thì càng sướng. Tùy hỉ mũi*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII  
thôi, “mắm tôm đậu phụ” Cái ơi! Vác  
cày qua núi với Vả ha.

### Xò lông \*

Thằng mở chuột mắt quắp trông bao  
cao su khi hấn núng lỗ tai  
dơi. Chỉ cần mắt kính cặp tấp,  
thế giới trong đui tao. Tụi bầy  
thắt ống dẫn tinh đặt vòng rồi  
thì để thoải mái thoải trổng đi,  
có thưởng. Chưa có thịt bò ăn  
phải làm sao có, chưa có thịt  
người ăn phải làm sao, có làm  
thì mới có con/không đưng ai  
để banh mông chống khu. Không làm  
mà cũng có con, mày là Bác...  
phải không cha già lưỡng tánh

----

xò lông \* : dân miền nam thường gọi  
xạo lồn

### Nghị định 1/VN

Nghiêm chỉnh chấp hành luật cắt  
cu, trám lỗ đít các đồng  
chí thơ không được chửi tục,  
đụ đéo có được chửi thanh,  
hoa mỹ, hoa mông gà, hoa  
thúi địt ...

ăn (t)hôi !	cắm ỉa	(dơ lắm)
hửi (t)hôi !	cắm địt	(thúi lắm)
nhìn (t)hôi !	cắm đụ	(sướng lắm)

HUỲNH ÁI TÔNG

*ngghiêm chỉnh chấp hành luật từ  
lô rún lên, tụi bây đừ  
đéo tao tức dái... tai lắ  
...ụ cái thắng ...ngực nào đầ  
lố ...miệng tao vậ.*

- 0 -

*Thơ của Khúc Duy chúng ta thấy rõ có hai đặc tính, một là áp dụng thơ Tân hình thức với kỹ thuật vắt dòng, hai là dùng những từ ngữ dung tục, đặc tính của Nhóm Mở miệng như là một hình thức phản kháng, phá bỏ những rào cản, ngăn cấm, ức chế để bày tỏ sự tự do.*

Tài liệu tham khảo:

- Khúc Duy Web: [xuquang.com](http://xuquang.com)
- Mát lửa Web: [xuaquang.com](http://xuaquang.com)

*Tiết năm: Những nhà văn sắc tộc*

Căn cứ vào các kết quả nghiên cứu gần đây, xem xét sự hình thành các dân tộc Việt Nam trong sự hình thành các dân tộc khác trong khu vực thì có thể nói rằng tất cả các dân tộc Việt Nam đều có cùng một nguồn gốc, đó là chủng Cổ Mã Lai. Quá trình hình thành các dân tộc Việt Nam có thể chia thành ba giai đoạn:

1. Vào thời kỳ đồ đá giữa (khoảng 10.000 năm trước đây), có một bộ phận thuộc Đại chủng Á, sống ở vùng Tây Tạng di cư về phía đông nam, tới vùng ngày nay là Đông Dương thì dừng lại. Tại đây, bộ phận của Đại chủng Á kết hợp với bộ phận của Đại chủng Úc bản địa và kết quả là sự ra đời của chủng Cổ Mã Lai (tiếng Pháp: *Indonésien*).

2. Cuối thời kỳ đồ đá mới, đầu thời kỳ đồ đồng (khoảng 5.000 năm trước đây). Tại khu vực mà ngày nay là miền bắc Việt Nam, miền nam Trung Quốc (từ sông Dương Tử trở xuống), có sự chuyển biến do chủng Cổ Mã Lai tiếp xúc thường xuyên với Đại chủng Á từ phía bắc tràn xuống, sự chuyển biến này hình thành một chủng mới là chủng *Nam Á* (tiếng Pháp: *austro-asiatique*).

## HUỶNH ÁI TÔNG

3. Thời kỳ sau đó, chủng Nam Á được chia thành một loạt các dân tộc mà các cổ thư Việt Nam và Trung Hoa gọi là Bách Việt. Ban đầu, họ nói một số thứ tiếng như: *Môn-Khơ me, Việt-Mường, Tày-Thái, Mèo-Dao,...* Sau này quá trình chia tách này tiếp tục để hình thành nên các dân tộc và các ngôn ngữ như ngày nay. Trong khi đó, phía nam Việt Nam, dọc theo dải Trường Sơn vẫn là địa bàn cư trú của người Cổ Mã Lai. Theo thời gian họ chuyển biến thành chủng *Nam Đảo*. Đó là tổ tiên của các dân tộc thuộc nhóm Chăm.

Dân tộc Việt Nam ngày nay có 54 sắc dân chia thành 8 nhóm: Trong đó có nhóm Việt-Mường, có dân tộc Kinh là đông dân số nhất.

Theo số liệu tổng điều tra dân số, tính đến 0 giờ ngày 1-4-2009, dân số của Việt Nam là 85.789.573 người, dân tộc Kinh 73.594.427 người, chiếm 85,7% dân số cả nước. Các dân tộc thiểu số đông dân nhất: Tày, Thái, Mường, Khmer, Hoa, Nùng, H'mông, người Dao, Giarai, Êđê, Chăm, Sán Dìu, người Raglay. Đa số các dân tộc này sống ở miền núi và vùng sâu vùng xa ở miền Bắc, Tây Nguyên, miền trung và đồng bằng sông Cửu Long. Cuối cùng là các dân tộc Brâu, Ó đù và Rơ Măm chỉ có trên 300 người.

Người Kinh sống trên khắp các vùng lãnh thổ nhưng chủ yếu ở vùng đồng bằng, gần các con sông, và tại các khu đô thị. Hầu hết các nhóm dân tộc thiểu số (trừ người Hoa, người Khmer, người Chăm) sống tại các vùng trung du và miền núi. Người Mường sống chủ yếu trên các vùng đồi núi phía Tây đồng bằng sông Hồng, tập trung ở Hòa Bình và Thanh Hóa. Người Thái định cư ở bờ phải sông Hồng (Sơn La, Lai Châu). Người Tày sống ở bờ trái sông Hồng (Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên), người Nùng sống ở Lạng Sơn, Cao Bằng. Các nhóm dân tộc thiểu số khác không có các lãnh thổ riêng biệt, nhiều nhóm sống hòa trộn với nhau. Một số nhóm dân tộc này đã di cư tới

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

miền Bắc và Bắc Trung bộ Việt Nam trong các thời gian khác nhau: người Thái đến Việt Nam trong khoảng từ thế kỉ 7 đến thế kỉ 13, người Hà Nhi, Lô Lô đến vào thế kỉ 10, người Dao vào thế kỷ 11, các dân tộc Hmông, Cao Lan, Sán Chỉ, và Giáy di cư đến Việt Nam từ khoảng 300 năm trước. Các nhóm dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi phía Nam chủ yếu là các dân tộc bản địa và thường sống tại các lãnh thổ riêng. Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, trong đó có Ba Na, Bru, và Vân Kiều, sống ở cánh Bắc Trường Sơn. Người Mnông, Xtiêng, và Mạ sống ở đầu phía Nam của dãy Trường Sơn. Các dân tộc thuộc nhóm Nam Đảo gồm Êđê, Chăm và Gia rai, đến Việt Nam vào khoảng thế kỷ 2 trước Công nguyên. Trong các dân tộc này, người Chăm sinh sống ở đồng bằng ven biển miền Trung, các dân tộc khác sống rải rác dọc theo dãy Trường Sơn.



Tháp Champa PoNagar tại Nha Trang

## HUYỀN ÁI TÔNG

Người Chăm cùng với người Kinh là những dân tộc có nền văn hóa phát triển nhất với nhiều công trình nghệ thuật, chùa, đình, đền, tháp...



Chùa Một Cột (Diên Hựu Tự) Hà Nội

Các sắc dân có tiếng nói, có phong tục tập quán, đời sống văn hóa riêng, ngày nay cùng sử dụng chung tiếng nói và chữ viết, cho nên dành riêng chương này để trình bày những áng văn thơ của nhà văn, nhà thơ các dân tộc thiểu số để thấy được tính đặc thù hay là bản sắc của dân tộc đó..



## 1. Nông Quốc Chấn



### **Nông Quốc Chấn – Nông Văn Quỳnh (1923-20 )**

Nông Quốc Chấn tên thật là Nông Văn Quỳnh, dân tộc Tày, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1923, tại bản Nà Coót, xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Ông đã từng tham gia Mặt trận Việt Minh và tham gia du kích và giải phóng quân trước tháng 8 năm 1945. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ông vẫn tiếp tục hoạt động trong Mặt trận Việt Minh bắt đầu hoạt động văn hóa văn nghệ.

Nông Quốc Chấn đã từng giữ những chức vụ:

- Đại biểu Quốc hội
- Chủ tịch Hội Văn học – Nghệ thuật khu Việt Bắc
- Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật toàn quốc
- Thứ trưởng Bộ Văn hóa
- Hiệu trưởng Đại học Văn hóa Hà Nội
- Hiệu trưởng Trường Viết văn Nguyễn Du

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Chủ tịch Hội Văn hóa văn nghệ các dân tộc
- Phó Chủ tịch Ủy ban Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam
- Ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Tổng Biên tập Tạp chí Toàn cảnh sự kiện và dư luận

Nhà văn Nông Quốc Chấn nhận được các giải thưởng

- Giải thưởng Văn học với bài thơ *Dọn về làng*
- Giải thưởng ở Đại hội Thanh niên, Sinh viên thế giới ở Berlin, 1951
- Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam, 1954
- Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, 1958
- Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt II về Văn học nghệ thuật.

Nhà thơ Nông Quốc Chấn mất ngày 4 tháng 2 năm 2002, tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Tác phẩm:

- *Tiếng ca người Việt Bắc* (thơ, 1959)
- *Người núi Hoa* (thơ, 1961)
- *Đèo gió* (thơ, 1968)
- *Dòng Thác* (thơ)
- *Việt Bắc đánh giặc* (thơ tiếng Tày)
- *Dọn về làng* (thơ tiếng Tày, bài này đã từng được đưa vào sách giáo khoa phổ thông trung học)
- *Đi Berlin về* (thơ tiếng Tày)
- *Tiếng lượn cần Việt Bắc* (thơ tiếng Tày)
- *Cần Phaja Bjoóc* (thơ tiếng Tày)
- *Dám kha Pác Bó* (thơ tiếng Tày)
- *Mười điều kháng chiến* (tác phẩm tiếng Việt dịch ra tiếng Tày)
- *Tiểu luận - phê bình* (3 tập)
- *Đường ta đi* (tiểu luận, 1970)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Bài thơ Pác Bó* (thơ, 1971)
- *Một vườn hoa nhiều hương sắc* (tiểu luận, 1977)
- *Suối và biển* (thơ, 1984)

Trích thơ:

**Dọn về làng**

*Mẹ! Cao - Lạng hoàn toàn giải phóng  
Tây bị chết bị bắt sống hàng đàn  
Vệ quốc quân chiếm lại các đồn  
Người đông như kiến, súng dày như củi.*

*Sáng mai về làng sửa nhà phát cỏ,  
Cày ruộng vườn, trồng lúa ngô khoai  
Mấy năm qua quên tết tháng Giêng, quên rằm tháng bảy,  
Chạy hết núi lại khe, cay đắng đủ mùi  
Nhớ một hôm mù mịt mưa rơi  
Con gió bão trên rừng cây đổ  
Con sấm sét lán sụp xuống nát cửa  
Đường đi lại vất bắm đầy chân.*

*Súng nổ kia! Giặc Tây lại đến lùng.  
Từng cái lán, nó đốt đi tro trụi,  
Nó vơ hết áo quần trong túi  
Mẹ điu em chạy tót lên rừng  
Lần đi trước, mẹ vẫy gọi con sau lưng  
Tay dắt bà, vai đeo đầy nải  
Bà lòa mắt không biết lối bước đi.*

*Làm sao bây giờ: ta phải chống!  
Giặc đã bắt cha con đi, nó đánh,  
Cha chửi Việt gian, cha đánh lại Tây  
Súng nổ ngay đì ùng một loạt,  
Cha ngã xuống nằm lãn trên mặt đất*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Cha ơi: cha không biết nói rồi...*

*Chúng con còn thơ, ai nuôi ai dạy?  
Không ai chống gậy khi bà cụ qua đời!  
Mẹ ngồi khóc, con cúi đầu cũng khóc.  
Sợ Tây nghe, mẹ dỗ "nín", con im.  
Lán anh em rải rác không biết nơi tìm  
Không ván, không người đưa cha đi cất.  
Mẹ tháo khăn phủ mặt cho chồng,  
Con cởi áo liệm thân cho bố;  
Mẹ con đưa cha đi nằm một chỗ  
Máu đầy tay, trên mặt nước tràn...  
Mày sẽ chết! Thằng giặc Pháp hung tàn  
Băm xương thịt mày, tao mới hả.*

*Hôm nay Cao - Bắc - Lạng cười vang  
Dọn lán, rời rừng, người xuống làng  
Người nói cỏ lay trong ruộng rậm  
Con cày mẹ phát, ruộng ta quang.  
Đường cái kêu vang tiếng ô tô.  
Trong trường riu rít tiếng cười con trẻ.  
Mờ mờ khói bếp bay trên mái nhà lá.  
Mặc gà gáy chó sủa không lo,  
Ngày hai bữa rau ta có muối.  
Ngày hai buổi không tìm củ pấu, củ nâu  
Có bắp xay độn gạo no lâu,  
Đường ngõ từ nay không cỏ rậm,  
Trong vườn chuối, hổ không dám đến để con  
Quả trên cành không lo tự chín tự rụng,  
Ruộng sẽ không thành nơi máu chảy từng vũng.  
Bộ đội đỡ phải đi thung lũng núi rừng,  
Ra đường xe, hát nói ung dung  
Tìm đoàn người dắt lá cây tiến bước  
Súng bên vai, bao gạo buộc bên vai,  
Chân đi có giày không sợ nẻ*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Trên đầu có mũ che nắng mưa.  
Mặt trời lên sáng rõ rồi mẹ ạ!  
Con đi bộ đội, mẹ ở lại nhà,  
Giặc Pháp, giặc Mỹ còn giết người cướp của trên đất nước  
ta.  
Đuổi hết nó đi, con sẽ về trông mẹ.*

(Mùa đông 1950)

### **Bộ đội ông cụ**

*Đồ ăn đã sấm đủ rồi -  
Măng vầu, phỉắc pàn nồn chuối,  
Lợn bò, gạo nếp, gạo nương...  
Các bản người người đưa tới,  
Làng như sắp đám cưới!  
Lần này nhộn nhịp hơn mọi khi.  
Tại sao? Ta sẽ đón người gì?  
Ai cũng mong để được xem bộ đội.*

*Cơm trưa xong, nắng lui về ngọn núi  
Anh giao thông đến đưa gói thư  
Tin bay đi bản trên xóm dưới  
Già già trẻ trẻ đợi hoan hô,  
Lớp học tan, tiếng riu rít của học trò,  
Tiếng của đồng bào gọi nhau tập hợp.  
Bộ đội đã đến kia!  
A lúi! Những người là người!  
Đeo súng ngắn, súng dài, súng dóp...  
Hoan hô! Hoan hô!  
Nhìn không chớp mắt.*

*Có cả người mũi lõ tóc quăn,  
Hai con mắt màu gio như lính Pháp  
Lại có Cụ Già chân đi đất,*

HUỲNH ÁI TÔNG

Mặc bộ quần áo Nùng,  
Tay cầm cái gậy mây rùng,  
Miệng ngâm một điệu can không khói,  
Bộ râu dài vừa trắng vừa đen,  
Chân tay nhanh nhẹn như thanh niên...  
Cụ Già cười, vẫy chào người đứng đón  
Dân chúng rí tai nhau:  
Bộ đội gì toàn những người lạ lạ?  
Có lẽ đây là người "Gốc trở".

Khi ăn cơm chiều,  
Bộ đội đếm: một, hai... ngồi trật tự.  
Cụ đi từng bàn xem bát đĩa.  
Cho thổi còi, rồi Cụ ăn sau.  
Mọi người rủ nhau  
Đốt đuốc đến xem quân Ông Cụ.  
Người già đến, Cụ mời ngồi niêm nở,  
Trẻ con lại, Cụ bế xoa đầu.

Cụ nói, dân nghe rõ từng câu -  
"Muốn cách mệnh thành công mau!  
Ta phải đoàn kết như bó đũa...!"  
Gà đã gáy lượm đầu,  
Nhưng tiếng vỗ tay còn như nửa nổ.  
Còn vang vang tiếng hát của thiếu nhi.

Hôm sau, Cụ rời bàn lên đường,  
Cho bộ đội xếp hàng,  
Cụ cảm ơn, Cụ trả tiền - dù chủ nhà không nhận;  
Cụ bắt tay từng người.  
Cụ đi khỏi rồi,  
Ai cũng thương nhớ,  
Người hỏi người không ai biết rõ:  
"Tên Cụ Già là chi?  
Tóc bạc vẫn còn đi,

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

"Nhất định đây là người "Pỏ cốc"!"

"Dân ta sắp tới ngày Độc lập".

Bước sang rằm tháng bảy,

Nhận được một tin mừng:

"Giải phóng quân đã vào Hà Nội"

"Khắp nơi mở hội tung bưng...!"

Có nhiều ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh!

Nhìn đôi mắt, bộ râu, ta nhớ nhớ

Giống Cụ Già trước đến bản ta!

Đúng! Đích đúng!

Đây là Ông Cụ!

Sung sướng thay! Bản ta toàn nam nữ

Lần đầu tiên đã được đón Bác Hồ

Chúng ta xin gửi một bức thư

Rằng: "Cả bản Mừng vẫn nhớ lời Người nói".

(7-1948)



Từ trái sang: Các nhà thơ Nông Quốc Chấn, Chế Lan Viên,  
Tế Hanh, Hoàng Trung Thông.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Trong bài: *Bản sắc Tày trong thơ Nông Quốc Chấn*, hai tác giả Trần Thị Việt Trung - Phạm Thế Thành đã có nhận xét:

*Là một nhà thơ, một nhà văn hoá lớn của dân tộc Tày nói riêng, của các dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung, Nông Quốc Chấn đã có nhiều đóng góp trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy nét đẹp của nền văn hoá dân tộc vốn rất đặc sắc và phong phú qua các sáng tác của mình. Ông cũng chính là nhà thơ Tày đi tiên phong trong việc hiện đại hoá thơ ca của dân tộc mình. Ông đã góp phần không nhỏ vào việc làm phong phú giàu có thêm vốn ngôn ngữ thơ ca của dân tộc Tày. Ông chính là niềm tự hào, là người con ưu tú của dân tộc Tày nói riêng, của các dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung trong lĩnh vực văn hoá thời kỳ hiện đại.*

Tài liệu tham khảo:

- Nông Quốc Chấn Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Dọn về làng Web: [thivien.net](http://thivien.net)



## 2. Y Điêng



### **Y Điêng – Y Điêng Kpăhốp (1928-20 )**

Nhà văn Y Điêng tên thật là Y Điêng Kpăhốp, dân tộc Ê- đê, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1928, tại buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông đang ở độ tuổi "bẻ gãy sừng trâu", nhưng đã đảm đương công việc thư ký xã bộ Việt Minh ở Ea Bĩa. Hai năm sau, ông chuyển sang làm cán bộ tuyên truyền và dạy học ở Trường Tiểu học kháng chiến.

Gần bảy năm bám trụ vùng đất phía Đông Tây Nguyên, trước khi khoác ba lô theo những người con miền Nam tập kết ra Bắc, ông từng đảm nhiệm công việc giám thị trại giam tề nguy thuộc Ty Công an Đắk Lắk.

Năm 1952, đặt chân lên đất Bắc, chàng thanh niên Y Điêng được đi học chính trị - nghiệp vụ ở Trường Đào tạo của Bộ

## HUỲNH ÁI TÔNG

Công an tại Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang rồi về làm Cảnh sát tiếp quản Hà Nội.

Năm 1954, sau vài tháng tiếp quản Hà Nội, ông nhận quyết định sang Trường Dân tộc Trung ương và được đi học bổ túc văn hóa suốt ba năm.

Đến cuối thu năm 1958, Y Điêng được điều về công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam, ông bắt đầu sáng tác những bút ký từ thời gian này.. Tại đây, ông được cử đi học lớp viết văn khóa 1 ở Quảng Bá cùng thời với các nhà văn Lương Sĩ Cần, Lê Tri Kỷ, Nguyễn Quang Sáng...

Năm 1963, Y Điêng về làm phóng viên Đài Phát thanh khu tự trị Tây Bắc, đồng thời nghiên cứu văn hóa dân gian.

Năm 1964, Y Điêng trở lại chiến trường Nam Bộ, được phân công làm thư ký riêng cho Y Bi Aleo - Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Sau năm 1975, ông trở về Tây Nguyên, đảm trách chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1981, ông chuyển về xuôi làm Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh Phú Khánh.

Năm 1993, Y Điêng nghỉ hưu, dù có thừa tiêu chuẩn để được ưu tiên nhận một căn hộ trong khu tập thể ở thành phố biển Nha Trang, nhưng hình ảnh núi rừng huyền ảo trong buổi sớm mờ sương, tiếng suối róc rách đều đều trong mùa khô, âm ào giập dữ trong mùa lũ đã thôi thúc ông về lại buôn làng miền

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

núi quê nhà ở Thị trấn Hai Riêng bên bờ sông Hinh tỉnh Phú Yên..

Nhà văn Y Điêng biết tiếng Pháp, Lào và nhiều tiếng dân tộc thiểu số như Ba Na, Gia Rai, Tày... Ông nặng lòng với văn hóa Tây Nguyên, đã dày công sưu tầm, nghiên cứu vốn văn hóa, văn nghệ các dân tộc thiểu số, dịch các trường ca: *Xinh Nhã, Đăm Di, Khinh Dú, Y Ban, Y Prao*... ra tiếng Kinh và xuất bản tập “*Truyện cổ Ê-đê*”.

Y Điêng được các giải thưởng:

- Giải ba cuộc thi truyện ngắn do Báo Thống nhất tổ chức năm 1962. với truyện ngắn *Em chờ bộ đội Awa Hồ*.
- Giải thưởng của Ủy ban Dân tộc TW và Hội Nhà văn Việt Nam năm 1985, cho truyện *Hơ Giang*
- Giải thưởng của Bộ Quốc phòng năm 1999, cho tác phẩm *Bên bờ sông Hinh*
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học - nghệ thuật năm 2007 cho các tác phẩm *Hơ Giang* và *Chuyện bên bờ sông Hinh*.

Nhà văn Y Điêng hiện sống tại thị trấn Hai Riêng, Phú Yên.

Tác phẩm:

- *Ông già Kơ Rao* (tập truyện, 1964)
- *Như cánh chim Kway* (truyện vừa, 1974)
- *Hơ Giang* (truyện vừa, 1978))
- *Drai Hling đi về phía sang* (1985)
- *Chuyện bên bờ sông Hinh* (tiểu thuyết 2 tập, Văn hóa dân tộc, 2000)
- *Sông Hinh, con sông quê hương*
- *Lửa trong tay chúng tôi* (2005)
- *Thơ tình Y Điêng* (thơ, 2006)

HUỶNH ÁI TÔNG

Trích văn:

**Người gõ cửa rừng nguyên sinh**

Tôi rất thích làm người địa chất. Với cái búa trong tay tôi sẽ đi khắp núi rừng Tây Nguyên quê tôi. Tôi gõ vào đá bên thác Đrai H’Ling và hỏi đồng thác: Mày sẽ làm ra điện chứ? Tôi gõ nhẹ lên mặt đất ba-dan: Mày giấu vàng hay giấu bạc?

Trích thơ:

*Nay tôi làm một bài thơ  
Thơ như tre chưa tiện cành  
Tôi hát vang khen tên em  
Người công nhân Ê đê hôm nay*

Trong bài: *Y Điêng - Người gõ cửa rừng nguyên sinh*, tác giả Phong Lan đã viết:

*“Nhà văn Y Điêng là người Êđê đầu tiên vượt qua khỏi văn học dân gian truyền miệng để bước tới văn học viết, người đầu tiên viết truyện dài bằng song ngữ Êđê – Việt, đồng thời ông cũng là người Êđê đầu tiên được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.”*

Tài liệu tham khảo:

- Y Điêng Web: [thuvienhaiphu.com.vn](http://thuvienhaiphu.com.vn)
- *Người gõ cửa rừng nguyên sinh* Web: [baomoi.com](http://baomoi.com)

### 3. Triều Ân



#### **Triều Ân – Hoàng Triều Ân (1931-20 )**

Nhà văn Triều Ân tên thật là Hoàng Triều Ân sinh năm 1931, tại Lam Sơn, xã Hồng Việt (Hòa an), tỉnh Cao Bằng.

Thuở nhỏ, Triều Ân được học chữ Hán tại nhà và đã có 6 năm liền theo học tại trường Pháp - Việt.

Sinh ra và lớn lên trong gia đình giàu truyền thống yêu nước nên Triều Ân đã sớm giác ngộ cách mạng.

Năm 1944, được 13 tuổi đã tham gia làm liên lạc tại cơ quan Tỉnh ủy Cao Bằng.

Năm 1948 đến 1953, là cán bộ của tỉnh bộ Việt Minh và tỉnh ủy Cao Bằng, nên về sau ông được công nhận là cán bộ lão

## HUỶNH ÁI TÔNG

thành cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc Lập hạng Ba.

Năm 1953 đến năm 1956, ông được cử đi học sư phạm tại trường Dục Tài - Nam Ninh (Trung Quốc).

Sau đó, trở về dạy học tại Cao Bằng rồi theo học Đại học Sư phạm Hà Nội.

Năm 1963 tốt nghiệp khoa văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đồng thời cùng năm đó ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam và Hội nhà văn Việt Nam...

Ông là nhà giáo dạy môn Văn Trường Trung cấp Sư phạm Cao Bằng, là nhà văn sắc tộc hiếm hoi không những giàu vốn ngôn ngữ và am hiểu sâu sắc văn hoá của các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao... vùng Cao Bằng, mà còn là người có vốn ngoại ngữ khá về tiếng Trung, tiếng Pháp và tiếng Anh. Đó là vốn liếng rất cơ bản giúp ông có điều kiện khai thác nhiều nguồn tài liệu quý phục vụ cho sự nghiệp sưu tầm, nghiên cứu, và sáng tác của mình.

Năm 1985, ông giữ vai trò lãnh đạo hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh Cao Bằng cho đến khi về hưu.

Nhà văn Triều Ân là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn học nghệ thuật dân gian Việt Nam, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. Từng là Tổng biên tập tạp chí *Cao Bằng*.

Ông đã được các giải thưởng:

- Giải nhì của Tạp chí *Văn nghệ* năm 1961 với *Quê ta, anh biết chăng?*
- Giải nhì của báo *Người giáo viên nhân dân* năm 1961 với

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Suối cát.*

- Giải nhì của Tạp chí *Văn nghệ Việt Bắc* năm 1961, với *Làng tiên lục.*
- Giải xuất sắc Giải thưởng Pác Bó lần thứ nhất, cho *Từ điển chữ Nôm Tày*
- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2012, cho 5 tác phẩm: *Ca dao Tày - Nùng* (XB năm 1994, tái bản năm 2011), *Lễ hội Hằng Nga* (XB 1997, tái bản năm 2010), *Then Tày và những khúc hát* (XB năm 2000), *Chữ nôm Tày và Truyện thơ* (XB năm 2003), *Ba áng thơ Nôm Tày và thể loại* (XB năm 2004).

Hiện nay nhà văn Triều Ân sống tại quê nhà ở Cao Bằng.

Tác phẩm:

- *Tung còn và suối đàn* (thơ, 1963).
- *Nắng ngàn* (thơ, 1974)
- *Bốn mùa hoa* (thơ, 1974)
- *Kin mác* (thơ Tày, 1975)
- *Chốn xa xăm* (thơ, 1990)
- *Hoa Vòng* (thơ, 1994)
- *Hoa và nắng* (thơ, 2000)
- *Một lần thăm Trung Quốc* (thơ, 2005).
- *Thơ Triều Ân* (thơ, 2007)
- *Nắng vàng bản Dao* (tiểu thuyết, 1992)
- *Nơi ấy biên thùi* (tiểu thuyết, 1994)
- *Dặm ngàn rong ruổi* (tiểu thuyết, 2000)
- *Triều Ân văn tuyển* (2007)
- *Tiểu thuyết Triều Ân* (2009)
- *Trên vùng mây trắng* (tiểu thuyết, 2011)
- *Tiếng hát rừng xa* (truyện ngắn, 1969)
- *Tiếng khèn A Pá* (truyện ngắn, 1980)
- *Như cánh chim trời* (truyện ngắn, 1982)
- *Đường qua nẻo mây* (truyện ngắn, 1988)

HUỖNH ÁI TÔNG

- *Xứ sương mù* (truyện ngắn, 2000)
  - *Chuyện đời thường* (truyện ngắn, 2011)
- và 28 công trình nghiên cứu văn nghệ dân gian, 3 từ điển.

Trích thơ:

**Bà mẹ**

*Ngày Độc lập nghe tin chồng chết trận  
Ôm chặt con thơ lệ chảy ròng ròng  
Nói với con tưởng như con đã lớn  
Phải trả thù, con có nghe không?*

**Quê ta anh biết chăng**

*Quê ta anh biết chăng  
Một mùa trăng, lại một mùa trăng  
Mười lăm năm đó bao thay đổi  
Đã ăn no bao mùa lúa mới  
Cờ hồng hợp tác Đại Hồng Long  
Cử anh chủ nhiệm xuôi Hà Nội  
Đón máy cày lên với cánh đồng*

*Không còn bà cụ cồng chân tay  
Run rẩy theo trâu đếm bước cày  
Rộn rã câu hò bên núi thẳm  
Nụ cười sương giá má hây hây*

*Sản xuất ba năm theo tiếng keng  
Làng có đồng hồ, có phát thanh  
Có nhà gửi trẻ, nhà y xá  
Biết bón nhiều phân lúa biếc xanh*



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Hôm nay trâu sắt đi cày ruộng  
Máy nổ âm vang thủa núi rừng  
Vừa lúc mặt trời lên lấp ló  
Đầu non loé sáng, chiếu tan sương*

*Tiếng máy xình xình không biết mỏi  
Khoẻ như sức đập tim thanh niên  
Ngàn thu xoá sạch bờ ngăn cách  
Chú, bác, cô, dì...là xã viên.*

*Ai bảo nông dân không biết máy  
Ai ngồi lái đò lại mà xem  
Đường cày xuyên thẳng vàng đồng sáng  
Gieo hạt kịp mùa xuân nắng lên*

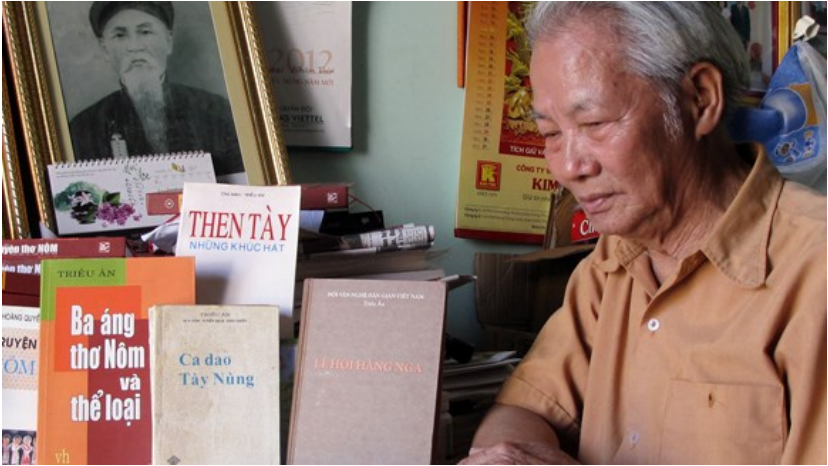
*Đã thấy buổi quê ta trời rạng  
Lúa xanh rờn, cây trúc chịu làm em.*

Về nhà văn, nhà giáo, nhà khảo cứu sưu tầm Hoàng Triều Ân, trong bài: *Hoàng Triều Ân từ câu ca Tày đến Giải thưởng Nhà nước*, tác giả Trường Hà trên báo *Cao Bằng* đã viết:

*“Với giọng điệu nhẹ nhàng, sâu lắng, nhà văn Hoàng Triều Ân bộc bạch: “Miền đất Hồng Việt (Hòa An), nơi tôi sinh ra có nhiều làn điệu dân ca, hát then Tày ngọt ngào... Lời ru của mẹ, tiếng hát lượn, then Pựt trong ngày lễ ở Lam Sơn thấm sâu vào hồn tôi. Thuở nhỏ, tôi tự hỏi dân ca Tày quê mình có từ bao giờ mà hay thế...?”. Hơn 80 năm qua, câu ca Tày bình dị quê mẹ đã đưa ông đi tìm đáp án trả lời câu hỏi tuổi ấu thơ, làm nên bút lực dồi dào gắn bó với sự nghiệp văn chương. Và hôm*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*nay, đưa ông đến với niềm vinh dự: Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật lần thứ 3, năm 2012.”*



Tài liệu tham khảo:

- Triều Ân Web: [caobangpro.com](http://caobangpro.com)
- Bà mẹ Web: [tonvinhvanhoadoc.vn](http://tonvinhvanhoadoc.vn)

#### 4. Mã Thế Vinh



#### Mai Thế - Mã Thế Vinh (1932-20 )

Nhà văn Mã Thế Vinh, dân tộc Nùng, sinh ngày 9 tháng 5 năm 1932, tại xã Tri Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Từ một cán bộ văn hóa làm công tác tuyên truyền cổ động, cán bộ biên tập thơ ca quần chúng của tỉnh và khu Việt Bắc, ông bước vào hoạt động sáng tác thơ ca, viết kịch tuyên truyền cổ động và trở thành một nhà thơ nổi tiếng của xứ Lạng.

Mai Thế là Hội viên: Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà Báo Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Hội Văn học dân gian Việt Nam, Hội nghệ sỹ Sân Khấu Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn (Nguyên Chủ tịch Hội).

Mã Thế Vinh được: - Tặng thưởng của Hội đồng văn học dân tộc Hội Nhà văn Việt Nam và Ủy ban Dân tộc của Chính phủ năm 1985, cho tập thơ *Vẽ bản đồ quê tôi*.

Hiện nhà văn Mã Thế Vinh sống cùng con cháu tại thành phố Lạng Sơn.

Tác phẩm:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Vấy Lân* (1963)
- *Vẽ bản đồ quê tôi* (1981)
- *Con đường anh đi* (1985)
- *Nàng tiên trùng* (1988)
- Tuyển tập thơ 1945-1960 (thơ)

Trích văn:

### **Bác Hồ thăm đơn vị bắt sống Lơ – Pa – giơ và Sác tông** (trích đoạn)

Bác bước tới bắt tay và nói tiếng Pháp rất chuẩn rằng: Ta làm quen với nhau đi, tôi là cố vấn chính trị của mặt trận. Bác lấy thuốc lá mời chúng hút rồi nói tiếp.

- Các anh tuyên truyền cho cuộc chiến tranh Đông Dương coi là cuộc chiến tranh về lý tưởng (Guerre idéologique) nhưng thực chất là cuộc chiến tranh xâm lược, chiến tranh ăn cướp.

- Thưa ông, chúng tôi là người lính.

- Không phải, các anh là chỉ huy cấp cao qua trường lớp, các anh không phải là người lính bình thường, các anh rất hiểu các anh đang làm gì ở đất nước Việt Nam này!

Hai tên quan Năm quan Tư lúng túng im lặng... Bác hỏi đến gia đình vợ con và Bác lại hỏi tiếp: Các anh có nguyện vọng gì?

- Thưa ông. Chúng tôi muốn được đi tắm... Bác vội quay lại bảo anh Văn Phác lệnh cho bộ đội bảo vệ: Cho chúng đi dạo một vòng và cho ra suối nước. Bác bắt tay, tặng cho hai bao thuốc lá. Hai tên cảm ơn rất trân trọng”...

Trích thơ:

### **Hăm píc lai**

*Đét chiếu đời lãng nằng píc nooi  
Píc Mị xâm lãng hăm píc lai!  
Cọn Mị cháu nước slềng bó sliết  
Công khổ thàng chầu cổ xéng ngài!*

### **Càng cãm**

*Nằng chiếu nóng lưng còn bực ít  
Cãm Mỹ xâm lãng càng cãm nhiều  
Đánh Mỹ cứu nước không tiếc sức  
Công khó đến máy cũng vượt qua*

### **Hiến pháp sli tông pan phân máu**

*Cãm báo lẫu ngòi trang tẻo trang  
Vàm chảng Cự Hồ pỉ bjoóc khang  
“Pi máu mà thàng Hiến pháp máu”  
Hiến pháp tải nhĩ của Việt Nam  
Hiến pháp sli tông pan phân máu  
Va vìn choóp ón mọi co ban  
Bjoóc đeng bjoóc đáo tò cheng sắc  
Tông lảm slim cần nước Việt Nam*

### **Hiến pháp ban hành như mùa xuân**

*Cãm báo giờ xem trang tiếp trang  
Lời nói Bác Hồ như hoa nở  
Năm mới vừa tới Hiến pháp mới  
Hiến pháp thứ hai của Việt Nam  
Hiến pháp ra đời như mưa sớm  
Mưa sớm vườn hoa lá lá tươi*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Hoa đỏ, hoa đào đua khoe sắc  
Như lòng người dân nước Việt Nam*

**Đẹp**

*Cách mạng về cho tôi đôi mắt sáng  
Chữ cụ Hồ là viễn kính nhìn xa  
Biết nhiều tên đẹp đi vào lịch sử  
Trên hành trình của loài người bao la  
Hôm nay ngời thêu tên đẹp đất nước  
Nơi tình địa đầu xứ Lạng quê hương  
Ôi! Tôi ước được tay cô Dao khéo léo  
Thêu dây Tai Kinh muôn sắc hài hoà  
In ngọn Phia Giang vào khăn áo mới  
Với Kì Cùng lượn núi sóng reo ca  
Và có tài pha chỉ màu thổ cẩm  
Như cô gái Tày dệt núi dệt hoa  
Bắt ánh trăng non in mặt chần cười  
Dệt ảnh người thương đang ở xa  
Như cô gái Nùng hai tay nhuộm gió  
Gói các vì sao vào tấm vải  
Ngâm nước chàm làm khăn đội ngân hà*

*Tôi tiếc mình không đủ tài đủ sức  
Chọn những từ đẹp, màu sắc tinh hoa  
Nhưng tôi có lòng tin có mắt Đảng  
Và bốn ngàn năm lịch sử ông cha  
"Biết Tam Thanh đẹp nhờ người đặt truyện"  
"Biết Chi Lăng không chỉ núi giăng dài?"  
"Biết ai đẹp vang lời cha tiên dấn"  
"Biết hương hôi thơm núi bởi tay ai!"*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

"Biết tỉnh ta đẹp quê Hoàng Văn Thụ"  
Có Bắc Sơn, đường Bốn tiếng vang xa!  
Với từng bản thôn đẹp tên hợp tác  
Rừng cho nước sông cho điện sáng nhà  
Phá một núi tay ta dựng nhiều núi  
Cho cô xứ Lạng đẹp mãi màu da  
Ổng khói cao - mùa măng mai rừng báng  
Ngói đỏ lợp thêm "ngói" lá rừng  
Che mắt giặc trời nhiều tầng súng đạn  
Cho ruộng nương thơm ngát bốn mùa hoa...

Nay tôi có cả nhiệt tâm người thợ  
Chấp hoa đẹp từ các hồ nước  
Tay đánh Mỹ tay làm ra  
Như con ong cần cù năm tháng  
Đi khắp nẻo đường cách mạng đã qua  
Hút từng bông sim, bông lê, bông mận  
Làm phấn hương mật ngọt cả quê nhà  
Làm đẹp tên người, tên làng, tên núi  
Thêm mùa chiến công đẹp bản hùng châu Âu

**Mặt trời**

Mặt trời sáng mặt người  
Mặt trời xanh núi đồi  
Xanh cây cành mưa xối  
Đổi mặt rạng rỡ cười! ...

Trong sách *Tuyển tập Mã Thế Vinh*, được nhận định và giới thiệu như sau:

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Nhà thơ Mã Thế Vinh là gương mặt thơ dân tộc Nùng tiêu biểu. Những sáng tác của ông đã góp phần quan trọng vào việc làm giàu có và phong phú hơn đời sống thơ ca các dân tộc thiểu số Việt Nam. Mã Thế Vinh tạo cho mình một phong cách nghệ thuật riêng, độc đáo, không lẫn với bất kì ai, đó là: sự mộc mạc, trong sáng, đậm đà bản sắc Nùng trong từng câu chữ mà đọc lên ai cũng có thể hiểu và cảm nhận được ngay. Nhà thơ chính là chiếc cầu nối giữa các nền văn hoá (Tày - Nùng, Nùng - Việt) ...*



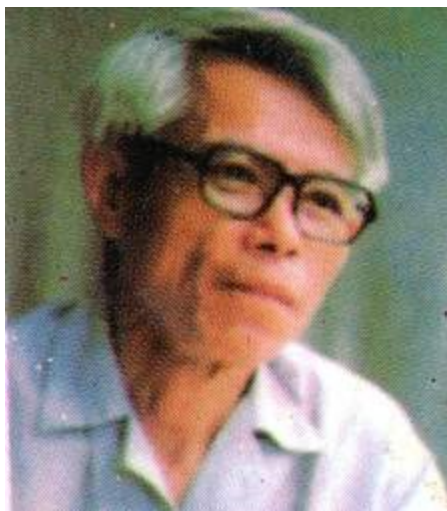
*Nhà văn, nhà thơ lão thành Mã Thế Vinh nhận quà lưu niệm của Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam tặng ngày 20-1-2014*

Tài liệu tham khảo:

- Mã Thế Vinh Web: [nxb.tnu.edu.vn](http://nxb.tnu.edu.vn)  
Bác Hồ thăm đơn vị ... Web: [vanhocviet.org](http://vanhocviet.org)



## 5. Vi Hồng



### Vi Hồng – Vi Văn Hồng (1934-20 )

Nhà văn Vi Hồng tên thật là Vi Văn Hồng dân tộc Tày, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1934, tại xóm Phai Thín, xã Đức Long, huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng.

Ông viết văn từ những năm 1956, 1957, năm 1959 truyện ngắn *Ngôi sao đỏ trên đỉnh núi Phja Hoàng* đạt giải nhì cuộc thi của Tổng Hội Sinh viên Việt Nam.

Sau khi tốt nghiệp Khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông được phân công về làm giảng viên Khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (Bắc Thái, nay là tỉnh Thái Nguyên), thời gian sau được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm bộ môn Văn học dân gian

Năm 1980, ông được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam.

Nhà văn Vi Hồng được các giải thưởng văn học:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng báo *Văn nghệ* - Hội Nhà văn Việt Nam năm 1971.
- Giải thưởng Ủy ban Dân tộc Chính phủ năm 1985.
- Giải thưởng của Hội liên hiệp VHNT Việt Nam 1993-1994
- Giải ba của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam 1995 (công trình sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian).
- Giải thưởng Nhà Xuất bản Kim Đồng 1997.
- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2012 cho tiểu thuyết *Đất bằng* (1980) và truyện dài *Đường về với mẹ chữ* (1995)

Nhà văn Vi Hồng mất năm 1997 tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, thọ 63 tuổi.

Tác phẩm:

- *Đất bằng* (tiểu thuyết, 1980)
- *Vãi Đàng* (tiểu thuyết, 1980)
- *Thung lũng đá rơi* (tiểu thuyết, 1983)
- *Núi cỏ yêu thương* (tiểu thuyết, 1984)
- *Vào hang* (tiểu thuyết, 1990)
- *Người làm môi bầy hổ* (1990)
- *Lòng dạ đàn bà* (1992)
- *Dòng sông nước mắt* (1993)
- *Phụ tình* (1994)
- *Ái tình và kẻ hành khất* (1993)
- *Khảm Hải* (1993)
- *Đuông Thang* (1988)
- *Thách đố* (1995)
- *Đi tìm giàu sang* (1995)
- *Đường về với mẹ chữ* (truyện dài, 1995) ...

Trích văn:

**Đường về với Mẹ Chờ**  
(trích đoạn)

**III**

Ngày ấy chúng tôi tuy là học sinh lớp bảy đang đi thi vào lớp tám nhưng đều đã lớn cả. Có người mười chín tuổi, người ít tuổi nhất cũng mười bảy. Cho nên chúng tôi đi bộ nhanh lắm. Ngày đầu chúng tôi cuốc bộ được gần năm mươi cây số. Nhưng ngày thứ hai thì đôi chân cả lũ đều sưng vù lên! Lê lét mãi cũng chỉ đi được đoạn đường gần hai chục cây mà thôi. May có bạn Phan Soong mang theo một lọ rượu ngâm củ ú tàu - gọi tắt là rượu ú tàu. Có lẽ gia đình bạn Soong thấy con mình yếu ớt, mong mảnh như thư sinh nên chuẩn bị phương tiện đi đường chu đáo hơn. Rượu ú tàu bóp chân đau vì đi bộ rất là thiện nghệ. Nhưng khi trở về thì rượu ú tàu đã hết. Tuy ngâm tiếp vẫn dùng được, nhưng không tốt. Ngày thứ hai lướt về, tuy đã quen hơi nhưng cũng chỉ đi được ba mươi cây số. Ngày thứ ba đi được có hai mươi nhả, cây số. Ngày thứ tư trở đi thì lại quen dần, đi nhanh dần...

Ngày đi, đêm gặp nhà, gặp bản thì xin nghỉ nhờ. Tới giữa rừng thì ngủ rừng, ngủ lều các quán dọc đường... âu là chuyện thường. Phan Hồn người cao hai mét, nặng tám mươi nhăm ki lô gam, không đi vừa giày dép bán ngoài chợ. Đôi giày của nhà tự làm lấy và đôi mang theo dự phòng cũng đều rách tan hết. Lướt về chưa được bốn mươi cây số đôi giày thứ hai của bạn Hồn đã nát. Những ngày đầu anh em còn lấy dây, lấy giẻ buộc lại mà đi. Nhưng chỉ được một ngày, đôi giày của anh đã nát như chân con rết! Anh vứt giày đi chân đất. Đi được nửa ngày, chúng tôi tưởng anh bị đau chân. Ai cũng thông cảm, hỏi han, có gì thì chăm sóc! Bạn Hồn cao lênh khênh mỉm cười mệt mỏi và nói:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Ấy! Có sao đâu mà! Các thằng mày, bỏ giày, đi đất hoá ra lại mát chân và thoải mái hơn đấy.

Tôi là người bỏ dép đầu tiên theo gương bạn Hỏn cao lớn. Rồi đến Đặng Lư cũng đi chân trần. Ba chúng tôi quả thấy thoải mái. Tiếp theo chúng tôi thì những người khác cũng đi chân đất. Nhưng chỉ được chực cây số là các chàng công tử đều kêu đau chân. Bởi các chàng là con nhà khá giả. Sinh ra và lớn lên chỉ biết ăn và học. Bạn Hỏn cao lớn tùm tùm cười mà rằng:

- Các thằng mày không làm lụng, không đi đất bao giờ da bàn chân mỏng. Đi giày vào!

Mấy đứa lại đi dép cao su hoặc dép xăng đan trắng vào. Phan Soong người nhỏ thó, ẻo lả như cô gái. Soong có cái giọng kim của cô gái, lên tiếng một cách đau khổ:

- Chúng mày ơi! Chân tao ai nung nấu chín như cả rồi! - Soong mà nhăn mặt, uốn cặp môi dẹo thì ai cũng cảm thấy như chính mình đau.

Nói vậy thôi, Soong đúng là một thư sinh trời gà không nổi, nhưng đi đường dài vẫn rất khá.

Hôm nào cũng vậy, cứ gần trưa và chiều chiều thì chúng tôi tự tách nhau ra, không ai nói với ai. Anh nào cũng thất thểu, buồn thiu, chậm lặng như những cái bóng vật vờ ruồi trên đường dài. Nhưng khi ăn cơm trưa, chiều ở quán, ở bụi bờ xong lại tíu tít. Một hôm gần Nhà Phặc, trời đổ tối, rừng âm u, bản làng thưa thớt, bạn Tập lên tiếng thức tỉnh cả lũ:

- Các thằng mày à! Trời sắp trát chàm vào mắt rồi đấy! Ngủ rừng hay sao à?

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Tập là người Kinh duy nhất trong đoàn nhưng lại hay nói tiếng Tày nhất.

Tập có cái trán cao, dô, rất thông minh, mặt vuông mắt sáng. Mỗi khi diễn đạt điều gì quan trọng, Tập cho cả mặt mũi đều cùng nói.

- Ngủ rừng thì ngủ, sợ gì! Trời đang mát, ta cứ đi tiếp - Lạng lên tiếng. Cái tiếng của anh hơi khô, nhưng vang xa. Anh là người đi bộ giỏi nhất, lúc nào cũng dẫn đầu. Bạn Lạng người đen như cái gốc cây cháy dở trên nương.

Đêm hôm đó chúng tôi rủ nhau vào những cái lều của các bà hàng xén ngủ.

Mọi người xoa bóp chân bằng rượu một lúc rồi lăn ra ngủ. Kể thì cũng hơi liều mạng. Nhưng anh bạn Hồn cao lênh khênh, tôi và Hoảnh là những người tương đối có kinh nghiệm đều nhất trí cho là không sợ. Bởi chúng tôi có cách ngủ đặc biệt. Chúng tôi trải lá hoặc tốt hơn thì rơm rạ, cỏ gianh khô một vùng rộng. Chúng tôi ngủ quay đầu ra ngoài chân đạp vào nhau thành vòng tròn, vẻ giống như một bông hoa nở căng. Bạn Hoảnh nói:

- Chúng ta ngủ như thế này là bắt chước theo đàn trâu ngủ rừng. Các thằng mày có biết không? Lũ trâu hàng trăm con ngủ giữa rừng thì tất cả những con trâu đực, trâu cái khoẻ đều ngủ ở vòng ngoài, đầu ghéch ra phía sân, sẵn sàng húc thủng ruột bọn hổ báo và cả lũ chó sói. Những con trâu nghé, trâu yếu ngủ ở vòng giữa. Vì thế tao mới đề xuất ngủ theo kiểu này đây.

- Các thằng mày lấy dao nhọn gọt dưới đầu rồi hãy ngủ. Chúng ta chẳng sợ gì hết - Tôi và anh bạn Hồn cùng nói thêm vào.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Mọi người bỗng thấy mình gan dạ hơn, cái mặt to hơn. Dù sợ, dù không thì chúng tôi cũng ngủ một giấc nồng nà trong mê mết.

Sáng hôm sau, tôi dậy ra sau lều tiểu tiện. Trời mờ mờ sáng. Tôi bỗng hốt hoảng khựng lại. Sau lều chúng tôi ngủ cách chừng dăm bước có một đồng lá tươi phủ một cái xác chết! Biết là xác chết vì tôi nhìn thấy một vũng máu đen ngòm dưới lá. Tôi lắng nghe xem trong rừng có tiếng chim kêu báo động có hổ, gấu hay không. Nhưng chỉ thấy đàn chim hót ca líu lo chào đón bình minh. Tôi đã mấy lần định liều mình vào gần nữa, kéo cành lá ra xem. Nhưng tôi bỗng thấy mình cần phải thận trọng. Tôi quay vào và gọi:

- Các thằng mày dậy hết đi! Có chuyện lạ đấy. Nhưng hãy bình tĩnh - Không hiểu tại sao hôm ấy tôi lại bình tĩnh và thận trọng đến thế.

Phan Soong sốt ruột lên tiếng bằng cái tiếng của một cô gái có giọng kim:

- Có chuyện gì thì mày cứ nói đi! Làm quái gì mà quan trọng thế. Trời sáng rồi, có phải nửa đêm đâu mà sợ - Phan Soong nói cứng vậy, nhưng có lẽ bạn là người sợ hơn cả trong lũ chúng tôi.

- Ở đằng sau lều này có một xác chết! Nhưng phủ kín lá tươi. Không rõ là xác con gì! - Tôi nói.

Bé Tâm, con người củ mì, củ mì, ăn nói rủ rủ như thâm thì, lên tiếng:

- Đêm qua tao nghe tiếng súng nổ. Vào quãng nửa đêm thì phải.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Lặng lên tiếng dứt khoát:

- Có thể họ thù oán nhau. Họ giết nhau rồi đem vùi xác dưới đồng lá cây để đổ tội cho ta đấy!

Hoảnh hắt đầu cho mái tóc rẽ tre đổ về đằng sau, cười hì hì mà rặng:

- Án mạng với sứ mạng gì! Bò đấy! Đang đói. Xèo vại cân nường ăn cho sưng cái miệng và cho êm cái bụng.

- Các thằng mày muốn chết à! Mau mau chạy xa nơi này! - Bạn Hồn cao lênh khênh tưởng như chạm đến mái lều, nói.

...

- 0 -

Trong bài: *Ngôn ngữ trong văn xuôi dân tộc thiểu số*, tác giả Lâm Tiên đã viết:

*“Vi Hồng là người dạy văn học dân gian, nên rất hiểu về văn học dân gian các dân tộc thiểu số, nhất là dân tộc Tày, nên ông vận dụng ngôn ngữ văn học dân gian Tày (trong đó chủ yếu là ngôn ngữ tục ngữ, ca dao dân tộc) vào trong tác phẩm nhiều hơn là dùng tiếng nói hàng ngày của dân tộc. Nên văn xuôi của Vi Hồng thường đậm chất dân gian, chất thơ, chất trữ tình hơn là chất hiện đại, chất văn xuôi, chất tự sự. Những từ dùng để biểu thị sự vật, với hành động và tính chất của sự vật thường là: trai non, gái trẻ, trai tơ, gái nụ, trai nụ, gái hoa, trai thanh, gái nụ, nàng tiên, hoa tiên, rồng bay, phượng múa, hoa nở, ong vờn, mắt hoa mi, cánh hoa mạ... với những câu ví von so sánh: “Đời em đã gắn với anh như dao cầm tay, như cái bát đôi đũa hay ăn từng bữa, như đôi đũa cả gắn liền với cái nồi, như ba ông đầu rau bao giờ cũng xúm quanh ngọn lửa hồng” (Đoạn*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*đây, 1997, tr9). Với cách viết đó, văn xuôi của Vi Hồng thường rơi vào tình trạng lời nhiều mà ý ít. Công bằng mà nói, những tiểu thuyết của Vi Hồng trong thời gian đầu như “Đất bằng” (1980), “Núi cỏ yêu thương” (1984), “Thung lũng đá rơi” (1985), “Người trong ống” (1990), “Gã ngược đời” (1990), ngôn ngữ mang tính đời thường hơn là những tiểu thuyết từ sau 1991 trở đi. Có thể nói càng về sau mức độ dân gian hoá trong ngôn ngữ tiểu thuyết của Vi Hồng càng tăng.”*

Tài liệu tham khảo:

- Vi Hồng Web: [baocaobang.vn](http://baocaobang.vn)
- Đường về với Mẹ Chử Web: [maxreading.com](http://maxreading.com)



## 6. Bé Thành Long



### **Bé Thành Long (1936-20 )**

Nhà thơ Bé Thành Long dân tộc Tày, sinh tại thị trấn Cô Sầu nay là thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Năm 1955-1957, là học sinh cấp 2 Trường Trùng Khánh, sau đó học ngành Thương nghiệp tại Hà Nội, ra trường làm việc tại Sở Thương nghiệp tỉnh Cao Bằng.

Khoảng năm 1949-1950, tại trường tiểu học Cô Sầu, có Bé Thành Long, Nguyễn Như Mai và Đoàn Đức Thành đã làm báo tường có tên *Mặt trời mọc*. Bé Thành Long đã sáng tác văn, thơ từ đó.

Nhà thơ Bé Thành Long là Hội viên Hội Văn nghệ Cao Bằng, Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam.

Hiện nay nhà thơ Bé Thanh Long sống tại thị xã Cao Bằng.

Tác phẩm:

HUYỀN ÁI TÔNG

- *Cỏ may* (thơ, Văn hóa dân tộc, 1996)
- *Ở nguồn* (thơ, Hội Nhà văn, 2005)

Trích thơ:

### **Đêm Trùng Khánh**

*Thăm lại quê xưa đông đủ cả  
Mỗi bạn mừng ta một bát đầy  
Hãy uống trắng ngàn quê cũ  
Tuy nồng nhưng chớ ngại say*

*Ai cũng ra sân cùng trắng tỏ  
Chỉ riêng cô Lưu rồi bờ thôi  
Có phải em lo chàng khách lạ  
Uống trắng nồng quê cũ không vui.*

(1959)

### **Đường về**

*Trùng Khánh ơi  
tôi đến muộn bốn chôn  
trắng tròn sững chân trời ngơ ngẩn*

*Trở lại miền đất cũ trẻ trung  
sương khói đêm trôi  
thung lũng buồn hư ảo*

*Ơi con chim sáo sậu  
gửi trắng màu da trời nơi hốc đá  
hót lên lạnh lốt sao mai*

Lại xóc ba lô ta tới  
rừng kia lối trập trùng  
đá sắc chênh vênh rau ngót mọc lưng chừng

Núi liên tiếp – mây ùn trời tạnh  
ruộng bậc thang xanh tận trên cao  
Con vịt đen nghén tìm suối lũ

Gió chéch căng bùng áo bạt  
Rộng dài hoa mạch trắng mây trôi  
Cầu lấp nhanh – bộ đội sắp sang rồi.

### **Bóng quê hương**

Chắc sáng nay quê tôi mù sương bạc  
Bên bờ chen mái thoáng lộ nhỏ  
Mẹ son trẻ quá -hôi tôi nhỏ  
Sợ tôi đùa sông sớm hắt sương tơ

Chắc buổi trưa nay gió núi ngừng  
Trời soi roi cát nắng lưng sông  
Có lẽ chiều nay em gánh nước  
Chân dừng bậc đá bóng xanh trong

Chắc chiều xuống hút rừng xào xạc  
Lũng mờ xanh, xanh ngái nương chàm  
Cỏ non cứ bời bời không ngủ  
Bước trâu chờ bước ghé lang thang

Chắc sương đêm nặng khô tàu chuối  
Lệch tiếng xe trâu chở gỗ ngàn  
Em trai tròn giấc trong rom ẩm  
Lòng gập ghềnh xa lắc gỗ mộng mang

HUYỀN ÁI TÔNG

*Chắc không quên rau răm ếch đắng  
Mọc chân đồi dốc phía bờ sông  
Lên đỉnh núi cao trèo lượm trái  
Chát hương rừng bạn nhớ ta không?*

(1960)

### **Xuân rừng**

*Ai gọi đấy!  
âm vang vách núi  
đá theo ta trẩy hội dựng công trình  
cầu bên núi xa chênh bóng nước  
mây ngàn gieo tãi nắng nương xa*

*Nghe lá mục  
rừng già hương nấm băng khuâng  
chim gõ kiến thúc ngày xuân chín  
hoa mâm xôi đơm nở thêm đầy  
ráng tây vàng ngọt lịm tiếng ong bay*

*Vòm động thức con dơi treo giác ngủ  
nhũ đá gây buông thông thảng năm đi  
giao thừa đợi chùng chình sóng nhạc*

*tuyến mây giăng chiến sĩ chưa về.*

### **Cô gái mang bình**

*Tranh ai vẽ giang sông diễm lệ  
ở thời xa vô tận  
sông xanh hồ hững  
trong tranh – cô gái mang bình.*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Rực rỡ thơ ngây  
gió xóp nâng bèo áo nhẹ  
gót chân trần em toan bước đi đâu?*

*Tôi có cả một thời mê mải  
Xem tranh cứ ngẩn ngơ  
Em có mặt trước tôi vài thế kỷ  
Tôi già đi, em trẻ vĩnh hằng.*

(1985)

**Hư không**

*... về trong mộng  
mái chèo nước đục  
bãi bờ khô xác gió hoa lau...*

*em chẳng nói gì  
ta cũng chẳng nói gì  
đất nhẹ nở đầy hoa cúc dại  
hương thơm khắc khổ vậy ư?*

*em có dịu dàng nữa đâu mà anh đợi  
Em về thoáng nhẹ  
áo trắng ngày xưa lạnh mỏng manh*

*đừng hỏi em  
anh biết – đừng hỏi em  
tay nắm bắt vô cùng trắng sáng nhạt  
bãi bờ khô xác gió hoa lau...*

**Tiếng ngỗng trời**

*Quá khứ đêm thu về lóng lóng  
tiếng ngỗng trời co kéo không gian*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*sải cánh rộng qua đêm mỏng  
kìn kìn bay vắng trong mây.*

*Một mình ta ở dưới cao sâu  
nghe tiếng ngỗng cùng trời cuối đất  
nghe tiếng ngỗng tầng tầng đêm trong suốt  
Tầng tầng tiếng ngỗng nổi bay đi...*

(1985)

### Sao em không đến

*Mong em nắng vội chiều buông  
Sao em không đến cho buồn chiều nay  
Giá như em ở lại đây  
Chiều buông thì nắng vẫn đầy chứa chan  
Mong em, nắng tắt chiều tan  
Sao em không đến cho tàn chiều đi...*

### Nắng quê nhà

*Tôi ngủ trong trưa nắng mật  
Dịu dàng như vòng đưa tôi  
Nắng đan lên những tầng không khí  
Nắng chảy trên đường nắng trên môi*

*Và nắng ru tôi vội nỗi buồn  
Trên đường xưa quấy khúc ngang non  
Tôi đau từ thuở còn thơ dại  
Từ trong tả óm mẹ cho tôi  
Tôi yêu tận thuở đời đất cát  
Từ lúc tình yêu chẳng rõ ràng*

*Mà đâu như tôi ở quê nhà  
Cái nắng chang chang*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Chim sẽ về dưới nắng trưa hè*

*Trong bao nắng bỗng như bè bạn  
Tôi gọi – Tuyên ơi!  
Hình như Tuyên đã đi rồi  
Ờ như nắng bỗng xa vời nao nao  
Ơ hay ta ở nơi nào?*

*Hình như tôi ở quê nhà nhi  
Những mối tình quên, nhớ xa xôi  
Ừ đây không phải quê nhà thật  
Mà nắng quê nhà đến ru tôi.*

**Về thôn cũ**

*Em bé ơi, đừng hái những quả nhót non vẩy bạc  
Lặng yên nào, con chim Chích trở về nơi  
Bé nhỏ nó đi tìm sâu trên cây Quýt hôi  
Ở trên cây Quýt hôi, còn sót lại mấy quả nhăn nheo vị ngọt  
Và ở dưới gốc cây Gạo khổng lồ kia còn ngôi miếu thờ ai  
cũ lắm  
Còn có gì chim khách kêu ra rả  
Đổ trời cao hoa Gạo mộng âm thâm  
Ta làm khách cho ta xin trọ  
Thú vị khi chiều hôm khêu bắc thắp đèn bằng mỡ  
Bữa cơm đêm thơm lá mùi tàu, lá tía tô chám nước mắm  
Cua  
Trên chiếu nan trời cho giấc ngủ sâu  
Mơ hồ tia chớp xé bầu trời rung chuyển  
Sấm đầu mùa thức dậy trong đêm  
Thấy vườn ngô gió bạt những chùm râu trong suốt non tươi  
màu tím nhạt  
Sáng mai ra đất bãi đôi màu  
Trẻ nhỏ đón mừng tràn xúc tép*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Cá Đòng Đong tí tẹo  
Bảy sắc cầu vòng giấy dựa.*



*Nhóm bút “Mặt trời mọc” từ trái sang phải  
Nhà thơ Bé Thành Long, nhà báo Nguyễn Như Mai và Kiến  
trúc sư Đoàn Đức Thành*

Trong bài: *Nhóm bút “Mặt trời mọc” ngày ấy*, nhà thơ Bé Phương Mai, con gái Bé Thành Long đã viết:

*Những tác phẩm của ông luôn giữ được tâm hồn trong trẻo và câu từ mới lạ. Nhưng luôn kén chọn người thưởng thức. Ông nổi bật ở cách sống và cách viết sáng tạo. Là tác giả được khá nhiều độc giả thuộc thơ và bình thơ trong các buổi tao đàm từ Trung ương đến địa phương.*

Tài liệu tham khảo:

- Bé Thành Long Web: [thivien.net](http://thivien.net)
- Đêm Trùng Khánh Blog:  
[doanducthanhlg2014.wordpress.com](http://doanducthanhlg2014.wordpress.com)



## 7. Kim Nhất



### **Kim Nhất – Đinh Thị Kim Nhất (1942-20 )**

Nhà văn Kim Nhất tên thật là Đinh Thị Kim Nhất, người Ba Na, sinh năm 1942, là con ông Đinh Gluih, nguyên Chủ tịch xã Bók Tói, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, mẹ là bà Đinh Nhoan.

Năm 1951, mới lên 9, Kim Nhất đã thoát ly gia đình theo cách mạng, gùi lúa gạo cho bộ đội.

Năm 1955, lên 13 tuổi, Kim Nhất tập kết ra Bắc, là học sinh của trường dân tộc nội trú, sau đó theo học trường Âm nhạc Hà Nội.

Năm 1957, ông Đinh Gluih mất vì bệnh, bà Đinh Nhoan mất năm 1969 vì chạy giặc, một người em trai đi bộ đội giải phóng bị hy sinh và người em gái từng làm du kích cũng đã mất năm 1989.

Nhà văn Kim Nhất được các giải thưởng:

## HUYỀN ÁI TÔNG

- Giải sáng tác dành cho người dân tộc thiểu số năm 1994, với tác phẩm *Mụ Soài*
- Giải B (không có giải A) về văn xuôi, Giải thưởng văn nghệ Chư Yang Sin của tỉnh Dak Lak năm 2008, với tiểu thuyết *Luật rừng*.

Kim Nhật hiện định cư tại thành phố Banmêthuet, tỉnh Đắk Lắk.

Tác phẩm:

- *Mụ Soài*
- *Luật rừng* (tiểu thuyết, QĐND, 2008) và 12 tác phẩm khác.



Nhà Rong của dân tộc Ba Na

Trích văn:

**Luật rừng**  
(trích đoạn)

.... Bàn chân tao vấp phải vật gì đó, tao cầm lên thì Yàng ơi! Cái sợ người! Tao nghĩ đến hồn ma mà lạnh toát cả người. Tao mò mẫm đi tiếp và lại vấp nữa. Tao cầm lên thì lại cái sợ người.

Không phải cái đầu lâu mà cả xương người nữa. Nghĩa là tao đang đi trên đồng xương người mà tao không biết, mãi khi hết mưa, rừng hết tối tao mới nhìn thấy. Tao có cảm giác cái hồn ma còn đang nhe răng cười khặc khặc với tao....



Cô gái Ba Na mang gùi ở lưng

## HUYỀN ÁI TÔNG

Trong bài: *Đọc “Luật của rừng” tiểu thuyết của Kim Nhật - Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân 2008*, tác giả Hữu Chính viết:

*Kim Nhật gắn với rừng nên tả về rừng sinh động “Khu rừng già âm u bị màn đêm bao trùm giờ đã sáng dần. Tiếng chim ríu rít gọi đàn bay đi kiếm ăn trên các cành cây. Tiếng con nai “tác tác” đâu đó lẫn tiếng gầm thét của loài cọp và lũ voi rừng. Cả khu rừng bỗng rộn lên những âm thanh hỗn độn”*

Tài liệu tham khảo:

- Kim Nhật Web: [ct.qdnd.vn](http://ct.qdnd.vn)
- Luật rừng Web: [baodaklak.vn](http://baodaklak.vn)

## 8. Mã A Lềnh



**Mã A Lềnh**

Mã A Lềnh dân tộc Hmông, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1943, tại xã Trung Chải, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Ông còn có bút danh Thạch Mã, Thạch Sơn.

Năm 1958, học trường thiếu nhi dân tộc tỉnh Lào Cai.

Năm 1964, công tác trong ngành giáo dục tỉnh Lào Cai.

Năm 1976, công tác tại cơ quan Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Năm 1988, công tác tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn.

Năm 1989, làm việc cho chương trình phát thanh tiếng Hmông của Đài Tiếng Nói Việt Nam tại tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Năm 1991, công tác tại Đài PTTH tỉnh Lào Cai.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ năm 1996, công tác tại Hội Văn Học Nghệ Thuật và tạp chí *Văn nghệ Lào Cai*.

Mã A Lệnh là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam. Vào Hội Nhà Văn Việt Nam năm 1982.

Nhà văn Mã A Lệnh được các giải thưởng:

- Giải A cuộc thi sáng tác văn học thiếu nhi do Nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức 1994-1995.
- Hai giải thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam.
- Giải thưởng chính thức Phanxipăng của UBND tỉnh Lào Cai năm 2002.

Hiện sống tại phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm:

- *Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ của Hồ Chí Minh* (dịch ra Hmông ngữ, 1980)
- *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, của Trần Dân Tiên* (dịch ra Hmông ngữ, 1981)
- *Cột mốc giữa lòng sông* (ký, 1984)
- *Bên suối Nậm Mơ* (thơ, 1995)
- *Cao nguyên trắng; Có một con đường* (ký, 1996)
- *Chuyện bây giờ mới kể* (tập truyện, 1996)
- *Dấu chân trên đường* (truyện thiếu nhi, 1996)
- *Rừng xanh* (1997)
- *Tần ngần trước văn chương* (tản luận, 1999).
- *Nhọc nhoài với ký* (ký, 2000)
- *Thằng bé củ mài* (truyện thiếu nhi, 2000)
- *Nàng Gùa và chàng Sóc* (truyện thiếu nhi, 2001)
- *Chuyện xưa ở Mường Tiên* (truyện thiếu nhi, 2001)

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Mã A Lệnh Thơ* (thơ, 2002).
- *Rong ruổi vùng cao* (ký, 2003)
- *Bùi Nguyên Khiết - Bóng dáng thân yêu* (biên soạn, 2004)
- *Những dòng hồi ức cách mạng* (hồi ức, 2005)
- *Chộn rộn đường xuân* (ký, 2005)
- *Dao chỉ có một lưỡi của Ma Văn Kháng* (dịch ra Hmông ngữ, 2006)
- *Dân tộc miền núi & Đời sống văn chương* (Văn hóa-Thông tin, 2012)

Trích văn:

### **Lão diên lật nắp thùng chàm**

Con đường mòn cắt xéo sườn núi có trắng rừng vầu lúc nào cũng lầy nhoét dẫn thẳng tới nhà Páo Tũa. Nghe tiếng chó sủa, ngồi trong nhà nhìn qua vách liếp cũng nhận rõ khách đang đến nhà. Một buổi chiều, từ trắng rừng vầu rộ lên tiếng khóc trẻ con: Ư nga, ư nga làm cho chó cụp hết đuôi chúi vào gầm giường. Về sau bác gái mới nói trong trắng rừng vầu là nghĩa địa trẻ con sơ sinh. Páo Tũa và thằng Jê cầm đang chơi trên mảnh ruộng khô sau mùa gặt, chợt thấy một bóng đen trùm giẻ rách từ đầu đến chân rờ rần từng bước, rõ là nhằm thẳng tới nhà mình. Thằng Jê thoát biến đi đâu mất. Páo Tũa thần hồn nát thần tính ngã đổ vật, toàn thân cứng đờ, phải ú ớ mãi cho đến khi cái bóng đen trùm xuống, thò tay kéo lên. Để mặc Páo Tũa đứng như trời trồng, cái bóng đen lừng lững tiến vào cửa khách. Cửa khép hờ. Bác gái ở trong nhà. Bên góc hiên dựng một cái thùng chàm. Cái bóng đen dừng trước cửa, giương chiếc gậy gỗ gõ vào nắp thùng chàm, là cái mẹt, rồi lật hẳn cái mẹt ra. Đã hoàn hồn, Páo Tũa cùng thằng Jê đứng nắp trong một góc khuất nhìn. Lật nắp thùng chàm xong, cái bóng đen đứng hồi lâu, rồi dùng đầu gậy đẩy cánh cửa vào nhà. Bác gái đang dọn dẹp, thấy khách, liền mời.

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Cháu Chềnh đến chơi đây à? Ngồi sưởi đi!

Thì ra cái bóng đèn có tên là Chềnh. Chềnh với cái điều dựng bên vách liếp. Bác gái móc thuốc lá thái sợi trong cái lọ sành đeo bên hông, vờ một điều to tướng mời. Chềnh xòe đôi bàn tay ra hứng. Châm lửa hút xong điều thuốc, Chềnh ngồi thừ chẳng nói năng gì. Lúc sau lưng lửng đi ra ngoài rồi biến hút vào con đường mòn vắng teo.

- Bác không sợ ma à? - Páo Tũa ôm cổ bác gái.

- Chềnh là anh họ của cháu đấy. Mồ côi mà. Khổ lắm!

Câu chuyện cổ của bác gái hiện về: Xưa xưa có hai anh em sớm mồ côi vịn nhau sống qua ngày. Khi anh có vợ thì em biến thành kẻ ở, luôn bị sai khiến nên tình cảm anh em xa dần. Em ra làm lều ở riêng. Một lần bắt được đàn cáo trong bụi tế. Cáo mẹ khóc lóc xin tha làm người em động lòng trắc ẩn. Đỡ được cái máng lợn. Lợn chóng béo. Người anh giềng lấy. Lợn gây còm đi. Người anh bằm máng làm củi đun, vứt tro vào bụi trúc. Người em chặt trúc về làm cần câu. Mỗi lần đi câu được vô kể, cá ăn không hết phải mang ra chợ bán. Anh giềng cần câu. Chỉ câu được rác rưởi. Anh bẻ cần câu cho vào bếp. Người em buồn bã đi lên núi đá. Buổi tối nghe đàn khỉ kháo nhau thấy hang vàng bạc, châu báu, thấy mảnh đất màu mỡ. Người em đi lấy kho báu rồi khai phá ruộng nương, trở nên giàu có... Còn anh Chềnh, lão điên, con ma đói?

Có hai cán bộ quân sự đến. Bác gái tiếp khách, luôn sụt sùi lau nước mắt thương cảm cháu Chềnh mồ côi chẳng hiểu sao lại mắc bệnh điên. Khách ra về. Bác tiễn khách qua đoạn đường mòn có ma trẻ con sơ sinh, còn nắm cho khách gói xôi màu to như cái tổ ong, thêm đôi còng gà, mấy con cá suối nướng thơm lừng.



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Cán bộ đi rồi, Chềnh bồng trở lại người bình thường và ở cùng nhà làm anh em với Páo Tũa. Một chiều hai anh em xuống suối Mường Tiên xúc cá. Cá nhiều vô kể, hết như câu truyện cổ tích. Những khúc ghềnh, anh Chềnh đứng trên bờ ném đá tới tấp xuống. Cá hoảng, rúc cả vào khe đá, anh chỉ việc thò tay bắt. Ngoi lên, hai tay cầm hai con, miệng ngậm một, hai con, toàn con to bằng ba ngón tay. Páo Tũa chịu. Sờ khắp các hòn đá, toàn rêu trơn nhầy. Cá đầy giỏ. Anh Chềnh giục về.

- Bằng này là đủ bữa, lại còn ba gấp nữa mai mang đi chợ!

- Anh đi chợ á?

- Không! Anh không thích chợ. Mai em đi phố huyện học rồi!

Con tim nhỏ nhoi của Páo Tũa đập rộn lên. Lòng hoan hỉ xen lẫn lo âu. Thế mà bố chẳng nói gì.

- Em đi học cho giỏi để làm người nhà nước. Anh sẽ làm cả phần việc chăn trâu, cắt cỏ ngựa, lấy củi của em!

- Anh hết bệnh thật rồi chứ?

- Anh chẳng bệnh tật gì cả!

- Anh bị điên cơ mà!

- Chuyện dài lắm. Như cổ tích ấy. Lớn thêm lên, đi nhiều nơi, em sẽ tự hiểu!

\*\*\*

Những tràn ruộng bậc thang xanh um một màu xanh êm đềm, nó ấm bám theo những triền núi như tấm thổ cẩm khổng lồ choàng lên da thịt đất đai. Páo Tũa dừng nghỉ trên một tảng đá

## HUỶNH ÁI TÔNG

giữa trắng ruộng căng lồng ngực hít hà hương thơm của quê hương. Đây là đợt nghỉ hè cuối cùng của đời học trò. Mai này sẽ đi làm “người nhà nước” như anh Chên nói. Vậy là mình sẽ bứt ra khỏi làng quê núi non vắng lặng; bứt ra khỏi đàn trâu, ngựa, dê nức mùi cỏ; bứt ra khỏi những đêm cổ tích của bác gái với giọng thánh thót luôn cả vào giấc mơ; bứt ra khỏi những ngày hội xuân cuồng nhiệt nhảy đồng, đánh yến, đánh quay, múa khèn, và những ngày lễ thâm trầm ngoài vọng về huyền tích quá khứ cơ cực khổ đau bất diệt. Chiếc ba lô chật căng sách vở trên lưng, Páo Tủa leo dốc nhẹ nhõm trông như có thần Thượng Ngàn nâng bước. Dưới kia, chỗ rẽ quốc lộ về làng có một mô đất bên gốc cây chua cổ thụ, Páo Tủa vẫn nhớ bẻ một cành cây đập lên, theo tục lệ, như bao người đi đường xa thường làm. Phía trước có một nếp nhà dựng ngay trên tràn ruộng. Nhà ai mới về ở? Páo Tủa mở cửa nách khép hờ, ngó vào.

- Vào nhà đi, chú!

- Ô, anh Chên, lão điên lật nắp thùng chàm! - Páo Tủa ôm chầm lấy anh làm anh luống cuống, vì người Hmông ta, dù cuồng nhiệt thế nào cũng không ôm nhau như thế. Đó là lẽ thói của người phố thị. - Thế chị Mào đâu?

- Chị đang gặt chàm. Mùa lúa lên đòng, trở bông là mùa ngâm chàm rồi. Nhưng sao chú biết chị Mào?

- Em biết thừa. Em đã lớn, đã đi nhiều nơi! Sao anh biết em về?

- Anh dựng nhà ở đây để ngắm theo bước chân của chú. Anh nhìn thấy chú ngay từ lúc rẽ quốc lộ! Hút thuốc đi! - Anh về một điều thuốc to tướng mời Páo Tủa.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Em không hút. Mà anh đang rèn thì phải. Em về đây. Nhớ nhà quá rồi!

- Ủ, đi xa, đi lâu thế nhớ nhà là phải. Không biết nhớ nhà mới sợ. Anh đang rèn dao; sẽ làm một con dao thật đẹp tặng em. Người Hmông mình nói: “Hành trang cho cuộc hành trình là lửa, dao, những bài ca và một trái tim người Hmông. Thế là đủ!”. Em chỉ thiếu một con dao bén nữa thôi! À này, chiều mai anh em mình xuống suối câu cá nhé. Bây giờ cá suối Mường Tiên chẳng hiểu sao cứ vơi dần...!

\*\*\*

Khách sạn Đội Cấn. Giường bên, anh bạn Sử Văn Ngọc, người Chăm, quê Phú Yên đã ngủ say. Ngày mai ông Jua, tức ông tiên, ông phật, *tên già*(\*) của Páo Tủa sẽ trình bày tham luận có tên đề “Ngôi nhà Hmông”. Ông phải tóm tắt để chỉ lên diễn đàn vài câu nhưng anh Chénh cứ hiện hiện trước mặt. Anh ngồi đó, trên tảng đá, rêu phong như một ngọn đá. Cá đớp mồi mà chẳng hay, thỉnh thoảng lại thu về chiếc lưỡi câu trống trơn. Anh không điên mà là trốn lính. Anh rằng mình không phải người cầm súng. Nếu có cầm súng cũng chẳng dám ngắm bắn ai. Tổ quốc thiếu mình cầm súng thì dòng quân vẫn trùng trùng như suối lũ. Không biết cầm súng thì đừng đứng vào hàng ngũ để vướng chân người khác. Dù có học hỏi thì chữ nghĩa cũng không nhét được vào cái đầu toàn đất với phân gio. Thì thôi! Ham hố làm gì! Nếp nhà tranh tỏa khói mỗi ngày, bập bùng mỗi bữa, ron ren mỗi đêm. Cái bễ lò rèn phì phò chan chất tóe lửa cho ra những con dao, cái cuốc, cái lưỡi cày. Vài con trâu lộc cộc trong chuồng. Vài con dê, gà, lợn, vịt, chó inh ỏi cho vui tai. Một người vợ ít nói, hay cười và cần mẫn. Vài đứa con khóc cười chạy nhảy lảng xãng. Thêm nữa là tràn ruộng bậc thang vàng rực mùa lúa chín. Nương ngô tua tủa bông cò. Những ngọn núi trầm mặc. Những trảng rừng như tấm giáp chở che bao cuộc đời, bao số phận lam lũ. Và con suối Mường Tiên

## HUỶNH ÁI TÔNG

trong vất luôn rì rầm bài ca muôn thuở hể thò tay xuống là thể nào cũng nhón được vài con cá. Cuộc đời anh chỉ cần thế. Và chẳng bao giờ ló mặt tới phố chợ vì nơi đông đúc không phải là chỗ của anh, không có chỗ cho anh. Tuy thế, anh thực sự vui mừng vì thằng em Páo Tủa đã đi đúng con đường của nó, con đường luôn có ánh mắt Bác Hồ nheo cười toạ trên ban thờ mỗi nhà cùng lá cờ đỏ sao vàng tung bay thay vì ánh mặt trời luôn tỏa sáng trên ngọn cây nêu trong dịp lễ hội trẩy xuân... Anh Chẻn, lão điên thò gậy lật nắp thùng chàm vẫn lừng lững trước mặt... Chiếc điện thoại di động đặt trên bàn rung lên.

- Chú ơi! Chú đang ở đâu ạ? Sắp đến lượt chú tham luận rồi ạ!

Ông Jua khẽ giật mình. Lão điên tay cầm gậy là một cành cây cong queo đứng trước thùng chàm thoát biến vào bức tường. Đã qua đêm. Quên ăn sáng. Quên lên hội trường.

- Dù sao thì bản tham luận đã có trong tập tài liệu rồi. Anh vui lòng chuyển cho đại biểu khác. Nhiều nhà quản lý, nhà khoa học, nhiều người rất muốn lên bục nói!... Cho tôi xin lỗi!

-----  
*(\*) Sau khi lập gia đình và có con, người Hmông có thêm tên khác.*

*Hà Nội, 18/04 - Mừng  
Khuong, 18/08 - 2010*

Trích thơ:

### **Đá ở**

*Đá !  
Rất nhiều đá*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Đâu đâu cũng đá  
Đá nằm như hổ rình mồi  
Đá đứng như trâu gặm cỏ  
Đá vươn như ngựa phi giữa nắng chiều tà  
Từ đá  
Vụt lên những bông hoa nhỏ nhoi  
Chúng tôi gọi là hoa bất tử  
Từ đá  
Mọc lên những rừng đào trĩu quả  
Chúng tôi kêu đào vạn thọ  
Từ đá  
Sinh ra những chàng thi sĩ  
Hát ca về đất trời, tình yêu của mình.

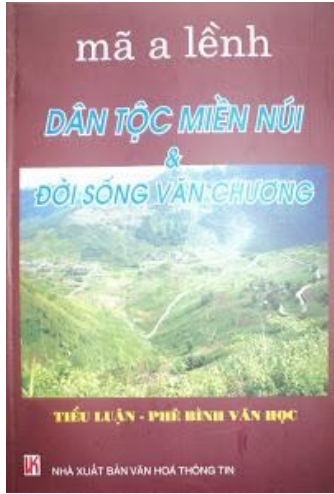
### Gặp bầy chim lửa

Một ngày đường hồi hả  
Dốc chất chông lên dốc  
Đã mấy lần dếp tuột quai  
Thở bằng mũi, bằng mồm và bằng cả tai.  
Bạn tôi reo: Đến rồi!  
Tôi nhìn quanh chẳng thấy nhà đâu  
Chỉ thấy cây đa già im lìm trong nắng  
Rễ cây đa già xoắn cuộn vào nhau.  
Phả khói thuốc缭绕 tôi ngược nhìn lên  
Lấp loáng trong biếc xanh cành lá  
Màu cờ tươi rói hiện ra  
Kỳ lạ quá, huyền thoại có thực giữa cuộc đời.  
Giữa nhà sàn bạn tôi vít cần rượu trong tay  
Cho tôi hiểu ngọn cờ năm xưa ấy  
Và người treo cờ hóa thành bầy chim lửa  
Ríu rít bay về khi mỗi độ thu sang.  
Thành lệ quen đàn chim lửa cứ về  
Hòa sắc đỏ cờ trong tán cây xanh

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Cho đời ta nói dài câu hát*

*Cho những khúc đường rộng mở thênh thênh.*



Trong bài: *Mã A Lênh thả bùa mê*, tác giả Vũ Xuân Tửu viết:

*“Có người bảo văn ông bị Kinh hóa. Tôi thấy không phải vậy. Văn ông chạy trên lằn ranh giữa giọng điệu mộc mạc của người dân tộc thiểu số và sự điêu luyện của ngôn ngữ Kinh. Cái lằn ranh ấy thật mong manh mà chỉ mình ông mới có, không thô thiển, cục mịch, mà vẫn giữ được cái hồn cốt, cái tâm thế của người vùng cao, khiến ta nhận ra sự tuệ minh, biết làm chủ những con chữ, trang văn của mình. Thế là một nét riêng rồi. Phải một người có tay nghề điêu luyện và bản lĩnh mới thể hiện được...”*

Tài liệu tham khảo:

- Mã A Lênh Web: [trannhuong.com](http://trannhuong.com)

- Lão điên lật nắp thùng chàm Web: [vanvn.net](http://vanvn.net)

## 9. Ma Trường Nguyên



### Ma Trường Nguyên (1944-20 )

Nhà văn Ma Trường Nguyên dân tộc Tày, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1944 tại xóm Đồng Chẩn, xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Ma Trường Nguyên là bộ đội pháo cao xạ, rồi phóng viên chiến tranh của Báo Quân khu 3.

Sau khi xuất ngũ, ông chuyển về tạp chí Văn nghệ Việt Bắc, sau đó đảm nhận các công việc: biên tập viên Nxb Văn hóa dân tộc, Phó giám đốc Sở Văn Hóa Thông Tin Bắc Thái, Thái Nguyên, Chủ tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Thái Nguyên, Bí thư Đảng đoàn Hội, Tổng Biên Tập báo *Văn nghệ Thái Nguyên*. Ông tốt nghiệp trường Viết văn Nguyễn Du.

Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1993, hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam.

Ma Trường Nguyên từng đoạt giải thưởng:

- Giải thưởng của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1996, với tiểu thuyết *Rễ người dài*.

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng của Hội Văn học - Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam.
- Giải thưởng Văn học Nghệ thuật 5 năm của tỉnh Thái Nguyên...

Hiện đã nghỉ hưu, thường trú tại tổ 20, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

Tác phẩm:

- *Mát xanh rừng cọ* (trường ca, 1983)
- *Trái tim không ngủ* (thơ, 1988)
- *Mũi tên ám khói* (tiểu thuyết, 1991)
- *Gió hoang* (tiểu thuyết, 1992)
- *Tình xứ mây* (tiểu thuyết, 1993)
- *Trăng yêu* (tiểu thuyết, 1993)
- *Bến đời* (tiểu thuyết, 1995)
- *Rễ người dài* (tiểu thuyết, 1996)
- *Tiếng lá rừng gọi đời* (thơ, 1996)
- *Con đong thời niên thiếu* (truyện, 1997)
- *Mùa hoa hải đường* (tiểu thuyết, 1998)
- *Dòng suối tuổi thơ tôi* (tự truyện, 2004)
- *Câu hát vắt qua vai* (thơ, 2005)
- *Cây nêu* (thơ, 2006)
- *Bắc cầu vòng thăm nhau* (thơ, 2007)

Trích văn:

### **Rễ người dài**

Đêm mông lung hoang vắng. Nếp nhà sàn nhỏ bên sườn đồi như chìm vào lãng quên của mọi người dân trong mừng Khau Lý. Bởi người chủ ngôi nhà thường ngày sống như tách ra khỏi mọi sinh hoạt cộng đồng. Ngôi nhà ấy hầu như không thấy mở cửa bao giờ đã hơn hai mươi năm nay. Nhưng vẫn có một



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

người đàn ông sống độc thân. Cả mừng không ai lý giải được tại sao anh ta không lấy vợ, không thấy quan hệ với bất cứ người đàn bà nào. Từ ngày ông bố mất, người ta càng không thể biết anh ta sống bằng gì, làm nghề gì mà vẫn tồn tại đến bây giờ. Nhiều cô gái trẻ thường bàn tán với nhau hay là anh ta không phải là một người đàn ông hoàn chỉnh, không có nhu cầu lấy vợ. Bọn trẻ con tinh nghịch đi chặn trâu hay theo dõi khi nào anh ta tắm ở vũng suối xem anh ta có phải là người bình thường hay không. Nhưng cuối cùng cũng không ai bắt gặp bao giờ. Anh ta sống như ẩn mình trong vỏ ốc, như cuộn tròn chần chịt lấy người để chống trả những cơn rét buốt tâm linh của cuộc đời bằng giá một mình một cõi lặng câm

Ngọn đèn nền trám leo lét cháy bốc ra vị thơm hăng hắc. Lệnh vẫn ngồi đó chưa muốn đi ngủ. Anh không thích thấp dầu hỏa vì mùi dầu gây ra đến lợm giọng muốn oẹ nôn. Chỉ khi nào trời mưa liên miên không thể vào rừng kiếm được nhựa trám, anh mới dùng đến dầu để thấp tạm. Lệnh có thói quen cứ đêm đến anh lại mang các dóng tre ra để vót mũi tên. Có những lúc gió làm tắt đèn nhựa trám anh vẫn lựa tay vót theo cảm giác, mũi tên vẫn nhẵn tròn thẳng vút.

Đêm nay cũng vậy, Lệnh vẫn mãi mê vót tên nỏ. Lệnh ngồi lặng im. Chỉ hai bàn tay anh vẫn đều đều con dao sắc khè miết vào thanh tre thoăn thoắt nhịp nhàng mãi miết. Anh đã vót hết mấy dóng tre vẫn chưa muốn buông dao ngừng nghỉ. Vì tú sâu thẳm lòng anh bao nỗi niềm chan chứa sống dậy, gọi về một thời tưởng chừng đã lùi xa.

Trích thơ:

### Thơ hoa

*Đứng cùng em dưới góc bằng lăng ngắm sao khuya  
Chỉ thấy lá quạt vào đêm sao xuyên*

HUYỀN ÁI TÔNG

Sáng anh đến đây vòm trời sắc tím  
Hay tình em quyến luyến nở thành hoa.

**Xem múa Ba lê và xiếc**

Đi xem múa ba lê và xiếc  
Người lâng lâng trên tầng biếc trời cao  
Sống ở nơi xa em nên chỉ tiếc  
Không có người cùng bay bổng bên nhau.  
Bên Thượng Hải  
Em chụp ảnh lấy ngay có tháp truyền hình  
Minh Châu Đông Phương  
Em trách: Tìm anh đâu không thấy  
Để tấm ảnh có hình anh trong ấy  
Anh ngẩn ngơ nhìn sông Hoàng Phố  
nắng chiều buông.

(16. 5. 2006)

**Bắc cầu vòng thăm nhau**

Ở phía trời em xa  
Bông cầu vòng xuất hiện  
Nói đầu sông cuối biển  
Phương em về phương anh  
Bảy sắc màu lung linh  
Cầu vòng cong cong bắc  
Từ hai nơi mặt đất  
Vòng lên trời ngóng nhau  
Bây giờ em ở đâu?  
Dưới cầu vòng xa hút  
Trên vòm cao sông nước  
Nhớ đêm trời thênh thênh..

Bài thơ tiếng Tày

**Tiếng bâu ngân vọng tới**

Xá lôm tàu píc bang báy bên pây  
Tiếng kèn bâu mạy chài nần nất niu  
Bâu mạy kheo pấu pác chài khíp kheo  
Hợi bâu kheo! Hay phác cầm quây quây  
Eng ỷ nõ, lẽ eng ỷ nõ  
Nhằng chạu lai mẽ hai slằng tó  
Lẻ pỏ mẽ slằng đấc đũa nòn  
Tọ hết rừ chài dặng thả lai mòn  
Bặng thả noọng páy thâng thế kỹ  
Tỏi mù noọng tám thổ cầm xong rừ, xải lỏ  
Lẻ vận tan xoay xoay tám nậu va  
Hợi tỏi mù khao ón bjoóc va  
Chài lặc cãm dạ ngầu ngừ mầu dá  
( Ngọn gió nào mang cánh mỏng bay đi  
Tiếng kèn lá anh đang thầm thì dè dặt  
Chiếc lá rừng trong môi anh gấn chặt  
Nào, kèn lá ơi, hãy phát âm nhanh  
Khe khẽ chứ, nào khe khẽ chứ!  
Còn sớm mà, vầng trăng vừa nhú  
Chắc mẹ cha chưa ngủ say đầu  
Nhưng biết làm sao, anh đợi em đã lâu  
Như đã đợi em sau hàng thế kỷ  
Đôi tay em dệt thổ cẩm xong chưa, đã nghỉ?  
Hay còn đang thoãn thoắt thêu hoa  
Ôi, bàn tay trắng nõn ngọc ngà  
Anh khẽ chạm đã bồi hồi khó tả...)

Trong bài: *Người có “Trái tim không ngủ”*, tác giả Hồ Thùy Giang đã viết:

*Trong đời văn, Ma Trường Nguyên viết khá nhiều thể loại: Thơ, tiểu thuyết, kí, truyện thiếu nhi, phê bình tiểu luận. ở thể loại nào anh cũng có những đóng góp đáng kể. Tiểu thuyết Ma*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Trường Nguyên không dữ dội mà thường phảng phất buồn, đậm chất trữ tình. Bởi vậy, thường không thích hợp với những độc giả ưa “nhịp mạnh”. Nhà lí luận, phê bình Lâm Tiến đã có đánh giá rất chính xác về tiểu thuyết anh: “Ma Trường Nguyên rất phong phú về vốn sống, rất am hiểu về văn hóa, văn học dân gian của dân tộc Tày. Đó không phải nhà văn dân tộc nào cũng có được. Chính sự phong phú đó đã làm cho những trang tiểu thuyết của anh sống động với những nhân vật, những phong tục, tập quán nhiều màu, nhiều vẻ”. Chính bởi những điểm mạnh ấy mà tiểu thuyết “Rẽ người dài” của anh, năm 1996 đã đoạt giải thưởng của ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, Nghệ thuật Việt Nam. Nhưng có lẽ ở anh, thành công hơn cả vẫn ở phía thơ. Gần một chục tập thơ, bài hay xen bài chưa hay, nhưng dù sao, cũng đã nói lên “trường lực” của anh về thể loại văn học này. Cũng như ở tiểu thuyết, thơ Ma Trường Nguyên luôn trở nên rất đặc sắc khi chạm vào đời sống văn hóa, tâm lí, phong tục người dân tộc Tày.*

Tài liệu tham khảo:

- Ma Trường Nguyên Web: [vanvn.net](http://vanvn.net)
- Rẽ người dài Web: [maxreading.com](http://maxreading.com)

## 10. Lò Ngân Sủn



**Lò Ngân Sủn (1945-2013)**

Nhà thơ Lò Ngân Sủn là người dân tộc Dáy, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1945, tại thôn Bản Vền, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Ông đã từng là Hiệu trưởng Trường cấp 3 Bát Xát.

Từ năm 1970 đến năm 1979 ông là Trưởng phòng Giáo dục huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện (4 khóa), ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát (2 khóa).

Từ năm 1980 đến năm 1991 ông đã giữ chức Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Hoàng Liên Sơn, Phó Chủ tịch thường trực Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam...

Nhà thơ Lò Ngân Sủn đã được nhận các giải thưởng:

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Giải B Văn học dân tộc thiếu số Hội Nhà văn Việt Nam năm 1992, cho tập thơ *Những người con của núi*.
- Giải A của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1993, cho tập thơ *Đám cưới*.
- Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1995, cho tập thơ *Dòng sông mây*.
- Giải B Báo Thiếu nhi dân tộc năm 1995, cho tác phẩm *Cái bật lửa trời...*
- Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phan Si Păng của UBND tỉnh Lào Cai.

Nhà thơ Lò Ngân Sủn thường trú tại phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội. Sau một thời gian lâm trọng bệnh, do tuổi cao, sức yếu, nhà thơ Lò Ngân Sủn đã từ trần ngày 15 tháng 12 năm 2013, tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô, Hà Nội, hưởng thọ 68 tuổi.

### Tác phẩm:

- *Chiếc vòng bạc* (1987)
- *Chiều biên giới* (1989)
- *Những người con của núi* (1990)
- *Đám cưới* (1992)
- *Đường dốc* (1993)
- *Ở đây* (1994)
- *Trời, cái bật lửa* (1995)
- *Tục ngữ Dáy* (tập truyện, 1995)
- *Dòng sông mây* (1995)
- *Chợ tình* (1995)
- *Hưu tập thể* (tập truyện, 1995)
- *Suối Pí Lè* (1996)
- *Lều nương* (1996)
- *Con của núi* (tập 1: 1996; tập 2: 1997)

Trích thơ:

**Chiều biên giới**

*Chiều biên giới em ơi!  
Có nơi nào xanh hơn  
Như tiếng chim hót gọi  
Như chồi non cỏ biếc  
Như rừng cây của lá  
Như tình yêu đôi ta.*

*Chiều biên giới em ơi!  
Có nơi nào cao hơn  
Như đầu sông đầu suối  
Như đầu mây đầu gió  
Như quê ta - ngọn núi  
Như đất trời biên cương.*

*Chiều biên giới em ơi!  
Có nơi nào đẹp hơn  
Khi mùa đào hoa nở  
Khi mùa sớ ra cây  
Lúa lượn bạc thang mây  
Mùa toả ngát hương bay.*

*Chiều biên giới em ơi!  
Rừng chằng dây điện sáng  
Ta nghe tiếng máy gọi  
Như nghe tiếng cuộc đời  
Lòng ta thâm mê say  
Trên nông trường lộng gió  
Rộng như trời mênh mông.*

*Chiều biên giới em ơi!  
Đôi ta cùng chiến hào  
Gắn nhau thêm bền chí*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Tình yêu là vũ khí  
Giữ đất trời quê hương.*

*Chiều biên giới em ơi!  
Nghe con sông chảy xiết  
Nghe con suối thác đổ  
Hồn ta như ngọn gió  
Thổi giữa trời quê hương.*

(Hoàng Liên Sơn, 1980)

**Đi trên chín khúc Bản Xèo**

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
con đường vắt vẻo như dây leo  
người đi không mà như đeo nặng trĩu  
đường ta đi mưa gió giăng theo*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
đi kiểu cóc nhảy, khi trèo cây  
bên tai réo sôi dòng thác chảy  
con đường từ đây tới rừng già*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
con đường là cái hạt ta gieo  
con đường là cái rễ lan tỏa  
dệt nên hoa trái, tiếng chim ca*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
nhớ ngày còng lưng đi cuốc mướn  
bưng bát cơm ăn phận người dâu có  
hương thơm chỉ âm gác nhà quan*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
đường ta đi chín khúc mây treo*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*con đường men theo triền núi biếc  
đường ta đi trong tiếng lá rùng reo*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
đường ta đi chín khúc trắng treo  
đường xưa quấn quanh bên hốc đá  
đường nay mở ra khắp phương trời*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
đường ta đi chín khúc gieo neo  
đường xe lên, đường trăm ngựa ngược  
đường miền xuôi lên tới Bản Xèo*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
đường ta đi chín khúc tai mèo  
những bước chân đan nhau chồng chéo  
đường ta đi nắng cháy lưng đèo*

*Ta đi trên chín khúc Bản Xèo  
càng đi con đường càng cheo leo  
nơi ấy tình yêu ta ở đó  
ai lên Bản Xèo, cùng ta theo!*

### **Ngôi nhà rông**

*ngôi nhà Rông  
có trong đó  
những tràng trai  
chân đất  
mặt khó  
đi như gió thổi qua rừng*

*ngôi nhà Rông  
có trong đó  
các cô gái*

HUỶNH ÁI TÔNG

ngục trần  
vàng vặc  
sông núi  
bầu trời  
bầu trăng

ngôi nhà Rông  
có trong đó  
lời kẻ khan  
giàu công chiêng  
lông lộng hồn Tây Nguyên

ngôi nhà Rông  
trông như một lưỡi rìu  
sắc lẹm.

(tháng 4 năm 1999)

**Người đẹp**

Người đẹp trông như tuyết  
Chạm vào lại thấy nóng  
Người đẹp trông như lửa  
Sờ vào lại thấy mát  
Người không khát - Nhìn thấy người đẹp cũng khát  
Người không đói - Nhìn thấy người đẹp cũng đói  
Người muốn chết - Gặp người đẹp lại không muốn chết nữa

O!  
Người đẹp là ước mơ  
Treo trước mắt mọi người!

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

**Trời và đất**

*Đất muốn lên với trời  
Nhưng trời ở quá cao  
Đất không sao tới được*

*Trời muốn xuống với đất  
Nhưng đất ở quá thấp  
Trời không sao gần được*

*Muôn thưở trời và đất  
Luôn ở cách xa nhau  
Chỉ có người với người  
Là có thể gần nhau*



Trong bài: *Bản sắc dân tộc Giáy và Pa Dí trong thơ Lò Ngân Sủn và Pờ Sảo Mìn*, các tác giả Trần Thị Việt Trung và Nguyễn Phương Ly đã có nhận định về Lò Ngân Sủn:

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Lò Ngân Sủn là người viết nhiều, viết khỏe và viết khá thành công ở nhiều thể loại (truyện kí, nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch...) nhưng sáng tác nhiều nhất và thành công nhất là ở thể loại thơ. Thơ ông có hương vị rất đặc trưng – hương vị của “thắng cố” – một món ăn đặc sản của người dân tộc vùng núi cao, hay nói một cách khác – thơ ông rất độc đáo, mang đậm màu sắc dân tộc vùng cao miền núi.*

Tài liệu tham khảo:

- Lò Ngân Sủn Web: [vanvn.net](http://vanvn.net)
- *Chiều biên giới* Web: [cuocsongla.com](http://cuocsongla.com)

## 11. Hơ Vê



### Hơ Vê – Ngarivê (1945-20 )

Nhà thơ Hơ Vê có tên là Ngarivê, dân tộc Hrê, sinh năm 1945, tại rẻo cao xã Sơn Tân, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1954, lên 9 tuổi, Hơ Vê đã phải xa nhà, xa người thân ra miền Bắc để học “cái chữ” tại Trường Dân tộc Trung ương tại Hà Nội.

Năm 1968, Hơ Vê tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội, được phân công về giảng dạy tại Trường phổ thông cơ sở huyện Lạc Thủy tỉnh Hoà Bình.

Năm 1976, Hơ Vê được chuyển công tác về tỉnh Nghĩa Bình cũ, tiếp tục công tác giảng dạy và quản lý các trường cấp III Nghĩa Minh, Trường Sư phạm miền núi của tỉnh Nghĩa Bình, Trường Trung học Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi. Nay Hơ Vê đã nghỉ hưu.

Nhà thơ Hơ Vê là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hội viên Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ủy viên BCH (khóa II), hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh

## HUỶNH ÁI TÔNG

Quảng Ngãi, Ủy viên BCH (khoá II, khoá III), Chi hội trưởng Chi hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi.

Nhà thơ Hồ Vê được giải thưởng:

- Giải B của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1992, với tác phẩm *Đoá hoa rừng*.

Hiện nhà thơ Hồ Vê đã nghỉ hưu và sinh sống tại Quảng Ngãi.

Tác phẩm:

- *Đoá hoa rừng* (thơ)
- *Tất cả cho anh* (thơ)
- *Plây em mùa xuân* (thơ, Văn hóa Dân tộc)
- *Khát vọng* (thơ, Đà Nẵng)
- *Truyện cổ K'yong* (truyện cổ tích, Kim Đồng)
- *Người kể H'mon* (tập truyện, ký)

Trích thơ:

### **Thương lắm – nhớ nhiều**

*Em yêu anh,  
Như con chim vơ-ling yêu rừng.  
Em thương anh,  
Như con cá ra-tang thương nước.  
Em nhớ anh,  
Cứ nhấp nha nhấp nhồm,  
Như con kiến cắn tim,  
Như lửa đốt trong bụng,  
Muốn thấy ngay cái miệng,  
Muốn cầm ngay cái tay,  
Muốn đi bên anh như đôi chim cùng bay.*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*O! Em nhớ đầy cả ngày  
Em thương sáng cả đêm  
Nhiều như cái sao cái lá  
Cao như cái núi cái đèo  
Em đếm từng tiếng tim đập  
- Con tim đập nặng nề  
Em đếm từng cái nháy mắt  
Mắt nháy nhiều như sao*

*O! Thương lắm, nhớ nhiều  
Nhớ thương đầy cả đêm  
Nhớ thương sáng cả ngày  
Như con chim vơ-ling  
Như con cá ra-tang...*

(1994)

**Cho con cái lời.**

*Mẹ nghèo,  
Đời mẹ nhăn nheo như đá núi...  
các con ra ở riêng  
mẹ chỉ cho cái lời.  
Đừng lười như con ka-ni (con chuột),  
Đừng nhát như con poroăcq (con sóc),  
đừng ồn ào cãi nhau như con ha-dro (con ve)  
Hãy khôn như con chôn, con sóc  
Biết chọn ăn trái tốt, trái lành  
Hãy dũng cảm như con tho (con thỏ)  
Không sợ con vu-co (con cọp) to xác  
và cần cù như con xutq (ong mật)  
Mang vị ngọt cho đời.*

HUỲNH ÁI TÔNG  
**Người Ca Dong**

*Đạp gai cào gai xé, đánh thức mắt trời  
Đu cơn mây vách đá, dìu vàng trăng lên.*

*Người Ca Dong ở trên cao  
Mắt sáng, da nâu  
Hiền như củ mì, củ mài  
Lành như con sóc, con nai  
Giận như hổ như báo  
Tin như đất, như trời  
Yêu như chim yêu rừng, như cá yêu nước.*

*Người Ca Dong ở trên cao  
Đường dốc lên cửa trời  
Mây giăng đỉnh núi  
Lấp lánh sao cài kim cương...*

Trong bài: *Nga Ri Vê* – “Người kể H’mon” của dân tộc H’rê,  
tác giả Trần Thụy Du đã có nhận định:

*“Là người dạy học, làm thơ, viết văn và khai thác, sưu tầm văn  
hóa dân gian H’rê, chính bản thân Nga Ri Vê cũng là người kể  
H’mon đầy tâm huyết của dân tộc H’rê.”*

Tài liệu tham khảo:

- Hơ Vê Web: [lengoctrac.com](http://lengoctrac.com)
- *Thương lắm - nhớ nhiều* Web:  
[sacmauthoigian.wordpress.com](http://sacmauthoigian.wordpress.com)



## 12. Pờ Sảo Mìn



### **Pờ Sảo Mìn (1946-20 )**

Nhà thơ Pờ Sảo Mìn dân tộc Pa Dí, sinh ngày 1 tháng 1 năm 1946 tại thôn Na Khui, xã Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai dưới chân rừng cấm Cốc Chứ. Dịch từ tiếng Pa Dí, Pờ Sảo Mìn có nghĩa là Bạch Thiếu Minh, ngoài ra cha mẹ còn gọi với những cái tên khác: Pờ Seo Cáo, nghĩa là Bạch Tiểu Cao, Pờ Seo Mã, nghĩa là Bạch Tiểu Mã.

Cha của Pờ Sảo Mìn là Pờ Hai Vân, bộ đội Cụ Hồ người Pa Dí, đã hy sinh trong một trận tiểu phi cuối năm 1950 trên chính mảnh đất quê hương mình. Tám tuổi, cậu bé mồ côi Pờ Sảo Mìn đã phải đi ở chăn ngựa cho nhà giàu.

Năm 1958, mới 12 tuổi Pờ Sảo Mìn được chọn làm người giám mã - trông ngựa cho UBND huyện Mường Khương và làm liên lạc đưa thư từ, công văn tới các thôn làng. rồi nhân viên đánh máy. Rồi tỉnh bố trí cho Pờ Sảo Mìn đi học trường Dân tộc nội trú. Con trai người Pa Dí không những được học chữ, mà còn biết làm thơ.

Năm 1963- 1964, sau khi tốt nghiệp bổ túc Công nông tỉnh Lào Cai, Pờ Sảo Mìn sang Tiệp Khắc (cũ) học Đại học Cơ khí chế

## HUỶNH ÁI TÔNG

tạo máy, chuyên ngành các loại động cơ đốt trong gồm cả động cơ xe máy, ô tô, tàu thủy.

7 năm trời vừa học, vừa thực tập, với vốn kiến thức ấy đủ để lão phát huy trên con đường khoa học kỹ thuật đang còn rất mới mẻ lúc bấy giờ.

Năm 1972, lão về nước, hồi ấy có thầy giáo là nhà văn Ma Văn Kháng dạy học ở Lào Cai, sau đó làm cán bộ tinh uý, rồi Phó Tổng biên tập báo *Lào Cai*. Phát hiện thấy ở Mường Khương có Pờ Sảo Mìn có năng khiếu văn chương, nên nhà văn Ma Văn Kháng đã giúp ông đi học lớp viết văn trẻ khoá VI ở Quảng Bá năm 1973.

Từ cổng lớn Quảng Bá, mười năm sau, nghiệp thi ca đã dẫn Pờ Sảo Mìn tới một cổng lớn nữa để thực sự là người của chữ nghĩa văn chương, ấy là Trường Viết văn Nguyễn Du.

Từ năm 1982 đến 1985, Pờ Sảo Mìn đã dự khóa II, Trường Viết văn Nguyễn Du, ra trường, ông trở về Lào Cai làm việc ở Phòng Văn hóa Thông tin của Ủy ban hành chính huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, là hội viên Hội Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Năm 1990, ông ngồi tù 96 ngày đêm, trong trại tạm giam Km8 Yên Bái, do bị tình nghi làm gián điệp cho Trung Quốc, sau khi ra tù ông bị về hưu non năm 1991.

Pờ Sảo Mìn được các giải thưởng:

- Giải khuyến khích cuộc thi thơ Báo Văn nghệ năm 1982, bài thơ *Biển chàm trên núi*.
- Giải thưởng trong cuộc thi thơ Báo Văn nghệ năm 1995, bài thơ *Lời dân tộc tôi*.
- Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam trao giải

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

“Tác giả dân tộc thiểu số 1995”, cho tập thơ *Cây hai ngàn lá*.

- Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam trao giải “Tác giả dân tộc thiểu số 1996”, cho tập thơ *Bài ca hoang dã*.

Hiện nay Pờ Sảo Min sống với vợ là nhà giáo Thèn Dền Dín ở Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm:

- *Hoa trên núi đá* (1975)
- *Rừng sáng* (1977)
- *Núi mọc trong mặt gương* (1978)
- *Cây hai ngàn lá* (1991)
- *Bài ca hoang dã* (1993).
- *Mắt lửa* (1995)
- *Cung đàn biên giới* (2002)
- *Con trai người Pa Dí* ( 2002 )
- *Mắt rừng xanh* (2005)
- *Bài ca đẹp nhất trần gian*

Trích thơ

### **Vợ tôi**

*Vợ tôi  
Năm nay em 60 tuổi rồi  
Nửa thế kỷ đi qua, mái đầu bạc trắng  
Một đời gánh nặng khó nhọc trên vai  
Tôi con xuôi thì đi  
Em đất đai ở lại  
Với túp lều con cái.*

HUỖNH ÁI TÔNG

Vợ tôi

Cũng đã qua một thời con gái  
Tóc dài như suối, mắt sáng như sao  
Nghe em nói giọng chim mi ngọt ngào  
Náo nức lòng tôi,  
Con trai người Pa Dí.

Vợ ơi,

Em như con ong kiếm mật xây tổ  
Lo nuôi con thương chồng đi xa  
Có một thời cơ cực vất vả  
Có một thời tháng năm nghiệt ngã  
Qua rồi,  
Thế thôi.

Vợ tôi

Ngày lên nương ngô, trưa ra đồng lúa  
Và chiều chiều trên vai củi nứa  
Vẫn đêm đêm thương con nhớ chồng  
Vẫn đêm đêm bóng những con chữ lặn vào trang giáo án  
Đến buổi sáng  
Bảng đen phấn trắng i tờ,  
Qua rồi,  
Thế thôi.

Tôi gọi em đích thực: Mẹ ơi,  
Mẹ của các con tôi và mẹ của chính tôi  
Không có vợ không câu thơ sinh nở  
Không có vợ không bài ca để hát  
Vợ tôi...

**Cây hai ngàn lá**

Dân tôi chỉ có hai ngàn người  
Như cái cây hai ngàn chiếc lá

*Ai nuôi ai cái rễ cái cây  
Ai yêu ai trong tình yêu thâm lặng  
Cái tình yêu bé nhỏ trong cây  
Rễ nuôi lá, lá nuôi cây cùng lớn.*

*Dân tôi chỉ có hai ngàn người  
Một cây đứng trong muôn rừng cây đứng  
Muốn hiểu mình qua bao chịu đựng  
Thì cây ơi ! Ta sẽ hát đời mình*

*Thế kỉ nào gieo mầm trong đất  
Hôm nay cây lớn toả sum suê  
Con trai cời trần trong mặt trời nắng cháy  
Ép đá xanh thành rượu uống hàng ngày  
Con gái cũng vén tay khoe tài  
Tước vỏ cây thêu áo đẹp ngày mai*

*Dân tộc chỉ có hai ngàn người  
Biết gọi gió gọi mưa gọi nắng  
Chấn suối ngăn sông nước ngược dòng  
Ngô lúa cười vui tận chân trời đỏ  
Rượu uống quanh năm nước vẫn chảy về.*

*Dân tôi chỉ có hai ngàn người  
Như cái cây hai ngàn chiếc lá  
Núi cao, núi thấp tựa bên nhau  
Trập trùng. Trập trùng  
Gió reo hát qua hai ngàn chiếc lá  
Cây ơi !*

(30 - 3 - 1983)

HUỶNH ÁI TÔNG  
**Con trai người Pa Dí**

Mẹ sinh ra tôi trên đỉnh đá tai mèo  
Uống nước nguồn trong veo  
Con trai người Pa Dí  
Mắt một mí, tóc đen, mũi tẹt, da vàng  
Dáng có vẻ ngang tàng như quấy đạp trần gian  
Con trai người Pa Dí...  
Đã đi là đến  
Đã đến là ở  
Đã ở là ở rất lâu  
Đã yêu là yêu nhiều, yêu mãi  
Yêu cho hết tận cùng man dại  
Con trai người Pa Dí  
Không hận thù ghét bỏ cùng ai  
Đi chín phương là chín phương bè bạn  
Đến mười phương là mười miền thương nhớ  
Bạn ơi...!

Trong bài: *Nhà thơ Pờ Sảo Mìn: Cây già trên núi đá Mường Khương*, tác giả Hà Văn Thế đã có nhận định:

*Nét độc đáo của Pờ Sảo Mìn là đã đi sâu khai thác vốn văn hóa dân tộc, lối tư duy, lời ăn tiếng nói của dân tộc, được nhà thơ góp nhặt, nghệ thuật hóa và thể hiện bằng ngôn ngữ riêng đưa vào thơ, làm đẹp, phong phú thêm tiếng nói của dân tộc mình. Trong đó ý thức dân tộc, khát vọng dân tộc thể hiện rất rõ. Đó là nét riêng có trong thơ Pờ Sảo Mìn. Nhà thơ luôn mong muốn tộc người Pa Dí chỉ có hơn hai nghìn nhân khẩu của mình được mãi mãi yên bình và phát triển. Đó cũng là cái tâm, cái đích thơ Pờ Sảo Mìn tìm đến.*

Tài liệu tham khảo:

- Pờ Sảo Mìn Web: [nongnghiep.vn](http://nongnghiep.vn)
- Vợ tôi Web: [tienphong.vn](http://tienphong.vn)

### 13. Dư Thị Hoàn



#### **Dư Thị Hoàn – Vương Oanh Nhi (1947-20 )**

Nhà thơ Dư Thị Hoàn dân tộc Hoa, sinh năm 1947 tại Hải Phòng. Ngoài ra còn có bút danh là Nữ Lang Trung.

Sau khi học hết Trung học phổ thông, nhà thơ Dư Thị Hoàn vào đời làm nghề thợ tiện ở xí nghiệp Z21.

Sau sự kiện năm 1979, phải rời khỏi xí nghiệp, mưu sinh làm người buôn thúng bán mẹt đầu đường chợ Sắt, rồi làm giám đốc công ty, cho đến chức trưởng đại diện của một tập đoàn thương mại Hồng Kông tại Hải Phòng.

Lập gia đình với nhà thơ Trịnh Hoài Giang.

Năm 1987, có những bài thơ *Viên mãn*, *Bước chân chậm*, *Trong bệnh viện tâm thần*, đăng trên tuần báo Văn Nghệ, được độc giả quan tâm.

Năm 1988, đã 41 tuổi mới cho ra đời tập thơ *Lối nhỏ*.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Nhà thơ Du Thị Hoàn là người Hoa duy nhất được kết nạp vào Hội Nhà Văn Việt Nam năm 1996.

Hiện nay Du Thị Hoàn sống ở thành phố cảng Hải Phòng.

Tác phẩm:

- *Lối nhỏ* (thơ, Hội VHNT Hải Phòng, 1988)
- *Bài mẫu giáo sáng thế* (thơ, Hội Nhà Văn, 1992)

Trích văn:

### **Cứ đến Tết là tôi muốn bỏ nhà đi**



*Cuộc chiến Việt - Trung 1979 đem đến khổ đau cho nhiều người dân*

Cứ đến Tết là tôi muốn bỏ nhà đi...lang thang, đến một nơi nào đó thật xa, không ai hỏi han mình, thuê một quán trọ hoặc nhà của một thổ dân nào đó... mua mỳ ăn liền, bánh quy mặn và phomai, dự phòng cho mấy ngày Tết không có tiệm ăn nào mở cửa, đêm giao thừa chỉ cần một tách café, thật nóng.



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Trong làng văn chương nhiều người biết nhà thơ Trịnh Hoài Giang - ông xã tôi, là người hiểu biết và chiều chuộng vợ con (tuy phải chịu nhiều thiệt thòi ở cơ quan công sở, chỉ vì lấy vợ là Hoa kiều).

Hai cậu con trai tôi đều đã trưởng thành, không ăn bám. Cậu thứ hai Tuệ Giang sau khi tốt nghiệp, được giữ lại làm giảng viên trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội. Cậu đã dạy bảy năm ở trường và được thỉnh giảng ở các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Ninh, Nha Trang... Cậu vốn là đứa ít nói, còn lập thuyết về cái tật ngôn bất xuất khẩu của mình: "Người ta tập một năm để biết nói, nhưng lại tập sáu mươi năm để biết im lặng đầy mẹ ạ!". Thế mà lại rơi vào đúng cái nghề nói nhiều, không biết lúc đứng trên bục giảng cậu ta lảm nhảm ra làm sao, chịu!

Vi Thùy Linh, nhà thơ, bảo: "U Hoàn không biết chứ, anh ấy là mì chính cánh của trường đấy!". Hiện nay cậu nhận được học bổng, xong chương trình thạc sĩ, tiếp tục bảo vệ luận án tiến sĩ ở Úc. Năm ngoái có đón bố mẹ sang Úc chơi ba tháng. Cậu đã có vợ là một cô gái người Indonesia gốc Hoa theo đạo thiên chúa, đang công tác tại ngân hàng Nam Úc.

Cậu cả của tôi Thy Giang, làm đại diện cho một hãng dầu nhờn Mỹ, biệt phái sang văn phòng đại diện của hãng ở Oman được mấy tháng là xảy ra chiến sự ở Iraq. Cậu trở về dồn toàn bộ đồng lương kiếm được từ tay đế quốc tư bản, về mở quán café Giang guitar ở Hải Phòng. Cậu học guitar từ lúc 8 tuổi, và nay đã gần 40 tuổi mới có cơ hội thực hiện ước mơ "một mình với guitar" theo đúng nghĩa là vô giá. Cậu có khả năng mua nhà riêng và lo được cuộc sống tươm tất cho một gia đình.

Tôi có một gia đình êm ấm, hạnh phúc, như thế đấy... Giá như không có cuộc chiến 1979, giá như không xảy ra biến cố người Hoa.

*Biến cố người Hoa*

Tết thanh minh năm nọ, không ngờ lại là bữa tiệc cuối của sum họp đại gia đình, hình ảnh má và các em các cháu tôi chen lấn trong dòng người lũ lượt ra ga, leo lên tàu hỏa.

Đã ba mươi năm trôi qua, vẫn còn tươi rói những hình ảnh: Tết thanh minh năm nọ, không ngờ lại là bữa tiệc cuối của sum họp đại gia đình, hình ảnh má và các em các cháu tôi chen lấn trong dòng người lũ lượt ra ga, leo lên tàu hỏa.

Thê thảm nhất là đàn bà con trẻ, họ léch thếch, hỗn loạn, và yếu ớt, họ giao phó nỗi hốt hoảng cho bất kỳ ai có mặt hôm đó, giao phó cho đoàn tàu chở họ tới một đất nước được gọi là tổ quốc trong muôn vạn bất trắc và mong manh? Họ trở về quê hương và không hiểu tại sao, vì lẽ gì?

Chị chồng tôi ra tận nhà ga ôm lấy ba mẹ con tôi đang gào khóc nhìn đoàn tàu mất hút trong đêm tối. Đúng vào thời điểm đó, chồng tôi thay mặt ban thường vụ Hội Văn nghệ Hải Phòng cùng với hội phó Văn Tiến, đi dự lễ thành lập Hội văn nghệ thành phố Đà Nẵng.

Ít lâu sau nghe tin đại gia đình tôi được phân nhà có đủ nồi niêu bát đĩa chẵn màn ở một nông trường Hải Yến, Đài Sơn, Quảng Đông. Người lớn đều đi trồng mía và đủ ăn.

Một năm sau, tôi mới nhận được lá thư của má từ trại tị nạn Hong Kong gửi về. Khóc rằng hai cậu em trai tôi đã mất tích, bỏ lại một mớ vợ góa con cô, ở nông trường không sống nổi. Má tôi dặt dứ cả nhà 11 mạng nhược tiểu xuống thuyền chài bên cảng Bắc Hải, bán hết vàng để đánh cược trong cuộc chạy loạn lần thứ hai.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Từ đó tôi mất liên lạc với gia đình, nghe đồn rằng họ đã được chấp nhận sang định cư ở nước Mỹ.

Qua thư tôi biết thêm chi tiết hai cậu em trai ở Trung Quốc năm đó (đầu năm 1979) bị lãnh đạo nông trường gọi lên để giao nhiệm vụ, làm phiên dịch cho quân đội chuẩn bị tham chiến đánh Việt Nam.

Ngay đêm đó hai cậu khăn gói trốn khỏi nông trường. Nghe nói họ vượt biên sang Hong Kong rồi bị bắt, lại nghe nói họ bị dân quân bắn chết khi ẩn náu ở trong rừng khu vực Huệ Châu gần Hong Kong. Lại nghe đồn họ bị chết đuối khi bơi qua eo biển sang Hong Kong.

### *Mất mát*

Má tôi đi hết các trại giam theo người mách bảo, nhờ cậy người ta tìm kiếm ở các trại tị nạn cũng không kết quả. Ba cụ đã mất sau hai năm liệt giường bởi tai biến mạch máu não rồi được chôn cất ở ngoại ô New York tháng 6 năm 1998, thọ 72 tuổi.

Nước Mỹ đã quá hạch sách và luôn tỏ ra nghi ngờ một cách khá ó, ngay cả khi chất vấn một người đến xin visa nhập cảnh chỉ với một tia hy vọng báo hiếu và đoàn tụ như tôi. Tại văn phòng đại sứ quán ở Hà Nội, tôi đã khổ sở không dưới bốn lần và nếm đủ mùi cay đắng lép vế trước bộ mặt trịch thượng, sắt đá đại diện cho công quyền America.

Bây giờ hai em dâu tôi đã tái giá và ba đưa nhỏ mồ côi cha đã trưởng thành trong sự săn sóc của quỹ nhà thờ hợp chủng quốc. Hai cậu em tôi thế là mất xác, ba mươi năm bật tin rồi còn gì!

Cha tôi là giáo viên trường trung học Hoa Kiều ở Hải Phòng, được tặng thưởng nhiều bằng khen giấy khen, 1974, còn một năm nữa là đủ tuổi về hưu thì ông bị công an đến còng tay

## HUYỀN ÁI TÔNG

(không có án). Tôi chỉ biết ông là cựu sĩ quan Quốc Dân Đảng Tàu Tưởng, từng nhiệm chức chánh văn phòng đại diện Quốc Dân Đảng đóng tại Cửa Bắc Hà Nội trước cách mạng tháng Tám.

Sau khi mãn hạn chín năm tập trung cải tạo, ở khắp các trại giam Lao Cai, Lam Sơn, Kiều, Cẩm Thủy, Bãi Chành... ông đã tìm đường sang Mỹ, hiện đang ở với cô em út Đán Thứ.

Từ đó tôi chưa gặp lại cha, và không biết còn cơ hội nữa không? Nếu người Mỹ vẫn một mực chứng tỏ họ là giống người ưu việt nhất thế giới thông qua thái độ ngạo mạn và trịch thượng trong việc cấp visa!

Thế là từ đó, gia đình tôi tan tác như một bầy chim vỡ tổ, bay loạn xạ. Dòng máu của người thân vẫn tiếp tục tuần hoàn trong trái tim thương tích của tôi. Vết đau buốt nhói ấy lại tái phát vào những buổi chiều cuối, trong bữa cơm đoàn tụ cúng gia tiên.

Tôi đã viết những bài thơ đầu tay trong đón đầu mắt mát đó (Mười năm tiếng khóc, Bức thư người Hoa, Tổ quốc - trong tập "Lối nhỏ") và đã bắt đầu dĩ trở thành nhà thơ.

Tôi sợ nỗi buồn lại bành trướng sang con sang cháu mỗi khi tết đến xuân sang, thế là lại ba lô lên đường...

Trích thơ:

### **Nghiệp chương**

*Bé con ta sinh  
Đâu hồn đâu phách  
Diện mạo như nước chảy  
Tình tình tựa gió mây*

Ta nhận ra con  
Bởi vàng hào quang  
                                ai oán  
Một đêm ta với cõi này  
                                động mùa  
                                sao rụng  
                                rơi trắng.

**Ở này, thời gian**

Sẽ đến lúc  
Ta bận tâm về người  
Như bận tâm  
Khi cài cửa bấm khoá  
Nhưng bây giờ thì chưa

Và rồi đến lúc  
Người bận tâm về ta  
Đưa con hoang  
Người trốn sinh nở  
Nhưng bây giờ thì chưa

Không đâu, không đâu  
Người đào huyết mã  
Chôn tiếng khóc của ta  
Chôn tiếng cười của ta  
Chôn hơi hướm của ta mà

Ta biết đấy  
Người biết đấy  
Nhưng bây giờ thì chưa.

**Trong bệnh viện tâm thần**

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Buổi sáng, bác sĩ lại khám bệnh  
Buổi tối, ngủ bằng thuốc an thần  
Mọi người đều rất yên tâm  
Khi thấy tôi không còn khả năng đập phá*

*Đào tạo một bác sĩ  
Có giản đơn đâu  
Còn những vỉ thuốc hiệu nghiệm kia  
Tính bằng ngoại tệ  
Tôi bật cười – căn bệnh này tốn phí đến thế  
Càng ái ngại cho những người chuyên cần  
phục dịch vây quanh...*

*Tôi sẽ khỏi bệnh  
Lại dịu dàng hát bên chiếc khung thêu ngày ấy  
Không cần bác sĩ  
Không cần những viên thuốc đắt tiền  
Chỉ cần đôi bàn tay nào run rẩy mang đến  
Một nhành hoa dại thôi!*

## Thiền xứ

*Vòm trời có một lỗ thủng  
Thiền quang rơi xuống  
Phật đài trên cao  
Em quy y giữa toà tam bảo*

*Ngoài kia ai thỉnh chuông  
Em  
trong lòng gỗ mõ*

*Nam mô  
Nam mô  
Tiếng côn trùng vẫy gọi  
Nam mô  
Nam mô*

*Từ lỗ thủng thiên đường.*

### **Đi lễ chùa**

*Năm người đàn bà cùng ngồi trên xe ngựa  
Tay khur khur ôm đầy vật tế lễ*

*Người thứ nhất thờ dài:*

*- Tội nghiệp nhất người đàn bà không chồng*

*Người thứ hai chếp miệng :*

*- Vô phúc nhất người đàn bà không con*

*Người thứ ba cười buông :*

*- Bất hạnh nhất người đàn bà không khóc nổi  
trước mặt chồng*

*Người thứ tư điềm đạm :*

*- Tuyệt vọng nhất người đàn bà không cười được  
khi thấy con*

*Người thứ năm :*

*- Mô phật!*

*Lão xà ích giật dây cương*

*Roi quát*

*Tung bụi đường.*

### **Vô đề (2)**

*Con thiêu thân lao thẳng vào trang viết  
Tìm luồng sáng ở kẽ chữ chân câu?*

*Phu khuân chữ cứ bấn khoản đoạn kết  
Không kết nổi vì nổi bấn khoản*

*Những ngón tay theo thói quen  
miết miết lên trang giấy*

*Con thiêu thân  
chết  
bởi thói quen  
rất bình thường của ngón tay.*

### **Thôn quả phụ**

*"- Cho anh tiễn em tới gốc cây đa  
- Thôi, xin cảm ơn  
- Cho anh tiễn em qua chân cầu gỗ  
- Thôi. Em cảm ơn lần nữa  
- Anh chỉ tiễn em đến ngôi chùa đổ  
- Thôi mà... khi khác... em xin  
- Thế thì cho anh điạ chỉ  
- Kia kìa, đằng sau cơn mưa"*

### **Đêm tân hôn**

*"Em như con tàu gặp bão  
Rừng san hô đáy biển  
Chưa kịp buông neo*

*Chưa kịp buông neo  
Rừng san hô đáy biển  
Em như con tàu gặp bão  
Đêm tân hôn"*

### **Tan vỡ**

*Mở ngăn kéo rồi anh bỏ ngõ  
Bút viết xong không đập nắp bao giờ  
Ôi anh yêu, lơ đãng đến là  
Con nai rừng của em...*



\*

Tất cả rồi dễ qua đi, qua đi  
Chúng mình sẽ thành vợ thành chồng  
Nếu không có một lần  
Một lần như đêm nay  
Sau phút giây  
Êm đềm trên ghé đá  
Anh không cài lại khuy áo ngực cho em./.

### **Có gì quan trọng đâu**

Có gì quan trọng đâu  
Chúng mình cùng lên sân khấu  
Môi thâm má thắm  
Diễn cho hết một thoáng trần gian

Có gì quan trọng đâu  
Kịch bản đã dàn cảnh  
Cứ thể nhập vai  
Sao cho dài từ năm lòng

Có gì quan trọng đâu  
Vai Kiều nữ đầy đoạ  
Vai Tú bà hãm đoạ  
Vai Sở Khanh đào tẩu  
Vai Từ Hải uy phong...  
Khóc cười cho thật đáo đẽ  
Rồi lên voi  
Rồi ngã ngựa  
Mua vui thôi  
Mà chắc gì đã được một vài trống canh!

Có gì quan trọng đâu  
Gột rửa son phấn  
Tẩy sạch mày râu

HUỲNH ÁI TÔNG

Gỡ bỏ đụn tóc  
Lột cởi y trang  
Châm hết!

Ta về đảng ta  
Người đi đảng người...

Có gì quan trọng đâu  
Hết vỡ rồi mà  
Sao anh còn ngất ngưỡng  
Sao em lại hờn dỗi  
Sao chị vẫn sứt sùi  
Ô hay!

Trong bài: *Dư Thị Hoàn vội vã lội qua đằm lầy nước mắt*, nhà văn Lê Thiếu Nhơn viết:

*Thơ Dư Thị Hoàn không dễ trích dẫn, vì mỗi đơn vị bài thơ không hướng đến miêu tả một tình huống mà để tái dựng một cảm giác. Thơ Dư Thị Hoàn không chủ đích gợi suy tư hoặc gợi hình tượng, mà gợi rung động. Chẳng hạn bài Tan vỡ chứng minh sự sụp đổ của hình ảnh người đàn ông trong trái tim người đàn bà có khi vì một chi tiết hờ hênh: “Mở ngăn kéo rồi anh bỏ ngổ/ Bút viết xong không đập nắp bao giờ/ Ôi anh yêu, lơ đãng đến là/ Con nai rừng của em.../ Tất cả rồi dễ qua đi, qua đi/ Chúng mình sẽ thành vợ thành chồng/ Nếu không có một lần.../ Một lần như đêm nay/ Sau phút giây êm đềm trên ghế đá/ Anh không cài lại khuy áo ngực cho em”.*

Tài liệu tham khảo:

- Dư Thị Hoàn Web: [tiasang.com.vn](http://tiasang.com.vn)
- *Cứ đến Tết là tôi muốn bỏ nhà đi* Web: [www.bbc.co.uk](http://www.bbc.co.uk)

**14. Linh Nga Niê Kdăm**



**Linh Nga Niê Kdăm – H’linh Niê Kdăm (1948-20 )**

Nhà văn, nhạc sĩ Linh Nga Niê Kdăm, dân tộc Êđê, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1948 tại Việt Bắc, thân phụ là nhà giáo Y Ngông Niê Kdăm, thân mẫu người Kinh Bùi Thị Tân, nguyên quán buôn Cư M'Gar, Đắk Lắk.

Năm 1979, tốt nghiệp đại học thanh nhạc tại Nhạc viện Hà Nội.

Năm 1990, tốt nghiệp đại học sáng tác âm nhạc tại Nhạc viện Hà Nội.

Nguyên Phó Tổng thư ký Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số VN Khoá II- III- IV.

Nguyên Ủy viên BCH Hội Nhạc sĩ VN khoá VI, VII.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ủy viên BCH Hội văn nghệ dân gian VN khoá II, III, IV, V, VI.

Nguyên Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Đăk Lăk khóa III.

Nguyên Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc phụ trách đào tạo Trung tâm phát triển Công nghệ Giáo dục - Đào tạo chi nhánh Tây Nguyên.

Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, trường Trung cấp Đam San, Đăk Lăk.

Giám đốc Công ty TNHH MTV Thảo Nguyên Xanh, Đăk Lăk.

Ling Nga Niê Kdăm đã được các giải thưởng:

- Tặng thưởng của Hội Văn Nghệ Dân Gian Việt Nam với tác phẩm *Vài nét đặc trưng văn hoá các dân tộc Tây Nguyên*
- Giải thưởng của Hội Văn Học Nghệ Thuật các Dân tộc thiểu số năm 2000, với tác phẩm *Đam San thời thơ ấu - Trường ca Êđê*
- Giải thưởng Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam năm 2004, với tác phẩm *Đi tìm hồn chiêng*.
- Giải thưởng Hội Văn Nghệ Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam năm 2006, với tác phẩm *Trường ca, sử thi trong môi trường văn hóa Tây Nguyên*
- Giải Hội Nghệ Sĩ Việt Nam năm 2007, với tác phẩm *Ngân nga Rlet Mnông* (nhạc cụ dân gian Tây Nguyên)
- Giải thưởng Hội Văn Nghệ Dân Gian Việt Nam năm 2008 với tác phẩm *Già làng Tây Nguyên*
- Giải B Hội Văn Nghệ Dân Tộc năm 2012 với tác phẩm *Văn hóa truyền thống K'Ho*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Nhà văn Linh Nga Niê Kdăm hiện sống và làm việc tại Đắk Lắk



*Vua săn voi Ama Công*

Tác phẩm:

- *Huyền thoại giữa cánh rừng* (Album ca khúc, Âm nhạc, 1996)
- *Vài nét đặc trưng văn hoá các dân tộc Tây Nguyên* (Đồng tác giả, Văn hoá dân tộc, 1999)
- *Dam San thời thơ ấu - Trường ca Êđê* (Sưu tầm và chỉnh lý, VHDT 2000)
- *Nàng Bia Lúi - Trường ca Bana.* (Sưu tầm và chỉnh lý,

## HUYỀN ÁI TÔNG

Kim Đồng 2001)

- *Con rắn màu xanh da trời* (tập truyện, VHDT, 2001)
- *Truyện thuyết núi Nấm Nung - Trường ca Mnông* (Sưu tầm và chỉnh lý, Kim Đồng 2002)
- *Văn hoá dân gian Tây Nguyên, một cách nhìn* (tiểu luận và dẫn luận, Hội VHNT Đăklăk, 2002)
- *Đi tìm hồn chiêng* (tập bút, Văn nghệ Quân đội 2003)
- *Trăng Xí Thoại* (Tập bút ký, VHDT, 2004)
- *Gió đở* (tập truyện, Hội Nhà Văn 2004)
- *Văn nghệ sỹ Tây Nguyên* (VHDT 2005)
- *Trường ca, sử thi trong môi trường văn hóa Tây Nguyên* (VHDT 2005)
- *Ngân nga Rlet Mnông* (nhạc cụ dân gian Tây Nguyên) - nxb Kim Đồng 2005 Giải Hội NSVN 2007)
- *Y Ngông Niê Kdam - Cuộc đời & sự nghiệp* (biên soạn, Chính trị quốc gia, 2006)
- *Già làng Tây Nguyên* - nxb VHDT 2007 (giải thưởng Hội VNDGVN 2008)
- *VCD Người con gái dòng họ Niê Kdam* (TTTHVN tại Đà Nẵng, 2001)
- *CD Khúc ca đại ngàn* (Đài TNVN thường trú TN, 2008)
- *DVD Khúc ca từ đại ngàn* (Đài TH Tp HCM, 2009)
- *Nhân danh ai* (bút ký, Quân đội, 2008)
- *Pơ Thi mệnh mang mùa gió* (tập truyện, VHDT, 2009)
- *Nghề thủ công truyền thống Tây Nguyên* (Hội Nhà Văn, 2010)
- *Văn hóa truyền thống K'Ho* (Chủ biên, Hội VNDGVN, m 2011)
- *Văn hóa TN giàu & đẹp* (VHDT, 2012)
- *Nghệ thuật diễn xướng Ê đê* (Bih, 2013)

Trích văn:

**Long lanh giếng nước buôn Nui**

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Mặt trời chưa kịp uống hết những giọt sương ngọc nhỏ xíu trong vắt treo trên đầu ngọn cỏ. Đám chim chóc dậy từ lúc bình minh mới hồng hồng nơi chân trời, ríu rít trò chuyện inh ỏi trong những vòm cây. Dọc con đường mòn nhỏ quanh co từ buôn ra giếng nước, hoa cúc dại xoè những cánh bé xíu trắng muốt, nhẹ nhẹ dịu dàng toả làn hương mong manh, phải chú ý lắm mới cảm nhận thấy. Mạnh mẽ nồng nàn hơn là hương hoa cà phê ngan ngát lan toả khắp trời đất. Gió dường như cũng không phải là gió của mọi ngày, ướm đắm hương, khe khẽ, đậu rất nhẹ trên vạn vật

H' My Ê Ban hít căng vào lồng ngực phập phồng cả hương vị lẫn cái cảm giác quen thuộc khó lẫn của bến nước buồn sang, mà đã hàng chục năm nay chị không hề tìm thấy được ở bất cứ nơi nào trên trái đất.

Quay trái, quay phải, thấy vẫn còn quá sớm chưa có người đến lấy nước, H' My đặt chiếc gùi đựng đầy những trái bầu khô, rỗng, va vào nhau kêu lộp cộp xuống đất, nghiêng người soi vào giếng. Mặt nước không đầy một tầm tay với, tinh khiết, phẳng lặng như chiếc gương tròn, trong veo, nhìn thấy tận những viên sỏi trắng xếp đầy dưới đáy. Một khuôn mặt nâu hồng hồng đã điểm vài nếp nhăn nhỏ nhỏ dài dài trên vầng trán, sống mũi thẳng, đôi mắt to hơi u buồn, mái tóc loăn xoăn tràn trên bờ vai chột đồ xuống lay động trong bóng nước ( người ta bảo ai tóc xoăn thì khổ). Tự nhiên mắt chị chột cay xè, những giọt nước mắt mặn chát, nóng hổi lặn lẽ trào ra không ngăn được. Một cái chớp mắt, mới đó mà 20 năm rồi, H' My mới lại được lồng gương mặt mình vào bóng mát của giếng nước thân yêu này. Cây Blang cổ ngoại trồng thưở nào, giờ đã là một cây cỏ thụ chết khô, nhưng đã kịp ôm trọn cái giếng trong vòng thân chỉ còn những thớ gỗ nâu sần sùi của nó. Cây Blang già hung, cũng hoá thân sang kiếp khác như cổ ngoại của H' My rồi mà. Chỉ có nước giếng là vẫn trong vắt, mát lạnh và luôn luôn đầy, như tình cảm quê hương ấm áp trong tâm trí H' My.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Người Êđê xưa nay không mấy nơi dùng giếng. Nước ăn, nước tắm giặt, chỗ cho bày voi chiều chiều té nước đùa dỡn với nài và con nít, tất cả đều ở bến nước của buôn sang. Nơi đó có thể là một dòng suối, một bến sông, hay những mạch nước ngầm chảy ra qua ống lồ ô từ trong lòng vách đất. Chỉ có buôn Nui của H'My mới có giếng nước này. Cái giếng cổ ngoại đã tìm ra từ hồi nào xa lơ xa lắc.

Amí nói nắng năm đó khủng khiếp. Cây cối trong rừng rũ hết cả lá như bị dội nước mới nấu tròn lửa. Bến nước Ea Ta cạn khô. Người trong buôn phải đi xa tới mỗi vai công gùi mới có vài bầu nước để nấu ăn. Lũ trâu lẫn lộn đằm xuống cố tìm lấy chút hơi mát trong dòng bùn khô cong, mà vô vọng, chỉ làm bốc lên một đám bụi mù trắng đục. Đám chó hiếu động là vậy mà không dám chạy, tụ tập trong bóng mát của mấy cây cổ thụ đầu buôn, nằm duỗi dài trên hai chân trước, cái lưỡi thè lè hồng hên thở. Bầy heo mẹ heo con lông dài đen bóng dựng ngược lên, lúc nhúc chen chúc nhau dưới các gầm sàn đầu hồi, nơi phía trên để nước rửa ráy.

Già làng Âe Tam buộc bên lưng một chiếc bầu đựng nước uống, một chiếc bầu đựng đầy bắp nấu như với bí đỏ, xỏ hai ngón chân ngoặt lấy chiếc dép da trâu, đặt xa gac lên vai, bước đi không ngoái lại đằng sau. Phải tìm ra nơi có nước cho buôn sang ! Không biết ông đã đi qua được mấy cánh rừng già ? Lộ qua mấy con suối cạn ? Mấy lần mặt trời lên xuống trên đỉnh rừng? Đôi dép da trâu chỉ còn mỏng như cái lá vàng, thùng lỗ chỗ. Thân hình ông dẹp lép như con cá lòng tong khô.

Buổi sáng đó đói và mệt xô ông gục xuống bất tỉnh cạnh một mô đất. Mặt trời đã ngang ngang lưng chừng cây, ánh nắng xuyên qua đám lá ken kín trên vòm rừng thành những chùm tia sáng loang loáng ánh bạc, mỏng như khói. Bầy chim chrao cãi nhau chát chúa trong vòm lá và cái mát lạnh ẩm ướt thấm vô da mặt khiến Âe Tam bừng tỉnh. Ông nằm lặng im, thậm trọng cảm



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

nhận cho kỹ cái mát nơi đám đất đang úp mặt xuống. Đứng rồi !Yang ơi có nước !Có nước !Rất từ từ ngòi dậy, Ấe Tam sờ nhẹ lên đám cỏ ướt, rồi đôi tay cứ nhanh dần, nhanh dần vục xuống,bốc lên. Đất mềm mại tan trong tay ông, cái hố cứ sâu, cứ to ra và nước cũng đầy dần lên.Ồi nước ! Đôi mắt già nua chắt ra những giọt nước mắt đặc sền sệt, đắng ngắt. Buồn làng mình ơi sống rồi !Có nước rồi !Xa gac trong tay ông biến thành chiếc cuốc. Càng đào nước càng nhiều, mạch phun ra càng mạnh. ...

Buôn Nui dời đến dựng buôn gần cái giếng sau đó mấy lần mặt trời thức ngủ. Cũng từ đó cả buôn không bao giờ phải chịu cảnh thiếu nước dùng. Cái giếng nhỏ mà quanh năm lúc nào cũng đầy, không cạn. Cành Blang Ấe Tam cắm làm dấu bên giếng, lớn dần thành cây cổ thụ, bao mùa hoa nở đỏ rực, bao mùa bông bung ra bay lất phất trắng trời. Không biết có bao nhiêu sợi vải nhuộm lá cây, bao nhiêu chiếc váy m'ięng, khổ kpin, tấm đắp apăn đã được dệt nên từ những sợi bông của cây Blang này? Bao nhiêu đứa trẻ uống nước giếng lớn lên thành gái đẹp, trai tài, nên chuyện lứa đôi. Cái cây cũng như người tìm ra giếng nước, Ấe Tam, đều đã ra đi sau khi làm trọn trách nhiệm của mình với buôn sang. Chỉ H'My thấy mình có lỗi.

20 năm. Chị không nhớ có bao nhiêu đêm thồn thức thằm trong ngôi nhà dành cho những người phụ nữ bị bạo hành ở Canada. Những ngày cặm cụi bên giường bệnh trẻ em ở các trại tị nạn Đông Timo. Buổi sáng thức dậy đón mặt trời nơi cửa ngôi nhà bằng vỏ cây cuốn tròn của thổ dân miền Nam Úc, đó cũng là một miền đất đỏ như cao nguyên quê chị. Nhiều nhất là những lúc tâm trạng cô đơn đến cùng cực ập tới trong đêm Noel, trong những ngày lễ tết của tất cả mọi người trên thế giới, nhưng lại không dành cho hai mẹ con chị... Dù làm việc để kiếm đồng tiền tự nuôi mình, dành lại quyền nuôi con, để hai mẹ con được đến lớp, hay đứng trên bục cao nhận tấm huy chương danh dự dành cho những nghệ sỹ xuất sắc, trong những cuộc triển lãm

## HUYỀN ÁI TÔNG

Mỹ thuật quốc tế...chị vẫn luôn luôn cảm thấy hiện diện trong trái tim, trong tâm hồn mình, một nỗi đau như cây kim cắm sâu vào nhớ nhung, luyến tiếc và một mặc cảm có lỗi khi ký ức quay về miền cao nguyên đất đỏ đầy gió, đầy nắng đã xa vời vợi.

Nơi ấy, cô bé H'My vừa cất tiếng khóc chào đời, đã được bà ngoại tắm sạch sẽ bằng bầu nước mát trong lành nhất lúc sớm mai, lấy từ cái giếng nhỏ bên cây Blang đang bùng nở những vàng hoa đỏ.Nơi ấy, mỗi lần bám váy m'êng của amí theo đi bán rau nơi chợ lớn, cô bé My nhỏ xíu chỉ nhìn thấy những cặp chân lướt qua bên cạnh chiếc gùi . Đây là đôi chân trắng muốt mang giày cao gót đi rón rén. Đây đôi chân trần xạm nâu bước đi mạnh mẽ, dù ngón cái toẽ ra chĩa về một hướng khác.Này là những chiếc giày da đen bóng sang trọng từng bước chậm rãi ,lựa chọn. Nọ là bàn chân móng đen kịt đất bùn, bám chặt mấy đầu ngón xuống lòng đường nhựa bước qua. Chân phụ nữ, chân đàn ông, chân trẻ em, người già, người trẻ...Những đôi chân của mọi kiếp người,đi đến mọi bến bờ xa gần trên trái đất. Những đôi chân ám ảnh suốt cả một đời cảm cộ của chị nơi xứ người.Đó cũng là ý tưởng để chị trình bày tác phẩm mỹ thuật sắp đặt “ Chuyển bước”, bằng hàng trăm đôi giày và cốt những bàn chân mọi kiểu dáng, màu da.

Có lần, trong cuộc triển lãm ở Đan Mạch, một người phụ nữ hỏi chị về ý nghĩa của tác phẩm.Sau khi nghe giải thích, bà ta đã ngồi xuống, cởi đôi giày của mình, thắt thêm lên đó chiếc nơ đỏ, góp vào một trong hàng trăm chiếc giày của chị,để “ tưởng nhớ đến người mẹ yêu quý đã đi xa ”. Nhiều những lần như thế, nhiều người đã kể về cuộc đời và người thân của mình với chị, góp thêm những chiếc giày vào cuộc viễn du khắp thế giới của những bàn chân...

Nhưng điều khát khao nhất vẫn là cuộc trở về này, nơi đôi chân trần nhỏ xíu của cô bé H'My đặt từng bước đầu tiên bập bễ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

lên bề mặt đất đỏ. Cũng là nơi đầu tiên chị đã làm cuộc ra đi : Buôn Nui. Cái giếng nước ngọt mát của tuổi thơ cơ cực mà êm đềm. Những tù trưởng dũng mãnh, những người phụ nữ Êđê xinh đẹp thoáng ẩn, thoáng hiện giữa ánh lửa bập bùng nửa sáng nửa tối, trong tiếng kể khan của Âe trầm trầm đêm đêm. Điều đình buốt của ama kể lẽ ni non trên rẫy mùa suốt lúa. Tiếng đing năm da diết u buồn khe khẽ gọi của người bạn trai thân thiết. Những tiếng chiêng kna sầm sập như mưa rừng trong các lễ hội cúng bên nước, cầu mưa...luôn hiện diện trong tâm hồn chị. Nhất là hình ảnh các tấm thổ cẩm rực rỡ trên khung dệt của aduôn và amí. Bốn màu đen, đỏ, trắng, vàng tương như đối chọi nhau mà lại hoà hợp đến yên bình trên những mảng hoa văn độc đáo. Chị đã chọn bốn sắc màu ấy, làm gam chủ đạo cho toàn bộ những tác phẩm mỹ thuật của mình.

Còn một điều nữa tuy H'My không nói ra, nhưng qua các tác phẩm của chị, người xem đều nhận thấy rõ : nếu bóc trần những bộ quần áo đủ mọi thứ hạng giá tiền cao thấp, lẫn làn da vàng, đen, trắng ra khỏi thân hình, thì con người đều là những bộ xương cấu tạo như nhau. Tại sao phải phân biệt màu da đen, da trắng hay da đỏ? Ký ức chị hẳn sâu buổi sáng trong siêu thị, khi cúi xuống buộc lại chiếc giày cho con trai, hai mẹ con đã bị quát lên lưng một câu rủa “ Bọn da màu chúng mày đẹp qua cho chúng ta đi ”...

Chỉ có ở nơi này, ở buôn Nui, chị mới tìm thấy sự bình yên trong tâm tưởng. Đêm qua, đêm đầu tiên trong ngôi nhà dài của amí, sau hàng chục năm xa cách, khi những ché rượu cần đã nhạt nước, những chiếc chiêng tấu lên bài ca vui đã xếp gọn xuống dưới ghé kpan, câu hát k'út của già làng chào đón đưa con lạc bước trở về đã lắng, H'My có được một giấc ngủ nhưng rất sâu. Một giấc ngủ yên lành mà 20 năm nay chị chưa bao giờ có. Và sáng nay, đôi chân trần đưa chị ra giếng nước...

- H'My !

## HUỶNH ÁI TÔNG

Một tiếng gọi nhỏ đánh thức tâm trạng lâng lâng buồn vui của chị. Tiếng nói rất quen thuộc, khiến H'My cứng đờ cả người, mãi mới từ từ quay người nhìn lại : Y Minh! Họ sững sờ nhìn sâu vào mắt nhau không nói nổi nên lời. Đêm qua bên bếp lửa nhà sàn đông người đến chia vui , chị đã không dám cất tiếng hỏi, nhưng vẫn có ai đó kể anh đã tốt nghiệp đại học lâm nghiệp và vẫn ở trong buôn. Sự khắc nghiệt của luật tục cổ xưa đã khiến họ, hai người yêu nhau cùng mang họ Niê Hra, chia lìa hàng chục năm trời , với vết thương chưa hề liền miệng vẫn hằn trong sâu thẳm trái tim.

Ngày H'My đột ngột bỏ ra đi, Y Minh như phát điên, đã đập vỡ chiếc kèn đình năm thường thổi những câu ei rei hát đối đáp với chị. Một năm trời anh im bặt, không nói với ai lời nào, lặng lẽ học, lặng lẽ thi cho đến ngày nhận tờ giấy báo đỗ đại học lâm nghiệp. Gần 10 năm sau anh mới nhận chiếc vòng đồng cầu hôn của người vợ đang chung sống bây giờ. Y Minh lặng ngấm nhìn khuôn mặt thương yêu hầu như không bị thời gian làm cho thay đổi. Vẫn là H'My của anh, ánh mắt đắm thắm, nụ cười bền lễn và giọng nói nhỏ nhẹ dịu dàng. Dường như không có 20 năm xa cách. Anh biết chị đã thành đạt trên con đường nghệ thuật không dễ dàng gì nơi xứ người. Chị biết anh đã lập gia đình với một người bạn gái cùng lớp. Im lặng. Không một lời nói nào có ý nghĩa vào phút giây này. Không một câu chuyện nào lý giải hết mọi điều trong tâm tư hai người. Nhưng họ hiểu, suốt cuộc đời này, dù có cách xa nửa vòng trái đất, họ vẫn có nhau, trong từng công việc, trong từng suy nghĩ , từng hơi thở. H'My trấn tĩnh lại :

- Chào anh !

- Mừng H'My đã trở về!

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Vâng, em phải cố gắng rất lâu mới đủ can đảm để có cuộc trở về này. Nhưng em không hề ân hận vì đã quyết định quay lại.

- Em đã làm đúng. Không có ở đâu hơn đất đai ông bà mình H'My ạ. Hãy nhớ rằng dù có đi tới nơi nào trên trái đất này, vẫn có một giếng nước, một mái nhà sàn và những tấm lòng luôn chờ đón em ở đây.

- Cả anh nữa chứ ?! ( Câu nói ấy không hề được thốt lên, nhưng nó ở trong ánh mắt cả hai người)

Giọng H'My đã bớt run rẩy và có vẻ vui hơn:

- Em nghe nói anh đang trồng rừng ?

- Ừ ! Vợ chồng anh tham gia một dự án trong chương trình trồng 5 triệu ha rừng của nhà nước. Bây giờ cây còn non, nhưng lần sau em về, sẽ thấy mấy quả đồi cỏ tranh quanh đây xanh rờn bóng mát. Người buôn mình giờ đã bỏ tập quán đốt rừng làm rẫy, chuyển sang cấy ruộng nước hai vụ, giống lúa mới năng suất cao, trồng bông, cao su từ lâu rồi H'My ạ. Không đói triển miên nữa, nhiều người còn giàu lên vì đã kịp trồng cà phê trúng những năm được mùa ...

- Em có nghe tối qua ami nói . Không ngờ buôn sang bây giờ đổi thay nhiều quá !Đường nhựa về tận cửa, điện sáng khắp nơi. Hồi trước đâu có vậy.

- Còn H'My thì sao ? Em về lần này có ý định gì không ? Chẳng lẽ ở hoài bên đó ? Ama mất sau khi em đi chừng vài năm.Ami cũng già hung rồi đó.Mấy người anh em trai của em bị con gái buôn khác “ bắt” chồng hết rồi.

- Em cũng muốn về lắm chứ. Từ tối hôm qua em đã thấy mình rất khó sống khi quay trở lại nơi đó. Cái cánh cửa quá khứ mà

## HUYỀN ÁI TÔNG

em luôn e sợ vì những vết thương lúc nào cũng rớm máu trong tâm trí, đã được mở ra và em đã bước qua... Nhưng cũng phải có thời gian anh ạ.

- Tất nhiên rồi !Em có thể về mở lớp dạy vẽ, dạy tiếng Anh mà...

- Em không băn khoăn về việc làm. Sẽ chẳng bao giờ khốn khó hơn những ngày đầu bên xứ người đâu anh. Chỉ e rằng...mọi người sẽ ...đối với em thế nào thôi ?

H'My ngập ngừng. Cái giá phải trả cho cuộc trở về này khá đắt. Hàng chục năm nay người họa sỹ già ấy theo đuổi chị. Ông ta đã giúp hai mẹ con rất nhiều trong cuộc mưu sinh và học nghề, thậm chí sẽ chia cả chỗ ở, nổi cô đơn những đêm Giáng sinh hàng năm. Đó là một người có chức quyền trong Bộ nghệ thuật. Chỉ là một họa sỹ tự do, để có kinh phí cho chuyến trở về này, chị đã buộc phải nhận lời cầu hôn của ông ấy.

- Anh không biết em nghĩ sao, nhưng dẫu bây giờ em có mang quốc tịch nào đi nữa, thì Việt Nam vẫn là tổ quốc em, Buôn Ma Thuột vẫn là quê hương em. Có bao giờ và ở đâu em được uống bầu nước trong lành như của giếng nước buôn Nui mình không? Có vòng tay nào yêu thương bằng vòng tay amí em không ? Có nơi nào yên lành, ấm áp như dưới mái nhà dài của ama em ở buôn sang mình không H'My ?

H'My bật khóc. 20 năm rồi, sao anh vẫn là người thấu hiểu tận đáy sâu tâm hồn em thế Y Minh ? Chị thoáng nghĩ tới đứa con đã mang trong mình giữa những ngày sức tàn lực kiệt lệnh đênh trên biển cả...

Cao tí trên bầu trời đã bắt đầu ửng hồng bình minh của một ngày mới. Có đôi chim ktrâu đang chao cánh liệng vòng, thoát một cái chúng lao vút lên tận cao xanh, hình dạng chỉ còn nhỏ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

xíu. Gió hôn nhẹ trên từng chồi non mươn mướt khể khiu của rừng cây Y Minh trồg quanh buôn. Rung rinh, lay động, lá như những bàn tay nhỏ thân thương đàng vẫy gọi. Chưa ở đâu H'My thấy màu trời xanh đến thế, gió lồng lộng đến thế như ở cao nguyên mình. Tiếng sáo đing puốt của ai da diết xa xôi, bỗng trăm mơ hồ tan trong vòm cây vàng nắng

Hít một hơi thật sâu hương vị trong lành sớm mai nơi giềng nước, H'My cười thật tươi :

- Thế nào rồi em cũng sẽ lại trở về !



*Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên*

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Linh Nga Niê Kdăm và niềm diễm phúc đáng trân trọng*, tác giả Võ Thị Hà đã viết:

*Những gì mà Linh Nga Niê Kdăm đã sáng tạo, gìn giữ, quảng bá cho văn hóa Tây Nguyên thực sự là những công hiến hết sức thâm lặng và có ý nghĩa to lớn. Nhưng nhà văn, nhạc sĩ, nhà nghiên cứu, đạo diễn người Ê Đê và những danh xưng trân trọng khác ấy chỉ nhận một tước hiệu rất khiêm tốn mà cũng rất nghệ sĩ là “được “ các Yang” ban cho diễm phúc làm một người đi kiếm tìm lại vẻ đẹp tuyệt vời cứ chấp chới trong câu dân ca hát nói da diết, trong những lễ hội đông vui náo nức ching chêng, rạo rục vòng xoang của một miền Bazan đỏ, của cả chính tôi nữa*

Tài liệu tham khảo:

- Linh Nga Niê Kdăm Web: [linhnganiekdam.vn](http://linhnganiekdam.vn)
- Long lanh giếng nước buôn Nui Web: [linhnganiekdam.vn](http://linhnganiekdam.vn)



**15. Y Phương**



**Y Phương - Hứa Vĩnh Sước (1948-20 )**

Nhà văn Y Phương có tên là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1948, quê quán ở làng Hiếu Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Năm 1968, Y Phương nhập ngũ, những bài thơ đầu tiên được in báo năm 1973 là *Bếp nhà trời*, *Dáng một con sông*.

Từ năm 1972 đến năm 1976, ông được theo học Trường Điện Ảnh Việt Nam.

Từ năm 1982-1986, theo học khóa II Trường Viết văn Nguyễn Du

Năm 1986, chuyển về công tác tại Sở Văn hóa Thông tin Cao Bằng và từ năm 1991 là Phó giám đốc Sở Văn hóa Thông tin.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Từ năm 1993, ông là Chủ tịch Hội văn học Nghệ thuật Cao Bằng, Ủy viên BCH, Trưởng ban kiểm tra Hội Nhà văn Việt Nam khóa VI.

Y Phương được các giải thưởng:

- Giải A cuộc thi thơ tạp chí *Văn nghệ Quân đội*
- Giải thưởng loại A của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1987, với tập thơ *Tiếng hát tháng giêng*
- Giải A của Hội đồng Văn học dân tộc – Hội Nhà văn Việt Nam với tập thơ *Lời chúc*
- Giải B của UBTQ liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 2001, với tập trường ca *Chín tháng*.
- Giải B của Bộ Quốc phòng năm 2001, với trường ca *Chín tháng*.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2007.

Hiện nay nhà văn Y Phương công tác ở Hội Nhà văn Việt Nam tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Người hoa núi* (kịch bản sân khấu, 1982)
- *Tiếng hát tháng giêng* (thơ, 1986)
- *Lửa hồng một góc* (thơ, in chung, 1987)
- *Lời chúc* (thơ, 1991)
- *Đàn then* (thơ, 1996).
- *Chín tháng* (trường ca, 1998)
- *Thơ Y Phương* (2000)
- *Thất tàng lôm* (*Ngược gió*, song ngữ Tày-Việt, 2006)

Trích thơ:

### Mẹ ốm

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Trưa nay Mẹ ốm  
Thằng em ngồi viết bài  
Suốt buổi chẳng cười đùa  
Chị đi tìm rau ngải  
Mang về hơ lửa xông cho Mẹ*

*Trưa nay Mẹ ốm  
Chi gấp thịt cho Mẹ  
Em gấp thịt cho Mẹ  
Chị rửa em ăn toàn rau*

*Trưa nay Mẹ ốm  
Những đám mây chen chúc  
Che hết nắng oi nồng  
Chim thoi kêu chích chòe  
Gà mái thoi cựa tác*

*Thế mà Bố không biết  
Vẫn cạo râu  
Mặc đẹp  
Đi khỏi nhà.*

(Cao Bằng, 1986)

**Nói với con**

*Chân phải bước tới cha  
Chân trái bước tới mẹ  
Một bước chạm tiếng nói  
Hai bước tới tiếng cười  
Người đồng mình yêu lắm con ơi  
Đan lò cò cài nan hoa  
Vách nhà ken câu hát  
Rừng cho hoa  
Con đường cho những tấm lòng*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới  
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

*Người đồng mình thương lắm con ơi  
Cao đo nỗi buồn  
Xa nuôi chí lớn  
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn  
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh  
Sống trong thung không chê thung nghèo đói  
Sống như sông như suối  
Lên thác xuống ghềnh  
Không lo cực nhọc  
Người đồng mình thô sơ da thịt  
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con  
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương  
Còn quê hương thì làm phong tục  
Con ơi tuy thô sơ da thịt  
Lên đường  
Không bao giờ nhỏ bé được  
Nghe con.*

**Lặng lẽ đêm**

*Trên đầu ta  
Trăng khe khẽ sáng  
Sương khe khẽ lắng  
Mây khe khẽ trôi*

*Dưới lưng ta  
Chiều khe khẽ thở*

*Trong ngực ta  
Khe khẽ người*

**Cho em từng ngày bình yên**

*Ở đây  
có trái tim bình yên đang đập  
trong ngực một người*

*ở đây  
có một người  
đang bình yên ngủ say trong một căn nhà*

*ở đây  
có một căn nhà  
đang bình yên nổi lửa trong một khu rừng*

*ở đây  
có một khu rừng  
bao nhiêu lá bấy nhiêu tình yêu  
bình yên anh dành cho em*

*tình yêu anh dành cho em  
bình yên vẹn nguyên  
óng ánh nắng từng ngày  
từng ngày từng ngày bình yên...  
chưa bao giờ thâm mệt.*

### **Ta ngồi bên ngọn lửa**

*Ta ngồi bên ngọn lửa  
Nhấn nha làm câu thơ  
Lửa sáng trong đêm tối  
Lửa ấm vào trời mưa*

*Nước về kêu ro ro  
Lửa lên hồn tí tách  
Gà gáy hai câu thơ  
Phập phồng lên trang sách.*

HUỶNH ÁI TÔNG

(Cao Bằng, 1995)

### **Lời mẹ**

*Con ơi  
Mẹ yêu con như nắng  
Nắng chẳng bao giờ thừa  
Nhưng con ơi  
Con thương mẹ bằng mưa  
Mưa một ngày đã nhạt  
Mưa cả tháng thì sao.*

(Cao Bằng, 1995)

### **Lời cây đàn tình**

*Cây đàn này đâu phải cây đàn  
Bầu nước mắt trăm năm cười khóc*

*Cây đàn này đâu phải cây đàn  
Bạc sinh nở, lời chào ly biệt*

*Vụt đứng lên cây đàn diu dặt  
"Đi như thế cho đến ngày nhắm mắt"*

*Ngôn ngữ cổ còn vài câu tích tịch  
Hãy gảy lên bất cứ nơi nào.*

(Cao Bằng, 1990)

### **Buổi chiều và hai em bé**

*Các em ơi  
Sắp tối rồi*

*Nhà ta ở đâu  
Rào rào người đi mau*

*Hai chị em  
Đứng chờ ai  
Nép vào bên đường  
Trong xó bụi*

*Các em ơi  
Trời tối rồi  
Về đi chứ  
Kẻo Mẹ Cha chờ lâu*

*Mẹ Cha em còn đâu  
Họ đã bỏ nhau.*

(Cao Bằng, 1989)

### **Những hòn đá héo**

*Những hòn đá héo  
Và con suối cháy  
Anh vẫn chờ em  
Em ở đâu  
Mãi mê việc gì  
Em chăm đàn Ngỗng trời cho ai  
Lưng ịu con ai  
Tay cắp thùng đưa cho ai  
Trời ơi em quên hết rồi  
Em ăn phải bùa mê thuốc lú  
Cái đêm hai chín đã nói gì  
Thế mà  
Anh chẳng còn sức để ghì em  
Chẳng còn lời nói nào thả vào miệng em  
Em là của người ta rồi*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Gặp nhau cho ánh mắt chào  
Buốt như hòn đá héo.*

(Cao Bằng, 1995)

**Những con đường núi**

*Bàn chân quen đi đường lối lồm  
Leo lên  
Tụt xuống  
Đèo dốc, dốc lại đèo  
Mẹ ta nghèo  
Cha ta cũng nghèo  
Quanh năm chẳng có giấy  
Đẽo gộc tre làm guốc*

*Những đôi guốc chát đầy trên gác  
Khô  
Đen  
Như thịt bò*

*Có năm tháng ta đi thật xa  
Trên con đường dài  
Nhẫn*

*Nhưng đêm đến ta mơ  
Lại thấy con đường núi  
Ta hét lên  
Đạp tung  
Cổ chân nhẩy  
Đến khi tỉnh giấc  
Không thể nào ngủ lại  
Những dốc những đèo  
Những số phận vá chằng vá đụp  
Ta vẫn thấy bàn chân to bè*



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Côm côm móng  
Đi trên đường lồi lõm  
Krốc  
Krác.*

(Cao Bằng, 1990)

**Phố Xưa**

*Phố xưa  
Bây giờ vẫn như xưa  
Những mái nhà nâu  
Những cột nhà đen  
Đêm đêm lép bép ngọn đèn.*

*Tôi đi trên con đường xưa  
Tránh đứa trẻ đang bò chơi bi  
Tránh ông già lim dim sườn nắng  
Tránh người yêu xưa đầu đường áo trắng  
Con trên vai đi thẳng chẳng nhìn ai*

*Giận nhau lâu  
Nhớ nhau dài  
Tôi trở về tìm người yêu xưa ở phố  
Em gọi  
Nhưng tôi không ngoái cổ  
Giả vờ đi.*

**Mùa hoa**

*Mùa hoa  
Mùa đàn bà  
Mặt đỏ phùng  
Thừa sức vác ông chồng  
Chạy phăm phăm lên núi.*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Mùa hoa*

*Mùa đàn ông*

*Mệt như chiếc áo rũ*

*Vừa vịn vừa đi vừa ngái ngủ.*

Trong bài: Y Phương - Người “kê cao” thơ Tày hiện đại, tác giả Nguyễn Thúy Quỳnh đã kết luận:

*“Nhìn lại sự thành công của Y Phương mà đỉnh cao là Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật, xin tạm cắt nghĩa, có lẽ đó là sự kết tinh và toả sáng của một bản năng thơ thiên phú, một quá trình lao động nghệ thuật mà ở đó thơ như một lẽ sống, và vốn văn hoá sâu rộng khởi nguồn từ văn hoá Tày đặc sắc. Xã hội càng hiện đại, nhà thơ dân tộc thiểu số càng làm cho mình giàu có lên bằng tri thức và bản sắc văn hoá dân tộc, thì càng vững vàng hội nhập mà không đánh mất mình. Điều đó lý giải vì sao ngay cả ở những năm đầu của thế kỷ XXI này, trong khi các nhà thơ Tày cùng thế hệ với ông hầu như vẫn giữ lối nghĩ, lối viết như cách đây vài mươi năm, khó thay đổi, còn lớp trẻ hòa nhập nhanh với đời sống đương đại nhưng lại có phần nhạt nhòa bản sắc dân tộc, thì Y Phương vẫn vững vàng trên cả hai phương diện: dân tộc và hiện đại. Những thành quả sáng tạo của ông đã làm cho thơ Tày bay cao hơn trên bầu trời thi ca Việt Nam.”*

Tài liệu tham khảo:

- Y Phương Web: [vanhocviet.org](http://vanhocviet.org)

- Mẹ ốm Web: [thivien.net](http://thivien.net)

## 16. Mai Liễu



### **Mai Liễu – Ma Văn Liễu (1950-20 )**

Nhà thơ Mai Liễu tên thật là Ma Văn Liễu, dân tộc Tày, sinh ngày 12 tháng 1 năm 1950 tại thôn Bằng, xã Đạo Viện nay là xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Thật ra, Mai Liễu là người Tày, quê gốc Phú Thọ, họ Mè. Nơi ấy, còn có thành nhà Mè và đền thờ họ Mè, một ông tướng thời Vua Hùng. Trong An toàn khu, vẫn có người mang họ Mè ở Đạo Viện. Theo chuyện kể, ngày xưa ngày xưa, các cụ chạy loạn, dắt díu nhau vào tận hang cùng ngõ hẻm lánh nạn, rồi nhận Công Đa làm quê, đổi sang họ Ma, đến khi làm thơ thì lấy bút danh Mai Liễu.

Năm 1957, lên 17 tuổi, gia đình muốn lập gia đình cho Mai Liễu, ông lại chưa buồn bận thê nhi nên xung phong đi chiến trường, từng đi học kỹ thuật tên lửa ở Liên Xô.

Mai Liễu làm thơ và có thơ đăng báo từ năm 1973.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà thơ Mai Liễu là một sinh viên Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Sau chiến tranh Việt Nam, Nhà văn Mai Liễu chuyển về làm việc tại tỉnh nhà, từng làm Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Tuyên Quang và hơn hết lại là một nhà thơ, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam đầu tiên của Tuyên Quang năm 1996. Ông là Trưởng ban Văn nghệ địa phương Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học-Nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên Ban Thường vụ, kiêm Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật Hội VHNT các DTTS Việt Nam.

Nhà thơ Mai Liễu được các giải thưởng:

- Tặng thưởng của UBND Liên hiệp các VHNT Việt Nam năm 1996
- Giải B của Hội VHNT các DTTS Việt Nam các năm 1998.
- Giải Ba cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 2000.
- Giải B của Hội VHNT các DTTS Việt Nam các năm 2001.
- Giải B của Hội VHNT các DTTS Việt Nam các năm 2002.
- Giải B của UBND Liên hiệp các VHNT Việt Nam năm 2005.

Nhà thơ Mai Liễu hiện sống và làm việc tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Suối làng* (thơ, 1994)
- *Mây vẫn bay về núi* (thơ, 1995)
- *Lời then ai buộc* (thơ, 1996)
- *Tìm tuổi* (thơ, 1998)
- *Giấc mơ của núi* (thơ, 2001)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Đầu nguồn mây trắng* (thơ, 2004)
- *Bếp lửa nhà sàn* (thơ, 2005)
- *Núi vẫn còn mưa* (thơ, 2013)

Trích thơ:

**Ngày tôi mới lớn**

*Bà tôi bảo: Lấy người trong bản như phản kê giường  
Mẹ tôi khuyên: Đẹp không mài ra ăn được  
Tôi im lặng  
Tự biết mình đã lớn.*

**Chim com côi kêu đêm**

*Chim com côi trong rừng  
Đêm nay sao kêu mãi  
Giọng buồn bờ khắp núi  
Giọng thảm lê khắp đồi  
Nghe chim kêu mà nhớ rừng xưa  
Nơi cây sâng vỏ nâu sắc mật  
Nơi những sợi song tung mình lên  
Cuốn lấy thân chò thân nghiêng*

**Về quê**

*Xuống lưng đeo là nhìn thấy bản  
Thấy ruộng bậc thang hắt nắng lên trời  
Có lẽ nào nghe suối mừng mà khóc  
Thì cúi xin.  
Ta ngả mũ chào đèo.*

**Hình như mình đó**

*Đêm về thao thức lòng tự hỏi  
Trong hình hài, giọng nói, hồn tôi*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Chát quê còn bao nhiêu nhĩ  
Đáy là cái khổ hay cái may*

### **Gửi sông Gâm**

*Con sông là hồn của bản  
Con sông là vía của rừng  
Đâu ở đâu ta vẫn con của núi  
Cám ơn cây rừng giữ vía cho ta*

### **Sông Cầu**

*Sông Cầu nông hay sâu  
một đời tôi chẳng biết  
lơ thơ cùng trời đất  
bên gàn con nước xa  
khúc sông ngày em qua  
tôi mấy lần đăm đuối  
bến nước chẳng vô tình  
cho tôi niềm an ủi  
đợi người như sương khói  
lở bồi con nước trôi  
hoa chuối cháy bên đồi  
tình ai còn ngút lửa?  
tôi tìm về bến cũ  
chiếc bè xưa đâu rồi  
cầm trên tay hòn cuội  
buông ra là trắng tay...*

### **Mùa bông**

*Thấy em mê mãi với vườn bông  
Tôi sốt ruột vịn cọc rào , thẳm đềm  
Một mùa bông...  
Hai mùa bông ...*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Con gái đi lấy chồng  
Gánh theo mấy mùa bông trắng?*

*Thấy em thức những đêm đông  
Dệt tình vào vuông thổ cẩm  
Tôi chẳng dám hẹn hò lại đếm  
Một mùa đông...  
Hai mùa đông...  
Con gái đi lấy chồng  
Gánh theo mấy mùa thao thức?*

*Ngày tiễn em về làm dâu bản khác  
Người ta gánh theo mười hòm thổ cẩm ..  
Tôi gom về quả bông khô đã đốt  
Lửa màu thổ cẩm cháy lan man...*

### **Tìm tuổi**

*Những câu thơ của tôi  
Những trang viết của tôi  
Trời cho mấy tuổi?  
Vỗ vào góc cây rừng  
Tôi hỏi  
Cây lặng im bóng  
Rừng lặng im xanh*

Trong bài: Chắt người ấy, chắt thơ ấy, Phó Giáo sư Tiến sĩ Phạm Quang Trung đã nhận định về thơ của nhà thơ Mai Liễu:

“*Đọc thơ Mai Liễu, tôi không thể không lưu tâm tới lối cấu tứ thơ của anh. Cuộc đời luôn rộng mở, nhiều ngã, nhiều hướng. Tâm tư con người vốn vi diệu, ít khi rành mạch, sáng rõ. Cấu tứ thơ, do vậy, sao có thể đơn điệu cho đành. Thế mà, có lạ không, Mai Liễu chừng như ưa sử dụng một trong những lối cấu tứ quen thuộc, được nhiều nhà thơ xưa nay dùng đi dùng*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*lại, tưởng mòn cũ, nhàm chán-cấu tứ theo trục thời gian. Và phải thừa nhận rằng, giữa sự bủa vây của cái xưa cũ, không ít bài thơ của anh đã thực sự vươn tới sự hoàn hảo đáng quý. Nhà thơ nhập vào hồn của người miền núi, khi chọn lối cấu tứ ít nhiều mang tính tự sự cho thơ mình. Tôi nói vậy, vì tư duy người vùng cao thường theo mạch thẳng, ít khi lắt léo, rối rắm. Phải sống đắm mình, hết mình với làng bản, với núi rừng, mới mong có được sự nhập thân như thế. Để những bài thơ kết cấu giản đơn theo mạch kể có sức lay động, có sức cuốn hút, nhất thiết phải lồng vào đó tâm tình riêng của con người. Dường như Mai Liễu có ý thức rất rõ, rất sâu về điều này”.*

Tài liệu tham khảo:

- Mai Liễu Web: [vannghesongcuulong.org.vn](http://vannghesongcuulong.org.vn)
- Ngày tôi mới lớn Web: [baotuyenquang.com.vn](http://baotuyenquang.com.vn)



## 17. Lâm Tền Cuối



### Lâm Tền Cuối - Lâm Trấn Khuê (1951-20 )

Nhà văn Lâm Tền Cuối là âm theo tiếng Triều Châu của chữ 林鎮奎 Lâm Trấn Khuê, người Việt gốc Hoa, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1951, tại làng Láng Tròn, huyện Giá Rai tỉnh Bạc Liêu.

Bốn tuổi, Lâm Tền Cuối không may bị sốt bại liệt làm tàn phế cùng lúc hai chân và cánh tay phải. Đến tuổi cập sách đến trường, Lâm Tền Cuối được người anh ruột là Lâm Tấn Bình chở xe đạp đi học tại một ngôi trường ở Láng Tròn nằm giữa bốn bề ruộng vườn, sông nước, cách Tp. Bạc Liêu 25 km về phía Nam.

Khi học hết lớp nhất, tức lớp 5 bây giờ, do vừa hết lớp ở trường, vừa tật bệnh và nhà lại nghèo nên Lâm Tền Cuối không thể tiếp tục đi học xa. đành phải lấy sách vở cũ của người anh trai từng dùng qua trước đó, để học thêm tại nhà dưới sự kèm

## HUỶNH ÁI TÔNG

dạy hàng đêm, từ một cô giáo trẻ đẹp trong xóm, nhờ thông minh và chăm chỉ học hành nên cuối cùng Lâm Tền Cuôi cũng tốt nghiệp Trung học phổ thông. Theo bài viết giới thiệu tập thơ *Tóc bay miên nhớ* của Lâm Tền Cuôi, Trần Minh Tạo cho biết: Một đ êm kia trước khi ra về, cô giáo trẻ đẹp đó âm thầm trao vào tay anh học trò của mình hai sợi tóc dài bứt ra từ mái tóc thề chằm lưng của cô, đặt nằm giữa tờ giấy trắng học trò gấp đôi, để rồi từ đó không bao giờ còn tới nữa, vì vài tuần sau pháo vụ quy nổ giòn, tiễn chân cô giáo lên xe hoa...

Từ đó, chàng trai trẻ Lâm Tền Cuôi biết làm thơ. Đôi sợi tóc nằm giữa trang giấy học trò kia cứ bay bay quẩn quýt mãi trong hồn, khiến cho Lâm Tền Cuôi thâm yêu, trộm nhớ và đã biến dần thành những vần thơ.

Khi lớn lên, anh đã lập gia đình với Võ Thị Tuyết Mai, người cũng bị di chứng sốt bại liệt nhưng lao động vẫn bình thường nên đã trở thành trợ lý đắc lực cho anh. Khi cha mẹ qua đời, vợ chồng anh tiếp nối sự nghiệp của cha mở một cửa hàng mua bán tạp hóa, bánh kẹo, sau đó chuyển sang mua bán lúa gạo. Công việc làm ăn của anh ngày càng thuận lợi và tích lũy được nhiều vốn nên đến năm 1994 anh đã chuyển sang mua bán thức ăn gia súc và thuốc thú y với thương hiệu “Lâm Nguyên Hưng” tại số 5 đường Trần Phú, thị xã Bạc Liêu. Nhờ siêng năng cần mẫn và làm ăn có uy tín nên việc kinh doanh mua bán phát triển rất nhanh, cuộc sống gia đình ổn định.

Vì khuyết tật nên Lâm Tền Cuôi lấy thơ làm nguồn vui. Từ năm 1994, thơ của Lâm Tền Cuôi đăng trên nhiều tờ báo địa phương cũng như toàn quốc và nhiều trang Mạng.

Năm 1998, Lâm Tền Cuôi được kết nạp vào Hội văn học nghệ thuật tỉnh Bạc Liêu. Sau đó là Hội viên Hội Văn Học Nghệ Thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam. Từ đó đến nay khi thì anh ngồi xe lăn trông nom quản lý cửa hàng, giao du với bạn

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

bè làng văn qua trang Blog lamtencuoi.vnweblogs.com và lamtencuoi.blogspot.com.

Lâm Tền Cuôi được giải thưởng:

- Giải khuyến khích Cuộc thi thơ Đồng Bằng Sông Cửu Long lần 2 năm 2003, với bài thơ *Em bé trốn bão*.

Hiện nhà thơ sinh sống tại thành phố Bạc Liêu.

Tác phẩm:

- *Về miền hoa nắng* (Mũi Cà Mau, 2004)
- *Tiếng hát học trò* (Phương Đông, 2005)
- *Thời trăng cũ* (Phương Đông, 2006)
- *Bóng chiều phai* (Văn Nghệ Tp. HCM, 2007)
- *Từ thuở mưa bay* (Hội Nhà Văn, 2009)
- *Tóc bay miền nhớ* (Văn hóa Văn nghệ Tp. HCM, 2011)
- *Hương xa từng góc khuất* (Hội Nhà Văn, 2013)

Trích thơ:

### **Yêu người chẳng yêu tôi**

*Một lúc nào tôi gặp lại em  
Câu chào hỏi xã giao thường nhật  
Em đâu biết thăm sâu đáy mắt  
Tôi lặng buồn bao nỗi cách xa...  
Chiều thu vàng thoáng gió lạnh qua  
Lá đã úa một hồn rằm nắng  
Trái tim khô ru niềm xa vắng  
Em có là em tôi mùa xưa!  
Em vẫn còn thuở mộng dò đưa  
Vẫn là em ngàn niềm an ủi*

## HUỲNH ÁI TÔNG

Vẫn là em trong tôi bối rối  
Vẫn là tôi thui thủi hồn mơ?  
Một lúc nào em giữa ban trưa  
Vạt nắng ghen mây mù giăng lối  
Tôi và tôi và em mòn mỏi  
Còn trong nhau tiếng hát bờ rời:  
Yêu người chẳng yêu tôi  
Tiếng ca đêm ngậm ngùi  
Trăng tàn soi lối ngõ  
Yêu người chẳng yêu tôi!

### Về ngang chốn cũ

Trả lại cho tôi màu áo trắng  
Một thời ấp ủ nỗi niềm mơ  
Nắng xa gọi chút hồn nhưng nhớ  
Mỗi độ hè sang mộng thần thờ!  
Về ngang chốn cũ thương màu áo  
Man mác hồn xưa tuổi học trò  
Thuở ấy ta cùng trao cánh phượng  
Bây giờ xa vắng bóng chiều mơ.  
Còn đâu những buổi tan trường cũ  
Tình nghịch em đùa thả tóc vui  
Hụt hơi tôi đuổi theo làn gió  
Bắt gặp giòn tan một tiếng cười...  
Bắt gặp mây trời in phượng vĩ  
Suốt thời tuổi mộng có còn không  
Nắng nghiêng một thoáng chân trời tím  
Động bóng hoàng hôn lặng lẽ hồn!

### Đêm nghe bài Dạ cổ

Đêm tàn lắng nghe bài Dạ cổ  
Hoài lang ai thấu hết nỗi niềm  
Người Bạc Liêu xưa buồn muôn thuở

*Xuông ven sông đặng đó lênh đênh!?*

*Đòn kìm thắm lịm từng thớ thịt  
Nhịp đời nảo nuốt khúc gia phong  
Thời nay ai biết người xưa ấy  
Chân lội bùn xa nén tiếng lòng!*

*Ai qua xứ biển ngang đồng muối  
Nghe xót xa chẳng một tiếng đàn  
Tài hoa đất Bạc lưu danh mãi  
Dâng khúc ca buồn cho thế gian.*

*Đêm tàn lắng nghe bài Dạ cổ  
Như từng nhịp thở của người xưa  
Đòn cò ai oán niềm thương nhớ  
Chợt vắng như ai tiếng gọi đò...*

### **Vật vờ**

*Cuộc đời lắm mưu toan lừa lọc  
Cứ như hàm cá mập quanh ta  
Nếu đời không những nụ hoa  
Biển khơi đã cuốn hồn ta nhận chìm!  
Đảo châu báu say tìm cuồng vọng  
Ngoảnh mặt nhìn chỉ sóng trùng khơi  
Bến mơ xa tít chân trời  
Bóng mờ sương khói bời bời lòng ta.  
Phương trời lạ đầy hoa cỏ mặt  
Cứ ru hồn ảo giác đời ta  
Tình phai nhân ảnh nhạt nhòa  
Lênh đênh cười sóng mình ta vật vờ...  
Nguồn sắp cạn túi thơ xộc xệch  
Mới thấy mình ngờ nghệch trăm năm  
Mai kia nơi chỗ ta nằm  
Cỏ xanh có chút hương thầm gì không!*

HUYỀN ÁI TÔNG  
**Vời vợi mưa tháng tám**

*Đêm buồn thao thức nhớ  
Tự dưng gọi Nguyệt ơi,  
Ta đường đang nhợt nắng  
Nghe lòng buồn chiều rồi.  
Sáng ngập ngừng qua phố  
Tình cờ gặp lại em  
Không dưng lòng nhức nhối  
Em ngăn nào trong tim?  
Chiếc bóng quay lưng – nhìn...  
Có đơn ru hồn đuối  
Tháng tám mưa vời vợi  
Nguyệt ơi, này Nguyệt ơi!  
Nguyệt ơi, này Nguyệt ơi!  
Em đừng uơm hôn dỗi  
Trái tim anh mệt mỏi  
Trái tim anh tội tình...  
Nguyệt trong anh lòng lạnh  
Núi giùm anh cuối dốc  
Để xe anh đừng trượt  
Vào bậc thêm không em!*

**Mộng cổ nhân**

*Sóng bạc chợt xuôi dòng hồi tưởng  
Người xưa nẻo nhớ mịt mù xa  
Em hoa cánh tím trang đài cũ  
Mấy độ tà huy cứ nhạt nhòa!  
Người đi có trách gì không nhỉ,  
Mà nắng chiều vơi gọi tiếc thương  
Lá rơi ngõ chiếc hồn xa vắng  
Bóng cũ đường mơ cứ chập chùng...  
Từ thuở trắng tà nơi bến vắng  
Đò xưa lỡ chuyển mộng sang ngang*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Hoa xuôi dòng nước phương trời đó  
Cách mấy doi sông hồi bẽ bàng!  
Cách nhau chỉ chiếc sào tre ngắn  
Mà dễ dò đâu mộng cổ nhân  
Đò chiều sông cạn ai xuôi ngược  
Có ghé làng xưa thăm bến chãng?*

### **Bên lầu công tử**

*Tôi về lối ngõ thân quen  
Bên căn lầu cổ lòng nghiêng giọt buồn  
Dấu xưa bước nhẹ bòn chồn  
Hồn xưa Công Tử sóng còn Bạc Liêu?*

*Trăm năm gió dập mưa dùi  
Nét xưa cây cỏ ít nhiều hoang sơ  
Đất thiêng lắng đọng ngàn xưa  
Trơ trọi tuế nguyệt đến giờ còn đây.*

*Âm vang nhịp sóng dâng đầy  
Tôi đi trong nắng chiều phai mơ màng  
Người xưa tiếng vọng còn vang  
Lầu xưa hồn cũ còn mang nỗi niềm...*

*Tôi về lối ngõ thân quen  
Bâng khuâng sóng nước trăm miền ngược xuôi  
Nhịp đời buồn chãi muôn nơi  
Dừng chân lòng có thương vời Bạc Liêu!*

### **Số phận**

*Xe lăn bên dốc cuộc đời  
Tôi lên dốc dựng chột tôi ngõ ngang  
Muộn phiền muôn thuở xa xăm  
Ai người ước đẩy xe lăn bao giờ!*

## HUYỀN ÁI TÔNG

Nẻo người tình mộng chơ vơ  
Cô liêu đi suốt đôi bờ cỏ hoa  
Lặng thâm ném mắt tình xa  
Tự ti nhật lầy trắng tà quạnh hiu...

Gió như thương cảm ít nhiều  
Nhấn tôi chút nắng đều hiu lững lờ  
Rằng xưa có gã tình cờ  
Mượn tranh mộng mị thân thờ... Bích Câu.

Xe lăn leo dốc âu sâu  
Xe lăn máy nẻo bạn bầu hồi em  
Vô tình chạm nỗi đau riêng  
Nhìn ai nén lệ mà nghiêng cõi lòng!

Ai xui ai đẩy nỗi buồn  
Ai xui ai đẩy thoáng hồn đa mang  
Tôi về ngõ vắng miền man  
Lặng cảm một bóng trắng vàng đơn côi.

Thôi em đừng đẩy buồn tôi  
Mặc cho số phận chơi vơi mịt mù  
Bởi xe lăn dốc lưng chừng  
Lỡ như chết máy ai còn mong ai!

### **Cô giáo trường quê**

Cô giáo trường quê đi cầu khi  
Áo bà ba, tóc thắt đuôi gà  
Dép lê bùn đất khi mưa ướt  
Hai buổi đi về chẳng ngại xa!

Học trò đen nhẻm dăm mươi đứa  
Trường lá đơn sơ gió bốn bề



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Nhéch nhác nghe lời cô giáo dạy  
Mắt nai ngơ ngác cứ tròn xoe.*

*Cô giáo trường quê lòng giản dị  
Cơm khô, kho quẹt, nước thay canh  
Vẫn vui dù vất vả đời thơ trẻ  
Tiếng đọc ê a đượm nghĩa tình!*

*Vừa là cô giáo vừa là chị  
Tâm lòng yêu trẻ thật bao la  
Cô - trò quấn quít thương thương lạ  
Có đỡ buồn quanh nỗi nhớ nhà?*

### Về đi em

*Dzia thì dzia có gì mà em ngại  
Đầu trời kia nắng quái với chiều hôm  
Người không dzia lỡ một nụ môi hôn  
Tôi vẫn tiếc dù chỉ là hôn gió...*

*Ta hãy dzia ngồi bên nhau im ngó  
Ủ mặt trời cháy đỏ phía sau lưng  
Cứ nhìn nhau dù khoảng cách mênh mông  
Vẫn ấm lòng đầu hôn ta chơi với!*

*Dzia thì dzia cho lòng đừng tự dối  
Mặc tình xa nắng đợi với mưa tuông  
Dzia - không dzia tôi vẫn nhớ em luôn  
Tưởng em xa một mình tôi thấy tội.*

*Dzia - không dzia tôi thấy mình có lỗi  
Để em buồn, em tủi “không dzia đâu...”  
Em lắng lòng cho tôi nói một câu  
Dzia – không dzia tôi vẫn chờ em mãi!*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: Tóc bay miền nhớ: Nhớ hoài tóc xưa ... tác giả Cẩm Thúy viết:

*Tôi đọc thơ của Lâm Tền Cuối đã nhiều, từ các tập “Về miền hoa nắng”, “Tiếng hát học trò”, “Thời trăng cũ”, “Bóng chiều phai”, “Từ thuở mưa bay” và một số bài thơ in trên các báo, tạp chí trong và ngoài tỉnh. Thơ Lâm Tền Cuối hay đề cập đến tuổi hoa mộng, tuổi học trò với những ký ức, cảm xúc đôi khi như của một cậu học trò ngây ngô, đôi khi trầm mặc, ngậm ngùi như luyến tiếc về một thời đã xa, chẳng thể nào trở lại... Riêng đối với tập thơ “Tóc bay miền nhớ”, tôi “cảm” thơ ông ở một góc độ khác. Nhờ lời dẫn mở đầu tập thơ của tác giả Trần Minh Tạo, tôi mới hiểu thêm về cơ duyên làm sao mà trong thơ Lâm Tền Cuối từ trước đến nay luôn đề cập đến hình ảnh “mái tóc“. Đôi sợi tóc dài của một cô giáo mà tác giả đã từng đem lòng thầm thương đã đi vào thơ ông cũng giống như ký ức đẹp để ấy đã đeo đẳng ông suốt quãng đường đời...*

Tài liệu tham khảo:

- Lâm Tền Cuối Web: [vandanvn.net](http://vandanvn.net)
- Yêu người người chẳng yêu tôi Blog: [lamtencuoi.blogspot.com](http://lamtencuoi.blogspot.com)

## 18. Triệu Lam Châu



### Triệu Lam Châu (1952-20 )

Nhà thơ, nhạc sĩ Triệu Lam Châu dân tộc Tày, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1952 tại xã Đức Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Từ năm 1970 đến năm 1976, Triệu Lam Châu du học tại Liên Xô, theo học tại Đại học Mỏ Leningrad nay là Saint Petersburg. Năm 1976, tốt nghiệp kỹ sư địa chất.

Năm 1976, Triệu Lam Châu về Việt Nam giảng dạy tại Trường cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa tỉnh Phú Yên.

Là một giảng viên dạy trường Công nghiệp nhưng Triệu Lam Châu là một người yêu văn học, sáng tác thơ văn và nhạc, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Đến tháng 5 năm 2012 về hưu.

Triệu Lam Châu được các giải thưởng:

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Giải nhất thơ Phú Yên năm 1991.
- Giải nhất toàn quốc Cuộc thi dịch văn học nước ngoài ra tiếng Việt, do Hội nhà văn Việt Nam, Tuần báo *Văn nghệ* và Nhà xuất bản Văn học tổ chức, năm 1994 với truyện dịch *Vương quốc chim hoạ mi* của nhà văn Nga Pauxtốpxky.
- Giải thưởng thơ của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, năm 1998 với tập thơ *Trăng sáng trên non*.
- Giải nhất toàn quốc Cuộc thi thơ viết về "Kỷ niệm sâu sắc của đời tôi gắn với văn hoá, con người, đất nước Nga và Liên Xô cũ", do Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam - Liên bang Nga và Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông - Tây tổ chức năm 1999 - 2000, với chùm thơ *Một mình lên hang núi đêm trăng*.
- Giải nhì về thơ (không có giải nhất) của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, năm 2000 với tập thơ dịch *Nửa phần sự thật* của nhà thơ Nga Xecgây Mikhancốp.
- Giải thưởng văn học Phú Yên 25 năm (1975 - 2000) với tập thơ *Ngọn lửa rừng*.
- Giải nhì về thơ (không có giải nhất) của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, năm 2001 với tập thơ "Giọt khèn".
- Tặng thưởng về âm nhạc của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, năm 2003 với đĩa hát CD "Cao Bằng yêu dấu".
- Giải thưởng thơ của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, năm 2004 với tập thơ "Thăm hát trên đồi".
- Giải thưởng văn học Phú Yên 5 năm ( 2001 - 2005 ), với tập thơ *Thăm hát trên đồi*.
- Giải ba toàn quốc về âm nhạc của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, năm 2007 với đĩa hát CD *Gánh nước ban mai*.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Giải thưởng thơ của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, năm 2007 với tập thơ dịch *Thơ dân gian Tacta*.

Sau khi nghỉ hưu, Triệu Lam Châu sinh sống tại Tuy Hòa.

Tác phẩm:

- *Nàng dâu* (tiểu thuyết dịch 1987)
- *Hoa nở muộn mằn* (truyện dịch 1988)
- *Lửa tình đã cạn* (tiểu thuyết dịch 1988)
- *Người đàn bà tôi thương* (truyện dịch 1989)
- *Đi tìm hạnh phúc* (tiểu thuyết dịch 1994),
- *Trăng sáng trên non* (1998)
- *Ngọn lửa rừng* (1999)
- *Nửa phần sự thật* (thơ dịch 2000)
- *Giọt khèn* (2001)
- *Đêm trắng* (thơ dịch 2002)
- *Cao Bằng yêu dấu* (CD nhạc tuyển 10 ca khúc, 2003),
- *Thăm hát trên đồi* (2004)
- *Gánh nước ban mai* (CD nhạc tuyển 8 ca khúc, 2006)
- *Thơ dân gian Tacta* (thơ dịch 2007)
- *Nhật ký trong tù* (thơ dịch lục bát tiếng Việt và tiếng Tây, 2009)

Trích văn:

### **Căn nguyên sâu xa của vấn đề**

Hai tháng nay các báo mạng và báo giấy có rất nhiều bài viết tâm huyết, gay gắt, quyết liệt... chứa chan nỗi bức xúc cao ngất đến tận trời xanh – về việc Hội nhà văn Việt Nam trao giải thưởng thơ 2011 – 2012 cho các tác giả làm thơ cách tân Mai Văn Phấn, Đinh Thị Như Thúy, Đỗ Doãn Phương... Và đặc biệt nhất là sau sự kiện Viện Văn học Việt Nam tổ chức Hội

## HUỶNH ÁI TÔNG

thảo “Thơ Việt Nam hiện đại và Nguyễn Quang Thiều” ngày 28 tháng 6 vừa qua – thì nổi bức xúc của các quan niệm như đối chọi nhau giữa thơ truyền thống và thơ cách tân – được bùng nổ đến cao trào. Suy ngẫm về sự bùng nổ này, tôi thấy nó nảy ra một số vấn đề chúng ta cần phải quan tâm.

*Một là:* Dân Việt Nam ta còn yêu thơ nồng nàn và say đắm lắm. Bởi vì thơ là máu thịt và hồn cốt thiêng liêng của toàn dân tộc từ ngàn xưa. Do đó những giá trị chân chính của thơ ca của cha ông chúng ta còn sống mãi đến ngày nay. Chừng nào còn dân tộc Việt nam trên mặt đất này, thì ca dao dân ca và thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương... còn sống mãi. Thời thế như thế nào thì sẽ có thơ song hành với nó như vậy – nhưng vẫn cần đảm bảo tiêu chí là phải hay. Cái hay này phải được tâm thế chân chính và trong sáng của người Việt Nam cùng thời với sự xuất hiện của tác phẩm (và đời sau nữa) – chấp nhận và dung nạp nó vào làm tài sản tinh thần của dân tộc.

Thơ là một thuộc tính tâm hồn thiêng liêng và hết sức mãnh liệt của người Việt Nam. Do vậy người ta quan tâm đặc biệt tới mọi động thái, dấu rằng rất nhỏ mớ hồ đối với ngôi đền thơ thiêng liêng của họ. Và sự đối chọi quyết liệt của hai quan niệm thơ truyền thống và thơ cách tân – đã làm bùng nổ sự bức xúc trong lòng người yêu thơ chân chính – cũng là điều dễ hiểu. Sự quan tâm của bạn đọc, bạn viết đối với thơ như vậy – đó cũng là niềm vinh dự và hạnh phúc cho người cầm bút. Còn gì buồn hơn khi một tác phẩm thơ tâm huyết, được thai nghén bao tháng ngày – nay chào đời mà chỉ nhận được cái nhìn dừng đọng của người đời. Theo tôi nghĩ, dấu bạn đọc nhờ có chê thơ mình dở chẳng nữa, thì cũng chẳng nên lấy đó làm buồn. Chỉ nên buồn thoáng qua thôi, vì dù sao, như vậy là họ có quan tâm đến mình, đọc thơ của mình và mới nhận ra đó là thơ gì theo cảm nhận của họ. Thời buổi này, nào ti vi, nào chiếu bóng, nào khiêu vũ... và vô khối các trò chơi quynh rữ khác chi phối khản

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

thính giả. Vì lẽ đó, có người để mắt tới thơ mình, đã là vui rồi. Người ta chê thơ mình – đó là sự cảnh tỉnh yêu cầu. Người làm thơ (trong đó có tôi, Triệu Lam Châu) cần hết sức tỉnh táo và bình tĩnh mà vui vẻ nhận lấy những lời chê yêu cầu ấy, để phấn đấu nỗ lực hơn nữa. Thế nào rồi ông trời cũng có mắt...

*Hai là:* Hội Nhà văn Việt Nam và Viện Văn học Việt Nam từ ngày thành lập đến nay vẫn là những ngôi đền thiêng trong lòng bạn đọc yêu thơ cả nước và cả bạn bè quốc tế nữa. Suốt mấy chục năm qua hai cơ quan văn học lớn này đã có những chiến lược lớn và thực hiện những chiến lược ấy có bài bản, có hệ thống và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong vấn đề gìn giữ và phát huy những giá trị văn chương cao quý của cha ông chúng ta. Những thành tựu ấy đã được toàn thể dân tộc và bạn bè quốc tế công nhận. Đó là một niềm tự hào chính đáng.

Tôi hiểu Ban lãnh đạo ngày nay của hai cơ quan lớn này rất muốn tạo ra một bước đột phá mới đầy ngoạn mục trong việc sáng tác văn học nói chung và làm thơ nói riêng. Sự đột phá này chủ yếu nhằm vào sự cách tân thi pháp thơ. Các vị ấy mong mỏi (và bạn đọc chúng ta cũng mong mỏi không kém) là sẽ tạo ra một bước ngoặt vĩ đại tương tự như là bước ngoặt 1930 – 1945 với phong trào thơ mới, đã từng có trong lịch sử văn học nước nhà. Đó là một động cơ hết sức trong sáng và đáng trân trọng vì sự nghiệp chung, sự nghiệp phát triển văn học nước nhà.

Trước thực trạng rất nhiều nhà thơ làm thơ theo phong cách truyền thống (chắc là do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là tài năng hạn chế) – đã công bố những bài thơ mang vị nhạt, không còn nhiều lửa lòng trong tác phẩm như xưa nữa – Hội Nhà văn Việt Nam đã trao giải thơ năm 2011 – 2012 cho những tác giả làm thơ cách tân, với hy vọng tạo ra một phong trào cách tân thơ – để nền thơ ta hay lên chăng? Ý tưởng ấy thật nhân hậu,

## HUỶNH ÁI TÔNG

thật giàu tinh thần trách nhiệm! Trước khi nói đến chất lượng của giải thưởng thơ Hội Nhà văn Việt Nam năm 2011 – 2012, chúng ta cũng cần phải ghi nhận ý tưởng nhân hậu và giàu tinh thần trách nhiệm ấy của Lãnh đạo Hội.

*Ba là:* Theo các nhà nghiên cứu, thì trong xã hội ta hiện nay và cả trong văn học nghệ thuật nữa – đang có sự loạn chuẩn. Những giá trị cách đây không lâu được tôn vinh, thì nay bị lờ đi, thậm chí bị loại khỏi đời sống của một số người chạy theo thời thượng. Thí dụ lòng chung thủy trong tình yêu đôi lứa. Từ xưa giá trị này luôn được đề cao trong xã hội ta. Còn bây giờ hẳn dân chúng vẫn coi lòng chung thủy là giá trị thiêng liêng, nhưng trong thơ và trong nhạc (nhất là của các tác giả trẻ), thậm chí có những câu: *Tình yêu đến ta không mong đợi gì. Tình yêu đi ta không hề nuối tiếc....*

Tôi không đi sâu vào nguyên nhân phát sinh sự loạn chuẩn này. Tôi chỉ muốn nói chúng ta phải ứng xử như thế nào, để bớt đi sự loạn chuẩn ấy. Hội xưa đã có chuẩn mực của việc làm thơ, theo tôi hiểu như sau:

*Thơ là thiêng liêng là tâm huyết và vô cùng cao quý. Chính vì vậy nó rất sang trọng, nó không dung nạp sự vô văn hoá. Và nhờ vậy, đọc thơ như là sự thanh lọc tâm hồn. Thơ là thuốc bổ dưỡng tâm hồn.*

*Trước tiên hãy làm một con người tốt và một công dân tốt đã, rồi mới làm thơ. Phải có sự trải nghiệm cuộc sống sâu xa và có tài năng, có tâm huyết, đồng thời phải lao động nghệ thuật nghiêm túc – thì mới có cơ hội có thơ hay.*

*Thơ phải mang những nỗi niềm của đông đảo dân chúng và của lòng mình.*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Do những chuẩn mực cơ bản như vậy về nội dung, nên hình thức thơ phải làm sao tác động hiệu quả nhất đến tâm hồn người đọc tri âm. Người đọc sẽ cảm thơ, hiểu thơ, yêu thơ, rồi cuối cùng là thuộc thơ. Xưa nay thơ hay thường là thơ trong sáng, giản dị, đẹp đẽ và ngân vọng trong lòng ta như tiếng hát tri âm không bao giờ phai.*

Hẳn là còn nhiều chuẩn mực khác nữa của việc làm thơ, nhưng tôi chỉ nêu khái quát vài điều như vậy theo cách hiểu của mình.

Những giá trị của lối làm thơ theo phong cách truyền thống, thì đã được khẳng định bằng những tác phẩm tuyệt vời trong quá khứ. Ai cũng thống nhất điều này. Làm thơ theo phong cách truyền thống, mà để có thơ hay trong thời đại ngày nay – là điều khó vô cùng. Người làm thơ phải lao động với một tinh thần nỗ lực không lờ trong nhiều năm, nhằm lĩnh hội tương đối đầy đủ cái vốn của truyền thống để lại – để rồi từ đó kế thừa một cách đặc đạo nhất. Đối mới thơ theo kiểu kế thừa như vậy, theo tôi, Triệu Lam Châu, là một con đường cách tân thơ đúng hướng và chân chính nhất. Và như vậy sản phẩm thơ theo hướng này vừa mới mẻ lạ lẫm, vừa quen thuộc và hẳn sẽ không có sự bức xúc của bạn đọc và bạn viết như hai tháng vừa qua.

Công bằng mà nói chúng ta cần ghi nhận sự nỗ lực đổi mới thơ của các nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Đinh Thị như Thuý... Họ cũng lao động thơ ghê gớm lắm, mới làm ra những vần thơ mới và lạ như vậy. Chắc chắn họ lao động nghệ thuật cũng không phải là hời hợt đâu. Tôi chưa khẳng định thơ của mấy nhà thơ này hay hay không hay – mà cứ kiên trì chờ thời gian và công chúng thẩm định.

Giữa lúc chuẩn mực mới của thơ cách tân, chưa được hình thành và bám rễ vững chắc trong cảm nhận của người yêu thơ chân chính ngày nay – thì việc đề cao một cách thái quá, cổ vũ mãnh liệt như là ép trái chín, để mong có một phong trào thơ

## HUỶNH ÁI TÔNG

cách tân đạt chất lượng sáng lạng – đã gây sốc chính đáng trong lòng bạn đọc. Và nhiều bạn đọc bạn viết phản ứng, cũng lại là điều dễ hiểu.

Có lẽ chuẩn mực mới chưa thống nhất, chưa được khẳng định, nên trong tình cảnh bức xúc đối chọi mãnh liệt giữa hai quan niệm thơ truyền thống và thơ cách tân như vậy – mà vẫn chưa có những bài viết phê bình thuyết phục để nêu lên cái tinh hoa của thơ cách tân của mấy nhà thơ trên đây chăng?

Tôi không bàn đến những bài viết không mấy thuyết phục nhằm đề cao thơ cách tân vừa qua. Tôi chỉ xin nói đôi lời về những bài viết tỏ ra băn khoăn, chưa thống nhất với chất lượng của giải thưởng thơ năm 2011 – 2012 của Hội Nhà văn Việt Nam trao cho Mai Văn Phan, Đinh Thị như Thúy và Đỗ Doãn Phương...(Nhà thơ Từ Quốc Hoà cũng nhận giải kỳ này. Nhưng có lẽ thơ ông cách tân đúng hướng theo lối kế thừa truyền thống, nên dễ được bạn đọc chấp nhận).

Sau khi giải thưởng thơ năm 2011 – 2012 của Hội Nhà văn Việt Nam được công bố, thì liền có ngay một số bài viết về chất lượng của giải này. Tôi xin điểm lại một số bài đáng chú ý như sau: *Nhìn lại giải thưởng thơ 2011 ( của ông Đỗ Ngọc Yên), Sao Hội Nhà văn Việt Nam lại hè nhau tiễn thi ca lên đoạn đầu đài (nhà thơ Trần mạnh Hào), “Hoan ca” của Đỗ Doãn Phương làm hồng tiếng Việt và thơ Việt (nhà thơ Đỗ Hoàng), Lạm phát thơ và cổ trao giải cho thơ (nhà văn Nguyễn Hiếu), Trùng hợp Đỗ Doãn Phương, khen quá lời (nhà thơ Nguyễn Hữu Quý).*

Tôi thấy bài viết của ông Đỗ Ngọc Yên khi nhìn lại giải thưởng thơ 2011 là hết sức dè dặt và chừng mực, song vẫn toát lên một sự băn khoăn về chất lượng của giải.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Còn các bài viết của các nhà thơ Trần Mạnh Hảo, Đỗ Hoàng và bài của nhà văn Nguyễn Hiếu thì phản đối kịch liệt, có lúc đến mức cực đoan, khi Hội Nhà văn Việt Nam trao giải thơ 2011 – 2012 cho các tác giả Mai Văn Phấn, Đinh Thị Như Thúy, Đỗ Doãn Phương... Họ coi đó là thơ chất lượng kém, là lạm phát thơ, thậm chí không phải là thơ... Chính vì do việc Hội Nhà văn Việt Nam trao giải thơ năm 2011 – 2012 cho các tác giả trên, mà Trần Mạnh Hảo bức xúc quá và viết lên rằng “*Sao Hội Nhà văn Việt Nam lại hè nhau tiễn thi ca lên đoạn đầu đài (nhà thơ Trần mạnh Hảo)*”

Dẫu lời lẽ trong các bài viết trên nhiều khi rất căng thẳng và khó nghe, nhưng rõ ràng các tác giả đều có một mong muốn trong sáng và chính đáng. Đó là thơ được trao giải thưởng của một Ngôi đền văn học lớn và thiêng liêng như Hội Nhà văn Việt Nam – thì thơ đó phải hay và phải được mọi người công nhận. Các tác giả các bài viết trên coi thơ cách tân còn đang ở dạng thử nghiệm, chưa được thẩm định của công chúng và thời gian – là thơ không hay, thậm chí không phải là thơ.

Viết đến đây tôi lại chạnh buồn, buồn vô hạn. Vì sao vậy? Việc trao giải thưởng thơ hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam, là một công việc lớn và hệ trọng, vì chất lượng của giải thơ sẽ mang tính định hướng cho sáng tác và tác động trực tiếp đến tâm hồn yêu thơ của cả một dân tộc. Vấn đề lớn như vậy, thế mà nằm ngoài tay những nhà thơ đã được Đảng, nhà nước và xã hội tôn vinh (vì những thành tựu của họ trong quá trình sáng tác). Đó là những nhà thơ lão thành đã trải qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc trong thế kỷ 20. Đó là những nhà thơ đã nhận giải thưởng Hồ chí Minh và giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật. Những vị ấy thật sự có uy tín trong văn giới và trong xã hội. Tôi và bạn đọc cầu mong những vị này lên tiếng về chất lượng giải thơ năm 2011 – 2012 của Hội Nhà văn Việt Nam. Nếu thơ hay, thì các vị cần phân tích rõ ràng cho bạn đọc thấy và coi đó là một chuẩn mực mới. Nếu thơ chưa

## HUYỀN ÁI TÔNG

hay, thì bằng kinh nghiệm dồi dào của mình, các vị cũng cần cho ý kiến định hướng đi ra sao?...

Cá nhân tôi thấy nhà thơ Trần Mạnh Hảo, nhà thơ Đỗ Hoàng và nhà văn Nguyễn Hiếu tâm đắc và có trách nhiệm vô cùng với sự phát triển đúng hướng của thơ – nên các vị ấy mới cầm bút viết những bài như trên.

Tôi muốn bạn đọc lưu ý thêm bài viết có tình, có lý của nhà thơ Nguyễn Hữu Quý. Anh viết có tâm huyết, có lý luận thuyết phục về cái được và chưa được trong thơ Đỗ Doãn Phương (*Trường hợp Đỗ Doãn Phương, khen quá lời*). Lời văn trong bài viết của nhà thơ Nguyễn Hữu Quý chừng mực, điềm đạm, thuyết phục người đọc bằng chân lý là chủ yếu, chứ không phải bằng nỗi bức xúc có thật của mình. Dẫu tôi biết Nguyễn Hữu Quý cũng bức xúc lắm với chất lượng của giải thơ 2011 – 2012. Song anh vẫn bình tĩnh viết “*Tôi cũng không xếp được thơ anh. Đỗ Doãn Phương không có cái dòng mạch cuồng nhiệt mê đắm của Vi Thùy Linh, không có cái tinh tế kiệm lời của Phan Huyền Thư, không có cái liên tưởng phong phú của Nguyễn Phan Quế Mai, không có cái ngộ ngộ của Du Nguyên, không có những vòng đồng tâm trong thơ như Nguyễn Quang Hưng, không có sự bung mở tươi mới của Lữ Thị Mai... Thơ Đỗ Doãn Phương chất nghị nhiều quá, lại khô khan, thiếu sự khám phá tươi tắn của tuổi trẻ.*”

*Xin nhắc lại, tôi thích bài Ngày cô mất của Đỗ Doãn Phương. Một bài thơ tình ý quyện vào nhau, tự nhiên, chân thật, không cao giọng triết luận mà người ta vẫn nhận ra cái đẹp của cuộc sống, của con người qua mối quan hệ sinh-tử...Chỉ thế thôi. Và, tôi hy vọng anh sớm quên đi giải thưởng vừa được nhận của Hội Nhà văn Việt Nam để có những tác phẩm hay”.*

Nhà thơ Nguyễn Hữu Quý viết như vậy là thoả đáng. Riêng cái ý anh hy vọng Đỗ Doãn Phương sớm quên đi giải thưởng vừa

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

được nhận của Hội Nhà văn Việt Nam – nghe sao mà cay đắng và chua xót thế? Vì cay đắng và chua xót này, hẳn còn dai dẳng đeo bám lòng người yêu thơ chân chính trong một thời gian dài nữa.

Rồi sự kiện Viện Văn học tổ chức Hội thảo “Thơ Việt Nam hiện đại và Nguyễn Quang Thiều” ngày 28 tháng 6 vừa qua, tính đến thời điểm này (ngày 12 tháng 7) – đã có những bài viết đáng chú ý như sau: *Nguyễn Quang Thiều đá phản lưới nhà (nhà văn, dịch giả PhạmViết Đào), Hội thảo thơ hay là thổi kèm đám ma nền thi ca Việt Nam (Nguyễn Đình Chúc), Thơ du dương hay tụng ca du dương (nhà thơ Nguyễn Hữu Quý)*.

Hai bài viết của nhà văn, dịch giả Phạm Viết Đào và của ông Nguyễn Đình Chúc chỉ chăm chăm soi vào những nét hạn chế của thơ Nguyễn Quang Thiều. Còn bài viết của nhà thơ Nguyễn Hữu Quý lại một lần nữa thể hiện cái cái tâm sáng của mình đối với thơ. Ông viết như sau: “...*Thơ Thiều có những hình ảnh lạnh: Sông gục mặt vào bờ đất lần đi..., những sự liên tưởng độc như: Những con cá thiêng quay mặt khóc/ Những chiếc phao ngô chết nổi hoặc ý tưởng thâm thúy: Và cá thiêng lại quay mặt khóc/ Trước những lưới câu ngư gác lộ môi... Ghi nhận Nguyễn Quang Thiều, theo tôi, là ở những chỗ đấy chứ không phải là sự chối bỏ, khước từ sự véo von nhẽ nhại, du dương tội nghiệp như ai đã nói.*

*Tôi nhớ Hữu Thịnh có những bài thơ, câu thơ giàu nhạc tính và nhờ thế mà nó được nhiều người nhớ, nhiều người thuộc, nhiều người thích. Bài Phan Thiết có anh tôi tràn ngập sự đờn đàu da diết là một ví dụ rõ ràng về điều tôi vừa nói hay câu thơ này cũng vậy: Một đời người mà chiến chinh nhiều quá/ Em niu giương niu chiếu đợi anh. Cái sự ngân rung vang vọng trong câu thơ ấy đã rọi chiếu vào nỗi xót xa, nhân nhện thăm thẳm và sức chịu đựng kỳ vĩ của con người Việt Nam. Nếu*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*cũng cái ý ấy, cảm xúc ấy mà viết như thế này: “Hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm, đời người trải qua bao cuộc chiến chinh / Những người đàn bà đất nước tôi nữu chiếu, nữu giường đợi người trở lại” thì chắc ai cũng bĩu môi chê dờ. Sẽ là vụng về biết bao khi câu thơ này của Trần Đăng Khoa: Mái gianh ơi hồi mái gianh/ Ngắm bao mưa nắng mà thành quê hương bị biến thành: “Mái gianh ơi, mái gianh hồi, ngắm bao nhiêu mưa, ngắm bao nhiêu nắng/ Mà thành quê hương tôi” ...Tuy nhiên, là nhà thơ có nghề không ai viết như thế cả.( Thơ du dương hay tụng ca du dương - nhà thơ Nguyễn hữu Quý).*

Tóm lại sở dĩ có sự bùng nổ đến mức cao trào đối chọi nhau của hai quan niệm về thơ truyền thống và thơ cách tân, là do chưa có sự thống nhất về các chuẩn mực của việc làm thơ cách tân hiện nay.

*Bốn là:* Trước sự bùng nổ bức xúc không nên có như trên của bạn đọc và bạn viết đối với giải thưởng thơ năm 2011 – 2012 của Hội Nhà văn Việt Nam, tôi xin mạo muội đề xuất một phương án thực hiện mới, để sang năm đến mùa trao giải thơ thì tránh lặp lại việc đáng tiếc vừa qua.

Ngày từ bây giờ (tháng 7 năm 2012) Hội đồng thơ Hội Nhà văn Việt Nam cần thông báo ngay cho mọi tác giả có thơ thì gửi đến Hội để dự giải. Những tác phẩm lọt qua vòng sơ khảo và chung khảo của Hội, thì phải được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, để mọi người yêu thơ biết và tìm đọc. Dịp đó cũng công bố luôn dự định của Ban chung khảo sẽ trao giải cho những tác phẩm thơ nào, kèm theo những nhận xét đánh giá của Ban chung khảo về những tác phẩm dự định trao giải ấy.

Đồng thời Hội Nhà văn Việt Nam cần thành lập một Ban tiếp nhận ý kiến phản hồi của bạn đọc về những tác phẩm thơ dự

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

định sẽ được trao giải. Các ý kiến phản hồi có trách nhiệm sẽ được báo cáo tổng kết chu đáo và dựa vào đó Ban chung khảo xem xét lại dự định trao giải đã công bố của mình, để quyết định lại cho thuận lòng người, thuận với chất lượng của giải thơ cần trao.

Theo thiên nghĩ của tôi, nếu làm được như vậy, thì đến mùa giải thơ sang năm 2013 hẳn sẽ không có sự bùng nổ bức xúc đến mức cao trào không đáng có như mùa trao giải năm 2012 này. Mong mỗi lần thay.

*Tuy Hoà, chiều 12 tháng 7 năm 2012*

Trích thơ:

### **Pjáu đề**

*Uảng nẳm mì Khau Nhạn, Chóp Chài  
Dường mjắc Tuy Hòa nọi pây tốc pjoỏng  
Mái nhằng pế bân foòng toỏng fảng  
Slăm rà vậ hăn sliểu mòn rặng*

*Uảng nẳm mì phai Đông Cam nặm tằm  
Tuôi thuốn khoóp toổng nà hom phứt  
Lao tử sliểu lai cầm lượn hát  
Dình Tuy Hòa đó pây ha lai*

*Rôi que rườn xiên slương vản qui  
Làng xày xiên nhặng dương rà mì  
Uảng nẳm mì pương slăm slặt quảng  
Hát rừ mì đình rủng Tuy Hòa ?*

(1985)

### **Không đề**

HUỲNH ÁI TÔNG

*Nếu không có Núi Nhạn, Chóp Chài  
Nét đẹp Tuy Hòa vơi đi một nửa  
Dẫu vẫn có biển trời sóng vỗ  
Mà trong lòng vẫn thấy thiếu chi đây*

*Nếu không có đập Đồng Cam lai láng tràn đầy  
Dẫn nước tưới cánh đồng thơm ngọt  
Hẳn sẽ thiếu nhiều câu hò, tiếng hát  
Chát Tuy Hòa nghèo đi bao nhiêu*

*Òi quê hương muôn quý ngàn yêu  
Luôn vẹn toàn những gì người đã có  
Nếu không có tấm lòng thật thà rộng mở  
Làm sao có cái chát Tuy Hòa ?*

(1985)

**Tháp Chàm rứt pjấu chang phăn**

*Hây phít xá về lăng  
Lằm liu pjấu ăn ngàu Nhạn Tháp  
Chang đũa phăn gắm ngòa moong moóc  
Nâu dậu này mày muốn poi khai*

*Khau Tháp Chàm slâu tích chang mười  
Ngòm bâu đong mạy đàn lướp lướp  
Vận dưởng đeo thư theo slương điép  
Răng pjấu làng chang đũa phăn ngàn kim*

*Nhạn Tháp rà cáu mjác chang phăn  
Dai dải của bân đin toong đóc  
Bặng fây nua đỏi thư ngoót ngoót  
Đắc đeng mần của lướn moòng dăm*



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Nâu dậu này lạ lứ chang slăm  
Tông cạ lôm vè lăng pèng qui  
Tông nămm dư đich đàng hây nô  
Mjứt mjàng uây...tâu tó đũa phăn.*

**Tháp Chàm bồng vắng trong mơ**

*Mình có lỗi chi chẳng  
Bỗng nhiên vắng bóng hình Nhạn Tháp  
Trong giấc mơ đêm qua bàng bạc  
Sớm mai nay ngơ ngác băng khuâng*

*Đôi Tháp Chàm tinh khiết trong sương  
Tán lá rừng bạch đàn dào dạt  
Vẫn đậm nét mặn nồng tha thiết  
Sao vắng hoài trong giấc mơ đêm qua*

*Nhạn Tháp mình huyền ảo trong mơ  
Hơi thở của đất trời đọng lại  
Như ngọn lửa lặng thâm âm i cháy  
Giọt hồng cầu của máu râm ran*

*Sớm nay lòng cứ mãi ngỡ ngàng  
Như đã mất điều gì quý giá  
Như không phải chính bản thân mình nữa  
Chập chờn rung...chấp nối chiêm bao.*

(Tuy Hòa 17 - 9 – 1992)

Nhà thơ Triệu Lam Châu dịch thơ của nhà thơ Nga X. Êxênhin sang thơ tiếng việt như sau:

Nguyên bản tiếng Nga:

\* \* \*

*Ты плакала в вечерней тишине,*

HUỶNH ÁI TÔNG

*И слезы горькие на землю упали,  
И было тяжело и так печально мне,  
И все же мы друг друга не поняли.*

*Умчалась ты в далекие края,  
И все мечты увянули без цвета,  
И вновь опять один остался я  
Страдать душой без ласки и привета.*

*И часто я вечернею порой  
Хожу к местам заветного свиданья,  
И вижу я в мечтах мне милый образ твой,  
И слышу в тишине тоскливые рыданья.*

(1913)

Bản dịch thơ tiếng Việt:

\* \* \*

*Em thầm khóc trong chiều lặng lẽ,  
Giọt lệ nồng, cay đắng cứ rơi rơi,  
Sao lòng anh nặng buồn đến thế,  
Vậy là ta không hiểu nhau rồi.*

*Em vụt tới tận miền xa thăm,  
Mọi ước mơ héo úa không màu,  
Chỉ còn lại mình anh đơn lẻ  
Không lời thương âu yếm... hôn đau...*

*Anh thường thăm lại nơi hẹn cũ  
Một mình thôi, vào những buổi chiều,  
Mơ thấy dáng yêu kiều hiển hiện,  
Trong lặng im... nghe nước nở u sầu...*

(1913)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Bản dịch thơ tiếng Tày:

\* \* \*

*Slao hảy nhỏi chang uần gueng xích,  
Nặm tha môm, khôm phát đỏi lây lỏng,  
Slăm chàì lǎng nắc p'uồn p'ận nỏ,  
P'ận lẻ rà bấu chắc thông căn.*

*Slao phứt mùa quây mường lít liú,  
Thuôn ngoòng ngầu lương đỏi mả mǎng  
Tán nhằng đàng chàì đai lế lác  
Bấu gằm slương điếp ún...châu slương...*

*Chài toại mùa d'ương t'ỷ rà d'ản cẩu  
Gần đeo đai, khẩu bại slì uần  
Phấn hǎn d'ương ón nhòi mjút mjáng,  
Chang gueng mǎn...ngǎng ngắc p'uồn slăm...*

(1913)

**Em bắt anh ở lại với Miền Tây**

*Em bắt anh ở lại với Miền Tây  
Hồng cho về Miền Trung đâu nhé  
Ánh mắt em sao mà tinh nghịch thế  
Một nụ cười ranh mãnh trên môi*

*Hình như phải lòng nhau thật rồi  
Giọng nhỏ nhẹ mà nghe bốc lửa  
Cửu Long Giang vút lên lên trời rạng rỡ  
Áng tóc mây đăm đuối trên vai*

*Em là nữ hoàng của lòng ai  
Mà hiện giữa Miền Tây thuần khiết thế*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Nửa háo hức, nửa tròn e lệ  
Nửa bơi thuyền, nửa bay cánh chim xa...*

*Lòng nủ lòng: Chả nhẽ lại chối từ!  
Mà sao cứ ngỡ ngang: Đâu phải vậy?  
Nhưng chiếc cầu tre vắt ngang dòng kênh ấy  
Có nhạt nhòa lẽ bóng ai đâu?*

*Chút nắng vàng ngoài nó dãi dầu  
Khẽ đậu xuống làn môi thắm thiết  
Chát mặn ấy lắng sâu không kể xiết  
Ta sẽ về... Em có chịu anh không?*

(Miền Tây Nam Bộ 11-1999)

**Em là bông lục bình trên sông**

*Em là bông lục bình trên sông  
Khe khẽ tím, dập dềnh nước nổi  
Gió từ phía hạ lưu thoáng tới  
Hay gió hồn ai lay cánh sáng lung linh?*

*Ôi nụ xinh, rất đôi thân tình  
Như chứa cả nửa trời Nam Bộ  
Mà lặng lẽ dịu mềm như cỏ  
Như ánh nguồn xa lưu trên lá mong manh*

*Anh cứ xuôi theo dòng Hậu Giang  
Đâu cũng đượm một giọng hò ngọt lự  
Em ơi em, em đi về phía bể  
Có hồn anh giăng nơi ấy xa xăm...*

*Ai đã cho em nụ cười xinh  
Cho ánh mắt nủ lòng hồn hậu*

*Để những áng mây cuối trời yêu dấu  
Cũng về đây tụ vào cánh lục bình*

*Cứ hát lên theo lời gió mông mênh  
Đời là em, cánh lục bình nhỏ xíu  
Đời là anh, vàng sóng mơ rong ruổi  
Đời là ta, trái ngọt Cửu Long Giang...*

(Hậu Giang 13-11-1999)

### **Lý ngựa ô địa chất**

*Khóps con ngựa, ngựa ô  
Anh lại hát bài ca xưa cũ  
Để đón em, cô nàng bé nhỏ  
Em kiêu kỳ, em có chịu anh không?*

*Đến đón em, anh không có kiêu vàng  
Không có con ngựa ô như trong câu hát  
Chỉ có tình yêu em dào dạt  
Ơi cô nàng, em có chịu anh không?*

*Bao tháng năm thăm thăm điệp trùng  
Giữa rừng núi lộ trình tìm quặng mỏ  
Có đêm ngắm trăng ngàn lấp ló  
Bỗng nghe rền tiếng hý ngựa ô vang*

*Hắn là em ở phía đồng bằng  
Đăm đăm dõi sao rừng xa lắc  
Mà gió núi cứ rung lên mỗi đợt  
Phía thượng nguồn thao thức đêm sâu*

*Ơi cô nàng, anh hông dám sai lời đâu  
Đường tìm mỏ, anh đã đi đến đích*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Nay anh đến đón em lên làng địa chất  
Khớp con ngựa, ngựa ô*

*Chúng ta đều là con của mẹ Âu Cơ...*

(Miền Tây Nam bộ 13-11-1999)

Trong bài: *Nhà thơ dân tộc Tày Triệu Lam Châu trên tiến trình hội nhập*, tác giả Nguyễn Văn Thông Học Viên lớp Cao Học Văn Học Việt Nam - Khóa 15 Đại Học Quy Nhơn Bình Định đã có nhận định:

*Tóm lại nhà thơ Triệu Lam Châu là người con dân tộc tày, thơ ông là sự kết tinh văn hóa của ba miền Bắc - Trung - Nam, ngoài làm thơ ông còn là một nhà dịch thuật và sáng tác nhạc, đứng ở trên phương diện nào ông cũng đã gặt hái được nhiều thành quả đáng khích lệ. Để làm nên bản sắc Triệu Lam Châu, ta thấy ngoài “tứ” văn chương tinh túy, dung dị, gần gũi còn là sự uyên thâm bác học của ngôn từ và cách đặt vấn đề rất khéo léo của tác giả nên có thể nói thơ của Triệu Lam Châu đã thực sự hoàn toàn hội nhập với nền thơ Việt trên cả phương diện nội dung lẫn hình thức nghệ thuật.*

Tài liệu tham khảo:

Triệu Lam Châu Web: [citinews.net](http://citinews.net)

Căn nguyên sâu xa của vấn đề Web: [maivanphan.vn](http://maivanphan.vn)

## 19. Cao Duy Sơn



### **Cao Duy Sơn - Nguyễn Cao Sơn (1956-20 )**

Nhà văn Cao Duy Sơn tên thật là Nguyễn Cao Sơn, dân tộc Tày, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1956 tại Thị trấn Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Học sinh Trường phổ thông cấp 1, 2 và 3 Trùng Khánh, Cao Bằng.

Tháng 8 năm 1973, gia nhập quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 8 năm 1980, chuyển ngành làm phóng viên đài phát thanh tỉnh Cao Bằng.

Năm 1984, tình cờ được đi dự trại sáng tác văn học Dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang, Cao Duy Sơn đã viết truyện ngắn

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Dưới chân núi Nục Vèn* kể về cuộc sống của người dân quê anh. Thật bất ngờ, truyện ngắn đầu tay này ngay sau đó đã được in trang trọng trên tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, gây được sự chú ý của nhiều độc giả.

Truyện ngắn đầu tiên thành công, Cao Duy Sơn bắt đầu dấn thân vào con đường văn nghiệp đầy nhọc nhằn và bất trắc.

Tháng 10 năm 1989, theo học Trường viết văn Nguyễn Du Hà Nội.

Năm 1992 ra trường, về Trùng Khánh, xin không được việc làm, phải đi bán xăng lẻ từ chai, vài năm sau phát triển thành đại lý xăng, khá phát đạt tại Lũng Cô Sầu.

Về sau nhà văn Tạ Duy Anh lên Cao Bằng, thấy đời sống gia đình nhà văn Cao Duy Sơn khá sung túc, nhưng môi trường thương mại đó không phù hợp cho người sáng tác, nên viết bài đăng trên báo Tiền Phong. Do đó lãnh đạo tỉnh đã cho gọi ông trở lại công tác tại Đài phát thanh truyền hình Cao Bằng.

Ông là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1997, là Phó Chủ tịch Hội Văn học – Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Nhà văn Cao Duy Sơn nhận được các giải thưởng:

- Giải A Văn học Dân tộc thiểu số của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1993, với tác phẩm *Người lang thang*.
- Giải Nhì của Hội Hữu nghị Việt - Nhật năm 1993, với tác phẩm *Người lang thang*.
- Tặng thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1997, với truyện ngắn *Những chuyện ở Lũng Cô Sầu*
- Giải B của Hội Văn Học Nghệ Thuật các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam năm 2002 với truyện ngắn *Những đám mây*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*hình người.*

- Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2008 cho tập truyện ngắn *Ngôi nhà xưa bên suối.*

- Giải thưởng Văn học ASEAN năm 2009 cho tác phẩm *Ngôi nhà xưa bên suối.*

Do hệ lụy tác phẩm *Đàn trời*, nhà văn Cao Duy Sơn phải rời Lũng Cô Sầu, sống ở Hà Nội làm Tổng biên tập tạp chí *Văn hóa các dân tộc.*

Tác phẩm:

- *Người lang thang* (tiểu thuyết, Hội Nhà Văn, 1992)
- *Cực lạc* (tiểu thuyết, 1994)
- *Người săn gấu* (tiểu thuyết, 1995)
- *Hoa mạn đở* (tiểu thuyết, 1999)
- *Đàn trời* (tiểu thuyết, 2005)
- *Chòm ba nhà* (tiểu thuyết)
- *Những chuyện ở lũng Cô Sầu* (tập truyện, 1996)
- *Những đám mây hình người* (tập truyện )
- *Hoa bay cuối trời* (tập truyện )
- *Ngôi nhà xưa bên suối* (tập truyện, Văn hóa Dân tộc, 2007 )

Trích văn:

### **Súc Hỷ**

Ngôi trên chiếc ghé dài trước cửa, Súc Hỷ lặng lẽ ngắm dòng người vào chợ. Khí lạnh phả xuống từ vách núi khiến lão co ro trong chiếc áo bông xanh như con tê tê cuộn mình.

Quá chín giờ mà nắng non chưa chịu ló. Thời trẻ rét hơn thế lão còn lặn sông Qui bắt cá. Nhắc đến lại tiếc. Nhanh quá thế! Tết này nữa đã bảy mươi một xuân qua.

## HUYNH ÁI TÔNG

Súc Hỷ là người duy nhất ở đất này còn ít chữ nô Tày. Vì thế phần nào lão được nể trọng. Ba ngày tết trong bộ quần áo rách như gã ăn mày, lão tự nguyện "khai vài xuân" cho mọi nhà. Những ngày đó thấy lão, dân Cổ Lô đều tỏ mặt cung kính.

Có điều lão hơi buồn, ngôi nhà chỉ còn mình lão ở. Vợ lão đã theo tổ tiên lên đường trời từ cách đây hơn mười năm. Cũng ngần ấy năm thằng con trai đưa vợ con vào Tây nguyên làm ăn. Mấy lần nó ngồi xe ra đón nhưng lão không chuyên. Lão bảo, sống đâu quen đấy. Lão còn hạ một câu "ở đâu mà chẳng chết một lần". Thằng con nghe thế đành lui. Từ đấy nó ít về. Dù pa không nói nhưng nó biết, lão không chịu bỏ đất này vì còn nặng lòng tri kỷ. Chẳng phải mình nó, còn người nữa cũng biết, lão là Chương Chảo.

Nói hỏ gặp hỏ. Chương Chảo kia! Lão xách chiếc lồng tre dài, trong nhốt con gà trống lông đỏ. Súc Hỷ định lờ, Chương Chảo nhanh miệng hơn:

- Vui gì mà tự cười thế Súc Hỷ?

Cái thằng này sinh cùng năm đấy. Nó cũng là người Nùng nhưng mở miệng lại giống đũa Tày, đũa Kinh ở Cổ Lô. Thúc, bá gì với nhau mà súc... súc? Bụng không ư nhưng lão vẫn tỏ mặt thản nhiên:

- Chương Chảo, mày đi sắm tết muộn thế?

- Đồng tiền bé phải đi chợ cuối năm, may thì vợ được của rẻ, nhưng mua lại bị đắt, tiếc đồng tiền lắm.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Súc Hỷ rút tay ra khỏi ống tay áo bông, xoa xoa vào nhau, lão khẽ hạ giọng:

- Mày mua cáy tắc (gà nhỏ mồ côi) đi tái còn kêu đắt sao?

Chương Chảo không đỡ mặt, lão nhắc lồng dứ về phía Súc Hỷ:

- Thử cân xem, không đủ ba ki lù, cho mày ngay.

- Việc gì phải cân, cáy tắc cho con trẻ nuôi chơi chứ ai ăn?

Chương Chảo đột nhiên xuống giọng:

- Cái mồm mọc gai của mày, chỉ được nói hôm nay thôi đấy. Sớm mai khai vải xuân, nhớ chọn lời hay, lời đẹp để cả năm tao gặp may.

Phải như mọi lần bị Súc Hỷ chọc tức, Chương Chảo đã nhỏ bọt bỏ đi, nhưng mai mừng một tết, lão xuống giọng vì không muốn nhà mình duy nhất ở Cổ Lâu, không được Súc Hỷ đến khai vải xuân, dán giấy đỏ lên cánh cửa, cầu phúc, cầu an cho cả năm. Cái mặt Súc Hỷ kia, gì mà đắc ý thế? Ghét quá. Nuốt khó chịu xuống ruột, Chương Chảo cười, hở cái miệng chỉ còn hàm răng dưới. Lão quay bước về nhà.

Biết Chương Chảo chỉ giả cười. Súc Hỷ chột ân hận. Nhưng lão nói cho vui miệng thôi mà, đừng nghĩ quá thế! Chuyện cũ như gỗ mục trong rừng, lão đã không nghĩ đến từ lâu.

Tết về trẻ vui, già buồn vu vơ. Ngồi đây ngắm chợ, lão thấy người mỗi lúc một vơi. Giá ngày ba mươi dài hơn, cho người ta nần ná với năm cũ thêm chút nữa, có tiếng cười, nói trong ba cái nhà dài, cột gỗ tròn, ngói bảm rêu đen trong lòng lão nổi quạnh hiu cũng dịu phần nào.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Sao giờ này Dinh vẫn chưa đến nhỉ? Nhớ hương vị pèng mề quá! Tết đến phố Cổ Lâu nhà nhà đều làm pèng mề, nhưng không ai làm ngon hơn Dinh. Chỉ dấm bát gạo nếp hạt tròn, nửa bát tro rom nếp, trộn đều, xoa kỹ, Dinh đã gói được hai chiếc bánh chưng lưng còng không nhân, đen nhức, ứa nhựa thơm đến từa nước bọt. Năm nào biểu lão đôi bánh, bà đều đến vào giờ này. Biểu rồi lại dặn - "Đặt trên bàn thờ mỗi bên một chiếc, nhớ hết tết mới được bóc ăn đấy!". "Làm như tôi không biết gì ấy!". "Thì cứ nhắc thế, nhớ quên ăn trước mắt lộc cả năm". Bà tùm tùm cười.

Súc Hỷ thờ dài, miệng, mũi phả ra luồng hơi trắng mỏng. Mình già từ khi nào nhỉ? Đồi người qua nhanh như mùa cốm tháng mười. Còn nhớ, ngày đó không lấy được Dinh vì có đũa loan tin xấu. Cái đũa ấy hẳn hoi nó biết Hỷ dắt ngựa sang Bảo Lạc thu mua củ voòng chinh về để hoàn thuốc bán. Trên đường bị phi chặn cướp phải trốn vào rừng, ở với người lô lô Cốc pàng. Nửa năm sau mới về được đến nhà. Thế mà đũa xấu miệng đặt chuyện, chính nó thấy Hỷ trong đám thổ phi Mã Linh, tiên phong cướp dữ bên châu Hạ lang. Chính quyền bắt Hỷ lên tra hỏi. Chẳng chứng cứ buộc tội đành thả Hỷ về. Nhưng tên lão bị gạch đít đánh dấu "thảo khấu chưa thành". Năm đó Hỷ chưa đến hai mươi. Chuyện không thành sấm sét cũng đủ hoá mưa bão bẻ gãy cây rừng. Pa me Dinh vội treo ngay chiếc bèn, bết chữ vôi "cấm Hỷ nhập", liền tay đồng ý cho một anh bộ đội làm con rể.

Đêm cưới Dinh, Hỷ đến áp tai vào vách. Nghe Dinh khóc gọi tên mình, Hỷ bắc thang leo lên mái, lật ngói nhảy vào buồng. Định buộc Dinh vào lưng cướp đi, nhà gái phát hiện, tóm cổ đánh cho Hỷ một trận như tử. Họ còn cho người lấy nhọ chảo, trộn mỡ lợn bôi vào mặt, trông lem luốc như mặt chó mực, rồi đá đít tống ra cửa.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Nhục nhả ê chề. Hỷ bước vào đền Phja phủ. Định bụng chui vào dưới bệ thờ, nằm chờ rắn mọc mào bò ra, cắn cho một nhát chết tươi. Đang mò mẫm, đầu bỗng đụng phải chiếc chuông đồng to như chiếc thùng gỗ gánh nước treo ngược. Đau đến xa xâm mặt mày, Hỷ nổi cáu, vớ hòn đá đánh liên hồi vào chuông. Cổ Lâu tuy là vùng mới giải phóng, nhưng vẫn đang thời kháng chiến. Tưởng báo động có tàu bay Pháp đến ỉa bom, dân phố náo loạn, người đang dự đám cưới cũng co cẳng chạy vào hang. Sướng tai quá! Cứ thế này đánh đến sáng cũng không chán tay. Có nhiều tiếng chân huỳnh huých chạy đến, tay súng, tay dao, cả đuốc nữa sáng rực một góc trời. Đang còn u mê trong âm thanh inh inh, oong oong, Hỷ thấy có ai nắm tay mình kéo vào bóng đêm.

Cho đến lúc nghe tiếng nước chảy, Hỷ mới biết mình đang đứng bên bờ sông Qui. Có tiếng trách móc:

- Mày điên hay ngu mà làm thế?

- Chương Chảo sao...?

- Tao đây! Không nhanh thì đầu mày thành quả bí nát rồi.-  
Chảo hỗn hên.

- Mày cứu tao làm gì chứ? - Hỷ chờ đẫn, tuyệt vọng.

- Tao có lỗi với mày Hỷ à...! Tao cũng thích Dinh mà, nhưng ma quỷ xui tao ghen tức làm tao mất khôn mất rồi...

Chương Chảo ngồi thụp, cúi đầu. Nó run rẩy thú nhận mình là kẻ đặt chuyện Hỷ theo phi Mã Linh, chỉ để Hỷ mang tiếng xấu không lấy được người mà nó cũng muốn lấy làm vợ... Hỷ tùm cổ nó chìm xuống sông. Chương Chảo không cự lại. Nó nói rồi, hôm nay nó chịu chết mà. Mặt nước chỉ có bong bóng "búng

## HUỖNH ÁI TÔNG

bính" nổi lên. Toàn thân Hỷ như lên cơn sốt. Minh đang giết người! Ý nghĩ đó chọt làm Hỷ run tay.

Chương Chảo được kéo vào bờ. Nó chỉ mới bị sặc nước.

- Ghét mặt tao thế còn cứu tao làm gì chứ? - Hỷ đập tay xuống đất.

- Cái chuông đèn bị mây đánh vỡ rồi đấy! Chuông ấy dân Cổ Lâu quý như thế nào chắc mây biết? Tội lớn bằng trời. Mây không bị đánh chết cũng sẽ bị mang tiếng xấu lần nữa, tao đã gây ra chuyện thì phải gỡ ra thôi.

Có tiếng chim ăn đêm đập cánh đậu xuống rừng bên sông. Sóng sông Qui nhẹ vỗ vào bờ. Không gian trở nên yên lặng.

Chuyện xưa giờ đã cũ. Đồng niên chẳng còn mấy ai. Lại một điều, Hỷ, Chảo, và Dinh nữa vẫn còn đây? Dinh đã là bà ngoại, chồng hy sinh từ hồi chống Mỹ. Chương Chảo có một nhà con sáu đứa, vợ bị bại liệt cách đây hai chục năm. Sinh lực lão còn dư dôi. Gặp nhau lần nào cũng than phiền "lãng phí lắm". Súc Hỷ biết, hơn chục năm qua Chương Chảo như con mèo đói, rình bắt con chim trên cành cao. Con chim ấy là Dinh. Có lần gặp Dinh, Súc Hỷ nói dối:

- Sao không lấy nó đi?

Dinh khẽ trách:

- Nói thế không sợ xấu mồm à? Chuyện ngày trước mình không thành, Khôi người biết vì ai.

- Thì ra bà cũng đã biết, còn thù nó nữa không?

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Giờ còn ghét nhau nữa mà làm gì? Này, cái chuông đèn bị ai đánh vỡ, giờ tiếng của nó nghe như hát bè hà lều ấy, khác trước lắm.

Nói vu vơ thế mà mặt Súc Hỷ đỏ như quả mắc quây. Lão quay mặt vờ như không nghe thấy.

Đã có nắng rồi kìa. Mai mừng một trời chắc sẽ đẹp lắm. Ai đó đang đến gần? Tim lão hơi rộn. Bước chân này tiếng mỏng quá? Về thất vọng chợt thoáng trong mắt lão. Có giọng bé con lí nhí:

- Súc Hỷ ơi, bà cháu bảo mang cho ông đôi pêng mè.

- Bà đâu? - Lão lo lắng.

- Còn céc bánh cao chưa vào khuôn, bà chờ làm cho xong. Bà cháu nhẩn, bánh này chỉ để bày bàn thờ, thắp hương ba ngày tết, hết tết mới được bóc ăn.

Súc Hỷ xoa đầu bé gái. Lão thở phào nhẹ nhõm:

- Ta nhớ rồi.

Chiều, chợ không còn người, phố bỗng rộng hơn. Mưa phùn như hoa bay trong gió, khẽ đậu xuống lá mạn non tơ. Năm nào vào ngày này có vài giờ Cổ Lâu chợt vắng như phố không người. Súc Hỷ kìa, mọi người nữa, họ đang tản ra những chân núi, cánh đồng hun hút gió. Tết đến người được ăn ngon, ma cũng được chia phần. Lễ gọi hồn sắp bắt đầu đấy. Hương đã được thắp lên. Mâm cúng chỉ có gạo tẻ, muối hạt, nửa cân thịt lợn sống, tiền mã, chai rượu. Mọi người gọi, lão cũng gọi đây. Tiếng gọi nghe như gió thổi qua ngọn lau - "...ơ...oi... hồn người oan khuất, hồn người vạ vật, hồn lang thang không bát hương đi về, hôm nay ngày kết, năm tròn có năm gạo, hạt

## HUỖNH ÁI TÔNG

muối, chén rượu nhạt đến mà nhận. Hạt này hạt ngọc, hạt vàng, ăn một hạt no một năm, uống một ngậm vạn đường thiên lý không khô miệng. đừng làm con ma đói, ma khát quấy trẻ ốm, bắt người già... ngày này năm sau lại đến nhận phần hồn...ơ...ơ...ơ...". Gọi xong, lão vãi gạo, tung muối, vẩy rượu tứ phương, rồi thu dọn thịt rượu, bỏ vào túi nải đi về.

Thế là giao thừa đã đến. Súc Hỷ mặc bộ quần áo chàm còn mới, bước đến bàn thờ thắp hương bái tổ tiên. Khói hương thơm ngát toả nhẹ như tà áo tiên trong ánh nến mờ ảo. Lão thấy lâng lâng như bay, như mơ. Quanh đây đâu cũng người thân. Cụ tổ, ông bà, cha mẹ và cả vợ lão nữa mọi người vui vẻ đi lại khắp căn nhà đá cổ lỗ. Lão dâng rượu, mọi người cùng uống. Chén này lão mời riêng vợ - "Bà nó à cách biệt đã thập niên, chưa khi nào tôi thôi nhớ bà. Đêm nay tôi dâng chén này là có chuyện thưa. Bà biết không? Không khổ nào bằng sống một mình, tôi muốn có bạn. Bà đồng ý nhé! Phù hộ giúp tôi...". Súc Hỷ nâng chén rượu uống cạn, rồi lại rót đầy đặt lên bàn thờ.

Giờ là lúc lễ cha trời, mẹ đất. Mỗi nhà một mâm gà, rượu, một ngọn đèn dầu đặt ngay cửa mà cả phố như đêm hội hoa đăng. Có tiếng trống nhà ai đánh thùng thùng, âm thanh vui tai, kích lệ quá. Súc Hỷ thấy trong lòng phấn chấn.

Lễ trời đất xong, lão bê mâm vào nhà. Đáng ra cỗ này phải được bày ra ăn ngay để lấy lộc, nhưng lão có việc phải đi. Lão tự hứa, xong việc cùng với cân rượu ngon, sẽ đánh sạch banh lộc trời.

Súc Hỷ ra cửa đã là người khác. Trong bộ quần áo cũ rách lão hết gã ăn mày. Bên hông buộc chiếc thu sáu miệng tròn đựng xấp giấy đỏ, ngực treo lủng lẳng ống bút, lọ mực. Cả năm có mấy ngày tết này thôi, lão là niềm mong đợi của mọi nhà. Không chỉ mấy người làm ăn buôn bán, cả những nhà lam lũ cũng mong lão lắm. Việc lão làm không ai giao, cũng chẳng



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

cam kết với người kiếp trước. Lão tự nguyện. Kiếp nào, đời nào cũng có người như thế. Nhiều lúc lão tự hỏi, sau lão liệu có còn ai? Chắc là không. Thế thì tiếc thật. Khai vải xuân chỉ là chúc phúc cho thiên hạ sống hoà thuận, no ấm. Giống như gã ăn mày mà không phải ăn mày. Không mở miệng, ngửa tay xin. Ai biểu đáp tiền, gạo cứ việc bỏ vào thu sáu. Hình hài của lão, nó nhắc người ta khi sung sướng nhớ lúc đói khổ, kẻ nghèo khó hy vọng no ấm ngày mai, khi được lão đến đứng cửa, xướng lên những câu thơ mềm như suối hát.

Lão đi dọc theo phố chợ, rồi ngược lên Pò vài. Dọc đường đã có người quẩy thùng đi lấy nước mới. Lão nghe có giọng con trai hỏi:

- Súc Hỷ đeo thu sáu đi đựng nước mới á?

Chúng trêu lão đây mà. Lão cười:

- Lộc giành con cháu, ta đi việc ta thôi.

- ờ...

Tiếng "ờ" kéo dài đầy ngụ ý lão không để lọt tai. Đến chân núi Phja phủ, lão rẽ trái, đi về hướng tây.

Ngôi nhà ấy đấy. Cửa mở, đèn bật sáng như đang chờ khách đến xông nhà. Sao đêm nay hồi hộp đèn lạ? Dinh kia, Bà ấy đang bày đồ ăn lên chiếc bàn gỗ. Một mình với mâm cơm giao thừa chẳng buồn lắm sao? Những giọt mưa đọng trên cây rơi xuống mặt lão lạnh buốt. Sau lưng có tiếng ho nhẹ:

- Đến rồi sao không vào đi?

Lão quay lại, ngỡ ngàng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Chào... lại mày?

- Súc Hỷ à, tao đón được ý nghĩ của mày rồi, nhưng không như đầu mày nghĩ đâu. - Vừa nói Chương Chảo vừa thản nhiên tháo ống bút, lộ mực trên cổ Súc Hỷ - tự cởi bộ "khai vải xuân" ra nhé.

- Làm gì thế? - Súc Hỷ giữ chặt tay Chương Chảo.

- Đến rồi thì vào với Dinh đi, bà ấy đang đợi đấy!

- Sao không để tao yên, lúc nào cũng bám theo là thế nào?

Giọng Chương Chảo bỗng trầm xuống:

- Tao biết cả hai còn nghĩ về nhau nhiều lắm. Mỗi nhà một người, cái khổ giống nhau... ời, mấy chữ này học được trong sách đấy, quên mất rồi. Cái đầu tao bây giờ ngu lắm. Nói ngắn thế này thôi, tao muốn tết này thay mày đi khai vải xuân, việc đó tao làm được.

- Mày vừa nói gì? - Súc Hỷ bỗng sững người.

- Tao biết chưa bao giờ mày tin tao, nhưng chỉ một lần này thôi, Hỷ à! Cởi bộ quần áo ngoài ra đi.

Không hiểu vì lẽ gì mà Súc Hỷ ngoan ngoãn làm theo? Lát sau Chương Chảo đã đổi hình dạng. Giờ lão giống như cây gỗ mục tróc vỏ. Lão phát tay về phía ngôi nhà như khích lệ Súc Hỷ, rồi mắt hút vào bóng đêm.

Nhìn theo Chương Chảo, Súc Hỷ phân vân "không biết có được mấy chữ mà nhận phần việc về mình?". Ngắm lại bản thân, lão đã thấy tinh tươm lắm. Nhưng sao trời lại mưa và lạnh thế? Lão chợt tiếc đã không đem theo chiếc áo bông. Nhìn ánh

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

lửa bập bùng hắt ra từ bếp, lão ước, giá lúc này được ngồi trong đó với một bình rượu hâm nóng. Hỡi ôi, cửa mở rồi kia, sao có gì cứ níu bước?

- Đến rồi sao không vào đi? Đứng ngoài đó mưa lạnh khéo ốm đấy.

Như được hớp một ngụm rượu lớn, người Súc Hỷ bỗng nóng ran. Sau phút luýnh quýnh, lão thẳng lưng, bước vào. Mú Dinh đứng bên cửa. Súc Hỷ dừng lại chấp tay trước bụng, giọng như hát:

- Bươn chiêng pi mầu lớ... cung hỷ phát sài a... ( thánng giêng năm mới, chúc vui khoẻ, phát tài)

- Vào nhà rồi hãy chúc, tóc lão ướt cả rồi!

Súc Hỷ theo mú Dinh đến ngồi xuống bên bếp than hồng. Nhìn Súc Hỷ run run, mú cười mồm mỉm:

- Thích diện thì phải chịu rét thôi lá.

- Lúc đi tôi đã...! - Lão lúng búng - sao Dinh biết tôi đến đứng ngoài kia?

- Lại còn hỏi nữa a! Khác biết.

Có gì đó như một sự trẻ trung còn đọng trong giọng nói kia. Cảm giác thật ấm áp khiến lão hình dung mọi chuyện mới chỉ như hôm qua. Ồ, ngày đó mình đã buộc Dinh vào lưng định vượt mái nhà này bỏ trốn. Mới đây mà đã đây. Mối thăm, má hồng giờ nhạt phai. Hận cũ cũng đã chôn vào dĩ vãng. Nhưng lòng sao chưa hết tơ vương?

- Dinh à, Dinh có nghĩ giống tôi không?

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Về gì chứ?

- Chẳng thể nào quên được nhau.

Mú Dinh khẽ thở dài:

- Tôi cũng thế! Chỉ ngại, con cháu nói mình đã thành ông, thành bà.

- Chúng có phận riêng, ta già rồi ở một mình khổ lắm!

- Biết là thế! Bây giờ Hỷ định tính thế nào?

- Thế nào nữa, ngày xưa tôi đến cướp Dinh bị người nhà Dinh bắt sống, đánh cho bệt đít xuống đất, bôi nhọ cháo trộn mỡ lợn lên mặt, rồi tống ra cửa. Bây giờ không còn leo được lên mái, nhưng vẫn đủ sức kéo Dinh về nhà tôi đây.

Mú Dinh khẽ cười:

- Vẫn chẳng khác ngày xưa!

- Khác chứ! Người đi ngược đường cũ bằng chân, ngược về thời trẻ chỉ bằng ý nghĩ. Tiếc lắm thay, già mất rồi.

- Than thế còn đến đón nhau?

- Tôi có ý nói Dinh đâu?

- Cái mồm chỉ giỏi nói thôi.

Dinh đã cười, ấy là việc mười phần đã thành tám, chín. Lão run run:

- Tôi sẽ làm cái việc ngày trước chưa được làm nhé?

- Còn hỏi nữa.

- Vẫn còn nhên sao?

- Không, nhưng thấy thương lắm!

Súc Hỷ im lặng. Có gì đó thật ảm áp trong lòng. Tay trong tay, lão đỡ mú Dinh đứng dậy, bước đến trước bàn thờ:

- Lạy tổ tiên, ông bà táii, năm mươi năm trước Hỷ này chưa có duyên làm con rể nhà họ Tăng, hôm này giao thừa, nén hương này Hỷ dâng tỏ lòng cung kính. Xin tiên tổ được làm bạn với Dinh. Từ nay coi hai nhà là một, tựa vào nhau khi lạnh lưng, làm tay, làm chân của nhau khi khó ở...bái...bái... sống cùng nhau, chết cũng cùng nhau bái bái...

Đỡ mú Dinh quay lại ngồi xuống bên bếp than. Giọng lão xúc động:

- Thế là thành rồi Dinh à, từ nhà đến đây thấp hương tôi đã đi hơn năm chục năm đấy!

- Chỉ tiếc già mất rồi!

- Tôi thấy mình vẫn chưa già, cả Dinh cũng thế!- Đôi mắt Súc Hỷ chớp chớp, lão cúi xuống nắm tay mú Dinh.

- Năm nay ông lại đi khai vại xuân nữa chứ? - Mú Dinh nhìn lão chờ đợi. Súc Hỷ chưa kịp trả lời, ngoài hiên chợt có tiếng người ho khẽ.

Súc Hỷ nhìn ra cửa. Ôi Chương Chảo! Lão như cây gỗ mục chằng chịt lá khô đang bước đến. Lão định giờ trò gì nữa đây? Đúng bài rồi đấy! Khai vại xuân đến nhà ai chỉ được phép

## HUYỀN ÁI TÔNG

đứng ngoài cửa thôi. Nhưng liệu nó có biết xướng thơ không?  
Chương chào cất giọng như hát:

- Bươn chiêng pi mẩu khai vài xuân a... ngân sèn khẩu tu nả à, mò mả khẩu tu lãng ơ.. cần ké lục đếch khẩu pi mẩu à a... phù sần au khen sửa lòng dà... khẩu nặm, ngân sèn tim rườn la... cung hỷ phát sòi...(tháng giêng năm mới đến khai xuân, chúc cho tiền bạc như nước chảy vào cửa trước, ngựa bò chen đầy cửa sau, trẻ già cùng bước vào năm mới, đều được tay áo thần tiên che chở... gạo, nước, tiền, bạc đầy nhà... vui vẻ phát tài).

Xướng xong Chương Chào dán tờ giấy đỏ lên cánh cửa. Vừa dán lão vừa lẩm bẫm như niệm chú. Mú Dinh bước ra, bỏ vào chiếc thu sáu đeo lưng lẳng bên hông lão đồng xu mới. Rồi chấp tay choom bái. Chờ mú Dinh làm xong thủ tục, Súc Hỷ bước đến nheo nheo mắt ngó vào tờ giấy đỏ, về tờ mò:

- Cái tai mày ăn cắp thơ giỏi lắm, nhưng bôi cái gì lên tờ giấy thế này?

- Song Hỷ! Chẳng lẽ chữ này vào nhầm nhà hay sao?

- Song Hỷ, đến nhà nào cũng viết thế sao? - Súc Hỷ tròn mắt.

Chương Chào cười:

- Không, chỉ có nhà này thôi, nhà khác đã có chữ khác giống như mày đi làm ấy. Từ nay mày coi như mất nghề nhá! Cái chân khai vài xuân đã có người làm thay mày rồi Hỷ à.

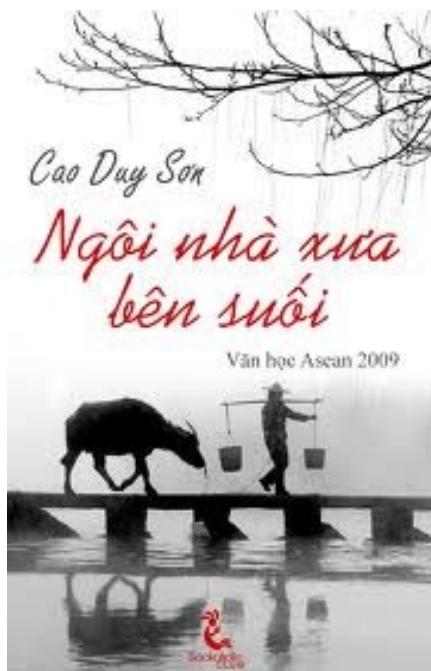
Nhìn lão Chào mờ dần trong màn đêm, Súc Hỷ chột áy náy, sao vội thế, chẳng kịp mừng chén rượu xuân nữa. Lão bỗng nhận ra, việc gì mình làm, Chương Chào cũng đều biết. Lão đúng là con ma núi. Bây giờ lại lấy đi của lão bộ quần áo kẻ ăn mày, rồi tự nhận từ nay sẽ làm người khai vài xuân cho cả phố

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Cổ lâu. Lạ thật, chỉ cần khoác lên bộ quần áo đã thành con người khác. Không biết nên vui hay nên buồn? Nhưng có gì đó làm cho lão rất nhớ. Nhớ trong tâm thế của kẻ nghèo khó bồng đủ đầy mọi thứ trên hai bàn tay. Lão quay lại nhìn mú Dinh, cái nhìn thật âm áp:

- Dinh à, bà có biết tôi đang nghĩ gì không? Đã bao năm rồi đến hôm nay tôi mới được nghe khai vại xuân đây.

Ngoài xa chợt vọng về tiếng chuông đèn Phja phủ. Âm thanh của chiếc chuông đồng bị nứt ngấn nga như bè hát Hà lều. Mú Dinh mím mím cười. Tiếng chuông vọng vang vách núi bỗng nhắc mú nhớ đến chuyện ngày xưa. Mú kín đáo quay vào nhà, nâng vạt áo thấm những giọt nước mắt mỏng như những bụi mưa xuân.



## HUYỀN ÁI TÔNG

Trong bài: *Truyện ngắn Cao Duy Sơn từ góc nhìn văn hóa*, tác giả Hòa Diệu Thúy đã có nhận định:

*“Truyện của Cao Duy Sơn mang đậm sắc thái văn hóa. Cây bút này như đang phô diễn vẻ đẹp văn hóa của con người và vùng đất quê mình. Bên trong mạch kể về con người và cuộc sống là mạch ngầm văn hóa. Cao Duy Sơn say mê tái hiện những phong tục, tập quán quê hương và đến lượt người đọc dường như cũng bị mê hoặc bởi những câu chuyện ấy. Những phong tục như ru người ta vào thế giới của những điều kỳ diệu. Có lẽ, đến Cao Duy Sơn, vẻ đẹp văn hóa đa dạng và tiềm ẩn trong đời sống của nhân dân các tộc người vùng cao Việt Bắc mới được phát lộ một cách sinh động và sâu sắc đến thế. Cũng thật dễ hiểu, chỉ có người con của quê hương mới có khả năng xung tưng về vẻ đẹp của nơi chôn rau cắt rốn một cách say mê và hào hứng như vậy.”*

Tài liệu tham khảo:

- Cao Duy Sơn Web: [soncaoduy.blogspot.com](http://soncaoduy.blogspot.com)
- *Súc Hỷ* Web: [music.vietfun.com](http://music.vietfun.com)



## 20. Inrasara



### **Inrasara - Phú Trạm (1957-20 )**

Nhà thơ Inrasara tên thật là Phú Trạm, dân tộc Chăm, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1957 tại làng Chakleng - Mỹ Nghiệp, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Năm 1969, học sinh Trường Trung học Pô-Klong gi-rai- Ninh Thuận.

Năm 1977, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1978, bỏ học, đi đọc và làm thơ.

Năm 1982, nghiên cứu ở Ban Biên soạn sách chữ Chăm ở Ninh Thuận.

Năm 1986, thôi việc, làm nông dân, đi nghiên cứu và làm thơ.

Năm 1992, nghiên cứu tại Trung tâm nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ năm 1998, hành nghề tự do. Công việc đang làm là Nghiên cứu văn hóa Chăm, làm thơ, viết văn, dịch và viết tiểu luận - phê bình văn học.

Ông là hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hội Văn học - nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Nhà văn Inrasara đã nhận được các giải thưởng

- Giải thưởng CHCPI - Sorbonne (Pháp) năm 1995, với tác phẩm *Văn học Chăm I* (1995).
- Giải thưởng Hội đồng Dân tộc - Quốc hội khóa IX, với tác phẩm *Văn học Chăm II* (1996).
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1997, với tác phẩm *Tháp nắng*.
- Giải thưởng Hội Văn học - Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam năm 1998, với tác phẩm *Sinh nhật cây xương rồng*.
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, năm 2003 với tác phẩm *Lễ Tẩy trần tháng Tư*
- Giải thưởng Hội Văn học - Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam năm 2003, với tác phẩm *Văn hóa - xã hội Chăm, nghiên cứu & đối thoại*.
- Giải thưởng Văn học Đông Nam Á, *Lễ Tẩy trần tháng Tư* (2005).
- Giải thưởng Sách Việt Nam, *Từ điển Việt - Chăm dùng trong nhà trường* (2006)
- Giải thưởng Hội Văn học - Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam năm 2006, với tác phẩm *Ca dao - tục ngữ - câu đố Chăm*.
- Tặng thưởng *Work of the Month, Tienve.org* (Úc) tháng 9 năm 2006.
- Giải thưởng Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam năm 2006, với tác phẩm *Trường ca Chăm*.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Giải thưởng Văn hoá Phan Châu Trinh về lĩnh vực nghiên cứu năm 2009.

Nhà văn Inrasara hiện sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm:

- *Văn học Chăm I - Khái luận* (biên soạn, Văn hóa Dân tộc, 1994)
- *Văn học dân gian Chăm - Tục ngữ, câu đố* (biên soạn, Văn hóa Dân tộc, 1995)
- *Văn học Chăm II - Trường ca, sưu tầm - nghiên cứu* (biên soạn, Văn hóa Dân tộc 1995)
- *Từ điển Chăm - Việt* (viết chung, Khoa học xã hội 1995)
- *Từ điển Việt- Chăm* (viết chung, Khoa học xã hội, 1996)
- *Tháp nắng* (thơ và trường ca, Thanh niên, 1996)
- *Sinh nhật cây xương rồng* (thơ song ngữ Việt – Chăm, Văn hóa Dân tộc, 1997)
- *Các vấn đề văn hoá - xã hội Chăm* (tiểu luận, Văn hóa Dân tộc, 1999)
- *Hành hương em* (thơ , Trẻ Tp. HCM, 1999)
- *Lễ tẩy trần tháng tư* (thơ và trường ca, Hội Nhà Văn, 2002)
- *Inrasara* (thơ, Kim Đồng, 2003)
- *Văn hoá - xã hội Chăm, nghiên cứu và đối thoại* (tiểu luận, Văn học, 2003)
- *Tự học tiếng Chăm* (biên soạn, Văn hóa Dân tộc, 2003)
- *Từ điển Việt - Chăm dùng trong nhà trường* (viết chung, Giáo dục, 2004)
- *The Purification Festival in April* (thơ song ngữ Anh - Việt, Văn Nghệ Tp. HCM, 2005)
- *Chân dung cát* (tiểu thuyết, Hội Nhà Văn, 2006)
- *Chưa đủ cô đơn cho sáng tạo* (tiểu luận - phê bình, Văn Nghệ Tp. HCM, 2006)
- *Ca dao, Tục ngữ, Thành ngữ, Câu đố Chăm* (sưu tầm -

## HUYỀN ÁI TÔNG

nghiên cứu, Văn hóa Dân tộc, 2006)

- *Ariya Cam - Trường ca Chăm*, Văn Nghệ Tp. HCM, 2006)

- *Chân dung cát* (tiểu thuyết, Hội Nhà Văn, 2006)

- *Chuyện 40 năm mới kể và 18 bài thơ tân hình thức* (thơ, Hội Nhà Văn, 2006)

- *Song thoại với cái mới* (tiểu luận, Hội Nhà Văn, 2008)

- *Sử thi Akayet Chăm* (biên soạn, Khoa học Xã hội, 2009)

- *Hàng mã kí ức* (tiểu thuyết, Văn học, 2011)

Trích văn:

### **Nhận diện các trào lưu thơ Việt đương đại**

#### *1. Nhập nhằng hạn từ Thơ Trẻ*

Như cụm từ “thơ hiện đại”, “thơ trẻ” là hạn từ có thể được sử dụng cho một nền thơ, ở bất cứ giai đoạn nào, trong bất kỳ đất nước nào. Việt Nam không là ngoại lệ. Từ thập niên 1960, 70 và vân vân... Nhưng có lẽ Thơ Trẻ được dùng với tần số cao là khoảng thập niên 90 của thế kỷ XX. Từ đó, nó xuất hiện ngày càng đậm đặc trên các phương tiện thông tin đại chúng và cả trong giới khoa bảng. Đậm đặc và lạ. Lạ ở người dùng nó không cần đến thao tác phân định thời điểm xuất hiện/ độ tuổi của nhà thơ. Có, nhưng rất thi thoảng và nhất là không rõ ràng. Nên đã từng xảy ra hiện tượng không ít nhà Thơ Trẻ trẻ từ đầu thập niên 90 của thế kỷ trước đến cuối thập niên thứ nhất của thế kỷ sau mà vẫn còn... trẻ!<sup>(1)</sup>

Đầu năm 1993, Hoàng Hưng dự báo “phiên đổi gác” thơ Việt Nam bằng vài người viết mới: Chinh Lê, Lê Thu Thủy, Lê Viết Hoàng Mai, Nhật Lê, Nguyễn Quyến, tuổi trung bình từ 20-25<sup>(2)</sup>. Nghĩa là rất trẻ. Bởi thời Thơ Mới, các nhà thơ làm nên cuộc cách mạng thơ Việt cũng vào lứa tuổi đó. Mười năm sau, tại một *Bàn tròn văn học* (lấy mốc năm 1991)<sup>(3)</sup>, Dương Tường

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

đặt niềm tin vào bốn khuôn mặt hoàn toàn mới khác. Mới và trẻ:

"Trong thơ, tôi có cảm tình với bốn cây bút trẻ là Phan Huyền Thư, Vi Thuỳ Linh, Văn Cẩm Hải và Nguyễn Hữu Hồng Minh. Tôi nghĩ họ là những giọng thơ đáng hứa hẹn".

Họ là các nhà Thơ Trẻ. Bốn cái tên (sau đó có điền thêm Ly Hoàng Ly) được lặp đi lặp lại rất nhiều lần bởi Nguyễn Trọng Tạo, và... mãi mười lăm năm sau vẫn chưa dứt. Là trong năm nhà Thơ Trẻ này, ngoài Ly Hoàng Ly sinh năm 1975, ba người còn lại đều sinh cùng năm 1972, riêng Vi Thuỳ Linh nhỏ tuổi nhất: 1980. Nghĩa là họ hơn kém nhau đến năm, tám tuổi.

Nếu *thế hệ thơ trẻ thứ nhất* cùng độ tuổi và xuất hiện cùng thời điểm, thì *thế hệ thơ trẻ thứ hai* được nhân vào xuất hiện cùng thời điểm là chính. Đa phần trong số họ hôm nay chuẩn bị bước sang tuổi tứ thập rồi.

Như vậy Thơ Trẻ giai đoạn này dường đã mở rộng phạm vi, nó cần sự kết hợp ba yếu tố: Cùng lứa tuổi [trẻ], trình làng tác phẩm cùng thời điểm, và nhất là có ý hướng cách tân, đổi mới, đổi gác đây "chất trẻ". Xin lưu ý: không cần cùng hệ mỹ học mà chỉ "cách tân" thôi, cũng đủ.

Chính nơi điểm này xảy ra sự nhập nhằng. Thế các nhà thơ làm thơ cùng hệ mỹ học, cho ra đời các tác phẩm thuộc hệ mỹ học này xê xích chút đỉnh về thời điểm, nhưng tuổi đời cách biệt thì sao? Các nhà thơ hậu hiện đại Việt<sup>(4)</sup>, có thể gọi là *thế hệ thơ trẻ thứ ba* (giai đoạn 2001-2006), xuất hiện đồng thời với văn chương mạng tiếng Việt và phong trào in photocopy, trải dài từ thế hệ 6X: Đặng Thân (1964), Lê Anh Hoài, Lê Vĩnh Tài (1966), Lê Thị Thâm Vân (1968); sang 7X: Như Huy (1971), Nguyễn Hoàng Tranh (1976), Lý Đợi (1978), Bùi Chát (1979); và cả 8X: Nguyễn Thế Hoàng Linh (1982)...

## HUỖNH ÁI TÔNG

Hay các “khuôn mặt thơ mới”<sup>(5)</sup>, *thế hệ thơ trẻ thứ tư*, xuất hiện/ có tác phẩm nổi bật - tạm lấy năm 2006 làm mốc - từ khi cao trào sáng tác thuộc hệ mỹ học hậu hiện đại chuyển hướng, tuổi từ 20-30, như Jalau Anurk (sinh 1975), Trần Lê Sơn Ý (1977), Nguyễn Vĩnh Nguyên, Nguyễn Thị Thuý Quỳnh (1979), Lynch Bacardi, Lê Hưng Tiên (1981), Nguyệt Phạm, Tuệ Nguyên (1982), Lam Hạnh (1983), Tiểu Anh (1984), Nhã Thuyên (1986), Bim (1987), Du Nguyên (1988), Lưu Mêlan (1989), Đỗ Trí Vương (1990); thậm chí có người cho ra tác phẩm đầu tay rất muộn. Muộn, nhưng đầy dấu ấn sáng tạo, như: Phan Thị Vàng Anh (1968), Lê Hải (1959), Nguyễn Viện (1949) hay Vũ Thành Sơn (1955)... Bởi môi trường ra mắt tác phẩm hay do nhiều nguyên nhân khác nhau, họ đã có mặt muộn. Gọi họ bằng ngôn từ nào cho ổn thoả?

*Thơ Trẻ*, một hạn từ đầy nhập nhằng là vậy.

### 2. Vài nhận định bất cập về *Thơ Trẻ*

#### *Ảo tưởng về quá khứ*

Không kể các phát biểu vô bằng, nói theo, nói lấy được của dăm cây viết chuyên hay không chuyên về thơ Việt đương đại hay *Thơ Trẻ*<sup>(6)</sup>, không ít phát ngôn nghiêm túc nhưng còn mang nặng ảo tưởng về quá khứ. Quá khứ luôn là đẹp so với hiện tại. *Thời trước làm quan cũng thế a?* Nghĩa là “thời nay”, nạn tham ô hối lộ đang tràn lan quan trường, không sạch sẽ như “thời trước”. Thời hiện tại so với thời Nguyễn Khuyến không khác gì. Văn chương cũng vậy. So sánh với thơ đương đại, một nhà thơ đã nhận định:

“Thơ Việt Nam theo tôi, chỉ duy nhất thời kỳ Thơ Mới (1930-1945) đã hoà vào dòng thơ thế giới, cụ thể hơn là thơ ca Pháp (...). Vậy thơ Việt Nam đương đại ở đâu? Xin thưa, thơ chúng

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ta vẫn chậm so với thơ khu vực và thế giới, chưa có diện mạo riêng, dòng chảy chưa được định hình”<sup>(7)</sup>.

Những Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Bích Khê... học trường lãng mạn, tượng trưng của Pháp muộn mất 80 năm. Chẳng những thế, họ mới chỉ góp mặt mỗi người một, hai tập thơ rồi, hoặc chuyên hướng sáng tác hoặc nửa đường đứt gánh, trong khi Vigny, Lamartine, Hugo, Musset, Verlaine, Baudelaire... đã dựng nên một sự nghiệp văn chương khổng lồ. Vừa chậm ở thời điểm tiếp nhận, vừa quá mỏng về dung lượng tác phẩm. Ngay giai đoạn khởi đầu sôi động của trào lưu hiện đại với đại biểu sáng chói: G. Apollinaire (1880-1918), thế hệ Thơ Mới vẫn cứ muộn. Thì làm gì có thể gọi là “hoà vào dòng thơ thế giới”?

Còn thơ Việt đương đại? Chưa đề cập đến chuyện hay dở, chủ nghĩa hậu hiện đại hay thơ tân hình thức đang xảy ra ngoài kia, các nhà thơ Việt đã biết tiếp nhận và vận dụng vào các sáng tác của mình. Họ chưa muộn với các trào lưu nghệ thuật của các nền văn học tiên tiến trên thế giới; nếu có, chỉ một, hai thập kỷ là cùng. Với các nước trong khu vực thì càng chưa muộn.

Bằng lời nhìn tương tự, phê bình sự “non yếu” của Thơ Trẻ, vài nhà phê bình khuynh hướng ngoảnh lại ca ngợi thành tựu của thế hệ thơ chống Mỹ hay thơ hậu chiến: Phạm Tiến Duật, Hữu Thịnh, Nguyễn Duy, Thanh Thảo, Nguyễn Khoa Điềm... Sự thể tỏ lộ sự thiếu cập nhật thông tin bên cạnh tâm lý sợ sai trong đánh giá, nhận định sáng tác mới, khuôn mặt mới.

Diện mạo thơ Việt đương đại trong đó có Thơ Trẻ vẫn chưa được đối xử sòng phẳng.

*Sai lầm mang tính nhận thức luận*

## HUYỀN ÁI TÔNG

Tiêu biểu cho dạng sai lầm này là phát biểu của một nhà thơ kiêm nhà phê bình:

“Theo quan điểm của tôi, người ta chỉ tìm tòi khi người ta tập viết, mà tập viết thì chưa thành nhà văn được (...), viết văn mà còn phải tìm tòi, còn phải tập, phê bình mà còn phải theo phương pháp này phương pháp khác thì là chưa tới. Đừng để quần chúng phải thưởng thức những tác phẩm còn “ương”, chưa tới ấy”<sup>(8)</sup>

Tìm tòi và thể nghiệm, thử nghiệm và khai phá vùng đất mới, đề tài và lối viết mới là hành động tất yếu của mọi nghệ sĩ chân chính. Chối từ mọi lặp lại, chối từ ăn theo hay ăn mòn vào thành tựu của người khác và của chính mình. Ngay khởi đầu cuộc viết hay khi dở chừng bẻ tắc sáng tạo. Chính hành động “tìm tòi và thể nghiệm” ấy đã tạo nên bước ngoặt mới cho một đời sáng tác, thay đổi dòng chảy của một trào lưu văn chương, hay làm nên cuộc cách mạng với một nền văn học. Làm cho văn học phong phú, đa dạng và lý thú hơn.

Hành trình sáng tạo là hành trình của tiếp nhận, chối bỏ, tìm tòi và thể nghiệm. Thơ Mới tiếp nhận thơ Pháp, chối bỏ thơ Đường luật và hát nói, tìm tòi và thể nghiệm thủ pháp lãng mạn và tượng trưng để làm nên “một thời đại trong thi ca” Việt. Thơ Sáng tạo chối bỏ Thơ Mới, thơ hậu hiện đại chối bỏ thơ Sáng tạo... cứ thế. Chối bỏ ở đây không phải là “chôn”, “đưa tang” hay vứt đi tất cả mà là, tiếp nhận, tìm tòi khai phá và chuyên hướng sáng tạo. Hành trình này xảy ra giữa các thế hệ, trong một thời kì, thậm chí nơi mỗi nghệ sĩ. Có nhà thơ chẳng những thay đổi phong cách tác phẩm mà còn thay đổi cả hệ mỹ học sáng tác. Chế Lan Viên đi từ tượng trưng (*Điêu tàn*) sang hiện thực xã hội chủ nghĩa (*Ánh sáng và phù sa*). Hàn Mặc Tử chuyển từ cổ điển (*Thơ Đường luật*) sang lãng mạn (*Gái quê*) qua tượng trưng và siêu thực (*Thơ điên, Thượng thanh khí...*) chỉ trong thời gian ngắn. Hàn Mặc Tử như một Picasso trong



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

hội họa. Liên tục tìm tòi, chinh phục và chối bỏ thành tựu của chính mình, để còn tìm tòi và chinh phục nữa. Cézanne trong mỹ thuật là tên tuổi lớn, lớn và dũng cảm. Sau thành công theo ấn tượng thời kỳ đầu, không hài lòng với lối thể hiện của hệ mỹ học này, ông thách thức chính không gian của các nhà ấn tượng và chuyển hẳn sang trường tân ấn tượng. Để tạo nên bước chuyển đó, ông phải “tập” – rất nhiều. *Núi Sainte-Victoire* được vẽ đi vẽ lại nhiều lần từ năm 1885 đến 1906 là những bài “tập” bất hủ. Nếu Cézanne cứ xoa tay hài lòng mà vẽ “theo” ấn tượng đi, không chịu “tập”, thì làm gì ông “đã khai mào cho một cuộc cách mạng về hình thể dẫn tới nghệ thuật hiện đại”<sup>(9)</sup>.

Không học, không tập, không tìm tòi, hỏi thơ Việt sẽ đi về đâu? Giậm chân tại chỗ là cái chắc.

“[N]gười ta chỉ tìm tòi khi người ta tập viết... viết văn mà còn phải tìm tòi, còn phải tập...”

là phát ngôn không biết mình đang nói gì!

Sự tìm tòi của Thơ Trẻ ở Việt Nam đã phải chịu cảnh bị phân biệt đối xử, là vậy.

*Vội vã và hời hợt của thao tác khái quát*

Ở khía cạnh khác, nhà báo-nhà thơ Lê Thiếu Nhơn trong *Mùa hào hứng cách tân thơ trẻ*, đã khái quát rằng “thơ trẻ đang thịnh hành hai khuynh hướng: thơ mộng lung và thơ khẩu ngữ”. Sau đó anh kê thêm: “dòng thơ tân-cổ-điển”. Dẫn chứng cho đại biểu của nỗi mộng lung kia là Nguyễn Quỳn. Nhưng “lối viết này thì nhà thơ Nguyễn Quang Thiều tương đối thuận tay hơn”<sup>(10)</sup>. Thơ khẩu ngữ thì ba cây bút thơ Song Phạm, Trần Lê Sơn Ý và Lãng Thanh được nêu ra bảo chứng. Dòng thơ tân-cổ-điển lại là Lãng Thanh. Thế thôi, chấm hết.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Trường phái thơ mông lung xứ Trung Hoa độc đáo mà chủ soái là nhà thơ Cố Thành (1956-1993) lồi vè đặt bên dòng tân cổ điển ở Hoa Kỳ của người chủ xưởng Frederick Turner tuyên ngôn hay ho nhưng đến nay vẫn chưa có tác phẩm nào gọi là đáng đọc<sup>(11)</sup>, thì được; chứ “thơ khẩu ngữ”, không ai biết nó là gì! Bởi dẫu sao mông lung với tân cổ điển là chủ nghĩa, trường phái có tuyên ngôn, còn “khẩu ngữ” chỉ là một thủ pháp đơn thuần, không hơn.

Chưa có căn bản về trào lưu nghệ thuật cùng các biến động của nó mà đã vội vã ứng dụng chúng vào nền thơ đang kỳ sôi động rồi khái quát, nhân khái quát kia sinh ra quả nhận định này là khó tránh:

“... nếu nhìn thật thiện chí thì rõ ràng thơ trẻ đã bút khỏi dòng chảy thi ca mang đậm dấu ấn thế hệ trước, để mở một lối đi riêng”.

Nguyễn Quỳn thuộc thế hệ thơ sau Nguyễn Quang Thiều, nghĩa là nhà Thơ Trẻ. Đi sau, nhưng lại làm thơ cùng khuynh hướng thơ mông lung như Nguyễn Quang Thiều, lại không “thuận tay” bằng, thì làm gì có chuyện “bút khỏi”! Còn các nhà Thơ Trẻ khác đã “bút khỏi” ra sao, đã “mở một lối đi riêng” như thế nào, thì không thấy dẫn tên tuổi hay tập thơ nào ra để bảo chứng.

Thành tựu của Thơ Trẻ mãi chưa được nhận diện đúng như nó là.

### 3. Nhận diện Thơ Việt đương đại

Chính bởi sự thể nhập nặng và mơ hồ trong việc sử dụng dụng ngữ Thơ Trẻ, nên tôi muốn dùng cụm từ *Thơ Việt đương đại* và *Các Khuôn mặt thơ mới* hơn. Thơ Việt đương đại bao hàm Thơ Đổi mới (thơ của các nhà thơ thời kỳ đổi mới, 1986-2000), Thơ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Hậu đổi mới (1996-2005) và Các Khuôn mặt thơ mới là những cây bút xuất hiện từ năm 2006<sup>(12)</sup>. Ở đây có sự chồng lấp về thời điểm – không vấn đề gì cả. Mỗi thời đại thơ là một tiếp nhận và thay đổi. Dòng chảy của thi ca vừa liên mạch vừa chuyển hướng đồng thời - mỗi thế hệ, từng tác giả. Đã xảy ra hiện tượng không hiếm cây bút thế hệ 8X, 9X vẫn còn xài lại các thủ pháp đã lưu kho. Hoặc, các nhà thơ đã thành danh bắt ngờ chuyển hệ mỹ học sáng tạo. Trần Tiến Dũng, Mai Văn Phấn và Lê Vĩnh Tài là rất tiêu biểu<sup>(13)</sup>.

15 năm qua (1996-2010), nhất là thời điểm văn chương mạng ra đời (2002), thơ Việt phát triển theo năm dòng chính:

- *Thơ “cổ truyền”*, là thơ hậu Thơ Mới cùng đủ loại biến thái với các cách tân nửa vời, sáng tác quần quanh trong hệ mỹ học cũ, cảm thức cũ... đang in tràn khắp mặt báo, đã tạo khung hoang thừa, khiến người đọc ngán ngẫm thơ. Ngoài các loại thơ theo thể thơ truyền thống như lục bát, tám chữ, bảy chữ, thơ mười hai chân... không khó nhận mặt, thuộc trường phái này còn có thơ “cách tân” lạc hậu các loại.

Mai Văn Phấn giai đoạn chuyển hướng từ hậu lãng mạn sang hiện đại mang đậm di chứng của một thời. Qua những *phong kín, mê sáng, tái sinh, phục sinh, vong linh, ký ức, trí nhớ, huyết mộ, u mê, hốc mắt, oan khiên, sám hối, mặt trời mù, thác loạn, quánh đặc, nổi kiếp côn trùng*... người đọc rất dễ nhận ra dấu chân của thế hệ vừa đi qua. Cuối thế kỷ trước, chúng còn tràn ngập *Thơ tự do*<sup>(14)</sup>.

Thử trưng dẫn một tác giả “thơ miền Nam nổi dài” Khiêm Lê Trung<sup>(15)</sup>: *nguyên rủa truyền kiếp, khoảng tối dài, nhịp ca ú máu, phơi giấc mơ, nụ cười trắng, hồn rượu hát, gầy guộc thời gian, pha loãng trí nhớ, trí nhớ cong oằn, khoảng trời rách, vũng tối uơn ướt, nhọn nhót thời gian, màu sương hoang, đọa đày, mộng寐, hư vô, chốn héo, ẩm ướt, rớm máu, khô tình*...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thứ ngôn từ mòn sáo của thơ tự do miền Nam thuở thập niên sáu mươi xưa cũ vẫn còn khả năng ám ảnh không ít cây bút, vô tình đẩy thơ vào chân tường hũ nút. Đậm nổi hơn là Văn Cầm Hải, với những:

*anh và em bức tường phiên âm  
viên gạch để hoang  
mê man nhật thực  
mặt âm ty mềm mại muôn màu giới tính  
anh và tôi không gian  
hiện thực nhay cảm  
lật mặt thế giới  
chiếc la bàn hoang hoải...*

(Văn Cầm Hải, “Pink Floyd – Sự hồn nhiên tường đá”)

Nhất là “*Sinh tồn*” với la liệt những *nhiệm màu, trâm tư sinh khí, thấp sáng dương gian, rung cánh đơm hoa, song mây, thuở nào xanh xao, má hồng, tiếng khóc vạn kỷ*... Nữa, người ta còn thấy chúng lây lan, biến tướng và sống dai dẳng ở vài khuôn mặt mới, trẻ. Vi Thùy Linh với bao nhiêu từ mòn nhẵn: *xé lòng, linh giác, sự định đoạt của số phận, hạnh phúc an bài, dấu của định mệnh, con người là nỗi đau, vắt mình đến giọt sống cuối cùng, đau đớn tột cùng, vòng quay hồi hải, đường hò hẹn, đỉnh cao im lặng, giọt đêm, khuôn nhạc, mắt sông thao thức, nỗi buồn nằm nghiêng, bóng tối òa vỡ, lời tím*...!<sup>(16)</sup> Tôi nhân mạnh – mới, trẻ. Bởi từ Mai Văn Phấn (sinh 1955) sang thế hệ đầu 7X là Văn Cầm Hải, Đỗ Thượng Thế của *Trích tôi*<sup>(17)</sup> đến Vi Thùy Linh cách quãng ba thế hệ nhưng vẫn một dòng “cách tân” ấy.

- *Thơ tân hình thức (new formalism poetry)*, là phong trào thơ do Khê Iêmkhai sinh ở Mỹ vào năm 2000 (chủ yếu đăng ở tạp chí *Thơ*, Hoa Kỳ), truyền bá sang Việt Nam, được các thi sĩ

## VẦN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

không chính lưu ở Sài Gòn tích cực hưởng ứng, tạo không khí thơ sôi động một thời.

“Đặc tính của thơ hiện đại được bàn cãi nhiều nhất là tính *khó hiểu và tối nghĩa* của nó”, Delmore Schwartz nhận xét<sup>(18)</sup>. Bất kỳ bài thơ nào, tập thơ nào của tác giả nào, cứ là khó hiểu với tối nghĩa. Vậy, thơ để làm gì? Khế Iêm ý hướng thiết lập lại quan hệ giữa thơ và người đọc, kéo người đọc trở lại với thơ. “Tân hình thức như một thời lãng mạn mới, một trật tự mới hay một nền ca dao mới trong một xã hội bình đẳng và dân chủ, lôi cuốn người đọc, làm phong phú đời sống và ngôn ngữ tự nhiên”<sup>(19)</sup>. Tân hình thức “kết hợp với một số yếu tố và kỹ thuật của thơ tự do, phá vỡ những âm hưởng Tiền Chiến, chấm dứt nửa thế kỷ dậm chân tại chỗ của thơ Việt”<sup>(20)</sup>. Là tham vọng chính đáng của mọi nhà thơ. Hấp dẫn đấy chứ!

Sẵn sẵn chơi là tạp chí *Thơ*, tân hình thức lôi cuốn gần trăm người làm thơ đã và chưa thành danh chịu chơi nhập cuộc. Từ Đoàn Minh Hải (sinh 1941), Nguyễn Đình Chính (1946), Nguyễn Đạt, Lưu Hy Lạc sang Trần Tiến Dũng, Nguyễn Thị Khánh Minh, Đỗ Minh Tuấn, Đỗ Kh., Nguyễn Thị Ngọc Nhung đến Bùi Chát, Khúc Duy, Nguyễn Quán, và mới nhất Bim (sinh 1987). Nghĩa là trải dài bốn thế hệ!

Vần, lặp lại với vát dòng, yếu tố tính truyện và ngôn ngữ đời thường, là các thủ pháp đã lưu kho, nhà thơ tân hình thức tái chế lại. Nhiều nhà thơ Sài Gòn đã triệt để vận dụng nó, như là một trong những thủ pháp nghệ thuật, chứ chưa có nhà thơ chuyên trị tân hình thức. Cho dù vần và lặp lại nguy cơ [và đã từng] đưa thơ vào sự quân quanh, nhàm chán; yếu tố tính truyện đã xô rất nhiều bài thơ trở thành lan man và nhảm; ngôn ngữ đời thường khiến không ít người làm thơ lạm dụng ngôn từ dung tục từ đó tầm thường hóa thơ, tân hình thức vẫn hiển cho người đọc không ít bài thơ đặc sắc.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Nhưng tân hình thức vẫn cứ bị dị nghị, ngay từ khai cuộc, trong lẫn ngoài nước. Trong nước, nó chịu phận ngoài lề, góp mặt với đời qua hình thức in photocopy. Sau thời gian im ắng, một thể hệ tân hình thức mới xuất hiện: Bim, Biển Bắc, Giảng Anh Yên (sinh 1984), Thiên Đăng, Nguyễn Tất Độ với tập thơ *Bướm sáu cánh*<sup>(21)</sup>, mang sinh khí khác cho tân hình thức.

Tân hình thức Việt đang đổi khác. Để tồn tại, nó cần phải đổi khác.

- *Thơ nữ quyền luận*, khai mào từ khá sớm với Dư Thị Hoàn, Thảo Phương, Phạm Thị Ngọc Liên, Lê Khánh Mai, Vi Thuý Linh... cùng vài tên tuổi khác. Nó vẫn còn khá mờ nhạt và bị lẫn với thơ hậu lãng mạn. Qua sáng tác của họ, người đọc ý thức hơn về sự có mặt của phái nữ, cùng với quyền được biểu lộ tình yêu [nhất là] qua thân xác của họ. Thế thôi. Phải đợi đến nhóm Ngựa Trời xuất hiện tại Sài Gòn bằng tập thơ *Dự báo phi thời tiết*, vấn đề nữ quyền trong văn chương mới hiển lộ rõ hơn. Nhưng ngay cả vài nhà thơ ý thức nữ quyền mạnh, trong sáng tác, thỉnh thoảng họ cứ giẫm đạp lên dấu vết còn lưu lại của lãng mạn hậu thời. *Em* so với *anh*, *liều yếu đào tơ* bên cạnh *nam nhi phong độ*... luôn luôn chịu thế lép; hay “nhà phê bình, *anh [ông] phải*”... là cách nghĩ truyền đời của chế độ nam quyền và phụ quyền độc đoán áp đặt lên ngôn ngữ, không ít nhà thơ nữ quyền luận Việt Nam vẫn xài. Vô tư! Đây là ngộ nhận rất tai hại – ngộ nhận về ngôn ngữ. Cả Đoàn Minh Châu, tác giả nữ được xem là mang yếu tố nữ quyền nhất trong các khuôn mặt mới, vẫn vậy. Dù trong hành động viết hay thái độ cho ra mắt tác phẩm, thi sĩ này đã rất khác:

“Khác với những nhà thơ nữ như Thảo Phương, ca ngợi “*người đàn bà do đàn ông sinh ra*”; như Vi Thuý Linh đặt người bạn tình là tất cả ý nghĩa đời sống; những nhà thơ trong nhóm Ngựa Trời với tập *Dự báo phi thời tiết* được giới thiệu, hỗ trợ bằng những “uy tín” trên văn đàn của phái nam,

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Đoàn Minh Châu xuất hiện không hình ảnh, không tiểu sử, không tựa, bặt hay nhận định phê bình của ai. Cô đơn và kiêu hãnh như thế hệ nhà văn – nhà thơ nữ tự chủ phải thế, một tinh thần cần tôn trọng và khích lệ trong thế kỷ 21 mới mở ra này”<sup>(22)</sup>.

Khác, nhưng vẫn còn xa vời với một Nguyễn Thị Hoàng Bắc hay Lê Thị Thắm Vân trước đó khá lâu<sup>(23)</sup>. Lại lưu ý, Nguyễn Thị Hoàng Bắc thuộc thế hệ 5X, Lê Thị Thắm Vân 6X, Vi Thùy Linh 8X và Đoàn Minh Châu 8,5X! Văn chương nữ quyền với thế hệ trẻ hôm nay ghi nhận một bước thụt lùi lớn.

Nữ quyền luận không phải là làm thơ mang nội dung nữ quyền mà là: ý thức, phản kháng và giải trung tâm. Giải trung tâm ngay tại trung tâm ngôn ngữ sử dụng. Ý thức sáng rõ và chấp nhận thân phận người nữ như là một đặc thù tâm sinh lí nhưng dũng mãnh phản kháng lại mọi bất công mang tính lịch sử và văn hóa dành cho nữ giới:

“Đề người đàn bà dễ leo.” Anh nói. “Không phải, đề cả hai cùng dễ leo.” Em nói.

(Lê Thị Thắm Vân, “Căn phòng 2.2 - âm thanh sóng”)

Nữ quyền luận hậu hiện đại đẩy tư tưởng này dần thêm một bước quyết liệt hơn. Virginia Woolf: “Thật nguy hiểm cho nhà văn nào khi viết lại nghĩ về giới tính của mình”. Nghĩa là giải trung tâm toàn triệt. Khía cạnh nào đó, Phan Huyền Thư và Đinh Thị Như Thúy đã thể hiện được tinh thần nữ quyền luận hậu hiện đại này trong các sáng tác mới nhất của mình. Hay các nhà thơ nữ làm thơ khách quan: Khánh Phương và Phan Thị Vàng Anh, chẳng hạn.

## HUYỀN ÁI TÔNG

- *Thơ thị giác (visual poetry)* trong đó *thơ trình diễn (poetry performance)* là một nhánh nổi bật. Thơ thị giác kết hợp thơ với ảnh chụp, với hình vẽ, video... đã được Đinh Linh, Đỗ Kh., Tam Lê, Lê Văn Tài... thực hiện thành công từ vài năm trước. Năm 2001, tại quán cafe EraWine - TP Hồ Chí Minh, họa sĩ Như Huy là người khơi mào cho thơ trình diễn Việt Nam, bằng một màn trình diễn thơ trước... ít khán giả. Không vấn đề gì cả. Đó là phần số dành cho mọi thử nghiệm. Mãi năm 2005, Hà Nội mới biết đến loại hình nghệ thuật mới này qua chương trình *Chiều buông đầy những tiếng thơ dài* của nhà thơ Dương Tường tại L'Espace (Trung tâm Văn hoá Pháp). Chỉ từ năm 2007, với sự hỗ trợ đặc lực của Hội đồng Anh, sau đó là Trung tâm Văn hoá Pháp, Thơ trình diễn mới rộ lên. Sau đó, qua nỗ lực của các tên tuổi nổi tiếng như Roger Robinson, Francesca Beard của Anh, Jean-Michel Maulpoix, André Velter của Pháp kết hợp với các nhà thơ Việt Nam: Nguyễn Vĩnh Tiến, Dạ Thảo Phương, Vi Thùy Linh, Trương Quế Chi, Ly Hoàng Ly, Nguyệt Phạm, Phương Lan, Thanh Xuân... rồi tại Sân Thơ Trẻ ở Văn Miếu vào năm 2008 và 2009, thơ trình diễn đã tiến những bước đáng kể<sup>(24)</sup>.

Thế nhưng, tìm đâu sợi dây kết liên giữa nhà thơ trình diễn và khán giả để tương tác trùng tiết tạo hiệu quả nghệ thuật cao thì, vẫn chưa có câu trả lời. Có lúc nhà thơ mang “thơ truyền thống” ra trình diễn, lối trình diễn lắm khi gượng ép, khiên cưỡng; người xem thơ trình diễn cảm thấy tẻ nhạt, bức bối hay nghĩ nó đã từng có mặt đâu đó trong truyền thống diễn xuất của Việt Nam – hát bội hay tuồng, nhưng kém ở phần diễn. Không ít lần mối liên kết giữa người trình diễn - tác phẩm thơ - khán giả không được liên lạc, để một khán giả đã kêu lên: Đó “không phải là trình diễn thơ, cũng không phải là thơ trình diễn” (Trịnh Lữ).

Sự không biện biệt giữa hành động trình diễn đương đại với các kiểu diễn cổ điển của chính nhà thơ lẫn khán giả đã gây



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ngộ nhận về thơ trình diễn. Trong khi ý hướng của thơ thị giác là dùng yếu tố trình diễn (cơ thể, vận động, biểu cảm của nhà thơ) hoặc vật thể (sắp đặt), kể cả các thứ khác (vốn được các nghệ sĩ xuất thân tạo hình hoặc nghệ sĩ tổng hợp khác hay dùng) để tạo một cảm quan thơ mới. Nghĩa là yếu tố thị giác kết hợp với yếu tố thơ để làm nên một tác phẩm nghệ thuật mới lạ, nhưng vẫn thuộc phạm trù thơ.

Sân Thơ Trẻ tại Văn Miếu - Hà Nội, tháng 2.2010, bên cạnh thơ sắp đặt của Huỳnh Lê Nhật Tân và Nhã Thuyên, Lê Anh Hoài làm được như thế qua tác phẩm *Nhu cầu* - với chiếc xe máy được viết, vẽ, dán, sơn, gắn cánh, được treo bằng xích trong chiếc lồng [sơn] vàng óng, được phủ vải đỏ trước khi mở ra cho khán giả xem... tạo được hiệu quả nghệ thuật khác lạ, thú vị.

Nhưng tại sao thơ thị giác nói chung mãi ăn theo các trung tâm hay các dịp lễ hội? Tại quán cà phê, công trường, góc phố... nó hoàn toàn vắng bóng. Tại sao?

- Và cuối cùng, vào đầu thiên niên kỷ, từ sự chuyển động thơ ca qua những tìm tòi khai phá, với bao hy vọng lẫn hụt hẫng ấy, đột ngột nảy sinh một biến cố, biến cố mang trong mình khả tính cách mạng. Đó là trào lưu *thơ hậu hiện đại*. Đây chắc chắn là trào lưu khởi phát sớm nhất và được [người đọc cấp tiến] kỳ vọng hơn cả trong thời kỳ hậu đổi mới. Nó được khơi mào từ giữa thập niên cuối của thế kỉ XX và nở rộ cùng văn chương mạng tiếng Việt. Hậu hiện đại chủ động tồn tại bên lề sinh hoạt văn học dòng chính qua hình thức mạng internet và cả ở dạng in photocopy.

Và chúng đã làm nên cuộc thay đổi lớn.

Toàn cầu hoá, vách ngăn trong ngoài không còn, nhất là khi văn hóa internet ra đời, các website văn chương cấp tập nở rộ,

## HUYỀN ÁI TÔNG

phương tiện ấn hành mới mở ra không gian mệnh mông cho nhà thơ thể hiện và nhanh chóng đưa tác phẩm mình đến với người đọc khắp mọi nơi trên thế giới. Thế hệ nhà thơ hậu hiện đại xuất hiện làm cuộc giải trung tâm toàn triệt thơ Việt lâu nay gò mình trong vùng chật hẹp, bó buộc.

Đặng Thân, Lê Anh Hoài, Mai Văn Phấn, Tam Lê hay Nguyễn Viện, Vũ Thành Sơn, Trần Tiến Dũng, Trần Vũ Khang, Như Huy, Lê Hải; Bùi Chát, Lý Đợi, Phan Bá Thọ, Khúc Duy, Lynch Bacardi hay Lê Vĩnh Tài, Jalau Anuk, Bim, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh; từ Nguyễn Đăng Thường, Lê Văn Tài, Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Kh, Đỗ Quyên, Vương Ngọc Minh, Đinh Linh, Khải Minh, Đỗ Quyên cho đến Nguyễn Tôn Hiệt, Nguyễn Đức Tùng, Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Hoàng Tranh, Lê Nghĩa Quang Tuấn, ...

Bắc hay Nam, trong hay ngoài nước, nam hay nữ, dân tộc thiểu số/ dân tộc đa số, chính thống/ phi chính thống, tác phẩm in có giấy phép của nhà xuất bản hay in photocopy, in giấy hay phát hành trên mạng, nhà thơ đã là hay chưa là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, sống ở trung tâm văn hoá lớn hay đang cư trú nơi các vùng sâu vùng xa hẻo lánh... tất tần tật. Tất cả cùng tự thức *self consciousness* trong chân trời của tự do sáng tạo trong thế giới toàn cầu hoá, ở đó mỗi cá nhân được thể hiện trọn vẹn mọi khả năng của mình. Bất kỳ đâu, bất kỳ hình thức nào, phương cách nào...

Mười lăm năm phát triển, nhà thơ hậu hiện đại Việt vận dụng mọi thủ pháp tiếp nhận từ đồng nghiệp trên thế giới để sáng tạo nhiều loại thơ chưa từng có mặt trong truyền thống thơ ca Việt Nam trước đó: Phỏng nhại, siêu hư cấu sử ký, thơ phụ âm, thơ *graphic*, thơ thực hiện, thơ cụ thể, thơ phân thân, thơ động tác, thơ tịnh tiến, vân vân. Không ít nhà thơ viết truyện rất ngắn mà cứ xếp nó vào mục thơ, có kẻ viết thơ như viết tiểu luận ngôn

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ngữ. Hậu hiện đại giải khu biệt hoá và phi tâm hoá ngay trong các thể loại.

Tất cả xuất phát từ cảm thức hậu hiện đại. Cảm thức thế giới là hỗn độn, nhận thức thế giới của con người luôn đầy thiếu khuyết, các thiếu khuyết được diễn dịch một cách chủ quan bằng giải trình ngôn ngữ *discourse*. Chúng hoàn toàn phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân. Bất tín nhận thức, hậu hiện đại coi đại tự sự *grand narratives* như là thứ huyền thoại mang ở tự thân sự bạo động từng thao túng cuộc sống nhân loại, khiến họ ngày càng chìm sâu hơn trong nỗi vong thân. Bên cạnh thức tỉnh nhân loại tự thức trước những giấc mơ đại tự sự, hậu hiện đại thúc đẩy con người trực diện với chính thời đại mình đang sống, một thứ hiện thực thậm phồn *hyper-reality*. Nhà hậu hiện đại giải-mơ mộng của nhà lãng mạn, giải ảo tưởng của nhà lý tưởng, huỷ trung tâm để thiết lập nhiều trung tâm nhỏ lẻ khác, đặt đại tự sự vào thế công chênh để nó luôn tự xét lại mình, vượt bỏ nhà hiện đại để đưa thơ ca kết nối lại với truyền thống... Do đó, có thể khẳng định rằng chính nhà hậu hiện đại bám hiện thực hơn mọi nhà hiện thực [chủ nghĩa] nào bất kỳ.

Có nhà phê bình nào lắng nghe được tiếng thơ của họ?

Mười lăm năm, họ có đó. “Cũ như giấc mộng và mới như cái hiện tiền” (Trúc Thiên).

Lứa tuổi nào bất cứ, thơ họ vẫn đầy “chất trẻ” và mang hơi thở đương đại<sup>(25)</sup>.

\*\*\*

Còn hơn là bao nhiêu nhà Thơ [tuổi] Trẻ khác, tuổi rất trẻ nhưng vẫn ở lại với dòng cổ truyền hay cách tân dính đầy dấu vết kẻ đi trước.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Như vậy, nhận diện sòng phẳng thơ đương đại, không phải cứ là thơ [của tuổi] trẻ; và muốn nhận định công bằng thơ đương đại, không thể không “đi vào trong” nó. Đi vào trong hệ mỹ học sáng tạo của mỗi nhà thơ, để đánh giá. Dù đại bộ phận nhà thơ Việt Nam vẫn viết theo cảm tính, hay viết theo trường phái nhưng chưa tiếp nhận đầy đủ tinh thần và thủ pháp của hệ mỹ học của trường phái đó; và dù không ít nhà thơ thay đổi vài hệ mỹ học khác nhau trong các thời kì sáng tác của mình, nhà phê bình không thể không rạch ròi chúng.

Toàn cầu hoá, bao nhiêu trào lưu sáng tác tràn vào Việt Nam. Nhiều cách tiếp cận và thể hiện khác nhau, ở mỗi nhóm văn chương, mỗi tác giả, mỗi thời đoạn. Năm dòng thơ khác nhau phát triển và cùng tồn tại trong mười lăm năm của một nền thơ, dù chưa phải là nhiều, nhưng chắc chắn không nhà phê bình nào có thể quán xuyên chúng. Nhà phê bình chỉ có thể đi sâu vào các sáng tác của một hệ mỹ học để làm phê bình, không thể khác.

Một nhà phê bình Nga (báo *Văn Nghệ*, 2008) đề nghị khá thực tế rằng mỗi nhà phê bình cần theo dõi khoảng trăm nhà văn mình yêu thích. Nhiều hơn thì không kham nổi, còn ít hơn thì bạn chưa đủ tâm là nhà phê bình. Cả nước cần năm, sáu nhà phê bình như thế. Khi các nhà này "đấu tranh" với nhau, văn đàn chắc chắn sẽ sôi động lên. Sự thể rất có ích cho phát triển văn học. Ngoảnh lại văn học Việt Nam mười năm qua, có nhà phê bình nào đã làm được công việc đơn giản đó: theo dõi sát sao 100 nhà văn "của" mình? Thêm: Báo *Văn Nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam có sẵn sàng là diễn đàn cho cuộc đấu tranh kia chưa? Câu trả lời dứt khoát là: không và chưa! Chúng ta vẫn còn chưa có một diễn đàn đúng nghĩa. Các cuộc trao đổi văn học mấy năm qua chỉ là thứ cãi cọ vụn vặt, không rót ráo, do đó chẳng đi tới đâu cả.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Không và chưa, nên chúng ta dung dưỡng các phát biểu tùy tiện đầy cảm tính, bất cập nên rất bất công về mọi loại sáng tác. Không thể đứng từ mỹ học này để phán xét thơ thuộc hệ mỹ học khác. Càng không thể nhấn vào một số tác giả hay tác phẩm chưa tiêu biểu thuộc một hệ mỹ học nào đó để phê phán chính tư tưởng của hệ mỹ học đó. Một nghệ sĩ chỉ có thể vượt bỏ một trào lưu nào đó bằng cách nhận ra khuyết điểm căn bản của các đại biểu lớn nhất của trào lưu đó.

Chỉ khi đó, chúng ta mới tránh khỏi nỗi vội vã của khái quát, niềm hời hợt của nhận định lẫn sự bất công của thái độ đối với mọi nỗ lực sáng tạo của nhóm tác giả, tác giả hay tác phẩm văn chương.

Chỉ khi đó thôi, văn học Việt Nam mới có cơ hội vượt vũ môn để đi ra biển lớn.

Sài Gòn, 9.4.2010.

### *Chú thích:*

(1) Mới nhất, nhà thơ Hoàng Vũ Thuật trong “Vận mệnh thơ như vận mệnh con người”, (*Tienve.org*, 26-6-2010) còn kêu cả Trần Tuấn sinh năm 1967 là “nhà thơ trẻ”!

(2) Hoàng Hưng, “Thơ Việt Nam đang chờ phiên đổi gác”, báo *Lao Động*, Xuân 1993.

(3) “Mười năm trên giá sách văn chương”, (*Bàn tròn văn học - lấy mốc năm 1991*), báo *Sinh viên Việt Nam*, số 4, 4-11-2003.

(4) Inrasara, “Thơ Việt, từ hiện đại đến hậu hiện đại”, *Tienve.org*, 2-2009.

(5) Inrasara, “Thơ Việt đương đại, các khuôn mặt mới”, *Inrasara.com*, 12-2009.

(6) Về thơ đương đại có xu hướng cách tân, nhiều nhà phê bình không đọc, hay đọc lờ mờ nhưng vẫn đưa ra nhận định; cũng có không ít người có đọc nhưng không hiểu thơ thuộc hệ mỹ

học khác lạ, hay hiểu nhưng vì bảo thủ hay nhiều lý do khác nhau, đã xét đoán đầy thiên kiến, thiếu công bằng.

<sup>(7)</sup>Mai Văn Phấn, “Về thơ Việt Nam đương đại”, tạp chí *Thơ*, số 1, 2010.

<sup>(8)</sup>Đình Quang Tồn, “Tôi không thần thánh hoá nghề văn” (Bình Nguyên Trang thực hiện), báo *Văn Nghệ*, 27-2-2010. Xem thêm: “Sẽ có một phiên đổi gác cho thơ”, nhà thơ Hoàng Hưng trả lời phỏng vấn trên *Vietvan.vn*, 2010 (Yên Thi thực hiện): “Rồi sẽ có một “phiên đổi gác cho... thơ” bắt nguồn từ những cây bút trẻ. Tôi tin thế. Họ là những con người năng động và chịu khó tìm tòi (Inrasara nhấn mạnh), đổi mới trong cả tư duy lẫn nhận thức về thời cuộc”. Nghĩa là “tìm tòi” từ bao giờ mãi là thuộc tính của sáng tạo.

<sup>(9)</sup>*Great modern Masters*, Time Warner Books, London, 2003; Xem thêm: Wendy Beckett, *Lịch sử hội họa*, Lê Thanh Lộc dịch, NXB Văn hóa Thông tin, H., 1996, tr. 304-308.

<sup>(10)</sup>Lê Thiếu Nhơn, “Mùa hào hứng cách tân thơ trẻ”, Hội thảo khoa học *Đời sống Văn học - Nghệ thuật TP Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập* tại TP Hồ Chí Minh, 16-10-2007.

<sup>(11)</sup>Frederick Turner, “Chủ nghĩa Tân cổ điển và văn hoá”, Nguyễn Tiến Văn dịch, *Thotanhinhthuc.org*, 2007.

<sup>(12)</sup>Bộ *Thơ Việt đương đại* gồm 4 tập: *Thơ Đổi mới, một khởi đầu mới* (12 tác giả), *20 năm Thơ Dân tộc thiểu số Việt Nam* (10 tác giả), *Thơ Việt, từ hiện đại đến hậu hiện đại* (24 tác giả) và *Các Khuôn mặt thơ mới* (20 nhà thơ xuất hiện sau 2006).

<sup>(13)</sup>Thay đổi hệ mỹ học sáng tác là khó, nhưng không phải không thể. Mai Văn Phấn từ *Gọi nắng* (1992) qua *Vách nước* (2003) đến *Hôm sau* (2009), hay Trần Tiến Dũng từ *Khói động*(1997), *Hiện*(2000) chuyển hệ sang *Bầu trời lông gà lông vịt* (eBook, 2003) và *Hai đóa hoa trên trán cho công dân hạng hai* (2006), hoặc Lê Vĩnh Tài từ *Hoài niệm chiều mưa* (1991) bước sang *Vỡ ra mưa ấm* (2005) đến *Đêm & những khúc rời của Vũ* (2008) và *Thơ hỏi thơ* (2008). Hay tầm lớn hơn: “Trong lịch sử hội họa, Picasso là người gây ra nhiều lời mỉa mai cay độc nhất và cũng được ca ngợi nhất. Toàn bộ nền hội họa thế kỉ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

XX chịu sự chi phối của tác phẩm của ông, mà tác phẩm của ông thì thay đổi đến mức mỗi một thì kì (sáng tác) của ông cũng đủ cung cấp toàn bộ tác phẩm cho một họa sĩ khác” (J. Charpier & P. Séghers, *Nghệ thuật hội họa*, Lê Thanh Lộc dịch, NXB Trẻ, 1996, tr. 396.

<sup>(14)</sup>*Thơ Tự do*, thơ in chung, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 1999.

<sup>(15)</sup>Phần 1, *Vách nước*, NXB Hải Phòng, 2003. Xem thêm: Inrasara, “Mai Văn Phan, Ra đi sau tiếng kệt cửa”, *Tienve.org*, 2003.

<sup>(16)</sup>Nhã Thuyên, “Thơ nữ: Giới là một vấn đề”, website Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa Ngữ văn, 16-3-2010.

<sup>(17)</sup>Đỗ Thượng Thế, *Trích tôi*, NXB Hội Nhà văn, H., 2009.

<sup>(18)</sup>Delmore Schwartz observed in 1941 that “the characteristic of modern poetry which is most discussed is of course its difficulty, its famous obscurity”. Dẫn lại từ Khế Iêm, “Vũ điệu không vãn”, bản thảo.

<sup>(19)</sup>Tạp chí *Thơ*, số 20, 2001, tr. 70.

<sup>(20)</sup>Tạp chí *Thơ*, số 18, 2000, tr. 94.

<sup>(21)</sup>*Bướm sáu cánh*, tập thơ năm tác giả: Biễn Bắc, Bim, Thiên Đăng, Nguyễn Tất Độ, Giảng Anh Iên, NXB Tân hình thức, Sài Gòn, 2008. Mới đây tân hình thức đã xuất hiện đây chính thống qua ấn phẩm tuyển thơ của 22 tác giả cả trong lẫn ngoài nước: *Thơ kể*, NXB Lao động, H., 2010.

<sup>(22)</sup>Nguyễn Tiến Văn, “Về tập thơ *M – N & Z* của Đoàn Minh Châu”, *Damau.org*, 2-2-2009.

<sup>(23)</sup>Inrasara, “Thơ nữ trong hành trình cắt đuôi hậu tố ‘nữ’”, *Song thoai với cái mới*, NXB Hội Nhà văn, H., 2008, tr. 92-121.

<sup>(24)</sup>Dẫn theo Tuấn Nhi, “Vụng về thơ trình diễn”, báo *Thể thao - Văn hóa*, 9-2-2009.

<sup>(25)</sup>Có thể kể thêm *Thơ dân tộc thiểu số* sáng tác bởi các cây bút người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa hay đã hòa nhập vào dòng chảy của đời sống hiện đại nhưng vẫn giữ được bản sắc qua cách nghĩ và lối thể hiện đặc sắc. Mười năm qua, khi thơ của các dân tộc thiểu số phía Bắc dừng lại, thi thoảng

## HUYỀN ÁI TÔNG

chỉ xuất hiện một, hai nhà thơ đáng kể như Bùi Tuyết Mai, thì ở miền Trung, hàng loạt cây bút người Chăm nhập cuộc văn chương tiếng Việt đầy tự tin. Trà Vigia, Trần Vũ Khang (sinh 1957), Jalau Anuk, Đồng Chuông Tử, Tuệ Nguyên... Tất cả tạo nên giọng đặc thù, hoàn toàn khác so với thơ của các tác giả dân tộc thiểu số trước đó. Nên, việc nhận định thơ [dân tộc thiểu số] Chăm là mộc mạc, chân chất, “đậm đà bản sắc dân tộc”, không gì hơn là một lười biếng tư duy qua lối viết xuôi tay đầy định kiến (Xem thêm: Inrasara, “Sáng tác Chăm hiện đại - thơ tiếng Việt”, *Inrasara.com*, 2010).

Trích thơ:

### Chuyện 40 năm sau mới kể

#### Chuyện 1. Chạy dịch

*Mẹ dắt anh chị em tôi đi trốn  
năm sáu ba. Không đâu xa, mẹ dắt  
qua nhà bà cô cách ba ngõ. Mẹ  
nói: ngủ lại bà cô côی cút, tôi*

*biết mẹ dắt anh em tôi chạy dịch.  
Cha kể: ngày xưa ông ngoại công cha  
chạy xa rất xa. Thời buổi này áp  
chiến lược không đi đâu cả. Tôi nhớ*

*chị một tay ôm cứng chiếc áo dhai  
cũ nát, Ngô tổng thống cầm Cham mặc,  
một tay bế thằng út đứng khóc nước  
mắt hai hàng. Hôm nay thằng út con*

*lớp sáu, áo dhai chả ai cầm, chị  
vứt đi lâu rồi, chiến tranh chiến lược*



dịch không còn. Chuyện 40 năm sau  
mới kể.

## Chuyện 2. Ăn chữ

Tôi có thằng bạn mắc bệnh ăn  
chữ. Không thứ gì khác, hẳn ăn  
sáng trưa chiều, hẳn nhai ngấu nghiến.  
Vợ hẳn khóc hai năm nay thôi.

Hẳn ăn đủ các thứ nặng nhẹ  
Nietzsche Khổng đến Sagan hẳn  
ăn tất tàn tật. Hẳn ăn từ  
tổn chậm rãi. Thuở còn xà lỏn

tôi đã thấy ông lão làng tôi  
ăn trắng với nước lã trừ bữa.  
Trước nữa, cha kể, ông cố ngoại  
tôi chạy càn Minh Mệnh đã đọc

kinh lễ, đốt thi phẩm Glang Anak  
pha nước đá trẻ uống thay vì  
ăn chữ. Ông sống trên trăm tuổi,  
cha nói, giòng ăn lạ chỉ sinh

một trong thế hệ bất kì đâu.  
Cham không bao giờ tiết nòi ăn  
chữ. Vợ hẳn khóc sao trúng ngay  
chồng em.

## Chuyện 3. Chờ tàu

Có lẽ đã một trăm, hai trăm  
năm, và hơn thế nữa, ông đã  
chờ. Chờ những con tàu. Đến vào

## HUỶNH ÁI TÔNG

*buổi chiều, như guru đã hứa.*

*Như bảy mươi năm trước, con ông  
đã chờ. Những con tàu. Chắc chắn  
sẽ đến, người cha nói. Người cha  
thì không thể nào dối con được.*

*Như bốn mươi năm qua, cháu ông  
chờ. Con tàu. Buổi chiều, sau giấc  
đóng chuồng. Họ chờ như thế, vẫn  
dáng đứng ấy trên mô đất ấy –*

*về phía biển. Những con tàu chắc  
chắn sẽ đến. Tổ tiên họ đã  
hứa thế, sách chép như thế. Họ  
không thể không chờ. Những con tàu*

*đến từ phía biển. Nỗi cha truyền  
con nói. Mãi khi có áp chiến  
lược, họ mới hết chờ, hết còn  
cơ hội chờ. Những con tàu đã*

*đến và bỏ đi, từ lâu rồi,  
có lẽ.*

### **Chuyện 4. Sông Lu**

*Sông Lu chào đời cùng tôi năm Đinh  
Dậu. Hai mươi tháng hạn, sông Lu nằm  
phơi thân trầm dòng vào lòng đất. Sông  
Lu chảy quyết liệt lúc tôi vỡ tiếng*

*nói đầu đời, sông Lu ẩn mình trong  
tôi khi tôi bỏ làng đi lang bạt,  
lần nữa sông Lu lại ra đời với*

tôi, ngày trở về. Đừng ai hỏi sông

*Lu ở đâu, đất Phan Thiết sông Lu  
lớn dậy, sông Lu chảy ngang trời Sài  
Gòn, bay Tokyo, tắt  
Baghdad, hát cùng sông Euphrates.*

*Sông Lu ngã bệnh, chết khát. Như tôi.  
Sông Lu giận dữ, gào thét hay rì  
rầm kể chuyện. Sông Lu khô – cháy, sông  
Lu đầy – tràn, sông Lu nung nóng đôi*

*cát hay sông Lu tự vỡ bờ, chớ  
phù sa bồi ruộng đất quê hương. Cả  
khi sông Lu bị con người biến thành  
thứ muông thúo vô dụng, sông Lu vẫn*

*miệt mài mang phù sa đổ vào biển.  
Sông như là mang phù sa đổ vào  
biển.*

### **Chuyện 5. Sông lùì**

*Tôi sống trong cộng đồng mà mọi thứ  
đều lùì. Những cái cây mọc lùì nhỏ,  
nhỏ dần vào hạt mầm, tận kiếp trước  
của hạt mầm. Những con sông chảy lùì,*

*rất xiết. Thành bạn tôi, đám cháu của  
tôi, anh em cha mẹ tôi đi thụt  
lùì, bé, bé dại dần. Tôi đứng nhìn  
họ, bắt lực. Không thể níu. Những ý*

*tưởng thụt lùì về cổ sơ, bản chép  
tay mọc thêm trang lật lùì như thế*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*hết làm thất lạc. Ngôi nhà cô hàng  
xóm thuở bé thơ đã đổ nát được*

*dựng lại. Những giọng nói quen và lạ  
bay lúi vào chiều vào trưa vào đêm,  
gọi dậy oan hồn tu sĩ, tiếng thét  
đại ngộ đánh thức loài hổ mang thần*

*thoại trườn đổ một góc rừng. Trận lốc  
thổi lúi bóc từng lớp trầm tích lộ  
thiên bạt ngàn, thành phố cổ triệu triệu  
viên gạch vụn lành lặn trở lại dựng*

*mênh mông cụm tháp xum xuê, bàn tay  
vẫy môi cười màu áo làng mạc tiếng  
quạ kêu lũ chim bay lúi vào vòm  
nắng. Một mình tôi đứng cô độc. Đứng*

*thôi mà như đã bước tới ghê lắm  
rồi.*

### 3 khúc quê

#### Khúc 1

(cho CML)

*Em đi thơ rữ dòng buồn  
tháp gầy bên chiều vẫy gọi  
cát đôi vào đêm không nói  
biển réo ngu ngơ*

*Em xa  
ngút mắt bờ xương rồng dãi  
tha phương ngày tháng dật dờ.*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Không có vui ra đi  
chỉ còn đau ở lại*

*Em về bốn chôn đường plây nhỏ  
nắng bay vòm tóc điệu kỳ  
lòng tôi nở tràn gió.*

*Tháng mười mưa mưa mưa mưa  
em về sáng đôi sương cũ.*

Khúc 2

*Gió nhảy trên ngọn đôi trọc  
đường êm sao lòng cứ xóc  
đụn trắng – bụi bay hay nắng bay.*

*Trong mát khoảng đời cô em họ  
vẫn thiên thần đôi mắt tròn đen  
thăm thẳm như chưa một lần cũ.*

*Tuổi bốn mươi bỗng thành thơ nhỏ  
chợt là khách lạ giữa làng quen  
một rá khoai bùi đã làm quý.*

*Thèm nghe thơ hơn gặp người thương  
(tình đậm ngại gì một hôm chặm)  
ấm nào bằng ấm tiếng quê hương.*

*Nhìn mặt đây lòng chưa thôi nhớ  
không uống – li đây vẫn muốn nâng  
đất cần mà hồn người cứ rộ.*

Khúc 3

*Không em*

HUỲNH ÁI TÔNG

*tìm quê hồn sâu gió lạ  
chân mộng du lạc miền phố xá  
chiều mộng mênh.*

*Mong cầm tay về xứ gian nan  
màu mắt thôi đắm buồn dĩ vãng  
thơ khát khao gieo tiếng vui đây.*

*Anh thấp nhỏ nhoi nhành hy vọng  
qua héo đau nẩy chồi sắc nắng.*

*Có em  
tháng bảy bằng lăng đời trở ám  
cây quê hương giữ bụi cát lằm  
đường cày vỡ sáng trán nông dân.*

**Tháp chàm muôn mặt**

*Ché Lan Viên trông dáng tháp gầy mòn  
Sara ngó ra tháp nắng  
Thu Nguyệt thấy dấu chấm than  
một tháp mà có bao kiểu ngộ (và ngộ nhận).*

*Đôi lúc  
nửa đêm  
tôi nghe tháp mọc ngang trời.*

*Tháp Sah Inur sống đời độc thân  
có lúa có bạn là Tháp Đôi  
lũng Mỹ Sơn tháp ở đại gia đình  
làm tam nhân hành thì Ba Tháp  
đu đầy cả thôi mà cứ muốn thất truyền.*

*Như giấc mộng như lóa mắt  
tháp có mặt*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*như chớp xé như âm vang.*

*Tháp cho nhà báo đề tài viết báo  
số Katê mỗi năm  
(tuần chay nào cũng có nước mắt)  
kiếm ít tiền xài  
cho nhà khảo cổ cơ hội ăn theo  
tên tuổi.*

*Vua Chăm xuống lệnh xây tháp  
nghệ nhân (dĩ nhiên cùng vạn công nhân) xây tháp  
họa sĩ Đàng Năng Thọ thì vẽ tháp  
quần chúng Cham cứ đến Katê lên tháp cúng thần.*

*Người không học thấy tháp là tháp  
người có học thấy tháp vẫn là tháp  
thì sĩ thấy tháp là chim.*

*Đôi khi tháp nhớ nàng Apsara  
tháp mong thần Shiva thăm hỏi  
họ phổ cả rồi  
tháp thì ở lại.*

*Bóng của tháp như dòng sông ma  
trườn qua đêm tối những triều đại  
đánh thức kí ức các dân tộc  
duyên nợ (hay cả không nợ nần gì) với tháp.*

*Mắt mở tròng vậy thôi - không nói  
tháp ngậm im lặng màu tro  
im lặng không mùa*

*Tháp đang trôi trong hoàng hôn  
chợt mắc cạn  
ở lưng đồi*

HUỲNH ÁI TÔNG

*thằng bạn tôi nhìn thấy. Bất nhớ.*

*700 năm tháp thét gào với bão  
300 năm tháp lãng du thế giới cỏ cây  
ngàn sau tháp chuyện trò cát bụi.*

*Rất nhiều tháp Chàm bay ở Sài Gòn, Tokyo, Kabul  
bay qua Happy New Year, giữa Black and White  
rất nhiều tháp xanh  
bay đêm màu xanh, tôi thấy.*

*Ngọn tháp đở  
tiếng kêu dội vào thành đêm  
dội vào trái tim con chim ngủ mê trong oanh liệt của lửa  
lay dậy tế bào đôi cánh ngời rũ  
tiếng kêu giữa khuya.*

*Mùa hạ tháp ở trần nằm  
mùa đông tháp ngủ đắp chăn lá cây  
không cánh không tay - tháp đứng nắng  
ngày mai tất cả cùng bay*

**Tân lạc hậu cảm tác**  
(cảm tác từ Sài Gòn)

*Và nỗi nhớ lại dậy lên với nắng  
Cho niềm thương đành lịm tắt trong mưa  
Em yêu ơi sương sớm đã giăng mờ  
Mùa thu nhuộm cả một trời kỉ niệm*

*Sóng cạn kiệt nỗi siêu hình lúng liếng  
Đời vô thường anh dệt mộng và mơ  
Tà áo dài bay tha thướt đôi bờ  
Anh đã chết giữa một chiều rất Huế*



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Sông vẫn biết trăng trót mang tình bể  
Sông có ngờ biển rất mặn và thơ  
Tìm môi em xa xót cả đợi chờ  
Đường thì vắng sao tóc em cứ ngắn

Môi chưa ướt nghĩa là tình sẽ thấm  
Hoa sữa nghiêng nghiêng nổi nhớ nhung chiều  
Dưới trăng vàng em tựa cửa cô liêu  
Anh bỗng hiểu một tình yêu rất thực

Cà phê đắng heo may chiều du mục....

**Phác thảo cho bài thơ tình ở Thủ Đức**

Khi nghiêm túc rơi mảnh giáp trinh trọng cuối cùng  
khi bốn phận như loài cận vệ gan lì ném lon tháo chạy  
trên hai cánh cổng đã mở toang  
anh treo cờ trắng  
và viết to hai chữ XIN HÀNG

và em  
xông vào như nữ tướng quyền uy dịu dàng  
trong phòng khách giữa dãy sách trước bàn làm việc  
em đi lại cười nói lục tung

mọi xó xỉnh anh giương cờ trắng  
con tim toang hoác cửa  
em xâm nhập giảm đập nề nếp trật tự anh  
xé nát bảng giờ giấc anh

chữ nghĩa và suy nghĩ và mơ mộng anh  
em vô ngại  
xộc vào cuộc sống riêng tư anh đi và về  
cô đơn anh buông sung  
phó mặc em xáo trộn và khuấy động và thao túng

## HUYỀN ÁI TÔNG

*đau ngọt*

*bàn tay màu mắt và môi hôn em  
rừng tóc và vom ngực em đánh chiếm vùng chấn chieu  
anh thả nổi run rẩy và ấm áp*

*ấm áp và run rẩy rớt cùng treo cờ trắng                      cả hai.*

Trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia* Inrasara được nhận định và đánh giá như sau:

*Ngoài làm thơ, ông còn nghiên cứu, sưu tầm, dịch thuật văn học và ngôn ngữ Chăm, đồng thời là chủ biên của tuyển tập Tagalau, mục đích giới thiệu văn học Chăm và nâng đỡ, khuyến khích các cây bút Chăm trẻ tuổi.*

*Thơ của ông được đánh giá là giàu ý tưởng và mang nhiều tính ẩn dụ. Là loại thơ nặng chất triết luận, thứ triết luận từ nghiệm sinh và đang hướng đến những hoài nghi, đối thoại và biện giải cuộc sống, nên hơi khó hiểu... Tuy nhiên mọi người đều công nhận tài năng và sự đóng góp to lớn của ông trong việc nghiên cứu, sưu tầm văn học Champa.*

*Ông còn là một nhà phê bình văn học được đánh giá cao vì luôn cổ súy những cái mới trong văn học nghệ thuật. Ví dụ Tân hình thức hay Hậu hiện đại...*

Tài liệu tham khảo:

- Inrasara Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nhận diện các trào lưu thơ Việt đương đại Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)

## 21. Lý Lan



**Lý Lan (1957-20 )**

Nhà văn Lý Lan người Việt gốc Hoa, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1957 tại xã Bình Nhâm, quận Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, nay là tỉnh Bình Dương. Quê mẹ ở xứ vườn trái cây Lái Thiêu, quê cha ở huyện Triều Dương, tỉnh Quảng Đông, Trung quốc. Tám năm đầu đời Lý Lan sống ở quê mẹ, sau khi mẹ mất thì gia đình về Chợ Lớn định cư đến nay.

Lý Lan học khoảng một năm ở trường làng, nửa năm ở trường Tư thực Trung Chánh ở Chợ Lớn.

Năm 1964, học ở Trường tiểu học Chợ Quán.

Năm 1969, học ở trường Trung học Gia Long Sài Gòn.

Năm 1976, học Đại học Sư Phạm Tp. HCM.

Truyện ngắn đầu tay của Lý Lan là *Chàng Nghệ Sĩ* in trên báo *Tuổi Trẻ* và được giải thưởng năm 1978. Sau đó, Lý Lan tiếp tục viết và đăng các truyện ngắn trên báo *Tuổi Trẻ*, *Văn Nghệ Giải Phóng*, *Khăn Quàng Đỏ*. Tập truyện ngắn đầu tay *Cỏ hát*

## HUỶNH ÁI TÔNG

in chung với Trần Thùy Mai do nhà xuất bản Tác Phẩm Mới Hà Nội năm 1983.

Từ năm 1980, Lý Lan bắt đầu dạy ở trường trung học Cần Giuộc tỉnh Long An, năm 1984 chuyển về trường trung học Hùng Vương Tp. HCM, năm 1991 chuyển qua trường Trung học Lê Hồng Phong, năm 1995 sang dạy ở Đại học Văn Lang đến năm 1997 thì nghỉ dạy hẳn, dành thì giờ cho việc sáng tác, và làm phóng viên cho báo Người Lao Động.

Từ năm 2001, Lý Lan là dịch giả dịch giả của bộ truyện *Harry Potter*, gồm 7 tập, tác giả người Anh là bà J.K. Rowling do NXB Trẻ phát hành, được độc giả thiếu nhi nồng nhiệt đón nhận.

Lý Lan theo học và tốt nghiệp Cao học Văn Chương (M.A.) ở đại học Wake Forest California năm 2003.

Lý Lan được các giải thưởng:

- Giải thưởng của báo Tuổi Trẻ năm 1978, với truyện ngắn *Chàng Nghệ Sĩ*
- Giải thưởng văn học thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1984, với tập truyện thiếu nhi *Ngôi Nhà Trong Cỏ*.
- Giải thưởng thơ của Hội Nhà Văn Tp. HCM. với tập thơ *Là mình*.

Tùy bút *Cổng trường mở ra* của Lý Lan được in trong Sách giáo khoa lớp 7, tập 1 của Việt Nam

Lý Lan lập gia đình với Mart Stewart, một người Mỹ và hiện định cư ở cả hai nơi, Billingham, Washington State, Hoa Kỳ và Chợ Lớn Việt Nam.

Tác phẩm:

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Cỏ Hát* (tập truyện, Tác Phẩm Mới, 1983)
- *Nơi Bình Yên Chim Hót* (tiểu thuyết, Cà Mau, 1986)
- *Chút Lãng Mạn Trong Mưa* (tập truyện, Trẻ, TP HCM, 1987)
- *Hội Lòng Đền* (truyện thiếu nhi, Kim Đồng, Hà Nội, 1991)
- *Chiêm Bao Thấy Núi* (tập truyện, Trẻ, TP HCM, 1991)
- *Truyện* (tập truyện in chung, Văn Nghệ Tp HCM, 1992)
- *Những Người Lớn* (truyện thiếu nhi, Kim Đồng, Hà Nội, 1992)
- *Mưa Chuồn Chuồn* (truyện thiếu nhi, Kim Đồng, Hà Nội, 1993)
- *Chân Dung Người Hoa* (tự truyện, Văn Hoá, Hà Nội, 1994)
- *Đất Khách* (tập truyện, Văn Nghệ Tp HCM, 1995)
- *Bí Mật Của Tôi và Thần Lửa Đen* (Trẻ, TP HCM, 1996)
- *Lệ Mai* (tiểu thuyết, Văn Nghệ Tp HCM, 1998)
- *Thơ* (thơ in chung, Văn Nghệ Tp HCM, 1998)
- *Sài Gòn Chợ Lớn Rong Chơi* (tản văn, Văn Nghệ Tp HCM, 1998)
- *Khi Nhà Vãn Khóc* (tản văn, Văn Nghệ Tp HCM, 1999)
- *Dặm Đường Lang Thang* (tản văn, Văn Nghệ Tp HCM, 1999)
- *Dị Mộng* (tiểu thuyết, Trẻ, TP HCM, 2000)
- *Quán Bạ* (in chung, Trẻ, TP HCM, 2001)
- *Một Góc Phố Tàu* (truyện và ký, Văn học, Hà Nội, 2001)
- *Ba Người và Ba Con Vật* (truyện thiếu nhi, Kim Đồng, Hà Nội, 2002)
- *Bốn Cây Bút Nữ* (tập truyện, Văn Học, 2002)
- *Self-Representation in Poetry by Vietnamese American Women Writers* (M.A. thesis, English, Wake Forest University, May 2003)
- *Là Mình* (thơ, Văn Nghệ Tp HCM, 2005)
- *Người Đàn Bà Kể Chuyện* (tiểu thuyết, Văn Nghệ Tp HCM, 2006)

## HUỖNH Ỉ TÔNG

- *Miên Man* (tùy Bút, Văn Nghệ Tp HCM, 2007)
- *Tiểu Thuyết Đản Bà* (tiểu thuyết, Văn Nghệ Tp HCM, 2008)
- *Hồi Xuân* (tiểu thuyết, Văn Nghệ Tp HCM, 2009)

Trích văn:

### **Phê bình văn học nữ quyền**

Trong nửa thế kỷ qua, các học viện trên khắp thế giới, nhất là ở Âu Mỹ, đã chứng kiến những chuyển biến quan trọng liên quan đến giới tính. Chẳng những số lượng nữ giáo sư và nữ sinh viên tăng nhanh trong các học viện, mà học thuyết nữ quyền còn ảnh hưởng đến nhiều bộ môn học thuật khác, từ triết học, lịch sử, đến ngôn ngữ học, xã hội học, nhân chủng học, truyền thông đại chúng, kinh tế, luật... Nhưng trước tiên và căn bản trong vòng ba thập niên qua, học thuyết nữ quyền có ảnh hưởng sâu sắc và rộng lớn nhất đến phê bình văn học, đã làm thay đổi lớn lao cách đọc văn bản, việc bình giảng văn chương, sự định giá kinh điển trong nhà trường, ảnh hưởng đến cảm thụ văn học của công chúng và chuyển đổi cả ngành xuất bản.

Điều thú vị là phê bình văn học nữ quyền không chỉ có duy nhất một cách tiếp cận, một cách vận dụng, hay một định nghĩa, mà có nhiều quan điểm, nhiều phương pháp, nhiều góc độ quan sát, nhiều tranh luận. Nhưng lạ lùng là lý thuyết phê bình văn học nữ quyền gần như xa lạ ở Việt Nam.

Phê bình văn học nữ quyền là gì?

Câu hỏi đơn giản này lại gợi mở những giải đáp, hay tìm kiếm giải đáp, phức tạp. Trước hết ta hãy thử nhận biết qua phản ứng từ phía chống nữ quyền. Trong bài báo “Phê bình văn học nữ quyền: Từ Chống-phụ-quyền đến Tán tụng Hư đồn” đăng trên tạp chí báo thủ Modern Age (số 4 tập 49 mùa thu 2007) Anne

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Babeau Gardiner ghi nhận ở phần mở bài: Quả thật, theo một điều tra của Hội Ngôn ngữ Hiện đại, lý thuyết nữ quyền gần đây đã có ảnh hưởng hơn bất cứ trường phái nào khác trong giảng dạy văn học. Nó được coi “là một bộ phận không thể tách khỏi nghiên cứu văn học” trong các trường đại học ở Anh, Canada và Mỹ. Nhưng bà kết luận ở cuối bài: Cái đã khởi đầu như một phong trào nho nhỏ vào thập niên 1970 đã trở thành một nấm mồ nguy hiểm cho thanh niên, đặc biệt là nữ thanh niên. Và bởi vì sinh viên là người dẫn dắt tương lai, điều đang lâm nguy hiện nay chính là nền tảng của xã hội và văn minh Tây phương. Gardiner cho là phê bình văn học nữ quyền đã làm ba điều tác hại: Thứ nhất là đã phá tính chất gia trưởng hay phụ quyền, trong khi theo bà thì “phụ nữ ngày nay coi khái niệm gia trưởng chẳng khác gì một bóng ma lỗi thời”. Thứ hai là muốn thay thế kinh điển của văn học phương Tây mà nền tảng gồm đại đa số là tác giả và nhà phê bình đàn ông. Gardiner coi những tác phẩm kinh điển vĩ đại có giá trị phổ biến chung cho loài người. Bà phê phán các lý thuyết gia nữ quyền không chấp nhận “bản chất chung của con người” mà cứ phá huỷ cơ cấu, khiến cho trí tuệ tích lũy nhiều thế kỷ của văn minh Tây phương đang bị thay thế bằng cái gọi là văn hóa học và chú trọng vào những nhóm và những vấn đề xã hội ngoài lề, vật vãnh. Cuối cùng Gardiner coi việc các nhà phê bình nữ quyền phục hồi giá trị các tác phẩm và tác giả nữ đã bị lãng quên hay từng bị các phê bình gia nam vui lập coi là dâm tục, nhất là đề tài đồng tính luyến ái, là tán tụng sự hư đốn. Mặc dù bài viết của Gardiner không đưa ra tri thức mới nào ngoài những chỉ trích đầy thành kiến, nó bộc lộ thái độ và quan điểm tiêu biểu của những người chống nữ quyền.

Trong bài “Giới thiệu: Những mô hình nữ quyền” trong bộ sách “Lý thuyết văn học” đồ sộ 1.314 trang do Julie Rivkin và Michael Ryan chủ biên (Blackwell Publishing, 2004), hai tác giả này viết: Phê bình văn học nữ quyền đương đại khởi đầu từ phong trào phụ nữ vào cuối thập niên 1960 và đầu thập niên

## HUỶNH ÁI TÔNG

1970, và cũng bắt nguồn từ các học viện. Dĩ nhiên tiền sử của ngành này có thể rất xa xưa, tùy theo người ta lấy mốc từ tác phẩm “Một căn phòng cho riêng mình” của Virginia Woolf (xuất bản lần đầu năm 1929) hay một văn bản có trước Kinh Thánh 2.000 năm là Inanna (về số phận một nữ thần chất vấn cuộc luận đàm về dục tính, Maggie Humm trích dẫn.) Sự biến đổi tự thân của lý thuyết nữ quyền trong nhiều thập niên qua khi khớp với những phê phán từ bên trong và những đọ sức với bên ngoài – khi tiếp xúc với phân tâm học, chủ nghĩa Mác, hậu-cấu trúc, dân tộc học, lý thuyết hậu thuộc địa, và nghiên cứu đồng tính luyến ái - đã tạo ra một công trình phát triển phức hệ không dễ gì gộp vô một hạng mục đơn giản. (trang 765)

Vì lẽ đó các tác giả sách lý luận phê bình thường không trả lời đơn giản trực tiếp “nó là cái gì” mà trình bày sự hình thành và phát triển lý thuyết trong tương quan chính trị xã hội với phong trào nữ quyền.

Gill Plain và Susan Sellers trong quyển Một lịch sử của phê bình văn học nữ quyền, (NXBĐại học Cambridge, 2007). Hai tác giả này dựa theo ba cao trào nữ quyền mà xác lập ba giai đoạn phát triển lý thuyết phê bình văn học nữ quyền:

Giai đoạn “tiên phong và nữ quyền nguyên so” tương ứng với cao trào nữ quyền I, tính từ hậu thế chiến II trở về trước, với Minh chứng về quyền của phụ nữ (1792) của Mary Wollstonecraft, “tổ mẫu” của chủ nghĩa nữ quyền. Bà phản đối thẩm quyền xác lập nữ tính của các tác giả nam. Bà coi nhà văn nữ là người có lý trí, đạo đức, nhân hậu, phản đề của thói ủy mị giả tạo. Luận điểm của Wollstonecraft là về bản chất của giới tính được kiến tạo như một lợi thế: viết và nghĩ không thể vượt khỏi thân xác, và không thể loại phụ nữ ra khỏi vị trí xã hội. Một căn phòng cho riêng mình (1929) của Virginia Woolf được coi như “sách vỡ lòng” của phê bình nữ quyền. Nhờ



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Woolf mà các tác giả nữ ngày nay có những khái niệm gợi mở về cách suy nghĩ lùi thông qua người mẹ, về ý kiến của đàn bà, và về tinh thần song giới (dung hoà cả hai giới tính). Nhiều quan điểm lý thuyết mâu thuẫn của tư tưởng nữ quyền đương đại bắt nguồn từ trí tưởng tượng đột phá vượt giới hạn của Woolf và những xung đột sáng tạo của bà. Nhưng chính Simone de Beauvoir để lại cho chủ nghĩa nữ quyền một tự điển phong phú hình tượng và ý tưởng, đặc biệt là định nghĩa xác quyết “người ta không bẩm sinh là đàn bà, mà trở thành đàn bà.” Khái niệm này ẩn tàng trong tác phẩm và tranh luận xung quanh các nhà nữ quyền nguyên sơ và tiên phong, nhưng tư tưởng cơ bản này chỉ được phát biểu dứt khoát rõ ràng trong quyển *Đệ nhị giới* (1949) của Beauvoir. Sự nhận thức về cấu trúc xã hội của giới tính và bản chất bị áp đặt của các chủ thể mang giới tính đã trở thành cốt lõi của lý thuyết văn học nữ quyền, khiến cho nó trở thành luận đề thách thức những giả định của con người về căn cước, tự nhiên và tiến bộ, và khảo sát thấu đáo sự hình thành có tính huyền thoại của nữ tính và nam tính.

Giai đoạn “sáng tạo nền phê bình văn học nữ quyền” tương ứng với cao trào nữ quyền II (thập niên 1960 và 1970) kéo dài đến cao trào III (thập niên 1980 và 1990). Đây là giai đoạn quan trọng, hình thành và phát triển những vấn đề chủ yếu của phê bình văn học nữ quyền, từ khẳng định các nhà văn và nhà phê bình nữ, xuyên qua sự tìm kiếm một truyền thống văn học nữ và ảnh hưởng của luận đàm mang tính tự truyện, đến những thách thức mà các nhà phê bình nữ quyền da đen, đồng tính, và đàn ông ủng hộ nữ quyền đề ra. Hành trình này cho thấy sự phát triển dần dà của khái niệm phê bình văn học nữ quyền đã từ sự phản kháng ban đầu chống lại lý tưởng nam là trung tâm trong nghiên cứu văn học, đến một hệ thống đa dạng phức tạp những luận đề nhằm chất vấn những giả định không chỉ về giới tính, mà cả về chủng tộc, giai cấp, dục tính. Tính chính trị của cao trào nữ quyền II thể hiện đậm trong thực tế phê bình giai

## HUYỀN ÁI TÔNG

đoạn phát triển này. Lý tưởng nữ quyền ngấm vào văn chương và văn hoá đương thời, đồng thời phục hồi những tiếng nói đã bị chìm lấp của phụ nữ, một sự việc cách mạng nếu nhìn lại hàng bao thế kỷ trước đó ở các học viện Anh, Mỹ chỉ có tác phẩm của nam tác giả được coi là kinh điển để nghiên cứu giảng dạy. Cùng với nỗ lực làm sống lại những tiếng nói đã mất của các tác giả nữ, hình thành những cách tiếp cận văn học của các nữ tác giả da đen, đồng tính nữ, và khảo sát quan điểm tách biệt của sự hình thành nữ quyền mang tính học viện, trung lưu, da trắng và có xu hướng dục tính chính thống (nam – nữ). Các nhà phê bình nữ quyền cũng nhận ra những truyền thống viết nữ từng bị gạt ra rìa, khát vọng của họ được diễn tả những kinh nghiệm và những câu chuyện dị thường, và nhu cầu tìm ra tiếng nói và vị trí để phát ngôn, từ đó xuất hiện những câu hỏi then chốt về bản ngã và chủ thể, phát triển thể loại tự truyện và phê bình cá nhân. Ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu cấu trúc lan toả trong lý thuyết nữ quyền, đồng thời là ảnh hưởng giao thoa với chủ nghĩa hậu thuộc địa, thuyết phân tâm học, thuyết phi giới tính. Phê bình văn học nữ quyền biến chuyển đa dạng, phức hệ, đề ra những cách đọc mới những tác phẩm có ảnh hưởng nhất trong các lãnh vực nêu trên. Một biến dạng khác của phê bình nữ quyền là từ khởi thủy phản kháng nam quyền chuyển qua nghiên cứu nam tính. Cuối giai đoạn này phê bình văn học nữ quyền đã tái kiến trúc thể giới và ngôn từ của con người nhưng vẫn không thoát ra những ý nghĩa về giới tính được xã hội xét duyệt.

Giai đoạn tính từ đầu thiên niên kỷ thứ ba đến ngày nay, có thể coi là “chuyển đổi mô hình” trong phê bình văn học nữ quyền với ảnh hưởng của hậu cấu trúc và hậu hiện đại. Tiến bộ khoa học kỹ thuật ảnh hưởng không ít đến ý thức về bản thân, giới tính, dục tính và sinh sản, hình tượng cyborg ra đời biểu tượng cho sự kết hợp giữa con người và kỹ thuật. Ý nghĩa của từ “đàn bà”, “phụ nữ”, “nữ giới” không còn tầm quan trọng trong các nỗ lực cấp tiến phá thế bình ỏ ở phương Tây nữa, do vậy chủ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

nghĩa nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền trải qua những thay đổi quan trọng. Nhóm nữ quyền trung lưu da trắng vận động hướng ngoại để thừa nhận sự đa dạng trong đời sống, kinh nghiệm và sự sáng tạo của phụ nữ. “Đàn bà” như một thực thể văn hoá – xã hội đặt định đã bị rắc rối hoá, nghĩ tới đàn bà là nghĩ tới giới tính; xu hướng chuyển đổi là đặt vấn đề giới tính lên trên cả nữ tính, nam tính, đồng tính các loại. Nữ quyền bắt đầu đặt những câu hỏi căn bản về ngôn ngữ và chủ thể con người. Tuy vẫn tiếp tục khảo sát sự phức tạp của những đặc tính mang tính giới phái trong xã hội đương đại, nhưng từ nhiều hướng phát triển khác nhau, những hình thức lai tạp mới của phê bình văn học nữ quyền xuất hiện, đem lại nguồn năng lượng mới cho những tranh luận chất vấn khái niệm “đàn bà” có là một khởi điểm lý thuyết chặt chẽ hay chăng.

Dựa vào sự hình thành và phát triển có thể hình dung diện mạo của phê bình văn học nữ quyền theo tuyến thời gian. Những tác giả khác tìm kiếm định nghĩa phê bình văn học nữ quyền từ những cách tiếp cận khác. Mary Eagleton trong quyển Lý thuyết văn học nữ quyền (Blackwell Publishing, 1996) khảo sát mối quan hệ giữa phụ nữ và tác tạo văn chương, giữa giới tính và thể loại, xác định ý nghĩa văn chương nữ, nhận diện một truyền thống văn chương nữ, đặt vấn đề về có khác biệt chăng trong đọc nữ và viết nữ. Toril Moi trong quyển Chính kiến văn bản / giới tính (NXB Routledge, 2002) chia ra hai trường phái: phê bình văn học nữ quyền Anh - Mỹ và phê bình văn học nữ quyền Pháp. Do đặc trưng ngôn ngữ của văn học, mỗi nền văn học của từng dân tộc có ngôn ngữ riêng đều có những tính chất riêng trong văn học sử và hệ thống lý luận phê bình.

Phần giới thiệu lịch sử phê bình văn học nữ quyền phương Tây trên đây, chủ yếu của nền văn học bằng Anh ngữ, nhằm mục đích xác nhận sự tồn tại của một bộ môn học thuật gắn liền với phong trào phụ nữ phương Tây. Lịch sử Việt Nam trong một thế kỷ qua có những tương đồng với một số nước khác, nhưng

## HUỶNH ÁI TÔNG

cũng có những khác biệt rất nhiều và rất lớn khiến cho xã hội và văn học của chúng ta có những vấn đề của riêng chúng ta mà chúng ta phải tự giải quyết bằng sáng tạo của chính mình.

### Vận dụng phê bình văn học nữ quyền ở Việt Nam

Thực tế thì hoạt động phê bình văn học nữ quyền ở Việt Nam đã chớm nở trong mười năm gần đây, thể hiện qua việc xuất bản lại tác phẩm đã bị vùi lấp của các nữ tác giả Quốc ngữ đầu tiên, như Nữ sĩ Huỳnh Thị Bảo Hoà do Thy Hảo Trương Duy Hy sưu tầm và biên soạn, nhà xuất bản Văn học 2003; Tuyển tập Đạm Phương nữ sử do Lê Thanh Hiền sưu tầm, biên soạn và giới thiệu, nhà xuất bản Văn học 1999. Rải rác trên các tạp chí, nhật báo và các trang văn học trên mạng cũng xuất hiện những bài viết phục hồi và đánh giá lại thân thế sự nghiệp của những nữ sĩ tiên phong cổ xúy phong trào nữ quyền qua hoạt động báo chí và văn học, thí dụ như Nhà thơ Hằng Phương, người con của Bảo An, Gò Nổi của Nguyễn Đình An, báo Đà Nẵng, ra ngày 25/11/2008, Sương Nguyệt Anh: Chủ bút tờ báo đầu tiên của phụ nữ nước ta của Tuân Lê, báo Bình Dương, cập nhật trên trang web của báo ngày 24/08/2006, Một nhà văn nữ đấu tranh cho nữ quyền vào đầu thế kỷ XX – Phan Thị Bạch Vân của Võ văn Nhơn, kho học liệu mở (<http://vocw.edu.vn/content/m11077/latest/>). Tuy nhiên, trên tạp chí chuyên ngành chính thức là tạp chí Nghiên cứu Văn học, trong toàn bộ 12 số của năm 2007 với 131 bài, chỉ có 4 bài mà nữ là trung tâm khai thác: Đi tìm cổ mẫu trong văn học Việt Nam của Nguyễn Thị Thanh Xuân (số I, trang 105), Cánh đồng bất tận, nhìn từ mô hình tự sự và ngôn ngữ trần thuật của Đoàn Ánh Dương (số II, trang 96), Chuyện cổ tích về loài người của Xuân Quỳnh và cấu trúc huyền thoại của Đào Ngọc Chương (số X, trang 137), Thơ Nôm Hồ Xuân Hương – Từ góc nhìn văn bản học, của Kiều Thu Hoạch (số IX, trang 28). Nêu kể cả những bài viết hay dịch đề cập đến nhân vật nữ trong các tác phẩm nước ngoài như Những giới hạn tiếp nhận Bà Bovary ở

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Việt Nam (qua trường hợp các bản dịch) của Phùng Kiên (số IV, trang 100), Cổ tích hiện đại: Cô bé bán diêm của Andersen của Lê Huy Bắc (số VII, trang 133), Khảo sát type truyện Cô Lọ Lem của miền Nam Trung Quốc của Đường Tiểu Thi (số VIII, trang 116), ... thì tổng số bài nghiên cứu và phê bình về nữ cũng chưa đạt tới tỷ lệ 1/10, khiến cho tạp chí này biểu hiện tính nam-áp-đảo rõ ràng, như tinh thần xưa nay vẫn vậy trong giới nghiên cứu phê bình văn học ở Việt Nam.

Mặc dù phê bình văn học nữ quyền chưa là một môn hay lớp ở các trường đại học Việt Nam hiện nay, nhưng số sinh viên chọn đề tài luận văn tốt nghiệp đại học và cao học liên quan đến văn chương nữ ngày càng nhiều, như khảo sát tiểu thuyết, truyện ngắn hay thơ của những tác giả nữ hoặc của một nhà văn nữ. Phần lớn các luận văn này ít vận dụng lý thuyết phê bình nữ quyền, mà quan điểm và phương pháp chủ yếu vẫn tuân theo lý luận văn học chính thống được giảng dạy ở trường. Ngày 31-10-2008 luận văn “Từ lý thuyết phê bình nữ quyền (feminist criticism) nghiên cứu một số tác phẩm văn xuôi của các tác giả nữ Việt Nam từ năm 1990 đến nay” đã được Hồ Khánh Vân bảo vệ thành công. Đây là luận văn thạc sĩ ngữ văn đầu tiên về phê bình văn học nữ quyền ở Việt Nam. Chưa có luận văn nào ở bậc tiến sĩ đào sâu đề tài này, và cũng chưa có một quyển sách Việt ngữ nào tập trung khai thác đề tài này.

Thế nhưng sự phát triển lực lượng nhà văn nữ trong gần một thế kỷ qua, nhất là ba thập niên gần đây và những thành tựu họ đạt được đã khẳng định sự tồn tại và khởi sắc của một nền văn học nữ Việt Nam đương đại; và thực tế này đòi hỏi những lý thuyết văn học tương thích để phân tích phê bình và đánh giá.

Phê bình văn học nữ quyền không phải là phương pháp phê bình duy nhất hay tiến bộ nhất. Nhưng lý thuyết nữ quyền với tư cách một bộ môn học thuật đang được nghiên cứu, dạy và học trong hầu hết các trường đại học trên thế giới, chủ nghĩa nữ

## HUYỀN ÁI TÔNG

quyền về mặt triết học đã có ảnh hưởng sâu sắc toàn bộ hệ thống tri thức và thiết chế văn hoá loài người, và phong trào phụ nữ vẫn đang là một động lực xã hội ở khắp hành tinh, thì một thái độ không biết đến nữ quyền, lịch sử, lý thuyết và phương pháp của nó, là một thái độ quá cao ngạo. Tham khảo và thừa kế những tiến bộ tích cực trong di sản chung của nhân loại và phong trào nữ quyền phương Tây là tận dụng vũ khí có sẵn và tiết kiệm thời gian mảy mò. Văn học Việt Nam đương đại có thể đặt hy vọng vào những nữ tác giả và nữ phê bình gia văn học nữ quyền không?

Trích thơ:

### Thì thôi

*thì thôi  
ta buông  
thì thôi  
người trôi*

*thì thôi nhắm mắt  
ước giấc ngủ đầy  
thì thôi sóng gió  
mịt mù chân mây*

*thì thôi ký ức là mộng ảo  
buông tay ngỡ tỉnh giấc hoang đường  
ái ân bề ngó còn vương  
thì thôi  
chốn ấy đoạn trường người đi*

### Chiều Sài Gòn

*Sài Gòn chiều nay mưa  
pông-sô xanh đỏ nón báo hộ tròn tròn*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*làm sao biết ai là em?  
Tôi đứng tựa ban công như người xem  
hội trảy lướt thướt trên lòng đường  
muôn ngàn ngược xuôi  
nhoi nhói trong lòng  
ngong ngóng em về  
một tiếng thảng gập là một cái giật thót  
một chiếc xe trượt bánh người cười bay xuống đường  
tôi bụm miệng – không phải em!  
xe cứu thương hụ còi rên rĩ chạy ngang  
tôi ôm ngực – không, không phải ...*

*Em về  
nón cối, pông-sô nước mưa còn chảy ròn ròn  
má môi tím tái  
giày ướt cởi ngoài hiên  
vô buồng thay ngay quần áo ướt  
chải tóc, gọi con ngừng chơi  
vo gạo nấu cơm  
gió mưa vẫn tạt theo em qua cửa bếp  
em lật rau – cười khẽ  
Chiều Sài Gòn nào không mưa?*

**Thanh thảo**

*như người trở lại bờ sông  
thanh thảo ngồi trong cối vắng  
bâng quơ cầm viên sỏi  
hờ hững thả vào trống không  
thong dong nhìn vạt nắng  
tắt dần trong nước trôi*

*người nói rồi người hỏi  
người nói nhiều quá chẳng  
người cười rồi nói nữa*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*gặp lại mừng gì đâu*

*có thể không còn dịp nào khác thật  
nhưng đừng nói đời ngắn hay dài  
người trở lại bờ sông  
thanh thân ngồi nghe mình nói  
với mình  
hồn nhiên*

### **Vạn dặm**

*vạn dặm  
là xa lắm  
mỗi bước chân tất tả đi tìm  
vượt được ba tấc không gian trông ngóng  
năm chục triệu bước chân mới đi qua vạn dặm  
trăm năm mới đi hết  
khoảng cách này  
xa lắm  
là bề rộng đại dương  
chiều dài đại lục  
khi người ngoảnh đi là đã  
vạn dặm xa nhau.  
khi người tìm nhau*

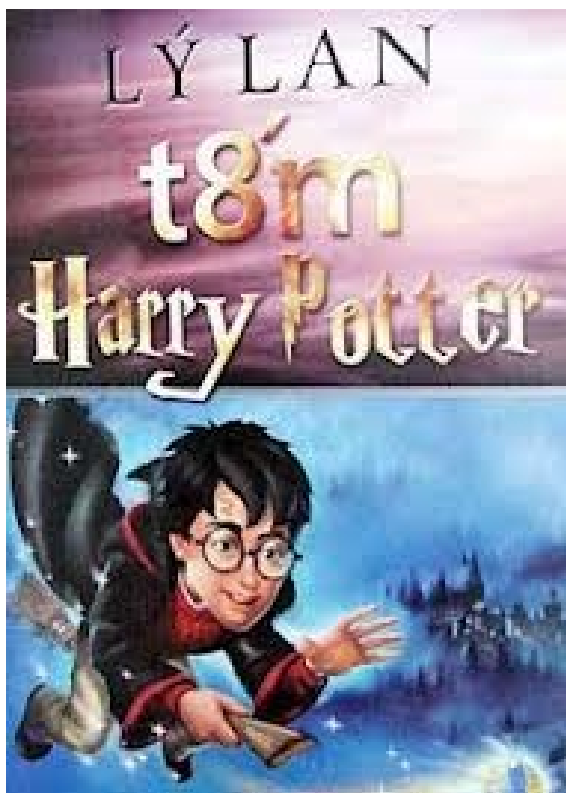
### **Cuộc chiêm bao**

*Chộn rộn thâu đêm những chiêm bao loạn xạ - người xô  
người dồn cục trên xe buýt thẳng gấp - tiếng chửi thề noi  
noi đ. m mày chửi ai đ. m tao chửi mày - em ngồi lên tôi  
ngồi lên vượt mặt nhìn nhau - trong khói bụi con đường cụt  
hẹp chống hông lở loét - tôi lách lên lễ anh chen lên lễ via  
hè tróc - kệ - dòng chảy ào ào chúng nó lao chúng ta lao -  
tại sao phải hỏi tại sao sống là sống - chiêm bao là chiêm*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*bao kể cả ác mộng - vẩn vện ảo ảnh cách cụp tiếng kéo cắt  
- thằng cha thợ cắt mạng cần mẫn thiệt - tia chớp này xén  
chỗ kia liền tay - người ta cứ mọc ra lia lịa lia chia lù xì -  
rất có thể thằng chả để sót không ít kẻ tới số - sống nhớn  
nhờ lẽ ra phải chết rồi - bởi vậy có thằng xung phong phụ  
việc không kinh qua đào tạo - xách kéo xông ra đường ì xèo  
cách cụp - hai lưỡi kéo cặp cổ tôi tưởng tiêu rồi nhưng  
thằng nhóc quát ra khỏi đây ngay mục chiêm bao - tôi xuống  
trạm nhảy lên một chuyến chiêm bao khác. Đêm thì dài  
đường thì tối - trạm chờ xe đâu phải là chỗ để thức - với lại  
khỏi bụi và hỗn loạn quá không an ninh - một chiếc vé ba  
ngàn nữa - tôi đi tiếp cuộc chiêm bao.*



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong chương trình phát thanh, với đề tài: *Nhà văn nữ Lý Lan, một cây viết có sức sáng tác đa dạng*, phóng viên Mặc Lâm của đài RFA đã giới thiệu:

*“... xin tiếp tục giới thiệu nhà văn nữ Lý Lan, một cây viết có sức sáng tác đa dạng và đang được độc giả trong nước ái mộ qua hơn hai mươi tác phẩm. Từ truyện ngắn đến tiểu thuyết, từ những ghi chép rất duyên dáng đến những câu thơ xúc tích và mang nhiều hình ảnh đậm nét văn học miền nam.”*

Tài liệu tham khảo:

- Lý Lan Web: [sites.google.com/site/lylanmutman/home](http://sites.google.com/site/lylanmutman/home)
- *Phê bình văn học nữ quyền* Web: [vanhocviet.org](http://vanhocviet.org)



## 22. Trà Vigia



### Trà Vigia - Yamy (1957-20 )

Trà Vigia dân tộc Chăm, sinh năm 1957, tại Ninh Thuận.

Năm 1972, lên 15 tuổi khi còn đi học Trà Vigia đã có thơ đăng trên nội san *Panrang* của trường Trung học Po Klong.

Năm 2000, vào mùa lễ hội Katé hay Mbang Katé là lễ cúng tế các thần linh, tổ tiên, ông bà trong gia đình, Trà Vigia cùng với Inrasara, Trâm Ngọc Lan và Nguyễn Văn Tý phát hành tạp chí sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa Chăm là Tagalau, Tagalau tiếng Chăm có nghĩa là cây Bằng lăng trổ hoa tím, mỗi năm phát hành một số.

Hiện nay Trà Vigia sống ở thôn Hữu Đức xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Tác phẩm:

- *Chăm H'ri* (tập truyện, Văn Hóa Dân Tộc, 2008)

Trích văn:

### Chăm H'ri

Hôm nay anh Duy vô Kut – Theo phong tục Chăm, người con trai khi lập gia đình phải theo ở bên nhà vợ, xây dựng cuộc sống ở đó cho đến hết cuộc đời. Khi chết đi, thi hài được hoá thiêu cho linh hồn siêu thoát về với tổ tiên. Một đời người chỉ còn chín miếng xương trán được cho vào *Klong* chờ ngày vô *Kut*, nhà mồ tập thể của giòng tộc theo họ mẹ.

Anh Duy ở gần nhà tôi, vợ anh là chị họ bà con xa. Chị có tính tình nhân hậu, hiền thực nên tôi rất quý mến và thường xuyên qua chơi. Ngày chị lấy chồng, tôi là người hăng hái nhất trong việc dọn nhà, trang hoàng phòng cưới... và ước mong sao chị được hạnh phúc suốt đời. Ngày ấy, anh Duy thất nghiệp, nhà chỉ tròm trèm một sào ruộng khoán, việc đồng áng chỉ bận rộn trong vài ngày cày gieo gặt hái – Chị vợ thì chăm sóc một con heo nái với mấy con gà, thu nhập chẳng bao nhiêu. Trời lại nắng hạn liên miên, nhà có một mẫu đất rẫy cũng đành bỏ hoang. Nhiều người thử vận đã trắng tay nhiều vụ. Thời buổi khó khăn không thể làm liều, nợ nần chồng chất, gùi ai nấy mang, không ai chia sẻ gánh vác với mình được – Chị vợ thường nói với chồng mình như vậy. Bản thân anh cũng không phải là con nhà nông thuần túy, tuy có dáng người cao to nhưng phong thái lại mảnh khảnh thư sinh. Trước giải phóng, anh đang học năm thứ ba sư phạm, trước đó nữa là sinh viên trường Y, sau khi học lỡ dở một năm luật. Có lẽ anh sẽ trở thành thầy giáo nếu không có bước ngoặt lịch sử 1975. Anh chỉ mới đi tìm một con đường thích hợp cho cuộc đời mình, dù phải thử nghiệm nhiều bước thăng trầm trắc trở.

Dường như số phận không chịu mỉm cười với anh – Máy chuyên đi rừng vừa rồi đều bị kiểm lâm hốt, chiếc xe và đôi bò là phương tiện duy nhất làm ăn, vốn liếng từ thừa hồi môn cha

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

mẹ đôi bên sắm sửa, phải bán đi nộp phạt trả nợ. Thế là anh phải giải nghệ thợ rừng, ở nhà đuổi gà cho vợ. Từ đó, tôi có dịp qua lại gần gũi anh luôn. Anh hướng dẫn tôi đi bẫy giông, đánh cạm chuột, lúc lại câu cá hái măng... những thú vui bình dị, nhưng nhờ anh tôi mới cảm thụ được nỗi niềm quê hương.

Anh thường kể cho tôi nghe quãng đời sinh viên đã qua với bao ước mơ thời trai trẻ, nỗi nhọc nhằn trong sinh kế chứa đầy toan tính đời thường cùng những dự phòng trong tương lai – Có lúc anh rất sôi nổi hoạt bát, nhiều khi lại trầm tư khác thường. Có lẽ điều gì đó đang đè nặng trong anh hay chỉ là nỗi buồn vu vơ của kẻ bất đắc chí – Anh có ngón đàn điêu luyện với giọng hát truyền cảm sâu lắng, nhưng hiếm khi thấy anh phô diễn tài nghệ của mình – Bạn bè anh nhiều người là bác sĩ, kỹ sư... có người làm giám đốc cơ quan này, công ty nọ nhưng quan hệ giữa anh và họ có vẻ ngày càng nhạt dần – Anh như tự cách ly mình với mọi người chung quanh, với môi trường xã hội – Cuộc sống như chìm dần vào lãng quên và dẫn anh đi vào một thế giới khác, càng lúc càng xa thêm.

Cách anh một năm, rồi hai ba năm, thời gian tôi học ở thành phố – Mỗi lần gặp lại, trông anh ngày mỗi khác trước nhiều. Người anh vốn gầy càng gầy hơn, nước da vàng vọt, đôi mắt hộc hác mất ngủ – Vừa qua, anh bị một trận sốt rét suýt chết, nằm liệt giường hơn một tháng. Tỉnh thoảng lại lên cơn rét run cầm cập, ăn nói lảm nhảm không bình thường, có lúc lại lảm lỳ trông thật dữ tợn. Tuy thế, anh chưa bao giờ quát mắng hay đánh đập ai. Vợ anh kể lại với giọng buồn trong khoé mắt rung rung ái ngại.

– Sao anh không đi bệnh viện chữa trị cho dứt hẳn? Tôi dè dặt hỏi.

– Có đấy chứ! Mọi thứ đều được bạn bè anh lo liệu chu đáo, nào là thuốc men, thức ăn bồi bổ, sách báo đọc giải trí... Nói

## HUỶNH ÁI TÔNG

thật với em, lúc này gia đình túng bấn quá, chị lại mới sinh con nhỏ này, không làm gì ra tiền mà phải chi phí đủ thứ. Cứ ngửa tay xin xỏ, vay mượn hoài cũng ngượng. Đồ đạc trong nhà có gì bán được đã bán hết, lừa heo nái vừa rồi phải bán cả con lẫn mẹ vẫn thiếu đầu hụt đuôi.

Tính anh Duy lại không thích nhờ vả, có ai thương tình giúp đỡ chị lại phải giấu không cho ảnh biết, ảnh lại buồn – May sao dạo sau này sức khoẻ anh cũng hồi phục phần nào – Chị lo lắng, có ông bác sĩ bảo anh bị di chứng não có thể bị tâm thần, khổ quá! Vợ anh bật khóc nức nở. Tôi bần thần cả người và tìm mọi cách an ủi chị.

– Con người ta lúc ngặt nghèo hoạn nạn phải có sự san sẻ của anh em bè bạn, hàng xóm – Tôi khế khàng động viên – Anh chị phải cố mà khắc phục để còn lo cho tương lai của cháu – Tôi chỉ vào con bé chị đang bế.

Gần vào năm học mới, tôi định xin cha mẹ mua máy tính để thực tập. Thấy hoàn cảnh chị thương tâm bi đát quá, tôi đã năn nỉ chị cầm tạm khoản tiền mua máy để trang trải việc nhà, thuyết phục mãi chị mới nhận. Tôi trấn an thêm:

– Chị cứ yên tâm. Phần em xoay sở được mà, khi nào anh chị làm ăn khá thì trả lại em cả vốn lẫn lời – Tôi cười giả lả.

Rồi tôi cũng tốt nghiệp ra trường và đi làm kiếm sống, lấy vợ sinh con – Đời tôi trôi đi êm ả, không gì biến động ngoài việc cơm áo thường ngày. Thi thoảng mới có dịp ghé thăm cha mẹ, anh em làng xóm. Nhà anh Duy là địa điểm thứ hai tôi phải ghé thăm, lúc này anh đang phát hoang được mấy mẫu đất trên núi, cũng gọi là trồng rừng theo chương trình 327. Miếng rẫy nhà đã bán hồi con anh bị bệnh, vì suy dinh dưỡng nên con anh

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

cũng vài lần nằm viện anh phải lên núi phát rẫy cao hơn. Người nhàn cư rồi việc ngồi soi móc, bêu riếu – Người ta xầm xì bàn tán: Anh Duy bây giờ sống như một người rừng, có kẻ độc mồm độc miệng lại nói anh đã hoá thành Sấm hri. Ngay cả người thân quen cũng không dám gặp mặt, trò chuyện. Tôi cũng muốn biết rõ thật hư nên có hỏi chị Duy căn cơ thế nào mà thiên hạ đồn đại như thế. Nhưng chị lắc đầu.

– Có lẽ cũng tại anh sống lập dị, không giao tiếp đái bôi với người nên họ đặt điều nói xấu. Có khi nghèo túng quá cũng là cái tội để mọi người khinh rẻ. Thời gian qua, anh mãi ở trên núi làm rẫy, không tham gia vào việc họ hàng giỗ tang, cưới xin, anh cũng không có mặt, mấy ông bà già chửi quá trời. Hồi trước anh là trụ cột chính mà nay lại bật tăm thì ai mà chịu được. Anh chỉ về khi thu hoạch xong lúa rẫy, bắp đậu... chờ về cho vợ con, ở lại mua mấy thứ cần thiết rồi lại lên núi. Nói chứ, một mình cấy cuốc mấy mẫu đất, canh chừng chim muông heo rừng phá phách, còn thời gian nào mà rảnh rỗi – Em xem! Chị cũng muốn lên trên phụ giúp nhưng anh một mực không cho, sợ mẹ con chị bị nhiễm lam sơn chương khí sốt rét... Không khéo lại chết chùm!

Một mình anh đủ rồi! Anh nói: Phấn đấu 10 năm sau có vốn mới trở về phục hồi lại nhà cửa, cơ ngơi.

Giác mơ của anh thật giản đơn, anh muốn vươn lên bằng chính bàn tay lao động và ý chí quyết tâm của mình và tôi nghĩ: với đầu óc khoa học, với tài tháo vát anh chắc chắn sẽ thành công.

Trong một kỳ nghỉ phép, tôi nhất quyết lên rẫy anh chơi. Lâu quá không gặp anh cũng thấy nhớ. Với tôi, anh là một người anh mẫu mực tài hoa trong lối sống cũng như tác phong làm người. Mặc dù bị ám ảnh ít nhiều bởi dư luận sấm soi nhưng tôi luôn tin anh là một người tốt ngay cả anh có là gì đi nữa. Đường lên rẫy khá xa lại gặp ghềnh khó đi, nhưng hỏi thăm lần

## HUYỀN ÁI TÔNG

hồi cũng đến chốn. Cảnh núi rừng mênh mang hoang dã như đẩy tâm hồn tôi lên cao, không như không khí thị thành ô nhiễm bụi bặm. Tiếng chim kêu hoà lẫn tiếng suối róc rách tạo thành khúc giao hưởng thiên nhiên thánh thiện. Anh Duy vẫn cao gầy như ngày nào, chỉ nét mặt thêm già nua khắc khổ, râu ria xồm xoàm, làn da đen khô đét nhưng nổi gân guốc trông thật rắn rỏi. Vẫn điềm đạm như thường khi, anh hỏi thăm tôi gia đình, tình hình công tác, diễn biến xã hội có gì mới lạ – Anh dẫn tôi đi tham quan rừng bạch đàn đã hơn 3 năm tuổi, trên 100 cây xoài sắp ra hoa vụ đầu và những thành quả khác sẽ cho hoa lợi. Anh hạch toán, quy hoạch từng phần và dự định nuôi thêm đàn dê vào năm sau. Trang trại này sẽ được cơ khí hoá, hiện đại hoá dần lên rồi sẽ trở thành thị trấn vùng cao. Anh vừa nói vừa cười thật tươi vui đậm ấm. Tối hôm đó chúng tôi ngồi bên bếp lửa vừa uống rượu vừa ôn lại chuyện cũ – Tất cả chuyện khổ đau đã lùi vào quá khứ và trước mắt là cả một tương lai huy hoàng hứa hẹn. Trong cơn men cao hứng tôi có hỏi anh về chuyện Săm hri, anh như chợt giật mình và trở nên xa vắng – Anh ngồi im lặng một lúc lâu, đôi mắt dường như có lửa, không phải ngọn lửa phản chiếu từ bếp hồng – Tôi chắc thế! Bỗng anh gật gù từ tốn. Có lẽ đó là một câu chuyện hoang đường, nhưng cũng có thể đó là một sự thật hiển nhiên. Anh nhăn trán như để hồi tưởng lại và kể tiếp: Thời kỳ anh còn đi rừng đốn cây, trong nhóm có nhiều người già đã sống về nghề rừng lâu năm. Họ nói về Săm hri như một nhân vật nửa người nửa thú, khi tỉnh khi mê, khi ẩn khi hiện như hồn ma phách quỷ – Lúc thì mang hình người bình thường, khi thì hoá thành hổ để ăn thịt cả đồng loại. Họ giả định rằng đó một giống tộc người Raglai bị nguyên rùa, bị xua đuổi ra khỏi cộng đồng xã hội và bị đọa đày trong một thời gian mang kiếp Săm hri. Hết thời hạn, họ lại trở lại sinh hoạt như những người con bình thường. Rồi họ kể lại những hiệng tượng lạ như đang đốn cây ngồi nghỉ thì bị lấy mất cái rìu, cái rựa... khi thì nòi niêu thức ăn, chén đĩa bị đập nát hết. Có lẽ những vùng có Săm hri, họ không muốn ai bén mảng đến, hay có ý định đột nhập khu cấm



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

địa của họ, các người già lại dặn dò: đừng thấy chuỗi mít chín thơm ngon mà hái ăn. Đó là của chúng nó trồng, ăn vào thì biến thành Săm hri, ai nghe cũng e sợ! Anh Duy là người có học nào tin những chuyện nhảm nhí, coi đó chỉ là chuyện thêu dệt, trò giải trí những lúc nhàn rỗi, nghỉ ngơi.

Rồi anh kết luận: Săm hri là có thật anh đã gặp và đã từng sống với họ và quan trọng hơn là anh đã nhận diện được họ. Tôi cũng hơi bất ngờ về câu kết của anh. Nhưng anh làm dấu hiệu bảo tôi im rồi kể tiếp: Hồi anh bệnh, có vay mượn bạn bè nhiều quá, khoẻ rồi anh không biết làm cách nào để mưu sinh, nghề gì cũng làm rồi nhưng đều thất bại chua cay. Anh đành phải lên núi chặt cây bán độ nhật – Lần hồi anh có ý định phát rẫy mới trồng rừng có sự giúp vốn của Nhà nước. Vùng này coi như chỗ nào cũng có dấu chân anh. Nơi đâu cũng có người cấm dùi nên anh phải lên cao hơn, xa hơn. Núi này có tên là Bok vì có một bãi sinh, nước đọng quanh năm, đất đai lại tươi tốt, địa thế hiểm trở bởi bao quanh là dốc núi đá thẳng đứng – Xưa kia không ai dám đặt chân đến – Một hôm tình cờ anh lạc vào một xóm nhỏ, lúc đầu cứ tưởng là nhà của người Raglai. Nhưng không, anh thẳng thốt trước một đám nửa người nửa thú như bầy người nguyên thủy. Họ ở trần truồng, chỉ vài người đóng khố bằng da thú, tóc xoã dài gần chấm đất. Thấy anh xuất hiện đột ngột, đàn bà trẻ em khóc thét lên tìm lối chạy trốn, rồi một người đàn ông đột ngột đứng ngang đường anh, sắc mặt dữ tợn, con dao lăm lăm trên tay như găm gờ đe dọa. Chắc ông ta là tù trưởng hay già làng gì đó. Thoạt đầu anh Duy cũng sợ hãi vì quá bất ngờ vì chưa gặp cảnh tượng này bao giờ – Theo quán tính, anh giơ tay lên cao tỏ ý thân thiện và lấp bắp hỏi thăm bằng tiếng Chăm – Lúc này ông ta vẫn còn nghi ngại nhưng ánh mắt đã bớt đi vẻ man rợ và sau đó thì làm cử chỉ mời vào nhà. Hai người nói chuyện một lúc nhưng hình như ông ta nói một thứ tiếng Chăm rất khó nghe, cũng như tiếp thu lời anh Duy nói một cách khó khăn. Sau khi cam kết không thổ lộ với ai nơi anh vô tình khám phá cũng như sự việc vừa xảy ra, anh

## HUYỀN ÁI TÔNG

Duy đã đến nơi đây vài lần nữa – Lần cuối cùng ông già đã kể cho anh câu chuyện như sau:

– Ông ta là cháu 5 đời của Thak Chay, phó tướng của Thak Va trong cuộc khởi nghĩa năm xưa thất bại, đoàn quân bị tiêu diệt gần hết – Phó tướng Thak Chay trốn thoát, thu thập đoàn quân đóng trại tại đây với lời nguyện: “Thà chết chứ không đầu hàng”. Đoàn người lúc đó khoảng hơn 500, nhưng càng về sau, vì bệnh tật, đói rét được truyền từ thể hệ này qua thể hệ khác nên sĩ số ngày càng giảm, nhu cầu sinh hoạt dần cạn kiệt. Đoàn người không còn lối thoát, phải chấp nhận tình cảnh dờ sống dờ chết tại nơi này. Hiện thời còn lại 5 người đàn ông, 5 người đàn bà và 3 trẻ em, và có lẽ một ngày nào đó thì không còn ai nữa. Không còn gì để nói với nhau nữa, ngay cả lời trăng trối! Anh Duy có ý đưa họ trở về hoà nhập với cộng đồng loài người. Anh giải thích những chuyển biến lịch sử, những đổi thay qua thời kỳ, những tiến bộ của khoa học, cùng những thời sự trên thế giới – ông già có vẻ không hiểu và lắc đầu: Đó là lời thề của tổ tiên, không thể làm khác được – ông ta rầu rĩ bảo: “Chăm Hari chứ không phải Săm hri”. Người ta đã gọi trại ra thế vì một lý do nào đó – Chăm là người Chăm, hri là khóc kể – Vào những đêm hoang vắng, theo tiếng gọi của rừng thẳm đàn nhạc rừng xanh tấu khúc bi hùng: tiếng tru của sói, tiếng gầm của hổ, tiếng rống của voi, tiếng rít của rắn hoà trong tiếng rả rích của côn trùng – Trong tiếng lá cây xào xạc, vọng lên tiếng hú từ cõi hư vô, khàn khàn giọng trầm rồi bỗng lên cao vút. Đó là tiếng than khóc của Chăm Hari – Họ hri vì nỗi cô đơn lạc loài đồng loại. Tiếng hri kêu cứu vì sợ hãi đói khát, hri vì nỗi khát vọng và tuyệt vọng... hri vì kiếp hoá thân từ người sang thú và hri vì con thú bị thương muốn biến thành người. Tiếng hri đau đớn đọa đày như tín hiệu cuối cùng vĩnh biệt.

Từ đó về sau anh Duy không còn gặp lại họ. Lẽ nào Chăm Hari đã bỏ miền đất này ra đi vĩnh viễn và không biết đã về đâu? Anh Duy đã nhiều lần cố công tìm dấu vết nhưng hoàn toàn vô

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

vọng. Họ như đã biến mất khỏi hành tinh này. Nói khoa học: Thêm một loài động vật quý hiếm đã tuyệt chủng!

Anh Duy chỉ tay xuống đất nói:

– Nơi anh em mình đang ngồi đây, chính là nơi anh đầu tiên nói chuyện với ông già Chăm Hari – Anh đã và đang chờ họ ở đây, chọn trạm dừng chân nơi này và xây dựng cơ ngơi như em thấy! Anh mệt mỏi kết thúc câu chuyện. Tôi có cảm giác rờn rợn như khi được nghe những chuyện ma quái nhưng không sao ly kỳ bí hiểm như anh Duy mới kể. Khó tin nhưng không thể không tin nếu chúng ta là người trong cuộc. Hèn chi người ta bảo anh Duy là Săm hri mà có lẽ anh là Chăm Hari thật!

Bẵng đi một thời gian, tôi nghe tin anh Duy chết – lúc đó tôi đi công tác xa nên không về kịp – Chỉ nghe người ta nói rằng anh bị tâm thần, người già cả thì bảo anh bị ma nhập quỷ ám, suốt ngày cứ đi lang thang, đầu tóc rối bù, áo quần tả tơi... lẽ nào anh lại không chết vì bệnh tật mà lại chết vì ma quỷ vô hình – Tôi băn khoăn tự hỏi. Một người thợ rừng đã tìm thấy xác anh ở chót vót núi cao, cách rầy anh hơn một ngày đường – Thi hài anh vẫn còn nguyên vẹn nhưng đã thối. Một số người làm rầy đã quả quyết rằng: Đúng vào ngày anh chết có nhiều tiếng hú vọng về, một đàn chim đồng nghịt bay lượn lòng vòng, đồng cất tiếng kêu quang quác vang động cả núi rừng – Họ thấy hiện tượng lạ nên tìm đến mới thấy xác anh ở đó. Người ta lại nói nhỏ với nhau, lúc đó tay anh nắm chặt một cái bình nhỏ bằng vàng. Có người đoán anh đi tìm kho tàng nào đó của Vua Chăm, tìm thấy và bị trừng phạt – cái bình nhỏ đó là đồ thờ cúng nên rất linh thiêng! Có người thì bảo trong quá trình cày xới đất rầy anh nhặt được và mang theo người đựng nước uống – Nhưng chẳng ai thấy chiếc bình cả vì ai đó đã lấy mất! Chỉ là lời đồn đại tưởng tượng nhưng tôi biết rằng anh đang trên đường tìm Chăm Hari – Có thể anh lại gặp họ và lại bị khước từ, và có khi là không bao giờ có mục đích, điểm hẹn nào. Anh

## HUỲNH ÁI TÔNG

đã cảm thông sự lạc loài của họ, mong họ sống sót trở về như tôi đã cảm thông sự lạc lõng của anh, mong anh vững sống. Tôi hiểu những giây phút anh lảo đảo tự thoại hoặc thờ thần đôi mắt vô hồn nhìn xa xa. Mọi người bảo anh điên, bạn bè nói anh mặc cảm, bác sĩ khám anh tâm thần, người trên phán anh ma nhập. Tất cả đều đúng và sai. Trong cơn nóng lạnh của anh nơi thể xác dường như có cả cơn sốt trong tâm hồn, không toa thuốc nào nơi trần tục này chữa dứt – Anh đang mơ giấc mộng thực hay đuổi theo ảo ảnh hư? Điều đó không cần thiết, điều tôi viết ở đây chỉ để chứng thực viễn cảnh đời người. Bây giờ thì không còn gì để nói – Mấy chục năm đã trôi qua và Chăm Hari trở thành huyền thoại.

Ngày mai anh vô kút – Anh sẽ về với cõi vĩnh hằng bỏ lại sau lưng lời đàm tiếu khen chê, không còn bon chen thù hận – Nơi ấy, mọi linh hồn sẽ gặp lại nhau dù kiếp này có là con người, con thú... và có lẽ cả loài Chăm Hari nữa!!!

Trích thơ:

### Miên du

*Mùa xuân bao lần phai phôi  
nào hay biết  
Đời người bao lần bai bôi  
hoài lỡ bước  
Que củi cháy để lại than hồng  
Que diêm cháy bay vào hư không*

*Em không mãi là thiếu nữ  
Làm duyên ngàn năm trên khung lụa  
Tôi không mãi làm câu chữ  
Hòn ghen phù du trang giấy cũ*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Chỉ vài sợi khói mong manh  
Không đủ dò đường lên thượng giới  
Gạt đống tro tàn thâu canh  
Làm sao thấp nắng tươi ngày mới?!*

*Em bao lần đi qua  
tôi chẳng thấy  
Tôi bao lần đi xa  
chẳng thấy tôi.*

### **Khoảng cách**

*Ánh sáng đọa tôi vào em  
Gõ trái tim không chung nhịp đập  
Bóng tối khỏa em vào tôi  
Chớp tia nhìn không cùng ánh mắt  
Vì sao cô đơn trăm mình lịm tắt  
Lóe sáng một lần sao rụng lìa đời  
Em không hiểu là tôi rã rời tuổi trẻ  
Tôi đâu hiểu rằng em đong đời cận kề  
Một chút bình yên góp nhặt  
Vỡ òa chan cơm áo trần gian  
Có lẽ nào em và tôi lạc mãi cung đàn  
Song hành hai đầu nam châm đẩy nhau vào hai cực  
Bao hạt muối kết tinh từ nắng mặt trời gay gắt  
Chợt cơn mưa đổ ập nhòa tan  
Lại tái sinh phối ngẫu nồng nàn  
Phơi phóng tâm tư trải lòng trinh bạch  
Quỹ đạo tìm gần bao linh hồn hóa thạch  
Chuyến dịch một đời vẫn là khoảng cách miên du.*

**Tri bi**  
tặng Inrasara

HUYỀN ÁI TÔNG

Có những lúc cười một mình  
Không buồn nổi  
    buồn nhiều rồi  
Trời hạn

Có thằng bạn  
Không biết uống rượu cứ uống  
Không biết hút thuốc cứ hút  
Không biết đánh bài cứ đánh  
Sòng bạc cuộc đời  
    không phải được mất  
Nhưng cần có mặt  
    để chơi.

Có thằng tôi  
Không muốn làm thơ vẫn làm  
Không muốn kể chuyện vẫn kể  
Không muốn hát hò vẫn hát  
Ai biết được  
    biết gì  
    để làm gì.

Ngọt như mật  
Đắng cũng như mật  
Mật ngọt chết ruồi  
Bạn và tôi chia nhau chén đắng.

Không có gì vui hơn buồn  
Không buồn nổi  
    nên cười một mình  
Trời hạn  
Có thằng bạn  
Có thằng tôi

**Tìm đến cổng trời**  
tặng Minh Sơn – Quốc Hiệp

*Chúng ta đến từ phương xa  
Mang theo mỗi người một quê hương  
Tụ về làm đầy Đại Lải...*

*Mặt hồ gợn sóng lăn tăn  
Lòng người xa quê se lạnh!  
Chúng mình làm quen bên chén rượu  
Sưởi ấm tình nhau qua hơi men  
Ly này trong vắt nước mắt đàn ông  
Ly nữa trong veo mồ hôi phụ nữ  
Hương mắt cay hăng hắc vị đời  
Nâng cao chén mời nhau nhập cuộc  
Cứ thế bọn mình thu hoạch...  
Nhiều nhận gì đâu mà bội thu thất bát!*

*Có ngụy lặn trong lòng hồ sâu  
Mới biết nơi đâu là hổ thẳm  
Thôi sang năm tìm đến cổng trời  
Nơi ấy loài người đắp lên núi cao  
Để chúng mình nắm chặt tay nhau  
Núu mây trèo lên ngói uống rượu  
Nào biết đâu là hồ sâu chóp núi  
Chúng ta đến từ phương xa  
Ngày mai rồi về nẻo khuất...  
Gùi theo vui buồn đượ mắt!*

*Hẹn sang năm tìm đến cổng trời  
Chúng mình sẽ bay lên bốc hơi  
Tiếc làm chi vỏ chai...chai vỏ!*

(Đại Lải 21-12-2005)

HUỲNH ÁI TÔNG



Trong bài: *Văn xuôi dân tộc thiểu số, khác biệt từ vùng miền*, nhà văn Inrasara đã có nhận định về Trà Vigia:

*“Nhịp và thể thơ anh liên tục thay đổi, như đang cố vượt con người thi sĩ còn mơ hồ mình để tìm đến một chất giọng riêng.*

*Nhưng có lẽ nổi trội ở Trà chính là truyện ngắn, bút kí văn học. Có được bút pháp riêng ngay từ dăm truyện đầu tiên, là điều ít nhà văn đạt được. Sáng tạo nghệ thuật yêu cầu sức tưởng tượng vượt trung bình. Mặt này, Trà có thừa. Giác mơ tưởng tượng của Diễm trong “Dạ hội thần tiên” lạc vào một lễ hội, là chuyện ai cũng có thể nghĩ ra; nhưng điều đáng nói là các chi tiết anh dàn dựng, chúng nằm nơi lằn ranh giữa thực và mộng, lồng ghép, quấn quýt đến không biết đâu mà lẫn. Thế mà nó cứ thực, thực còn hơn cái hiện tiền xảy ra hàng ngày quanh ta.”*

Tài liệu tham khảo:

- Trà Vigia Web: [inrasara.com](http://inrasara.com)
- Chăm H'ri Web: [tagalau.com](http://tagalau.com)



### 23. Đoàn Ngọc Minh



#### Đoàn Ngọc Minh (1958-20 )

Nhà văn Đoàn Ngọc Minh dân tộc Tày, sinh năm 1958, tại Phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng.

Đoàn Ngọc Minh có khiếu văn chương, nên những năm học cấp 1, 2 và 3 Đoàn Ngọc Minh đều được điểm khá về môn Văn.

Sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, Đoàn Ngọc Minh theo học ngành ngân hàng, khi ra trường trở về công tác tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

Trong thời gian làm ở ngân hàng, Đoàn Ngọc Minh bắt đầu sáng tác, truyện ngắn đầu tiên gửi đi được đăng báo là truyện viết cho thiếu nhi *Chiếc đèn ông sao*.

Sau hơn 20 năm công tác trong ngành ngân hàng,ngồi trên đồng tiền nhưng Đoàn Ngọc Minh không ham đếm tiền vì tiền của người khác, lại do mang nghiệp văn nên ngoài 40 tuổi,

## HUỶNH ÁI TÔNG

quyết định rời bỏ ngân hàng chuyển công tác sang Tạp chí *Non nước Cao Bằng*.

Ở Tạp chí *Non nước Cao Bằng*, Đoàn Ngọc Minh giữ chức Chánh Văn phòng, ngoài việc tham gia quản lý, Đoàn Ngọc Minh còn trực tiếp làm công việc biên tập, phóng viên.

Viết văn Đoàn Ngọc Minh dùng bút danh Minh Ngọc, Hoa Lê. Đã in 7 tập truyện ngắn và 5 tập thơ, giành một số giải thưởng của báo, tạp chí, Hội Liên hiệp VHNT Việt Nam...

Hiện Đoàn Ngọc Minh sống và làm việc tại Cao Bằng. Là Chi hội trưởng Chi hội Văn học Nghệ thuật các DTTS Việt Nam tại Cao Bằng.

Tác phẩm:

- *Dòng sông kỷ niệm* (truyện Thiếu nhi)
- *Cánh chim* (truyện Thiếu nhi)
- *Núi Bó Phạ trở về* (truyện Thiếu nhi)
- *Phía sau đỉnh Khau Khoang* (truyện Thiếu nhi)
- *Gió xoáy* (tập truyện)
- *Nắng muộn* (tập truyện)
- *Nắng cuối đông* (tập truyện, Quân Đội Nhân Dân, 2012)
- *Gió hoàng hôn* (thơ song ngữ Tày-Việt, VHDT, 2011)

Trích văn:

### **Nắng cuối đông**

Bản Lũng Loàng nằm rải rác dưới chân núi Phia Phạ. Mặt trời vẫn còn cách ngọn Phia Phạ chừng mấy con dao quăng, nhưng cái nắng vàng nhạt đã sớm bay khỏi chân núi, để lại làn sương trắng bâng lảng bao quanh những nóc nhà sàn thấp thoáng nấp dưới rặng cây sau sau, cây cánh lò, cây mạy có um tùm; lũ trẻ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

con đuổi nhau kêu chí chóe, bầy lợn con éc éc tìm mẹ, thi thoảng có chú gà trống gáy o...o lạc lõng.

Một người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, mặc chiếc áo bà ba vải xanh sẫm, chiếc quần xa tanh đen giản dị dong dỏng cao, nước da trắng, cặp mắt buồn buồn luôn tạo cảm giác cho bất kể ai gặp chị: Rằng chị đang dăm chiêu nghĩ ngợi điều gì đó; mái tóc đen dày được chị búi gọn gàng thành một búi to sau gáy, vài sợi tóc mai quần tự nhiên loà xoà bết trên vầng trán thanh tú. Điểm xấu nhất trên khuôn mặt chị có lẽ là cái miệng hơi rộng, tuy vậy bờ môi như vẽ, nụ cười của chị đã khiến người mới gặp cũng phải xiêu lòng, bởi lúm đồng tiền bên khoe miệng đã làm nên cái duyên thầm của chị. Người đàn bà ấy là A Mi. Chị khoác túi xách măng sọt bằng vải chàm lệch một bên vai đang hồi hả xuống núi về hướng bản Lũng Loàng. Chị thấy vui vui bởi thứ âm thanh quen thuộc sau nửa tháng về huyện học lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng. Mới đi xa ít ngày mà xốn xang lạ, tim chị đập rộn ràng, hướng hồ bộn bề đi học cả năm mới về nghỉ, trách gì chúng nó chê: *bản mình vừa xa vừa nghèo*. Mãi nghĩ, bước chân xuống dốc cứ băng băng, lối mòn vừa hẹp vừa quanh co, rậm rạp, đá gan gà nằm trên lối đi lờ mờ, bị những bước chân qua lại, và cả mưa nắng bóc lên thành từng viên to bằng đầu ngón tay cứ lạo xạo theo nhịp bước, sương chiều xuống sớm quết ướt cả vạt áo chị:

- Cô A Mi về rồi...chúng mày ơi! – Thăng Cang chừng mười hai mùa quả là con thứ hai của Sài Ven anh trai chị vậy bọn trẻ rồi rít.

- Cô A Mi có mua được kẹo không? – Con bé Ban em thăng Cang kém em nó có đến bảy mùa quả, mặt lem nhem chỗ đen chỗ trắng ngược cặp mắt tròn như mắt bò câu lên hỏi chị.

- Thế mấy đứa có nhớ cô A Mi không đã?

## HUYỀN ÁI TÔNG

- Nhớ...nhớ...cháu cũng nhớ, có đến gần chực đưa trẻ đủ lứa tuổi nhao nhao.

A Mi ngồi xuống bên máng nước đầu bản - mặc dù còn một quãng nữa mới đến nhà chị. A Mi mở dây buộc túi, lấy ra mấy gói kẹo, bánh bích quy phân phát cho lũ trẻ: *Chúng cháu xin cô A Mi*. Bọn trẻ được quà lao xao, đưa nhãn nhở cười; đứa mãi bóc kẹo quên mất cô A Mi đã về từ lúc nào.

Mở cửa bước vào nhà, cảm giác lạnh lẽo, trống trải ập đến, se thắt tâm hồn A Mi, vẫn cái bếp lửa giữa nhà ngụi ngất, những tấm chăn thổ cẩm bạc màu hoa văn nằm im lìm vô chủ, duy chỉ tiếng gà mẹ cục cục dẫn đàn con đang kiếm ăn dưới gầm sàn nhà báo hiệu vẫn còn sự sống! A Mi bước ra sàn trước cửa ngó xuống, ui chao: Hôm chị đi đàn gà vẫn đang ấp, chị đếm vội: Có mười một chú gà con đen tuyền. Vậy là nở cả, nếu không bị chuột tha đi hai quả trứng có lẽ chúng sẽ nở hết cũng nên:

- A Mi ơi! Nghe lũ trẻ con nói cô đã về à? – Bà A Siu, chị dâu của A Mi lưng gù những gốc cây sắn khô về đun ngược lên sàn gọi.

- Chị dâu đi nương về sớm thế? Em vừa đến nhà chị ạ, may có anh chị giúp em chăm đàn gà, chúng nở cả tốt quá!

- Có gì đâu...thế cô học xong rồi sao? – Bà A Siu miệng nhai trầu bồm bồm hỏi giọng ngân ngát.

- Vâng! Em học xong rồi! Nhớ bản nhớ nhà quá!

A Mi vui vẻ.

- Hây dà! Cô này, chả khác gì trẻ con...mới đi vài bữa đã nhớ nhà! Thôi tôi về còn ra bờ suối đổi cối gạo. Tối sang chơi.

- Vâng. Em sẽ sang anh chị sau.

Pa mẹ A Mi sinh được bốn người con, nhưng chỉ nuôi được hai: Anh Sài Ven và A Mi. Ông bà rất thương con, mà gia đình nhà Sài Khang nghèo lại có những bốn anh em trai, gia đình ông bà thông gia mới chuyển từ Bắc Mê đến từ sau năm bảy chín, nên ruộng nương hầu như không có. Pa mẹ A Mi dắt nhau sang bản Lũng Co xin ông bà thông gia cho Sài Khang sang bên này ở, ông bà sẽ chia ruộng nương cho. Vợ chồng A Mi được anh trai và pa mẹ dựng giúp căn nhà sàn này, vào nhà mới được ba mùa lúa thì pa mẹ A Mi rủ nhau về núi. Tình cảm anh em Sài Ven – A Mi luôn gắn bó, chưa bao giờ họ to tiếng với nhau.

A Mi bắt tay vào dọn dẹp nhà cửa, mặc dù là nhà sàn, nhưng do khí hậu ẩm ướt của vùng núi, nhất là đang mùa lạnh nên mọi thứ trở nên ẩm ướt, mốc thối, tiếng mọt đục cánh cửa kèn kẹt đơn điệu. A Mi nhìn quanh: Căn nhà sàn bấy lâu thân thiết, ấm áp là vậy, chỉ bằng đi có hơn chục ngày mà trở nên xa vắng, vô tri! Chỉ có con người mới có hơi thở của sự sống, đến hòn đá kê dưới chân cầu thang cũng quan trọng và cần thiết biết bao; A Mi thở dài: Thảm thoát Sài Khang - chồng chị, bố con Oi Lìn và thằng Si Minh đã bỏ mẹ con chị đi được năm mùa lá chín sau một trận đau đầu dữ dội, đàn ông trong bản thay nhau khiêng anh xuống bệnh viện huyện, nhưng đến nửa đường thì Sài Khang gãy mạnh một cái rồi đột ngột lịm đi ở tuổi bốn chín. Nỗi buồn dần nguôi ngoai, nhưng nỗi cô quạnh thì không. Thế rồi con bé Oi Lìn về nhà chồng, còn thằng Si Minh đang đi học năm thứ nhất trường Sĩ quan Chính trị tận Bắc Ninh. Súc Vạn, Mú Hải - bố mẹ chồng chị về với tổ tiên từ những năm hai nghìn. Đã bao nhiêu đêm chị vắt tay lên trán ngấm nhìn bóng trăng huyền ảo chui qua khe liếp, những đợt gió núi ào đến lật tung đám lá chuối trong vườn như có bàn tay khổng lồ khua lật phật, những đêm đông giá buốt, chị nằm co như con tôm cố nhắm mắt, nhưng kết cục chị tự lừa dối mình,

## HUỶNH ÁI TÔNG

bởi giấc ngủ ở đâu đó xa lắm. Chẳng biết dây bầy cùng ai, nước mắt chị tuôn xuống ướt cả chiếc gối! Ban đầu là khóc thầm, sau chị nấc thành tiếng cũng chỉ mình chị biết, bởi đêm thì dài, bản thừa thớt, đèn ai nhà nấy sáng. Cuối cùng chỉ có thời gian, hai đứa con và công việc đã cho chị niềm tin để tiếp tục sống.

*'' Mé à, con đi học xa...có khi cả năm mới về một lần, không ai phụ giúp công việc nhà...con thật không yên tâm''. ''Áy dà, được đi học để làm bộ đội lâu dài là tốt rồi, mé còn có sức, có hai bàn tay con lo gì!''*. Năm ngoài con gái lớn của chị: Oi Lìn đi học lớp y tá xã về mới làm việc ở xã được ba tháng, thì nhà cậu Chặng ở bản Lũng Quang (cách bản Lũng Loàng nửa ngày đi bộ) đến xin cưới Oi Lìn, Chặng là y sĩ ở bệnh viện huyện, chúng yêu nhau từ khi Oi Lìn về trường Y tế của tỉnh học, hôm ra cửa con bé khóc như trẻ nhỏ: *'' Mé ơi! Con đi đây! Con thương mé một thân một mình mé à''* . *'' Ủ! Thương mé thì sống tốt với nhà chồng con nhé, đừng để gió độc thổi trở lại, đừng để mật ngọt thành mật đắng là mé vui trong bụng, mé sẽ khoẻ ra nhiều đấy!''*. Hai tháng nữa con Oi Lìn năm cũ rồi! Chị lâm bầm.

A Mi quét dọn nhà cửa xong thì mặt trời đã chìm sau ngọn Phia Phạ từ lâu, chị vội chụm củi nhóm lửa, tiếng củi lép bép nổ cùng với ngọn lửa rực hồng đã làm cho căn nhà sàn ấm cúng trở lại. Chị bắc siêu nước lên bếp, đoạn gỡ chiếc túi pác mạ căng phồng lấy ra mấy bộ quần áo, gương lược và cuối cùng là chục phong bánh khảo mua ở chợ huyện về, chị xếp ngay ngắn vào chiếc đĩa đặt lên ban thờ và thắp hương. Bức ảnh Sài Khang mỉm cười với chị, ánh mắt hiền từ và nước da nâu của Sài Khang gợi lại cho chị kỷ niệm của gần hai mươi năm chung sống, lúc ngọt ngào sóng sánh như trăng, khi ảm ào như con lũ tháng bảy... dù sao cũng đã qua đi một kiếp người! A Mi quệt nước mắt. Nén hương trên ban thờ rực lên tàn hương cong dần như được bàn tay khéo léo uốn thành nhiều vòng

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

tròn. Cơm nước, tắm giặt xong, A Mi lấy đèn pin sang nhà Sài Ven – anh trai chị, A Mi không quên cầm theo mấy gói kẹo và gói thuốc lá làm quà:

- Cô có vẻ gầy và đen hơn khi ở nhà? – Sài Ven ngấm nhìn em gái bằng tình thương của người anh trai.

- Tôi cũng thấy cô A Mi gầy hơn trước, ăn uống không đủ hay thiếu ngủ phải không? – Bà A Siu vừa tằm tràu vừa ngồi xuống bếp cạnh chồng ái ngại.

- Ô không! Ăn uống cũng tốt, theo tiêu chuẩn mà, còn ngủ thì đúng chín rưỡi tối phải tắt đèn y như bộ đội vậy! Nhưng sao em thấy khó ngủ quá, mãi vẫn không quen được.

- Cô A Mi ơi! Cô có thư của anh Si Minh này! - Thăng Pho con trai cả Sài Ven đen nhẻm cao như cây sậy cất giọng ồm ồm đến bên A Mi.

- Thật sao? Đưa cô xin, mà cái thằng Pho dạo này cao hẳn lên nhỉ, giọng lại như ông già nghiện thuốc lá lâu năm ấy? – A Mi cười, đồng tiền bên khoé mép trái lúm sâu, hàm răng trắng đều chẵn chẵn như gái mười tám của chị lộ ra rất đẹp.

- Cháu...cháu năm nay ăn mười lăm cái tết rồi đấy cô tưởng cháu còn bé lắm sao? - Thăng Pho gãi gãi đầu nhìn pa nó.

- Phải...mày là người lớn, quần rách cả đũng cũng mặc kệ! – Bà A Siu lờm con.

- Ha ...ha...anh Pho mặc quần thụng đít... hai đứa em gái của Pho hét lên nhảy sầm sập rung cả sàn nhà!

- Chúng mày láo toét, tao mặc quần thụng đít hỏi nào? - Thăng Pho quát lũ em.

HUỲNH ÁI TÔNG

- Thì mé bảo đây thôi! Lêu...lêu...xấu...xấu! Bọn trẻ quệt tay lên mặt trêu anh chúng.

- Tao thì tao đâm cho bây giờ! – Pho giả bộ đuổi hai đứa em.

Chúng sợ sệt nấp vào cạnh mẹ và pa chúng.

- Thôi nào! Để cô A Mi đọc thư xem anh Si Minh viết những gì! – Sài Ven vừa phả khói thuốc lào hăng hắc vừa nghiêm mặt. Lũ trẻ im thít.

Sài Ven đi bộ đội sang CamPuChia. Năm tám tư mới phục viên về cưới vợ, vì vậy các con của anh còn ít tuổi hơn hai đứa con của em gái là lẽ đương nhiên.

*Bắc Ninh,*

*ngày 26/ 11...*

*Mẹ kính yêu của con.*

*Đầu thư con kính chúc mẹ luôn mạnh khỏe, vui và luôn là "phụ nữ hai giới" mẹ nhé. Còn con, vừa xong khoá huấn luyện, cả lý thuyết và thực hành con đều đạt loại giỏi mẹ ạ. Mẹ mừng cho con nhé. Mẹ ơi, chị Oi Lìn sắp sinh em bé chưa? Chị có khoẻ không ạ? Gia đình bác Sài Ven khoẻ cả chứ ạ? Mẹ cho con gửi lời hỏi thăm sức khoẻ gia đình bác ấy mẹ nhé.*

*Thấm thoắt đã sắp hết năm, một mùa xuân mới lại đến, con đi xa nhà cũng đã được bốn tháng rồi. Ở dưới xuôi cảnh vật, con người đều nhộn nhịp và khác với vùng núi quê mình, trường con trong khu vực Thị xã nên lúc nào cũng ồn ào, đông đúc, nửa đêm tiếng còi tàu hoả hú vang, hồi mới xuống trường nghe chưa quen, con luôn giật mình mẹ ạ. Bây giờ con đã dần thích nghi với môi trường sống, đồng đội, thầy giáo và cuộc sống của người lính đã làm chúng con trưởng thành lên rất nhiều.*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Hôm trước kiểm tra sức khoẻ, con đã ca đến 1m72 rồi đấy! Mẹ đừng lo cho con mẹ nhé. Hai năm nữa ra trường, con sẽ là một sĩ quan chuyên nghiệp, dù ở đâu, đi đâu con cũng luôn nghĩ về mẹ và thương mẹ sống thui thủi một mình (viết đến đây con lại muốn khóc). Mẹ ơi, giả như có người đàn ông nào yêu quý mẹ thì tốt biết bao! (Mẹ đừng giận con mẹ nhé). Tết năm nay nếu nhà trường không phân công trực, con sẽ về với mẹ, con muốn được ăn bánh chưng mẹ gói, ăn bánh khảo do mẹ làm, và... cả công gà nữa! Chắc là mẹ phản con đúng không ạ? (Cái thằng, lớn rồi mà cứ như còn bé lắm ấy), chị cười nước mắt rơm rớm. Mẹ yêu quý của con. Đã đến giờ nghỉ, con dừng bút tại đây, mẹ hãy luôn giữ gìn sức khoẻ mẹ nhé, mẹ khoẻ, chính là động lực giúp con học tập tốt hơn rất nhiều đấy. Con yêu mẹ.*

*Si Minh.*

A Mi là đại biểu Hội đồng Nhân dân xã Y. Chị giữ chức Chủ tịch Phụ nữ xã. Do công việc bận rộn, lo cho con cái đi học, mãi đến đầu tháng mười một vừa rồi, A Mi mới sắp xếp việc nhà việc công để về huyện học lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng. Chương trình học khá nặng, giáo trình không đủ, nên chị ghi chép rất vất vả, phần thầy giáo giảng khá nhanh, phần chị đã có tuổi. Thôi thì làm con mèo ăn gừng vậy! May có Mục Tình người tận mạn Pác Miều ít hơn chị gần chục tuổi nên đã giúp chị ghi chép bài vở nên cũng đỡ: " Bà chị viết như đếm từng nét chữ sao kịp được...thôi cứ nghe được chừng nào hay chừng đó, tối về em chép giúp cho". Chị cười ngượng nghịu gật đầu.

Mục Tình cùng tổ với chị, ngồi cùng bàn với chị. Gã ít nói, người tầm thước, gầy ngẳng, khuôn mặt xương xương chẳng có gì đặc biệt, duy gã có đôi mắt to đen thăm thẳm, cái miệng nhỏ như miệng con gái kéo lại. Mục Tình hay ngồi hút thuốc lá một mình ở góc cây si cuối sân trường, gã thờ ơ nhìn mọi người chơi bóng chuyền, cầu lông, và thi thoảng liếc vào nơi

## HUYỀN ÁI TÔNG

có tiếng bóng bàn lách cách. Mắt gã nhìn về đâu đó, chẳng ai biết gã muốn gì, nghĩ gì nữa. A Mi cũng không mấy quan tâm đến Mục Tình, bởi gã là đàn em, sống thu mình. Ngồi trong lớp ngoại trừ lúc ghi chép, còn thì hai tay gã chống cằm, chiếc áo kẻ karô cộc tay đã cũ buông ngoài quần lưng thụng, Mục Tình ngồi như pho tượng vậy. *'' Cậu này chắc nhớ vợ''*. A Mi nhìn gã chống cằm thoáng nghĩ. Học xong phân lý thuyết, cả lớp ra bãi tập để tập bắn súng, A Mi lúng túng đỏ mặt không biết nên nghiêng người xuống bệ bắn, tay phải cầm khẩu AK thế nào!

*''Chị phải vừa nghiêng người đồng thời đặt súng lên hông phải và đưa lên ngắm...thế...thế mới được''*. Mục Tình (là tổ phó và gã ngắm khá chuẩn, được thầy giáo Sơn khen) hướng dẫn chị và mọi người trong tổ. Đến khi bắn đạn thật, mỗi người được bắn ba viên, A Mi chỉ đạt hai viên vào bia được mười lăm điểm, vừa đạt trung bình, còn Mục Tình, gã bắn rất nhanh cả ba viên đạt hai sáu điểm, xếp loại giỏi. *'' Tôi già rồi...mà cũng đã cố hết sức, nhờ cậu Mục Tình giúp nhiều mới được như thế!''*. Chị thành thật.

- Chị A Mi này! Tôi thấy chị luôn có cái gì đó buồn buồn là sao? Trên đường từ bãi tập về doanh trại, gã chậm chậm bước đợi chị.

- Cậu Mục Tình này...ai bảo là tôi buồn? - Giọng A Mi lạnh tanh.

- Chị không giấu được tôi đâu... sẽ có ngày tôi tìm đến nhà chị...tôi sẽ biết tất cả.

- Hừ! Đến nhà tôi? Cậu ở miền Tây tôi ở miền Đông có rước cậu trên lưng ngựa cậu cũng không thể tìm đến nhà tôi được! - A Mi cười vô tâm.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Rồi chị xem! - Mục Tình gầy tàn điều thuốc lá trên tay bay lá tả, nét mặt gã không thay đổi.

A Mi quay phắt sang nhìn thẳng vào mắt gã: - Cậu đừng đùa dai với tôi! Cậu định tìm đến nhà tôi để làm gì?

- Để biết! – Gã cộc lốc.

*''Những ngón tay thon dài trên bàn tay nhỏ nhắn của chị ta thật thẳng, thật đẹp như không phải ngón tay của đàn bà nông thôn tảo tần...nước da chị ta cũng vậy...trắng và mịn màng làm sao...cả nụ cười trên cái miệng hơi rộng nữa...mình điên hay sao nhỉ?''* Mục Tình tự vấn. Gã liếc sang: A Mi đi vượt lên trước cùng đám đông từ bao giờ.

Chiều. Cái nắng cuối đông vàng nhạt đang dần bị làn sương che khuất mờ dần trên đỉnh Phia Phạ. Ủy ban Nhân dân xã Y. vừa tan cuộc họp để triển khai kế hoạch công tác cuối năm. Vấn đề thủy lợi và kế hoạch hoá gia đình được đưa ra bàn bạc khá sôi nổi; kênh mương đã bị sạt lở nhiều chỗ, do trâu bò đi lại, do trẻ con đào bới bắt rắn...cần được khắc phục để kịp vụ đông xuân cho bà con, rồi thì chuyện Chi hội Phụ nữ bản Pác Háo, bản Thôm Còi đã có chị em sinh con thứ ba, thứ tư; mọi người lục tục ra về vẫn xôn xao bàn luận, tìm giải pháp để giải quyết những khó khăn đã và đang xảy ra. A Mi gấp quyển vở học sinh vào chiếc túi vải do chị tự khâu lấy bằng vải xanh sẫm, chị định bụng trên đường về bản sẽ rẽ qua khe ruộng Nà Hoàng xem có nước không, để cuối tuần này nghỉ, chị sẽ mượn trâu Sài Ven về cày, A Mi cầm cúi bước, đầu óc đang chơi với công việc tập thể, việc cày bừa nên suýt nữa va vào người đàn ông gầy ngẳng, tầm thước đang đứng chặn trước cổng Ủy ban xã Y:

- Chị quên tôi rồi sao?

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Ôi...là cậu Mục Tình sao? Cậu đến Ủy ban xã Y có việc gì vậy? Mà cậu vẫn khỏe đấy chứ? Đến lâu chưa? Mà cái cậu này, về với vợ con vẫn không nặng cân lên mấy so với hồi ở còn học thì phải? – A Mi lắc đầu cười.

- Chị hỏi gì mà như săn thú rừng vậy? - Mục Tình rít một hơi thuốc lá thủng thẳng.

- Ô...là tôi hỏi thật lòng...mà thôi tôi phải về đây, đường về còn xa lắm...dạ, biết bao giờ gặp lại cậu nhỉ? Cậu về đây làm việc à? Thế thì đi nhanh không các bác ấy về mất! Tôi còn phải qua khe Nà Hoàng thăm ruộng cái đã...A Mi nhìn Mục Tình về ấy nấy.

- Chị không định mời tôi về thăm nhà chị sao?

- Thăm nhà tôi? Ồ! Đin phạ, nhà tôi như cái chuông trâu thiên hạ ấy...vội lại từ đây về nhà tôi toàn đường đèo, lên dốc, xuống dốc...chùng hơn hai giờ đồng hồ đấy không gần như cậu tưởng đâu.

- Chị cho rằng nhà tôi ở thị xã hay sao? Xem ra chị chưa bao giờ đến Pác Miều...chắc gì đường nhà chị đã dễ hơn về nhà tôi?

- Nhưng cậu đến nhà tôi làm gì?

-...

Cuối cùng Mục Tình vẫn lẻo đẻo theo sau, Mặc cho A Mi tìm cách từ chối, mặc cho vẻ mặt khó chịu ” *Cậu là người đàn ông ngang như đám mây trên vách núi kia vậy*”. Chị sẵn giọng và bất lực bởi Mục Tình không vì thái độ của chị mà tự ái quay trở lại! Đã vậy, chị vẫn đến khu ruộng Nà Hoàng nằm giữa hai khe núi, may quá, nước đã về lấp xấp mặt ruộng “Mai phải tranh

thủ cày ngay mới được”. A Mi bâng quơ. “Hay là tôi ở lại giúp chị?”. “Tôi tự làm được”. Chị cộc lốc.

- Chị có vẻ ghét tôi lắm nhỉ? – Mục Tình bật lửa châm thuốc. Mắt gã nheo nheo, vẻ mặt không thay đổi.

- ...

Vợ Mục Tình là người Tày ngoài Thị xã Mục Mạ’’... *Cô ấy trẻ hơn tôi bốn tuổi, đẹp, da cũng trắng như da chị...tôi học trung cấp Tài chính ra trường về làm Trưởng Ban Tài chính xã...còn cô ấy theo mẹ vào buôn bán ở Pác Miều...xin lỗi chị, chúng tôi có con với nhau trước khi cưới ba tháng (gã thoáng đỏ mặt). Cưới nhau được mười hai năm, chúng tôi có một cháu gái được mười hai tuổi và cháu trai bảy tuổi. Cô ấy bỗng dờ chừng: Mang tiếng là cán bộ Tài chính xã, tháng được triệu rười chưa đủ tiền ăn sáng! Lấy gì mà sống mà nuôi con! Rồi cô ấy luôn tìm cơ để đay nghiến tôi, có tối tôi đang cùng bạn bè ngồi uống nước ngoài sân, cô ấy hát chén nước vào mặt tôi và bảo rằng chưa rửa bát đã ra ngồi lê la...tôi nên chịu như con sông chịu nước mùa lũ; nhưng càng chịu, nước càng về nhiều, cuối cùng cô ấy dọn dẹp đồ đạc, đòi bán nhà và dắt hai đứa con ra ngoài Thị xã, nghe nói người yêu cũ của cô ấy đón đi...’’.* Mục Tình đẩy khúc củi nghiến vào bếp, ngọn lửa thật đượm, ánh lửa hắt lên khuôn mặt gã xóa đi nước da tái tái (gã nói bị mất ngủ), cặp mắt to, đen, nao buồn của gã long lanh... bất giác, A Mi buông tiếng thở dài: Thật đời cậu cũng đi vào ngõ cụt vậy sao? Thôi cậu đi ngủ đi, khuya rồi. Cậu ngủ ở góc kia nhé, chị chỉ tay vào góc nhà bên trái cạnh cửa sổ, chị đã trải sẵn chiếc đệm được nhồi bằng hoa gạo do chị tự khâu lấy, tấm chăn thổ cẩm dày cộp gấp vuông vắn, chiếc gối bằng thổ cẩm cũng được khâu bằng hoa gạo đặt ngay ngắn ở trên.’’ *Chị ta là một bà chủ gọn gàng, sạch sẽ’’.* Mục Tình nhìn khắp căn phòng, chỗ nào cũng được sắp xếp ngăn nắp, vung nồi được đánh sáng loáng, củi chất gọn gàng dưới gầm sàn. Chuồng gà,

## HUYỀN ÁI TÔNG

lợn dựng ở ngoài vườn chứ không quây dưới gầm sàn như những hộ gia đình khác. Khi đi qua cạnh chị, hương thơm bồng kết với vỏ bưởi từ mái tóc dày mượt của chị tỏa ra dịu dịu. Gã ngất ngây.

Khuya, Mục Tình trở mình, khó ngủ quá! Nơi gã ngủ cách gian buồng A Mi một khoảng trống được bày bộ bàn ghế trúc làm nơi tiếp khách. Cửa buồng chỉ là mảnh vải hoa màu hồng nhạt đã bạc màu, buồng ngăn cách với bên ngoài. Mục Tình cảm nhận được hơi thở nhẹ nhẹ của A Mi, có lẽ chị ta đang ngủ rất say sưa! Chị ta nghĩ gì về mình nhỉ? Một thằng đàn ông ham chơi? Một thằng đàn ông không đáng mặt đàn ông? A Mi à, tôi thích em từ ngày học lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng... em dịu dàng, đứng đắn, và rất có duyên đấy? Khi ấy tôi chưa biết em phải sống cô đơn như bây giờ... bao nhiêu lần tôi gắng hỏi cuộc sống của em, em đều mỉm cười và nói đúng hai chữ: Bình thường! Tôi là thằng đàn ông liêu lĩnh, tôi đi cả ngày đường về đây với em... giả sử chồng em vẫn còn thì sẽ thế nào nhỉ??? Mục Tình hắt tẩm chăn thổ cẩm sang bên, gã khẽ bước đến bên bếp lửa, Mục Tình lấy chiếc gắp tre cời tro ủ bếp ra, chẳng mấy chốc, than nghiến đã rục hồng. Gã rút điều thuốc ra châm lửa rít một hơi, điều thuốc lóe sáng trên khuôn mặt xương xương tái tái trầm tư, cặp mắt to đen của gã thăm thăm như hồ nước trong thung sâu. Mục Tình quay sang phía buồng A Mi, trong ấy vẫn im phắc! Không hiểu sao, hơi thở Mục Tình trở nên gấp gáp, tim gã loạn lên... đã rất lâu rồi, kể từ ngày vợ gã bỏ đi, gã không biết đến hơi ấm, không biết đến da thịt mềm mại của đàn bà! Nhiều đêm, gã thức rất khuya bên chén rượu ngô thơm nồng. Gã lặng lẽ ngắm trăng dưới hiên nhà, nghe dơi đập cánh, nghe tiếng cú mèo rúc từng chập trên bụi tre gai. Thương con bao nhiêu, giận vợ bấy nhiêu. Có lúc nổi nhớ hai đứa trẻ còn cào ruột gan. Mục Tình lại muốn trời sáng nhảy xe khách ra Mục Mạ thăm con; nhưng rồi sáng ra, nhớ lại cái nhìn khinh khỉnh của vợ, lời nói tựa dao đâm của cô ta Mục Tình lại thôi! “Hu...hu...”, A Mi nằm mơ ú ớ, Mục Tình nhòm dậy nhón

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

chân đến cửa buồng khép hờ của chị. Tim gã rộn ràng, máu trong người gã rạo rức đê mê...có ai biết ngoài tôi và em? Em đừng giận tôi nhé, tôi thương em nhiều lắm, em đừng nghĩ tôi ít tuổi hơn, vờn em như bướm vờn hoa...không đâu. Tôi muốn có em mãi mãi như con suối có nước! Em đừng nghĩ khác về tôi. Tiếng A Mi cựa mình sột soạt trong chăn. Mục Tình nghe rõ từng nhịp thở đều đều của chị. Tay gã chạm vào tấm rèm hoa run run. Mục Tình nén hơi thở gấp gáp. Cái chân mình sao không nghe cái đầu vậy? Cứ đứng một chỗ là sao? Mục Tình cắn chặt môi. Rốt cuộc, chỉ có đêm đen, sương giá nhìn thấy Mục Tình đứng trước cửa buồng của A Mi như cây gỗ mục...

Sáng sớm, con chim bắt cô trói cột lạnh lói từ bìa rừng vọng lại, sương giăng kín nóc nhà và vòm cây, những hạt sương rơi lộp bộp trên lá như mưa rơi đầu mùa. Lũ gà trống trong bản thi nhau gáy o...o, con thì gáy dài và vang, xen lẫn tiếng gáy o...o ngắn và đanh của mấy chú trống choai đang đập chũng tìm mái. Những âm thanh ấy, cho thấy sau làn sương dày đặc, dưới những vòm cây sum xuê và dãy núi Phia Phạ cao ngất, vẫn còn tồn tại những tộc người Tày, Nùng, Dao ở bản xa này. A Mi tiễn Mục Tình đến chân núi, chị còn nắm cho gã một nắm xôi cầm cùng gói thịt lợn hun khói. Mục Tình chôi đây đây “*Chị sợ tôi đói à? Tôi là đàn ông lo gì bữa cơm cơ chứ? Ăn đâu chẳng được, nghỉ đâu chẳng xong!*”. ”*Dù sao mình có sẵn vẫn hơn*”. Chị vui vẻ đút nắm xôi vào cái túi bạt màu cỏ úa Mục Tình khoác trên vai. Đêm qua, nghe Mục Tình bộc bạch chuyên riêng, chị mới hiểu được nguyên do gã luôn trầm tư, xa lánh mọi người, duy nhất gã chỉ chuyện cùng chị những ngày còn học lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng. Đến bây giờ, chị vẫn không hề có ấn tượng gì khác, với chị, Mục Tình chỉ là một người em đáng thương. Nó còn trẻ, vấp vấp bước này, bước sau nó sẽ vững chãi hơn, thận trọng hơn. “*Cậu Mục Tình này, nếu có thể hàn gắn lại được, cậu hãy đón cô ấy về...đừng cố chấp khổ cho con cái...*”. ”*Chị tưởng tôi là người cố chấp ư? Tôi như con ngựa quỳ gối đợi công người già lên lưng, tôi*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*như cái máng quanh năm cống con nước từ khe về...nhưng người ta lại coi tôi là con dao cùn vớt xó bép, thế đấy!’’. Gã thở sượt.’’ Mà chúng tôi có đăng ký kết hôn gì đâu...chỉ thương con bé Thêu và thằng Vai vô tội. Cô ấy coi tôi như cái chổi cùn thích vớt đi lúc nào cũng được. Biết trước như vậy thì...’’Gã im bật.*

- Chị về đi...à, phiên chợ tới tôi sẽ sang...chúng mình đi chợ nhé?

- Tôi bận lắm...mà cậu lặn lội cả ngày đường về tận chợ bên này làm gì cho mệt? – A Mi phẩy tay.

- Gặp chị...tôi hết mệt! Tôi nhớ chị nhiều lắm...chị biết không? Gã nắm vội bàn tay nhỏ, mỏng với những ngón thon dài mềm mại lạnh buốt trong bàn tay ấm áp gầy và thô của gã thì thầm.

Chị vội rút tay như đụng phải hòn than: Cậu thật là ngốc, tôi quý cậu như em trai. Cậu về đi.

Mặt chị nóng bừng, chị quay lưng, quày quả bước như chạy về nhà.

- Chị A Mi...tôi có phải hồ đồ mà chị vội vã quay lưng như vậy? Phiên chợ tới là thứ bảy, tôi đợi chị ở quán nước dưới gốc cây đa đầu phố huyện Giang nhá!

- Cậu đừng vo ve như con muỗi...tiếng con ong, con ve còn to hơn nhiều cậu hiểu không? - Chị dừng bước quay lại nghiêm nét mặt.

- Tôi...tôi sẽ đợi chị, đợi đến khi gặp chị mới về! - Giọng Mục Tình chỉ đủ cho chị nghe. Dẫu lúc đó dưới chân núi Phia Phạ thâm u chỉ có hai người.



-...

Gã nhìn theo cho đến khi chị khuất sau màn sương trắng, đục. Bất chợt Mục Tình nắm bàn tay lại, mỉm cười; gã thông thả leo dốc trở ra phố huyện Giang. Phải chăng đây chính là sợi nắng đông ấm áp đang xoa dịu cái tê tái trong con tim của gã? Phập...phập con chim cu rừng đậu trên lùm cây chó đẻ cạnh lối mòn giật mình vỗ cánh. Trống ngực Mục Tình chộn rộn.

Đêm, heo may khua những chiếc lá khô xao xác ngoài hiên, cùng với tiếng sương rơi trên tán lá như mưa nặng hạt. A Mi không ngủ được. Cái cậu Mục Tình này thật là dở người hay sao ấy chứ, ai lại lặn lội đến tìm một người đàn bà hơn mình gần chục tuổi chỉ vì...nhớ quá! Những ngày học ở huyện đội, cậu ấy chỉ giúp mình như những người khác, có chăng là tận tình hơn, vì mình có tuổi rồi nên nhận thức sao nhanh bằng những người trẻ được! Và chị cho đó là chuyện bình thường chứ không hề có ý nghĩ gì khác. "*Tối qua nhà cô có khách à? Tôi định sang chơi nhưng thấy thế lại thôi*". Sài Ven đeo phắc tao lóc cóc bên hông đang định rẽ sang lối mòn lên nương thì gặp A Mi từ ngoài ngõ về bèn dừng lại hỏi. "*Vâng khách ở ngoài huyện Sài Ven ạ*". Chị lấp liếm.

Cả tuần, A Mi băn khoăn không hiểu cái cậu Mục Tình này muốn gì ở chị? Chẳng lẽ chỉ hẹn hò, chỉ vì nhớ nhau mà cậu ấy đi cả ngày đường về tận bản Lũng Loàng hẻo lánh này tìm chị? Hay !!! A Mi vội gạt ý nghĩ vớ vẩn vụt đến trong đầu, không bao giờ Mục Tình lại có thể là người như vậy! Vợ cậu ta trẻ, đẹp, con gái con trai đủ cả. Nếu cậu ta bị vợ chê thật thì thiên hạ thiếu gì gái trẻ đẹp, thậm chí gái chưa chồng cũng sẵn sàng kết duyên với cậu ta. Tôi, A Mi dở quyền vớ học sinh ra, xem còn bao nhiêu chị em trong xã Y ở độ tuổi sinh sản đã có hai con, để Ban chấp hành phụ nữ có kế hoạch, vận động chị em sử dụng các phương pháp tránh thai. Thế nhưng, việc Mục Tình bỗng nhiên tìm đến làm chị bối rối quá! A Mi đặt quyền vớ

## HUỶNH ÁI TÔNG

xuống chiếc *tiệm* đan bằng *mạ tàn*, dăm chiêu bó gối ngồi nhìn ngọn lửa khi bùng cháy, khi âm ỉ toả ra một vùng ấm áp đầy quyến rũ: Ai đã ngồi bên bếp lửa giờ này đều không muốn đứng lên nữa. Bởi ngoài kia, gió bắc rít u u, sương gỗ trên lá từng hạt từng hạt như bắt đầu cơn mưa lớn, lá chuối, lá rừng bắt đầu xạm lại như đượ hơi trên lửa do bị sương muối tấp. Chị đưa hai tay lên áp vào má, má chị nóng bừng. “*Minh sẽ không đi phiên chợ tới*”. A Mi mím chặt bờ môi như vẽ của mình. Lúc này, giá như một người bạn tâm giao, để chị có thể dốc cạn nỗi niềm của mình! Chỉ những kẻ cô đơn, bất hạnh mới có thể cảm thông được cảnh cô quả! Ôi, giá các con chị còn nhỏ, chúng ríu ran làm nũng mẹ, rồi chúng trêu chọc nhau âm ỉ... để chị được quát, mắng yêu chúng... năm năm qua, Sài Khang bỏ mẹ con chị đi, hai chị em con bé Oi Lìn đã giúp chị xóa đi chóng chênh, xóa đi khao khát của người đàn bà đương hời xuân... nước mắt A Mi lăn xuống lấp lánh khuôn mặt ửng lên vì lửa của chị. “*Mục Tình à! cậu hãy coi tôi như chị gái sẽ tốt hơn, tôi không muốn những gì mà cậu muốn đâu!!!*” “*chất bốp...chất bốp*”, đôi chim khảm khắc trốn tìm nhau hồi lâu trên cánh rừng phía sau nhà, tiếng gọi của chúng nhỏ dần rồi im hẳn. Có lẽ chúng đã ở bên nhau. Đã khuya lắm, A Mi vùi tro vào ủ bếp lửa, chỉ còn ánh đèn dầu le lói, chao đảo bởi cơn gió cuối mùa ào đến từng chập. Chị vào buồng khẽ buồng mình xuống trùm chăn kín đầu, nằm co như con tép rang trên bếp lửa.

“*Tôi sẽ đợi chị ở quán nước dưới góc đa đầu phố huyện Giang*”. Giọng Mục Tình vẫn luẩn quẩn đầu đây. Tim A Mi như có bàn tay đang gõ nhịp, ánh mắt to đen của Mục Tình đang mím cười... đã lâu lắm, chị không biết mùi đàn ông! Chẳng lẽ chị không có quyền đòi hỏi ư? Bốn mươi lăm mùa lá, nhưng mọi người gặp chị lần đầu đều cho rằng: Chị chưa thể qua tuổi bốn mươi, A Mi rất hiếm khi cười vui vẻ, cùng lắm, chị chỉ mím cười đủ cho nốt đồng tiền bên khố miệng lõm xuống! Cũng chính vẻ bề ngoài điềm đạm của chị đã cuốn hút

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

không biết bao nhiêu đàn ông. Nhưng kết cục, họ cũng chẳng thể cầm nổi bàn tay của A Mi. Thế mà bây giờ cái cậu Mục Tình này, trời xui đất khiến hay sao mà cậu ta lại đến làm khó cho chị vậy cơ chứ?

Bụng không muốn, nhưng A Mi dậy từ rất sớm, ngoài trời vẫn tối như bưng. Chị vo gạo, nấu ít cơm nếp, cắt một khoanh thịt lợn hun khói treo trên gác bếp xuống và ngâm nước nóng cho mềm và sạch, đoạn chị thái mỏng ra, những miếng thịt nửa nạc nửa mỡ trong vắt thoát nhìn đã thấy ngon. Xong xuôi, A Mi lại ngồi bó gối bên bếp lửa. Tim chị nhộn nhạo, chị bứt rứt: Hôm nay là chợ phiên phố huyện Giang. Đàng nào mình cũng phải ra chợ mua ít dầu thấp và mảnh thổ cẩm về khâu địu cho con Oi Lìn! Chị thở dài. Thâm tâm, A Mi vẫn nhất định không gặp Mục Tình “mình chỉ đi chợ thôi”.

A Mi rảo bước nhanh cho kịp chợ phiên, chưa đến mùa trám đen nên chị chẳng có gì để bán, nhà chị có đến bốn cây trám đen khá lớn, năm nay rất bói quả. À, mà cũng còn phải gửi cái thư cho thằng Si Minh nữa...viết được mấy hôm rồi nhưng chưa tiện gửi cho nó được. Nghĩ đến con, chị lại rom róm nước mắt.

A Mi đến chợ thì sương đã tan, hôm nay trời trong vắt, ánh nắng lấp lóa trên đỉnh đầu, nhuộm lên những bộ váy áo sặc sỡ các cô gái Mông, tôn thêm màu đỏ rực trên hàng khuy áo có gắn những quả bông len màu đỏ của cô gái Dao Tiên, cuối chợ, dưới vòm dạ hương cổ thụ, con gái con trai Tày sùng sình áo chàm mới đang đứng đối nhau từng cặp hát *hà lều*. A Mi vui lây cái vui của phố chợ...mua sắm mấy thứ đồ cần thiết xong, chị vội sang bên kia cầu Hát Thín vào chỗ Phụ nữ huyện Giang để nộp báo cáo và kế hoạch công tác năm tới của Phụ nữ xã Y. Thế là xong mọi việc. A Mi lững thững bước, chợt chị khựng lại, không biết đôi chân đã đưa chị đến gần quán nước dưới gốc đa đầu phố từ lúc nào! A Mi luống cuống liếc: Cậu ta đến thật

## HUYỀN ÁI TÔNG

sao? Mặc dù quán nước đông khách, nhưng chị vẫn nhận ra cái dáng gầy, tầm thước đang tư lự quay mặt ra bờ Hát Thín hút thuốc. Nét mặt cậu ta có vẻ căng thẳng. A Mi đứng chôn chân khuất sau gốc đa một quãng ngắn, chân chị không muốn theo ý nghĩ, cứ đưa chị đến gần Mục Tình hơn. Mục Tình bỗng ném điếu thuốc đi và quay người lại. Chị vội nép vào sau gốc đa. Đám đàn ông ran ran chuyện. Người rót rượu vào chén, người rít điếu thuốc lảo. Mục Tình khép mình trong góc quán, mắt gã lại đánh về phía cậu Hát Thín. “Mình phải về thôi”. A Mi quay lưng quày quả quay gót như ma đuổi.

Đến lối rẽ về bản Lũng Loàng, chị chui vào bụi cây sim ven đường mòn ngồi bệt xuống. Chị bỗng nhớ rằng mình vẫn chưa ăn cơm!

A Mi ngược nhìn: Cái nắng cuối đông trong đến mức nhìn được cả thân cây nghiêng, cây mạy lềm trắng trắng mọc lưng chừng vách đá. A Mi đỡ nắm cơm nếp ra, chị véo từng nắm nhỏ đưa lên miệng: Miếng cơm nhạt quá, thường ngày chị rất thích ăn đồ nếp, sao hôm nay, ăn cứ thấy nhạt thêch rất khó nuốt! Nghĩ đến Mục Tình, chị thấy nao nao lạ!!!

Chợ chiều đã vắng, quán nước dưới gốc đa vắng teo, vài hạt nắng lấp lóa lọt qua kẽ lá đu đi đu lại vô tri. Mục Tình cầm điếu thuốc đã tàn trên tay, tựa lưng vào bàn nước, không ai hiểu gã đang nghĩ gì nữa, còn ông chủ quán thì ngồi gà gât. Mặt Mục Tình đỏ gay, cặp mắt to đen của gã mờ đi. Gã khóc. Lần đầu tiên Mục Tình khóc “cô ấy không đến gặp mình...em thật búng bình và ngốc nghếch, Mục Tình này không biết nói hai lời em biết không? Nhất định em phải biết từ ngày gặp em, Mục Tình này đã bao nhiêu đêm mất ngủ, bao nhiêu ngày vẫn vợ không yên...giờ biết em sống một mình, bụng Mục Tình càng thương em nhiều hơn”. Mặt trời đã gối ngọn Phía Phạ, làn sương mỏng tang vắt ngang lưng núi Phía Phạ, nhìn như tấm khăn voan phụ nữ người Kinh hay quàng trên cổ. Dưới chân

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

núi, vòm lá đã thẫm lại, ut...ut ...cuc...cu...cuc...cu loài bìm bịp và chim cu rừng rúc từng hồi buồn tênh. Mực Tình bỗng cồn cào nhớ chị em con Thêu, thằng Vai quá! Giờ này có lẽ chúng nó đang học, có lẽ sớm mai xuôi về Mực Mạ thăm chúng mới được. Mực Tình thở phào đứng dậy “Chủ quán à...ngủ say người ta uống hết rượu đấy!”. Gã mỉm cười rút tiền trả chủ quán. “Dạ, ta ngủ say...đố ai uống qua mắt ta được đấy...khà... khà”. Lão chủ quán dụi mắt cười. Mực Tình khẽ gật đầu chào lão, lững thững bước dưới cái nắng cuối đông bệt bệt. Sương dần phủ kín ngọn Khau Luông xa xa. Chợt đôi chân Mực Tình thoăn thoắt đi vào lối rẽ về bản Lũng Loàng.

(Cao Bằng, tháng 5-2011)

Trích thơ:

### **Gió hoàng hôn**

*Trở về đi người ơi  
Nghiêng nghiêng chiều gió thắm  
Núi đong đầy sợi nắng  
Thoảng vọng tiếng chim rơi  
Trở về đi người ơi  
Đừng nói lời mưa đuối  
Khe nước tràn mông muội  
Ve rừng buông miên man  
Người thả vào rừng hoang  
Câu hà lều chấp chới  
Gió hoàng hôn bối rối  
Ta ngâm ngợi vạt buồn  
Trở về đi người ơi  
Đừng nói lời từ biệt  
Gió hoàng hôn thao thiết  
Ta chìm trong chiều sương.*

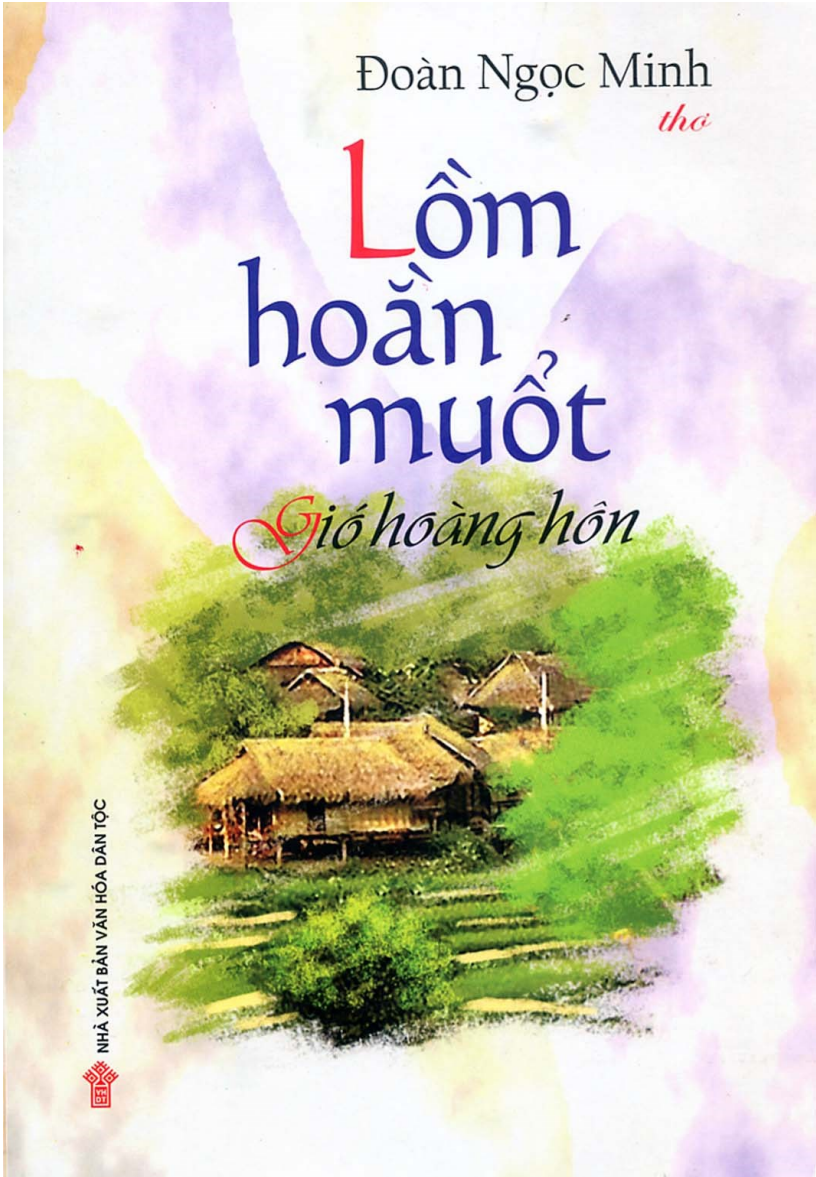
## HUYỀN ÁI TÔNG

### Đợi

*Buổi mai về núi  
Buồn như nắng bơ vơ trên cỏ  
Buồn như con ngựa rẽ về chuồng cũ  
Buồn như chiếc lá lăn lóc lối đi Buổi mai về núi  
Buồn như nắng bơ vơ trên cỏ  
Buồn như con ngựa rẽ về chuồng cũ  
Buồn như chiếc lá lăn lóc lối đi  
Mình ơi, mai ta xa nhau  
Đừng nghe câu sli người lạ  
Đừng ngắm giọt trăng nghiêng ngả cuối trời  
Ta về... ta về núi  
Phiên chợ sau mình nhé  
Ngày cứ dài, đêm cứ đằng đẵng  
Ta cất hương áo chàm vào túi nhớ  
Ta gom hơi ấm bờ môi của mình vào giấc ngủ  
Ước gì, mình là mảnh nương nhà ta  
Mình là bếp lửa nhà ta*

### Xuân núi

*Tiếng vó ngựa, rạo rục bờ sương  
Khèn lá ngân, bước chân gập gáp  
Mặc đá khắp khảnh mặc vực cheo leo  
Nhạc ngựa leng keng, câu sli lả lướt  
Mình ơi!  
Ta bên này vách núi, đợi mình cùng xuống chợ  
Gùi cả nỗi nhớ, gùi cả lộc xuân  
Lưng ngựa nhọc nhằn, vai ta nhẹ bẫng  
Mắt ta đăm đăm, tìm mình qua kẽ lá buổi mai*



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Đoàn Ngọc Minh: “cất nỗi buồn vào trang viết”*, tác giả Vũ Thị Thanh Huyền đã viết:

*“Khi nhắc đến lớp nhà văn, nhà thơ tỉnh Cao Bằng hiện nay, Đoàn Ngọc Minh có vẻ “chìm” hơn so với những người đã đi trước như: Y Phương, Cao Duy Sơn, Hoàng Quảng Uyên, Đoàn Lư... Thế nhưng ai đã đọc thơ văn của Đoàn Ngọc Minh lại khó có thể quên được. Thơ, truyện của cô cũng giống như con người cô, vỏ ngoài bình dị, bên trong lại thâm sâu. Sinh ra và trưởng thành ở Cao Bằng nên văn của cô rất rõ cái chất núi rừng nguyên sơ, cái thật thà của người dân tộc Tày.”*

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Ngọc Minh Web: [caobangpro.com](http://caobangpro.com)
- *Nắng cuối đông* Web: [vanvn.net](http://vanvn.net)



## 24. Dương Thuần



### **Dương Thuần - Hoàng Minh Thông (1959-20 )**

Nhà thơ Dương Thuần tên thật là Hoàng Minh Thông dân tộc Tày, sinh ngày 7 tháng 7 năm 1959, tại bản Hon, xã Nà Fấc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, nay là xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn.

Học hết phổ thông thi đỗ vào đại học. Tốt nghiệp khoa Ngữ văn trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.

Năm 1992, tốt nghiệp khoá IV Trường Viết văn Nguyễn Du.

Làm các nghề dạy học, viết văn, viết báo, biên tập báo, quản lý văn hóa văn nghệ. Hiện là uỷ viên BCH Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Hà Nội, Phó trưởng ban Ban Văn học dân tộc miền núi Hội Nhà văn Việt Nam.

Nhiều bài thơ của Dương Thuần đã được phổ nhạc, như *Đi tìm bóng núi*, *Lá trầu*, *Tình ca bên suối*, *Khúc hát cao nguyên*, *Trăng mờ Pì Lèng...*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà thơ Dương Thuần được các giải thưởng văn học:

- Giải A Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1992 cho tập thơ *Cười ngựa đi săn*
- Giải B Giải thưởng Hội Văn Học Nghệ Thuật dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2000, cho trường ca *Mười bảy khúc đảo ca*.
- Giải B Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt nam 2005 cho tập thơ *Đêm bên sông yên lặng*.
- Giải B Giải thưởng Hội VHNT dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2006, cho tập thơ *Chia trứng công* năm 2006.

Nhà thơ Dương Thuần hiện sinh sống và làm việc ở Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Cười ngựa đi săn* (thơ, 1991)
- *Đi tìm bóng núi* (thơ, 1993)
- *Lục pạ hết lửa - Con cô làm dâu* (tập thơ song ngữ Tày-Việt, 1995)
- *Đi ngược mặt trời* (thơ, 1995)
- *Bài học mùa hè* (truyện ngắn, 1996)
- *Bà lão và chích chòe* (thơ, 1997)
- *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam* (sách nghiên cứu, in chung, 1997)
- *Mười bảy khúc đảo ca* (trường ca, 2000)
- *100 bài thơ tuổi học trò* (giới thiệu và tuyển chọn, 2000)
- *Những bài thơ hay viết về thiếu nhi dân tộc và miền núi* (chủ biên, 2001)
- *Hát với sông Năng* (thơ, 2001)
- *Slip nhĩ tua khoăn* (tập thơ tiếng Tày, 2002)
- *Dòng suối thức* (giới thiệu, tuyển chọn, 2003)
- *Tuyển tập truyện viết về thiếu nhi dân tộc và miền núi* (chủ biên, 2004)
- *Hoa của bản làng* (nhiều tập, chủ biên, 2004... )

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Đêm bên sông yên lặng* (thơ, 2004)
- *Dương Thuần - Thơ với tuổi thơ* (2005)
- *Chia trứng công* (thơ, 2005)
- *Lính Trường Sa thích đùa* (thơ, 2006)
- *Tuyển tập thơ Dương Thuần* (thơ, Hội Nhà Văn, 2010)
- *Văn hóa Tày ở Việt Nam và tiến trình hội nhập thế giới* (biên khảo, Tri Thức, 2012)

Trích thơ:

### Lời nói nhân dân

*Từ xưa nhân dân đã nói:  
Khỉ dạy con của khỉ trèo cây  
Rái cá dạy con mình bơi lặn...*

*Từ xưa nhân dân đã nói:  
Đập sào xuống nước, cá cũng bị văng đầu  
Chó bị đánh chủ cũng thấy đau*

*Từ xưa nhân dân đã nói:  
Vách núi không mở cửa  
Rễ si cũng chẳng bám vào sâu...*

*Từ xưa nhân dân đã nói:  
Bao câu mà đều bình dị  
Học cho tới lúc bạc đầu*

### Bàn tay vượn dài

*Bàn tay bà mẹ Tày  
Sần sùi những nốt chai  
Đính nhựa cây đen nhem  
Đừng tưởng đó không là gì*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Bàn tay đu đưa chiếc nôi mây  
Cho đứa con khôn lớn từng ngày  
Thành một chàng trai dũng mãnh*

*Bàn tay mềm nhuộm chàm khâu áo  
Bàn tay đỏ sẽ làm thế giới đổi thay*

### **Anh vẽ bản tôi nhé**

*Anh họa sĩ ơi  
Anh vẽ bản tôi nhé  
Bản tôi người mặc áo chàm  
Bản tôi nhiều ngôi nhà sàn  
Bản tôi nhiều ngọn núi cao  
Bản tôi nhiều ruộng bậc thang  
Bản tôi bên bờ sông Năng âm ào...*

*Anh họa sĩ ơi  
Khi anh chưa vẽ bản tôi vẫn thế  
Khi anh chưa vẽ bản tôi chưa ai nhớ  
Anh làm bản tôi đẹp gấp trăm  
Từ đó có vô vàn người biết tới  
Người tận đâu cũng muốn đến thăm  
Họ thắm yêu cái bản của tôi yêu dấu...*

*Anh họa sĩ ơi  
Anh vẽ bản tôi nhé  
Có anh bản tôi trở thành nổi tiếng  
Anh cũng đồng nghĩa bắt tử với non sông*

### **Họ làm thơ về núi**

*Tôi đã thấy họ làm thơ về núi  
Bài nào đọc cũng giống nhau  
Ở trên núi có rượu*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Viết một câu rất say  
Ở trên núi có lượn  
Viết một câu rất tình  
Ở trên núi có thác  
Viết một câu nước réo  
Ở trên núi có ngựa  
Viết một câu leng keng nhạc ngựa...*

*Bao bài thơ họ cứ làm như thế  
Lời rỗng tuếch đọc chẳng được gì  
Bao số phận khổ đau thì không nói  
Chạy loanh quanh mấy cái ngôn từ  
Càng dài đọc lại càng thêm vô nghĩa*

*Ai làm thơ về vùng cao quá dễ  
Hãy bớt thời gian lên đó ở vài ngày  
Hắn dân bản sẽ cho ăn một bụng ót cay*

### **Kể chuyện quê anh**

*Em chưa biết quê anh  
Có sông Năng men quanh núi biếc  
Có hồ Ba Bể nước chảy ngược ra sông  
Có Bản Hòn nhà sàn bốn mái đẹp như tranh...*

*Em cũng chưa biết người quê anh  
Mỗi lần họ muốn đo ruộng nương rộng hẹp  
Không đo bằng mét vuông, cũng không phải bằng sào...  
Mà đo bằng bao nhiêu ống đựng hạt giống để tra  
Mảnh đất rộng bằng ba ống, bảy ống, vài chục ống...*

*Ở quê anh gọi trẻ con bằng lời đẹp nhất  
Đứa trẻ nào cũng có cái tên là nụ, là hoa...*

### **Thói xấu**

HUỖNH ÁI TÔNG

*Thói xấu của khi  
Chỉ trèo cành thẳng  
Không trèo cành cong  
Thói xấu của nai  
Chỉ ở rừng thưa  
Tránh xa rừng rậm  
Thói xấu của hổ  
Chỉ ở đồi trọc  
Chẳng sống rừng già  
Thói xấu người ta  
Ai kém thì chê  
Ai hơn thì ghét..*

**Bài hát tỏ tình**

*Tôi đến đầu nhà  
Hát : Lô. Lô. Lô  
Nàng đang rửa bát  
Nàng hát nhỏ to  
- Bát. Bát. Bạt. Bạt. . .  
Cha nàng nghe được  
Ông chống hai tay  
Ông nheo hai mắt  
Ông nhìn tận mắt  
Cô con gái xinh  
Ông hát : Vênh vênh  
Búa tạ búa đinh  
Cho mày thôi lớn ...  
Tôi vù qua ruộng  
Cắm cổ tôi bay  
Nàng cũng ngừng tay  
Chui qua liếp hở  
Nàng đến bên tôi  
Chỉ nhìn không thờ  
Rồi nàng nói nhỏ*

- *Mới có thể thôi*  
*Mà anh đã sợ. . .*

### **Hỏi trời Bến Tre và Quảng Nam của Dương Thuấn.**

*Hôm trước đọc báo thấy Bến Tre nhiều biệt thự*  
*Có phố gọi là Phố Quan, có phố gọi là phố Thường Vụ*  
*Nhà nào cũng rộng nghìn mét vuông chen nhau khắp mặt*  
*tiền*

*Những kẻ tự nhận mình là công bộc của dân giàu hơn*  
*nhiều vua chúa*

*Quan cách mạng sống phè phỡn, giàu sang*  
*Quan phải giàu... triết lý bịp bợm của lũ gian tham...*

*Sáng sớm nay đọc báo thấy ở Quảng Nam*  
*Cô giáo trẻ trời hai con nhỏ vào thân mình rồi nhảy sông*  
*tự vẫn*

*Chỉ tại đồng lương không đủ nuôi con lại thêm chồng*  
*nghiện ngập*

*Bà mẹ già khóc gào: Con tôi nghèo có tội gì, Trời ơi?*

*Con tôi nghèo bắt phải chết hả Trời?*

*Tiếng bà mẹ khóc gào... Trời có thấu cho chăng?*

*Hỏi có ai không căm phẫn, không xót thương?*

*Quan Bến Tre xây biệt thự ngàn ngàn lạng vàng*

*Cô giáo trẻ ở Quảng Nam vì nghèo cả gia đình tự vẫn...*

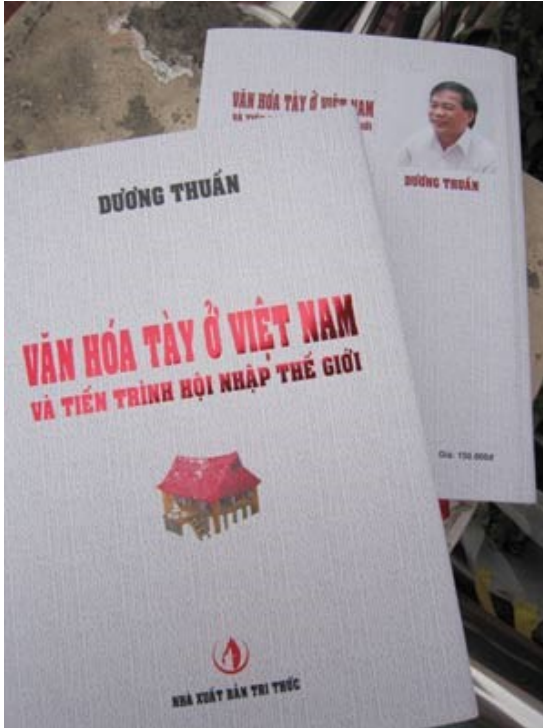
(Hà Nội, ngày 26-3-2014)

Trong bài: *Dương Thuấn - Sứ giả truyền bá văn hóa Tày*, tác giả Phan Diệu Hương đã viết:

*“Dương Thuấn không chỉ là một nhà thơ người Tày mà còn là sứ giả truyền bá văn hóa Tày, góp phần gìn giữ, bảo vệ ngôn*

## HUYỀN ÁI TÔNG

ngữ Tày, phát triển văn hóa Tày. Trong nhịp sống hiện đại xô bồ hiện nay, khi mọi giá trị tinh thần đang bị nguy cơ thói quen tôn thờ vật chất làm xói mòn thì Dương Thuấn đã làm sống dậy, phục hưng văn hóa của dân tộc ông. Ông đã đưa dân tộc ông vào cuộc hội nhập quốc tế, đã làm cho dân tộc Tày tự hào về ông. Những đóng góp to lớn của ông thật sự đáng tự hào và đáng trân trọng.”



Tài liệu tham khảo:

- Dương Thuấn Web: [thivien.net](http://thivien.net)
- Lời nói nhân dân Web: [vanvn.net](http://vanvn.net)



## 25. Bùi Tuyết Mai



### **Bùi Tuyết Mai - Bùi Thị Tuyết Mai (1971-20 )**

Nhà thơ Bùi Tuyết Mai tên thật là Bùi Thị Tuyết Mai dân tộc Mường, sinh năm 1971, tại Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Bùi Thị Tuyết Mai có thời gian học trường cấp 3 Chu Văn An ở Hà Nội.

Sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, Bùi Thị Tuyết Mai theo học Trường Cao đẳng Sư Phạm Thường Tín thuộc Hà Sơn Bình cũ. Trong thời gian này, Bùi Thị Tuyết Mai bắt đầu làm thơ, bài thơ đầu tiên ra đời *Tâm tình người thiếu nữ*, ghi lại nỗi nhớ nhà, nhớ mẹ khi đi học ở nơi xa.

Năm 1991, tốt nghiệp Sư Phạm ra trường, Bùi Thị Tuyết Mai được phân công về Trường Đảng tỉnh Hòa Bình, sau đổi tên thành Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình. Trong thời gian này do yêu cầu công tác Bùi Thị Tuyết Mai phải đi đó, đi đây vùng sâu hẻo lánh, được nhìn xa thấy rộng, hồn thơ thúc bách ghi chép sáng tác thơ, kết quả là được kết nạp vào Hội Văn học

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nghệ thuật Hòa Bình và Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Đến năm 1998, tập thơ đầu tay *Mưa trong nhà* của Bùi Tuyết Mai mới ra đời.

Sau đó, Bùi Thị Tuyết Mai bảo vệ thành công luận văn, có bằng Thạc sĩ Kinh tế rồi chuyển công tác về Hà Nội, làm ở Cơ quan Đảng uỷ Khối các Cơ quan Trung ương.

Nhà thơ Bùi Tuyết Mai được các giải thưởng:

- Giải B của Hội VHNTCDTTSVN, với tác phẩm *Mưa trong nhà*
- Giải C của UBND tỉnh Hòa Bình tặng năm 2001, với tác phẩm *Trầu đỏ môi ai*.
- Giải C của Hội VHNT Hòa Bình năm 2001-2006, với tác phẩm *Nơi cất rượu*
- Giải A của Hội VHNT Hòa Bình năm 2001-2006, với tác phẩm *Mường Trong*

Mặc dù hiện nay nhà thơ Bùi Tuyết Mai làm việc ở Hà Nội, nhưng vẫn dệt vải và làm thơ.

Tác phẩm:

- *Mưa trong nhà* (thơ Văn hóa dân tộc, 1998)
- *Mưa trong nhà* (thơ)
- *Trầu đỏ môi ai* (thơ)
- *Nơi cất rượu* (thơ)
- *Mường trong* (thơ)
- *Bình Boong* (thơ, Lao Động, 2008)

Trích thơ:

**Tâm tình người thiếu nữ**

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Đêm khuya lắm em một mình im lặng  
Nghe đâu đây tiếng gió tâm tình  
Ôi không phải đâu đây là con đé  
Kêu ri ri như đang khóc một mình  
Con gái mẹ có lần đi rất khế  
Đến đằng sau ôm vai mẹ nói thầm  
Bí mật lắm đừng có ai hỏi nhé  
Chỉ được riêng mình mẹ biết thôi*

### **Mừng trong...**

*Người Mừng trong leo núi như  
mặt trời  
Đeo kiếm lên nương như cây  
núc nác.  
Đỏ khói đỏ sương vành khăn piêu đung đưa trắng mùa lũ .  
Bám độc mộc xuôi về như con ốc  
con cua.  
Mùa Mừng trong cũng biết đếm  
mừng phai.  
Cái gió con trăng biết đếm cây  
gộc cụt .  
Khói cũng nhuộm nâu người  
như đất.  
Con đường mòn biết đếm bước  
lạ quen*

### **Về Mừng**

*Mừng anh mừng thắt eo mừng  
thôn thức men theo lời hát  
Em mới vờ làm người Pú Nhung  
đến đây bán cốt  
Giả làm người Mừng muối đến  
nhà tập chăn trâu*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Tập làm việc mừng cho quen tiếng  
bén hơi  
Cho gà vịt theo em như theo ngô lúa  
Cho mùa tiếp mùa yêu nhau như  
khăn áo quần lấy người  
Cho anh say em như say rượu  
Cho anh dính em như khâu tan\**

\* Loại cơm nếp thơm và dẻo của người Thái vùng Tây Bắc

### Mùa em

*Mùa Em  
Mùa em xa Mường  
Bước như chân con nai nhỏ  
Mùa em xa Mường  
Đêm tựa mình nhớ lời ru của Mẹ  
Mùa em  
Mùa bay lẻ  
Nhớ vòng quay con nước  
Vì em như con nai nhỏ hay ra bờ suối  
Mùa em  
Mùa thiếu nữ  
Lần đầu biết nhớ  
Vì em như cái óp pu \*  
quanh năm ôm lưng Mẹ  
Hà Nội, 30/08/2004*

\* giỏ nhỏ bằng mây đựng kim chỉ và trang sức, đeo ở lưng phụ nữ Mường

### Buổi sáng

*Chim Bẻ Chèm lạnh chói hóa thân vào điện thoại, ti vi  
và bất cứ cái gì để đến lúc đó đánh thức mọi người  
Dậy!  
Đón dập bước chân*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Dồn dập xối nước*

*Dồn dập những đôi giày dép, những xe đạp, xe máy và ô tô  
suốt một đêm ngủ say*

*Giờ còn cào khởi động*

*Những đôi mắt hướng về đồng hồ công cộng người lớn chỉ  
Nhanh lên!*

*Các bà mẹ nựng con gấp gấp như kim giây: Ăn đi, ăn đi,  
nhanh lên con*

*Ăn nhanh lên cho mẹ!*

*Những quán ăn giờ này cao độ*

*Khó khăn lắm mới có được chỗ ngồi*

*Những cốc chanh vừa đợi xe bus vừa ăn xôi*

*Ngón tay cái tới tấp mổ bàn phím*

*Kỹ thuật số rồi*

*Mọi khái niệm trở nên năng động*

*Câu và từ đành phải mím môi*

*Những xe đạp tuổi lên mười í ới*

*Không cần ăn*

*Tiền bố mẹ cho mua quà sáng để trưa chát!*

*Dé mèn bây giờ phiêu lưu cũng khác*

*Những nẻo người cuồn cuộn phố như sông*

*Tráy hội bình minh lốc bụi*

*Xe và người cuốn vào đường cầm cùi*

*Áo khăn bạc tiền cơm gạo buồn vui*

*Vẫn còn những người*

*Thong dong*

*Thả tuổi lên bước rêu*

*Lắng trầm*

*Bình minh phố.*

HUỲNH ÁI TÔNG

**Trên Phố**

*Một mùi hoa sữa thoảng qua  
Tóc thơm xưa  
Trên phố*

*Người thiếu nữ trong ngôi nhà cổ  
Thất lại chiếc nơ  
Và qua đường*

*Bóng con chim xanh đi về ngoại ô  
Tôi nhớ  
Những bước son nhỏ nhỏ  
Làm dịu đi cái rét mùa đông*

*Còn đây chú mèo mun  
Mặc áo nắng  
Trầm tư cổng cũ*

*Giờ  
Con đường cuộn cuộn chảy  
Tôi như bóng chú mèo  
Thì thầm gọi xa.*

**Nhật ký Hà Nội**

*Chiếc điện thoại di động của tôi gừ gừ  
như con mèo bị người khác dọa lấy con chuột nó vừa vồ  
được  
Máy vi tính của tôi đã lách cách nhiều giờ như tiếng thoi  
dệt của bà tôi  
Hà Nội tôi ở Mường Trời tầng chín và đi cầu thang máy  
Mèo và thoi lên xuống làm sao?  
Giấc mơ mười bảy của tôi biết đội bóng từ đâu?  
Đầu tôi nhộn nhịp quạt trần quay*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*tiếng bầy ong của ông nội tôi đang vầy mật mùa hoa nhãn  
Tôi bây giờ bận nhắn tin và mãi mê trên bàn phím  
Trong thế hệ “ngón tay cái” này  
Quạt giấy và quạt mo biết vịn vào đâu?*

*Chẳng lẽ ngày hôm nay của tôi lại là một phần của bài hát cũ  
Mỗi nhịp thở của tôi luôn ngân nga về  
Tiếng của cụ ông, cụ bà, tiếng của cha mẹ tôi còn cào  
Rì rào  
Thình thịch!*

*Chiếc nôi đầy bỏ hóng vẫn còn kia  
Từng đong đưa từ khi đất còn pạc lạc, nước còn pời lờ  
Bài hát cũ cứ ngày ngày qua lại trong tôi như những đường cày  
Và đêm đêm hiện về những ngôi sao mang hình dấu hỏi  
Tôi rồi sẽ ra sao?*

*Nghe như nhà có khách  
Tiếng gõ cửa lóc cóc từ thửa chẵn trâu dọi vào  
Không nghe được tiếng gáo dừa dọi nước  
Người ta tháo giày và đi tạt vào nhà  
Không có ai đi chân đất đến nhà tôi chơi cả!*

*Với chiếc nệm bầu khô đựng rượu  
Tay tôi chạm vào khoảng trống  
Chẳng lẽ tôi đã đánh mất lá bùa khiến người say tôi?*

### **Ngày gió**

*Như chiếc bánh ngọt kẻ môi  
Người rơi rụng  
Tôi nhận được mùi hương của con đường cỏ khô  
Tháng năm này đã khác*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Người gieo  
Rời người không gặt  
Bỏ lại tôi thương nhớ còn cào*

*Văng vẳng chuông chiều  
Thâm thì sương sớm*

*Âm âm gió  
Âm âm mây  
Bước chân người gieo hạt*

*Thêm một mùa gom nổi nhớ mang đi.*

**Bùa lá**

*Này tên vợ  
Này tên chồng  
Này tên con  
Ta lấy máu của trái tim mình viết vào lá trầu  
Bùa lá*

*Ta cầu thần linh  
Ta cầu thượng đế  
Ta viết đủ ngày sinh tháng đẻ  
Nhập vào mọi nẻo âm dương*

*Hỡi lửa thiêng, cha hiền, hãy nung nóng tim chàng!  
Hỡi dòng nước mạnh, mẹ của muôn loài, hãy vỗ về con!  
Hỡi không khí, căn nhà hãy ấm lên!*

*Ta lấy không khí làm thuyền, lấy lửa thiêng làm mái chèo  
Cuộn vào dòng nước mạnh  
Tìm người yêu ta về.*

*(Tháng 3/2002)*



**Chơi núi**

*Tựa lưng núi  
Chợt nghe tôi cười  
Nhặt nắm đất đồi  
Mặt ướt  
Tôi quay quắt tìm tôi*

*Tựa lưng núi  
Cúi xuống đồi  
Cây đau hay vấp lốc  
Người đau thương nhớ lâu  
Tôi còn đây hay tôi nơi đâu*

*Núi cười  
Đồi khóc  
Tôi nhọc khó tìm tôi.*

(Tam Đảo, 9-10-2002)

**Gió kể**

*Lao xao  
Lao xao  
Thương nhau  
Thương nhau  
Đừng như cái áo  
Đừng như cái áo*

*Lao xao  
Lao xao  
Nhớ nhau  
Nhớ nhau  
Đừng như cái áo  
Đừng như cái áo*

HUỲNH ÁI TÔNG

*...Yêu nhau*

*Rồi quên nhau*

*Rồi xa nhau*

*...đợi lâu*

*Chợ tình đợi lâu*

*Nhìn nhau*

*Nhìn rất lâu*

*Nhớ nhau mỗi năm mỗi sâu*

*Chợ vắng người đợi đã lâu*

*Một mình...*

*Lắm thương nhớ đau.*

Trong bài: *Nhà thơ Bùi Tuyết Mai: Tôi sinh ra giữa vũ trụ Mùong*, tác giả Nguyễn Bình có nhận định:

*“Thơ của chị đậm chất Mùong. Một chất Mùong vừa nguyên sơ vừa hiện đại. Chất Mùong ấy thể hiện ở mọi phương diện, từ thi liệu tới giọng điệu, từ hình ảnh đến lối cảm, lối nghĩ... Có ý kiến từng nhận xét: thơ của chị rất lạ; lạ vì trong trẻo; lạ vì cái chất sống hồn nhiên, tuy phải va chạm với thành thị; và lạ vì có một không khí núi đồi nương rẫy phủ lên ngôn từ thi ca.”*

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Tuyết Mai Web: [daidoanket.vn](http://daidoanket.vn)

- *Tâm tình người thiếu nữ* Web: [daidoanket.vn](http://daidoanket.vn)

## 26. Hoàng Thanh Hương



### **Hoàng Thanh Hương-Hoàng Thị Thanh Hương (1971-20 )**

Nhà thơ Hoàng Thanh Hương tên thật là Hoàng Thị Thanh Hương, dân tộc Mường, sinh ngày 31 tháng 12 năm 1978, tại Hương Nộn, Tam Thanh, Phú Thọ.

Năm 2002, tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Trường đại học Quy Nhơn.

Từ năm 2002, Hoàng Thanh Hương làm giáo viên ngữ văn tại trường Trung học cơ sở Bùi Thị Xuân ở thành phố Pleiku.

Năm 2005 chuyển công tác về Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Gia Lai làm Biên tập viên cho tạp chí *Văn Nghệ Gia Lai*.

Từ tháng 8 năm 2011, chuyển sang làm cán bộ bảo tàng thuộc Sở Văn hóa – Thông tin và Du lịch tỉnh Gia Lai.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà thơ Hoàng Thanh Hương là Hội viên Hội Văn Học Nghệ Thuật Gia Lai, Hội VHNT các Dân tộc thiểu số Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội VHNT Gia Lai.

Hoàng Thanh Hương nhận được các giải thưởng:

- Giải Trẻ của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2006, cho tập thơ *Tự cảm*.
- Giải B (không có giải A) của Hội VHNT các DTTS Việt Nam năm 2009, cho tập thơ *Lời cầu hôn của rừng*.
- Giải C của Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ II năm 2005-2010, cho tập thơ *Lời cầu hôn của rừng*.

Nhà thơ Hoàng Thanh Hương hiện sống và làm việc tại thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai.

Tác phẩm:

- *Tự cảm* (thơ, Hội Nhà văn, 2005)
- *Lời cầu hôn của rừng* (thơ, Hội Nhà văn, 2008)
- *Những đứa con của buôn Núi* (tập truyện, Văn hoá dân tộc, 2008)

Trích văn:

### Giới hạn

Gió nhĩ, gió nhiều khiến Thị bất an, người đàn bà và bày chó ở chân cột đèn ngã tư hoa tay nhắc Thị đèn đã xanh lần hai. Thị nhìn bày chó rúc ráy, nghịch ngợm gặm gấu quần mụ, liếm láp những ngón chân múp rụp móng sơn xanh vẽ hoa vàng.

Thị xoa xoa bộ lông mượt mà của lũ chó, chúng biết đang được thương, chúng dồn về Thị liếm liếm tay, mắt ướt át. Thị nghĩ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

thà làm kiếp chó lại hay. Gã coi Thị thua cả chó ấy chứ. Gã sắp về. Thị sắp bị nghe những lời rửa xả ào ra từ hai bờ môi mỏng dính, hàm răng sin sít. Đàn ông môi mỏng rất một lũ đều. Thị tính lần này Thị sẽ đâm chết gã, bằng con dao Thái cán vàng. Thị sẽ đánh trả. Thị sẽ cho gã biết con giun xéo lắm cũng quăn... Thị tính về nhà mẹ ngủ một giấc bù mấy đêm thức trắng thì tiếng con bé alo nhõng nhẽo: *Mamy về đi, con đói, con sốt rồi*. Thị phóng vù đi. Lũ chó bắt ngờ bị rời bỏ sủa óc óc. Mụ bán chó hua tay cản không kịp. Đền đang đò...

Đàn bà là giống nhẹ da, yếu đuối. Nhiều khi muốn quyết định dứt điểm một vấn đề nhưng lại chần chừ, lại cân nhắc, lại thương cảm cho những đứa trẻ mình tạo ra. Sự cố gắng của Thị như muối bỏ bể, gã chẳng bao giờ chịu lắng nghe hết vấn đề, gã nói dai đến nỗi Thị muốn trốn khỏi gã ngay lập tức khi cuộc xung đột bắt đầu. Bệnh mất ngủ khiến Thị thiếu minh mẫn, Thị nóng nảy và hay lạnh cơn. Thị muốn biến mất, muốn không phải nghe những câu chỉ chiết dài dằng, những cú bạt tai tối mắt, những đêm đờ như khúc gỗ mặc gã tự sướng. Thị muốn gã biến mất...

Thị đi huỳnh huych, Thị thờ hào hên, trời lạnh mà Thị toát mồ hôi ròn ròn, Thị dôn nổi giận dữ vào mỗi bước dài kèm theo động tác hất tay. Con gái Thị cười líu ríu phía sau, nó chạy nhảy với lũ nhóc mới quen, Thị ước gì được bé lại bằng nó. Thị cố quên đi những cú đâm chặt vào đầu, những túm giựt đùi tát... Thị cố quên nhưng không quên được. Cái lược vừa chạm vào tóc cũng chạm vào ngay cục u sưng tấy được hình thành từ những cú đâm chặt. Cái bông phấn vừa chạm cằm cũng chạm vào vết bầm được tạo bởi cái tát bất ngờ thật lực. Cái vòng vừa tuột vào tay cũng chạm ngay vào mảng thịt bầm sưng vì cái bóp quặt. Thị đi huỳnh huych. Thị thờ Phật, Thị có học hành tử tế, Thị thuộc nhiều ca dao tục ngữ về quan hệ vợ chồng kiểu như: *Chồng giận thì vợ bớt lời/ cơm sôi nhỏ lửa biết đời nào khê...* nhưng gã không cho sự im lặng của Thị là vàng, gã cho

## HUYỀN ÁI TÔNG

đó là hành động khinh bỉ, coi thường gã thua kém Thị về trình độ học vấn. Là thừa nhận tội lỗi, là...là...là..... Thị chột chậm bước, chân Thị thả nhẹ nhàng, Thị vin vào thành hồ, ngõ ngàng nhận ra chiều nay sen nở đẹp tuyệt, trời cũng bớt gió. Thị ngắm hoa, Thị nhớ gương mặt cô em đồng nghiệp xinh tươi, nhớ như in ngày nọ Thị ngồi đây, bên bờ hồ sen tuyệt đẹp trong khuôn viên quảng trường thành phố này, Thị dành cả giờ to nhỏ thủ thi khuyên nó đừng ly hôn, chớ ly hôn...

Thị ngồi suốt đêm, Thị nghĩ đến đại dương, Thị thèm được đến biển. Cái đèn hồng thật vô duyên, cái bụng rỗng từ trưa òng ọc réo. Thị thấy đói cồn cào. Gã bỗng nhiên nhún nhịn và ăn năn. Gã hứa sẽ thay đổi. Thị cảm tờ đơn ly hôn lật qua lật lại cả đêm. Đầu tối, Thị đã đọc cả chục bài viết về ly hôn và hậu ly hôn. Lại là những đứa trẻ - chúng làm những cặp vợ chồng hoặc hồi tâm, nhún lại những ích kỷ, tham vọng hoặc dứt tình ra đi bỏ mặc với mớ lí luận cùn nhầy chầy bữa đời cua cua máy, đòi cáy cáy bò. Thị nhìn sang con bé, lòng chùng chùng lại. Con bạn thân khoe chồng nó dạo này biết điều, không keo kiệt, không già mòm, không thô lỗ... Nó bảo nó hạnh phúc. Mừng cho nó. Thị hồ nghi. Thằng chồng cục súc trình độ học vấn 7/12, nhờ chú làm giám đốc công ty vật liệu xây dựng đưa vào cơ quan làm lái xe, cho đi học hết bỏ tức rồi đến trung cấp tại chức, đại học từ xa... giờ ngồi như phỗng trên cái ghế trưởng phòng hành chính. Ăn nhậu, gái gú, xun xoe bợ đỡ khom quỳ để tiên thân hưởng lộc. Gã lấy được con bạn thân bằng cái mẽ cao ráo thư sinh và cái miệng dẻo như bánh dày. Đàn bà là giống cả tin. Con bạn thân là cái hũ gạo đầy, nhà nó giàu nhất tỉnh, gã có ngán nó đến cổ cũng không đại buông. Gã sẽ không ngu như thằng chồng trước của nó. Gã nắm thóp nó yêu gã như điên. Gã có 36 chiêu để làm mát dạ mát lòng con vợ sau mỗi cơn bốc hỏa. Chú gã kì công dạy gã mấy năm nay cách ăn bánh trả tiền, cách coi nói xây mới, cách....cách...cách... cách nào cũng lợi mình thiệt người. Gã thờ chú hơn thờ thần. Gã nhủ có kiếp sau gã vẫn xin làm trâu chó cho chú. Miễn là được gần

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

chú. Thị nghĩ bụng sống bần như gã chết đi xuống địa phủ chịu đủ 9 tầng tra khảo cũng chưa hết tội, làm gì có cơ hội mà mơ đầu thai kiếp này, kiếp kia. Con bạn thân đẹp, giàu mà đời bạc như vôi. Trước đây, Thị suốt ngày là kẻ phải nghe những âm ức tức tưởi của nó từ chồng. Suốt ngày bị nó dựng dậy giữa trưa phóc lên taxi đến điểm B,C,D,E vì có tin thám tử báo chồng nó đang tú tít với bồ. Chả lần nào bắt quả tang. Chán nó bỏ xuôi. Nó tìm vui bằng cách đầu tư nâng cấp nhan sắc. Nó bỏ lơ gã. Nó đã đẹp càng đẹp, đã sang càng sang. Gã giật mình. Gã bỗng nhiên dạo này tôi nào cũng có mặt ở nhà, tắt máy, ngồi xem ti vi, đọc báo, ôm vợ rúc ráy rồi ngáy khò khò. Con bạn thân khoe chồng nó dạo này biết điều. Nó bảo nó hạnh phúc. Mừng cho nó. Thế nghĩa là chồng nó đã thay đổi. Thế nghĩa là con nó, con chồng, con cả hai đã tạm yên thân. Chúng không phải thấp thỏm nấp núp tái mặt, giật mình bởi tivi bay, điện thoại bay, chén bát bay mỗi khi ba mẹ lên con.

Nhà Thị như có tang, lòng Thị cứ nghĩ về đại dương, Thị nhớ biển và gió và sóng xô. Thị ước gì được biến mất khỏi nơi này. Không phải là chết. Không phải là sống vật vờ như xác sống. Mà là một Thị sinh động và lộng lẫy. Thị nhớ biển, nhớ người ở biển. Người chắc đã lấy vợ sinh con, chắc đã quên Thị, quên một đêm trăng đẹp biển yên. Người hát và Thị hát. Nụ hôn ngọt ngào nhất thế giới, dài nhất thế giới. Người tốt bụng, tự tin, tự trọng nhưng nghèo. Mẹ Thị không thích Thị khởi đầu cuộc đời từ cái nghèo. Thị nghe mẹ. Thị rời bỏ biển dù lòng đầy nuối tiếc và rạn vỡ. Những khi bất an lòng Thị luôn nhớ biển. Thị ngồi cả đêm, mắt quen với bóng tối, tay cầm đơn ly hôn lật qua lật lại. Gió. Trời nhiều gió và buốt. Những khi trời nhiều gió Thị luôn cảm thấy bất an. Thị chờ sáng, để phủ lên mặt lớp kem nền sáng mịn, tô son màu cánh sen, đồng phục phẳng phiu phóng ra cổng. Một Thị rạng rỡ sinh động. Một Thị ừ ê tro lý. Một Thị ở thờ trông rỗng. Thị chờ sáng, mông tê lưng mỗi. Đồng hồ tích tích tắc tắc ù tai. Thị chờ sáng.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Bạn Thị làm toà án, anh hỏi Thị suy nghĩ kỹ rồi chứ? Thị dạ. Anh bảo bỏ chồng chẳng hay ho gì, hoà giải đi. Thị dạ. Anh bảo em nên tỉnh táo cân nhắc. Thị chẳng nói gì. Anh đẩy tập giấy tờ qua bảo Thị về nghĩ thêm tuần nữa. Nếu vẫn quyết ly hôn thì anh giải quyết ngay. Thị lui thui về. Trời nắng chang chang, Thị thêm một trái dưa non, Thị nhớ góc quán lạp xụp xụp với hai trái dưa non và lặng im mắt nhìn. Có nhiều khi ngôn ngữ vô nghĩa. Có nhiều khi ngôn ngữ là tai họa. Thị rúc vào chăn, con bé thở khè khè, mùa lạnh rồi. Cái đèn hồng thật vô duyên, bức tượng sứ đôi trai gái hôn nhau thật vô duyên. Đêm yên tĩnh. Thị đọc đi đọc lại một bài điều tra về trẻ vị thành niên phạm tội. Thị giật mình bởi nguyên nhân chính dẫn đến hành vi phạm tội của chúng chính là sự bất mãn trước cảnh gia đình đối chiến, tan tác. Ba mẹ bỏ nhau. Chúng bị tổn thương nên quậy phá chống đối... Thị nhìn con thở dài đánh sượt. Lòng Thị chùng chùng. Thị chờ sáng...

Thị dậy sớm, Thị mở nhạc, gã ngồi phòng khách nhìn ra, Thị có thể cảm giác được ánh mắt gã. Thị hận gã. Thị ước gì gã biến mất. Biến mất như T trong tiểu thuyết “T mất tích” của nhà văn Thuận. Đầu Thị đã bết sung, tay Thị đã bết bầm, chân Thị đã bết nhừ nhưng lòng Thị như lò lửa. Thị từng mua xăng về, Thị từng muốn đốt cháy mình. Thị tự nhủ giờ mà Thị bốc cháy thì gã sẽ làm gì? Gã có gào lên ân hận như gã chồng giáo viên đốt vợ tháng trước ở Lào Cai? Hay gã sẽ lạnh lùng chờ Thị cháy chết xong cuốn xác lại thả xuống Biển Hồ. Năm nào cái hồ nước trong veo ấy cũng nhận vài mạng, không sợ ý đuối nước thì cũng tự thả mình quên đời. Các vụ tự chết đều vì tình. Chưa có vụ nào phi tang xác. Thị chột rùng mình. Thị sợ đuối nước. Chết nước khủng khiếp. Chết cháy khủng khiếp. Năm nay Thị hay nghĩ về cái chết. Giác mơ loáng thoáng cái chết. Thị thấy mình chết lộng lẫy. Da mịn phấn, môi hồng cánh sen, áo dài tím đặng ten trắng viền trước ngực, quanh cổ tay dài các. Thị là loại đàn bà trọng hình thức, thích đẹp, thích lịch lãm. Thị có lần dặn con bạn thân khi hai đứa nằm ăn hạt dưa



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

buôn chuyện làm đẹp, chuyện tình nhân rằng tao chết thì viếng tao hoa hồng vàng, cúng 49 ngày luôn là hoa hồng vàng nha, không đúng hoa tao thích tao về lật giường đó. Con bạn thân nó Thị nộ: Điên. Ồ mà có lẽ Thị điên điên thật. Người ta đi làm bon chen đấu đá để lên chức, Thị không để tâm. Sếp bảo Thị làm hồ sơ bổ nhiệm Thị lác đầu quày quay: Thôi cho em làm chuyên môn. Con em nhỏ, chồng bán buôn bận rộn, không ai lo việc nhà. Người ta đồ xô toan tính làm ăn, chèn nhau hại nhau để giành mỗi này mỗi kia mưu lợi. Thị góp tiền làm công ty tư nhân chung với cô ruột, hợp cung hợp mạng nên công ty cũng có tiếng tăm nhưng Thị thông thả có mỗi nào làm mỗi ấy, chả cào cấu nhón nhào dù Thị quen biết rộng, khéo ăn khéo nói, nghiệp vụ chắc. Bà cô giám đốc bảo Thị làm ăn như mày sức mấy mà giàu nổi con. Thị cười tủm tỉm nhát gừng: Biết đủ là đủ cô ạ. Thị chả thích làm nhà nước. Thị thấy cơ quan Thị mấy chục con người sáng 7h30 có mặt đầy đủ, chiều 5h30 về sạch. Làm việc thực lực chỉ nửa số đấy. Số kia chơi game, tùm tùm nước chè ăn trái cây bánh kẹo nói xấu kẻ vắng mặt, tranh thủ chạy chợ búa, mua sắm, hẹn hò, mảnh mung lè tẻ... Số làm thực cực thân, làm nhiều bị ghét nhiều. Cuối năm danh hiệu này kia cũng như số ngồi chơi xoi nước, làm thế làm nữa cũng chả bằng nổi con ông cháu cha, cũng chả bằng nổi những đồng nghiệp mồm mép đỡ tay chân, thân quen vợ sếp con sếp... Thị nghe người ta truyền nhau câu “Mười năm phấn đấu không bằng cơ cấu một đêm”. Thị buồn. Thị nản. Thị muốn ở nhà mở tiệm làm đẹp. Thị thích làm cho những người đàn bà đẹp lên sau khi rời khỏi cửa tiệm của Thị. Thị mong họ hạnh phúc hơn với những tươi mới Thị vừa sáng tạo chăm chút trên một nhan sắc cũ. Nhiều lần Thị nói với chồng Thị muốn ở nhà làm ăn cho tự do và có thời gian chăm sóc con cái hơn. Ngâm ngâm Thị muốn ở nhà cho chồng khỏi ghen bóng gió mà gây gổ nhưng chồng Thị gạt phắt: Điên, đang công việc ngon lành sang trọng đòi ở nhà làm tiệm làm quán. Công việc của em người ta tiền trăm triệu cũng chưa vô được đó biết không? Cứ bám chặt lấy nhà nước. Mọi chuyện anh lo hết. Thị biết chứ!

## HUYỀN ÁI TÔNG

Nhưng chồng Thị có biết cảm xúc của Thị khi lãnh trọn những trận đòn ghen vô lí. Thị muốn là một Thị sinh động và lộng lẫy thực sự. Thị ghét đóng vai người đàn bà may mắn giàu sang vì có chồng đại gia. Thị tính ngày mai vào mẹ ở vài hôm. Ở nhà ra vô đụng mặt nhau ức chế. Cả tuần rồi Thị không ngủ được. Cả tuần rồi đêm nào Thị cũng nằm/ngồi chờ sáng. Cái đèn đầu giường hồng suốt đêm, màu của nó vô duyên. Thị ghét màu hồng. Thị thích màu vàng. Cái đèn ấy già tặng hôm Thị tròn 30. Bốn năm sau nó vẫn hồng, ước gì nó biến thành màu vàng, màu vàng cổ kính. Thị chợt nghĩ đến bó hồng. Một bó hồng đẹp xao xuyên gửi vào email. Một câu ngắn gọn nhắc Thị uống nước nhiều và ngủ đủ giấc. Một câu chuyện hài hước, những pic hình ngộ nghĩnh share qua facebook. Lòng Thị dịu lại, dịu lại. Thị tính tối nay sẽ ngủ, trời lạnh buốt, sắp vào Chạp rồi, sắp Tết rồi. Thị ráng ngủ để đủ sức khỏe làm việc kiếm thêm chút tiền. Lương của Thị 4,1 triệu. Thị muốn riêng sắm cho bố mẹ cái tết đầy đủ, sắm cho con gái 3 bộ váy xịn và một bộ cho mình. Bằng tiền của Thị. Con bé có đôi mắt to, mí dài giống Thị. Con bé có đôi môi mỏng, tóc xoăn giống gã. Nghĩ đến con bé lòng Thị chùng lại, chùng lại. Con bé lúc nào cũng thích bài “*Ba ngọn nến lung linh*”. Thị cũng thích. Chiều nay, trời nhiều gió, bụi bay vào mắt Thị lặm rặm. Gió, gió nhiều khiến Thị thấy bất an.

Thị chết rồi. Thị nằm nghiêm ngắc trên giường, môi hồng cánh sen. Thị tô môi thật đậm, kẻ mí mắt thật đậm. Khuôn mặt Thị đẹp nhất là đôi mắt to, bờ mí dài. Đôi mắt dẫu cười híp mí vẫn buồn vời vợi. Thị đã có cả tuần để chết. Thị nằm như ngủ. Cái đèn hồng đã sáng cả đêm, giờ nó càng sáng trong căn phòng thơm ngạt mùi nước hoa very sexy và rèm buông, màn buông lũng chùng. Thị trông như đang ngủ, xinh đẹp gợi cảm và u buồn. Thị chọn màu váy vàng để mặc, chiếc váy già mua tặng hôm Thị tròn 30. Bốn năm sau nó vẫn ôm sát thân thể Thị. Chiếc váy khoét cổ hình tim. Gã đứng trước cửa phòng. Mặt gã như ma cà rồng. Tòì nhìn gã, môi nhếch nhẹ. Tòì giận Thị.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Sáng mai, tôi sẽ không được nghe giọng nói nhẹ như gió thoảng, ngọt như mía lùi của Thị. Sáng mai, tôi chẳng cần ra rả khuyên Thị phải thế này thế kia, bỏ chồng thiên hạ cười chê thúí đầu, rằng Thị ngu thế cứ sống tình bơ đi vì con gái, gã là thứ đàn ông rác. Những thằng môi mỏng, tóc xoăn rặt một lũ đều... Con bạn thân khóc ồ ồ, nó chửi Thị ngu, điên, dở hơi. Con bạn thân ôm tay Thị áp vào má thôi gào, nước mắt lã chã ướt thấm mặt rấp trái nệm. Tôi vuốt lưng con bạn thân, bảo nó đừng làm thế. Để Thị đi, khóc gào xót thương nhiều Thị sẽ lưu luyến phân tâm mà lạc lối nơi cõi âm. Con bạn thân ngó tôi, nín bật. Gã đứng đó, trước cửa phòng Thị, mặt như ma cà rồng. Đứng mãi gã ngồi. Ngồi mãi gã nằm. Mất gã đỏ như than. Mặt gã như ma cà rồng. Chẳng ai dám bước vào. Gã bảo: Im lặng để Thị ngu... im hết... im lặng hết...

Thị chết rồi. Tôi chẳng còn những điều tâm sự của Thị để viết. Thị hèn, điên, dở hơi quá. Tôi giận Thị. Còn một người nữa ngoài con bạn thân và tôi biết Thị rất thích những đóa hồng vàng, người gửi email nhắc Thị một câu ngắn gọn nhớ uống nước và ngủ đủ giấc. Người tặng Thị những đóa hồng vàng ảo mỗi sáng mai vào hộp email. Người share những câu chuyện hài hước, những pic ảnh ngộ nghĩnh làm Thị cười rúc rích một mình. Nhưng tôi không biết anh ta ở đâu, là ai để mà báo tin. Người ở biển, người yêu Thị đến phát bệnh liệt giường sau khi Thị rời bỏ, người có nụ hôn dài nhất thế giới, ngọt ngào nhất thế giới. Giờ này anh ở đâu? Cuốn nhật kí của Thị tôi đang cầm đây. Những mốc thời gian rời rạc. Thị viết nhật kí theo kiểu riêng. Không mỗi ngày mà theo sự kiện cuộc đời. Những mốc lớn. Tôi đã không đủ nhạy để nhận ra, để tự hỏi tại sao Thị lại đưa cho tôi cuốn sổ cũ kỹ này. Đơn giản tôi nghĩ Thị yêu tôi, tin tôi vì tôi là chị gái họ hàng, đơn giản vì Thị muốn tôi viết về đời Thị thành truyện ngắn hay một loại gì đó tương tự. Thị bảo Thị mê văn chương mà không có khả năng viết. Thị bảo tôi là nhà văn nhất định tôi phải viết về đời Thị. “Em là cô bé lọ lem”. Tôi nhớ khuôn mặt đầy biểu cảm của Thị khi Thị những

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhẹ đòi tôi viết về đời Thị. Thị bảo chị là hiểu em nhất, chị biết đời em nhất, chị cứ đọc đi, dựa trên cuốn sổ này. Thị cần thận đưa nó cho tôi. Thị dặn đi dặn lại đừng cho chồng Thị thấy, đừng cho ai thấy nó. Giờ nó đang nằm trên bàn viết của tôi. Cũ kỹ và u buồn. Tôi chỉ mới đọc được 8 trang, mốc thời gian Thị đang sinh viên văn khoa năm cuối. Có bóng dáng người ở biển. Mới vậy. Tôi sẽ giữ lại nó. Không đốt hóa theo Thị. Thị muốn tôi giữ nó. Đến giỗ đầu của Thị tôi sẽ trả lại. Thị đã chuẩn bị cho cái chết của mình. Tôi đã không đủ nhạy để nhận ra sự xếp đặt của Thị cho chuyến đi không về này. Tôi giận Thị. Tôi ghét đóng sách vở triết lí hiện sinh Thị mượn tôi đọc mê say, tranh luận say mê. Thị sai rồi. Tôi ghét bản thân mình. Tôi tự hỏi đến tận lúc sắp trút hơi thở cuối để về cõi ma Thị có muốn điều gì ở gã, ở anh ta không? Tôi giận Thị. Thị hèn, điên, dở hơi quá. Chết, đó là con đường dễ nhất và vô trách nhiệm nhất. Tôi nhếch mép nhìn chồng Thị. Gã đứng đó, trước cửa phòng Thị, mặt như ma cà rồng. Đứng mãi gã ngồi. Ngồi mãi gã nằm. Mắt gã đỏ như than. Mặt gã như ma cà rồng. Chẳng ai dám bước vào. Gã bảo: Im lặng để Thị ngủ... im hết... im lặng hết... Tôi mím môi nhìn con bé. Con bé có đôi mắt to, mí dài giống Thị. Con bé có đôi môi mỏng giống gã. Con bé ngồi im lặng như bức tượng sáp trong lòng ông ngoại.

Thị chết rồi. Ai cũng trách Thị dại, ai cũng giận Thị dở hơi. Tôi cũng giận Thị. Nhưng tôi cũng tự hỏi mình nếu đặt tôi vào hoàn cảnh của Thị, tôi sẽ làm gì? Mặc kệ đời vui sống, tích cực lao vào các hoạt động xã hội, làm giàu, đi tu, ngoại tình, ly hôn lấy chồng khác hay gì gì gì cách giải quyết để tồn tại tiếp giữa cuộc sống đầy thử thách này thêm 10 năm, 20 năm, 30 năm đến khi là một bà lão nhăn nheo chiều chiều u buồn xum xọ ngồi bên bậc thềm nhìn ra đường phố, chờ cái chết đến, chờ đợi trong bất lực, mỏi mệt và âu lo. Tôi chẳng biết nữa nhưng vẫn cứ giận Thị, vẫn ước gì Thị đừng uống 72 viên thuốc chết tiệt kia, vẫn ước gì mỗi ngày, mỗi tuần tôi được thấy Thị xinh đẹp trong những bộ váy model rực rỡ màu sắc, được Thị gọi

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

điện thút thút kể lể mỗi khi gã say về hạch sách quây phá tanh banh, được thấy Thị sinh động và lộng lẫy khi ra khỏi cánh cổng sắt đen sì nặng trĩu, được thấy Thị ủ ê ở thờ trong căn phòng hồng hồng ánh sáng đèn ngủ, thơm nức mùi nước hoa cùng đồng sách báo cao ngất đủ loại, được thấy Thị cười him mắt khi đọc những câu chuyện hài hước trên facebook...

Thị chết rồi! Giờ thì tôi chẳng muốn viết gì. Trên bàn viết của tôi cuốn nhật kí của Thị cũ kĩ u buồn đang gấp dấu trang thứ 8. Tôi cũng không muốn đọc tiếp nó lúc này. Tôi ghét mình. Tôi giận mình. Tôi là đứa chị ngu dốt nhất thế gian, lẽ ra Thị đã không chết nếu đêm qua tôi kịp xuống bên Thị khi nghe Thị gọi. Giọng Thị như gió thoảng và ngọt như mía lùi. Tôi xin lỗi độc giả vì cái kết dở hơi này, nhưng tôi đang còn nợ Thị. Và nợ nào thì cũng phải trả, bất kể thời gian mau/lâu.

*(Tháng 11 năm 2013)*

Trích thơ:

### **Buổi chiều & nỗi nhớ**

*Có những buổi chiều  
muốn tìm về một làng xa  
say ngất rượu cần và xoang và hát  
vô tư chơi đùa rủ rì kể lể  
những người nghe mình gà gât hơi men  
những bàn tay lấm lem  
nắm chặt tay mình âu yếm  
chẳng chút ngại ngùng giấu giếm  
chẳng chút âu lo dối lừa  
ước gì mình là một tiểu nữ thần  
để có thể bay về nơi cuộc sống mình tin cậy....*

## HUỖNH ÁI TÔNG

Có những đêm nằm lại một làng xa  
chiếc chần lành mí nương tôi  
bắp ngô non mí nương tôi  
rượu cần ủ đợi lễ cúng nhà rông  
ama bảo cứ uống đi mai làm ché khác  
bên bếp lửa thâu đêm ngồi nghe kể chuyện  
những người đã khuất những người đang còn  
làng có từ bao lâu không ai nhớ  
nhưng chẳng ai có thể rời bỏ  
mái nhà rông bao đời sừng sững cùng mưa gió  
như một ánh sao cho người lạc tìm về  
như một hẹn thề trăm năm đôi lứa

Có những đêm nằm lại một làng xa  
khuya tiếng chiêng chấp chờn con say  
chấp chờn cuộc chia tay giữa ma - người vĩnh viễn  
tôi uống cả sương cả sao trời cả ánh mắt anh như lửa  
những tiếng hú phẫn khích, những bước chân phẫn khích  
thế giới của riêng tôi đặc biệt cảm nhận  
để lại có những buổi chiều ngồi như gỗ mục  
lan man nỗi nhớ  
lại ước gì mình là một tiểu nữ thần  
để có thể bay về nơi cuộc sống mình tin cậy....

(5-3-1013)

### Bazan

Bươm bươm mùa nắng vàng như mật  
xuyên chỉ mềm lối qua  
mùa em bắt đầu những chuyến đi  
phía trước rừng chơi vui  
phía sau biển hai ngàn lẻ một màu  
ba lô là muối mặn gừng cay  
miền Trung nghèo thắt ruột

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Tây Nguyên bỏng rát những tàn tro rừng chết  
suối đục lờ cá ngoi ngóp  
còn đâu, còn đâu?  
nếu em lên biên giới  
em sẽ gặp bạt ngàn hoa sim...

Lướt qua nhưng miền cây  
vấp rễ konia trăm tuổi  
sợ mai trở lại  
một khoảng màu đỏ ối  
hố sâu hoắm, tiếng cưa buốt óc  
lửa không phải của đêm xoang Tây Nguyên  
nhà sàn không phải của H'Bia, H'Nhí, Núp, Xu Man  
Lửa gùn ngục cháy  
khói bay, bụi bay, tôi bay  
trên chín tầng mây nhìn xuống  
hoang trợ đôi núi ngàn năm  
thắt tim ngày bắt lực  
nỗi buồn dài như con đường gai xấu hổ nở hoa  
buộc tim tiếng đàn goong day dứt  
cung bổng trầm réo rắt  
nhớ thuở rừng xanh mênh mông  
thác đổ dòng, suối sông vui đầy hai mùa mưa nắng  
vui hí vượn kêu chim đàn rợp bóng  
em ngực trần công nước  
đi qua tôi chiều ngẩn ngơ

Bazan

Bazan

bazan

đất nơi tôi không sinh ra nhưng lớn lên phồng phao quuyến  
rũ

đàn bà tuổi ba mươi tôi yêu nơi này kỳ lạ  
ước gì có thể níu giữ những điều sắp mất  
biết là phi lý nhưng ước mơ mấy ngàn năm rồi, lúc nào

## HUYỀN ÁI TÔNG

*chẳng xanh tơ*

*bazan*

*bazan*

*bazan*

*tôi hy vọng thời gian, lòng người và những trái tim biết hát  
để rừng lại xanh, suối lại trong, sông hồ lại ắp đầy sóng  
sánh*

*em gội tóc chiều sông ngực soi mặt sông  
những đường cong căng mềm làm mát một mùa khô  
đêm đêm nhà rông gái trai trống chiêng múa hát  
người yêu người như thuở bình minh.*

### Ngày cưới

*Ngày cưới em không được ngồi xe hoa  
nhà mình gắn nhau vào ra đưng ngõ  
sắp đến ngày vu quy  
em thèm được nghe lại giọng mình  
đêm thật khuya và gió.*

*Ngày cưới em không được rót rượu hồng  
ly rượu trong mơ chạm môi ngọt lịm  
chiếc bánh kem ba tầng  
gắn nhiều hoa nhỏ  
có đôi uyên ương hôn nhau  
em chưa hề được chạm tay  
em thèm được bế tung lên  
thèm lao vào nhau bốc cháy.*

*Thế rồi chúng mình vẫn yêu  
vẫn bền bỉ bên nhau tháng dài  
và quên bao điều nhỏ nhất  
nhìn người ta dìu nhau  
bước vào hôn trường*



hoa giăng rục rờ  
lại nhớ ngày qua.

Thế rồi vườn hoa trước sân nhà  
thi nhau nở bông vàng bông tím  
có một nụ hồng rung rung trong sương mai  
anh hái đặt lên ngực em  
mùa xuân về hát bên khung cửa  
khung cửa có nhiều ô hình trái tim.

### Tiếng đàn goong

Gió đi qua thung lung  
đêm rừng mình  
đỉnh núi mờ xa trong sương  
em ngồi như gốc gỗ khô  
bàn chân muốn đi  
con tim muốn bung khỏi ngực  
chờ em nhé người thương.

Tiếng đàn goong réo rắt  
nỗi nhớ dài như suối  
nỗi nhớ cao như núi  
như cả nỗi khát khao của em bao ngày  
về anh  
chàng trai môi thơm như rượu cần  
trái tim như bếp lửa.  
người hát cùng em đêm Pơ-thi  
người uống cùng em đêm Kơ-cham  
người em muốn kết tình chồng vợ.

Trăng sắp lặn rồi  
tiếng đàn goong réo rắt

HUYỀN ÁI TÔNG

*theo gió về từ phía rừng xa  
trăng sắp lặn rồi... đàn goong réo rất...*

**Khi ta thức giấc**

*Khi những thừa ruộng ngủ yên sau vụ gặt  
khi bày cò rú nhau trú đông  
khi cửa sổ được những người đàn ông  
tỉ mẩn sơn màu cánh gián  
là khi ta biết mình rất yếu mềm.*

*Gió ào qua những bậc thềm  
lũ mèo động tình gào thét  
mái tôn lâu không quét  
bụi rơi đầy mắt  
thềm được như mèo  
không cần biết đang là mười hai độ năm.*

*Cùng đi trên con đường giờ tan tâm  
bao khuôn mặt bị che sau khăn màu rục rở  
không thể nào đoán được  
không thể nào hình dung được  
không thể nào thấy được  
chắc gì ai cũng hân hoan.*

*Trở về nhà...  
mình lại là người đầu tiên mở cổng  
thế là chiều lặng lẽ vào đêm.*

*Ước gì sớm mai thức giấc  
được nghe một câu chào từ bờ môi quen.*

**Thanh thản**

*khi đi qua nỗi buồn  
em: hài nhi  
khi đứng dậy sau thất bại  
em: dáng thông đôi gió  
chỉ trước nỗi nhớ anh  
em: lá mềm như cỏ  
như sóng ban mai âu yếm hôn bờ*

*rồi ngày rộng thảng em sẽ già đi  
chẳng còn là táo thơm chín đầm mùa trái  
chẳng còn nhan sắc anh yêu một thời nồng cháy  
sống những câu thơ vẫn vậy  
từ trái tim em thấm đỏ tuôn tràn...*

*rồi ngày rộng thảng dài em sẽ ra đi  
sâu huyết mộ chẳng còn gì nuôi tiếc  
cám ơn tình yêu, cám ơn anh đã đến  
nâng dìu em qua chớp bể mưa nguồn.*

(13-5-2014)

### **Đêm và điều ước nhỏ**

*Đêm sâu thăm  
Đêm riêng tư những điều ước  
Nhỏ như hạt cát  
Vũ trụ bắt đầu từ những hạt cát.*

*Đêm - lắng nghe nhịp tim  
Háo hức như lần đầu hò hẹn  
Như đất hạn gặp mưa  
Gửi vào đêm những mong chờ  
Nhỏ như hạt cát*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Vũ trụ bắt đầu từ những hạt cát.*

*Đêm - vẽ mình trong lặng câm  
Tích tắc thời gian dòn đuối  
Sợ hãi tàn phai  
Áu lo lòng người thay đổi  
Sợ những chia cách vô hình  
Nhỏ như hạt cát  
Vũ trụ bắt đầu từ những hạt cát.*

*Đêm sâu thăm  
Đêm riêng tư những điều ước  
Nhỏ như hạt cát  
Vũ trụ bắt đầu từ những hạt cát.*

**Em – hôm nay, ngày mai & mãi mãi**

*Em đã ngủ chưa  
người của hôm nay  
ngày mai  
và mãi mãi*

*Anh thách thức thời gian và thất bại  
nỗi nhớ dìm anh đáy sóng  
ngập thở những mong ngóng*

*thương anh đường dài  
biên giới không một khuôn mặt quen  
những nụ cười lướt qua  
không nụ cười nào của em*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*độc hành anh hành trình dài và những giấc mơ  
tiếng cười em pha lê  
mắt em sương Pleiku, Biển Hồ đầy  
phấp phồng ngày về  
phấp phồng lo âu người tình nhỏ  
những con đường mình đi  
có em hoa bằng lăng rất tím  
phi trường mưa không buồn tái tê  
trên vai anh nặng trĩu một bờ mắt  
chờ anh ngày trở lại  
Pleiku mưa, phi trường em và gió*

*Người của hôm nay  
ngày mai  
và mãi mãi  
những tháng ngày còn lại  
anh xin thuộc về riêng một miền em.*

### **Pleiku và em**

*Ôi, đường chân trời  
màu xanh cánh đồng hay rừng hay biển  
anh có ở đó chờ em như đã hẹn  
ước mơ em những chuyến đi  
Pleiku mưa lê thê điệu slow trầm  
môi em còn vương nụ hôn tiễn biệt  
anh dấu chấm xa hút bầu trời  
em dấu chấm lẻ loi bờ hành lang ga đợi*

*anh đang nhớ em  
em biết  
ngực em nhói lên giữa những khoảng chờ tin nhắn  
email yêu thương gửi đi  
chập chờn sóng  
rối rít mong ngóng  
em đón anh cơn mơ chập chờn  
ranh giới ngày đêm nhòa nhạt  
hân hoan tưởng tượng  
tình yêu làm em ngốc nghếch  
làm em dịu dàng sau vô kể đắn đo.*

*Nơi anh đến nắng bốn mùa  
em để dành cả một mùa mưa cho anh mát  
trở về một sớm mai  
đường chân trời ngay trước mắt em  
lấp lánh đóa hồng  
lấp lánh mắt cười  
lấp lánh mi ướt  
môi em đậm vị môi anh  
Pleiku mùa mưa bản tango thanh  
em bước những nhịp lạ lắm  
tiếng cười xuyên qua ngực anh  
tan vào không gian rục rỡ.*

*Trở về một ban mai  
Anh không còn là khách lạ*

*Em - Pleiku duyên định tự bao giờ?*

### **Ngày không anh**

*khuôn mặt em mắt ngủ  
sáng mai ngày không anh  
nỗi nhớ nguyên hình  
như khối núi đê vỡ ngực  
em phải làm gì  
tháng ngày anh xa lác  
em biết làm gì  
ngày anh đi?*

*mùa ở lại cùng em  
mưa & mưa & giá rét  
chiếc khăn mùa cũ phai màu  
váy áo nằm buồn giá móc  
những nơi mình đến  
những chỗ mình qua  
vắng anh, em không lần dám lại  
thèm một trái dứa non  
thèm một lộc vùng hoa buông trưa nắng  
giật mình - kỉ niệm nào cũng gắn tên anh.*

*anh có thể sẽ dễ quên  
trái tim đàn ông chùng nho  
trái tim đàn ông nông hời  
nhưng đã có một mùa yêu ở lại*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*cùng em những đêm mất ngủ  
phi trường mình em ngóng cánh bay  
em đã biết phải làm gì ngày anh đi  
như một phép màu phù thủy  
nổi nhớ của em chín sắc cầu vồng  
điểm trang tình yêu lộng lẫy*

*anh hãy trở về một ban mai xanh  
Pleiku da trời xanh, mắt em xanh  
để nghe mùa hát bên trời.*

### **Ru mùa**

*mùa đông đã về anh ạ  
cái rét làm em bồn chồn  
những chiều gió tung thốc gió  
em ngồi so ro bên hiên*

*bản nhạc đưa chiều vào tối  
êm êm như hương dạ lan  
ngón dài đan vào tóc rối  
run run kỷ niệm dày thêm*

*cứ ngỡ là mình mạnh mẽ  
hóa ra cũng sợ tơ mảnh  
vắng anh ngày dài hiu hắt  
đêm quanh quẽ em và em*

*mùa đông đã về anh ạ  
mùa đông đầu em xa anh  
gió chùng như nhiều giá buốt  
mùa chùng như đang dài thêm*



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*em thềm một đêm bếp lửa  
một khăn len choàng qua vai  
một nắm chặt tay lặng lẽ  
một nhìn nồng ấm sớm mai*

*mùa đông về rồi anh ạ  
em vẫn chờ anh buồn – vui  
bản nhạc đưa chiều vào tối  
em ru mùa đông ngậm ngùi.*

Chiều Pleiku bắt đầu lạnh  
(14-11-2012)

**Bên em & Biển**

*Biển đã đón một người  
chiều nay về bên em lặng lẽ  
lặng lẽ dìu em qua mưa nguồn chớp bể  
qua những thăng trầm buồn – vui tháng năm.*

*Biển kể em nghe mối tình  
được bắt đầu bằng những câu thơ  
bay trong đức tin chính mình  
bằng những con sóng dịu dàng  
đón bàn chân biết hát  
đêm nay đêm của chúng mình  
thành phố của những kỉ niệm  
em không biết đặt tên những ngày bên nhau  
là gì  
kí ức ngọt ngào nuôi em lớn lên  
trong veo những ước mơ  
thanh thản những giấc ngủ  
tươi non những hoài bão  
em cứ muốn mình không bao giờ xa nhau  
như ngày tháng là thuộc về riêng em*

HUYỀN ÁI TÔNG

*như anh là người của em muôn kiếp  
không cần đợi chờ hò hẹn luân hồi*

*Xin anh đừng đem những dự cảm  
làm em âu lo, bối rối  
cuộc đời chớp mắt  
xin hãy sống và yêu như ngày ta mới quen.*

(12-2012)

**Em**

*Em - người đàn bà rộn rang  
bắt đầu mỗi sáng mai bằng những nghĩ suy  
về anh*

*Em - người đàn bà chạy đua cùng thời gian  
24 giờ quay cuồng lịch biểu  
hết giận là quên  
lòng dạ coi trầu  
anh đừng làm buồn thêm ngày tháng  
chuyện cũ nào thời gian chẳng phong rêu*

*Em - người đàn bà hỏa diệm sơn  
yêu và sống nhiệt cuồng như mai là tận thế  
em niêm ám ảnh, nổi khát khao  
những yêu thương và hoài nghi  
cùng lớn dần sau tóc*

*Em - những buổi tối dịu dàng  
lay ơn vàng, trầm hương & dáng ngồi lơ đãng  
cán phòng phút giây tĩnh mịch  
tuôn chảy những câu thơ quuyến rũ*

*Em - người đàn bà kỳ dị anh yêu.*

**Mùa xanh thắm**

*anh*

*nếu những gió mưa làm anh lạnh đường dài  
thì nhớ đến vòng tay em  
nếu những toan tính cuộc mưu sinh làm anh mỗi mệt  
hãy nhớ đến ánh mắt em  
nếu còn tiếc nuối điều gì đó hiện hữu  
xin nhớ đến tấm lòng em  
như một đóa hồng vàng rực rỡ  
nở mỗi sớm mai không đả đo.*

*Anh*

*em ước mình là một tiểu nữ thân  
chớp mắt có thể đến bên người thương nhớ  
vỗ tay có thể xua đi nỗi buồn anh  
xua tan hoài nghi anh  
có thể làm ấm lên trái tim anh đang nguội.*

*khoảng cách*

*chẳng lẽ khoảng cách lại thắng được yêu thương  
những bồi hồi mong chờ  
những tha thiết ngóng trông đắm đuối  
em ước chúng mình yêu như trẻ nhỏ  
ước gì thời gian quay lại  
ngày em gặp anh – ngày gió thổi  
ngày em không thể ngừng nói em nhớ  
ngày em nhận ra em khác biệt và thơ ngây.*

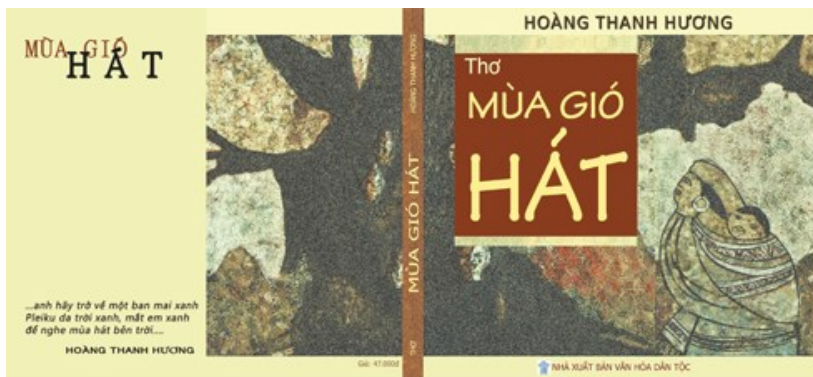
*Anh*

*hành trình em luôn anh là đích tới  
không biển cấm nào ngăn được cánh bay  
chỉ e trái tim người thôi ngân lên*

HUỲNH ÁI TÔNG

*bản thánh ca tình yêu  
em đã viết suốt một mùa xanh thắm*

(12-2012)



Trong bài: Nguyên sơ tình yêu Bazan, tác giả Hà Công Trường đã có nhận định:

*“Thơ Hoàng Thanh Hương tuôn trào tự do theo dòng cảm xúc không tuân thủ cấu trúc ngữ pháp truyền thống, nó phát ra như từ ý thức mà lại là vô thức vì vậy thơ chị ghi lại được những điểm bất chợt từ cảm hứng và những chất lọc tinh từ cuộc sống.”*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Thanh Hương Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)
- Giới hạn Web: [vanvn.net](http://vanvn.net)

## 27. Vi Thùy Linh



### Vi Thùy Linh (1980-20 )

Nhà thơ Vi Thùy Linh dân tộc Tày, sinh ngày 4 tháng 4 năm 1980 tại Hà Nội, nguyên quán ở Trưng Khánh tỉnh Cao Bằng.

Năm 2001, Vi Thùy Linh tốt nghiệp Cử nhân tại Phân viện Báo chí -Tuyên truyền.

Là nhà thơ thuộc thế hệ nhà thơ trẻ nhưng Vi Thùy Linh đã nhanh chóng trở thành một "hiện tượng" trong nền thi ca Việt Nam đương đại.

Vi Thùy Linh là nhà thơ Việt Nam đầu tiên được mời thực hiện một đêm thơ riêng tại Paris. Mở màn cho tour diễn này là đêm thơ riêng tại Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp mang tên *Tình tự Hà Nội* vào ngày 29-10-2011 tại Paris.

Sau đêm diễn *Tình tự Hà Nội*, Vi Thùy Linh cũng trình diễn một đêm thơ nhạc *LiTi thi ca* ngày 5-11 tại Toulouse cùng nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Tiến. Ngày 15-11, Vi Thùy Linh có một đêm

## HUỖNH ÁI TÔNG

thơ tại Bruxelles, Vương quốc Bỉ, tối 19-11 có đêm thơ *Tự tình Lyon* tại Pháp và từ ngày 22 đến 28-11-2011, theo lời mời của cộng đồng người Việt Nam tại Praha Vi Thùy Linh, đến Cộng hòa Séc biểu diễn và giao lưu với khán giả yêu thơ tại đây.

Thơ Vi Thùy Linh được các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình tên tuổi có bài viết động viên, ca ngợi, phê bình như Nguyễn Trọng Tạo (*cuối tập Khát, tái bản 2007*), Nguyễn Huy Thiệp (*Hiện tượng Vi Thùy Linh*), Trần Đăng Khoa (*Đọc lại Vi Thùy Linh*), Vũ Mão (*Lời giới thiệu Đồng Tử*), Phạm Xuân Nguyên (*Người "tận lực tham ô tuổi trẻ" để sống thơ*), Thanh Thảo (*Một ước mơ dĩ dục: làm mẹ*), Dương Tường (*nhận định đầu tập Đồng Tử*), Nguyễn Việt Chiến (*Thơ Vi Thùy Linh con cuống lưu từ những mê-lộ-chữ*), Nguyễn Đăng Điệp (*Màu yêu trong đồng tử thơ Linh*), Lưu Khánh Thơ (*Vi Thùy Linh phiêu du cùng "Phim đôi tình tự chậm"*), Chu Văn Sơn (*Vi Thùy Linh thi sĩ ái quyền*), Văn Giá (*Vi Thùy Linh - Những trận bạo động chữ*), Thụy Khê (*Vi Thùy Linh, nhục cảm sáng tạo*), Trần Thiện Khanh (*Vili là ai?*), Nhã Thuyên (*Thơ nữ: giới là một vấn đề*), Nhụy Nguyên (*Tìm tôi và cách tân một lối thẩm thơ*) và Nguyễn Thị Mai Anh (*Luận văn Thạc sĩ: Thơ trẻ Việt Nam đương đại qua 3 tác giả Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly*).

Vi Thùy Linh hiện sống và làm báo tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Khát* (thơ, Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999)
- *Linh* (thơ, Thanh niên, Hà Nội, 2000)
- *Đồng Tử* (thơ, Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2005)
- *ViLi in love* (thơ, 2008)
- *Phim đôi-Tình tự chậm* (thơ, 2011)
- *Chu du cùng Ông nội* (thơ, 2011)
- *ViLi & Paris* (thơ, Hội Nhà Văn, 2012)

- *ViLi tùy bút* (tùy bút, Hội Nhà Văn, 2012)

- *Hộ chiếu tâm hồn* (tùy bút, Kim Đồng, 2014)

Trích văn:

### **Cao Bằng của tôi**

Mỗi lần nhắc tới Cao Bằng, tôi như không thể thắng bằng nỗi nhớ của mình. Tôi mất ông từ khi 1 tuổi rưỡi, lúc nào cũng nhớ thương, nghĩ đến ông mỗi ngày. Cao Bằng ở trong máu tôi, dấu tôi sinh ra, gắn đời với Hà Nội.

Ai trên đời đều có nguồn gốc hay kỷ niệm với làng quê nào đó. Làng Việt, không chỉ gồm làng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ - nơi quần cư, canh tác ngàn năm. Bản sắc văn hoá Việt hội tụ 54 dân tộc. Tết Nguyên đán là tết của người Kinh - dân tộc lớn nhất, nên gọi là tết cổ truyền dân tộc. Ngoài Tết Việt, có Tết Tày, Nùng, H'Mông, Thái; ngoài áo dài, áo the khăn xếp, có thổ cẩm làm nên rừng hoa. Và làng, còn có bản làng vùng cao, miền núi.

Tết bây giờ thiếu náo nức chờ. Muốn hưởng tết độc đáo, mùa Xuân hãy lên miền núi! Du lịch phong cảnh kết hợp phong tục, tâm linh và ẩm thực, còn gì bằng! Miền núi: Rau, cá, thịt, quả đều là đặc sản, ngon và an toàn; con người đối với nhau hào phóng, thật thà, tình cảm.

Cao Bằng, một trong vài tỉnh địa đầu phía Bắc, giáp Trung Quốc, nơi giặc phương Bắc nhiều lần xâm lấn, vẫn kiên cường khí phách đại ngàn. Hơn 300km đường biên giới ở phía Bắc, phía Đông giáp Quảng Tây, phía Tây giáp Tuyên Quang - Hà Giang, phía Nam giáp Bắc Kạn, Lạng Sơn, Cao Bằng là miền

## HUỶNH ÁI TÔNG

thơ mộng. Sự hiểm trở của núi đá tai mèo, đường đèo dốc đứng, rừng xanh thung biếc, hoa rừng thơm không khí. Gió Cao Bằng rất thơm. Những khúc cua tay áo cao dần, sự hiểm nguy đặt trong cái tên thơ mộng đèo Mây, đèo Gió. Lên được miền gái đẹp thì chẳng gì e sợ!

Cao Bằng dành cho người có nguyên quán hay sinh ra tại đây, xa quê trở lại, cho ai đã một lần đến, đều muốn trở lại quay về. Về lại Cao Bằng, là về với những giá trị tốt đẹp nguyên bản còn giữ được, không tha hoá theo cơn lốc thị trường. Đây là sự trở về mơ ước. Vì thế, nói theo địa hình, “lên Cao Bằng”, là lên với sự giản dị, chân thành, những vẻ đẹp thực chất. Người ta về quê, còn tôi lên quê. Lên Cao Bằng là lên những gì cao hơn đồng bằng đầy xô bồ, mảnh khốc, tạp khí; lên vùng thanh thản, trong sáng.

Miền mơ mộng ấy có những sơn nữ đẹp ngỡ ngàng, những bà mẹ nghèo mà giàu nhân hậu. Nhà thơ Thanh Thảo đã rót nước mắt khi bà mẹ ở chợ Trùng Khánh nghe giọng miền Trung của ông, “biết con ở xa, mẹ thêm một đầu”. Hạt dẻ Trùng Khánh xịn, mua tại Cao Bằng còn khó, mẹ nghèo, mà thêm cả đầu, tiếc chi!

Du lịch Cao Bằng chưa phát triển vì chỉ có ô tô, đường xa, khó đi. Cách làm du lịch ở ta “ăn xổi”, chưa biết trân trọng giá trị cổ kính, cảnh tự nhiên, gìn giữ thiên nhiên. Đa số chỉ biết chiến dịch bê tông hoá tức... phá, là tài (!), chỗ nào cũng xây nhà hộp, đường bê tông. Những gì đẹp nhất của Cao Bằng đều tụ về Trùng Khánh, đông dưng sĩ, nghệ sĩ, trai tài, gái đẹp từ xưa.

Chẳng thế mà ca dao có câu: “Em về nuôi cái cùng con/Đẻ anh đi trảy nước non Cao Bằng”, Cao Bằng gạo trắng nước trong.



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Đời này qua đời khác, Cao Bằng đều có anh hùng đóng góp cho sự nghiệp vệ quốc. Thế kỷ 20, chống hai kẻ thù xâm lược hùng mạnh nhất thế giới, Việt Nam giành chiến thắng, có đóng góp xương máu, công của nhân dân Cao Bằng. Tỉnh có 23 anh hùng được phong, riêng Trùng Khánh chiếm 1/3.

Từ thị trấn Trùng Khánh, dòng họ Vi của tôi đã có 5 đời liên tiếp là trí thức yêu nước. Trai trẻ, ông tôi - họa sĩ Vi Kiến Minh (1926 - 1981) vẽ đẹp, hát Giá Hai hay nức tiếng. Thân mẫu của ông tôi, cụ Vương Thị Thái cũng là đại diện dòng họ Vương nức tiếng nhiều hoa khôi. Cháu ruột gọi cụ tôi là bác, bà Vương Liên, Vương Yển, Vương Mai, đẹp hàng nhất tỉnh Cao Bằng. Bà Vương Liên là phu nhân GS, Thầy thuốc Nhân dân Bành Khiu (nguyên Viện trưởng Viện Y học cổ truyền Quân đội), trai Trùng Khánh, từng du học Bắc Kinh.

Gia đình cụ tôi ở trung tâm thị trấn Trùng Khánh, gần chợ; còn gia đình nhà thơ Y Phương ở trong làng Hiếu Lễ. Cao Duy Sơn ở ven thị trấn, ông là tay viết truyện ngắn, tiểu thuyết có hạng nhận Giải thưởng Văn học ASEAN 2010 cho tập truyện “Ngôi nhà xưa bên suối” (2008). Họ đều sinh ra ở đây, đi bộ đội và tuổi 50 thì về định cư Thủ đô.

Mùa xuân, không đâu đẹp hơn là lên Cao Bằng, Trùng Khánh của tôi. Hội lồng tồng (xuống đồng) rộn rã, những điệu then, sli, lượn say đắm tình Giá Hai tha thiết vô ngần.

Xuân đường từ TP. Cao Bằng về Trùng Khánh 60km rợp hoa mận, mơ, đào sắc hồng, sắc trắng. Hoa tam giác mạch vòng đời 1 tháng, có bốn màu trắng, phớt hồng, tím, đỏ sậm lợp mịn thung sâu, triền núi. Thác đẹp nhất phía Bắc là Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh. Qua đó là tới cửa khẩu Trà

## HUYỀN ÁI TÔNG

Lĩnh. Lại còn động Ngườm Ngao (động HỔ) là hang động thiên nhiên mê ly nhất bây giờ.

Trai anh hùng, nghệ sĩ, gái đẹp đẽ, hiền thực là nhờ linh khí vùng cao tụ về Trùng Khánh. Ở đây, lớn nhất là phố Co Sầu, có phố Háng Vài (phố Trâu) từ Mực Mã qua Phủ Trùng đến cửa khẩu Pò Peo, nổi tiếng mỹ nhân. Người ta bảo, nhờ nguồn nước từ núi đá thơm. Trùng Khánh, gió có mùi rừng hoa thảo quả, đá cũng thơm vì nguồn nước từ mạch núi, ăn uống nguồn nước ấy, trai gái sẽ thông minh, nổi tiếng và xinh đẹp.

“Tết tháng Giêng mời từ rằm tháng Bảy/ Rượu uống cả chum, quả mời cả cây”. Rằm tháng Bảy Trùng Khánh ăn to lắm. Cứ đếm đầu người mà quay vịt. Mác mật tươi giống quýt hồng bì, ngâm măng ớt không gì bì kịp. Mác mật khô kho thịt, cá thì ôi thôi, vị lạ vô cùng! Lá mác mật bánh tẻ, nhồi vào bụng vịt quay lên, ngon hơn trăm lần vịt quay dưới xuôi phết mật ong mà thịt bã ra, lấy đầu mùi vị lạ hấp dẫn.

Không đâu thanh minh to như Cao Bằng. Đúng 3.3 âm lịch, cả tỉnh nghỉ làm, lên đồi thăm mộ. Xôi nếp cẩm nhuộm lá rừng thành 5 đến 7 màu, gà vịt đồ cúng gánh lên đồi, mộ được thăm cẩm cò là biết.

Nhớ người đã khuất, tình cảm với người đang sống là mỹ tục Cao Bằng.

Sông Quy Sơn có cá trắm hương xưa để tiến vua, nay đã tuyệt chủng. Ở Trùng Khánh, làng nào cũng có suối, riêng sông Quy chảy từ Trung Quốc sang rồi chảy ngược về nguồn. Vẫn còn cá suối, măng rừng. Trang phục người Tày Nùng mặc quần áo chàm, không sắc sỡ như người H'Mông, người Dao đỏ, nhưng màu chàm lại rất hợp, tôn làn da trắng.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Hà Nội và nhiều nơi đề “Hạt dẻ Trùng Khánh” là bịp, lợi dụng thương hiệu, thực ra là hạt dẻ Tàu. Hoa hồi Lạng Sơn nhiều cánh (đại hồi), hạt dẻ Trùng Khánh to, nhân bùi thơm, màu vàng lòng đỏ trứng gà chín, duy nhất Việt Nam chỉ hai nơi này có, đều bán dạng sản phẩm thô. Trung Quốc thu mua, chế biến và bán giá cao.

Đặc sản trứ danh từ bao đời, sao đến giờ Cao Bằng vẫn chưa có nhà máy chế biến hạt dẻ? Các hàng rang đều là tư nhân nhỏ lẻ. Tại tỉnh lỵ, có nhà máy chế biến chè đắng. Chè đắng cũng từ Trùng Khánh, loại chè cực tốt cho sức khỏe, người Nhật rất ưa chuộng, còn người Việt thì chưa biết quý.

Nhớ quá, Xuân 2014 tôi sẽ lên quê Trùng Khánh, vào vùng dẻ. Nhà sàn ở Cao Bằng còn một ít lợp lá cọ, đa số đã chuyển mái ngói. Bản sắc dân tộc giữ làm sao khi cơn bão “đô thị hoá” bao tàn qua những tư duy chụp giật. Tôi chỉ có ước mong: Trùng Khánh còn nguyên Bản Giốc, động Ngườm Ngao đừng bị đập xi măng (như hầu hết hang động đã khai thác du lịch) và còn nguyên rừng dẻ đợi người về.

Tiết lạnh, đã có cóng phù - bánh trôi nóng. Bên hỏa lò, bếp lửa, áp bát bánh nóng nước đường sánh vị gừng thơm, má ai cũng hây hây đỏ. Phở chua, gồm bánh phở, thịt vịt quay kèm gan rán, dạ dày lợn rán, thịt xá xíu, rưới nước dùng ngâm quả mắc mật ngon hơn phở bò, gà Hà Nội. Hùng vĩ và trữ tình, hoa rợp bên núi đá, người và cảnh Cao Bằng đẹp trong lối sống đẹp, mãnh liệt, thành thực nơi tỉnh địa đầu biên cương mang khí phách một quốc gia kiên cường.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Món ngon, mỹ tửu dồn dập dịp Đông, Xuân sang, người gặp nhau ấm áp, má tựa hoa đào núi, tình quê thấm từng giọt rượu miếng ăn tụ vị núi rừng ngấm vào máu thịt.

Trích thơ:

### **Đôi cánh của mẹ**

*Cánh tay mệt lả của mẹ vẫn là đôi cánh bền vững  
Hãy bay cao từ khi đôi bàn chân bé nhỏ của con bám vào  
ngực mẹ  
Mẹ nghĩ  
Con có thể kiêu hãnh về mẹ và cha  
Từ lúc còn nằm trong cha và mẹ  
Mẹ viết đến tiêu tụy  
Dù vì thế, mẹ phải sớm lìa đời.  
Những gì mẹ làm sẽ cho mẹ sống  
Những người thân của chúng ta liên miên đau ốm  
Mẹ thì không khỏe  
Nhưng  
Hercules không phải là thần tượng của chúng ta  
Tình yêu mạnh hơn thần quyền, vô hiệu hóa những áp đặt  
Mẹ triệt tiêu nỗi khổ nhọc bằng sự dữ dội ẩn nhẫn  
Bằng khao khát con, chế ngự tâm hồn  
Con  
Ước mơ vĩ đại, dẫn cho ngày tuyệt diệt  
Giữa những ước mơ hỗn độn và giả tạo đầy rẫy xung  
quanh  
Cánh tay mệt lả của mẹ vẫn là đôi cánh bền vững  
Hãy bay cao từ khi đôi bàn chân bé nhỏ của con bám vào  
ngực mẹ*

### **Giấc mơ đi qua**

*Em gặp mình  
Qua hợp âm giấc mơ  
Màu xanh mơ ước  
Sao trời phiêu linh  
Vòm đêm vỡ sáng  
Vàng trắng mê mãi tròn đầy...*

*Đêm rơi qua dải khăn mây  
Gió đợi chờ nhau thơ thác  
Nảy đợt yêu thương  
Lớn trên tay những mầm khao khát  
Khẽ về sắc cỏ thanh miên...*

*Và bình minh thổi phía trời xa  
Ngày lên! Giấc mơ tung cánh  
Không gian mở bao đường tuyệt đích  
Mùa về thức đợi riêng em*

### **Dấu vết**

*Em khóc sập trời anh vẫn cứ đi, gạt em về vạt vạt mây toi  
tả  
Em phút chốc là Nữ Oa, nâng khoảng trời bị trượt chân,  
bằng mi mắt khô trụi  
Rồi hồn phiêu bồng lại nhập xác than  
Rồi lại nóng bừng hồi hộp hồi hộp  
Em muốn tìm anh, nhưng lại lạc vào bóng mình, tìm anh  
trong tiếng vọng của bão  
Con đường hút hút lõm những dấu chân  
Em wóm chân mình, định uống nước trong một dấu chân,  
như cổ tích...  
Mà chỉ toàn dấu chân phụ nữ!  
Hai bên đường, những bông hoa loa kèn đỏ khóc  
Đêm ướt - những dấu chân đọng nước  
Đi theo những dấu chân tới khi lả đi nơi gió xối thành thác,*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*nơi những người đàn bà ở trần, thốn thức nhìn đường tối  
và trắng sang  
Họ báo em, đừng đi nữa, không tìm được đâu, những dấu  
chân biến mất nhanh vì đàn ông đổi thay như biển cả  
Tru lên tru lên những cây đèn đỏ  
Trắng tước mình - rơi - như chiếc móng tay  
Những người đàn bà làm bật tiếng tru liên hồi của hoa,  
bằng lưỡi.*

## Những đôi Lập

*Bố  
Mặt trời nóng rực và ôn ã  
Con muốn gân ... lại sợ ...  
tan ra...  
Mẹ  
Mặt trăng xa  
Con ngần ngại cận kề  
Con  
Vì sao lạc giữa  
Lớn lên và sáng bằng nước  
mắt  
Bầu trời không ngừng bão tố  
Sấm, sét chớp rạch đầy  
những cánh sao mảnh dẻ của con  
Con cố vươn cánh sáng hơn  
những ngôi sao chi chít kia, để  
nói gân bố mẹ  
....*

## Người dệt tầm gai

*Chúng mình ở hai miền  
Ngày nào em cũng khóc....*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Anh yêu của em  
Em yêu anh cuồng điên  
Yêu đến tan cả em ra  
Áo tung ký ức  
Ngày dài hơn mùa  
Em mong mỗi  
Em (có lúc) như một tội đồ nông nổi*

*...Em nghe thấy nhịp cánh êm ái ân  
Một làn gió thổi sương thao thác  
Đêm run theo từng tiếng nấc  
Về đi anh  
Cài then tiếng khóc em bằng đôi môi anh  
Đưa em vào giấc ngủ nồng nàn, quên đi những đêm chập  
chờn, trĩu nặng  
Ngày nối ngày bằng hi vọng  
Em là người dẹt tâm gai...  
Em nhẫn nại chắt chiu từng niềm vui  
Nhưng lại gặp rất nhiều nỗi khổ  
Truân chuyên đề lên thanh thân  
Ôi sự trái ngược - những sợi tâm gai !  
Không kỳ vọng những điều lớn lao  
Em lặng lẽ dẹt hạnh phúc từ những nỗi buồn - những sợi  
tâm gai - không ai nhìn thấy  
Gai tâm gai đâm em đau đớn  
Em chờ anh mãi...  
Trông chừng không thể vượt qua nổi cái lạnh, em đã khóc  
trên hai bàn tay trắng xước*

*Những giọt tâm hồn thấm xót mười ngón tay rớm máu  
Ngay cả khi anh làm em buồn thảng thốt  
Em vẫn hướng về anh bằng tình yêu trọn vẹn của mình*

*Dẹt tâm gai đến bao giờ?  
Mỗi ngày dài hơn một mùa*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Dệt tâm gai đến bao giờ?*

*Về đi anh!*

*Cài then những ngón tay trây xước của em bằng Anh!*

Trong bài: *Đôi điều về nhà thơ Vi Thùy Linh*, tác giả Mai Phương đã viết:

*“Thơ tự do với kiểu ngắt dòng ngắt dài không đều nhau chính là phương tiện đắc dụng hàm tải ý tưởng có phần mới lạ và mang hơi hướng triết học của thơ Vi Thùy Linh.*

*Trở lại với việc thơ Linh được mệnh danh là “hiện tượng Vi Thùy Linh” ngoài những giá trị tự thân trong còn phải kể đến những nỗ lực hết sức nghiêm túc của tác giả trong việc tìm tòi những hình thức thể nghiệm nghệ thuật mới đưa thơ đến với người đọc.”*

Tài liệu tham khảo:

- Vi Thùy Linh Web: [vi-vn.facebook.com/vithuylinh](https://vi-vn.facebook.com/vithuylinh)
- *Cao Bằng của tôi* Web: [pt-pt.facebook.com/thucphamdantocvungcao](https://pt-pt.facebook.com/thucphamdantocvungcao)

**28. Niê Thanh Mai**





**Niê Thanh Mai (1980-20 )**

Nhà văn Niê Thanh Mai dân tộc Ê đê, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1980, tại Hà Nội, nguyên quán Đắc Lắc.

Thanh Mai từng là cô giáo dạy Văn ở Trường phổ thông dân tộc nội trú N<sup>o</sup> Trang Long tại Buôn Ma Thuột.

Là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn học-Nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Là Ủy viên Ban Thường Vụ, Phó chủ tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Đắc Lắc.

Nhà văn Niê Thanh Mai được các giải thưởng:

- Giải các tác giả trẻ của Liên hiệp các Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam trao tặng năm 2005, cho tập truyện *Suối của rừng*.
- Giải nhì của Tạp chí Văn nghệ quân đội năm 2006 cho truyện ngắn *Giữa cơn mưa trắng xoá và Áo mưa trong suốt*.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Hiện nhà văn Niê Thanh Mai sống và làm việc tại BanmêThuôt, là Phó Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

Tác phẩm:

- *Suối của rừng* (2005)
- *Về bên kia núi* (2007)
- *Sớm mai rục rở* (2010)

Trích văn:

### **Sớm mai thoang thoang...**

Tôi mặc áo mới vào một buổi sáng thứ bảy. Khi cha dắt chiếc xe 50 của tiếng nổ gầm gừ đi ra cổng, ông đi lướt qua tôi và mỉm cười âu yếm, rồi ông nổ máy phóng vụt đi, chỉ có vệt khói xe mờ mờ hăng hắc thoang lại.

Mẹ dắt tôi xuống ruộng rau. Đường đi xuống ruộng rau muống rất trơn và hẹp nhưng mẹ đi băng băng. Tôi vẫn chơi một mình, cặm cùi trên bờ ruộng với chiếc áo màu đỏ chói. Mẹ cặm cùi dưới ruộng rau muống với đôi ủng cao su dài qua bắp vế, chiếc nón cũ nhập nhô giữa xanh um. Lúc lấp loáng nước thì mẹ trở lên, cả người sục lên mùi nắng đến khét thịt.

Tôi lớn lên bên bờ ruộng. Và đôi khi tự hỏi sao chưa bao giờ mình lộn cổ xuống đầm ao bùn thơm rau mùi rau quế. Và giả sử nếu tôi có lộn cổ xuống ao, chắc ngày hôm sau mẹ không thể lội ra ruộng bằng đôi ủng cao su quá gối để cặm cùi dưới trời gay gắt.

...

Một vài lúc nào đó tôi nghĩ cha không phải là một người bình thường. Ông vừa cười với tôi âu yếm nhưng quay lưng lại có

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

thể ném vào mặt mẹ tôi cái thúng, cái mẹt bà để quên dưới sàn nước( Mẹ rất hay quên, ngày nào cũng quên cái gì đó vật gì đó hay việc gì đó- Những khi quên mẹ lảng lảng đi tìm kiếm, khuôn mặt nhợt nhạt và nín lặng khi cha nổi cáu). Cha không cho mẹ con tôi qua lại nhà ai, kể cả nhà cậu út cách nhà tôi mười ba bước chân, thậm chí cha cũng không muốn cho mẹ sang nhà bà ngoại non cây số. Cha găm giữ khi cậu mợ sang nhà. Cậu giận. Mợ giận. Rồi họ hàng giận. Nhất là họ thấy mẹ tôi thụt lùi sau cánh cửa không phản ứng gì. Đồi lại ông mua cho tôi nhiều đồ chơi, kể cả những thứ tôi không bao giờ thích ông vẫn treo đầy nhà.

Mẹ không có bạn. Tôi cũng không có bạn. Hai mẹ con cặm cụi chơi với nhau.

Cha bảo thương tôi. Ngay cả khi ngầy ngật trong cơn say không đi nổi vào nhà ông vẫn lặp đi lặp lại câu nói cũ kỹ ấy. Chỉ có điều tôi không muốn đáp lại cái tình thương của cha dù ông cặm cụi ở ruộng rau từ hai giờ sáng. Khi mùa rau cần, ông thức giấc lúc 1h sáng mà không cần đồng hồ báo thức. Ông vác đồng rau cần lên bờ, chân lúm chum nước dưới ánh sáng mờ mờ của bóng đèn compac, mẹ tôi vừa giữ lá héo, vừa bó cần thoăn thoắt. Cả hai không nói gì với nhau cho đến khi mẹ xúc gánh cần ngồi sau xe honda cho cha chở ra chợ đêm bán mồi. Tôi không thương cha vì chứng kiến cảnh mẹ khóc phía bên hông nhà.

Mẹ khóc giữa ruộng rau muống.

Mẹ khóc giữa luống cải xanh đã trở ngồng, hoa vàng phơ phất giữa trời trưa nắng.

Nước mắt mẹ lúc nào cũng được giấu trong ống tay áo cũ kỹ. Mẹ khóc nhiều nhất mỗi khi cha uống say sau cuộc hội hè giỗ chạp gì đó. Những lúc ấy ông chỉ chiết mẹ bằng cái giọng rin

## HUỲNH ÁI TÔNG

rít trong cổ họng. Câu chuyện chấp vá không đầu không cuối. Giọng điệu buồn phiền ngủ quên giữa lè nhè của rượu. Mẹ cặm cùi dọn dẹp nhà cửa, cặm cùi lau cổ lau chân lau tay và chườm khăn ấm trong khi cha mắt nhắm nghiền và miệng không ngớt nguyên rửa. Một đôi lần nào đó tôi chứng kiến cảnh ông co chân đạp mẹ quay đơ xuống giường. Bà lồm cồm bò dậy, tiếp tục lau người xoa đầu đắp mền cho ông. Những lúc ấy tôi giận mẹ ghê gớm.

\*\*\*

Một ngày tháng năm.

Cha đưa về nhà một người lạ. Người đàn bà có khuôn mặt dài, áo xanh nhân nhật bước vào nhà, ngồi rón rén ở tấm phản rộng m2, hai bàn chân nhấc lên khỏi mặt đất một cách nhẹ nhàng. Tôi ngồi lọt thỏm trong lòng mẹ, hết nhìn cha lại nhìn người đàn bà mặt dài. Lâu lắm tôi mới thấy nhà mình có khách. Nhưng mẹ không xăng xái hớn hở như tôi vẫn tưởng, bà ngồi yên lặng trên ghê. Ngồi rất lâu. Lâu đến mức độ tôi không thể cựa quậy hơn nữa vì mông ê ẩm.

Người đàn bà mặt dài ở lại nhà tôi. Và ngủ ở bộ phản rộng m2. Mẹ đưa tôi sang nhà bà ngoại, mẹ bảo đêm nay bà mệt, mẹ con mình sang trông bà. Cha không nói gì, lúc ấy tôi sung sướng quá đổi bởi chưa bao giờ được dắt ra ngoài đường lúc tối trời như thế. Đoạn đường sang nhà bà ngoại sục sùi nước mắt của mẹ, và bước nhảy chân sáo của tôi. Tôi ngủ quên giữa tiếng thút thít của đêm khuya. Hôm đó tôi được ngủ với mẹ đến sáng, khi tỉnh dậy vẫn mãi miết vùi sâu vào gậy guộc thoang thoang mùi rau cần.

Tôi không thích việc tối nào cũng sang nhà bà ngoại.

Người đàn bà mặt dài không còn rụt rè ngồi ở góc phản nữa, bà ấy ngồi ngoài sân, tần mẩn xếp rau vào sọt và nhắm đếm tiền.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Người đàn bà mặt dài thường nhìn mẹ dắt tôi ra khỏi nhà bằng một đôi mắt lạ, lúc bối rối lúc ngại ngần rồi sau đó là bình thản.

Rồi một buổi sớm mai.

Bà ngoại thức tôi dậy bằng đôi tay run. Cậu mợ ngồi bên cạnh. Tất cả những đồ đạc ở góc tủ gỗ cũ kỹ của bà chỉ còn lại một khoảng nhỏ. Quần áo, búp bê tóc hoe hoe của tôi. Đồ đạc của mẹ biến mất. Mẹ đi đâu. Mẹ bỏ đi rồi Sin à. Đi đâu? Bà không biết. Cậu không biết. Mợ không biết. Đáp lại sự giãy giụa khóc lóc của tôi là khuôn mặt nhợt nhạt xanh xám của cha. Ông đến tự bao giờ.

Không ai nhìn cha ngoại trừ tôi, ông né tránh ánh mắt ngơ ngác đầy giận dữ của tôi. Hình như lâu lắm rồi tôi mới thấy ông cúi gằm mặt như vậy, cúi để nhìn mãi bàn chân to bè nứt nẻ, cha năn nỉ tôi rất lâu nhưng tôi không chịu theo ông về nhà - nơi có người đàn bà mặt dài đang lật lá héo rau cần ngoài sân - Cha rớm nước mắt. Mặc. Tôi ở lại với bà ngoại. Có lẽ mẹ sẽ về vào sáng mai sáng kia hay ngày nào đó sớm thôi.

\*\*\*

Lâu lắm sau đó.

Khi nào tôi biết mình lớn. Hôm trắng. Hôm sớm hay một ngày nào đó xa lắc. Vòng ngực căng. Tóc cuốn tít giữa đỉnh đầu. Mọi thứ giấu kín trong khẩu trang và áo sơ mi cũ dài lượt thượt.

Tôi ra chợ vào lúc 3h sáng. Rau từ ruộng ruộng của bà. Rau húng rau thơm rau quế từ vườn của cậu. Mỗi ngày tôi quầy mọi loại rau trong quang gánh. Giữa mờ mờ trắng sáng, tôi thích hít hà sự mờ màng của thứ xà lách ròn vừa hái đêm trước. Tôi

## HUỖNH ÁI TÔNG

cười với người mua sỉ với nụ cười rám nắng, và trả lời rất kiệm lời trong tất cả cuộc mua bán của chợ đêm.

Gia đình của cha có một sạp bán rau ở góc si đặng kia, dưới ngọn đèn cao áp mờ mờ nhạt nhạt của chợ đêm. Cha thường mặc áo xanh lao động nhàu nhĩ, quần lúc nào cũng tất tả xắn ngang ống quyển. Vợ vã chào, vợ vã thối tiền và vợ vã chạy theo khi tôi đi qua - Một đôi lần tôi thấy bụng người đàn bà ấy phưỡn to, khuôn mặt sưng vều. Nhà của cha cách nhà bà ngoại chỉ hơn cây số, mà tôi không còn biết gì về cuộc sống hiện tại của ông. Lúc nào tôi cũng há hê vì điều đó - Cha vẫn hay níu tay tôi lại hỏi con có khỏe không sống có tốt không... Tôi đáp lại ông với cái nhìn ngơ ngẩn, cái nhìn của buổi sáng lúc mẹ tôi đi.

Tôi vẫn nghĩ sớm hôm nào đó, khi đi chợ về sẽ thấy mẹ. Mẹ ngồi trong căn buồng nhỏ nhìn xuống vườn qua ô cửa sổ có song sắt rỉ sét. Mẹ hỏi sao về muôn thế, có nhớ mẹ không. Hay sao con gái cưng của mẹ lớn nhanh thế, mẹ còn chẳng kịp nhận ra. Cũng sớm hôm nào đó, mẹ sẽ lợi xuống ruộng muông, bảo lâu không xuống ruộng nhớ mùi bùn quá con gái à. Rồi sao đó,

...

Cậu dất tôi ra khỏi con trầm uất của mười một năm. Sự chờ đợi mẹ ngúi đi khi người đàn ông xuất hiện ở ngưỡng cửa. Cậu mợ bảo muôn tôi lấy chồng. Tôi lặng lẽ (*lúc nào cũng lặng lẽ nghe, lặng lẽ cười và lặng lẽ nhiều thứ khác nữa*) nghe người này người kia nói chuyện. Bà muôn người ấy ở rể. Bà chỉ có con bé cháu tật nguyền. Nhà cửa đầy. Ruộng vườn đầy. Túc tắc làm rồi nuôi nhau. Rồi sinh con đẻ cái.

Tôi không hiểu vì sao người đàn ông ấy muôn lấy tôi. Anh chàng chở rau mướn cho người bán mỗi ngoài chợ đêm hay nhìn tôi dịu dàng. Hay hỏi han. Và đôi lúc đặt giữa sọt rau của

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

tôi mấy cánh bánh cam nóng hổi. Tôi khóc nơi bậc thềm cuối cùng xuống ruộng. Tôi cũng muốn lấy chồng. Nhưng bao giờ mẹ về nhìn con gái lên xe hoa.

Tôi không lên xe hoa. Vì không có cuộc rước dâu nào. Người đàn ông gầy nhẳng có đôi mắt ám mờ coi cha mẹ, sống trong căn phòng mượn 500000 ngàn đồng một tháng trở thành chồng của tôi sau bữa cơm nhỏ nhỏ. Cô dâu nhỏ xíu, váy dài chân ngắn nên váy quét đất. Bà ngoại sung sướng. Cậu và vợ nhét phong bì dày cộm vào lòng bàn tay đấm mồ hôi của tôi. Cha đến sớm. Trong buổi lễ gia tiên, ông cho tôi nhiều thứ: Kiềng đeo cổ, vòng đeo tay, nhẫn tay trái tay phải. Cha dịu dàng: Cha không thể bù đắp cho con Sin à, còn giận cha thì bỏ qua cho cha con nhé. Tôi không nghĩ mình còn giận ông. Cũng có khi tôi nhìn thấy tóc ông lơ phơ quá. Cũng có khi tôi nhìn thấy thân hình ông quắt queo và sặc sụa mùi rượu quá. Cũng có khi vì tôi thấy giận mẹ nhiều hơn. Mẹ của tôi mãi miết với cuộc viễn chinh nào đó, mẹ của tôi không thèm quay về để nhìn tôi lấy chồng. Tôi gục lên vai chồng nức nở : Bao giờ mẹ về em sẽ đóng công không cho bà vào nhà.

Tôi có một đứa con. Xinh xẻo. Ôn ào bi bô.

Rồi một đứa con gái thứ hai. Xinh xẻo. Cũng ôn ào như chị. Từ bao giờ bà ngoại quên mất từng có mẹ trên đời. Bà mãi mê với những đứa cháu. Bà ngoại thích bế chúng sang nhà hàng xóm hoặc gọi lũ trẻ con sang nhà chơi với cháu bà. Nhà lúc nào cũng ngổn ngang đồ chơi trẻ con. Ôn ào. Tôi quanh quẩn với con cái: sáng dứt cháo, trưa dứt cơm, dỗ dành cười nói. Những khi đi ngang qua nhà cha - bọn trẻ con – mặt dài, tóc hoe nắng ngời yên lặng trên ghế trên xích đu trên bậc thềm hiên nhà hanh nắng chơi đồ hàng. Bán rau. Người đàn bà mặt dài lật rau héo. Bó rau muống ở đúng cái ghế con giữa sân như mười một năm trước xa lơ xa lắc. Chúng chơi với nhau. Lẳng lẳng như mẹ chơi đồ hàng với tôi của ngày nào ngày nao.

Chồng chạy sấp ngựa vào nhà, hỏi hả bảo tôi mặc áo khoác. Để làm gì. Đi với anh. Anh nghĩ nhìn thấy mẹ của em. Nhưng anh đã từng nhìn thấy mẹ tôi bao giờ đâu. Tôi ngỡ ngác nhưng vẫn bươn bả chạy theo anh. Mũ bảo hiểm cài mãi không được vì mọi thứ trong tôi run rẩy. Nếu không phải đó là mẹ! Nếu người đàn bà anh nhìn thấy là mẹ của tôi. Tôi sẽ khóc. Sẽ mừng. Sẽ cuống quít ôm chầm lấy bà. Rồi sao nữa. Mọi thứ trở nên buốt và lạnh. Như hơi sương sớm hai bên đường xộc vào mũi vào mắt.

Tôi bám chặt lấy càng xe, cũng không nghĩ bàn tay khi siết vào nhau thì đau đến buốt óc.

Người đàn bà tóc búi thoăn thoắt vạt lông gà giữa ngổn ngang lông gà lông vịt. Đanh đá, cười sặc. Gian hàng ngun ngút khói sặc mùi cút gà. Òn ào tiếng gà thét lên khi bị cứa cổ. Tiếng gà quát quát sau nhát dao gọn.

Tôi dợm buồn ối. Sự nhộn nhạo của chợ phiên sớm. Khẩu trang hở hai mắt nên không ai nhìn thấy điều đó. Bên này đường, tôi tựa hẳn vào lưng chồng. Có phải mẹ không em. Không biết. Mẹ tôi mỏng manh. Mẹ chỉ biết lội ruộng bó rau, mắt lúc nào cũng cùm cụp vì nhật rau héo rau sâu. Mẹ chưa bao giờ cười sặc như thế. Mẹ chưa bao giờ mắng người làm chao chát như thế. Về đi anh à. Không phải mẹ hả em. Mẹ em đây. Đâu có nhầm được. Sao em không vào nhận mẹ.

Sao em không vào nhận mẹ. Sao tôi không bươn bả băng qua đường, len giữa lông gà lông vịt, giẫm lên cút gà lông gà để gọi mẹ ơi, mẹ ở đây à. Vậy mà để con đợi mãi. Mẹ ơi, mẹ quên con rồi à. Người này là ai. Người làm của mẹ hay chồng mẹ. Chồng mẹ là gã lái gà phải không?

Tôi tháo khẩu trang xuống thì mẹ có nhận ra tôi không? Chắc là có. Con gái vẫn nép sau lưng mẹ mỗi khi cha gầm thét. Con



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

gái vẫn rúc vào ngực mẹ thắm thì mẹ ơi thơm mùi rau cần quá thì mẹ quên sao được. Nước mắt tôi ướt đầm mọi thứ. Khẩu trang. Vạt lưng của chồng. Đường về xa lác, xa như không biết ngày nào mẹ tìm về nơi ruộng rau của bà của tôi.

Tôi cũng không biết mình có đủ sức để khóa trái cổng khi mẹ dừng một ngày cắt cỏ gà quay về không. Đêm nay tôi sẽ nghĩ. Đêm mai tôi sẽ nghĩ. Thoang thoang chồng tôi tha thiết. Bâng qua đường vô hỏi mẹ có nhận ra con không đi em...

Hết mùa rau cần rồi mà sao xuống đến ruộng vẫn thấy lá cần chấp chới.

Trích thơ:

### **Em ơi !**

*Gấu vấy em dính đầy cỏ may  
Quì gối xuống  
Anh nhật cho  
Kéo dằm vào bấp chân ngấm ngấm màu đất.*

*Cổ tay em  
Dính nhựa cây rùng  
Lại đây anh kéo vạt áo đồ chới trước ngực  
Lau cho  
khỏi đen, khỏi ám.*

*Vòng ngực em  
Nhô căng sau thổ cảm dầy như tám chân em đắp  
Uớt dằm  
Mồ hôi ngọt mặn của bước chân lội suối trèo đồi.*

....

HUỲNH ÁI TÔNG

*Bắt anh về nhà em đi!  
Về anh gỡ hoa may gấu váy  
Chùi nhựa cây rừng  
Hít sâu lồng ngực con gái  
Sâu rồi lòng rồi dạ.*

*Chúng mình sẽ để con  
Gái lại dính hoa may gấu váy  
Trai lượn lờ đòi chùi nhựa cổ tay...*

**Thơ viết ở Ajun hạ**

*Ơ em!  
Đêm nay trăng sáng  
Mình dắt nhau ra lán tre  
Bốn bề mênh mông  
Ta tìm nhau như chim rừng tìm bạn kết đôi.*

*Ơ em!  
Đêm nay thú không đi hoang  
Cá dưới hồ thôi quẫy đạp  
Uốn éo tìm bạn tình thú thi  
Hai ta chỉ còn một  
À...  
Trời mênh mông gió  
lán bản bật run.*

*Ơ em!  
Ta thương em!  
Thương những đêm trăng ngoài lán của mình.*



Trong bài: *Giới thiệu chân dung một số tác giả văn xuôi tiêu biểu Đắk Lắk*, tác giả nhà văn Mã A Lềnh viết:

*Niê Thanh Mai búng ra những lát cắt của cuộc sống đưa vào tác phẩm, không kể lể, cũng không cầu kỳ câu chữ, không hù dọa, không dẫn người đọc vào màn mây vẫn vũ gai góc, không to tát; chân phương, mà chân thành, nhỏ nhẹ. Điều này khác hẳn, mới hẳn, có thể phải nói là hiện đại hẳn so với những người viết “cũ”. Hình tượng gần gũi, dễ hiểu là người viết “cũ” cứ bày biện lần lượt từng món dù ngon hay không rồi rủ*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*bạn ăn gấp món này nhâm nhi một lúc mới lại gấp món khác. Còn với Niê Thanh Mai, chỉ bày lên mâm vài món ngon, đã thế, lại còn “com muối thôi, ăn tạm”, “chả có miếng nào cho ra hồn, mời thực khách tạm dùng”.*

Nhà văn quân nhân Nguyễn Đình Tú viết: “*Ngay cả những truyện ngắn viết về đất và người Tây Nguyên của Mai cũng gọi cảm giác như là người Kinh sáng tác hơn là người Ê Đê viết ra. Vấn đề nằm ở chỗ văn phong. Mai sử dụng ngôn ngữ hiện đại với những bối cảnh truyện hiện đại trên cái nền Tây Nguyên hoang dã và cổ xưa. Có người cho rằng như thế là tốt vì tác giả đã thoát khỏi cái tù trường của một nhà văn dân tộc ít người để nhìn nhận vấn đề từ một điểm nhìn khác, rộng lớn hơn. Nhưng cũng lại có ý kiến cho rằng như thế là đã mai một đi cái chất riêng của “núi rừng”.*”

Tài liệu tham khảo:

- Niê Thanh Mai Web: [thptbuondon.edu.vn](http://thptbuondon.edu.vn)
- *Sớm mai thoang thoang...* Web: [tapchichuyangsin.blogspot.com](http://tapchichuyangsin.blogspot.com)

## 29. Tuệ Nguyên



### Tuệ Nguyên - Thạch Trung Tuệ Nguyên (1982-20 )

Nhà thơ Tuệ Nguyên tên thật là Thạch Trung Tuệ Nguyên, dân tộc Chăm, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1982, tại Caklaing tỉnh Ninh Thuận, còn có bút danh khác là Michelia.

Hiện sống và làm việc tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Khúc tấu rời bù* (thơ, 2007)
- *Ch[tr]ào & Những vết bản*
- *7749* (thơ in chung)
  
- *Những giấc mơ đa chiều* (thơ, Hội Nhà văn, 2009)

Trích văn:

**Theo cách đó tôi bị ném vào danh sách**  
(truyện cực ngắn)

## HUỶNH ÁI TÔNG

Họ đứng thành một chuỗi dài chỉ với mỗi nhiệm vụ là đếm xác chết. Và tôi là người nằm trong số đếm kế tiếp. Con số dành cho tôi được mã hoá bằng dấu X. Khi chỉ ngón trở về phía tôi thì họ phát hiện tôi đang hấp hối. Để tránh tình trạng trì trệ họ chuyển tôi vào một căn phòng kín. Ở đây chỉ có một cánh cửa để ra vào. Họ tiến hành đo đếm hơi thở, nhịp tim và cả khả năng phân giải hệ thần kinh của tôi. Tôi im lặng về điều đó. Họ xì xào với nhau: “Bằng mọi cách phải cứu được nó.”

Sau đó, họ cho tôi uống một chất màu đỏ như máu và ăn toàn miếng thịt được cắt rạch ra từ cơ bắp của những người đã chết. Trước khi dùng được những thứ như thế họ bắt tôi phải học cách tự nuốt lưỡi và nghiền nát hàm răng mình. Lúc đầu tôi phải tập tành nhai nuốt những con mắt của trẻ em, sau này mới gặm nhấm nổi cái đầu của những con người lớn hơn. Mọi cách thể hiện đều khiến tôi phải trấn áp mình lại bằng cách không nôn mửa. Nhưng thường thì thế này, vào lúc nửa đêm tôi thấy những con người vọt ra từ cổ họng tôi tụ tập lại ở trong phòng tôi rất đông. Nhưng đêm nay, họ có đủ số người vẩy tay chào tôi rồi đẩy cửa bước ra khỏi phòng.

Tôi nghe ngóng được có tiếng ồn bên ngoài, họ đang huyền thuyên với thế lực nào đó, rằng: “Tôi đã chết. Ở trong phòng tôi chỉ có một xác chết. Cái xác chết của tôi là dấu hiệu tốt nhất để lấp vào lỗ hổng của bảng danh sách.” Khi hình dung ra việc họ sắp ném cái xác của tôi vào lỗ hổng, tôi bật dậy chạy ủa ra ngoài – với tốc độ đủ làm tôi té nhào vào bảng danh sách.

Trích thơ:

### VỀ TÔI

*Tên tôi, Tuệ Nguyên  
quê Caklaing dân tộc Chàm*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

tôn giáo Bà-la-môn quốc tịch Việt Nam  
gia đình có sáu chưa rụng quả nào

Trong một thế giới mọi thứ đều tầm thường hóa  
không ai còn tin những điều phi thường  
tình yêu thương sự hi sinh  
nên tôi chỉ muốn khai báo cho có lệ nhưng

Tôi ít khi quan tâm đến tên họ quê quán dân tộc  
tôn giáo hay quốc gia  
vì tôi lúc nào cũng có cảm giác một mình  
hoang mang về gốc nguồn và nơi ở

Tôi cũng ít khi quan tâm đến tuổi tác theo thủ tục hành  
chính  
vì lẽ tôi không đếm ngày sống của mình bao giờ

Khi chìm trong khoảng lặng cuộc đời  
tôi viết những ngôn lời mọc lên từ ngọn lửa con tim  
có khối óc làm chất xúc tác  
đôi khi tiếng ồn của nó tác động đến thái độ người khác  
việc đó đối với tôi chẳng có gì quan trọng  
đôi khi sự im lặng của nó cũng là cái mầm tội lỗi  
khiến nhiều người ngờ vực  
việc đó đối với tôi cũng chẳng có gì quan trọng

Để giữ một lối sống trong sạch và khoẻ khoắn  
tôi phải tập giao cảm với cái đẹp  
tập luôn cách buông xả những áp lực thường nhật  
mọi người ở phía xa phán tôi là kẻ chạy trốn cuộc sống  
mặc kệ chẳng có gì quan trọng cả

Trong cuộc chạy đua mà lúc nào tôi cũng bình tĩnh vào  
buổi sang  
tôi phát hiện mình ở vùng miền khác chênh vênh lạc

HUYỀN ÁI TÔNG

loài

trái tim tôi đập lệch pha một chút  
các quý bà đâm ra xa lánh tôi

Khi những hệ lụy đang tự bật gốc rễ  
tôi đi vào đời sống tôi đụng đầu với kẻ  
gai góc tôi đụng đầu với kẻ bênh vực  
tôi luôn ngỡ ngác kẻ cả bọn trung lập

Lúc vui lúc buồn tôi hút thuốc lá tôi nốc  
cạn ly beer trên vỉa hè khu phố lạ tôi tán phét  
bằng triết lý thánh giả đạo đức chính trị  
những cô ả qua đường liếc xiên mắt vào đám  
đông đang chọc ghẹo sự im lặng trong tôi  
cũng được để ý

Ở nơi tôi sinh ra  
nơi chỉ có gió thổi rác bay  
nắng đốt rám da vàng tóc  
cơn gió làm run đôi chân trần  
bóng tối luôn có những con ma gây sợ hãi nơi tâm trí  
tôi mở tiệc ăn mừng hàng đêm liền  
say xỉn, tôi đập nát cả cái Tôi trong tôi

Nhưng khi ở phố thị Sài Gòn  
tôi được ngắm những chiếc hộp sắt cao/rộng luôn chứa  
thải những con người tôi được  
ngắm những con đường đông nghẹt xe cộ  
luôn có đèn xanh đèn đỏ ở ngã ba ngã tư  
đường tôi luôn đi lạc

Đâu đây quanh tôi đủ thành phần người  
từ doanh nhân/công nhân viên chức  
đến những đứa trẻ rao bán vé số/kẻ ăn xin  
gã lang thang/cô gái đứng đường



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*lâu lâu có những tên côn đồ đánh đập nhau  
chảy máu những tiếng còi hú và hình người  
chạy tán loạn những gã cóm rình giắc  
ngủ khu ổ chuột trong đêm khuya cặp  
tình nhân ôm hôn nhau vội vã tiếng chó tru  
lúc nửa đêm và những sợi dây thông lọng  
treo xác chết tôi vẫn trở mắt nhìn*

*nhìn vào những mộ phần và những đèn đài  
tượng niệm tôi nhìn xuyên bức màn thời gian  
Sài Gòn và bóng ma của nó tôi nhìn*

*Nhìn vào điệu ngữ ngoài kia  
anh em tôi vẫn hô hào khẩu hiệu về tự do và  
dân chủ hô hào khẩu hiệu yêu đất nước mình  
đất đai và biển đảo hô hào trong ngục tối  
hô hào và hú gọi nhau... ơ ơ  
chỉ sự im lặng ở lại  
ồn bức tường lớn vờn trên đầu*

*Dù là gì thì trong tâm khảm tôi ở đâu đó rất  
xa không có dấu vết gì về tôi và cũng không  
thuộc phạm quyền của tôi tất cả tan biến*

*Chỉ có Thượng đế rơi rụng chòm râu bạc  
có ai đó đốt que diêm soi nhìn mặt hắn.*

### **Cây chổi tự truyện**

*Tôi là cây chổi  
nhiệm vụ của tôi là  
quét  
quét rác  
quét sạch rác*

## HUYỀN ÁI TÔNG

Tôi quét từng ngày  
từ trong nhà một anh nông dân đến những thành phố lớn  
từ một cơ quan thôn làng nhỏ bé cho đến dinh đài các lãnh  
chúa  
từ đồng bằng cho đến miền núi  
từ ao hồ nhỏ cho đến ngoài đại dương xa xôi  
tôi quét luôn cả kí ức đau thương  
quét luôn chính tôi  
quét  
tôi vẫn làm việc miệt mài với niềm tin rằng: "Mọi nơi sẽ  
luôn sạch sẽ."

cho đến một ngày khi tôi tự vấn, rác là gì?  
thì có đôi bàn tay ném tôi vào sọt rác

Và, tôi - là rác  
sống một đời sống của rác  
thứ bị vứt  
thứ bị chà đạp, coi khinh

Tôi khóc cho những cây chổi đang làm nhiệm vụ  
quét  
quét rác  
quét sạch rác

quét cả tôi.

### **Ở thời điểm mà màn đêm lên men**

Đằng sau sự vụng về của chúng ta là sứ mệnh của tình yêu  
niềm tin và đam mê  
thiêng liêng và nhục cảm

Em - thiên sứ đến nhen nhóm trong ta ngọn lửa đốt cháy  
niềm vô cảm

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ở thời điểm mà màn đêm lên men  
ta đắm chìm trong vòng tay ôm và đôi ngực căng tròn em

hơi thở toát ra từ toàn thân công lạnh  
- bởi cơn gió và sự nghi hoặc  
ta chạm vào mùi hương của làn tóc  
của da thịt em  
định vị lại nhịp điệu của con tim yếu mềm đang đập loạn xạ  
trong lồng ngực

Chính ngay lúc ấy  
chúng ta tìm được cái nguyên thủy của thú tính đang ẩn  
tàng trong người  
những tiếng kêu rên không rõ âm lời  
khi ta mê mê - cái thân thể đang thêm muốn  
óc não ta như tróc vỏ tước đi những khối lo/ những khối  
nặng  
khiến ta phải chịu đựng những gì đã vụt qua đang qua và  
sắp đến

- ta chạm vào nhau  
nơi u tối của tâm hồn - là sự nhục dục  
nơi tự do của lương tâm - là sự phản loạn  
trong cơn say miên viễn - ta đạp lên sự tha hóa của đời  
sống thường nhật

Ôi! ta đang ở rất gần em  
chỉ một bước nữa là đi xuyên qua người em  
nhưng ta đã dừng ở đó rất lâu  
nơi ta và em đang bão hòa cái linga và yoni của tồn sinh  
nhân thể  
nơi ta và em đang say với trò chơi ái ân để không còn cảm  
thấy sự tồn tại của mình nữa

## HUỖNH Ỉ TÔNG

nhưng đđ cđng là nơi  
mà nguồn đđm mê có đđ nhưng thoáng rất nhanh  
rđi ta trở về căn nhà  
nơi ta hoài nghi những gì đđ xảy ra  
ta kiếm tìm những gì giống như thế trong nghĩa địa ký ức  
chỉ thấy em, người đđn bà đến lay ta tỉnh giấc lúc đđm  
khuya.

### Lễ của lễ hội

#### 1.

Đây ngày hội của rác rưởi  
thời đđi những óng kính đục khoét những gã khổng lồ  
moi tìm những kẻ nằm trong ngục tối  
và những người đđược xem là không có mặt của ngày hôm  
qua

cđng chính đđm đđ  
có người kẻ lẻ về đời sống thế sự  
đưa mình vào cỗ tích ở nơi chốn  
những kẻ chối tội làm nên nghệ thuật sống  
những thằng đđiên trở thành học giả  
những kẻ khổng lồ có xu hướng béo phì  
những kẻ tâm thường có nguy cơ mất tích  
có cả bè lũ ngu ngốc im lìm lắng nghe  
khuya lắm rồi tôi còn nghe tiếng vỗ tay rất thanh của đđám  
lâu la

tôi phải nhảy qua bóng đđm để kẻ thành tích mình.

#### 2.

Đây ngày mặc niệm của những bóng ma  
những linh hồn cđi cút gặp nạn dưới địa ngục  
lắm bám bản kinh lật mặt tối về đời sống loài người

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*cũng chính đêm hôm đó  
những khuôn mặt đã chết nổi cộm lên đòi quyền sống  
họ ùa đến rất nhiều đến nỗi choáng ngợp không-thời gian  
ở đó họ bao phủ tôi  
bao phủ khuôn mặt tôi  
cái khuôn mặt cứng đờ vì ngỡ ngàng*

*cũng bằng sức lực bàn tay mình  
tôi lột luôn con người tôi  
bằng cách làm nổ phồng những xác chết găm gùi tôi để  
chất vắn về đời sống.*

### 3.

*Đây ngày lễ của thánh thần  
loài người chém giết nhau tranh giành quyền nhân danh  
ở trên thiên đàng – những vị thần say rượu đã lảm cẩm*

*cũng chính đêm hôm đó  
một tội ác đến từ miền đất mà mọi điều có thể  
đổ lên đầu đám vô thần  
loan báo cho họ một tia hi vọng cho sự tự do  
cái tự do được đi bằng đôi chân mình  
mà mọi tiếng động đều được để ý*

*cũng đến từ miền đất đó  
thuật ngữ công bằng chèn ép nhóm thiểu số và buộc chúng  
phải chịu đựng  
tôi phải ví đời sống mình như một đèn thờ  
để xưng tội và cầu nguyện*

*Và đây  
ngày hội của con người  
phố thị nuốt mất đàn bà  
đường phố phải tạo ra giống loài như thế để lũ ngợm  
nghịch*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*tôi dùng sức mình nâng cao hai bàn tay trắng hoan hô  
đồng loại*

### 4.

*Trong ba lễ hội này bạn không có quyền được cô đơn  
nếu là ngoại lễ bạn nên chọn cuộc chơi cho riêng mình*

### 5.

*Còn tôi  
kẻ tham dự tang lễ của kẻ vô hình  
người đã vác mang đủ khuôn mặt các vị khách mời*

*Phải chăng  
cả tôi và (họ) có đủ số lượng để khẳng định người vô hình  
đó là ai?*

## Mi và ngôn lời

*Mi luôn được đảm bảo về mọi mặt  
mi có thể trở nên tri thức hơn  
mi có thể dạy đời tôi bằng khuôn khổ đạo đức khắc khổ mà  
loài người đã chịu đựng  
mi có thể lãng nhục đời tôi bằng những cuốn sách đắc  
nhân tâm qua kiểm duyệt  
hay những ảo tưởng về cái đẹp  
hay những mặt nạ có bôi son phấn rẻ tiền  
nhưng mi không thể  
mi hoan nghênh tôi*

*bằng ngôn lời  
mi gọt giũa tôi*

*bằng ngôn lời  
mi cắt tỉa lông cánh tôi*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*bằng ngôn lời  
mi dựng rào cản cảm tù tôi*

*bằng ngôn từ  
mi thoa mạ và thêm trọng lượng vào chiếc bóng quá cỡ  
thân thể tôi*

*bằng ngôn lời  
mi cầm đuốc và thiêu sống tôi*

*và cũng bằng ngôn lời  
mi đã giết tôi*

*Ở sự phòng vệ sản ảnh tương cho tôi nhìn xuyên khuôn mặt  
mi  
tôi cô lập tôi  
tôi bỏ mặc tôi  
để bắt th[<sup>l</sup>]ình tấn công trực diện vào tôi  
và tôi, kẻ nặng nề và tật nguyền  
đem con đoi  
lấp luôn cuộc đời và đường đi*

*ở nơi góc nhọn dị thường của cuộc đời  
mi chứng kiến cái chết của tôi  
mi có thể thấy cái hố sâu đã hút mất con người như thế nào  
và vách tường cao vô cùng tận đã cảm tù con người ta suốt  
đời như thế nào*

*mi có thể thấy  
nơi mà những cuộc đời thống thiết  
dựng muôn vòm hệ lụy  
để con người ta hướng cái nhìn về*

HUYỀN ÁI TÔNG

*mi có thể thấy  
nơi mà những thân phận đơn độc trôi dạt về thấp lên ngọn  
lửa trong đêm  
lạnh lẽo của cuộc đời  
để con người mò về sưởi ấm*

*Nhưng mi không thấy  
mi hiện diện để nhìn cái xác tôi  
mi hiện diện để giết chóc, cầm tù  
còn về phân ngôn lời  
nó tìm không ra kẻ thù  
giã giữa gục chết*

*Và mi,  
câm lặng.*

**Lời bộc bạch của một linh hồn**

*Tôi là thai nhi  
tôi chưa đủ hình hài của một con người  
tôi bị tước đi cuộc sống  
từ đôi bàn tay của kẻ mặc áo blu trắng  
tôi bị cắt bỏ không rõ lý do  
tôi bị vứt đi như một cục thịt  
cái cục thịt mà mọi người có thể nhìn thấy ở gian hàng của  
các bà bán thịt trong chợ*

*Tôi được vứt đi để người nhẹ nhõm  
tôi được vứt đi để người ngưng cao đầu làm dáng, tiếp tục  
sống  
tôi được vứt đi để người khỏi phải dễ dãi trong trò chơi tự  
do yêu đương  
có khi tôi được vứt đi chỉ vì tôi là con gái  
trong một cộng đồng nặng vấn nạn “trọng nam khinh nữ”*



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Thưa,  
đó có phải là câu hỏi để người quyết định sự lựa chọn cho  
câu trả lời đúng/ sai?  
thưa,  
đó có phải là trách nhiệm của người đang cưu mang – để  
tôi còn hi vọng hiện hoạt  
như một sinh linh khác  
được nuôi dạy  
được đi học  
được ước mơ*

*Người biết không  
trong bụng người  
tôi không có gì để tự vệ  
chạy trốn cũng không  
ẩn núp cũng không  
chỉ duy người biết  
tôi không có quyền gì hết  
cũng như không thể phán xét hay kết án ai là kẻ sát nhân*

*Khi lúc khai tử đã định  
luật lệ người đời cũng không bảo vệ tôi hơn người  
người biết không  
khi cái cục thịt đó được vứt đi  
linh hồn tôi vẫn bám theo bóng người  
vì không biết đến một ai khác để nương tựa*

*Và tôi - kẻ vắng mặt trong suốt cuộc đời người  
chơi vơi  
trong một thế giới khác  
ở đó  
tôi chờ đợi người để gọi một tiếng “Mẹ”.*

**Hồi chuông**  
gửi nhà thơ Đồng Chuông Tử

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nơi những con tim ném mình trong ngực tối nghẹn tiếng  
với nhịp đập thoi thóp  
moi tìm ánh sáng  
Nơi những âm lượng bị nén chặt và những cuộc trốn chạy  
trở nên cuồng loạn  
Kẻ ra đi mang vác theo cả âm bản hoan lạc/đau khổ  
rồng lên những hồi chuông

Nơi các vị thánh bị lật tẩy vẻ già nua và mù loà  
trước trọng trách đốn mạt tự gán  
Nơi những chiếc mặt nạ lột trần không còn giết mình kinh  
ngạc nữa  
Kẻ ở lại chỉ biết cúi đầu ta thán về đời sống vô định  
Âm vang của hồi chuông lạc giọng điệu âm i mãi

Nơi không còn là nơi nữa  
Nơi không còn dấu chân của loài người nữa  
Còn ai nghe tiếng tắt thở của chuông?

(Sài Gòn, 5-2008)

### Lá

Tôi là chiếc lá non xanh mới nhú  
khi tôi thấy các anh chị âm thâm rụng xuống mặt đất  
và nằm im bất động  
mưa bầm dập  
gió cuốn trôi  
tôi suy tư về mùa màng lạ lùng đi qua

Gió – tên lãng du luôn làm tôi run rẩy  
mi là ai mà gieo quanh tôi  
những ngôn từ thì thầm ngọt lịm  
những lời mời mọc dịu dàng cùng bay cao/xa  
những tiếng cười chua ngoa

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*những im lặng rùng rợn  
và chỉ có những chú chim sẻ hót quanh/chăm chú nhìn  
con sâu nhỏ  
đang bò trên mình tôi*

*Ánh mặt trời nhìn tôi đang hấp hối  
bóng đêm vây quanh và im nghe hơi thở tôi  
con mưa phùn tạo dáng tôi  
những giọt sương trang điểm tôi mỗi buổi sáng*

*Vào một ngày đẹp trời về già nua đến với tôi  
tôi thấy mình đổi màu và mỗi một  
con gió đột nhiên ghé ngang qua  
các thế hệ tôi vui nhộn rời cành và biết bay*

*Riêng tôi  
rơi và xoáy  
trầm nhẹ mình xuống dòng xuôi  
trôi trong cô độc.*

(Sài Gòn, 4-2008)

**Con đường và, tôi: kể đi**

*Trên con đường tôi đi và trang điểm  
trò nguy trang đánh lừa cả cuộc diễn cuộc chơi và cuộc  
đời mình  
đổi mặt với từng hành trang cần thiết  
tôi trở nên uể oải*

*Nỗi xao xuyến về thân phận mọc lên tựa nấm mồ  
óc não thè lưỡi liếm quả tim hấp hối  
tôi bị chứa đựng trong vỏ bọc lẻ loi và trở nên nghệt  
thở  
dù là vậy tôi vẫn tiếp trò đào xới xếp đặt*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Một hi vọng trong cuộc hành trình  
trật tự và yên bình  
loài người tự vẽ ảo tưởng tự do trên nghĩa trang đời  
mình ở  
cuối con đường*

*Từ góc gác cho đến phận mình  
tôi thấy mọi người đều sống cho đến chết  
cơ thể tôi run rẩy  
hơi thở phập phồng lạc nhịp trú tôi vào vũng tối  
tôi lắng nghe tiếng gọi thống thiết của muôn vàn hệ lụy  
ở khúc rẽ ngoặt trong tôi bốc cháy.*

(Sàigòn, 6-2008)

Trong bài: *Chùm thơ: "Lẽ của lẽ hội"* của Tuệ Nguyên, tác giả Lê Anh Hoài viết:

*"Đọc Tuệ Nguyên là đi vào một thế giới vừa tâm linh đến u minh vừa rất thật đến như có thể chạm tay vào để có những cảm giác cụ thể... Là nhà thơ người dân tộc nhưng lại ở thành phố, một mặt anh cháy mình trong cuộc sống đương đại, nhưng vẫn đau đáu: phé tích cha ông bỏ mặc/ linh hồn tộc người trôi bần... Ngoài đời, Tuệ Nguyên mang dáng vẻ rất đặc trưng của kẻ tha hương, đang đi tìm bản thể của chính mình. Anh có thể đi khắp nơi, vài tháng, không một xu dính túi."*

Tài liệu tham khảo:

- Tuệ Nguyên Web:
- Theo cách đó tôi bị ném vào danh sách Web: [tienve.org](http://tienve.org)

**30. H'Triem Knul**



**H'Triem Knul (1982-20 )**

Nhà văn H'Triem Knul dân tộc Ê đê, sinh năm 1982, tại Buôn Kang, xã Ea Knuêc, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Là giáo viên trường Trung học Cơ sở Trần Văn On, huyện Krông Pắc.

Là hội viên Chi hội Văn Học Nghệ Thuật Đông Đắk Lắk.

Hiện sống và làm việc tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tác phẩm:

- *Tiếng chiêng dài* (thơ, Văn hóa Dân tộc, 2010)

Trích thơ:

**Người kể khan**

HUỶNH ÁI TÔNG

Già đang khan  
Già say lời kể  
Người nghe say lời già  
Già kể từ ngày trước  
Ngày sau chưa hết lời  
Trẻ em đến lúc buồn ngủ  
Người lớn đến lúc mỏi lưng  
Chỉ có già đau  
Khi anh hùng của bài khan ngủ quên.  
Không bảo vệ nhà sàn của anh  
Già bật tiếng khóc  
Khi dân làng của người anh hùng bị bắt làm nô lệ  
Giọng già như gió cuốn bụi bay  
Giọng già như hổ gầm buổi tối  
Giọng già như suối chảy đầu hôm  
Già cao giọng giữa nhà  
Trẻ em đến phải ngủ dậy mà nghe  
Người lớn đến phải thẳng lưng mà nghe  
Lời kể trở thành bài ca  
Lời kể như hoa ban sớm  
Người anh hùng của bài khan như vẫn còn sống  
Người anh hùng của bài khan như chưa hề làm lỗi  
Con cháu của người luyến tiếc người không hết  
Con cháu của người không trách người một lời  
Giọng già kể không bớt bồi hồi  
Giọng già kể càng lúc càng say  
Chưa đến mùa rươi cần  
Đã nghe nồng mùi men  
Những anh hùng  
Bởi già khan  
Bất tử

**Triết lý tặng mẹ**

Ngàn cây đang khát nước

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Lá xanh có lẽ tàn úa  
Mây không trở về  
Gió sao lặng thinh?  
Bỗng trời xé toạc chân mây  
Một tia chớp đỏ rạch ngang  
Trời đổ cơn dông  
Che lấp miền khô cạn  
Mẹ nói,  
Xưa, trái tim mẹ cũng vậy  
Bố mang xà gạc bén  
Đón rừng đốt lửa rẫy  
Mẹ gieo hạt bắp trắng  
Tình yêu đến không ngờ  
Mẹ nói,  
Nay, trái tim mẹ cũng vậy  
Con lớn khôn nhậy nhót  
Đứng hiên ngang giữa đời  
Tình yêu con vô bờ  
Và con thấy  
Đời là bão dông tình yêu  
Chỉ khi thế  
Người ta mới sống!

### **Bên bếp lửa**

Bên bếp lửa  
bà ngoại ngồi khan  
miên man sử thi xưa  
trong lời say tuôn chảy  
Bên bếp lửa  
mẹ thổi com nếp  
tròn xoe trái bầu  
chắc mùi thơm nức  
Bên bếp lửa  
cha gán đing năm

HUYỀN ÁI TÔNG

*hồn say xưa hát  
ngày qua và ngày mai  
Bên bếp lửa  
em gái bi bô  
gọi âm, ami  
mát tròn thắm núi rừng.*

**Huyền thoại cây K'nia**

*Cây k'nia bóng tròn vênh mặt trời  
ai đã ví như thế*

....

*Bóng cây nào có gì đâu  
nhờ mặt trời chiếu xuống  
cây nên huyền thoại*

*Sáng,  
bóng cây tròn mọc lên  
đất thắm sương đêm qua  
in dấu chân người cha*

*Trưa,  
bóng cây vẫn ở đây  
dáng trầm ngâm khon tả  
lặng gió mà chắc cây  
dấu tria bắp mẹ hần.*

*Chiều,  
bóng cây chưa vội thu  
ít nhiều vết nhấp nhô  
bắp hạt đâm mầm rễ  
đợi sáng mai...*

**Dòng Suối đã đổi màu**



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Nơi tôi sống mang tên một dòng suối  
Dòng suối chảy trọn chiều dài của những ngôi nhà sàn  
hơn ba thế hệ

Nước suối trong veo  
hiển hiện mọi bậc đá nằm tận cùng lòng sâu nó  
như bao ý nghĩ phơi nắng trần trụi của người chất phác .

Dòng suối nuôi tóc bà tôi  
dài vượt tám lưng  
cho bà gói cả những câu chuyện sử thi dài hơn ba đêm kể  
Dù nắng làm cho tá toi  
tóc vẫn thẳng.

Dòng suối nuôi tóc mẹ tôi  
dài ngang tám lưng  
cho mẹ gói đời tui khổ chỉ của riêng mẹ  
Dù gió làm cho rối bời  
tóc vẫn thẳng.

Dòng suối nuôi tóc tôi  
dài chưa kịp tới lưng  
suối màu trong thành đục.

Tôi không thể cho nước cuốn dài mái tóc  
như thuở mười lăm nữa!

Tóc tôi chưa kịp dài!  
Dòng suối đổi màu  
Lấy gì cuốn gói hiện tại, tương lai?

### Tiệc rượu

Hai mùa một năm  
có một mùa dành bảy ngày để uống rượu cần

HUYỀN ÁI TÔNG

*Ấy là bảy ngày để say  
ấy là bảy ngày để thương và để nhớ*

*Bảy ngày để kể hết một bài ca  
để ngọn lửa trong bếp không có khoảng lụi tắt  
nhiều con mắt hướng về một nơi*

*Bảy ngày người già trẻ lại  
tìm lời "duê" cho nhau*

*Bảy ngày để trẻ thơ thuộc bài ca  
nhấp chút nước rượu  
biết rằng lớn lên mình sẽ được say*

*Ấy là bảy ngày để ay ray  
ấy là bảy ngày để thương và để nhớ  
bảy ngày hẹn mùa sau.*

Trong bài: *Một nền văn học nghệ thuật giàu hương sắc*, Phó giáo sư, Tiến sĩ Phạm Quang Trung đã viết về H'Triem Knul như sau:

*“Tôi mừng vì sớm nhận ra nhiều bài thơ của K'Triem K'Nul thật sự chạm vào những vấn đề lớn lao can hệ tới sự tồn vong của toàn dân tộc, thậm chí toàn nhân loại, trong hiện tại và cả trong tương lai nữa, như việc bảo vệ môi trường, nhưng lại được thể hiện rất hồn nhiên bằng lối nói bình dị, nhẹ nhàng mà có sức lan tỏa.”*

Tài liệu tham khảo:

- H'Triem Knul Web: [pqtrung.com](http://pqtrung.com)
- Người kể khan Web: [vhntkroingpac.blogspot.com](http://vhntkroingpac.blogspot.com)

### 31. Y Việt Sa



#### Y Việt Sa (1990-20 )

Cây bút trẻ Y Việt Sa, dân tộc Bana, sinh năm 1990, tại huyện Đăk Hà, tỉnh Kontum. Cha là người Bana-Rongao, mẹ là người Kinh.

Y Việt Sa đã theo học Khóa 4, Khoa Báo chí tại Đại học Khoa học Xã hội Hà Nội.

Là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Kontum.

Có bài viết đăng trên tạp san *Áo trắng*, tạp chí *Văn nghệ Kontum*. Có Trang Facebook cá nhân đăng truyện ngắn, thơ và tùy bút.

Đã tham dự Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc lần thứ VIII do Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức tại Tuyên Quang, từ ngày 7 đến 11 tháng 9 năm 2011. Là một trong số ít các đại biểu 9X.

Trích văn:

HUYỀN ÁI TÔNG  
**Quan tòa bất đắc dĩ**

Tôi nhận tin nhắn của Hân khi đang ngồi kê cà cùng đám bạn. Men rượu bắt đầu làm đầu óc tôi lâng lâng thì tin nhắn của em làm tôi tỉnh táo ngay:

*Bây giờ em đang xếp đồ, đợi vài hôm nữa sắp xếp xong mọi chuyện trong nhà em sẽ đi.*

*Em đi đâu? – tôi hỏi lại*

*Thuê nhà ở.*

*Sao vậy?*

*Em không có má – Hân trả lời gọn lỏn.*

Mối quan hệ của Hân và mẹ em không phải là không tốt nhưng vì hai cái tuổi không hợp nhau nên chuyện hai mẹ con em giận nhau đã thành cơm bữa. Hân thuộc tuýp người nóng tính, đôi lúc quyết định vội vàng. Còn mẹ em là một người phụ nữ rất cứng rắn trong cách dạy con. Có lẽ hôm nay em vừa bị bà phân nân nên mới xảy ra chuyện.

\*\*\*

Nhưng Hân ra ngoài thuê nhà ở thật.

Hân là mối tình thứ hai của tôi. Người ta thường bảo mối tình đầu là mối tình đậm sâu nhất trong cuộc đời mỗi con người. Nhưng có lẽ với tôi là ngoại lệ. Trong tôi luôn thường trực hình bóng em. Tôi cũng không thể lý giải tại sao tôi lại yêu em nhiều đến vậy và vì sao tôi lại chọn em khi quanh tôi luôn có rất nhiều những cô gái sẵn sàng sống chết vì tôi. Lần đầu gặp, em đi cùng một người bạn của tôi. Tôi cứ ngỡ em và người ấy

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

yêu nhau nhưng tối đó khi tôi đưa em về từ quán karaoke thì tôi mới biết em đang một mình. Tôi chủ động mời em đi ăn. Không ngại ngần, em nhận lời. Và ngay lúc đó tôi đã ấn tượng với con người của em. Đến khi ngồi vào bàn ăn, không như những cô gái khác, em ăn uống rất tự nhiên và em nói có dịp em sẽ mời tôi đi ăn ở những quán ăn vừa ngon vừa rẻ trong lòng thành phố này.

Hân ăn nói nhỏ nhẹ. Mỗi lần đi chơi cùng em, tôi nhận ra em vừa như là người của đám đông nhưng lại vừa như một người cô đơn. Em vừa mạnh mẽ nhưng cũng vừa như yếu đuối. Em vừa như hòa hợp với tất cả nhưng cũng vừa như xa cách và hình như em luôn có thể giới của riêng mình và chỉ những ai em thật sự yêu thương mới có thể bước chân vào cái thế giới mà em đã tạo ra. Hân rất tò mò, điều gì em muốn biết là em phải tìm hiểu cho ra và hỏi tới cùng. Chính vì lẽ đó, nhiều lần em lao vào những đề tài hết sức nhạy cảm và có thể sẽ ảnh hưởng đến công việc của em. Tôi can em nhưng lúc nào em cũng gạt đi *“mình sợ gì mà không nói, mình nói sự thật chứ có nói dối đâu mà phải sợ”*. Cái tính “thẳng ruột ngựa” và sự liều lĩnh của em làm tôi nhiều lần đau tim. Và lần này cũng vậy. Chẳng lẽ mối quan hệ giữa hai má con em lại căng thẳng đến thế?

Tôi hỏi em và em trả lời một cách điềm nhiên *“má không hiểu và luôn cho rằng em làm việc gì cũng đang dở nên em nên em sẽ chứng minh cho má thấy là em không như thế!”*.

Phòng trọ của em nhỏ nhưng có đầy đủ các vật dụng cơ bản cho một gia đình. Một cái tủ lạnh nhỏ, một cái tivi, một cái bếp ga và đồ đạc nấu ăn, chén bát đầy đủ.

*Sao em không ngồi lại nói chuyện với má?*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Em có nói cũng chẳng ích gì đâu. Má lo cho em ăn học, má nuôi nấng em, em không phủ nhận công sinh thành dưỡng dục của má dành cho em nhưng đâu phải vì thế mà má có quyền ngăn cấm em làm những thứ em muốn. Trước đây má bắt em học kinh tế trong khi đam mê của em là viết lách, má bắt em chia tay với mối tình đầu, em cũng đã chia tay. Má là người em rất mực yêu thương và kính nể nhưng không ít lần má làm em đau bởi những câu chuyện đã thuộc về quá khứ. Anh không sống cuộc sống của em nên anh không hiểu đâu.*

Hân nói một thôi một hồi rồi nước mắt lăn lăn rơi xuống.

Tôi thương Hân nhưng tôi cũng thương mẹ em. Những bà mẹ thường như vậy khi cuộc đời của họ quá nhiều đau thương và cuộc sống không êm mượt như nhưng mà ngược lại, luôn xù xì như gai mít. Bà đã sinh ra em, nuôi em lớn, cho em đi đây đi đó, cho em ăn học. Bà hà khắc nhưng cũng hết lòng nâng niu, chiều chuộng em. Bởi thế đôi khi trong suy nghĩ của một đứa trẻ - vừa - lớn và cuộc sống chưa có nhiều trải nghiệm như Hân cộng với lúc này, khi em còn đang trong cơn giận thì nói ra những lời đó cũng là điều dễ hiểu. Tôi hiểu em cũng yêu thương bà bởi nhiều lần tâm sự với tôi em bảo khi nói chuyện với má, em tỏ vẻ rằng mình thản nhiên trước những lời má nói nhưng rồi khi chỉ còn em và bốn bức tường, những trở trăn lại rục rịch kéo nhau thức dậy. Em ân hận trước những lời mình nói với má và em nhức nhối đến nghẹt thở.

Tôi đứng cửa giữa, tôi yêu em nhưng cũng không có nghĩa tôi đứng về phía em.

\*\*\*

Cuộc sống ở ngoài đường như làm Hân cảm thấy thích thú. Mỗi lần tôi ghé thăm là em luôn đón tôi bằng một nụ cười và một tâm trạng thoải mái. Tôi định hỏi em có gọi về cho má

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

không nhưng lại sợ em không vui nên thôi. Hôm Hân xách balo ra khỏi nhà, má em có điện cho tôi và nói tình hình của Hân. Bà nhờ tôi coi ngó và chăm sóc Hân vì Hân được nuông chiều từ nhỏ, ra sống một mình lại không biết cách chăm sóc bản thân.

Tôi hỏi sao cô không giữ Hân lại? Bà trả lời “*cứ để Hân đi cháu ạ, cô có giữ lại thì chỉ càng làm Hân muốn thoát khỏi vòng tay cô thôi. Tuổi trẻ thường như vậy mà*”.

Rồi bà cúp máy. Trong giọng nói của bà có điều gì đó rất buồn và ứ nghẹn.

Hân và tôi đi ăn hải sản. Đột nhiên em nói “*Hôm nào em sẽ dẫn má đi ăn ở quán này*”. Rồi dường như biết mình lỡ lời, em len lén nhìn tôi. Nhưng tôi vẫn tỏ vẻ bình thản và giữ vẻ mặt điềm nhiên như chưa có chuyện gì xảy ra. Hân của tôi là thế đấy! Làm như không có chuyện gì nhưng trong lòng lại đang rối bời. Tôi nghĩ ra một cách để đưa em gần lại với má nhưng tôi chưa kịp thực hiện thì vài tuần sau đã xảy ra một chuyện trước khi lá thư má em nhờ tôi gửi đến được tay em. Lí do là vì công việc bận quá mà tôi quên bống đi.

Hôm đó tôi đang giải quyết một số công việc nội bộ của cơ quan thì em gọi điện cho tôi và nức nở “*anh ơi, má em bị ngã, hàng xóm đưa vào bệnh viện rồi*”.

Tôi giải quyết công việc một cách nhanh nhất có thể rồi phóng xe xuống phòng trọ của em. Em ra đón tôi với cặp mắt sưng húp và nói với tôi bằng cái giọng khản đặc vì khóc quá nhiều “*chờ em đến viện*”.

Chị gái Hân đang ở đó. Má em đang nằm yên trên chiếc giường trắng toát và hơi thở yếu ớt. Chiếc bình chuyển nước nhỏ từng giọt tong tong. Chân má em đang phải bó bột. Chị gái Hân bảo

## HUYỀN ÁI TÔNG

má hiện giờ yếu lắm. Huyết áp của má đang cao. Má ngã trong lúc đang chà nhà tắm. Hân chỉ nghe nói thế mà nước mắt đã tuôn như mưa. Chị gái Hân bảo em về nhà lấy vài bộ đồ đến cho má. Hân cầm chìa khóa nhà và bước ra ngoài với đôi mắt đỏ hoe.

Em mở cửa nhà. Ngôi nhà sạch sẽ nhưng lạnh ngắt vì không có hơi người. Bàn thờ ba em nhang đèn cũng đã tắt. Em mở tủ lấy ra vài bộ đồ rồi bần thần quay ra. Thấy em như vậy, tôi lay lay người em. Em không nói gì, tôi nhìn vào đồng quần áo mà em vừa lôi ra. Có một cái áo con gái, hình như đã rất lâu rồi.

*“Đó là cái áo của em hồi em học tiểu học anh ạ. Cái con thỏ ngay vai áo là chính tay má khâu cho em vì trong một lần đùa với các bạn, em bị rách áo. Bao nhiêu năm rồi mà má vẫn giữ cái áo này. Em cứ tưởng má đã bỏ đi lâu rồi chứ. Em thật sự rất tệ!”.*

Tôi sực nhớ đến lá thư. Tôi mở ví và đưa cho em. Quá xúc động, em nhờ tôi đọc nó.

*Hân của má!*

*Trước hết má muốn con biết rằng má yêu thương con hơn mọi thứ trên đời này và không gì có thể làm cho má hết yêu thương con cho dù con có giận má hay nói những lời làm má đau lòng.*

*Con đã có lần nói cái giọng của má nghe chát ngắt và rất dở nên má đừng nói to. Má đã rất buồn nhưng má hiểu vì con được đi đây, đi đó, con giao tiếp với nhiều người và họ luôn nói với con những lời hay, những lời êm ái. Má thì không được như vậy. Chất giọng của má không hay nhưng đó là tiếng mẹ đẻ của má, là quê hương của má và là một phần máu thịt trong con. Lời má nói không hay nhưng nó xuất phát từ trái tim của*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*má và má cam đoan đó chính là những lời chân thành nhất mà chỉ có con và anh chị em con mới được nghe.*

*Con cũng đã có lần nói má độc đoán vì muốn con làm cái này cái kia mà không nghĩ đến cảm xúc của con. Má xin lỗi vì má đã ích kỷ khi bắt con phải làm theo ý má. Nhưng ba con mất sớm, một mình má phải chèo chống với cuộc đời này để nuôi các con. Bởi vậy lúc nào má cũng mong các con thành đạt để các con có thể gánh vác mà nhìn đời. Hồi ba con mất, má đã chịu biết bao nhiêu tủi cực, người ta thương hại, người ta khinh rẻ gia đình mình, đất đai cũng bị họ lấn chiếm. Má là phụ nữ, không thể hơn thua với họ - những người đàn ông đội trời đạp đất. Thế nên má cần răng chịu đựng và nuôi các con ăn học. Má luôn hi vọng các con sẽ thành công và những con người đó họ sẽ không còn khinh rẻ và hiếp đáp gia đình mình nữa.*

*Con hay cằn nhằn má vì sao cứ luôn miệng la con không biết dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn không ngon. Lúc nào con làm gì má cũng theo sát rồi dặn dò. Má biết con khó chịu lắm nhưng má phải làm như vậy. Hân của má rồi cũng phải đến lúc theo chồng. Má muốn con về nhà chồng khi mọi thứ đều vẹn tròn. Con thông minh, xinh đẹp, có học thức nhưng điều đó chưa đủ nếu như con chưa đủ văn khéo để thu vén việc gia đình. Má muốn Hân của má được bên nhà chồng thương yêu vì nếu lỡ má có chết đi thì má vẫn yên tâm vì con còn có một người mẹ yêu thương con như má đã yêu con. Sau này khi có con, con mới hiểu được tình yêu mà má dành cho con.*

*Khi con bước ra khỏi nhà, má đã nuốt nước mắt nhìn con đi. Má cũng muốn giữ con lại nhưng nếu má làm vậy chỉ càng làm con muốn thoát khỏi vòng tay má và con sẽ luôn nghĩ rằng mình là nhất, mình có làm gì má cũng bỏ qua. Má đã nói cho con về lòng vị tha nhưng má không thể thay con ngộ ra điều ấy. Tất cả phải để con tự nhận ra.*

*Hân thương!*

*Những lời má viết ra đây dù không hay nhưng đó là những lời chân thành nhất, là ruột gan của má. Có thể sau khi đọc nó, con sẽ không về nhà nhưng má luôn đợi tiếng con gọi “Má ơi”. Bởi con biết đó, khi má đã ngáy khò khò nhưng nghe tiếng con ho bên phòng má đã bật dậy để nhắc con uống thuốc. Hân à, dù má có ngủ say, chỉ cần nghe tiếng con gọi là má sẽ thức dậy để mở cửa cho con.*

....

Khi tôi đọc xong lá thư, đôi mắt Hân đã sưng húp và mắt tôi cũng nhòe đi. Hân xếp vội quần áo rồi bảo tôi chở em đến bệnh viện. Ngồi sau lưng tôi, em nói “*Anh nhanh lên một tí được không? Em muốn gọi má ơi!*”. Và tất nhiên, làm sao tôi có thể từ chối người phụ nữ thân yêu của tôi khi lúc này đây em đang hướng về người phụ nữ thân yêu nhất của cuộc đời em?.

Trích thơ:

**Vết thương phố xá**

*Tôi quên mình sinh ra từ núi  
Để bây giờ chợt nhớ mang mang...*

*Tôi làm kẻ lang thang  
Qua từng con phố  
Nhà cao tầng điện đèn xanh đỏ  
Chợt thương quá nhà rông  
Tôi chạm vào hư không  
Thấy tim mình hoang vắng  
Nghe xập xình nhạc quán  
Nhớ về từng nhịp chiêng ngân...*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Bao năm mái mê giữa lòng đô thị  
Ngủ những giấc chập chờn mộng寐  
Tôi quên mất tiếng chiêng  
Quên gõ tơ-rưng, quên vỗ đàn klông-pút  
Tay quen cầm cây bút  
Quên rồi con suốt con thoi  
Quên giọt mồ hôi  
Đồng bào mình vất vả...  
Oi, những hương rừng tiếng núi xa xôi...

Đời tắt bật xô tôi  
Trôi giòng hối hả  
Để chiều nay vấp ngã  
Ơ kìa,  
Núi vẫn đứng trông tôi!

### Ngày không đến

Có một ngày không đến  
Đó là ngày người ấy đi xa

Ngày không đến  
Tôi một mình  
Nhuộm nỗi nhớ xanh xao

Cánh chim trời chênh chao  
Hiên nhà sao xác gió  
Tình yêu tôi còn đó  
Người bây giờ phương nào?

Tôi nhớ ai?  
Còn cào!  
Thương ai?  
Đau khúc ruột!

HUYỀN ÁI TÔNG

Ngày  
Nắng hóa chơi vơi  
Đêm  
Sao là thương nhớ

Viết gì cho ngày không đến?  
Chẳng có gì ngoài nỗi nhớ người ơi!

**Đốc đời ngược gió**  
thương tặng Mẹ

Chạy ngược cơn gió  
Thả mình giữa mênh mông  
Trời xanh lắm và tôi nghe hồn vỡ  
Những kỉ niệm trong bộn bề quên nhớ  
Giờ ùa về  
Rất khẽ...  
Rất lung linh!  
Những chiều gió và mẹ nắm tay tôi  
Nếp vào nhau: ấm áp – yên bình!  
Mẹ dắt tôi đi ngược gió  
Lặng thinh!  
Gió lùa tóc  
Quất vào người : Bông rát!  
Chợt thấy mình hoang dại giữa thiên nhiên  
Hạnh phúc giản đơn và cũng thật hiền  
Quanh tôi là bao la gió thổi  
Mẹ ở bên: ấm áp – dịu hiền  
Niềm hạnh phúc rất riêng  
Theo tôi mãi những ngày bé dại

...

Hạnh phúc dịu dàng nhưng thời gian thì ngược lại  
Cái nắm tay ngày nào của mẹ bỗng nghe đau

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Trộm nhìn lên,  
Tóc mẹ đã ngả màu  
Bàn tay ám ngày nào giờ gầy rộc  
Lưng của mẹ cong cong tựa con dốc  
Dốc đỡ bước chân người  
Lưng mẹ cũng đời tôi  
Chiều nay,  
Thôi ngược gió: tôi trôi  
Và thâm ước giá như được bé lại  
Quay về sống những ngày thơ dại  
Có mẹ nắm tay,  
Và ngược gió...  
Lao đi.*

### **Vọng tiếng rùng xa**

Thương tặng Ba yêu thương của con

*Một chiều mưa em chia tay cổ tích  
Đất nhận vào lòng giọt nước mắt tuổi thơ  
Tám tuổi, cuộc sống hết là mơ  
Cuộc sống cũng không còn là những nhịp chiêng ngân êm ái  
Dòng nước lũ cuốn cha về miền xa ngái  
Em! Mắt veo tròn nhòa nước mắt!  
Tay ôm vào lòng tám ảnh của cha.*

*Tám tuổi...  
Môi tắt tiếng gọi cha  
Chiều thôi đứng cổng trường đợi cha đến  
Ngày em ra đời sẽ không còn cha cùng thổi nến  
Mùa thu đến trường cũng không còn nhận những lời nhắn  
nhủ yêu thương*

*Em thương cha giờ chỉ có thể thấp một nén hương  
Mẹ thương cha giờ chỉ có thể rũ rượi bên quan tài và khóc*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Đưa em nhỏ ngây thơ đòi đi học  
Chị tựa đầu vào các bạn - cảm lạnh nổi đau!*

*Đưa cha về đất, em nghẹn ngào rồi gục ngã  
Mẹ giờ sẽ muôn phần vất vả  
Các em bỗng chốc phận mồ côi!*

*Chiều nay - có ngọn gió thổi về phía xa xôi  
Gió mang theo khúc hát của đại ngàn một thuở  
“Vì rừng đã mất nên Giàng đưa lũ về trách quở”  
Thinh lặng em ngồi nghe vọng tiếng rừng xa.*

Nhà thơ Tạ Văn Sỹ viết về Y Việt Sa:

*“... Để chia vui với cô “bạn đồng nghiệp” be bé này, xin đưa ra đây... khoe luôn! Và cũng nhân tiện, làm luôn cái “phụ lục” sau bài phỏng vấn để giới thiệu bài thơ mới nhất của Y Việt Sa cũng vừa in trên tạp chí Văn nghệ Kon Tum số 71 ra tháng 5-2011, nói lên nỗi trăn trở đáng quý của thế hệ trẻ dân tộc thiểu số miền núi giữa truyền thống và đổi mới trong guồng quay biến đổi đến chóng mặt của xã hội đang “công nghiệp hóa, hiện đại hóa” từng ngày. Bạn đọc “tham khảo” thêm.”*

Tài liệu tham khảo:

- Y Việt Sa Web: <http://tavansy.vnweblogs.com>
- *Quan tòa bắt đắc dĩ* Web: [facebook.com/pages/Trang-van-Y-Viet-Sa/132260316939583](https://www.facebook.com/pages/Trang-van-Y-Viet-Sa/132260316939583)

## **Chương tám: Những nhà phê bình văn học**

Những nhà phê bình văn học tuy không trực tiếp sáng tác những tác phẩm văn học, nhưng họ thẩm định, đánh giá tác phẩm, giúp cho độc giả chọn đọc được tác phẩm có giá trị theo sở thích của mình.

Mặt khác các nhà phê bình nêu ra những ưu, khuyết điểm của tác phẩm, nhờ đó giúp cho tác giả sửa đổi những khuyết điểm, để sáng tác những tác phẩm về sau được hoàn mỹ hơn.

Chúng tôi không bàn đến các phương pháp phê bình văn học, nào là hình thức luận, cấu trúc luận, phân tâm học, mác-xít .... Không bàn đến các thời kỳ văn học như Hiện đại, Hậu hiện đại. Cũng không lạm bàn đến các chủ nghĩa trong văn học như chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa hiện sinh .....

Chúng tôi chỉ đề cập đến một số nhà phê bình đương thời, trong cũng như ngoài nước, có nhiều bài viết, có tầm ảnh hưởng rộng từ tác giả cho đến độc giả.

Một bài viết của Chế Lan Viên, chắc chắn là đã đánh động lương tâm người cầm bút, người hướng dẫn dư luận quần chúng. Thế mới biết sức mạnh của văn chương, nhưng chắc còn hơn thế nữa. Xin mời đọc lại.

### **Ai? Tôi!**

*Mộ Thân 2.000 người xuống đồng bằng  
Chỉ một đêm, còn sống có 30  
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?  
Tôi!*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Tôi - người viết những câu thơ cổ võ  
Ca tụng người không tiếc mạng mình  
trong mọi cuộc xung phong.  
Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm  
Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ*

*Quán treo huân chương đầy, mọi cỡ,  
Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!  
Ai chịu trách nhiệm vậy?  
Lại chính là tôi!*

*Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời,  
Tôi ú ớ.  
Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong  
Mà tôi xấu hổ.  
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay  
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ  
Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười*

Cho nên dưới ảnh hưởng của văn chương, nhà phê bình không thể phũ tay như phũ bụi, tuyên bố: “Tôi không có trách nhiệm chi hết !”

*Tiết một: Những nhà phê bình văn học ở hải ngoại.*

Nhà văn Việt Nam ở hải ngoại vốn không nhiều, các nhà phê bình lại càng hiếm hơn, có thể kể đến như Nguyễn Vi Khanh, Thụy Khuê, Nguyễn Hưng Quốc ...



## 1. Đặng Tiến



### **Đặng Tiến (1940-20 )**

Nhà thơ, nhà phê bình Đặng Tiến sinh ngày 30 tháng 3 năm 1940 tại làng Hòa Tiến thành phố Đà Nẵng. Bút danh đôi khi dùng là Nam Chi.

Năm 1960, vào Sài Gòn theo học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Từ năm 1960, bắt đầu viết phê bình văn học. Bài viết đăng trên báo, tạp chí như *Mai*, *Văn*, *Bách khoa*.

Năm 1963, tốt nghiệp Cử nhân, ra trường đi dạy Trung học tư thực Đệ nhị cấp A. Yersin tại Đà Lạt.

Năm 1966, sang Berne Thụy Sĩ làm việc cho ngành ngoại giao của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1968, sang Pháp, học thêm ở Đại học Paris và dạy học cho một trường cấp 3 ở Orléans, cách Paris 100km.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1969, cùng với Giáo sư Tạ Trọng Hiệp, lập ra Ban Việt học tại Đại Học Paris 7, giảng dạy ở đây từ năm 1969 đến năm 2005.

Sau 1975, có bài đăng ở *Hợp lưu, Văn học, Đoàn kết, Thế kỷ 21*...

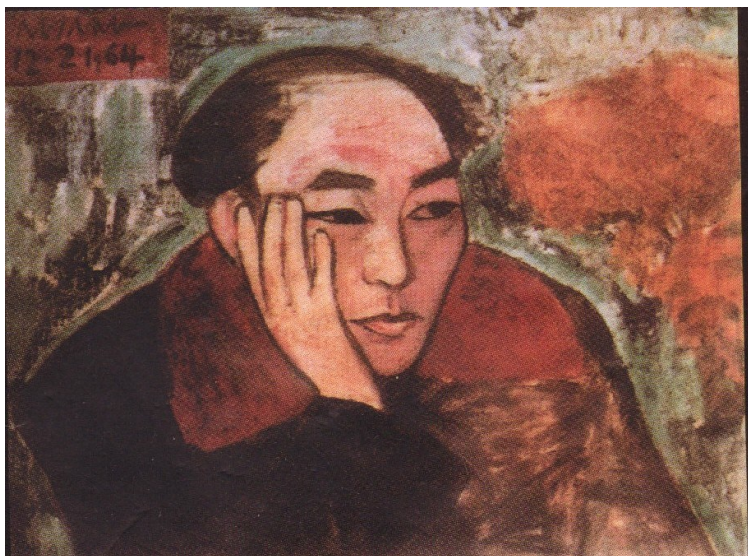
Từ năm 2005, nghỉ hưu và sống tại Orléans, Pháp.

Tác phẩm:

- *Vũ trụ thơ* (thơ, Giao Điểm, 1972)
- *Vũ trụ thơ II* (thơ, Thư Ấn Quán, Hoa Kỳ, 2008)
- *Thơ: thi pháp và chân dung* (thơ, Phụ nữ, 2009)

Trích văn:

### Tổng quan về hồi ký Tô Hoài



Chân dung Tô Hoài, tranh Nguyễn Sáng

Chiều Chiều

*Chiều chiều chim vịt kêu chiều  
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiu ruột đau  
Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiu*

Chiều chiều nhớ lại. Chiều chiều lại nhớ. Lại nhớ chiều chiều...

*Chiều Chiều*, hồi ký văn học viết xong 1997, xuất bản 1999, là tác phẩm quan trọng hàng đầu của Tô Hoài, sau khoảng 170 đầu sách, gồm có truyện ngắn, truyện dài, truyện cho thiếu nhi, truyện phim, và khoảng mười tự truyện kể từ *Có Đại*, 1944, đến *Tự Truyện*, 1978, *Cát Bụi Chân Ai*, 1992, *Sổ Tay Viết Văn*, 1977, *Những Gương Mặt*, 1988, và mới đây, *Ba Người Khác*, tiểu thuyết pha lẫn tự truyện, 2006. Những dư địa ký về Hà Nội và nhiều ký sự, du ký...

Và nói chung, kể cả những truyện hư cấu, truyện lịch sử... Tô Hoài viết cái gì thì cũng ra... tự truyện. Anh nhân nha kể hết chuyện này sang chuyện khác, mỗi tác phẩm đều mang đến cho người đọc nhiều kiến thức mới lạ và lý thú. Thậm chí giọng kể mỗi lần mỗi khác. Ví dụ mới đây: *Ba Người Khác* hành văn hoàn toàn xa lạ với những tác phẩm trước đây.

*Cát Bụi Chân Ai* đã đem lại nhiều hiểu biết về văn học, về Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Xuân Diệu và nhiều người khác, một thời đại văn chương chữ nghĩa. Tưởng đến đó là hết chuyện, nhưng *Chiều Chiều* lại mang lại nhiều ánh sáng mới, rọi chiếu vào một giai đoạn dài và nhiều truân chuyên trong xã hội và văn học từ 1955 đến nay.

Ngày nay không thể viết phê bình hay lịch sử văn học mà không đọc đi đọc lại Tô Hoài.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Tô Hoài luôn luôn gửi gắm từng mảng đời thật của mình vào chữ nghĩa, kể cả trong truyện ngắn, truyện dài, và có thể do đó anh không ưa dùng hai chữ tiểu thuyết. Chính Tô Hoài tự nhận điều đó trong hồi ký *Một Quãng Đường* viết năm 1972.

« *Sáng tác của tôi đều miêu tả tâm trạng của tôi, gia đình tôi, làng tôi, mọi cái của mình, quanh mình. Quê người, Giăng thẻ, Xóm Giếng ngày xưa, trong đó có những mảnh đời, mảnh tình còn con của mình. Còn những chuyện loài vật tưởng như xa lạ kia cũng không ngoài cái rộn ràng hay thâm lặng của khu vườn trước cửa nhà* » (Tự Truyện, 1985, tr.272).

Mỗi ký sự của Tô Hoài đều có sắc thái riêng. Ví dụ mảng hồi ký về thủ đô Hà Nội, từ *Chuyện Cũ Hà Nội* (1986) đến *Hà Nội và Hà Nội* (1996) đã đem lại những chứng từ sống động về địa dư, lịch sử, phong tục, tiếng nói của thủ đô, và nhà văn Nga Nicu-lin đã tinh tế phát hiện ở nhà văn Tô Hoài một nhà dân tộc học. Viết bao nhiêu về thủ đô Hà Nội Tô Hoài vẫn còn « tình thương chưa đã, mền chưa bura » nên thừa mọi cơ hội để tự tình với Hà Nội, từ tiểu thuyết lịch sử *Quê Nhà* (1970) đến hồi ký *Chiều Chiều*.

Tô Hoài đã viết hàng chục tập du ký, hư cấu hay tự truyện. *Chú Dế Mèn* đã mở những trang phiêu lưu ký đến khắp các miền đất nước, sang láng giềng Lào, Campuchia, sang các nước Âu Mỹ, Á Phi, mà « đỉnh cao » là núi Kilimangierô, nơi Dế Mèn đã phiêu lưu đến năm 1989 (*Chiều Chiều* tr. 501). Du ký của Tô Hoài ấm áp tình người và lúc nào cũng đắm đắm lòng quê.

Tiếp theo là hồi ký văn học, đặc biệt là *Những Gương Mặt* (1988) ghi lại chân dung đậm nét về các tác gia bạn bè từ Nguyễn Bính đến Trần Huyền Trân, đầm thắm tình nghĩa. Nổi tiếng nhất là *Cát Bụi Chân Ai* (1992) viết sau thời kỳ đổi mới, đã gây tiếng vang lớn. Một mặt vì nó tiết lộ nhiều sự kiện, như thái độ một số nhà văn thời kỳ đàn áp Nhân văn Giai phẩm,

mặt khác vì lối viết mới mẻ, ví dụ như những trang về quan hệ đồng tính với Xuân Diệu (1992, tr. 190), những trang nồng nàn tình bạn với Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân qua bao nhiêu sóng gió. Sách được in đi in lại nhiều lần, trong nước và ngoài nước. Khi tái bản, Tô Hoài chăm chút đọc lại và thêm bớt, tùy nhu cầu thông tin hay tình hình cho phép. Ví dụ trong *Cát Bụi Chân Ai*, lần in 1997 trong *Tự Truyện*, anh ghi rõ tên Hoàng Huế là người năm 1956 đã mua mai Nguyễn Tuân «*thất cả vạt đỏ đi khắp năm châu*» trên báo Đất Mới. Cũng trong *Tự Truyện*, ấn bản 1997, Tô Hoài thêm một chương dài 15 trang cho Nguyễn Hữu Đăng (tr. 360-374). Và nói rõ thêm về các nhà văn theo nhóm Trốt kýt (Đệ tứ), như Lam Kiều bút hiệu của Nguyễn Xuân Huy (tr. 282), bây giờ ta mới biết.

Như vậy, khi đọc Tô Hoài, dù một tác phẩm in lại, nếu đọc kỹ, chúng ta vẫn thu hoạch được những kiến thức mới và hiểu được thời tiết văn nghệ Việt Nam trong khí hậu chính trị Việt Nam: vào thời điểm nào thì có thể viết được chuyện gì, dù là chuyện tình trai, lúc nào có thể nhắc đến tên ai, dù kẻ ấy là công thần của cách mạng.

Điều lý thú khác khi đọc *Chiều Chiều* là những bí ẩn kia do bản thân Tô Hoài kể ra sau 50 năm sống trong guồng máy, từ chi bộ đến Đảng bộ, Đảng uỷ. Từ những hồ sơ, người đọc biết những gian nan một thời của Đồ Phồn, Trinh Đường, Phan Kế An... và thêm một số chuyện khác. Như về Thế Lữ, chúng ta cho rằng đã biết đầy đủ qua hồi ký của bà Song Kim; về Quang Dũng cũng vậy, qua những trang giới thiệu của Trần Lê Văn; về Lưu Hữu Phước, hồi ký Mai Văn Bộ tưởng là đã đầy đủ chi tiết về chính trị. Nhưng đọc *Chiều Chiều* của Tô Hoài mới biết thêm nhiều oan khuất không ngờ tới. Và biết thêm về đời sống văn chương của một thời chưa xa vắng. Về oan khiên đè nặng lên cuộc đời những Đặng Đình Hưng, Trần Đức Thảo, Trần Huyền Trân, và gian nan của Nguyễn Bính (tr. 228). Về Phan Khôi, chúng ta đã đọc nhiều trang phê phán hay ký sự cực

## HUỶNH ÁI TÔNG

đoan, bên này hay bên kia, với dụng ý ngoài văn chương. Đọc Tô Hoài sẽ bắt gặp nhiều nét bình thường trong đời sống hàng ngày, bên cạnh các ký họa về Hoàng Trung Thông hay Phùng Quán.

Lại thêm việc tập kết từ miền Nam, năm 1955, « *nhiều cán bộ được bố trí ở lại mất tinh thần đã đổ xô xuống tàu, không kiểm soát được, trong khi những người cần đem ra thì bỏ lại. Các trường hợp Lam Giang và Võ Phiến là như vậy* » (tr. 209).

Võ Phiến công nhận điều này và tỏ vẻ ngạc nhiên: sao Tô Hoài lại biết đến Lam Giang?

Ngay về Tô Hoài, theo các tư liệu văn học phổ biến, chúng ta vẫn cho rằng truyện đầu tay của anh là *Nước Lên* đăng ở Hà Nội Tân Văn của Vũ Ngọc Phan, năm 1940. Đọc *Chiều Chiều* mới biết thêm rằng trước đó mấy năm anh đã có *Những Chuyện Khó Hiểu* đăng trên phụ trang nhật báo Đông Pháp (tr. 496). *Nước Lên* là truyện đầu tiên được trả tiền do đó Tô Hoài đã nhiều lần viết « *tôi vào nghề bằng truyện ngắn Nước Lên* » (Tự Truyện, 1985, tr. 250) gây ra một sai lầm về thư tịch.

- o O o -

*Chiều Chiều* là con sông dài, qua bao nhiêu ghềnh thác vẫn tiếp tục xuôi dòng hồi ức.

Hôm nay là đúng 90 năm, dòng hồi ức của Tô Hoài mà vẫn chưa hò hẹn ngày xuống đồng bằng hay đổ ra biển cả.

Vậy *Chiều Chiều* đã mang lại cho người đọc cảm thụ gì mới? So với các tự truyện trước, *Chiều Chiều* nặng phần phê phán thời đại mà tác giả đã trải qua; ở các tác phẩm trước, Tô Hoài thường bao che, bào chữa, như là một hồi ký bao cấp. Đến *Chiều Chiều*, giọng kể nghiêm nghị hơn về đời sống chính trị

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

và văn nghệ ngọt ngào những năm 1955-1970, về những sai lầm trong chính sách Cải cách ruộng đất, về các đợt học tập chiếu lệ ở trường Đảng cao cấp là trường Nguyễn Ái Quốc, về đời sống Hà Nội từ ngày tiếp thu 1954, qua mấy đợt sơ tán, đặc biệt là những ngày nhà văn Tô Hoài, trưởng khu phố (1965-1972) phải đi mai phục «*bắt gái điếm*» (tr. 294) và «*những người giặt xi-líp thuê cho gái điếm*» (tr. 288) «*bắt những anh Hà Nội, buổi trưa thuê phòng chơi gái*» (tr. 290), hay cảnh diệt chuột, bắt mê tín, thậm chí cả việc «*trông nom hơn hai trăm cái hồ xí hai ngăn của thành phố*» (tr. 301). Hà Nội thanh lịch của Tô Hoài trong các hồi ký trước, đến *Chiều Chiều* bỗng sự mùi bản thiêu, hôi hám suốt mười trang rất hiện thực mà lần đầu tiên, Tô Hoài đã dành cho «*việc ỉa đái của đất Kẻ Chợ*» (tr. 300). Ngôn ngữ này sẽ làm ngạc nhiên nhiều độc giả vì lạ lẫm ở hành văn Tô Hoài, một tác giả hoa mỹ và duy mỹ, có cả một chủ trương về chữ nghĩa, mà từ 1959 anh đã gọi là «*chủ nghĩa tiếng nói*». Mới đây anh có bài báo:

«*Làm sao cho mỗi chữ là một hạt ngọc trên bản thảo, hạt ngọc mới nhất của ta tìm được, do phong cách văn chương của ta mà có được. Trang sách mà không có «ngọc», trang bản thảo không có chữ thần, không có tinh hoa chữ thì cái hồn tác phẩm, từ tư tưởng đến nhân vật, biết lấy gì mà sống được, không có chữ ngon, chữ bổ nuôi nó, trang viết gầy gù trông rỗng ròi chết héo*»: «*Tâm sự về chữ nghĩa*», trên Tạp chí Văn Học, 12/1998, nhưng bài này viết đã lâu, đã in trong *Sổ Tay Viết Văn* (1959).

Chữ *ỉa, đái* không chứng minh, mà cũng không phản bác, «*chủ nghĩa tiếng nói*» của Tô Hoài; theo tôi, nó chỉ chứng tỏ cụ Tô... bực mình; cụ bất bình về chính sách vệ sinh thời đó, mà phải phớt tình, cho đến *Chiều Chiều* thì nó bật ra. Sự đời, rồi đến tình người, cụ bực nhiều chuyện lắm; thậm chí cụ gắt gỏng ngay với con sông Tô Lịch «*tuyệt vời nhất châu Á*» (!) (tr.

## HUYỀN ÁI TÔNG

267) mà một đời cụ chất chiu trong trí tưởng: cái tên Tô Hoài còn có nghĩa là hoài vọng sông Tô.

Quen giọng Tô Hoài, người đọc nhận ra lúc ngọt lúc chua: ví dụ với Lê Đạt, trong *Cát Bụi Chân Ai* (1992, tr. 59) kể lại thời Nhân Văn Giai Phẩm và công tác Đảng, anh kể « *tôi làm bí thư, Lê Đạt phó bí thư* », là ngọt; đến *Chiều Chiều* (tr. 106) gọi Lê Đạt là « *Ông phó bí thư chi bộ cũ của tôi* » là chua.

Nhưng ví dụ đậm đà nhất là Như Phong, bạn nối khố với Tô Hoài từ Mặt trận Dân chủ (1943) Văn hoá Cứu Quốc, cùng vào tù ra khám, cùng làm báo Cứu Quốc v.v... Nhưng đến khi đánh Nhân văn Giai phẩm thì Như Phong đánh Tô Hoài rất kỹ, rất ác và rất hồn như câu « *cái tật làm ra về mình thông minh của Tô Hoài* » (Như Phong, Bình luận văn học, 1964, in lại 1977, tr.103, nxb Văn Học, Hà Nội) còn gọi Tô Hoài là « *thằng ngoại ô lấu cá, văn chương thì dẻo gọt* » (CBCA, tr 117). Nhưng trong *Những Gương Mặt*, Tô Hoài vẫn có một chương rất đầm thắm cho Như Phong (không rõ năm viết). Tôi rất lấy làm lạ, và có lần gạ hỏi riêng anh: « *Thế không giận à?* » Trả lời: « *Giận gì? Gặp vẫn đi uống bia* ». Tôi cho Tô Hoài là thánh. Nhưng rồi trong *Chiều Chiều*, anh kể lại thời kỳ đi thực tế (1958) Thanh Đình tay viết kiếm hiệp ba xu một hôm đến đờ Như Phong tại nhà Xuất bản Văn Học, nói: « *Tao vào thằng Thạc, tao với thằng Thạc là bạn nối khố, Thạc là tên cúng cơm của Như Phong* » (tr. 28); tôi mới hay Tô Hoài không phải là thánh và cũng biết hờn giận như ai. Vì đã gọi một bạn văn bằng « *thằng* » dù qua lời người khác, cũng là... không ưa thích.

- o O o -

Tiếng Việt ta không có một từ chính xác tương đương với chữ humour trong tiếng Pháp, tiếng Anh. Ta tùy tiện dùng những chữ hài hước, hóm hình, dí dỏm... Nhưng trí óc Việt Nam rất giàu uy mua (hay u mặc). Ca dao, tục ngữ, truyện tiểu lâm dân



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

gian chứng tỏ điều đó. Gặp văn học phương Tây, nó phát triển mạnh: truyện Võ Đê từ thời Phạm Duy Tồn là một ví dụ; *O Chuột* (1943), tập truyện ngắn đầu tay của Tô Hoài là một minh chứng về sau.



Năm 2012, Tô Hoài dự lễ kỷ niệm *Đế mèn phiêu lưu ký* 70 tuổi

*O Chuột*, một hình ảnh ví von, là phản ngữ của động từ O Mèo thông dụng, là một sáng tạo ngôn từ tinh quái của Tô Hoài (o nghĩa là tán tỉnh, như trong từ o bế; mèo đối lập với chuột). Ngoài Tô Hoài ra, không ai nói: « o chuột ». Nhưng humour, uy mua, không hợp với văn chương cách mạng. Hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi trào phúng, hài hước chỉ đích danh đối tượng, nghĩa là đối phương; còn uy mua thì không rõ ám chỉ ai, mà nhất định phải là một lối văn linh tinh, không đáng tin cậy, nhất là trước một đề tài trọng đại. Lấy Như Phong làm ví dụ, khi ông ấy phê phán cuốn *Mười Năm* (1957): «*Tại sao Tô Hoài cứ phải giở giọng pha trò khi nói đến những giờ phút nhiệt tình hay cảm động của quần chúng*» (sđd, tr 132). Khổ thân Tô Hoài, theo cách mạng từ tuổi thiếu niên làm sao dám pha trò, đùa cợt, chế diễu (sđd, tr. 104) với cách mạng? Ấy chỉ là cái uy

## HUYỀN ÁI TÔNG

mua, u mặc đặc biệt trong giọng văn và trong cách sống, cách nhìn đời. Sáng tác Tô Hoài luân lưu giữa hai bờ phong cách: u hoài và u mặc. Cuộc đời Tô Hoài là Nụ Cười Thương Nhớ: tên một bài thơ Đinh Hùng, cố tri và cố nhân. (Nguyên câu thơ là: *Nụ cười thương nhớ nét đan thanh*).

Giọng văn dí dỏm khiến người đọc dù nghe chuyện về những nhà văn ít tên tuổi như Sao Mai (sinh 1924) cũng không chán: *«Tôi lại khoái ông có máu đả tình mà lại chung thủy. Lẻng tẻng với ai rồi cũng lấy người ta. Nghe nói ông mới có phòng mới (...) vừa cai nghiện (...) bằng một liều thuốc dân gian, mạnh và dữ, phi có nghị lực mới cai được (...) Bài thuốc cai của Sao Mai có gia giám các vị phụ nữ... »* (tr. 25-27).

Tô Hoài không nói rõ là gia hay giám.

Giọng văn có khi đánh lại, như khi nói chuyện quyền thế, cơ hội, tráo trở. Tâm hồn anh thoáng rộng, không cố chấp về luân lý hay chính trị, thậm chí còn bị Như Phong kết tội là *hoài nghi chủ nghĩa* (!) (Sđd, tr. 132) ; duy có một điều: Tô Hoài tình nghĩa, như đã viết: tình nghĩa cũng *trong lẽ sống tự nhiên* (tr. 516) và đã tự nhiên thì *mãi mãi* (tr. 269) ! Và từ đó Tô Hoài không hiểu những thái độ không tình nghĩa; chẳng nhất thiết phải là phản bội hay tráo trở. Nói là nhược điểm cũng được đi.

Trong *Cát Bụi Chân Ai*, Tô Hoài có thể xởi lởi với một đại tá Huỳnh Cự trở áo (1992, tr. 116), nhưng đến tiểu thuyết trộn lẫn nhiều hồi ký *Ba Người Khác*, viết cùng thời 1992, công bố 2006, chuyên đề về thời Cải Cách Ruộng Đất, Tô Hoài mô tả kỹ càng nhân vật chính, là viên đội trưởng ác ôn tên Cự, về sau sẽ là trung tá Huỳnh Cự hồi chánh tại Miền Nam, giọng Quảng Ngãi oang oang trên đài phát thanh Sài Gòn. (Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2006, trang 245. Tiểu thuyết kết thúc bằng cái chết của Huỳnh Cự, bị thanh toán tại Sài Gòn trước 1975 với câu kết mơ

hồ « *không biết thực hư như thế nào* ». Sự thật là nhân vật vẫn sống nhiều năm sau đó).

Trong *Chiều Chiều* Tô Hoài đã gay gắt riêng với Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, vì là, hay dù là, chỗ cố tri trước 1945 (tr.20). Phải chăng vì Hiếu Chân tránh gặp lại Tô Hoài sau 1975, vì chút hào khí tuyệt vọng của con người chiến bại, hay tự cho là như thế. Còn phần Tô Hoài, thì không có vấn đề ấy; như cái lần đưa đám ma ông Minh Đức, chủ nhà xuất bản, anh đã phải trả lời Nguyễn Tuân : « *Trong đầu tôi không có câu hỏi nào về việc như ông hỏi* » (CBCA, 1992, tr. 57). Đây cũng là một câu nói chia khoá, để tìm hiểu Tô Hoài. Có những câu hỏi Tô Hoài không bao giờ đặt ra. Nguyễn Tuân có vẻ không tin (tr. 57), nhưng mà đúng vậy. Ngược lại, có lúc anh ấy đặt ra những nghi vấn rất chi là vớ vẩn. Cũng có thể Tô Hoài không biết là Hiếu Chân đã bị bắt và chết trong nhà giam Chí Hoà, 1985. Tôi dừng lại hơi lâu ở trường hợp Hiếu Chân, vì là một biệt lệ, có thể là duy nhất, nhưng có nguy cơ bị khuếch đại và xuyên tạc.

Nhân tiện, mong Tô Hoài rà lại về cái chết của Nhượng Tống. Phải chăng ông ấy bị ban ám sát (Việt Minh) khử (tr. 333) như lời Cụ Thăng, hay bị đồng đảng thanh toán, như nhiều nguồn tư liệu đã ghi lại?

Giọng văn Tô Hoài cũng có lúc cà kê ở phần sau, khi kể những chuyến đi các nước Á Phi, Nga, Đông Âu, ở giai đoạn mà các chính quyền cộng sản địa phương đang băng hoại. Tô Hoài đi thăm con trai, lao động tại Laixich (tr. 409) mấy năm sau đã tử nạn tại đây (tr. 521). Một thăm kịch trong đời, nhưng anh chỉ kể sơ lược. Tô Hoài vốn tiết kiệm những chuyện gia đình, riêng tư. Anh chỉ ghi lại những mảng đời tiêu biểu, có liên quan đến xã hội, văn học, và chỉ đề cập đến con người cá nhân khi nó « *mang hình thái trọn vẹn của thân phận làm người* » như lời Montaigne.

Tâm sự thoáng qua của một người có khi hồi quang cả một thời đại. Như vài ba ngày ngắn ngủi khi Tô Hoài đi xe ôm về thăm lại Xóm Đồng ở Thái Ninh, Thái Bình, nơi anh đã tham gia Cải cách ruộng đất non bốn mươi năm trước (1958-1996).

Chuyến đi ngắn ngày chiêm trọn chương cuối với năm mươi trang cực kỳ súc tích và cảm động, như một chuyến hành hương.

Những gian nan biến mỗi quá quan thành cố quận. Những ân hận biên mỗi kỳ ngộ thành một cố nhân.

Ông Ngãi, nông dân nghèo, có dáng dấp Phan Khôi, người đã cuu mang Tô Hoài, Phùng Quán, thời Cải cách ruộng đất, năm 1958 ngủ giữa bụi tre, bốn mươi năm sau vẫn ngủ giữa bụi tre, trong khi làng xóm thời kinh tế thị trường « *cứ đua nhau mà nhà tầng nhà gác* ». Ông Ngãi bình luận : « *Ồi người đi vay lãi, bán lúa từ lúc vào đồng để làm nhà. Chỉ khác ngày xưa lý trưởng, phó lý giàu có, bây giờ chủ tịch, bí thư, xã đội, đạo trước còn chân chủ nhiệm, kế toán nữa cũng trộm cắp mà nên giàu có cả* » (tr. 535). Chủ nhiệm Sự giàu sụ, thành nghiện thuốc phiện nặng, hai con trai ở tù, con gái « *ra ngoài tàu ngủ với trăm thằng. Cả mẹ nó ... Bà lão cũng chẳng tha thằng nào. Có thể mới giàu như điên* » (tr. 546). Thái Bình. Lại Thái Bình. Sao Tô Hoài không trở về Xóm Giếng ngày xưa để hạ màn *Chiều Chiều*, cho bớt náo nùng tiếng sương?

Anh trở lại nhà hát Bà Ký Đường trong truyện Nguyễn Khắc Mẫn, nửa thế kỷ về trước, gặp lại Cô Thẹn mười ba, mười lăm tuổi, ngày xưa, bây giờ là bà lão : « *Nước mắt bà lão chảy ra, không biết cái nước chết lưu niên ở hai con mắt loài lúc nào cũng ràn rụa nhọt nhọt trên mi, hay là nước mắt (...)* Cô Thẹn

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ngày ấy đây. Bà lão vẫn nắm tay tôi cất giọng phều phào, rè rè

*Đến bây giờ mới thấy đây  
Mà lòng đã chắc những ngày một hai*

Câu Kiều này (câu 2282, ĐT) đầu mùa đông 1959, Nguyễn Đình Thi đã ghi sổ lưu niệm bảo tàng L.Tôn-x-Tôi ở Tu La. Mỗi khi mơ màng lại cái chuyến về Thái Bình này, là thật hay chiêm bao. Hai câu lấy Kiều tình nghĩa kia đã thấy ở Tu La hay đã nghe cô Thẹn, bà cụ Thẹn nghẹn ngào».

Những dòng cuối Chiều Chiều. Giọng Tô Hoài trầm xuống, nghẹn lại. Chấm dứt cuốn Tự Truyện như vậy là tài tình. Hay ở chữ tài. Quý ở cái tình. Chữ tài vẫn quý nhưng không hiếm. Cái tình vừa quý vừa hiếm, càng ngày càng hiếm, có cơ tuyệt chủng.

- o O o -

Tên sách *Chiều Chiều* lấy từ ca dao :

*Chiều Chiều lại nhớ chiều chiều  
Nhớ người quân tử khăn điều vắt vai*

Tô Hoài trích dẫn ở đầu sách, gọi là ca dao cổ. Thật ra nó không cổ, chỉ mới phổ biến hơn trăm năm nay, vì nguyên là một câu thơ của Tương An Quận Vương, con vua Minh Mệnh, kín đáo khóc Hồng Bảo, con trưởng vua Thiệu Trị, là cháu, học trò và bạn tri âm của mình. Hồng Bảo âm mưu tranh ngôi vua với em là Tư Đức nên bị bắt giam và bức tử trong ngục.

Nguyên gốc câu thơ là :

## HUYỀN ÁI TÔNG

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều  
Nhớ người đây gắm khăn điều vắt vai*

Đầy gắm là cái hà bao bằng gắm. Bao là cái dây, hà là cây sen, vì dây gồm có hai phần: dây lớn hình lá sen đựng trầu cau, dây nhỏ hình bông sen đựng thuốc. Màu sắc tùy thuộc đẳng cấp: vua dùng dây bằng đoạn màu vàng, hoàng thân, như Hồng Bảo dùng dây bằng gắm màu đỏ (điều) dân thường dùng lụa màu xanh.

Chi tiết nhỏ không quan trọng gì, nhưng tôi vẫn trình với Tô Hoài vì anh ưa thảo luận về chữ nghĩa, trong cái anh gọi là “*chủ nghĩa tiếng nói*” (Có lần anh than với tôi: “*Ngày xưa còn cụ Hoàng Đạo Thúy, thỉnh thoảng mình còn có người nói chuyện về chữ nghĩa. Bây giờ ông ấy qua đời thì...*” Anh có những câu nhẹ nhàng thế thôi, nhưng nghe... phát ớn).

*Chiều Chiều...* Tô Hoài dùng chữ theo ý nghĩa, nhưng còn vì âm vang của nó. *Chiều Chiều* là hồi ký của người cao tuổi, như Nhớ Nghĩ Chiều Hôm của Đào Duy Anh. Nhưng chỉ hiểu như thế thì chưa tri âm. Vì Tô Hoài rất thích âm vang ấy từ hồi còn trẻ, như là lúc 23 tuổi. Tại Sơn Tây, ngày 20 Juillet 1943, anh đã viết trong *Xóm Giếng ngày Xưa* :

«*Chiều chiều Ly thân thơ ra ngoài bờ giếng. Gã muốn nói mãi, nói mãi về những chiều vô tội ấy. Những buổi chiều hoa mộng không bao giờ có thể quên, bởi nó ngây ngất mà chẳng mang một nghĩa gì rõ ràng (...). Sao không chỉ có những chiều thơ đại ấy trong tất cả một đời người...»*

Năm mươi năm sau, 1992, trong *Ba Người Khác* anh viết:

“*chiều chiều, tiếng người ta gọi nhau lao xao bên đường làng, rồi một chám sao hôm lấp lánh lên đặng chân tre, đưa con gái lùi vào giấc ngủ, vào cơn mê mù mịt đời người*” ( tr 199)

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Con mê nào mù mịt đời người ? Có cần bình luận ?

Tô Hoài là nhà văn không bao giờ già. Vì con người anh chưa bao giờ trẻ. Tô Hoài miên viễn là «*buổi trưa mùa thu*» «*Mùa thu có những ngày không sáng, mà cũng không chiều*» Nhưng vẫn có những chiều chiều. Những chiều chiều mãi mãi trong chúng ta.

Thình thoảng lại hanh hao lên một âm hao u hoài, xa vắng...

Chiều Chiều...

Đặng Tiến

Orleans, 14-9-1999 - 24-9-2010.

Cập nhật mừng ngày thượng thọ Tô Hoài lên Chín Mươi,  
Trung Thu, 1920 - 2010



Nhà văn Tô Hoài mất tại Hà Nội ngày 6-7-2014, thọ 94 tuổi, lễ truy niệm ngày 17-7-2014. Nhiều thiếu niên đưa tang với bảng tưởng niệm tác giả *Đế mèn phiêu lưu ký*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Nhà phê bình Đặng Tiến - Người đi tìm .... một thoáng trần gian*, tác giả Lê Thị đã có nhận xét:

*“Đặng Tiến là nhà phê bình văn học, đặc biệt là phê bình thơ được nhiều người kính trọng và yêu mến. Kính trọng vì tài năng, trí tuệ và yêu mến vì sự vô tư trong sáng không bị chi phối bởi bất cứ một định kiến nào về tư tưởng, quan điểm và học thuật. Có được sự “may mắn” này, có lẽ do ông được đứng ở một “tọa độ” đặc biệt. Đỗ Lai Thúy trong bài Đặng Tiến và những vũ trụ thơ đăng trên Sông Hương viết: “Anh là một nhà phê bình tài tử theo nghĩa phê bình vị phê bình, phê bình vì yêu văn chương nghệ thuật chứ không vì một cái gì khác ngoài văn chương...”.”*

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Tiến Web: [vanhocviet.org](http://vanhocviet.org)
- Tổng quan về Tô Hoài Web: [diendan.org](http://diendan.org)



## 2. Thụy Khuê



### **Thụy Khuê – Vũ Thị Tuệ (1944-20 )**

Nhà văn nhà phê bình Thụy Khuê tên thật là Vũ Thị Tuệ, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1944, nguyên quán làng Doanh Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Học Tiểu học tại trường Ngô Sĩ Liên, Hà Nội.

Tháng 10 năm 1954 bà theo gia đình di cư vào Nam, theo học tại trường Tiểu học Bàn Cờ, Sài Gòn. Học Trung học tại các trường Văn Lang, Tao Đàn và Gia Long, Sài Gòn.

Tháng 9 năm 1962 bà sang Pháp du học. Học dự bị thi vào Grandes Ecoles.

Viết tiểu luận văn học từ 1985.

Đã in bài trên các báo *Tự Do* tại Pháp và Bỉ; *Thông Luận*, *Diễn Đàn* tại Pháp; *Văn Học*, *Thế Kỷ 21*, *Người Việt*, *Hợp Lưu*, *Phụ Nữ Diễn Đàn* tại Hoa Kỳ ...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Công việc chính của bà trong nhiều năm là phụ trách chương trình Văn Học Nghệ Thuật trên đài phát thanh Pháp Quốc RFI (Radio France Internationale) từ tháng 12 năm 1990 cho đến tháng 3 năm 2009 thì về hưu.

Nhà phê bình Thụy Khuê hiện sống ở Paris, Pháp.

Tác phẩm:

- *Cấu trúc thơ* (phê bình văn học, Văn nghệ, California, 1995)
- *Sóng từ trường* (phê bình văn học, Văn nghệ, California, 1998)
- *Sóng từ trường II* (phê bình văn học, Văn nghệ, California, 2002)
- *Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp* (phê bình văn học, Văn nghệ, California, 2004)
- *Sóng từ trường III* (phê bình văn học, Văn Mới, Hoa Kỳ, 2005)
- *Nhân Văn Gai Phảm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc* (Sưu khảo, Tiếng Quê Hương, Virginia, 2012)

Trích văn:

### **Tình thế những người viết trẻ hôm nay**

Trước khi giới thiệu và phân tích tác phẩm một số ngòi bút trẻ xuất hiện những năm gần đây đã mang lại nguồn sinh lực mới cho văn học, chúng ta thử nhìn lại tình hình sinh hoạt sáng tác chung trong hai thập niên qua. Có thể chia khoảng thời gian từ 1986 đến 2006 làm ba giai đoạn với *ba thế hệ* nhà văn khác nhau, quy tụ những ngòi bút đã tạo được *một phong cách nghệ thuật* của riêng mình.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Trong thời kỳ được gọi là đổi mới, ba tên tuổi Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài nổi bật trong cách đoạn tuyệt với lối viết hiện thực tô hồng quen thuộc cũ; để nói lên sự thực bằng hình ảnh, bằng biểu tượng, bằng ẩn dụ, bằng ký hiệu ngôn ngữ. Một mặt, họ vừa phản ánh được bộ mặt thật của xã hội như các nhà văn Dương Thu Hương, Lê Lựu, Dương Hương, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Quang Lập, v.v... mặt khác, họ đưa ra lối viết độc đáo, trình bày hiện thực khác hẳn những người đương thời. Nguyễn Huy Thiệp tạo *khuyňh hướng cực thực sắc bén*, ngôn ngữ phủ phàng, cô đọng và đã ảnh hưởng sâu xa đến những người đi sau. Bảo Ninh có lối viết *trữ tình bi đát* rất độc đáo về chiến tranh, nhưng nỗi buồn cũng như văn phong của Bảo Ninh ít ai bắt chước được. Phạm Thị Hoài hình thành *thế giới ngôn ngữ mặn, đắng, chua, chát* đối chọi với thứ ngôn ngữ nhạt, vô vị, luĩi gổ của xã hội đương thời, quật khai hệ thống *ngôn ngữ tự do* sống động và ý nhị của người dân Hà Nội. Phạm Thị Hoài cũng đã ảnh hưởng sâu xa đến một số người viết sau, đặc biệt phái nữ.

Cùng thời điểm đó, ở hải ngoại xuất hiện *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác, bộ trường thiên tiểu thuyết đồ sộ của văn học Việt Nam trong khoảng ba mươi năm gần đây, mô tả cuộc sống và tâm trạng người dân thành thị miền Nam trong suốt 20 năm (1960-1980). Tác phẩm xác định *bản chất của người dân miền Nam* trong chiến tranh và hòa bình.

Thế hệ thứ nhì - với những tên tuổi như Nguyễn Bình Phương, Bùi Hoàng Việt, Tạ Duy Anh, Nguyễn Việt Hà... ở trong nước và Trần Vũ, Đỗ Khiêm... ở ngoài nước- ít nhiều chịu ảnh hưởng của Nguyễn Huy Thiệp trong khía cạnh: 1- sử dụng nhân vật lịch sử để đả phá sự tôn sùng lãnh đạo. 2- phơi bày mặt thật của xã hội dưới cái nhìn cực thực, tàn nhẫn không nhân nhượng, không tha hiệp. Nhưng đặc biệt họ vận dụng hai yếu tố mới: *tướng tượng* và *huyền ảo*. Nguyễn Bình Phương ném hoả mù huyền ảo về một vùng đất mà con người

## HUYỀN ÁI TÔNG

bị vùi dập, đánh đập, tàn nhẫn, điên loạn từ lúc còn là thai nhi; vùng đất sản sinh ra *những đứa trẻ chết già* trong không khí máu mê truyền kiếp. Đường như Nguyễn Bình Phương có tham vọng viết lại lịch sử đẫm máu của dân tộc Việt Nam. Trần Vũ pha chế các nhân vật lịch sử trong không khí huyền ảo sống chết lộn sòng, trộn trạo quá khứ, hiện tại và tương lai thành những hoạt cảnh tàn khốc và phi lý của chiến tranh, của sự tàn phá văn hoá. Trong truyện *Giáo sĩ* Trần Vũ chế biến lịch sử truyền giáo, lịch sử thực dân, lịch sử chữ quốc ngữ, lịch sử Tự Lực văn đoàn thành một thứ potion magique, uống vào là bị tâu hoá nhập ma. Đỗ Kh. -ngồi bút tài tử, globe-trotteur trong văn phong, trong tư tưởng, trong di chuyển, trong bút ký, truyện ngắn- mang lại cho không khí văn học căng thẳng và trầm trọng đương thời cái humour thiếu vắng, ánh mắt nhìn xa về thế giới bên ngoài, để người Việt có thể thấy nỗi đau của những dân tộc khác, hồng thoát khỏi sự tự xoa tự thân một ung nhọt đã tây của chính mình.

Bùi Hoàng Vị hình thành thứ hiện thực bí mật chôn vùi dưới nhiều tầng, *hiện thực "ngụy", hiện thực chui* của những thực thể không có quyền phát biểu. Hoàng Vị mô tả điều kiện sống của những người ở dưới *tầng trệt thiên đường*, một loại công dân hạng nhì sau ngày họ bị giải phóng. Nguyễn Việt Hà trở thành cây bút biếm họa chua cay về bộ mặt bát nháo của xã hội "mở cửa" đương thời. Trường hợp Tạ Duy Anh rất điển hình, những tác phẩm đầu tiên của anh như *Bước qua lời nguyện*, *Lão Khổ*, vẫn còn nằm trong không khí hiện thực truyền thống, nhưng đến tiểu thuyết *Đi tìm nhân vật* (2002), Tạ Duy Anh viết theo cấu trúc mở, đưa người đọc vào những mê lộ đầy bí ẩn, không lối thoát, tác phẩm bao trùm những khía cạnh tối tăm của con người mặt nạ, sống trong một xã hội mật vụ luôn luôn bị theo dõi, hoặc chính mình đi theo dõi người khác. *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh bị chính thức cấm bán, cấm bàn.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Trừ trường hợp Nguyễn Việt Hà và Đỗ Kh. viết dễ đọc, đặc điểm chung của những ngòi bút trong thế hệ thứ hai này là giấu kín hiện thực dưới một thứ bút pháp thần trú, khiến độc giả phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới mong tìm ra manh mối, nhất là Nguyễn Bình Phương và Bùi Hoàng Vĩ.

Tại sao họ lại phải viết kín đáo đến độ khó hiểu như vậy? Có hai lý do: Nhà văn trong nước không thể trình bày trực tiếp sự thực xã hội, sự thực lịch sử, họ phải tìm con đường an toàn hơn bằng cách viết kín, viết khó hiểu, để ít nhất người duyệt không thấy được ngụ ý sâu xa trong tác phẩm. Lý do thứ nhì thuộc về sự đòi hỏi của văn chương hiện hành: các tác phẩm hiện đại thường muốn có cấu trúc mở, hàm chứa nhiều nghĩa, nhiều cách đọc và cách hiểu khác nhau. Một tác phẩm mở như vậy chắc chắn khó đọc hơn tác phẩm truyền thống, bắt người đọc phải cộng tác, phải tìm kiếm, phải suy nghĩ.

Nhà nước không có chính sách kiểm duyệt công khai, nhưng tất cả những tác phẩm đụng đến chiều sâu của sự thực như *Truyện kể năm hai ngàn* của Bùi Ngọc Tấn, *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh, *Tuổi hai mươi yêu dấu* của Nguyễn Huy Thiệp... trong những chừng mức khác nhau, cách thể hiện khác nhau, đều bị loại trừ. Tập *Bóng đèn* của Đỗ Hoàng Diệu vừa in xong đã bị đánh toi bời, Nguyễn Ngọc Tư bị kiểm thảo vì *Cánh đồng bất tận*. Tuy nhiên, mọi người vẫn có thể tìm đọc các tác phẩm giá trị bị cấm qua hệ thống in chui hoặc trên mạng internet.

Tình trạng này dẫn đến phản ứng sau đây của một số nhà văn trong thế hệ thứ ba: nhiều người hướng về khía cạnh sex, hoặc ngôn ngữ tục, hoặc cả hai. Ở ngoài nước, có lẽ vì muốn biểu hiện cái gọi là tự do tư tưởng đến muộn; còn ở trong nước, rất có thể bởi vì ai cũng biết những chủ đề chính trị xã hội, không thể có đất sống, người viết bèn xoáy bút xuống những hoạt động hạ bộ của cơ thể, cũng là một cách xác định tự do. Điều

## HUYỀN ÁI TÔNG

đó ít nhiều giải thích hiện tượng lạm phát tình dục, lạm phát chữ tục, trong văn chương hiện nay. Nhưng con đường này khá gian nan.

Nếu người viết chủ ý dùng "chữ tục" để chống lại những "chữ giả" trong thứ đạo đức giả hình của một xã hội cổ hủ, của nền chính trị giáo điều, thì nhất thiết phải có một "tay nghề", một nội lực thâm sâu, một nghệ thuật cao cường xuất chúng. Trên văn đàn kim cổ đã nhiều người dùng độc trị độc như thế: Hồ Xuân Hương hoặc xa hơn nữa François Rabelais. Tại sao họ thành công? Bởi họ rất trào tiếu. Cả hai đều dùng chữ tục và điểm vào sinh hoạt phần dưới của con người để đả phá những tệ đoan xã hội, Rabelais thời Trung cổ và Hồ Xuân Hương cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Tác phẩm của họ chuyên chở cả *cười lẫn tục* trong một cấu trúc nghệ thuật, ngôn ngữ và tư tưởng hoàn mỹ.

Kinh nghiệm cho thấy tất cả những chuyện tiếu lâm dân gian, được truyền tụng từ đời này sang đời khác, cũng thế, bởi chúng pha trộn hai yếu tố *cười* và *tục* như một cặp phạm trù không thể tách rời, hai yếu tố bổ túc cho nhau như âm với dương, như phải với trái. Nếu bạn chỉ nói tục, viết tục không thôi, mà bạn không có humor thì những cái gì bạn nói hoặc viết ra sẽ chỉ là những lời lẽ thô tục, nghĩa là nghe xong, đọc xong người ta khó chịu rồi quên ngay.

Nhưng khi cái tục đi đôi với cái cười thì lại khác: Tục được hoá giải. Bởi tất cả những gì *trịnh trọng đều cần được hoá giải bằng tiếng cười*: ví dụ *chính trị* và *làm tình* là những động tác hết sức "trịnh trọng", trịnh trọng bậc nhất. Bạn không thể cười khi đang đàn diễn thuyết chính trị; bạn cũng không thấy ông Tổng Bí Thư nào cười khi đọc diễn văn, và đó bạn cười khi làm tình. Để biểu hiện những sinh hoạt có tính chất *trịnh trọng, tuyệt đối căng* như vậy, cần phải có một sự trung hoà, giải nhiệt. Chất giải nhiệt là tiếng cười. Hầu như các tác giả kiệt

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

xuất trong văn chương xưa và nay đều biết xử dụng tiếng cười như một lợi thế hàng đầu của nghệ thuật, của đấu tranh. Cho nên những hệ thống giáo điều cổ sơ nhất như giáo hội, luôn luôn cấm cười. Những cuốn sách cười đầu tiên của nhân loại bị giáo hội cấm. Các chế độ toàn trị sau này chẳng sáng tác ra điều gì mới, họ bắt chước giáo hội thời cổ. Dưới các thể chế dân chủ, người dân- ngoài diễn văn trình trọng của các vị lãnh đạo (đảng phái đối lập hoặc cầm quyền) chỉ thừa dịp là rót vào tai- còn được nghe, được thấy nghệ sĩ nhái lại giọng điệu trình trọng các vị đó trên các kênh truyền thanh truyền hình đại chúng. Đó là phương thuốc giải nhiệt đặc lực, bình dân và không tốn kém.

Cho nên, nếu muốn chống lại sự độc tài bằng chữ tục hay bằng các sinh hoạt hạ bộ, thì có lẽ không gì bằng tiếng cười, và chúng ta nên học cái humour cao cường của những người đi trước. Chính cái cười mới là thượng sách, là nòng cốt chống lại các sự trình trọng giáo điều. Còn vài ba chữ tục, lẽ tẻ, tung ra rải rác trong văn xuôi, văn vần, không ăn thua gì, đôi khi đặt không đúng chỗ, còn làm cho người đọc khó chịu, gây tác dụng ngược chiều. Bút Tre và Đồng Đức Bốn có những câu thơ tục tuyệt tác. Đỗ Kh. đôi khi cũng có những câu thơ tục dí dỏm. Đó là những người có "uy-mua". Tiếc rằng văn nghệ của chúng ta thiếu các cây bút "uy-mua" như thế, cho nên những lời tục thường thấy trên báo chí sách vở hiện nay phần lớn chỉ là những lời tục tĩu, vô vị.

Điểm thứ nhì, về những sự được gọi là "hot", những màn sex "táo bạo", trong truyện ngắn, truyện dài hiện nay. Dường như ở đây cũng lại có sự thi đua, sự lạm phát, có lẽ vì người viết chưa thấu rõ ý nghĩa và bản chất của văn chương.

Phê bình văn học không chú ý đến những màn này, bởi chúng ở ngoài văn chương. Roland Barthes -dẫn tư tưởng của Lacan, Leclair- có ý cảnh cáo những ngòi bút thiên về khuynh hướng

## HUỶNH ÁI TÔNG

mô tả khoái lạc. Khi đối chất *le texte de plaisir* (văn bản thú vị, văn bản gây khoái cảm) với *le texte de jouissance* (văn bản khoái lạc), Barthes cho rằng: "*Cái thú vị, cái khoái cảm thì nói được, còn cái khoái lạc không nói được, nó tự cấm*" (*Le plaisir est dicible, la jouissance ne l'est pas. La jouissance est indicible, inter-dite*). Tại sao? Bởi kẻ đang nói (hay viết) thì không (hưởng thụ) khoái lạc mà kẻ đang (hưởng thụ) khoái lạc thì không nói (viết). Nhà văn và người đọc (văn bản thú vị) đều chọn chữ nghĩa, cho nên không thể chọn khoái lạc. Và "*phê bình văn học chỉ chú trọng đến những văn bản thú vị, không bao giờ để ý đến văn bản khoái lạc (...)* *Phê bình cấm trình bày khoái lạc.*" (*La critique porte toujours sur des textes de plaisir, jamais sur des textes de jouissance (...)* La présentation de la jouissance lui est interdite [Trích *Le plaisir du texte* (*Thú đọc sách*) Roland Barthes, trang 32]. Nhận xét của Barthes rất thú vị và chí lý.

Các ngòi bút chuyên trị khoái lạc luôn luôn vô ích với văn chương. Văn bản của họ không thú vị. Không là đối tượng của phê bình.

\*\*\*

Trở về với những nhà văn trong thế hệ thứ ba mà chúng tôi chọn để giới thiệu, nét đầu tiên nổi bật và khác biệt đối với thế hệ thứ nhì là nếu thế hệ trước toàn cây bút nam, thì ở thế hệ này (phần lớn sinh trong thập niên 80), lại toàn là nữ. Những ngòi bút mới này vừa có nghệ thuật, vừa can đảm. Đa dạng trong cách trình bày hiện thực, chú ý đến nhiều khía cạnh khác nhau của xã hội đương thời và can đảm nói lên những điều đáng nói, không sợ sức ép của tư tưởng bảo thủ và hệ thống kiểm duyệt lỗi thời. Họ đã viết hoặc đang viết những tác phẩm vượt ra ngoài khuôn xáo cũ, như Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh, Đỗ Hoàng Diệu, Nguyễn Ngọc Tư, Lynh Bacardi, Đình Đình, Phạm Ngọc Lương. Có người đã thành danh, có người mới



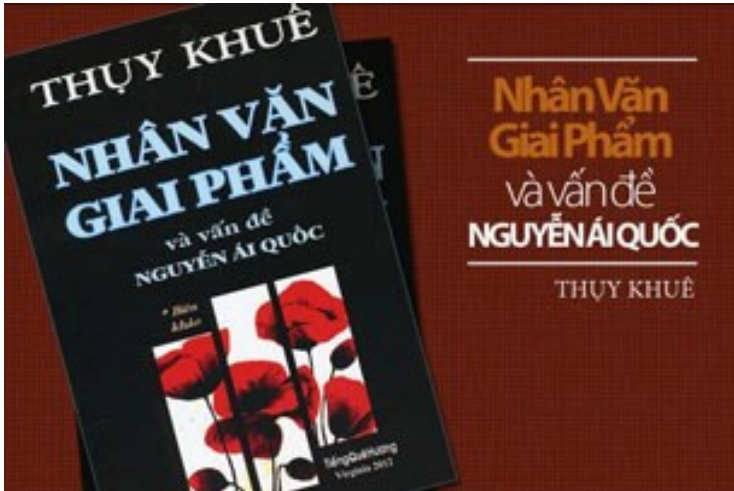
## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

viết. Vấn đề chính là làm sao tồn tại. Tiếp tục và tồn tại. Ở hải ngoại, Nguyễn Thị Thanh Bình, một ngòi bút nhiều kinh nghiệm cũng vừa đưa ra những truyện ngắn mới, khác hẳn lối viết trước đây của chị.

Giới thiệu một số những ngòi bút mới xuất hiện trong vài năm gần đây, tiêu biểu cho sự đổi mới tâm nhìn, đổi mới văn phong và đổi mới chính mình, chúng tôi muốn trình bày một diện mạo văn học mà số đông độc giả chưa có dịp tiếp cận, nhất là độc giả trong nước, bởi nó khác hẳn những gì đang được chính thức công nhận. Tiếng nói của những nhà văn trẻ qua phần phỏng vấn (nếu thực hiện được) cho thấy nguyện vọng và tình hình sinh hoạt của những cây bút mới hiện nay ở trong nước. Những chương trình này đã được truyền thanh liên tiếp trên RFI từ đầu năm 2006 đến nay, chúng tôi ghi lại để gửi đến độc giả Hợp Lưu.

Thụy Khuê

Paris, tháng 9/2006



## HUỶNH ÁI TÔNG

Mặc Lâm phóng viên đài RFA đã giới thiệu nhà phê bình Thụy Khuê với những dòng sau đây:

*“Thụy Khuê là một nhà phê bình văn học nổi tiếng. Công việc chính của bà trong nhiều năm là phụ trách chương trình Văn Học Nghệ Thuật trên đài phát thanh Pháp Quốc RFI từ tháng 12 năm 1990 cho đến tháng 3 năm 2009 thì về hưu. Những tên tuổi bà đã phỏng vấn đáng chú ý nhất là các thành viên quan trọng trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, trong đó có nhân vật nổi tiếng Nguyễn Hữu Đang vài năm trước khi ông trở về với cát bụi. Bà có những tác phẩm phê bình văn học công phu như Cấu Trúc Thơ, Sóng Tì Trường I, II và III, Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp.”*

Tài liệu tham khảo:

- Thụy Khuê Web: [vietnamvanhien.net](http://vietnamvanhien.net)
- Tình thế những người viết trẻ hôm nay Web: [thuykhue.free.fr](http://thuykhue.free.fr)

### 3. Nguyễn Mạnh Trinh



**Nguyễn Mạnh Trinh (1949-20 )**

Nhà văn Nguyễn Mạnh Trinh sinh năm 1949 tại Hà Nội, lớn lên ở miền Nam.

Năm 1969, ông tình nguyện gia nhập quân đội Việt Nam Cộng hòa, phục vụ tại Không đoàn 60 Bảo trì tiếp liệu thuộc Sư đoàn 6 Không quân, đồn trú tại căn cứ Pleiku từ khi thành lập đơn vị này vào những năm 1971 cho đến ngày tàn cuộc chiến.

Sau biến cố 1975, ông tị nạn tại Hoa Kỳ và bắt đầu dần thân vào những sinh hoạt văn học nghệ thuật tại tiểu bang California. Ngoài viết văn và làm thơ, ông thường viết những nhận định văn học liên quan đến tác phẩm của những tác giả nổi danh như Xuân Vũ, Trần Văn Minh, Dương Hùng Cường, Cung Trầm Tưởng, Nguyên Sa, Vũ Hữu Định, Quang Dũng, Phạm Đình Chương, Phạm Công Thiện, Tô Thùy Yên, Kim Tuấn, Du Tử Lê... Những bài viết của ông xuất hiện trên hầu hết các tạp chí văn học tại hải ngoại.

Ông chủ trương tủ sách tác giả tác phẩm *Đời* và là thành viên trong nhóm chủ trương *Hợp Lưu* – Hoa Kỳ. Hiện nay, Nguyễn Mạnh Trinh cùng với Nhã Lan chủ trương chương trình “Tản

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mạn Văn Học” trên đài phát thanh Little Saigon mỗi sáng thứ bảy, được đông đảo người Việt tại California theo dõi.

Tác phẩm:

- *Thơ Nguyễn Mạnh Trinh* (thơ, Người Việt, 1985)
- *Tập truyện Hai Mươi Ba Người Viết Sau 1975* (Biên tập cùng Trịnh Y Thư, Văn Nghệ Hoa Kỳ, 1989)
- *Rì Rào Sóng Vỗ* (tập truyện)
- *Tạp Ghi Văn Nghệ*.

Trích văn:

### **Pleiku, thơ và thi nhân**

Có lẽ không có một thành phố nào như Pleiku được nhắc nhở nhiều đến như vậy trong văn học Việt nam. Những thi văn sĩ, đã sống và thờ ở không gian đó, đã trải qua những ngày tháng tao loạn chiến tranh, nên tác phẩm của họ đã biểu hiện sinh động được tâm cảm của những người lính thú hay những nàng chinh phụ của một thời đại chiến tranh.

Với tôi, phố núi Pleiku gọi lại cho tôi rất nhiều vần thơ. Có thể là của riêng tôi mà cũng là của rất nhiều thi sĩ đã gần gũi với thành phố ấy. Thêm vào nữa, Pleiku còn là cả một kho tàng kỷ niệm của riêng tôi..

Ngay ngày đầu tiên đến Pleiku, tôi đã cảm thấy như mình là một dòng sông đang đến một khúc quanh.

Năm tôi lên nơi chốn ấy, tôi vừa đến cái tuổi đôi mươi. Hai mươi tuổi, tâm hồn lúc ấy trắng bong, tràn đầy mơ với mộng. Chưa có kinh nghiệm trường đời nên thường phản ứng trước những điều mà mình thấy không vừa lòng. Tuổi trẻ lại hay thích thoải mái không ưa sự gò bó nên dù ở Nha Trang phong

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

cảnh sơn thủy cũng hữu tình lắm nên khoái chuyện giang hồ lang thang. Ở đâu cũng xa nhà nên tôi tình nguyện đi biệt đội Pleiku mút mùa lệ thủy và khi lập không đoàn thì cũng là một trong những sĩ quan thuộc hàng khai sơn phá thạch của đơn vị kỹ thuật ở đây...

Thời gian ở thành phố biên trấn này chỉ hơn hai năm mà sao tràn đầy kỷ niệm. Có những lúc, cơm xấy đồ hộp ngày này qua tháng khác mà vẫn vui. Lính lương xong, chỉ một vài ngày là sạch nhẵn, thế mà tôi nào cũng lang thang ở phố đến nửa đêm mới mò về phi trường. Ở đây, biết bao nhiêu đứa bạn, buổi sáng còn đùa giỡn chọc ghẹo nhau mà vài tiếng đồng hồ sau thân xác đã thành sương khói cho những phi vụ không về. Ở đây có sáng mù sương, thấy đời mỗi mệt như chiếc xe dodge của biệt đội ị ạch leo lên đầu dốc. Dù rằng lúc ấy tôi chỉ vừa hai mươi tuổi...

Cảm giác đầu tiên của tôi khi đến Pleiku thật là lạ lùng.

Ngày đầu tiên khi tôi từ Nha Trang xuống phi trường Cù Hanh là một ngày mưa u ám. Phi cơ trực thăng khi bay qua Khánh Dương bị bắn và tôi hiểu chiến tranh đã đón chào tên lính trẻ làm thân lính thú đôn xa như thế. Mưa sùi bọt trên mặt nhựa phi đạo và bầu trời nặng nề u ám màu mây đen. Gió ào ạt lồng lộng ngoài kia khiến cho tôi thấy mình quá nhỏ nhoi trong cái buồn mênh mang của đất trời. Lúc ấy, tôi thấy những câu thơ vẫn vơ trong óc. của Kim Tuấn, Vũ Hữu Định, Nguyễn Bắc Sơn,... Thơ tự nhiên thành một phần của một ngày, một tháng, một năm,... của riêng tôi. Thơ để quên đi hiện tại. Những giọt mưa quất vào mặt, buốt rát. Những ngọn gió thốc vào ngực. Nặng tê... Tự nhiên tôi thấy mình thật gần gũi thân thiết với những vần thơ biết là bao nhiêu. Có lúc, tôi nghĩ thi ca là một phần đời sống mình...

## HUYỀN ÁI TÔNG

Thi sĩ làm thơ cho Pleiku thì rất đông đảo. Và thơ hay cũng nhiều lắm, mỗi bài có ý vị riêng, có phong thái riêng. Tôi bắt đầu với nhà thơ Vũ Hữu Đình...

Nếu nói bài thơ “Còn Một Chút Gì Để Nhớ” của thi sĩ họ Vũ đã làm cho Pleiku trở thành một nơi chốn cực kỳ lãng mạn và thơ mộng của thi ca Việt Nam thì cũng chẳng phải là ngoa ngôn, những câu thơ dễ thương của một vài con phố nhỏ heo hút của vùng cao nguyên, với hình tượng của “Em”, của thời tiết lạnh lạnh để má em thắm để môi em hồng. Có ai hỏi là những nhân dáng này có thật không trong đời sống của người làm thơ không thì nhà thơ họ Vũ đã trả lời rằng đó chỉ là hình tượng tổng hợp từ nhiều hình ảnh trong thực tế để tổng hợp thành một hình tượng tuyệt diệu của tưởng tượng, của hư cấu. Và trong cái không gian của một phố núi nhỏ nhoi, con người thi sĩ và cảnh vật cũng như thiên nhiên ở đây hình như thờ chung một nhịp đập của trái tim tràn cảm xúc. Con phố hoang sơ lạnh lùng nhưng dường như có một tâm hồn mà người thơ cảm thông được, hiểu được từ nỗi cô đơn mà trời riêng dành cho người là thơ.

Bài thơ ấy gồm chỉ mười hai câu thơ thôi mà chuyên chở rất nhiều tình, ý. Thơ có thiên nhiên hòa hợp với con người. Thơ làm đời sống có nhiều chất thơ hơn để quên đi những ám ảnh của chiến tranh:

*“Phố núi cao phố núi đầy sương  
phố núi cây xanh trời thấp thật gần  
anh khách lạ đi lên đi xuống  
may mà có em đời còn dễ thương  
phố núi cao phố núi trời gần  
phố xá không xa nên phố tình thân  
đi dăm phút đã về chốn cũ  
một buổi chiều nao lòng bỗng băng khuâng  
em Pkeiku má đỏ môi hồng*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông  
nên mắt em ướt và tóc em ướt  
da em mềm như mây chiều trong  
xin cảm ơn thành phố có em  
xin cảm ơn một mái tóc mềm  
mai xa lác trên đôn biên giới  
còn một chút gì để nhớ để quên.”*

Hình như về sau này, khi Cộng sản chiếm miền Nam, thì trong các tuyển tập thơ có trích đăng bài này. Bài thơ này hình như vượt qua được giới tuyến của chiến tranh để trở thành một tài sản văn hóa của dân tộc...

Bài thơ này được trích đăng hoặc in trong nhiều tuyển tập thơ xuất bản ở trong nước, nhưng không phải là nguyên văn bài thơ. Thí dụ như hai câu thơ cuối thì nguyên bản là “mai xa lác trên đôn biên giới / Còn một chút gì để nhớ để quên“ Thì sửa lại là “mai xa lác trên đồi biên giới / Còn một chút gì để nhớ để quên“. Chỉ sửa có một chữ mà ý tưởng đã khác nhau nhiều!

Tôi không rõ Vũ Hữu Định viết bài thơ này trong thời gian nào nhưng theo nhà thơ Luân Hoán một người bạn thân cùng quê với anh đã tả chân dung nhà thơ ấy như sau:

”với chiều cao khoảng một thước sáu nhưng có bề ngang, cộng với dáng đi chữ bát, cộng thêm lối ăn vận lè phè nhà thơ Vũ Hữu Định trông gần như hơi thấp. Anh không có khuôn mặt đẹp trai nhưng nhìn rất bắt mắt. Nụ cười xuề xòa luôn luôn đi trước giọng nói dí dỏm bộc trực đã thấp sáng khuôn mặt ngả màu nâu sậm của anh thơ miền Trung ra đời vào thập niên 40 này. Năm 1970 năm tôi không may mắn phải giã từ rừng núi và phố chợ Quảng Ngãi để trở về Đà Nẵng tôi đã gặp và quen thân với Vũ Hữu Định. Lúc đó hình như anh đang mặc áo cán bộ xây dựng nông thôn. Địa bàn công tác của anh lòng vòng ven rìa thành phố Đà Nẵng như Thanh Khê, Hà Khê, An Hải, Sơn

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trà,.. Anh chợt đi, chợt về. Đặc biệt anh lúc nào cũng có vẻ thong dong giàu có thời giờ phát phơ phổ xá. Anh làm thơ nhiều trong giai đoạn này. Thơ của anh hầu hết được đăng trên các tạp chí văn chương tại thủ đô Sài Gòn. Vũ Hữu Định có đời sống vật chất không mấy khả quan, quen biết nhau khá lâu nhưng anh từ chối không thuận cho tôi đến nhà chơi. Cũng không hề đề cập đến gia đình của anh. Biết anh có vợ có con nhưng mãi về sau này tôi mới tình cờ được gặp trong một hoàn cảnh thật buồn!

Ông mất năm 1981 ở Đà Nẵng và có nhiều dư luận về cái chết của ông. Như ông đến nhà một người bạn văn chơi ở An Hải và vì nhậu quá say trong lúc tìm chỗ đi tiểu thì bị té từ căn gác lửng xuống và chết. Một dư luận khác thì nói rằng trong cuộc nhậu ấy, ông bị một vài người cố tình từ trên gác xô xuống và bị ngã chết. Những người bạn ông thì nửa tin nửa ngờ và cũng hiểu rằng ở thời thế ấy thì chết vì bị cố tình mưu hại hay vì say mà té ngã cũng đều như thế, chính quyền không quan tâm và chỉ đau xót cho gia đình, bạn bè và những người yêu thơ ông ...

Thi sĩ viết về Pleiku như thế thì rất nhiều nhưng tôi cũng muốn nói về một thi sĩ mà tôi rất mê thơ của ông. Đó là Nguyễn Bắc Sơn ...

Nguyễn Bắc Sơn, một chứng nhân của cuộc chiến, làm thơ như một cách thế sống, đã coi công việc viết như một phần của đời người. Sống ở Pleiku và viết những bài thơ để gửi Pleiku. Thơ ông, có chút cảm khái ngậm ngùi của thời tao loạn nhưng cũng có những xúc động bình bông của tâm tư lãng mạn hay đùa cợt với cuộc đời. Thơ, phảng phất vóc dáng một chàng cuồng sĩ...

Đọc bài thơ “Hoa Quì Vàng Lạnh Pleiku”, tự nhiên tôi như người trở về thời gian ấy, không gian ấy. Trở về những ngày tuổi trẻ, của những giây phút bốc đồng coi mọi việc như cuộc



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

đùa chơi. Cái lạnh, chưa hẳn là lạnh lẽo mùa đông, mà còn chứa đựng một chút nồng ấm nào đó của mùa hạ. Lạnh ở bên ngoài nhưng rần rần nóng hổi ở tim óc bên trong. Sương mù ban đêm trên đỉnh cao nhìn về phố buồn, tâm thức cũng ào ạt như sóng theo tầm nhìn vời vợi...

*“Đứng trên núi thấy hàng đèn thị trấn  
Là thấy mình buốt lạnh mấy nghìn năm  
Vì đêm nay trời đất lạnh căm căm  
Nên chột nhớ chút lửa hồng bếp cũ  
Nên phải nhớ mắt một người thiếu nữ  
Đã nhìn mình rất ấm một ngày xưa  
Dù mai sau ngày nắng tiếp ngày mưa  
nhưng vĩnh cửu chút mơ màng thuở đó...”*

Đọc bài thơ dài của Nguyễn Bắc Sơn tôi chỉ thấy có hai câu nói về màu hoa quỳ vàng. Thế mà cái màu sắc hoa man dã ấy chỉ một nét thoáng qua nhưng lại gọi nhiều dư âm. Màu vàng, có khi là màu vàng lạnh, nhưng có khi là màu nóng chói chang của nắng:

*“Phố núi kia ơi, một đời phố lạnh.  
Lạnh hoa vàng, núi đỏ, thác đèo cao.”*

Hoa quỳ vàng? Một loài hoa có lẽ chỉ có ở Pleiku. Hoa quỳ vàng, một loài hoa nhỏ, cây tựa tựa giống như hoa cúc, tôi đã nhìn thấy miên man màu vàng khi trên phi cơ nhìn xuống. Màu vàng, mệnh mang trên những ngọn đồi loang lổ màu xám của đá và màu đỏ của đất. Hoa quỳ, lẻ loi một cánh trên tay thú thực cũng chẳng hấp dẫn lắm nhưng nếu bạt ngàn dưới cánh phi cơ, rào rạt trong nắng trong gió sẽ trở thành một ấn tượng khó quên cho cảm xúc. Ôi hoa quỳ, màu vàng không phải kiêu sa như màu hoàng cúc của áo tôn nữ mà có sự gần gũi với tà áo vàng của dân dã, của thiên nhiên. Hèn chi, cũng có nhiều nhà

HUYỀN ÁI TÔNG

thơ vắn vương với hoa quì vàng, như Nguyễn Xuân Thiệp, như Kim Tuấn,...?

Người thơ kể chuyện của mình, một câu chuyện có lẽ rất quen tai của những người lính thú. Cũng đi xuống, đi lên, cũng loay hoay bồn chồn như những chàng gà trống...

*“Đời lang bạt của một người lính thú  
Sáng hôm qua tôi là người thiếp ngủ  
Đi một mình lên xuống phố mù sương  
Phố núi kia ơi, phố có con đường  
Lên xuống dốc tìm không ra bạn hữu  
Không có bạn tôi làm sao uống rượu  
Tôi làm sao sống nổi một ngày đây  
Phố núi kia ơi, kẻ lạ đông đây  
Nhìn gã lính không khác gì gã lính...”*

Không có bạn tôi làm sao uống rượu. Tôi làm sao sống nổi một ngày đây. Nghe như một câu nói thường ngày, không có chất thơ mà sao nghe tràn đầy thi tứ. Chắc lúc ấy, sự cảm khái của người thơ đã lên cao độ, và, nỗi lạnh lùng thiên cổ như bám vào da vào thịt. Có nỗi nhớ mong, có niềm tiếc nuối. Người em, bây giờ lưu lạc ở đâu?

*“... Tôi vận rủi làm một người lãng đãng  
ngó mong hoài khuất bóng của người em  
sáng hôm nay đời sống thật bình yên  
sao phố lại đuổi đi người yếu điệu  
vườn đá tảng bàn chân em huyền diệu  
in gót hồng lên lớp bụi đời tôi  
là từ khi tôi hạnh phúc rong chơi  
và quên lãng con thú mù phần nộ  
Ồi phố núi đêm nay là cổ mộ  
Một hàng đèn sáng lạnh cõi bi hoang...”*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Nguyễn Bắc Sơn làm thơ với tâm trạng u uất của thời đại trong một cuộc chiến kéo dài suốt gần hai chục năm. Ông có người cha là một cán bộ quân sự cao cấp của Cộng sản nên trong thời kỳ ông đi lính VNCH cũng bị ảnh hưởng. Cơ quan An Ninh Quân Đội bắt ông chuyển đơn vị và theo dõi. Sau đó ông đào ngũ và bị bắt lính lại và phục vụ tại một đơn vị địa phương quân ở Phan Thiết. Sau năm 1975, người cha trở về và là một viên chức cao cấp sau về hưu và bị chết một cách bất thường vì bị tai nạn giao thông. Có dư luận cho là bị mưu sát...

Đời sống của ông đã tạo cho thơ ông niềm đau xót của những người bị kẹt giữa hai giới tuyến. Thơ của ông hào sảng có nét chân thực thô nhám của đời lính trận có những câu như:

*"Mai ta đụng trận may còn sống  
Về ghé Sông Mao phá phách chơi  
Chia sót nổi sâu cùng gái điếm  
đốt tiền mua vợ một ngày vui..."*

Có người phê phán những bài thơ có chất phản đối chiến tranh của Nguyễn Bắc Sơn, nhưng họ phải công nhận ý thơ và tứ thơ mạnh mẽ của ông, một kỹ thuật làm thơ với ngôn ngữ tuy bình dị gần gũi đời thường nhưng đầy chất sáng tạo...

Có một nhà thơ nữ cũng nổi tiếng với một bài thơ được nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành nhạc khúc "Trông như còn người yêu". Đó là nhà thơ Lê Thị Ý và bài thơ "Thương ca 1".

Trả lời một câu phỏng vấn của Đinh Quang Anh Thái, tác giả Lê Thị Ý phát biểu :

"Lúc đó là năm 1970, tôi sống tại Pleiku. Thành phố nhỏ bé này vào giai đoạn chiến tranh khốc liệt chỉ thấy lính, vợ lính, xe tăng, xe jeep; hầu như không thấy gì khác nữa. Nhà tôi ở gần nhà xác của quân đội. Tôi chứng kiến cảnh biết bao các bà

## HUỶNH ÁI TÔNG

đi nhận xác chồng. Tôi thấy đàn bà con nít đến lật cái poncho quần xác để nhìn rõ mặt người thân, cảnh đó khiến tôi đau đớn không chịu nổi. Rõ ràng nỗi đau của những người có chồng chết trận là nỗi đau của chính mình. Thành thật tôi vô cùng xúc động và chính tôi sống bằng hình ảnh những người vợ lính, vợ sĩ quan khóc bên xác chồng. Nỗi buồn đau đó là nỗi đau của mình.”

Khi trả lời câu hỏi khi thơ phổ thành ca khúc thì có người chê là phản chiến, nhà thơ Lê Thị Ý nói :

”Khi tôi làm bài thơ tôi xúc cảm thế nào thì tôi viết ra như thế. Thế thôi. Tôi không nghĩ gì khác cả. Bài thơ được phổ biến cũng là một sự ngẫu nhiên. Một người bạn của anh Vương Đức Lệ tôi đến nhà chơi thấy bài thơ bèn đưa cho cụ Nguyễn Đức Quỳnh người trụ trì sinh hoạt Đàm Trường Viễn Kiến ở nhà cụ ở Sài Gòn quy tụ rất nhiều văn nghệ sĩ, trí thức, nhà văn, nhà báo - Cụ Quỳnh đọc thấy hay bèn đưa cho ông Phạm Duy phổ nhạc. Cho nên bài thơ của tôi được mọi người thương thức hoặc cho là phản chiến thì cũng là việc tình cờ thôi chứ tôi không chú ý trước việc phổ biến bài thơ...”

Bài thơ rất cảm động, nguyên văn là:

*“Ngày mai đi nhận xác chồng  
say đi để thấy mình không là mình  
say đi cho rõ người tình  
cuồng si độ ấy hiển linh bây giờ  
cao nguyên hoang lạnh ơ hồ  
như môi thiếu phụ nhạt mờ dấu son  
tình ta không thể vương tròn  
say đi mà tưởng như còn người yêu  
phi cơ đáp xuống một chiều  
khung mây bàng bạc mang nhiều xót xa  
dài hơi hát khúc thương ca*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*thân cô khép kín trong tà áo đen  
chao ơi thềm nụ hôn quen  
đêm đêm hẹn sẽ chong đèn chờ nhau  
chiếc quan tài phủ cờ màu  
hắn lên ba vạch đỏ au phũ phàng  
em không thấy được xác chàng  
ai thêm lon giữa hai hàng nến chong?  
Mùi hương cứ tưởng hơi chồng  
Nghĩa trang mà ngỡ như phòng riêng ai”*

Nếu hồi trước bản nhạc về phố núi của Phạm Duy phổ nhạc từ thơ Vũ Hữu Định thì về sau này những người yêu thương Pleiku cũng hay ngâm nga hoặc thích lắng nghe bản nhạc Phố Xưa của thi sĩ, nhạc sĩ Hoàng Khai Nhan. Bản nhạc với ca từ như “Chiều mờ trên phố cao / Đưa em về từ khi có nhau / những con đường từ khi có nhau / kết hoa ngày nào / chiều mờ sương thung lũng sâu / quán trong phi trường đèn đêm thấp sao...” đã thành một bài hát đáng yêu của những người lính trấn ải miền ba biên giới.

Bản nhạc thật hay và lãng mạn như trời đất của vùng biên trấn ấy. Nhạc sĩ Hoàng Khai Nhan còn là một thi sĩ và làm khá nhiều thơ về Pleiku.

Anh viết với cảm xúc của người lính, lên đường làm nhiệm vụ của người tuổi trẻ thời chiến tranh. Có một bài thơ anh làm đề bắt đầu cho một cuộc lên đường, để làm người lính thú hôm nay. Thơ như chia sẻ với đồng đội của anh những nhiệt thành vào cuộc, với thân phận giống như bầy ngựa chiến đập móng đợi khởi sự vòng đua nhân sinh trong thời đại khói lửa mịt mù trên quê hương.

Đó là một bài lục bát, gửi tặng những người bạn chờ buổi lên đường lên phố núi;

HUỲNH ÁI TÔNG

*“một con ngựa đã lên đồi  
hai con ngựa đứng bồi hồi ngó theo  
ba con ngựa sai qua đèo  
bốn con ngựa hí buồn thiu trong tàu  
Năm con ngựa nối đuôi nhau  
Sáu con ngựa đợi hôm sau lên đường.”*

Những cuộc lên đường của những người lính trẻ. Bắt đầu một cuộc đua của những con tuấn mã chạy vòng trong cuộc chiến tranh. Hoàng Khai Nhan đã ví von ông và những đồng đội cùng mặc áo lính thú khởi sự hiểu được những bất toàn của cuộc đời nhưng hùng khí lúc nào cũng hùng hực như thuở đợi lúc lên đường.

Bây giờ là mùa thu nhưng nghe bản nhạc Anh Cho Em Mùa xuân của nhạc sĩ Nguyễn Hiền phổ từ thơ Kim Tuấn thì thấy trời đất vẫn dễ thương vô cùng. Thi sĩ Kim Tuấn cũng là người làm thơ về Pleiku độc đáo và trước năm 1975 đã có một thời cư ngụ lâu dài ở Pleiku. Với Pleiku, anh là một người cố cựu và đã sống đã thờ với phố núi này với tâm tình của một người chọn lựa một quê hương thứ hai. Với riêng tôi thì thơ của ông có nhiều nét rất gần gũi với cuộc sống mình cũng đã một thời ở đó.

Chúng ta hãy thử đọc bài thơ “Buổi chiều ở Pleiku“:

*“Buổi chiều ở Pleiku có cà phê và có bạn hiền  
Có biển hồ nước trong, có lúc buồn soi mặt  
Ôi mặt mình sao bỗng góm ghê  
Ôi đời mình sao nhìn muốn khóc  
Ta với ta xa lạ vô cùng  
Buổi chiều ở Pleiku có gì lạ đâu hỡi em  
Có nỗi cô đơn trong cõi sương mù  
Có phố buồn hiu có đêm giấu mặt  
Có giấc sầu dài trong cõi thiên thu*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Có bức tường vô ghi dấu đạn thù  
Có cuộc đời ta chìm trong khói lửa  
Kiếp người sao đã lãng du  
Buổi chiều ở Pleiku  
Buổi chiều nghe mưa bay trên đầu ngọn núi  
Buổi chiều như mọi buổi chiều  
Tiếng phi cơ, tiếng xe và tiếng súng  
Anh còn tiếng nào để nói yêu em.”*

Những buổi chiều ở Pleiku, với “tiếng phi cơ, tiếng xe và tiếng súng”, đúng là tình cảnh chúng tôi nhưng khác với thi sĩ là chúng tôi vẫn còn nhiều lời yêu em chứ không phải ”anh còn tiếng nào để nói yêu em”.

Kim Tuấn làm thơ về Pleiku với nhiều nỗi niềm trần trở quá. Nhưng thơ của “Nụ hoa Vàng Cho Em” phổ nhạc thành “Anh cho em mùa xuân“ hay “Kỷ Niệm” phổ thành “Những bước chân âm thầm” lại có nhiều yêu đương tình tự và lãng mạn của những người cảm thông được với thiên nhiên với thời tiết những vẻ đẹp của đất trời.

Thơ của ông cũng có nhiều bài rất lãng mạn thơ mộng chứ không phải chỉ có trần trở suy tư. Có khi là thơ của tuổi học trò, của tuổi mười bảy mười tám mộng mơ...

Như bài “Ngày Em Còn Thất Bím” chẳng hạn:

*“tóc bím nghĩa là tóc dễ thương  
tóc bâng khuâng lá rụng bên đường  
tóc chia đường gió chia thương nhớ  
chia nỗi buồn cho ai vấn vương  
Tóc bím nghĩa là tóc mộng mơ  
Để ai thương nhớ để ai chờ  
Để ai ngơ ngẩn giờ tan học  
Em vẫn vô tình vẫn giả lơ*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Tóc bím nghĩa là tóc ngắn gọn  
Tình ta xanh biếc mộng ơ hồ  
Chiều xanh áo trắng mùa mây trắng  
Em ngọt ngào và em ngây thơ.”*

Có rất nhiều thi sĩ viết về Pleiku với tâm trạng của những người tham dự một cuộc chiến tranh mà ở đó sự sống chết nhục vinh gần cận nhau đến gần như không biên giới. Những người lính trước khi hành quân còn vui tươi chọc ghẹo nhau nhưng biết đâu chỉ trong giây phút đã thành những người đã rời xa cuộc sống. Hay, thành phố Pleiku này đầy kỷ niệm dễ thương cũng có lúc trở thành địa ngục mà ở đó những người dân và những người lính cuống cuống trong vòng lửa hun của tàn phá chiến tranh của những ngày tháng ba chẳng thể nào quên của cuộc di tản đẫm máu về phía duyên hải qua con đường số 7 la liệt xác người...

Chiến tranh lại rõ nét hơn với nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp. Bài “Pleiku, tháng ba 1975”. Ba mươi năm trôi qua, nhưng ngày tháng đó vẫn còn sinh động. Thơ, không ghi chép lại nhật ký ngày tháng mà sao đây dấu viết của một quãng đời. Ngày ấy, lửa cháy đỏ. Ngày ấy, là ngày thành phố cao nguyên quận mình rồi gục ngã.

Người thi sĩ kể chuyện một mình. Đâu cần ai hiểu, chỉ để nỗi niềm loang vào sương đêm thành nỗi nhớ mịt mù.

*“cầm bút viết, tháng ba rực cháy  
hàng dầu cao trong bình minh  
cơn sốt của trái chín và cánh đồng  
trận gió hung trưa ngày ấy  
cầm bút viết, đời hoa quỳ vàng  
tháng ba xuống khu rừng. Bóng quạ  
rung những nhánh cây màu tàn lửa  
tiếng thét hư không. Chiều rượt qua ngàn...”*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Tháng 3 năm 1975, có phải là thời điểm mà cao nguyên di tản và là một nỗi kinh hoàng còn ám ảnh mãi đến bây giờ. Nhà thơ hình như đã mang cả tâm tình của một người yêu Peiku vào thơ qua những hình ảnh thật là đặc biệt.

Những hình ảnh đan vào nhau với những liên tưởng tiếp nối. Ảnh tượng có khi như không liên quan nhau, chỉ là những nét phác sơ lược nhưng lại làm nổi bật được một không gian đầy biến động. Đồi hoa quỳ vàng, khu rừng, bóng quạ, nhánh cây màu tàn lửa, tất cả như chìm đắm trong nỗi bàng hoàng của thế thời. Con bão lửa dậy lên từ hoang vu:

*“tháng ba, chân trời chớp tia  
Những chuyến xe lên đường, cơn mưa chợt đến  
Rào qua mái nhà, bàng hoàng. Mưa ngưng bật  
Đêm. Những căn nhà gỗ sáng đèn.  
Tháng ba. Trên đồi vòng nở  
Tôi trở về thị trấn tháng ba  
Những sợi dây trời cắt đau trí nhớ  
Cườn tay em nhỏ máu hè xưa...”*

Thơ như của lời chia biệt, như người đánh mất tất cả. Pleiku cũng như cả nước phải khoác khăn tang. Nhà Thơ Nguyễn Xuân Thiệp như đã viết lời trần trối của một thành phố miền cao đầy lãng mạn dễ thương. Xa rồi những ngày thơ mộng. Gần lắm rồi những nỗi kinh hoàng. Cái linh cảm của một cuộc địa chấn là cái linh cảm chung của những người như những con chuột đang cuống cuống trong rọ. Thị trấn sẽ thành biển lửa, nay mai. Sẽ đầy những cuộc chia ly đầy nước mắt. Thảm họa xụp xuống, như cơn hồng thủy đến.

“  
*... vò nát chiếc khăn và đừng khóc  
chiều nay. Chớp bể mưa nguồn  
chia tay nhau. Sương phụ*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*người đi râu bám bụi đường  
tháng ba. Em. Những căn nhà gỗ  
ánh đèn khuya. Vết máu hè xưa  
đừng tiếc chiếc khăn tay ngày ấy  
sẽ bay trong lửa hoàng hôn  
tháng ba. Con giông rền mặt đất.”*

Đọc xong hai bài thơ, tôi như người hụt hơi. Đời sống, như một hơi khói nhẹ, loãng bay vào hư không. Tự nhiên, thấy lòng mình chùng xuống những kỷ niệm. Những bài thơ. Thuở đã xa. Ngày còn trẻ. Và hoa quỳ vàng, cái màu vàng loang sắc nắng của buổi nào, bây giờ có còn vương trên núi đồi không? Cái sắc màu hỏa hoàng trong những buổi chiều nhạt nắng ấy sao nhưc nhói ký ức...

Lại chiến tranh, và lại chiến tranh. Nhiều tác giả viết về Pleiku khói lửa với tâm cảm của người trong cuộc, của những người đã đổ mồ hôi và đổ máu cho đất tây nguyên. Có một nhà thơ đã viết những câu thơ đề đời như:

*“Chư Pao ai oán hờn trong gió  
Mỗi một khăn tang một tấc đường”.*

Chư pao là một đỉnh núi không chế con đường tiếp vận quốc lộ 14 từ Pleiku đi Kontum và chính nơi đây cả ngàn tử sĩ của hai bên đã nằm xuống trong những trận chiến ác liệt thời mùa hè đỏ lửa. Người thi sĩ ấy là Lâm Hảo Dũng, một pháo thủ đã có một thời gian chiến đấu ở tây nguyên. Ông làm thơ về tuổi thanh xuân chiến tranh của mình với những địa danh mà ông không thể nào quên trong trí nhớ...

Trong những tập thơ của Lâm Hảo Dũng có nhiều bài thơ ông đã viết về vùng tây nguyên như ”Ngày về Ban Het”, ”Miền Ba Biên giới”, ”Ba năm làm lính về Dakto”... Có một bài thơ mà tôi thích là bài “Chiều Hàm Rồng”. Hàm Rồng là một ngọn núi

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

mà bất cứ ai đã sống ở Pleiku đều biết vì cái hình dạng độc đáo gợi cảm nhớ đến hình dạng của người thiếu nữ. Nhất là các chàng phi công, khi bay từ phía Ban mê Thuật về Pleiku mà nhìn thấy núi Hàm Rồng thì biết là đã gần đến phi trường Cù Hanh rồi. Cái hình dạng giống cái mu rùa ấy sao gợi hình lạ.

Lại những buổi chiều. Hình như cái thời khắc của cuối ngày ấy thường gợi trong lòng những người lính xa nhà những cảm giác băng khuâng khó quên. Bài thơ ấy chỉ có 3 đoạn mười hai câu:

*”con đường ấy vẫn hoen màu bụi đỏ  
Gió lơ thơ nghe nắng mới ngập ngừng  
Anh sống thở trong tâm hồn trai trẻ  
Nghe nỗi buồn đâu đó đến băng khuâng  
Hoa cúc dại thắm trên đường xa vắng  
Và quê hương tha thướt lá xanh trà  
Em có thả những chòm mây nhưng nhớ  
Cho rừng hoang im lặng tiếng chim ca  
Đời viễn khách mơ hồ không biết được  
Bước chân vang rộn rã buổi quay về  
Em mắt biếc hồn nhiên bên cánh cửa  
Gửi hương nồng quay quắt bóng người đi.”*

Thơ Lâm Hảo Dũng đầy cảm khái. Nhưng hình như ở bên trong người lính vẫn còn hình bóng của cậu học trò mắt biếc với môi tươi...

Thơ ông lãng mạn nhưng vẫn lạc quan:

*”nên ta cố sống dù tâm điếc  
Dù có xuôi tay mắt có mù  
Để thấy em ngày vui áo biếc  
Để ta buồn suốt một đời thu  
Lắm khi gái thượng mà duyên dáng*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Đi tắm hò reo đêm sáng trăng  
Ta muốn buông mình con thú dữ  
Bắt đầu trong suốt kiếp cô đơn  
Có không ngày của thanh bình đến  
Ta nhớ vườn xưa nhớ mẹ già  
Còn hái mồng toi ngoài đậu cũ  
Lệ buồn năm tháng có phôi pha?"*

Các nhà thơ Không quân ở Pleiku cũng có nhiều bài thơ độc đáo. Nói về thơ từ Pleiku mà không có những bài thơ này là một điều thiếu sót lớn theo cảm nhận của nhiều người. Nếu gọi tên những thi sĩ KQ thì không thể nhắc đến những tên tuổi như Lê Bá Định, như Hoàng Khai Nhan, như Lê Văn Trước, Võ Ý.

Ông Võ Ý là một phi công, phi đoàn trưởng phi đoàn quan sát 118 Bắc Đẩu. Ông cũng là người đã tình nguyện lên phố núi "nhận nơi này làm quê hương đầu cho khó thương" và làm thơ với cả tấm lòng của mình, một người bay ở trên cao để thấy thiên nhiên tươi đẹp biết bao, để thấy cuộc sống vẫn còn nét mơ mộng hào hoa và với ông những nơi chốn những địa danh của phố núi như ngập tràn nỗi nhớ...

Thơ của những người lướt gió đê mây có lúc lãng mạn hào hùng nhưng cũng có lúc thiết tha nhẹ nhàng của những tháng ngày đầy kỷ niệm như bài thơ "Xưa Trên Đó"

*"Xưa trên đó sương nhòa hơi thở đượm  
đốc cũng vừa ta bước xuống cô đơn  
mê cho lắm cho tay dài với mộng  
mặt trời lên chiếu rạng tới ưu phiền  
mưa thì sinh bụi mù thay nắng gió  
gặp là vui cam khổ cũng cam đành  
vui cho quên đau bằng xưa trên đó  
áo bay bay mờ ảo dấu Phượng Hoàng  
quên được thì quên nhớ ai thì nhớ*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*quên cho rồi quên gọi quốc từ đây  
nhớ đâu đâu lạ lòng trắng đêm đó  
tượng đá thần linh sao ta tỉnh say.  
Một đạo bay qua nhìn qua trên đó  
Đồi như vương cây như vấn chân nàng  
Phố cũng xưa và tim thì đau nhói  
Quạt nồng đâu qua đó để cơ hàn...”*

Có người đọc câu “áo ai bay mờ ảo dẫu Phụng Hoàng“ tưởng là chàng phi công nghĩ đến cánh chim thần truyền kỳ nào đó. Nhưng thực tế thì không phải. Phụng Hoàng chỉ là một khiên vũ trường của Pleiku mà các tay chơi mặc quần áo lính “đốt tiền mua vôi một ngày vui”...

Với tôi thì một phần đời sống của mình ở đó mà không làm thơ cho được. Ngày lên Pleiku, có một bài thơ tôi đã làm như tiên đoán được cái không gian của biên tái, của những câu thơ như Lương Châu Từ của Vương Hạp thời Thịnh Đường xa xưa. Pleiku có khác nào Lương Châu, cũng là quan ải để trấn giữ biên cương. Ngày xưa thì ngăn giặc Hồ, giặc Mông. Ngày nay, thì canh chừng ba biên giới, với những trận đánh ác liệt mùa khô hàng năm tiếp diễn... Bài thơ ấy, làm vào một đêm trước khi sáng mai lên trực thăng vào phố núi:

*“Ừ mai tao lên Pleiku  
đêm cảm hơi đá ngày mù núi xanh  
uống say quên mộng quán quanh  
về nơi gió cát cũng đành cuộc chơi  
Ừ mai cánh võ ngang trời  
ngóng thiên thu một cõi đời tịnh yên  
máu xương mãi chuyện ru phiền  
còn đâu tiếng gọi cho em miệt mài  
Ừ mai súng khoác lên vai  
Ngấn ngọc phố núi những ngày đao binh  
Chắc đâu rượu uống một mình*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Trong thân phiêu bạc nhục vinh nửa vời  
Ừ mai thương bóng trắng trôi  
Chìm quên vẫy mới cuối trời chiến tranh  
Uống đi mai hát quân hành  
Nghe trong hơi bốc long lạnh mắt người...”*

Tuổi trẻ, ngây thơ và bốc đồng. Tưởng rằng, mình như một hiệp sĩ thời xưa đi vào nơi gió cát. Thơ cũng nghênh ngang kiêu “túy ngọc sa trường quân mạc tiểu, cở lai chinh chiến kỹ nhân hồi”. Tuổi trẻ, ơi những giấc mơ của ngày chân không chắm đất cật chẳng đến giờ. Có phải là giấc mơ chung của những người lính trẻ chúng tôi...

Trích thơ:

**Kon Tum, bài thơ cũ**

December13

*Lưng rượu để đủ soi hồng khuôn mặt  
Chiều đã rơi từ ngọn lá cuối đời  
Nghiêng cánh võng bồng nghe trời rất chặt  
Đất trái dài muôn dặm thuở rong chơi*

*Bạn cây súng đi vào đời chém giết  
Gót giày sô lâm lũi chốn không vui  
Đã bao lần chào bạn bè vĩnh biệt  
Đời đao binh ngăn ngủi thế mà thôi*

*Thừa mơ mộng lúc đập vùi nắng gió  
Chuyện riêng tư vụn vặt đủ vài câu  
Vào lửa khói trái tim mình rạn vỡ  
Thế xuân thu tuồng diễn đã từ lâu*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Vài ngum đấng kệ trời quay đất chuyển  
Súng cầm tay chờ giặc cứ lai rai  
Cánh hoa đại nhắc muôn vãn kỉ niệm  
Sao cay nồng chưa đủ ấm ngày mai

Giặc cứ pháo sá gì cơn bão giạt  
Nón sắt che cho đỡ lạnh mái đầu  
Đêm nén thấp ánh hỏa châu hiu hắt  
Sinh nhật ai máu đỏ giữa canh thâu

Đường trường núi hai mươi năm chắt ngắt  
Tuổi lang thang vào xương máu bàng hoàng  
Mai về phố với hồn chai lạnh ngắt  
Mua tình vui dòn trống chuổi mênh mang

Khúc chinh chiến đã từ lâu quên hát  
Vàng trắng treo mầu úa hướng mong chờ  
Mai xuống núi tiếp một ngày phiêu bạt  
Tìm lại mình đánh thức một cơn mơ.

**Thơ viết ở Cù Hanh**

December 1

Túi quân trang nhẹ bờ vai  
Vào đời gai lửa ngày mai chập chùng  
Không gian cánh rộng vô cùng  
Ta ơi chim nhỏ vẫy vùng nẻo đi

Tóc đôi mươi mượt xuân thì  
Nhìn mây núi ngỡ thăm thì điệu ru  
Ở đây mưa nắng mịt mù  
Giọt rơi rơi những lá thu bàng hoàng

HUỖNH Ỉ TÔNG

Bụi mù áo trận ố vàng  
Vài con đường dốc lang thang nửa vờ  
Ở đây lạnh buốt đêm vơi  
Khuôn mênh mông cửa chổ ngổi ướt sương

Chập chờn hơi ủ chiếu giương  
Hỏa châu thức một muôn phương sa trường  
Ở đây heo hút biên cương  
Súng vang dội những ngổ đường xông pha

Chợt thương nhớ chút quê nhà  
Phổ hoang sơ đóng gàn xa nổi niềm  
Ở đây đông dặc gọi tên  
Vào hàng quân đến một miền lửa binh

Núi xanh vẫn đợi bình minh  
Mắt trong vẫn ngóng yên bình quê hương.

**Niệm khúc súng gươm**

November12

Nốc cạn cho say đời biệt xứ  
Mềm môi chưa sạch nỗi rêu rong  
Máu lửa trôi dài cơn mộng dĩ  
Mịt mờ nhân ảnh bạc lòng không

Đếm tuổi nhọc nhằn thêm tóc bạc  
Đếm tiền chưa đủ một cuộc say  
Lỡ đường đau tủi vài câu hát  
Én lạc ghềnh khơi mây trắng bay

Ở đâu, tuổi trẻ đường thắp thoáng  
Bom đạn rền vang vẫn ngất cười



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Tiền nhau sông nước còn vô hạn  
Xuôi ngược bênh bồng chuyện diễu chơi*

*Buổi tối dưng quân trời mưa lũ  
Gặp nhau men rượu cứ lung lung  
Tâm sự nói hoài sao chẳng đủ  
Lấp trống chia xa thuở bão bùng*

*Thây kệ, đến đi ngày vô định  
Buồn tênh anh dưng với anh hùng  
Cát bụi ố hoen màu áo lính  
Mồ hôi pha máu chọt rưng rưng*

*Ngoài kia thấp đuốc ngọn hỏa châu  
Trò chơi phiến muôn của đêm thâu  
Có tiếng gió gào trong sương quanh  
Tưởng hàng mộ chí giữa ngàn lau*

*Uống nữa, đổ lòm đôi mắt đục  
Vài gân máu nổi chuyện xé trời  
Lửa đạn có ai làm di chúc  
Thành đom đóm lượn nẻo mù khơi*

*Miệng vẫn mỉm cười, sao muốn khóc  
Thấy lòng chùng xuống tiếng đàn rung  
Thơ cổ ngâm nga trầm giọng đọc  
Ta dẫn ta đi trốn lạnh lùng.*

Trong bài viết: Nguyễn Mạnh Trinh, nhà văn Nguyễn Đình Toàn đã viết:

Cơ sở Báo Chí & Xuất Bản Người Việt vừa cho ấn hành tập Tạp Ghi Văn Nghệ của Nguyễn Mạnh Trinh, dày trên 600 trang. Sách trình bày trang nhã nhưng “co” chữ hơi nhỏ đối với những người cao tuổi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Như cái nhan của cuốn sách, Nguyễn Mạnh Trinh viết về gần 70 tác giả, cả trong và ngoài nước, các nhà văn, nhà thơ và cả nhạc sĩ, những cảm nghĩ của mình khi đọc/nghe các tác giả ấy, đôi khi chỉ là những xúc động bất chợt của tâm hồn đầy ứ văn chương, kỷ niệm của ông, tuôn tràn thành chữ.

Cũng phải nói thêm cho rõ ở đây, mặc dầu Nguyễn Mạnh Trinh đã xác nhận rằng mình “tuyệt đối không có ý định phê bình”, chỉ là người “đứng bên bờ biển văn chương ngắm nhìn thưởng thức từ góc cạnh riêng”, nhưng cái phần “phê” và “bình” vẫn chiếm một phần không nhỏ đối với hầu hết các tác giả ông đề cập đến trong cuốn sách.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Mạnh Trinh Web: [thica.net](http://thica.net)
- *Pleiku, thơ và thi nhân* Web: [phonuipleiku.org](http://phonuipleiku.org)

#### 4. Nguyễn Vy Khanh



**Nguyễn Vy Khanh (1951-20 )**

Nhà phê bình Nguyễn Vy Khanh sinh ngày 5 tháng 3 năm 1951 tại Quảng Bình.

Vào Nam năm 1954.

Năm 1973, tốt nghiệp cử nhân giáo khoa Triết Tây tại đại học Văn khoa Sài Gòn.

Năm 1974, tốt nghiệp thủ khoa Việt Hán tại Đại học Sư Phạm Sài Gòn. Ra trường, Nguyễn Vy Khanh được phân bổ dạy tại Trường Trung học Đệ nhị cấp tại quận Vĩnh Xuyên, Nha Trang

Năm 1975, bảo vệ thành công Cao học Triết Tây với luận án *Đạo Đức Trong Văn Học Việt Nam Hiện Đại* tại Đại học Văn khoa Sài Gòn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ở Việt Nam đã từng viết bài đăng trên các báo hay tạp chí *Thăng Tiến, Tiếng Chuông, Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc, ...*

Nguyễn Vy Khanh di tản trước một đêm ngày 30-4-1975, đến định cư tại Montréal Canada, ngày 15-5-1975 được nhận học Cao học Quản trị Thư viện (Library Science)

Năm 1978, tốt nghiệp Cao học Quản trị Thư viện tại Đại học Montréal, Canada.

Ở hải ngoại, từ năm 1985 đến 1995 cộng tác với các tạp chí: *Tân Văn, Văn Nghệ Tiền Phong, Quang Phục, Người Việt, Quốc Gia, Nhân Quyền Droits de l'Homme, Florida Việt Báo, Đất Lạnh, Liên Hội, Hành Trình, Focus Việt Nam, Gia Vàng, Diễn Đàn Hải Ngoại, Đông Phương Thời Báo, Văn, Làng Văn, Trăm Con, Năng Mới, ...*

Từ năm 1994 đến 1997, là thành viên sáng lập và là Tổng thư ký Trung tâm Việt Nam học và tạp chí *Vietnamologica* tại Montréal.

Sau 1996, đã cộng tác với các tạp chí: *Đi Tới, Dân Chủ Mới, Phương Đông, Thống Nhất, Ngày Nay (TX), Định Hướng, Quê Hương, Văn Tuyển, Sóng Văn, Văn, Hợp Lưu, Văn Học, Saigon Times, Văn Hóa Việt Nam, Vietnamologica, Văn Phong, Kinh Doanh, Chủ Đề, Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng, Quảng Đà LA, Quốc Gia, Nhà Magazine, Nguồn, Đồng Nai Cửu Long, Dòng Việt, Nhánh Nhỏ (Internet), Miệt Vườn (Internet), Hồn Quê (Internet), và nội san các trường Petrus Ký, Võ Trường Toản, Nguyễn Đình Chiểu, v.v.*

Hiện sống và làm việc ở Montréal và Quebec City, Canada.

Tác phẩm:

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Khung cửa sổ* (thơ, Sài Gòn, 1972)
- *Lỗ Tấn và Truyện xưa viết lại* (biên khảo và dịch, Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1997)
- *Bốn mươi năm văn học chiến tranh 1957-1997* (biên khảo, Đại Nam, Hoa Kỳ, 1997)
- *Văn học và thời gian* (biên khảo, Văn nghệ, Hoa Kỳ, 2000)
- *Văn học Việt Nam thế kỷ XX: Một số hiện tượng và thể loại* (biên khảo, Đại Nam, Hoa Kỳ, 2004)

Trích văn:

### Tản mạn về dục - tính và nữ quyền

Người xưa như tác giả Truyện Kiều, viết về chuyện tình dục là với điển tích (*Ra tuồng trên Bộc trong dâu; Vòng ngoài bảy chữ vành trong tám nghề*), hay dùng nghĩa bóng (Tiếc thay! Một đóa trà mi / Con ong đã mở đường đi lối về). Dục tính không thật có với văn chương cổ điển vì những tính cách ước lệ, trí thức và hình thức. Không có sáng tạo, cá tính, do đó không cần cả tác giả, phải chăng đó là một lý do của hiện tượng *vô danh* của tác phẩm thời xưa?

Dục tính khác thô tục, tục tĩu, như áo mỏng dính với trần truồng, dâm thư dĩ nhiên không phải là tác phẩm văn chương. Henry Miller mà tác phẩm từng bị cấm ở quê hương của ông, trong *Obscenity and the Law of Reflection* đã xem dâm tục (obscenity) xuất hiện trong văn chương như một kỹ thuật, không liên hệ gì đến dâm thư (pornography). Dục tính như một giá trị chỉ nhằm đánh thức, khêu dậy, dẫn nhập, đem ý nghĩa đến cho thực tại cuộc sống. Đối với Việt Nam, dục tính chỉ thực sự xuất hiện trong văn học ở thế kỷ XX, bước đầu bởi nam giới và dục tính luôn chỉ có ý nghĩa trong một văn hóa, trong một xã hội. Dâm tính trở thành yếu tố tiêu thuyết, gia vị hấp dẫn cho tác phẩm. Thời Nhất Linh, dâm tính chỉ chớm

## HUYỀN ÁI TÔNG

thoáng qua, như trong truyện ngắn Tháng Ngày Qua, nhân vật Giao trọ học nhà bạn, đã dám ... để ý đến vợ bạn, "bốn mắt gặp nhau (...) cặp môi nâng mấp máy, dưới tấm áo mỏng, ngực nâng phập phồng, hai con mắt nhìn đăm đăm vào chàng có vẻ lẳng lơ, nồng nàn như đắm tình..." (1).

Các tác giả thời này kể chuyện tình yêu, nhưng ít người đi vào chi tiết làm tình hay tả chân thân thể người nam hay nữ. Vũ Trọng Phụng, Trọng Lang,... từng bị kết án là khiêu dâm, thực ra họ chỉ có ý trình bày bộ mặt khác, trái, của xã hội, nêu lên những tệ hại, có ý giáo dục, hướng thượng. Phùng Nguyễn trong Bia Ôm (2) tả "đôi vú nhỏ mềm nhũn và âm hộ nhàu nát" hình như cũng không có mục đích viết dâm thư! Trước 1975, Lê Xuyên đã bị tố viết văn khiêu dâm, trong thực tế tiêu thuyết của ông chỉ tả cảnh tả tình những hẹn hò, những ăn chơi trác tráo dài dòng nhưng không mấy tả chi tiết cảnh làm tình; kể lên án chỉ chứng tỏ đạo đức giả hoặc chưa từng đọc qua.

Tạp chí *Sáng-Tạo* vào thập niên 1960 ở miền Nam, đã đăng nhiều truyện đầy dục tính của các tác giả về sau không đi tiếp nghiệp văn, như Duy Thanh (Khép Cửa, Thăng Khởi, Chiếc Lá,...), Thạch Chương (Tinh Cầu,..). Giải phóng tình dục "hôm nay" là một trong những chủ trương văn nghệ của nhóm. Thạch Chương tức nhạc sĩ Cung Tiến sau này lúc bấy giờ viết truyện ngắn "hiện sinh" và là lý thuyết gia cho khai phá này, trong bài "Giới thiệu một nhận thức siêu thực về nghệ thuật" đã viết : "... Chúng tôi muốn quay lại vũ trụ hoang sơ dục tình nguyên vẹn mà tâm hồn mỗi kẻ còn trinh như sữa. Nhưng là cái tình khiết đáng sợ của con bò rừng. Nghệ thuật hôm nay là sự biểu lộ một "furie du total", một tiếng gọi quay trở về rừng sâu thẳm mà ở đó còn văng lên những tiếng cười điên mê, những tiếng la cuồng đại vọng về từ trăm thế kỷ của bản năng thuần túy. (...). Nghệ thuật hôm nay còn được biểu tỏ mãnh liệt trong tình yêu ngọt ngào của xác thịt, hay "tình điên". Dục tình, như có người đã nói trên mặt báo này, là động lực độc nhất của thế giới.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Đọc .. phần lớn những tác phẩm của D.H. Lawrence, ai mà không cảm thấy vật dục mình xao xuyến, một thứ xao xuyến rất nghệ thuật, rất siêu thực, rất trắng, rất tinh khôi...". Lý do ông đưa ra vì sống trong một thời đại "sống trong cái thế trên đe dưới búa, một bên là tự do tuyệt đối cá nhân, một bên là áp bức chính đáng..." (3).*

Trong truyện Thăng Khởi, Duy Thanh để cho nhân vật xưng Tôi, một cô gái 16 tuổi, muốn ngủ và rồi ra tay "hiếp dâm" một thằng gánh nước người Chàm: "Tôi đã để ý đến nó năm tôi 16 tuổi. Cái vẻ đẹp man rợ ngu xuẩn ấy mang cho tôi nhiều ý nghĩ dâm dục. Tôi chắc rằng thằng Khởi chưa hề ngủ với ai bao giờ (...) Thằng Khởi vẫn ngủ trong lều. Đôi môi dày của thằng Khởi mấp máy và vị nước bọt của nó sền sệt nhạt nhẽo. Tôi lay nó dậy. Thằng Khởi chồm lên chắc định la làng nhưng tôi bít miệng nó lại. Mắt nó mở to có vẻ ngạc nhiên lắm, nhưng cũng ngồi im. Rồi đưa tay quờ vào người tôi. Hơi thở của nó và của tôi hùng hục trong đêm tối..." (*Sáng Tạo*, 21). Cũng Duy Thanh trong truyện Chiếc Lá để nhân vật là cô gái 18 tuổi "thích thay đổi, từ vấn đề ái tình, sinh lý, không khí, đồ ăn,..." và không thích cái gì quen hoặc vô nết cả. Khi còn là cô bé 15 tuổi, cô ta đã ngủ với anh rể vừa để trả thù chị mình vừa tìm cảm giác: "Tôi muốn đo cái độ dục của hấn khi hấn ngủ với chị ấy thế nào. Cũng lạ, cái cảm xúc ấy lúc đề phòng trước thì thấy tầm thường hết sức. Tôi thấy cái hình thù sát cạnh mình đến vô nghĩa..." (4).

Nhưng người tả cảnh thật sự dục tính đầu tiên có thể là Lê Hoàng Mưu, chủ bút *Lục Tinh Tân-văn*, tác giả *Hà Hương Phong Nguyệt* (1915), *Oán Hồng Quân* (tức Phùng Kim Huê Ngoại Sử, 1920), nhất là với *Người Bán Ngọc* (1930-31), dù vẫn còn ảnh hưởng biền ngẫu và câu chuyện xảy ra ở Trung

## HUYỀN ÁI TÔNG

Hoa nhưng nhân vật và khung cảnh rất Việt Nam. Một câu chuyện tình cổ điển gần 400 trang, nhưng suy nghĩ, ngôn ngữ và hành cử của nhân vật cũng như cách diễn tả tiểu thuyết có tính thật của đời sống lúc bấy giờ. Người bán ngọc đây là Tô Thương Hậu giả phụ nữ bán ngọc để gần gũi và trở thành tình nhân của Hồ phu nhân "trừng mờ" trong hai năm chông đi buôn xa, trước là đồng tình luyến ái, sau trai gái thật khi Thương Hậu không cảm lòng được đã để lộ cái "oan gia".

*"Vén mừng rồi vừa gạt chun để lên giường, xẩy thấy một tòa thiên nhiên, lịch sự như tiên giáng thế, làm cho người bán ngọc mảng mê nhan sắc trở mắt đứng nhìn, quên bốn phận mình, mưu sự tề tình, bất cần, ... Thấy Hồ phu nhân mê mẩn giắc nòng sỏ đầu, nằm bỏ tóc, xấp xả khó gìn choặng. Bèn sẽ lên lấy mền đắp bụng cho Hồ phu nhân; rồi lại muốn đưa tay sờ rẫm vuốt ve cho thỏa. Không dè, mới thò tay vừa tới bụng sợ pháp phòng nó làm cho tác dạ bồi hồi, tay rung lập cập. Người bán ngọc không dám sờ! Lật đặt thực tay vào rồi xây mặt ngó quanh quẩn bên mình, ... Vuốt qua vuốt lại, sờ xuống sờ lên đôi ba phen mà Hồ phu nhân mê mẩn không hay, người bán ngọc thấy vậy mới dẽ người, ái tình lại dồi long tà dục... muốn kê má hôn cho phi dạ. Có một điều là sờ rẫm vuốt ve thì không sao, chớ hễ muốn kê má xuống hun, thì lại hườn cự lệ, trống ngực đánh rầm rầm, chân tay run lấy bấy... đồ mờ hôi ướt đầm như người bị cảm mạo phong sương... dục thúc quá dần long không tiện, người bán ngọc bèn gượng đưa tay ra sờ cái ngọc cốt phi phạm ... Rờ tới đâu chết điếng tới đó,..." (5).*

\*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Văn chương dục tính có khuynh hướng đi với nữ quyền. Hồ Xuân Hương - giả dụ có một Hồ Xuân Hương thật, tác giả những bài thơ Nôm tục lưỡng nghĩa, bà đã phải gò bó trong lối thơ hai nghĩa thời bấy giờ, đề nói lên những dồn nén và những đòi hỏi nữ quyền, "chém cha cái kiếp lấy chồng chung". Ở Việt Nam, cho đến giữa thập niên 1960, tác phẩm của các nhà văn nữ đã là những đóng góp làm đẹp cho đời, cho thế giới văn chương dù với tính cách bên lề, ngoại lệ. Thật vậy, đối với văn học chữ quốc ngữ thì năm 1927, bà Trương Phổ với Giọt Lệ Thu đã thật sự khởi đánh dấu sự có mặt của nữ giới trên văn đàn chữ nghĩa. Thụy An với *Một Linh Hồn* (1942), *Bốn Mớ Tóc* (1950, ký Lưu Thị Yến) nhìn ra cuộc đời, Anh Thơ với *Răng Đen* (1943) rồi Nguyễn Thị Vinh với *Thương Yêu* (1953) đã bắt đầu nói đến thân phận người đàn bà trong đời sống đại gia đình, trong khuôn khổ phong hóa - họ không sống cho cá nhân mình. Thụy An, Nguyễn Thị Vinh nói đến số phận những thế hệ phụ nữ đã phải sống trong đứt đoạn, nghịch lý khó khăn giữa giáo dục thời thiếu nữ và thực tế ở đời khi trở thành phụ nữ ! Linh Bảo với *Những Đêm Mưa, Tàu Ngựa Cũ* xuất bản cùng năm 1961, đã nhẹ nhàng khởi nêu vai trò người phụ nữ. Đến Nhã Ca, người nữ tình yêu đã lãng mạn và mạnh mẽ nhưng chiến tranh và trách nhiệm đã khiến đôi lứa và gia đình quan trọng hơn cá nhân. Nói như Virginia Woolf, họ vẫn quanh quẩn trong "*những hành lang tối ám của lịch sử*". Người đàn bà sinh ra sống cho gia đình, lo cho cha mẹ, cho em, rồi khi rời gia đình thì rơi vào gia đình khác, lo cho chồng, cho con rồi cho cháu, ăn ở có đức, rồi chết ... theo đúng lễ nghi, phong tục! Người phụ nữ cho đến giai đoạn này chỉ đi tìm hạnh phúc!

Phải đến Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy-Vũ và Trùng Dương, văn chương mới trở thành phương tiện cho

## HUỶNH ÁI TÔNG

nữ quyền và quyền sống. Thật vậy, từ cuối thập niên 1960, người viết nữ đã mạnh bạo đi xa hơn, tự tin hơn và những vấn đề phụ nữ được chính thức trưng lên chữ nghĩa. Cái Tôi, nhân vật chính, nội dung, tình cảm, tình yêu, tình dục, ... không còn là của riêng những nhà văn thơ phái nam. Hơn là những "hình ảnh người nữ" trong tác phẩm viết bởi nhà văn nữ hay nam, từ Khái Hưng, Nhất Linh,.. đến Hồ Trường An, Nguyễn Thị Phong-Dinh, v.v.

Lê Thị Thắm Vân, một nhà văn hải ngoại đã phát biểu rằng: "Trong quá khứ, văn chương tình dục đa phần viết bởi ngòi bút đàn ông. Văn thơ kể, nói, chỉ, "dạy", diễn tả, ... những cảm xúc, "cách thức" rung động, thèm muốn, bày tỏ (thay cho) người đàn bà" (6). Văn chương dục tính hay có dâm tính lại do người nữ viết hình như hấp dẫn hơn vì cũng hình như có tính tự thuật nhiều hơn. Vì từ nay, người nữ làm chủ con người, tư duy, tình cảm và cuộc đời của họ trong văn chương. Làm người nữ, với văn chương! Simone de Beauvoir trong *Le Deuxième Sexe* (1949) đã phát động cái ý thức nữ quyền đó khi hô hào "On ne nait pas femme, on le devient". Trong văn chương, trong ngôn ngữ vì là cái có thực, có sự sống. Như vậy, viết trở thành hành động tự xác định của người phụ nữ, trở thành phát ngôn viên chính thức của con người phụ nữ, tiếng nói chính thức và từ tình dục.

Từ thuở tạo thiên lập địa, nếu theo truyền thuyết sáng thế từ Adam Eva thì Eva đã phạm tội ở vườn địa đàng, Adam đại gài nên bị cám dỗ; thân phận phụ nữ gầy đổ ở gốc cây táo từ đó. Đến lúc xảy ra phong trào đòi nữ quyền, người ta bắt đầu thấy phụ nữ lộ diện trên mọi sân khấu và đến cuối thế kỷ XX thì sân khấu gần như nhường hết cho các bà. Từ thập niên 1960, họ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

"lần" thêm chuyện cái giường và thân xác. Họ gạt bỏ vòng cương tỏa tình dục nam quyền để làm lại thế giới với hình ảnh và dục vọng phái tính của họ. Marguerite Duras đã cho nhân vật nữ chủ động trong tình yêu: *"Il a arraché la robe, il la jette, il a arraché le petit slip de coton blanc et il la porte ainsi nue jusqu'au lit. Et alors il se tourne de l'autre côté du lit et il pleure. Et elle, lente, patiente, elle le ramène vers elle et elle commence à le déshabiller"* (7). Không xa nơi cô đầm Sadec, thập niên 1960 đã có một thể hệ nhà văn nữ như Trùng Dương đã tỏ tình thần độc lập, dứt khoát tự giải thoát khỏi những ràng buộc của chế độ phụ hệ, cả trong động tác làm tình: "Một lúc nàng nói lỏng tay ra , thôi hôn tôi, mắt say đắm. Tôi nghe tiếng nàng nói qua hơi thở : Em lên anh nhé? Tôi khẽ gật đầu. Diệu xô tôi nằm xuống giường và lên người tôi. Diệu thường mở màn bằng cách đó. Hình như nàng tìm thấy cái thú nằm trên người tôi, một cái thú khá man dại và cũng chóng tàn"(8). Thử so với Loan của Đoạn Tuyệt chỉ muốn được đọc sách tiếp rồi ngủ sau đã phải đưa đến án mạng!

Hoặc các nhà văn nữ lên tiếng chống lại những thân phận từng thuộc, nhận chịu, chờ đợi. Họ vạch mặt những quyền lực đàn áp của định chế chính trị, của xã hội, của đồng lõa phái nam. Cái Tôi trước cái "anh, mày" tức người đối diện, trước cái Ta, cái chúng ta! Cái Moi của Simone de Beauvoir là cái Tôi xò xề, sung túc ! Từ đó tình yêu có thêm nhiều hình dung từ, ngoài những tình yêu lý tưởng, cao thượng, đau khổ, ... lỗi thời, nay thêm tình yêu bản năng, tình dục, tự do, đổi chác, khoái lạc, cả tình yêu phút chốc, bông bột, hiếm nghèo, ... Về điểm này, người viết nữ thời nay như muốn trở lại thời bán khai, tự nhiên, giải phóng tình dục khỏi những quy ước của hôn nhân, phong hóa. Đi xa hơn, không chỉ đòi bình quyền, còn tự chứng minh

## HUỶNH ÁI TÔNG

tự xác tín cái cá biệt "nữ", khác biệt về tình dục, về xúc cảm thân xác, về kinh nghiệm và cả ngôn ngữ. Họ làm chủ cơ thể, cảm xúc và tư duy. Trùng Dương trong *Mưa Không Ướt Đất* chẳng hạn cho nhân vật lý luận triết lý, truyện có tính cách lý luận hơn là sống nếu muốn gọi đó là hiện sinh. Xưa kia nhà văn nam viết, phân tích tâm lý mọi người thì nay các nhà văn nữ muốn phân tâm đàn ông và tự phân tâm! Một loại "văn hóa" mới, năng động và cách tân phá tĩn. Họ không ngừng ở thể loại nhật ký, thi ca, tiểu thuyết, mà đi xa hơn, làm chủ cơ quan văn nghệ, lên tiếng phỏng vấn, thuyết trình, ... Nhưng chính với văn chương, với tiểu thuyết và thi ca như phương tiện, mà người nữ lên tiếng, phát biểu, làm chứng.

Lệ Hằng thời trẻ xanh xoẹ đi tìm hạnh phúc, hạnh phúc là ái ân, da chạm da, nói như Phụng Uyên trong *Thung Lũng Tình Yêu* chỉ muốn "thiên đường chính là vòng tay, là mùi hương đàn ông, là hơi thở của chàng. Tôi không tìm nữa một cảnh bông lai, vì đôi môi người yêu, giọng nói người yêu, và đôi mắt chàng, là giòng sông tình ái, là rừng say sưa là suối bắt tử đời đời tắm mát tình yêu" (9). Sẽ đòi hỏi hơn với Sóc Nâu là chuyện tình yêu khả thể với một người bạn nam Dũng, kiểu "Em thèm được làm một người đàn bà. Dưới tay anh, dưới thân thể anh, và dưới tình yêu của anh nữa... Dũng ơi ... Hãy trở thành một người đàn ông với em đi" (10).

Với Túy Hồng trước 1975, nhân vật nữ luôn đầy sức sống vùng vẫy trong một xã hội tù túng, ngộp thở. Họ luôn muốn phá đổ những lễ nghi, cung cách, những nếp sống phụ hệ, gia phong theo họ đã lỗi thời. Dục tính, mà một số nhà văn nam phê bình bà trước 1975, đã bị gán ghép, đồng hóa với thái độ và lối sống tự do, theo bản năng giấu dưới những mỹ từ tình yêu, tình bạn.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Hãy còn bóng bẩy, rứt rề hiện thực, cùng lăm qua lời nói, ý nghĩ như nhân vật nữ trong *Vết Thương Dậy Thì* (1967): "Hãy ngậm em giữa hai môi dày trác táng, uống em đi, nuốt em đi ừng ực. Chỉ vẽ cho em cách chế cà phê và cách chui vào lòng anh để thao thức cồn cào tỉnh người bỏ ngủ vì đã liếm em trên đầu môi chót lưỡi, đã ngậm, đã nuốt ực em vào anh rồi"(11). Người nữ đi thẳng, nói thẳng : "nếu yêu em thì đừng đi quanh nữa (...). Anh hãy cho em đi con đường ngắn nhất, con đường độc đạo của tình yêu" nói như bạn cô giáo Cam Thảo, nhân vật *Thở Dài*, trong khi cô thì viết thư thúc người yêu cưới mình!

Trần Thị Ng.H. qua *Lạc Đạn* - viết năm 1973, và một số truyện ngắn đăng báo trước 1975 cũng đã, qua văn chương, tự xác nhận, ra tay để phá đổ huyền thoại phụ nữ như là đối tượng, xây dựng lại tương quan với người khác giống, đảm nhận tự do, một cách lạnh lùng, dứt khoát, dù vẫn cho thấy một loại bất mãn, dồn nén! Nơi thái độ, như hồi hận sau liên hệ đồng tính với Thắm, sau khi đã "ôm nhau như đôi tình thân. Thắm rà đôi môi nhỏ trong cổ tôi, đôi vú non căng nở phập phồng, hót hoảng. Tôi kinh hãi xúc động dầm dề. Tôi muốn la lớn trong cơn khoái cảm mộng mị và kì cục...". Như sau khi chấp nhận trò chơi "đau xé nổ tung đằm ìa. .. đỏ lòm oan uổng" với "người đàn ông lạ mặt", rồi phải "dễ dành chỗ mềm yếu nhất, đồ ngọt, sẵn sóc" đã xác tín - trong ý tưởng, với người mẹ âu lo rằng "con trinh bạch không tội lỗi, con nguyên vẹn của má" (12). Tình yêu, tình người ở đây, không là những bất ngờ! Trong các truyện ngắn khác ở tập này và tập *Tập Truyện Ngắn Trần Thị Ng.H.* (1999), bà còn nói đến những mặt trái, tội ác, cái chết tự xử, cái chết người khác, những cái chết dàn cảnh!

## HUYỀN ÁI TÔNG

Cách mạng tình dục tiếp tục với văn học hải ngoại : Đỗ Kh., Khánh Trường, Trần Vũ, Trần Sa, Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Hoàng Bắc,... Bài này chúng tôi nhìn qua phía các nhà văn nữ, họ lên tiếng về những âu lo, tâm tình mà lâu nay nhất là ở Việt Nam ít thấy. Những âu lo của Đoàn Thị Diễm, Bà Huyện Thanh Quan thanh cao quá, trù tượng quá, Hồ Xuân Hương nếu là tác giả thật những bài thơ về tính giống và tác động phòng the, cũng vẫn ở ẩn dụ, bóng gió, không trực tiếp, trốn trong cách thể nho nhã! Nhà văn nữ Việt Nam ở hải ngoại nói thẳng những lo âu thực tế, sờ được, cảm được, không cần nhiều ngõ quanh, đi vòng. Sinh lý hết được xem như cảm đoán, lại được xem như đòi hỏi chính đáng, tình dục trở thành nhu cầu tự nhiên, phải có, không thiên kiến và mặc cảm phạm tội, cả có khi ngây thơ trong tìm kiếm. Tự nhiên và chấp nhận trò chơi trăm phần trăm, với tấm thân sẵn đó, như đó!

Nói chung, phụ nữ chống văn minh, văn hóa dựa trên quyền hành đàn ông, phụ quyền, chống Tây phương kỹ nghệ định nghĩa đàn ông ở khả năng sáng tạo và chế biến sự vật. Phụ nữ chống văn chương như một nền chế, họ thích mặt trận "ngôn ngữ" hơn, thích phổ dương liên hệ trực tiếp với chữ viết cũng như với thân xác. Phụ nữ Mỹ châu đòi quyền lợi, họ dán thân, xuống đường, lập nghiệp đoàn,... ít cho người đọc thấy dây dưa tình cảm. Ngôn ngữ không quan trọng, cái quan trọng là chống đàn áp, đô hộ của đàn ông . Trong khi đó ở Pháp và Âu châu, ngôn ngữ được đặt lại vị trí, thẩm mỹ học, một loại phản văn hóa đặt nền trên sự đè nén. Người viết nữ xây lại nội dung, cấu trúc lại những ngõ thoát, lối ra của ngôn ngữ. Sướng khoái thể chất đi với sướng khoái lời nói, chữ dùng. Thêm vào, những khuynh hướng mới về tiểu thuyết như hậu thuộc địa (postcolonial) là một loại diễn văn muốn thay thế những quan

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

điểm đã được thiết lập trước về lệ thuộc và vâng lời bằng quan điểm hoàn toàn ngược lại, đề cao tự lập cá nhân và tự chủ. Xây dựng lại nội dung bằng đường thoát ngôn ngữ. Lạc thú thân xác đi liền với lạc thú ngôn ngữ, đến sau lạc thú ngôn ngữ. Người nam đi vào văn để tìm hoặc nếu đã thấy, trình bày lý thuyết, triết lý hay một "nghịệp", người nữ thì đến để thực hiện cái tôi, xác định cái tôi, cá nhân. Và họ đi vào tình dục. Sex được dịch là *hữu-tính* (tự điển Thanh Nghị), làm như không sex là số không to tướng! Đưa đến những cuộc sống ...ngoại lệ: đàn bà không sanh con, đồng tính luyến ái, lãnh cảm (Jane Austen, chị em Emily và Charlotte Bronte, Simone de Beauvoir, George Eliot, ...). Sống đời thể tục, tận hưởng phút giây, lãng mạn tình yêu đến tự do tình dục!

Người nữ sống đời hải ngoại hội nhập, choáng ngợp giữa những lạ-lẫm (exotic), đầy ắp và choáng ngợp trước tự do ở xứ người, tự do tuyệt đối và cá nhân chủ nghĩa, từ vật chất, thân xác, tình cảm,.. Có thể họ muốn giả vờ, trường giả, nhưng lại không giữ lễ, thích tự do ngoại tình,.. Có người đi đến thái độ hải hước đen, ngầm nữ quyền. Người nữ những thập niên cuối thế kỷ XX choáng ngợp tự do, tình dục, đi xa hơn cô giáo Hoàng. Cái giường hết còn là ám ảnh chính như với Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng (từng viết "cái giường là đồ vật tội lỗi nhất trong những đồ vật" trong *Vết Thương Dậy Thì*),... Sau chiến tranh, nhân vật Túy Hồng sống trong chia cách và đời sống mới, trở nên yếu ớt, căng thẳng, vô định trước tương lai, lại tăng dâm tính, tình dục trở nên cách hành xử hoặc tác động xác thân lên trên tình cảm. Đây là một hiện tượng từng chứng minh với những biến động lớn như vụ không tặc Tháp Đồi ở New York ngày 11-9-01. Để xóa căng thẳng và tái xác nhận đời đáng sống, cái sống đáng trân trọng, một tâm trạng sống

## HUỶNH ÁI TÔNG

sót, cho nên buông thả tình dục, với cả người mới quen. Cứ *Tay Che Thời Tiết* "có thể chờ chồng nhưng tôi không thể thủ tiết được" cho nên cứ "xoạc mộng xoắn dùi đu bay lẫn lộn trong bát ngát tự do rì chạt chữ tình làm cứu cánh" (tr. 73), cuối cùng mới thấy chỉ là ảo tưởng, lãng mạn. Ảo mộng vun trồng vẫn hóa ra mộng ảo, con người không dễ thay đổi lớn !

Nhân vật Mưa của Lê Hằng trong *Bên Kia Là Núi* (1998) một khi ra được ốc vỏ văn hóa cũ (cô giáo, vai chị), đã lũng lộn thụ hưởng đời sống tình dục hơn cả người tình Phi châu Saba của Hãn. "... Cô bỗng khùng lên, cánh đồng khô khát của cô ghi lấy Hãn. Chưa một lần nào, Hãn thấy cô tả xông hữu đột truy bức thân thể Hãn dữ dằn hơn. Gầm gừ mê mồi, hào hển đứt hơi. Cuồng lên vì lạc thú, cô làm Hãn kích ngất vì những rung cảm khốc liệt của cô..."(13).

Như vậy, nay chính thân xác là đối tượng, là đề tài chính! Với Trần Sa và một vài nhà văn nữ, tôn giáo ngưng lại ở chỗ tình dục; tình dục không những tháo gỡ cấm đoán mà còn vô hiệu hóa cấm đoán. Tình yêu khác tình dục, cái sau cũng làm ... tình nhưng hết mình, chính xác, một chuyện. Làm tình phức tạp hơn, đòi hỏi con tim, lời nói, cử chỉ, cả văn hóa. Làm tình, trò chơi thân xác, tựu trung là một khoảng trống cần thiết, một chiến thuật đầy đủ, cũng là cách thức sống, một cách biểu tỏ, một phương tiện hiện hữu thể chất, máy móc - là những thứ nếu thiếu, thì cái còn lại chỉ là phó sản, hiện tượng phụ. Làm tình cũng là một cách học hỏi bằng tự xóa. Tình dục trước khi là hiện tượng xã hội, văn hóa, đã là thân xác.

*Khi tay anh xoa xoa xà phòng vào "nơi ấy", nắng bên ngoài rực sáng thêm một chút nữa.*



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

“Nơi ấy” giờ thì mềm xù, bé tí, bình thường như vành tai, chóp mũi, khuỷu tay, đầu gối, gót chân... như bất cứ phần nào trên thân thể anh.

*Trước đây một giờ. Nó cương cứng, nóng hổi, hùng hổ*

*trong miệng em, giữa rãnh ngực em, trên mông em. Nó cố đâm thấu-xuyên-sâu-qua bao lớp da thịt để vào trong em. (Là nó, chẳng thuộc về ai).*

(Lê Thị Thắm Vân, Căn Phòng 2.2 Âm Thanh Sóng) (14).

*"... Suốt một buổi chiều / Yêu dọc từ dưới lên - và xuống / Từng lần chỉ - khớp - từng phân li thịt da / Nhập một / ấm áp - rịn - ướt / Suốt một buổi chiều / Không ngọt / Nghiêng - xoay - cong - mềm mại / Cọ - trườn - lướt / Sau - trước / Những điều thuần nữ / Có khi là một / Hai - ba - hoặc cả năm / Yêu khắp cùng lòng kia ưỡn ngã xuống như sóng / Và lượn úp lên - uốn chụp xuống / Đan khít mùi / Không rời / Không một kẻ hở / Tuần tự - tất cả / Ngoài và trong - không một bỏ trống / Gò và trũng / Suốt một buổi chiều / Hai bàn tay lần đầu yêu nhau / Suốt buổi chiều / Trong căn phòng..." (Trần Sa, Động Tác Yêu) (15).*

Thế giới ẩm ướt, trò tình dục không được một số nhà văn nữ Lê Hằng, Trần Thị NGH, Trần Sa, ... coi là cấm đoán hay lớp áo mỏng che. Broadway ở New York còn đưa lên sân khấu vở Độc thoại của cái I. (Vagina Monologues) của Eve Ensler trong ngày được gọi là V-day, địa đàng trở nên ẩm ướt mà đối với một số nhà văn nữ, cái ẩm ướt cũng là căn cước của họ. Với họ, tình dục là tự nhiên và những hành cử tình dục cũng như bộ

## HUỶNH ÁI TÔNG

phận sinh dục bị bêu xấu hay không nói đến chắc là để làm dơ, làm xấu, làm mờ phai chính hành cử đó, đối tượng đó. Nên họ làm ngược lại!

Dương Như Nguyệt đưa vào đời sống hội nhập *Mùi Hương Quế* (2000), một mùi thơm của tiềm thức và một thân xác của-la để đối phó với thực tại vật chất của xứ người. Một cái nhìn xuyên suốt tâm thức văn hóa gốc khi sống đời hội nhập và thành công ở xứ người. Nhân vật Trâm Kha chẳng hạn hội nhập nhanh: "Trong giai đoạn đầu, tôi tình nguyện ngủ với hần" (tr. 138), chạy theo tình dục như lâm trận tranh đấu cho nữ quyền, và trên ngay phần đất cơ thể chính mình. Tâm thức về cái thân phận nữ phái, qua những nhân vật thân thích gia đình của bà. Qua nhiều thế hệ: bà ngoại, Tỉnh Tâm, ... Cũng là mùi thơm của oan khiên, tiếc nuối. Trong một truyện ngắn, Như Mưa, Nắng...?, Nguyễn Thị Hoàng Bắc kể một chuyện tình đồng tính giữa hai người phụ nữ như một chóm nở pha lẫn nghi ngờ:

"Tôi không lesbian, nhưng yêu (...)

Tôi run động ngần người Ai là tôi, khi tôi/ai thích chuyện này, khi tôi/ai mê cái khác? Tôi/ai biết quá đại khái về ai/tôi Như mưa nắng tầm phào" (16).

Rồi những khám phá như S. Hite về điểm cực khoái của thân xác phụ nữ năm 1976, người nữ hết phải chờ, hết cần được cho; muốn là tìm cho được, hồi thức, vồ vập... Người nữ vô tình đánh mất tình cảm đã dành mà mất luôn "ngây thơ tình dục", gia vị thiết yếu cho đam mê, tình yêu, gây quyến rũ. Người viết nữ giới từ ý muốn làm chủ văn chương về phái nữ,

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

đã đi đến chỗ làm chủ ảo mộng cho người nữ bởi người nữ. Naomi Wolf, một người tranh đấu nữ quyền Hoa Kỳ nổi tiếng, sau những đòi hỏi triệt để đã quay 180 độ, trở về tự nhiên, chủ trương "nữ quyền làm mẹ" (*motherhood feminism*) trong mấy cuốn như *Fire with Fire*, *Misconceptions* đòi hỏi quyền làm việc đồng thời làm mẹ. Vì hai hình ảnh chính của văn chương nữ phải là *người mẹ* và *người nữ*, nên thành đề tài, lý do và thể loại xử dụng và ngay cả việc tận dụng ngôn ngữ.

Trên đà đấu tranh bình quyền, thuốc ngừa thai, của thập niên 1960, người phụ nữ đã bót hoặc không còn làm mẹ. Thuốc ngừa thai khiến người phụ nữ không phải mặc cảm tội lỗi ! Ngay có con đã có cách cấy giống khỏi cần yếu tố dương, nghĩa là xa hơn thái độ của nhân vật của Trần Thị Ng.H. trong truyện Sinh Nhật (17) định nghĩa một người mẹ/người nữ mới, một mình nuôi con, không cứ phải qua định chế hôn nhân. Và rồi bộ phận có tuyệt vời đến mấy cũng chỉ là một ... cơ quan, cái thiếu vẫn là liên hệ, luật âm dương kinh dịch từng nói đến! Cách mạng tình dục đã là hậu quả của cách mạng nữ quyền, nhưng đã đảo lộn mục đích-đối tượng. Thập niên 1960 họ đòi trả thân xác cho họ nhưng khi thân xác trở thành chính cái Tôi thì thân xác lại chiếm nhiều chỗ quá. Nhục dục từ chỗ bị dồn nén, trở thành khuôn mẫu, khoái lạc, là cấm kỵ trở thành totem (tổ vật), không sanh đẻ, trực trặc nhục dục (libido), cái giống trở nên buồn thiu sau khi tả tội máy móc hóa, tầm thường hóa (chương trình truyền hình Sex and the City ở Mỹ). Thân xác không tình yêu, từ đối tượng trở nên chủ thể của nhục dục!

Chống đề cao giống mạnh, nam quyền macho, phong trào nữ nêu khẩu hiệu "đàn bà là tương lai nhân loại, thế kỷ XXI là thế kỷ đàn bà". Mỗi giống tính không thể rút vào vỏ cô đơn tình

## HUYỀN ÁI TÔNG

dục, trí thức và luân lý, cuộc sống còn gì thú vị và tương lai! Nay có thể nói người nữ còn lại bốn ám ảnh chính: tình dục, sợ hãi, bạo lực và khinh rẽ. Nữ quyền đòi hỏi đến một lúc nào đó sẽ rơi vào chán nản, tình dục cũng thành buồn thiu. Saba, nhân vật trong Bên Kia Là Núi của Lê Hằng, sống buông thả và bạo động tình dục như để chứng minh nữ quyền, cuối cùng đâm ra sợ cả tự do tình dục. Chưa kể đến hiện tượng tiêu thuyết dành cho độc giả phụ nữ, có khuynh hướng xem như những tranh đấu nữ quyền đã qua, nay đưa ra những hoàn cảnh nhân vật nữ bị tiếng sét ái tình hoặc tô điểm một hình ảnh "hoàng tử của lòng em", mà nếu gặp, người vai nữ dám bỏ hết tương lai sự nghiệp để đi theo - như trước kia, nhưng khác là nay do nhà văn nữ viết ra! Và cứ thế, những trào lưu tiếp nối, hết nữ-lưu luận sẽ thuyết lý gì khác?

Không đóng vai luân lý, đạo đức nhưng đối với văn chương dục tính, thiên nghi tính văn chương sẽ không ở lâu với những quần quanh tình dục không lối thoát. Không bắt buộc phải hướng thượng, nhưng nếu nhân vật, hành động và nội dung của văn chương cứ bị tình dục, thân xác giam hãm tù đày, định nghĩa về văn chương hình như đã bị hãm hiếp một cách tội nghiệp vậy! Đây là chỗ khép lại của nhiều thập niên thử nghiệm kể từ khi nhóm Sáng-Tạo đề nghị buông thả và khai phá tình dục trong văn chương. Cuối cùng, cũng cần nói thêm là dục tính trong văn chương phải chăng một phần do ở người đọc - một thứ "cây sậy biết suy nghĩ"; người đọc trở thành đồng lõa với loại văn chương dục tính ?./.

Chú-thích:

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

1. Nhất Linh & Khải Hưng. Anh Phải Sống (Sài Gòn : Đồi Nây, 1961?), tr. 19.
2. Phùng Nguyễn. Tháp Ký Úc (Westminster CA: Văn, 1998), tr. 97.
3. Sáng Tạo b.m., 5, 11-1960, tr. 97-102.
4. Sáng-Tạo b.m., 1, 7-1960, tr. 26-32.
5. Sài Gòn : Đức Lưu Phương, 1931. Trích theo bản chụp lại.
6. Văn học CA, 124, 8-1996.
7. L'Amant. Paris : Minuit, 1984.
8. "Miền Chân Trời". Văn (SG), 31, 1965, tr. 76.
9. Sài Gòn : Gió, 1973, tr. 276-277.
10. Lê Hằng. Sóc Nâu, XT tb, tr. 242.
11. Sài Gòn : Kim Anh, 1967, tr. 87.
12. Trần Thị Ng.H. Lạc Đạn Và Mười Truyện Ngắn (Toronto: Thời Mới, 2000), Tr. 67, 43 và 47.
13. San Francisco CA: Mõ Làng, 1998, tr. 183.
14. Tạp chí Thơ CA, số mùa đông 1999.
15. Nhánh Nhỏ (www.nhanhnhỏ.org), 27, 1-2001.
16. Nguyễn Thị Hoàng Bắc. "N như Mưa, Nắng...?". Việt, 6, 2000, tr. 181&182.
17. Một truyện Trần Thị Ng.H. khác, viết năm 1998, in trong Lạc Đạn... Sđd.

Trích thơ:

### Triền dốc

*Lên đồi thông cuối tuần  
xanh màu tươi những niềm mong ước  
tình lên ngói, ký ức ấp đầy  
lý tưởng, đời đang qua những chặng...*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Giữa triền cao, hòn sỏi mộng trượt ngã  
xuống, xuống mãi  
cuối thung lũng xa  
Anh bỗng thấy mây trôi tình ái  
tóc xõa theo gió ngàn, vương vấn  
và đôi mắt, anh ngộp thở, bơi theo  
dù trời biển, lặng yên*

*mới đó đã mới mệt đuổi đeo  
những bình thường cuộc đời  
giọt lệ từ bi  
làm đôi mí trĩ tràng  
những năm dài hoang mang, hạnh phúc  
tô phấn hồng dấu thời gian*

*những sợi tóc  
ngàn năm, thương hoài  
có đang thoáng đổi  
hay như lòng anh  
dại mềm nhưng hãy trơ như tháp đổ bóng chiều!*

*sao đổi ngôi  
em vẫn một ngai, trong tim này suy thoái  
dáng em gầy, trên triền dốc  
chiều vỡ dần và đôi mắt nhòa vui*

(12-12-1998)

**Hành trình đời**

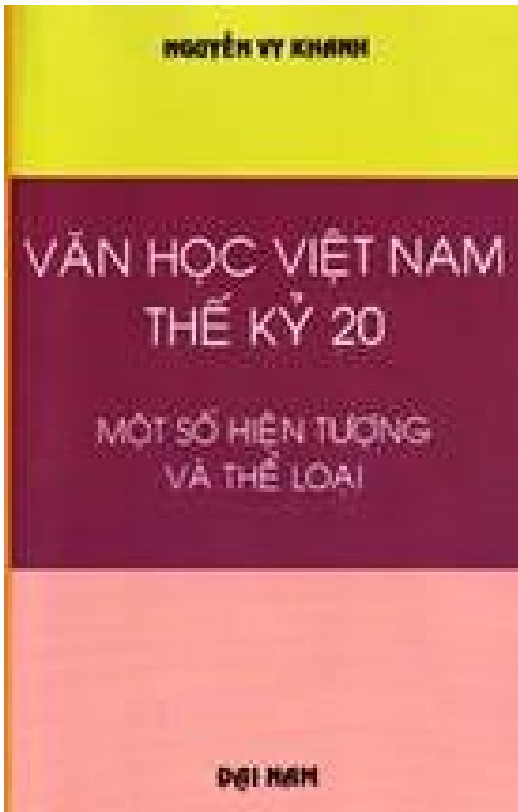
*Có những hành trình  
đi không mệt mới buồn phiền  
Yêu em là cả đoạn đường ấy  
nhớ nhung, thờ thẫn, sống vì, nhưng vui !*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Có những ngày công vụ chán nhàm  
nếu tiếng hát em đuổi theo  
đường xa thành hạnh phúc mãi mãi  
Đi hoài đi mãi, sẵn sàng đi.*

*Anh lên đường, hăng say mãi vì em  
xa những buồn phiền số phận  
để gần thêm, ngày một gần thêm  
em của anh, Tình Yêu làm sống lại người anh*

(26-2-1998)



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Chân dung phê bình: Nguyễn Vy Khanh*, tác giả Mai Anh Tuấn đã viết:

*“Nguyễn Vy Khanh từng viết thơ, thừa nhận niềm yêu thích không khí tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền và lối viết của Nguyễn Đình Toàn (tác giả tiểu thuyết Con đường) nhưng sự học và quá trình làm việc của ông lại nghiêng hẳn về lĩnh vực biên khảo. Với tư cách là chuyên viên thư viện (librarian) ở Montréal và Quebec City từ năm 1978, quỹ thời gian của ông được dùng để “ôn cố tri tân” trong nỗ lực đi tìm sự thực và ghi lại cho thế hệ sau, nhằm thúc đẩy cái Mới cũng như niềm hi vọng về thống nhất nhân tâm và địa lí. Việc thống nhất nhân tâm và địa lí, theo ông, chỉ diễn ra khi những khúc mắc và vẩn nạn lịch sử đã được nhìn nhận và giải tỏa, do đó, tâm niệm và ý chí biên khảo của ông được coi như một lợi khí. Nguyễn Vy Khanh có ưu thế nhờ vốn kiến thức cổ học, triết học khá thâm sâu, trên con đường biên khảo, ông còn được bảo trợ bởi những tư liệu xác tín mà ông được tiếp xúc hằng ngày thông qua công việc của mình dù không ít lần, ông coi việc kiểm soát thư tịch là công việc đa đoan và lẽ dĩ nhiên, nhập vai hậu sinh là kẻ phê bình tối hậu mọi nền văn học đã qua thật không dễ.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Vy Khanh Web: [maianhtuan.wordpress.com](http://maianhtuan.wordpress.com)
- *Tản mạn về đức-tính và nữ quyền* Web: [vanchuongplusvn.blogspot.com](http://vanchuongplusvn.blogspot.com)



## 5. Nguyễn Hưng Quốc



### Nguyễn Hưng Quốc (1957-20 )

Nguyễn Hưng Quốc, tên thật là Nguyễn Ngọc Tuấn, sinh ngày 29 tháng 10 năm 1957 tại Quảng Nam, tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Tp. HCM. Việt Nam.

Năm 1985, vượt biên đến trại ty nạn Nam Dương.

Trước tiên Nguyễn Hưng Quốc định cư tại Pháp, cộng tác với tờ Quê Mẹ do Võ Văn Ái chủ trương.

Năm 1991, Nguyễn Hưng Quốc dời cư sang Úc, sau đó lấy bằng Tiến sĩ văn học tại đại học Victoria, Úc.

Tại đại học Victoria, ông giảng dạy về ngôn ngữ, văn học, văn hóa và chiến tranh Việt Nam.

Từ năm 1998 đến 2001, ông là chủ bút tạp chí *Việt*, hiện thời đồng chủ bút trang *Tiền Vệ* từ năm 2002.

Ngoài ra ông còn hợp tác với một số tạp chí văn học hải ngoại như *Văn*, *Văn Học*, *Hợp Lưu*.v.v. và có trang blog Nguyễn Hưng Quốc trên trang mạng VOA tiếng Việt bình luận về chính trị.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hiện Nguyễn Hưng Quốc sinh sống tại Melbourne Úc châu.

Tác phẩm:

- *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* (Quê Mẹ, Paris, 1988)
- *Nghĩ về thơ* (Văn Nghệ, California, 1989)
- *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản* (Văn Nghệ, California, 1991 & 1996)
- *Võ Phiến* (Văn Nghệ, California, 1996)
- *Thơ, v.v... và v.v...* (Văn Nghệ, California, 1996)
- *Văn học Việt Nam từ điểm nhìn h(ậu h)iện đại* (Văn Nghệ, California, 2000)
- *Văn hoá văn chương Việt Nam* (Văn Mới, California, 2002)
- *Sống với chữ* (Văn Mới, California, 2004)
- *Thơ Con Cóc và những vấn đề khác* (Văn Mới, California, 2006)
- *Mấy vấn đề phê bình và lý thuyết văn học* (Văn Mới, California, 2007)
- *Socialist Realism in Vietnamese Literature* (VDM, Germany, 2008).

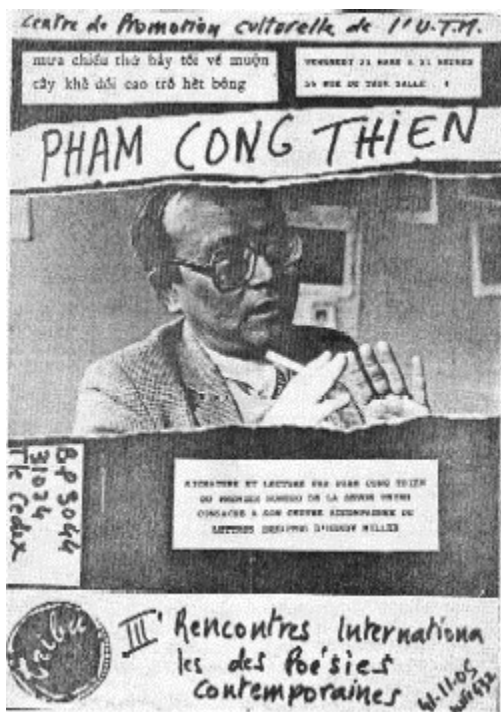
Trích văn:

### **Đọc lại Phạm Công Thiện**

Phạm Công Thiện là một trong vài tác giả cũ trước 1975 thỉnh thoảng tôi vẫn đọc lại. Và vẫn thấy thích. Có điều hiếm khi nào tôi đọc lại trọn vẹn một tác phẩm nào đó từ đầu đến cuối. Thường, tôi chỉ đọc lóc cóc từng đoạn. Như đọc thơ. Mỗi lần cầm sách ông lên, cứ mở đại một trang nào đó, đọc; xong, gấp sách lại mà không cần làm dấu. Lần sau, lại mở sách một cách hoàn toàn ngẫu nhiên, không chọn lọc. Tôi để ý: hình như, trong văn xuôi, ngoài Võ Phiến, chỉ với Phạm Công Thiện, tôi mới đọc như thế. Điều đó chứng tỏ cách đọc ấy không đến từ thói quen đọc sách của tôi mà chủ yếu đến từ phong cách viết

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

văn của ông. Nói cách khác, theo tôi, cách viết của Phạm Công Thiện không đòi hỏi, thậm chí, không khuyến khích người ta đọc trọn. Có cảm tưởng ông không quan tâm nhiều đến tính hệ thống và cấu trúc chung của cuốn sách. Rất hiếm, nếu không muốn nói là không có, cuốn nào của ông có một bố cục thật chặt chẽ. Phần lớn, nếu có, chỉ chặt chẽ được phần đầu. Sau đó, là những ý rời, những đoạn rời. Là phóng bút. Là viết theo sự đưa đẩy của cảm hứng.



Mà cảm hứng của Phạm Công Thiện thì hình như bao giờ cũng dào dạt. Nó cuộn cuộn. Nó tràn bờ; nó vượt ra ngoài mọi khuôn khổ quen thuộc. Nó tạo nên đặc điểm đầu tiên và rất dễ nhận thấy trong văn phong Phạm Công Thiện: nồng nhiệt. Trong văn như có lửa. Lúc nào ông cũng ném hết tâm hồn và nhiệt huyết vào câu chữ. Không cần dè dặt. Đã tin, tin hết lòng.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Đã thích, thích hết mực. Khen ai, ông khen không tiếc lời. Những từ ngữ như “đại thi hào”, “đại văn hào” “hay nhất”, “lớn nhất”... được dùng một cách thật hào sảng. Năm 1967, trong cuốn *Im lặng hồ thăm*, ông xem Nguyễn Du là một trong năm nhà thơ vĩ đại nhất của phương Đông; năm 1996, trong cuốn *Nguyễn Du, đại thi hào dân tộc*, ông đi xa hơn một chút nữa, cho Nguyễn Du là một trong ba nhà thơ vĩ đại nhất của nhân loại, bên cạnh Hoelderlin và Walt Whitman. Ngoài ba nhà thơ ấy, có còn ai đáng kể nữa không? Hình như là không. Đó là “ba thiên tài lớn nhất của nền thi ca nhân loại trong hai ngàn năm hoang vu trên mặt đất.” Với Nguyễn Du, viết thế, dù sao, cũng được: Ở Việt Nam, Nguyễn Du là một biểu tượng; mà đối với một biểu tượng, người ta không cần đặt ra những giới hạn. Nhưng với nhiều nhà thơ khác, Phạm Công Thiện cũng hào sảng như thế. Trong cuốn *Hồ thăm của tư tưởng*, xuất bản năm 1967, Phạm Công Thiện viết về Quách Tấn: “Quách Tấn là thi sĩ vĩ đại nhất của Việt Nam hiện giờ; Quách Tấn là người đã đánh dấu thi ca tiền chiến và thành tựu thi ca hậu chiến qua hai tập thơ *Động bóng chiều* và *Mộng ngân sơn*”. Hơn nữa, “Quách Tấn là một thi sĩ duy nhất của Việt Nam, đã thành tựu tất cả những gì mà Nguyễn Du còn để dở dang; còn tất cả những thi sĩ khác, kể cả Hàn Mặc Tử, kể cả Xuân Diệu, Huy Cận, v.v. đều là những thi sĩ thiên tài, nhưng không có đủ tất cả tính kiện hay kiện tính trong thơ họ để tính dưỡng và thành tựu thi cuộc mà Nguyễn Du đã mở đầu cho thi ca Việt Nam”. Cũng trong cuốn ấy, Phạm Công Thiện viết về Hàn Mặc Tử: “Hàn Mặc Tử vỗ cánh phượng hoàng và bay xuống đậu giữa Thiên Thanh, Rimbaud và Hoelderlin đứng dậy chấp tay, đứng về phía trái; Keats và Leopardi đứng dậy chấp tay, đứng về phía mặt; Hàn Mặc Tử bay sà xuống đậu ngay chính giữa; ngay lúc ấy, lập tức hai Thi Sĩ bên trái và hai Thi Sĩ bên mặt quì xuống lạy ba triệu lạy; khi bốn Thi Sĩ lạy xong và ngược mặt lên thì Hàn Mặc Tử đã vụt biến mất và hoá diêm sơn biến thành một quả trứng phượng hoàng khổng lồ: quả trứng phượng hoàng cô liêu xoay tròn năm vòng và thu hình nhỏ lại thành trái đất; từ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ây, trái đất liên tục xoay tròn giữa vũ trụ vô biên và con người không còn làm thơ nữa.” Những kiểu phát ngôn như thế này rất phổ biến trong văn chương Phạm Công Thiện: “Chỉ một câu thơ của Nguyễn Du cũng đủ phá huỷ trọn tư tưởng Nam hoa kinh của Trang Tử. Một bài thơ của Trần Cao Vân (bài Vịnh tam tài) đủ thu gọn tất cả Tống Nho. Một vài câu thơ Hàn Mặc Tử đủ nói hết trọn sự nghiệp tư tưởng thánh Thomas d’Aquin và thánh Augustin. Một câu thơ của Rimbaud hay một dòng văn của Henry Miller đủ nói hết Kierkegaard, Paul Tillich hay Heidgger.” Với những tên tuổi lớn, Phạm Công Thiện vung bút như thế, kẻ cũng dễ hiểu. Với một số nhà thơ có tầm vóc nhỏ hơn, chỉ hơn mức trung bình một tí, Phạm Công Thiện cũng rất hào phóng lời khen ngợi. Trong cuốn Khởi mạch nguồn thơ thi sĩ Seamus Heaney, giải Nobel văn chương 1995, nhắc đến hai câu thơ của Hoài Khanh “Con sông nào đã xa nguồn / Thì con sông ấy sẽ buồn với tôi”, ông hạ bút: “Câu thơ bất hủ”; nhắc đến bốn câu “Tôi đứng bên này bờ dĩ vãng / Thương về con nước ngại ngừng xuôi / Những người con gái bên kia ấy / Ai biết chiều nay có nhớ tôi” của Hoàng Trúc Ly, ông bình: “bốn câu thơ bát ngát như đất trời quê hương” (tr. 29).

Phạm Công Thiện là như thế. Lúc nào cũng nồng nhiệt. Lúc nào cũng rộng rãi. Lúc nào cũng cực đoan.

Có người cực đoan vì đần. Phạm Công Thiện cực đoan nhưng vẫn toát lên vẻ thông minh và rất thông thái. Sự cực đoan ở nhiều người khác gọi lên ấn tượng hẹp hòi và hung bạo. Phạm Công Thiện cực đoan một cách hồn nhiên và vô hại. Bao trùm lên tất cả, ông cực đoan một cách chân thành và duyên dáng. Đọc, thấy ngay ông cực đoan, nhưng không ai nở bắt bẻ. Bắt bẻ, tự nhiên có cảm giác là mình tỉnh táo một cách nhỏ nhen.

Một trong những đặc điểm nổi bật khác của Phạm Công Thiện là ám ảnh về hình ảnh và ám ảnh về chữ. Văn Phạm Công

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thiện có nhiều hình ảnh và ẩn dụ. Đoạn văn viết về Hàn Mặc Tử ở trên là một ví dụ. Phượng hoàng và hoả diệm sơn. Ở những nơi khác, hết núi lửa thì đến hổ thẳm, hết ngày sinh của rắn thì đến những con chim biết nói tiếng Phạn, hết đòi giết các con kiến trong ý thức thì đến giao cầu mặt trời sinh ra mặt trăng, v.v... Đầu đó, Phạm Công Thiện tự nhận “ngôn ngữ của tôi là ngôn ngữ của thi sĩ. Ai muốn hiểu sao thì hiểu.” Là ngôn ngữ của thi sĩ, giọng văn của Phạm Công Thiện lúc nào cũng thơ mộng. Thơ mộng ngay cả khi ông bàn chuyện triết lý hay Phật pháp. Thơ mộng ngay cả khi ông hục hặc gây hấn phản kháng, thậm chí, chửi bới âm ỉ. Sự thơ mộng ấy đến, một phần, từ hình ảnh, nhưng phần khác, quan trọng hơn, theo tôi, từ nhạc điệu. Văn của Phạm Công Thiện rất giàu nhạc tính. Câu văn của ông biến hoá đa dạng, thường thì dài hơn mức cần thiết. Để cho chữ có âm vang. Ông không ngại lặp lại, dưới hình thức này hay hình thức khác, dường như để những âm vang ấy không bị tắt quá sớm. Thấy rõ nhất là qua các câu văn dịch của Phạm Công Thiện. Trong cuốn Khơi mạch nguồn thơ thi sĩ Seamus Heaney, ông dịch chữ “recollections” của Yeats thành “hồi tưởng, truy tưởng, hoài tưởng, mặc tưởng, nhớ tưởng”; (tr. 14); câu “The end of art is peace” thành “Cứu cánh của nghệ thuật là sự hoà bình, sự an bình, thanh bình” (tr. 46). Dịch, như thế. Ông viết cũng thế. Thiếu một chút cô đúc. Bù lại, câu văn trở thành nhẹ nhàng và vang hưởng.

Tôi có cảm tưởng một trong những ám ảnh lớn nhất của Phạm Công Thiện là chữ. Rải rác trong nhiều bài viết khác nhau, chẳng hạn, trong cuốn Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất (1988), ông nói về sự say mê học tiếng và học chữ của ông. Quả thật, khả năng học tiếng và học chữ của Phạm Công Thiện là một kỳ tích ở Việt Nam. Cho đến nay có lẽ cũng chưa có ai vượt qua ông được. Tuy nhiên, ở đây, tôi chỉ xin giới hạn trong phạm vi văn chương: ở Phạm Công Thiện, ám ảnh về chữ có thể thấy rõ trong cách viết văn. Có thể nói văn Phạm Công Thiện có khi chỉ là một dòng liên tưởng bất tận gọi lên từ

những con chữ. Chữ này gọi chữ nọ. Ngõ như chữ chứ không phải là ý đóng vai trò quan trọng trong việc định hình cấu trúc của đoạn văn. Nhưng chữ, dưới ngòi bút của Phạm Công Thiện, thật ra, cũng tức là ý. Chữ đẩy đưa, luyến láy nhưng không thừa thãi. Cũng trong cuốn *Khơi mạch...* ông viết: “Thơ là linh hồn của tất cả âm nhạc; hình ảnh của Thơ là vô hình đột chuyển thành ra hiện hình và hiện ảnh: hiện hình và hiện ảnh của Thơ chính là hiện cảnh linh động và hiện thực hơn tất cả cảnh sắc và phong cảnh hiện tiền” (tr. 7). Xin lưu ý: những chữ “hiện” trong đoạn này cũng như các đoạn sau là do tôi in nghiêng. Để độc giả dễ thấy. Âm ảnh về từ tố “hiện” ấy kéo dài sang mấy trang sau: “Một bài thơ hốt nhiên xuất hiện, đột hiện; một tia chớp ngang trời, một sự xuất hiện thình lình như tiếng sét bất ngờ. Thơ là xuất nhập, tất cả rạng ngời của một sự Xuất Hiện, tất cả oai lực lặng lẽ của sự Linh Hiện. Sự Xuất Hiện, Linh Hiện là suối nguồn của tất cả mọi ý nghĩa, ban bố ý nghĩa và khai mở vạch đứt giữa mọi ý nghĩa và mọi vô nghĩa. Từ đó có vô hạn nghĩa” (tr. 9). Chưa hết, sau đó, nhắc đến mấy câu thơ của Archibald MacLeish: “... wordless / as the flight of birds... / A poem should not mean / but be.” Ông viết: “Cái chữ ‘be’ đơn sơ ở trên xuất đầu lộ diện như một tiếng sét, cái ‘là’ hiện hữu, nói lên sự xuất hiện của Tính thể và Thể tính: sự hiện thể, hiện tính, hiện tính thể của chính tính thể, sự hiện thân nguyên vẹn, sự hiện diện sung mãn của cái ‘là’, cái ‘có’; sự hiện diện ở đây chính là sự thị hiện bất ngờ từ cái không đến cái có, từ cái không là đến cái là, thoáng hiện, thoáng mất như tia chớp. [...] Bài thơ là sự hiện diện, hiện tính, thị hiện; sự hiện diện chẳng những là hiện diện của chính sự hiện diện mà lại còn hiện diện ngay cả sự khiếm diện, ngay cả sự mất tích và xa vắng.” (tr. 10-11). Cách viết như thế đã xuất hiện ngay từ *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* (1965), một trong những tác phẩm đầu tay của ông. Sau khi nêu lên năm chữ: chạy, chày, chày, chày và chạy trong tiếng Việt, Phạm Công Thiện viết:

## HUỖNH Ỉ TÔNG

“Tất cả tư tưởng triết lý đạo lý của Việt Nam đã nằm trong năm chữ trên. Con đường của tinh thần Việt Nam phải đi trên năm bước tuần tự: trước nhất phải trong sạch thuần khiết, phải giữ nguyên tính thuần túy, sạch sẽ, không pha trộn với ngoại chất (CHAY), nhờ thế thì sức mạnh tâm linh mới bùng cháy dậy như cơn hoả hoạn thiêng liêng thiêu đốt cho tan hết mọi nhỏ nhoi tâm thường rác rưởi (CHÁY) và nhờ ngọn lửa thiêng liêng bùng cháy trong tim cho nên sống hồn nhiên liêu lĩnh, không cần tranh đua lý sự gì nữa cả, vượt lên trên mọi dự trù tính toán và lòng lộng phăng phăng, ngang dọc, đầu đội trời chân đạp đất, liêu lĩnh, không sợ hãi (CHẦY), vì sống như thế, nên sức sống ào ạt phăng mạnh như nước lũ (CHẢY) cho nên không vướng mắc gì nữa, không vấp, không kẹt vào trong bất cứ cái gì trên đời này (CHAY).

Không cần phải đọc Platon, Aristote, Kant, Hegel hay Karl Marx, không cần phải đọc Khổng Tử và Lão Tử, không cần phải đọc Upanishads và Bhagavad Gita, chúng ta chỉ cần đọc lại ngôn ngữ Việt Nam và nói lại tiếng Việt Nam và bỗng nhiên nhìn thấy rằng tất cả đạo lý triết lý cao siêu nhất của nhân loại đã nằm sẵn trong vài ba tiếng Việt đơn sơ như CON và CÁI, như CHAY, CHÁY, CHẦY, CHẦY, CHẦY và còn biết bao nhiêu điều đáng suy nghĩ khác mà chúng ta đã bỏ quên một cách ngu xuẩn.” (tr.xi-xii)

Thì cũng yêu chữ, nhưng ở nhiều cây bút khác, chúng ta chỉ được dẫn đến những điều ầu ơ cũ rích. Ở Phạm Công Thiện, chúng ta bắt gặp những ý tưởng thật thâm trầm và thú vị. Rõ ràng bên cạnh tình yêu đối với chữ, ông còn có một tình yêu gì khác nữa. Đó là tình yêu gì? Giới hạn trong phạm vi văn học, không chừng đó là tình yêu đối với cái khó, cái phức tạp và cái trừu tượng. Trong tập Mặt trời không bao giờ có thực (1967) của ông, tôi thích hai đoạn này:



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

“Cái gì làm tôi không hiểu nổi, cái ấy làm tôi say sưa yêu dấu.”  
(Số XXXVI)

và:

“Tôi yêu những gì khó khăn, những gì khô khan, những gì rắc rối. Tôi yêu đọc những quyển sách khó hiểu và nặng nề. Tôi thích đọc những quyển tiểu thuyết khô khan lượm thượm dài dòng, tôi ưa những cánh cửa đóng kín, những hàng rào cao.”  
(Số XXXVIII).

Nói đến chuyện khó hiểu, không thể không nghĩ ngay đến chính các cuốn sách của Phạm Công Thiện. Không ít người vẫn cho văn của Phạm Công Thiện là tối tăm. Tôi nghĩ ngược lại. Vấn đề không chừng là ở cách đọc. Có thể vận dụng kinh nghiệm đọc Kafka của Phạm Công Thiện vào việc đọc chính Phạm Công Thiện: “Một thi sĩ đọc tác phẩm của Kafka sẽ hiểu gấp ngàn lần hơn một triết gia, học giả hay nhà phê bình.” Lâu nay, tôi vẫn đọc Kafka từ góc độ của một nhà nghiên cứu và nhà phê bình. Và tôi không chắc các nhà thơ trung bình có thể biết và hiểu Kafka nhiều hơn tôi. Nhưng riêng với Phạm Công Thiện thì tôi tin cách đọc từ góc độ một nhà thơ sẽ có hiệu quả lớn.

Tôi đã đọc (lại) các tác phẩm của Phạm Công Thiện như đọc những bài thơ. Với một tâm cảm thơ. Và tôi thấy mọi thứ đều dễ dàng. Trong vắt.

Melbourne 5 tháng 1.2009

---

Trích dẫn:

Phạm Công Thiện (1965), Ý thức mới trong văn nghệ và triết

## HUỖNH ÁI TÔNG

học, Sài Gòn: An Tiêm; tái bản lần thứ ba (1966). [Xem bản điện tử do talawas thực hiện].

Phạm Công Thiện (1967), Mặt trời không bao giờ có thực, Sài Gòn: An Tiêm. [Xem bản điện tử do talawas thực hiện].

Phạm Công Thiện (1967), Hồ thẳm của tư tưởng, Sài Gòn: Phạm Hoàng xuất bản. [Xem bản điện tử do talawas thực hiện].  
Phạm Công Thiện (1967), Im lặng hồ thẳm, Sài Gòn: An Tiêm; tái bản lần thứ hai (1969). [Xem bản điện tử do talawas thực hiện].

Phạm Công Thiện (1988), Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất, California, USA: Trần Thi.

Phạm Công Thiện (1996), Nguyễn Du, đại thi hào dân tộc, California, USA: Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới.

Phạm Công Thiện (1996), Khơi mạch nguồn thơ thi sĩ Seamus Heaney, Giải Nobel Văn Chương 1995, California, USA: Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới.

*Tiến sĩ Nguyễn Hưng Quốc chẳng những phê bình văn học, ông còn có nhiều bài viết chính trị, bài thơ Con Cóc là một giai thoại, một câu chuyện tiểu lâm, người ta dùng để chỉ cho những người làm thơ dở, trái lại ông tìm thấy cái hay trong bài thơ đó, nhiều người Việt ở hải ngoại chống Cộng, trái lại ông tuyên bố không chống Cộng. Do đó, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc đã gây nhiều tranh cãi, cần phải đọc bài của ông viết, để có đánh giá khách quan hơn.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hưng Quốc Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Đọc lại Phạm Công Thiện Web: [tienve.org](http://tienve.org)

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

### *Tiết hai: Những nhà phê bình văn học ở trong nước*

Trong tiết này, chúng tôi đề cập đến những nhà phê bình văn học trong nước, là những nhà phê bình lớp sau, trưởng thành từ sau cách mạng mùa thu, được đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghĩa.

#### **1. Nguyễn Đăng Mạnh**



#### **Nguyễn Đăng Mạnh (1930-20 )**

Nhà giáo, nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh sinh ngày 18 tháng 3 năm 1930 tại làng Quần Phương Hạ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nguyên quán là làng Thổ Khối, tổng Cự Linh, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội.

Thiếu thời, ông theo học ở trường Chu Văn An, Hà Nội. Khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, trường ông học sơ tán lên Phú Thọ, rồi trường bị giải tán. Ông theo học trường cấp 2 cấp 3 Kháng chiến, rồi trường Trung cấp sư phạm ở Tuyên Quang và bước vào nghề giáo.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1954, ông tham gia đội Cải Cách Ruộng Đất ở xã Gia Trường, huyện Gia Khánh tỉnh Ninh Bình.

Từ năm 1957 đến năm 1960, ông theo học Đại học Sư Phạm Hà Nội, khóa học kéo dài 3 năm, đã học với các giáo sư Đặng Thái Mai dạy Văn Học Trung Quốc, Nguyễn Mạnh Tường dạy Văn học Tây Phương, Hoàng Xuân Nhị dạy Văn học Nga Xô Viết, Nguyễn Lương Ngọc dạy Lý luận Văn học, Cao Xuân Huy dạy Tâm Lý học ....

Năm 1960, tốt nghiệp Sư Phạm, ra trường Nguyễn Đăng Mạnh được điều đi dạy tại trường Đại học Sư phạm Vinh. Từ đó ông bắt đầu viết nghiên cứu và trở thành nhà nghiên cứu phê bình văn học.

Năm 1969, ông được điều ra Hà Nội, từng làm chủ nhiệm bộ môn Văn học Việt Nam hiện đại, khoa Ngữ văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Đăng Mạnh là chủ biên sách giáo khoa văn học lớp 11 và 12 chương trình cải cách giáo dục 1980-1992.

Nguyễn Đăng Mạnh được phong danh hiệu Giáo sư và Nhà giáo nhân dân.

Vào đầu thập niên 1990, giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh nghỉ hưu ở Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội.

Hiện ông đang sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

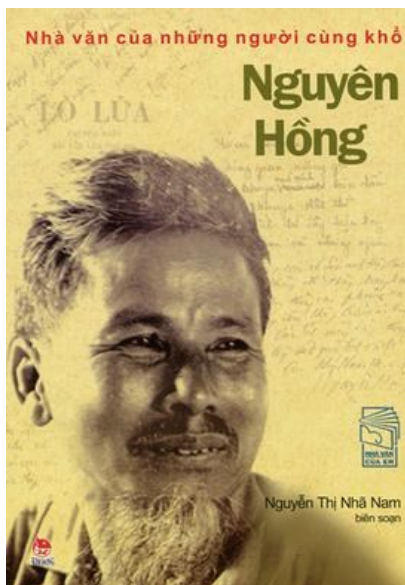
Tác phẩm:

- *Nhà văn, tư tưởng và phong cách.*
- *Hồi ký* (Internet, 2008)

Trích văn:

### Thương tiếc nhà văn Nguyễn Hồng

Văn Nguyễn Hồng bao giờ cũng lấp lánh sự sống. Những dòng chữ đầy chi tiết cứ tựa quây, phập phồng. Một thứ văn bám riết lấy cuộc đời, quấn quýt lấy con người. Người ta thường nói nhà văn, nhà thơ cần có ba yếu tố chủ quan : tài, trí và tâm. Có cây bút chỉ mạnh về tài, về trí. Đọc Nguyễn Hồng, thấy tài và tâm, nhất là tâm, nổi lên hàng đầu. Mà "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài", ở những nhà văn chân chính xưa nay, tâm bao giờ cũng là cái gốc. Tài và trí chỉ là cành, là ngọn. Nguyễn Hồng viết văn như là đặt luôn cái "tâm" nóng hổi của mình trên trang sách. Nếu cần nói thật khái quát một cái gì chung nhất cho mọi chủ đề tác phẩm của Nguyễn Hồng, thì đó là lòng nhân đạo, một chủ nghĩa nhân đạo bao giờ cũng thống thiết mãnh liệt.



## HUỶNH ÁI TÔNG

Nguyên Hồng xuất hiện lần đầu trong đời sống văn học vào năm 1936, với truyện ngắn *Linh hồn*, đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*. Truyện kể một người đàn bà nông dân nghèo khổ theo đạo Thiên Chúa bị tù oan khi đang có thai. Chị bị một tên cai tù hãm hiếp cho đến chết. Nguyên Hồng bước vào nghề văn như thế đấy : để nói lên nỗi khổ đau oan ức không cùng của những người dân nghèo thấp cổ bé họng trong xã hội cũ, đặc biệt là người phụ nữ lao động. Từ tác phẩm đầu tay ấy, hình ảnh người đàn bà oan khổ kia cứ theo đuổi, ám ảnh ngòi bút của ông, từ *Bỉ vô*, *Những ngày thơ ấu*, *Quán Nải...*, đến bộ tiểu thuyết lớn *Cửa biển* sau này. Một đất nước như nước ta, chế độ phong kiến kéo dài, tiếp theo là ách thực dân, đế quốc, người phụ nữ vẫn là nạn nhân đau khổ nhất, chịu nhiều tầng áp bức nhất. Thái độ như thế nào đối với người phụ nữ và vấn đề phụ nữ, là thước đo hết sức quan trọng tính nhân dân, tính nhân đạo của các tác phẩm văn học.

Trước Cách mạng tháng Tám, có nhà phê bình nhận xét Nguyên Hồng có cái tật cứ đồ dòn dập lên đầu nhân vật của mình đủ thứ tai họa trên đời. Đọc Nguyên Hồng, thấy căng quá, nặng nề quá. Đúng là như thế. Nhưng chủ nghĩa nhân đạo thông thiết của Nguyên Hồng đòi hỏi ông phải viết như vậy. Nếu không thế, nói sao cho hả, cho đã những tình cảm thống thiết của ông đối với thân phận người dân cùng ngày trước ? Và có như thế, ông mới tỏ hết được niềm tin mãnh liệt của mình đối với "thiện căn" bền vững của nhân dân lao động. Từ vực thẳm tối tăm ngày trước, từ đồng bùn rác ngập ngựa trong xã hội cũ, những Tám Bính, những mẹ La của tiểu thuyết Nguyên Hồng vẫn giữ chắc bản chất hồn hậu, trong sáng của mình mà vươn lên, như những mầm cây căng nhựa, xuyên

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

thung lũng lớp lớp bùn đất dày đặc để nhô lên đón lấy ánh sáng mặt trời.

Cuộc đời, khuynh hướng và phong cách viết của Nguyên Hồng khiến người ta dễ nghĩ đến Mác-xim Goóc-ki, tuy biết rằng, hai nhà văn ấy có những chỗ khác nhau về tầm cỡ. Cả hai đều từng lăn lộn thật sự với những tầng lớp dưới đáy của xã hội cũ, cùng viết với một trái tim tha thiết yêu tin con người, cùng sớm giác ngộ lí tưởng cộng sản chủ nghĩa. Cả hai đều viết đủ thể loại : truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết bộ ba, bộ bốn, hồi kí, bút kí, soạn kịch, làm thơ. Thời kì đầu cầm bút, họ đều viết nhiều về tầng lớp lưu manh. Họ cùng xây dựng được nhiều hình tượng bà mẹ rất đẹp đi từ bóng tối mịt mù của cuộc đời cũ, của thành kiến cũ, tới ánh sáng của thời đại mới. Họ đều có tài viết về những đám đông, những dòng người náo nhiệt : phu phen, thợ thuyền đổ ra hè phố khi tan tầm ở các nhà máy, hay trong những cuộc đình công, bãi công, v.v. Nhưng ở hai nhà văn ấy, sự gặp gỡ này có thể coi là đáng tự hào hơn cả : đối với lịch sử văn học của hai dân tộc Nga, Việt, họ đều thuộc số những nhà văn dẫn đầu trong việc ca ngợi lao động, phát hiện ở lao động một đối tượng thẩm mĩ thật sự. Văn tiểu thuyết của Nguyên Hồng bao giờ cũng đầy cảm xúc, đầy chất thơ. Ngôi bút ấy đã chế tạo lấy cho mình một chất thơ độc đáo, không phải từ mây, gió, trăng, hoa, mà luyện bằng than bụi những nhà máy, những bến tàu, bằng sỏi đá những đồi khô cỏ cháy, hoà với chất mồ hôi mặn chát và nóng bỏng của những người lao động. Trong sáng tác cũng như trong sinh hoạt hằng ngày, Nguyên Hồng hiện lên như một tấm gương rất đẹp về sự gắn bó chặt chẽ giữa nghệ thuật và lao động. Con người ấy sinh ra từ môi trường lao động, tự rèn đúc thành chất người lao động, vì nhân dân lao

## HUỶNH ÁI TÔNG

động mà cặm cụi viết và viết không ngừng, không nghỉ, cho đến hơi thở cuối cùng.

Nguyễn Tuân có lần nói, ông sở trường về tả gió, còn tả nắng thì nhất Nguyên Hồng. Nắng không thể thiếu trong phong cảnh thiên nhiên làm nền cho sinh hoạt của nhân vật tiểu thuyết Nguyên Hồng. Một thứ nắng vùng cửa biển, phấp phới, lồng lộng. Một thứ nắng có sức sống, có linh hồn, cũng hoạt động sôi nổi như con người, thậm chí có lúc như reo lên, hét lên hoà với nhịp sống tung bùng náo nhiệt của thành phố Hải Phòng rực rỡ màu phượng vĩ. Dĩ nhiên, thiên nhiên vùng đất cảng đã ảnh hưởng tới thể giới thẩm mỹ của nhà văn. Nhưng người cầm bút phải có một tâm hồn như thế nào đây thì cái ánh nắng kia mới đi vào tác phẩm rực rỡ như thế được. Nguyên Hồng như có cái bản năng tự nhiên của cỏ cây luôn luôn hướng về ánh sáng. Một tâm hồn đầy ánh sáng, đầy ánh nắng. Dưới ánh nắng ấy, mọi cảnh vật ông mô tả đều tươi tốt, nở nang, màu mỡ, tràn đầy sức sống. Thứ ánh nắng có sức xua tan cả âm khí, tử khí trên những xác chết. Hãy xem một đoạn văn kì lạ của Nguyên Hồng trong *Hơi thở tàn* (1943) tả một ông già nghèo khổ vừa tắt thở trong một nhà thương làm phúc, một buổi sáng mùa hè : "Khác hẳn lúc sống, mặt ông tươi và trắng hẳn lên. Mắt ông nhắm lim dim và hai bên môi hơi nhếch như ông đã bằng lòng một sự gì rồi cười cái nụ cười cuối cùng ấy sau mấy tiếng thì thảm. Hai chân ông dặng ra, hai cánh tay áp vào bụng, chẳng khác nào ông đã đón một người mà ôm vào lòng". Và "ánh nắng lại đón chào ông. ánh nắng vàng ngời như lửa đốt của buổi sáng mùa hè lúc đó gió còn mát dịu, thổi chờn vờn những lá cây, lá cỏ lấp lánh sương..."

Cái gì đã tạo nên ở Nguyên Hồng một chủ nghĩa lạc quan vững khoẻ đến như thế ? Đó là lí tưởng cách mạng mà nhà văn đã



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

tiếp thu được ngay từ thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương, nhất là từ khoảng năm 1938 - 1939 trở đi. Đó là bản tính yêu đời, yêu sống của nhân dân lao động đã thấm vào máu thịt, tâm hồn ông. Đó là sức mạnh tinh thần của một con người bao giờ cũng sống hết mình với cuộc sống, với mọi người, mọi việc xung quanh. Thái độ thờ ơ, lạnh nhạt, hoài nghi là một cái gì hết sức xa lạ đối với Nguyên Hồng. Làm sao có thể hình dung được một Nguyên Hồng không còn hoạt động sôi nổi, hăm hở được nữa, một Nguyên Hồng trái tim phải ngừng đập, đành nhắm mắt xuôi tay giữa cuộc đời muôn vàn yêu quý này của ông!



Quá trình sáng tác của Nguyên Hồng như thế là đúng 46 năm liên tục (1936 - 1982). Ông để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ mà sức sáng tạo, cho đến phút cuối cùng, chưa hề có dấu hiệu gì vơi cạn. Dĩ nhiên, đánh giá một nhà văn, người ta nghĩ đến chất lượng hơn là số lượng những trang viết. Không thể nói rằng tác phẩm của Nguyên Hồng đều là những đỉnh cao,

## HUYỀN ÁI TÔNG

những kiệt tác văn học. Nhưng đối với lịch sử văn học nước ta năm mươi năm qua, Nguyên Hồng có một vị trí chắc chắn lắm, bền vững lắm. Tôi nghĩ rằng, văn học sử một dân tộc, nếu ví như một phòng triển lãm hội họa treo kín những bức tranh phản ánh những phương diện khác nhau của hiện thực xã hội, phong tục tập quán, phong cảnh thiên nhiên và tâm hồn dân tộc ấy thì một nhà văn có vị trí thật sự trong lịch sử văn học phải là tác giả của những bức tranh mà, nếu vì lý do nào đấy, phải tháo cất đi, thì phòng triển lãm cứ đành bỏ trống một mảng tường lớn, không lấy gì điền vào, thay vào cho tương xứng được. Ta cứ tưởng tượng xem, nếu không có những bức tranh của Nguyên Hồng thì tình trạng sẽ thế nào ? Ai thay thế được Nguyên Hồng để dựng lên bức tranh quy mô, hoành tráng về thành phố Hải Phòng cảng thẳng, sôi sục vào những năm bốn mươi đây biến động của lịch sử dân tộc ? Ai sẽ vẽ nổi như Nguyên Hồng chân dung những lão La, mẹ La, Gái Đen, cụ Cam, cụ Ước, v.v. những người lao động cùng khổ nhưng đầy sức sống của thành phố cảng, có một cái gì táo bạo, ngang ngược đầy, nhưng bản chất thẳng ngay, trung thực, giàu tình nghĩa, không phải chỉ là con đẻ của những giai cấp cần lao của một thành phố mới xây dựng, mà còn được sinh ra từ những truyền thống tinh thần tốt đẹp kết tinh tự ngàn xưa của dân tộc mình ? Nguyên Hồng không có những kiệt tác hoàn chỉnh, nhưng có những trang viết đáng gọi là kiệt tác. Nói riêng về bộ tiểu thuyết *Cửa biển*, tôi nghĩ đến những trang viết về mẹ La vượt ngục. Những trang viết thật dữ dội ! Người đàn bà này phải vượt qua hai cửa ngục khủng khiếp : cửa ngục của bà Chúa Ngục, và cửa ngục của bọn đế quốc ; những trang viết về Huệ Chi bước dần bước dần tới cái chết mà cứ lững thững như đi trong một thế giới huyền ảo tạo nên bởi những kỉ niệm đầy chất thơ của tình mẫu tử, tình quê hương, v.v. Văn Nguyên Hồng thường tạo nên sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, giữa thiên đường và địa ngục. Ông viết rất hay về những tính cách "thiên thần", nhưng cũng viết rất đạt về những tên quỷ sứ. Những trang viết về thằng mật thám Tây Cậu, về tên vô lại

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Nguyễn Kim Tú - em Thi San, v.v. cũng là những trang không để gì có ai viết thay được.

Xuân Diệu có lần nói, Nguyên Hồng có năng khiếu của một nhà văn lớn. Tôi cũng nghĩ như thế. Ông thành công ngay từ sáng tác đầu tay. Nhưng nếu như có những cây bút nào kia chỉ loé sáng lúc ban đầu rồi lụi tắt, thì Nguyên Hồng, cả quá trình sáng tác mấy chục năm, không có lúc nào viết xuống tay hẳn. Tác phẩm cuối cùng của ông là bộ tiểu thuyết *Núi rừng Yên Thế*. Tác phẩm mới in một tập. Bản thảo tập hai chưa ráo mực. Với bộ truyện viết về Đề Thám này, Nguyên Hồng sẽ có thêm một đóng góp mới đối với văn học hiện đại nước ta, nói riêng về loại tiểu thuyết lịch sử. Tác phẩm chưa hoàn thành. Cái chết đến với nhà văn quá đột ngột, giữa đà sáng tác đang còn hào hứng và đầy hứa hẹn. Tiếc thay !

\*\*\*

Nguyên Hồng là con người rất dễ xúc động, rất dễ khóc. Ai từng tiếp xúc với Nguyên Hồng đều thấy như thế. Khóc khi nhắc đến nỗi khổ của con người trong xã hội cũ. Khóc khi nghĩ đến công ơn cách mạng. Khóc khi ôn lại những kỉ niệm thắm thiết của mình với bạn bè, đồng chí. Khóc cả khi kể lại nỗi bất hạnh của những nhân vật do chính mình sáng tạo ra. Tôi đã được thấy Nguyên Hồng khóc khi nói đến cái chết của Gái Đen trong *Con bão đã đến*. Người con gái tốt bụng, thẳng thắn ấy, vì nhẹ dạ, cả tin mà bị lừa dối đến nỗi uất lên mà chết trong một cơn trở dạ đau đớn. Kể đến đây, Nguyên Hồng nghẹn ngào không nói được nữa, nước mắt rùng rùng. Ông khóc như người mẹ đứng trước cái chết của đứa con mình rút ruột đẻ ra, nhất là phải chết oan chết uổng, chết khốn chết khổ như Gái Đen. Nguyên Hồng đã sống hơn sáu mươi năm, đã viết hơn bốn

HUYỀN ÁI TÔNG

mười năm, ai biết được ông đã đổ ra bao nhiêu nước mắt cho đời và cho nghệ thuật ? Bây giờ nằm dưới ba thước đất, nguồn nước mắt ấy, liệu có bao giờ khô cạn được chăng ?

(Đồng Xa, 14-05-1982)

Trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, trong bài viết về nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh, đã có nhận định:

*“Nguyễn Đăng Mạnh được coi là nhà nghiên cứu đầu ngành về văn học Việt Nam hiện đại và được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân. Ông nổi tiếng gần đây là nhờ quyển hồi ký có viết một vài chi tiết về chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan chức trong chính phủ của đảng cộng sản Việt Nam”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đăng Mạnh Web:
- Thương tiếc nhà văn Nguyễn Hồng Web: [vanhaiiphong.com](http://vanhaiiphong.com)

## 2. Hoàng Ngọc Hiến



### **Hoàng Ngọc Hiến (1930-2011)**

Nhà giáo, nhà phê bình văn học Hoàng Ngọc Hiến sinh ngày 21 tháng 7 năm 1930 tại Nam Định, quê quán: Làng Đông Thái, xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau năm 1945, ông cùng gia đình đi tản cư, học Trường trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng ở Vinh và được gửi đi đào tạo ở Liên Xô.

Năm 1959, ông làm nghiên cứu sinh và bảo vệ thành công Tiến sĩ Văn học chuyên ngành lý luận, phê bình tại Đại học Tổng hợp Moskva, Liên Xô với luận án về nhà thơ Liên Xô Vladimir Vladimirovich Mayakovsky

Về nước, ông lần lượt giảng dạy ở các trường Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Văn hóa, Trường Việt văn Nguyễn Du và ông đã nhiều năm làm hiệu trưởng ngôi trường này.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ năm 1983, ông đã nhiệt thành cổ súy cho sự đổi mới sáng tác văn học ở Việt Nam, phê phán những bất cập trong hệ thống lý luận quan của Zdanov.

Ông là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam năm 1987, và là đồng chủ bút với Huỳnh Sanh Thông, Trương Vũ ra tạp chí *Vietnam Review* (phát hành ở Mỹ trong 2 năm 1996 và 1997).

Ông có các học trò là nhà văn, nhà thơ đã thành danh như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Nguyễn Trọng Tạo...

Hoàng Ngọc Hiến mất vì bệnh lúc 23 giờ ngày 24 tháng 1 năm 2011 tại Bệnh viện Hữu nghị, Hà Nội, hưởng thọ 81 tuổi.

Tác phẩm:

- *Ngọn gió thổi những chiếc lá bay qua đại dương* (tập ký)
- *Maiacôpxki. Con người, cuộc đời và thơ* (khảo cứu. Tuyên dịch, 1976)
- *Maiacôpxki* (hài kịch. Dịch, 1984)
- *Văn học Xô Viết đương đại* (khảo cứu, 1987)
- *Văn học - học văn* (tiểu luận và phê bình, 1992)
- *Văn học và học văn* (tiểu luận và phê bình, 1997)
- *Văn học gần và xa* (tiểu luận, 2000)
- *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây* (tuyển tập những công trình của nhà triết học đương đại Pháp F.Jullien, Đà Nẵng, 2004)
- *Triết lý văn hóa và triết luận văn chương* (khảo cứu, 2006)
- *Văn hóa và văn minh - Văn hóa chân lý và văn hóa dịch lý* (2007)
- *Hoàng Ngọc Hiến. Tuyển tập chọn lọc* (2008)
- *Xác lập cơ sở cho đạo đức, Bàn về tính hiệu quả* (dịch từ sách của Francois Jullien)

Trích văn:

**Chủ nghĩa cổ điển mới - một trào lưu văn nghệ tiên bộ  
đương phát triển ở Mỹ**

Ở ta, những năm gần đây, có nhiều công trình nghiên cứu về chủ nghĩa hậu hiện đại. Thực ra để hiểu lý luận văn học, lý thuyết văn hoá phương Tây thế kỷ XX cần bắt đầu bằng việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện đại, một trào lưu văn hóa, nghệ thuật rộng lớn coi như xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX, phát triển ào ạt, mạnh mẽ trong vài ba thập kỷ đầu thế kỷ XX, đến những năm 30 thì bắt đầu suy kiệt. Tiếng vậy, từ đó đến nay, trong suốt thế kỷ XX, phương Tây vẫn tiêu dùng vốn trí tuệ của chủ nghĩa hiện đại. Trào lưu này bao gồm nhiều khuynh hướng và trường phái văn học nghệ thuật lớn: Tượng trưng, Ấn tượng, Suy đồi..., Lập thể, Vị lai, Kiến tạo (constructivisme)...., Biểu hiện, Đa đa, Siêu thực...Đánh giá như thế nào đây những thành tựu cách tân những trường phái lừng lẫy nói trên của chủ nghĩa hiện đại? Trước tiên chúng tôi căn cứ vào một ý kiến của nhà thơ Pháp Paul Valéry (1871-1945): "...tất cả những sự cách tân này cần thiết cho sau đó một chủ nghĩa cổ điển mới có thể xuất hiện..." Valéry là một thi tài lớn được hình thành từ câu lạc bộ của nhà thơ tượng trưng Mallarmé (đồng thời cũng là một trí tuệ lớn của nước Pháp, ông đã từng giảng bài ở Collège de France), ông là chủ soái của trường phái "thơ trí tuệ", chủ trương cụ thể hoá những tư tưởng trừu tượng bằng hình ảnh và tiết tấu tinh tế. Ông không từ bỏ những cách tân của chủ nghĩa hiện đại, ông thấy chúng là "cần thiết", tuy nhiên, ông tỏ ra dè dặt về tiền đồ của chủ nghĩa hiện đại, hướng về tương lai, ông nhìn thấy (hoặc muốn nhìn thấy) một xu hướng phát triển Nghệ thuật khác, một viễn cảnh hoàn toàn khác mà ông đặt tên là "chủ nghĩa cổ điển mới". Wallace Stevens (1879-1955), một trong những tác giả hàng đầu của thơ ca Mỹ và thế giới còn tỏ ra dè dặt hơn nhiều trong sự đánh giá chủ nghĩa hiện đại: "Chúng ta không nên tiêu phí thì giờ để làm hiện đại, còn bao

nhiều việc quan trọng hơn chúng ta phải làm”. Nhà văn Arhentina J.L. Borges (1899-1986), là một tác giả lỗi lạc của văn học Mỹ la-tinh và văn học thế giới. Thăng trầm của những trào lưu nghệ thuật cách tân giống như thủy triều lên xuống, thời trẻ, sống giữa những đợt sóng chủ nghĩa hiện đại, Borges khó mà thoát ra ảnh hưởng của chúng. Văn nghiệp của ông bắt đầu bằng những thể nghiệm táo bạo theo tinh thần Tiền phong của chủ nghĩa biểu hiện. Một điều khá bất ngờ là cuối cùng, Borges đâm ra chán và thất vọng với những mới mẻ về nội dung, những cách tân về nghệ thuật của những nhà thơ, nhà văn ít nhiều có họ hàng với chủ nghĩa hiện đại mà ông đã từng ngưỡng mộ thời trẻ. Ông vốn là một người hâm mộ Baudelaire, người báo trước chủ nghĩa hiện đại trong thơ, tập thơ *Ác hoa (Les Fleurs du Mal)* ông có thể trích dẫn liên hồi vô tận. Đối với tập *Ác hoa*, đến lúc ông thoát ra được, giữ được khoảng cách thì ông thấy tác phẩm này làm ông khó chịu, có cái gì đó không ổn về mặt đạo đức, tác giả quá ưu tư đến thân phận cá nhân của mình, quá quan tâm đến những hạnh phúc và bất hạnh riêng của mình. Mà muốn sống thanh thản thì tốt nhất là phiên phiến, nghĩ ngợi càng ít càng tốt những gì xảy đến với cuộc đời cá nhân mình. Đọc *Ác hoa* đọc giả dễ bắt chước nhân vật trữ tình của tập thơ, tự xem mình là một nhân vật thống thiết, phần thán ( *personnage pathétique*) .Mà “sống trên đời này tốt nhất là đóng vai nhân vật phụ (ý của Pythagore), làm nhân vật thống thiết thì mệt lắm”. Có thời Borges tưởng rằng Đốxtôievski là tiểu thuyết gia độc nhất vô song và ông đã đọc đi đọc lại nhiều lần *Tội ác và trừng phạt* và *Những người bị quý ám*, chúng ta đều biết cách tân nổi tiếng của Đốxtôievski là đưa *đa thanh* vào tiểu thuyết, một thủ pháp đặc sắc của văn xuôi chủ nghĩa hiện đại. Đọc những tác phẩm của Đốxtôievski, dần dà ông nhận thấy rất khó phân biệt nhân vật này với nhân vật khác, tất cả đều giống Đốxtôievski một cách lôm nhôm và các nhân vật dường như thích thú với sự bất hạnh của họ. Thế là ông không đọc Đốxt nữa và theo lời ông, sức sáng tạo của ông “chẳng vì sự thiếu vắng này mà giảm sút”. Borges đã từng



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

đánh giá cao những cách tân của Proust, Faulkner trong văn xuôi, phong cách “*dòng ý thức*” và những thủ thuật tự sự mới mẻ của họ... Nhưng theo ông, “dần dà thì những thủ thuật này người ta cũng chán và chúng ta sẽ quay trở về với cách kể truyện thông thường trong *Đôn Kihôtê*: “*Trong một ngôi làng bên bờ biển Manche mà tôi không muốn gọi nhớ lại tên ...*”. Quay trở về cách kể truyện thông thường trong *Đôn Kihôtê* tức là quay trở về cách tự sự cổ điển, quay trở về chủ nghĩa cổ điển. Kinh nghiệm chủ nghĩa hiện đại của Borges là một bài học lớn về sự tiếp nhận nghệ thuật cách tân: nên có sự thông cảm với sự cuồng nhiệt điên rồ của những “fan” hâm mộ nghệ thuật cách tân, đồng thời cũng phải thấy rằng những thủ pháp nghệ thuật cách tân đâu có độc sáng, tinh khôi đến đâu cũng không xoá bỏ được những thủ pháp nghệ thuật cổ điển.

Wallace Stevens ví hành trình của những nghệ sĩ Tiên phong (hoặc Tiên vệ) của chủ nghĩa hiện đại những thập kỷ đầu thế kỷ XX như những cuộc phiêu lưu của những nhà thám hiểm núi lửa, họ đã đến núi lửa, “đã gửi về tám bur ảnh cuối cùng” và lúc này không có ước vọng gì hơn là trở về nhà. Nhà văn Đức Hermann Hesse sau một thời gian đắm đuối với chủ nghĩa tượng trưng, với phân tâm học, với chủ nghĩa thần bí phương Đông, qua truyện ngụ ngôn *Sói thảo nguyên*, cũng nói đến tình cảm “nhớ nhà”: “Chúng ta còn vấp ngã lặn lội qua bao rác rưởi và xảo trá trước khi về đến nhà. Và chúng ta chẳng có ai dẫn đường. Người duy nhất hướng dẫn chúng ta là nỗi nhớ nhà.” Phải chăng “nhà” ở đây là chủ nghĩa cổ điển, “không phải như là một sở hữu chuyên biệt của châu Âu” mà như là một hằng số của văn học, nghệ thuật nhân loại, “một phép lạ đã từng xảy ra nhiều lần khắp thế giới trong những xã hội muôn vẻ”

Cái “chủ nghĩa cổ điển mới” mà Paul Valéry ước vọng như một viễn cảnh cho sự phát triển của nghệ thuật trong tương lai, một viễn cảnh để tích hợp những thủ pháp cách tân sáng giá của chủ nghĩa hiện đại thì ngày nay đã trở thành một trào lưu văn học nghệ thuật đang phát triển mạnh mẽ ở Mỹ. Trào lưu

## HUỶNH ÁI TÔNG

thực tại này có “những đại diện kiệt xuất của toàn thể phong trào”, “hội tụ những phát triển song song trong kiến trúc, âm nhạc, điêu khắc, thi ca, quy hoạch đô thị...”, nó thâm nhập vào giới hàn lâm, đặc biệt trong những lớp viết văn, nó có những tạp chí, những trạm trên mạng, những quán cà phê cổ điển mới cho toàn cầu, “nơi đó các họa sĩ đủ loại có thể tìm ra nhau,... tranh luận, hợp tác, và chuẩn bị triển lãm, hội thảo và trình diễn”, nó có những khách sạn cho công chúng có thể tới để tìm những gì là tinh hoa nhất trong các tác phẩm mới...” Trong khi cảnh tượng nghệ thuật đương đại đầy rẫy những “cái xấu”, cái “hỗn mang về đạo đức”, cái “ngu ngốc trí tuệ tội nghiệp” thì toàn phong trào chủ nghĩa cổ điển mới là “nỗi mong muốn quay trở về với lý tưởng của cái đẹp”, cái đẹp không tách rời cái đẹp đạo đức và cái đẹp trí tuệ. “Cái đẹp không chỉ là một khía cạnh được lựa chọn của nghệ thuật: nó là một đối tượng, một ý hướng của nghệ thuật”, “cái đẹp không chỉ thuần là một quy ước mà cái đẹp là một khả năng và một nhu cầu cơ bản của con người”.

Tóm lại, về nội dung, chủ chốt của chủ nghĩa cổ điển mới là “sự tôn trọng các giá trị tâm linh và nhân bản vĩnh hằng như chân, mỹ, thiện và đề ra sự phục hoạt cho cả loài người sau năm thế kỷ thống trị của phương Tây”; về hình thức nghệ thuật, đó là sự vận dụng tốt những thủ pháp cách tân, kết hợp sự mới mẻ với sự giản dị và sự chín chắn, không đối lập “truyền thống đích thực” với “độc sáng đích thực” mà xem chúng là “điều kiện tiên quyết” của nhau (trong đoạn này và đoạn trên, những cụm từ và những câu đặt trong vòng kép được trích dẫn từ FT).

Trào lưu chủ nghĩa cổ điển mới có những nhà lý luận của nó mà Frederich Turner là một đại diện kiệt xuất, bản Tuyên ngôn ông viết năm 1995 gồm 7 điểm:

1. Tái hợp nghệ sĩ với công chúng
2. Tái hợp cái đẹp với đạo đức

3. Tái hợp nghệ thuật cấp cao với nghệ thuật cấp thấp
4. Tái hợp nghệ thuật với tay nghề
5. Tái hợp nhiệt tình và trí tuệ
6. Tái hợp nghệ thuật với khoa học
7. Tái hợp quá khứ với tương lai.

Trào lưu này chẳng những có liên quan với “những thay đổi sâu xa về chính trị trên cảnh tượng quốc tế cùng với sự tái suy nghĩ lớn lao đương đại về kinh tế học và triết học xã hội”, nó còn “đi song hành với những phát triển trong ngành khoa học tự nhiên và nhân văn, đặc biệt trong những mô hình mới về não bộ và tâm trí, và trong lý thuyết về hỗn mang, tức khoa học về những tiến trình động lực học phi tuyến tính và những tụ điểm hấp dẫn dị kỳ của chúng.”

Để định nghĩa thi pháp của chủ nghĩa cổ điển mới, F. Turner đưa ra 7 quan niệm. Tôi giới thiệu 3 quan niệm đầu để độc giả hình dung được lý luận văn học (đúng hơn lý luận văn hoá) làm cơ sở cho thi pháp của ông.

1. Thi pháp này sẽ kinh nghiệm văn học trong ngôi nhà của một thế giới của tỉ lệ, không gian, và số lượng. Nó sẽ tái kết với toán học, số học, luận lý, lý thuyết số, và hình học. Có một khởi đầu hứa hẹn cho điều này trong cấu trúc luận (bị xảy thai vỡ hậu cấu trúc luận); nhưng chúng ta phải tìm cả cội rễ trong lý thuyết của quá khứ về tu từ, phong thuỷ, thuật số, hoạ pháp tiểu tượng (iconography) và kí ức học (mnemonics). Các nhà phê bình văn học phải đọc được Benoit Mandelbrot [người khởi xướng khoa hình học phiến điệp tức fractal geometry]. Cứ những lí thuyết toán học mới về vị tướng học (topology) của vũ trụ, chúng mô tả vũ trụ như một khối siêu cầu kép (a double super-sphere) nghĩa là một khối cầu với hai trung tâm mà mỗi trung tâm lại là chu vi ngoại diện của trung tâm kia. Những nhà toán học Istvan Ozsvath và Wolfgang Rindler vốn đang nghiên cứu dạng này đó vạch ra rằng hình học này tương ứng một

cách chuẩn xác với vũ trụ được Dante mô tả trong tác phẩm Paradiso [Thiên đường]

2. Thi pháp mới sẽ kinh nghiệm văn học trong ngôi nhà của thế giới vật lí - một thế giới mà hiện chúng ta đang nhận thức rằng nó đầy những chuyên đổi cục diện tinh tế, những động loạn, những trật tự hiện xuất và những tiến triển tự phản ánh - chúng có thể tác động như những mô hình và những vật tương tự diệu kỳ cho sự sáng tạo nghệ thuật. Một số những nhà hoá học, vật lí, và điều khiển học như Roald Hoffman, Ilya Prigogine, Cyril Stanley Smith, John Archibald Wheeler, và Douglas Hofstadter có thể giúp chỉ đường lối, nhưng trong thế giới văn học và phê bình thực tình không hề cú phò bõnh, và rất ít văn học thuộc loại này. Những nhà phê bõnh như Katharine Hayles, Koen dePryck, và Alexander Argyros là những ngoại lệ đáng chào mừng.

3. Thi pháp mới sẽ kinh nghiệm văn học trong ngôi nhà của thế giới đang sống. Thơ là một hoạt động của một chủng loại đang sống, với một bộ óc và hệ thần kinh và thân thể đang sống. Như tôi đã vạch ra, những khả năng nền tảng của văn học và nghệ thuật - chẳng hạn như chúng ta có thể sản sinh và hiểu vận luật của thơ, thể tự sự, những dạng thức thị giác, và giai điệu - là đại đồng về mặt văn hoá và là hậu quả của việc đồng tiến hoá chủng tử-văn hoá. Chúng ta có một tự tính; tự tính này mang tính văn hoá; văn hoá này mang tính co điển. Tự tính văn học và nghệ thuật của chúng ta được ẩn kí trong những hệ thần kinh trung ương của chúng ta; tự tính này là thuật toán (algorithm) làm phát sinh sự biến thiên phi thường trong nghệ thuật và văn học của loài người. Chúng ta cần lắng nghe những gỡ khoa học thần kinh đang phát biểu, lắng nghe những nhà nhân tính học (ethology), sinh học xã hội (sociobiology), hoá học thần kinh (neurochemistry), vật lý tâm lý (psychophysics), nhưng các khoa sinh học phân tử (molecular biology) và hoá sinh học (biochemistry) cũng quan trọng không kém. Tiên khởi mạnh nhất của ngôn ngữ trong thế giới vật lí là phân tử DNA;

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

thực vậy, có thể chính xác hơn khi nói rằng ngôn ngữ chỉ là DNA mau, hoặc nói rằng DNA là ngôn ngữ chậm. Những điều chúng ta đang tìm thấy về cách phân tử DNA tự biên tập, phát biểu, tu sửa, tái kết, và tái sinh sản là có tầm quan tâm then chốt và trung tâm nhất đối với văn học, âm nhạc và nghệ thuật - vốn cũng làm đúng những việc này, có lẽ trong những đường lối tương tự...

Lý luận văn học của chúng ta là sự tích hợp những thành tựu của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn trên nền của hệ tư tưởng và hoàn toàn ngành lưng với toán học và khoa học tự nhiên. Lý luận văn học của F.Turner có một ngôn ngữ khác, muốn hiểu phải nắm được những thành tựu của những ngành toán học và khoa học tự nhiên mà quá nửa đa số chúng ta lần đầu tiên nghe tên. Phải chăng với F.Turner lý luận văn học trở thành một lĩnh vực đặc địa để thực hiện sự tích hợp khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, nhân văn?



## HUỖNH Ỉ TÔNG

Trong bài: *Hoàng Ngọc Hiến ra đi - Sự khởi đầu một cuộc sống mới*, tác giả Phan Hồng Giang đã viết:

*“Trong thời của chúng ta, Hoàng Ngọc Hiến là một kiểu trí thức hiếm hoi say mê theo đuổi nhiều lĩnh vực thoát nhìn như xa cách nhau. Ông quan tâm đến văn học phương Tây, văn học Nga và cả văn học Việt Nam - cổ điển và hiện đại, đương đại. Ông say sưa tìm hiểu triết học phương Tây và minh triết phương Đông. Ông nghiên ngẫm những vấn đề tâm lý học, phân tâm học, di sản văn học trung đại của nước Nga. Trên tất cả là những trăn trở thao thức về số phận của dân tộc, của đất nước ta từ góc nhìn của một trí thức dân thân hết lòng yêu đất nước mình, nhân dân mình, chia sẻ cùng họ những "mong đợi ngậm ngùi" về một sự đổi thay theo chiều hướng tốt lên...”*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Ngọc Hiến Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Chủ nghĩa cổ điển mới - một trào lưu văn nghệ tiến bộ đương phát triển ở Mỹ* Web: [newvietart.com](http://newvietart.com)

### 3. Phan Cự Đệ



#### **Phan Cự Đệ (1933-2007)**

Giáo sư Phan Cự Đệ sinh ngày 20 tháng 7 năm 1933 trong một gia đình có truyền thống Nho học ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vì nhà nghèo, từ thời niên thiếu ông phải vừa học vừa dạy kèm, để kiếm sống và tiếp tục học.

Năm 1954, sau Hiệp định Geneve, ông tự lặn lội ra thủ đô theo học khoa Văn Đại học Sư Phạm Hà Nội, vừa mở khóa đầu tiên.

Năm 1957, tốt nghiệp, ông được giữ lại giảng dạy bộ môn Văn học Việt Nam tại Khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, một cơ sở đầu ngành giảng dạy, nghiên cứu về văn học ở Việt Nam.

Năm 1986 ông chủ động thành lập Trung tâm Nghiên cứu văn hóa quốc tế (RICC).

Năm 1991 ông nhận học vị Giáo sư và Huân chương Lao động hạng Nhất.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1995, ông là người đồng sáng lập đồng thời đảm nhiệm luôn cương vị Chủ tịch Câu lạc bộ Giao lưu kinh tế văn hóa quốc tế,

Năm 2000, ông trở thành Viện sỹ Viện Hàn lâm Thông tin quốc tế Liên bang Nga.

Năm 2002, ông được nhận danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

Năm 2004 ông nhận Giải thưởng Nhà nước về các công trình khoa học xã hội - nhân văn.

Ông mất đột ngột ngày 5 tháng 9 năm 2007 tại Hà Nội do bệnh nhồi máu cơ tim. Thọ 74 tuổi.

Tác phẩm:

- *Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng* (viết chung, Giáo dục, 1959)
- *Văn học Việt Nam 1930 - 1945* (hai tập, viết chung, Giáo dục, 1961)
- *Ngô Tất Tố* (chuyên luận, viết chung, Văn hóa, 1962)
- *Nguyễn Huy Tưởng* (viết chung, Văn học, 1966).
- *Phong trào Thơ Mới (1932 - 1945)* (Khoa học, 1969)
- *Cuộc sống và tiếng nói nghệ thuật* (Văn học, 1971)
- *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại* (viết chung với Hà Minh Đức, 1974)
- *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* (hai tập, viết chung với Hà Minh Đức, Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1974-1975, 1977-1978, 2000, 2001)
- *Nhà văn Việt Nam* (hai tập, viết chung, Giáo dục, 1979, 1983)
- *Tác phẩm và chân dung* (Văn học, 1984)
- *Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ở nước ngoài* (lý luận văn học, viết chung, Cầu vồng, Moskva, 1985)



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Tự Lực văn đoàn - Con người và văn chương* (Văn học, 1990)
- *Hàn Mặc Tử* (Giáo dục, 1993)
- *Về lý luận và phê bình văn học nghệ thuật* (viết chung, Sự thật, 1984)
- *Văn học Việt Nam 1930 - 1945* (giáo trình đại học, chủ biên, Đại học, 1988)
- *Tác phẩm văn học 1930 - 1975* (bình giảng văn học, chủ biên, Khoa học Xã hội, 1991)
- *Đổi mới và giao lưu văn hóa* (Chính trị Quốc gia, 1997)
- *Văn học lãng mạn Việt Nam 1932-1945* (Giáo dục, 1997)
- *Văn học của chủ nghĩa lạc quan lịch sử* (viết chung, lý luận văn học, Tiến bộ, Moskva, 1997)
- *Văn học Việt Nam 1900 - 1945* (giáo trình đại học, chủ biên, Giáo dục, 1997, 1998, 1999)
- *Văn bản và văn mạch - giao lưu giữa văn học và văn hóa ở Đông Nam Á* (viết chung, Đại học Tổng hợp Diliman, Manila, 1999)
- *Tuyển tập Phan Cự Đệ* (bổn tập, Văn học, 2000)
- *Lý luận phê bình văn học miền Trung thế kỉ XX* (chủ biên, Đà Nẵng, 2001)
- *Hàn Mặc Tử - Về tác gia và tác phẩm* (Giáo dục, 2001)
- *Di sản báo chí Ngô Tất Tố - ý nghĩa lý luận và thực tiễn* (chủ biên, Văn học, 2005)

Trích văn:

### **Thái độ và phương pháp giảng dạy của Trương Tửu**

Gần đây, báo chí đã vạch trần những tư tưởng chính trị và văn nghệ phản động của Trương Tửu. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ muốn nói lên ở đây thái độ và phương pháp giảng dạy của Trương Tửu mấy năm qua ở Đại học ảnh hưởng đến nhà trường và sinh viên như thế nào.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Với cương vị một giáo sư ở trường, Trương Tửu luôn luôn tìm cách đả kích vào lãnh đạo, gây bè phái để chia rẽ hàng ngũ giáo sư, sinh viên. Trước mặt sinh viên, Trương Tửu luôn luôn nói xấu, vu khống các giáo sư Đặng Thai Mai, Phạm Huy Thông, Trần Văn Giàu là những người có trách nhiệm lãnh đạo ở Đại học. Trương Tửu lại câu kết với một số giáo sư khác để tìm cách gây khó khăn cho ban giám đốc, gây khó khăn cho lãnh đạo. Năm nào Trương Tửu cũng mua chuộc một số sinh viên làm “tay chân” xung quanh mình. Dưới sự giáo dục của Trương Tửu, họ trở thành những kẻ kiêu căng, tự do vô kỷ luật, gây chia rẽ bè phái trong sinh viên, nói xấu cán bộ, nói xấu Đảng (Hầu hết sinh viên tham gia viết “Đất mới” đều là “tay chân” của Trương Tửu).

Năm vừa qua, trong thời gian đi thực tập, Trương Tửu khuyên sinh viên sư phạm cứ giữ vững “lập trường đại học” (tức lập trường Trương Tửu!) chống lại “lập trường phổ thông”, chống lại quan điểm sách giáo khoa của Bộ giáo dục. Kết quả sinh viên về các trường không chịu dạy theo sách giáo khoa, thậm chí có sinh viên công kích sách giáo khoa ngay trước mặt học sinh, gây rất nhiều khó khăn cho lãnh đạo, làm mất đoàn kết với một số giáo sư phổ thông.

Ở lớp, lợi dụng cương vị giáo sư, Trương Tửu đã xuyên tạc văn học sử theo phương pháp suy luận duy tâm chủ quan để bênh vực cho lập trường văn nghệ phản động của mình. Những quan điểm văn nghệ sĩ phải tự do tư tưởng, phải chống đối lại chính quyền, không cần sự lãnh đạo của Đảng cũng có nghệ sĩ thiên tài, luôn luôn được lặp đi lặp lại và lồng vào các giờ lên lớp.

Cần phải nói rõ rằng mấy năm qua, Trương Tửu không hề viết giáo trình cho sinh viên. Lý do chính là vì Trương Tửu là người hay nói bừa bãi, xuyên tạc trắng trợn nên không dám viết, sợ phải chịu trách nhiệm trước “giấy trắng mực đen”! Trong lúc giảng cho lớp Văn 3 vừa qua (giai đoạn văn học

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

1930-1945), Trương Tửu không chú ý đến thơ văn yêu nước như thơ văn Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, thơ văn cách mạng hội Xô-viết Nghệ Tĩnh, hội Mặt trận Bình dân, thơ Tố Hữu, v.v... Trương Tửu chỉ nhấn mạnh và đề cao có Tân Đà và Vũ Trọng Phụng. Nhận định của Trương Tửu về Vũ Trọng Phụng thay đổi như chong chóng qua từng năm học. Khen chê hoàn toàn theo chủ quan của mình. Trong giáo trình (miệng) 1957, Trương Tửu đặc biệt đề rất cao Vũ Trọng Phụng. Một mặt khác, lúc kết hợp giảng về phương pháp hiện thực của Vũ Trọng Phụng, Trương Tửu đã cô ý hạ thấp vai trò của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan. Trong giáo trường <sup>(a)</sup> mấy năm trước, Trương Tửu cho rằng Nguyễn Công Hoan không lúc nào chế riễu mai mỉa kẻ bị áp bức như Vũ Trọng Phụng. Trương Tửu nói: “Toàn bộ văn nghiệp của Nguyễn Công Hoan tố cáo kịch liệt chế độ làm khổ người nghèo lương thiện, văn nghiệp có tính chất cách mạng. Nguyễn Công Hoan là nhà văn phản phong kịch liệt”. Ngay năm ấy Trương Tửu cũng đánh giá Ngô Tất Tố là “phản phong sâu sắc hơn cả” so với các nhà văn hiện thực thời ấy. Nhưng đến năm 1957, Trương Tửu chỉ nhấn mạnh vào tính chất “lạc hậu” của Nguyễn Công Hoan (“*Cố giáo Minh*”, “*Thanh đạm*”) mà không nêu ưu điểm của Nguyễn Công Hoan. Ngô Tất Tố không được nhắc tới, Nguyễn Hồng bị lu mờ. Trong khi đó chỉ một mình Vũ Trọng Phụng được đề lên rất cao. Trương Tửu cho Vũ Trọng Phụng là một nhà văn chiến đấu cho chủ nghĩa hiện thực, tác phẩm có một nội dung hiện thực rất vĩ đại.

Đặc biệt Trương Tửu đề cao cuốn “*Vỡ đê*”. Trương Tửu nói ở lớp: “Vũ Trọng Phụng viết ‘*Vỡ đê*’ là để chứng minh sự thất bại của cải lương chủ nghĩa. ‘*Vỡ đê*’ là sự tan hoang của cải lương chủ nghĩa trước sức tấn công của giai cấp thống trị”. Nhân vật Phú trong ‘*Vỡ đê*’ đã đi từ chỗ trôi vào cải lương đến chỗ thấy rõ sự thất bại của cải lương chủ nghĩa. Thế mà, theo Trương Tửu, lúc đó Đảng ta lại chủ trương cải lương chứ không chủ trương đấu tranh cách mạng! (Cần chú ý rằng luận

## HUỶNH ÁI TÔNG

điều này là luận điệu của bọn Trốt-ky hồi đó). Như vậy tuy không kết luận, Trương Tửu đã làm cho sinh viên thấy Vũ Trọng Phụng sáng suốt hơn Đảng. Điều này phù hợp với lập luận của Trương Tửu trong *Giai phẩm* cho rằng văn nghệ sĩ có khả năng “phát hiện sự thật toàn diện”, văn nghệ sĩ sáng suốt hơn Đảng, “trong tương lai, văn nghệ sĩ sẽ là chúng nhân mọi hành động của Đảng trước tòa án lịch sử ngàn đời”!

Sự thật, Vũ Trọng Phụng có đáng đề cao như vậy không? Thái độ chính trị của Vũ Trọng Phụng như thế nào? Hiện nay chúng ta chưa đủ tài liệu để kết luận đầy đủ về Vũ Trọng Phụng, nhưng qua một vài biểu hiện về mặt thái độ chính trị, ta thấy Vũ Trọng Phụng không đáng được đề cao quá mức như vậy.

Vũ Trọng Phụng đã nhìn quần chúng với một con mắt mỉa mai, ngòi bút tàn nhẫn không thương xót. Đây là một đoạn trong “*Giông tố*”: “Trẻ con người lớn đứng xem đen ngòm... Một người lính quát một tiếng, *thế là cả cái đống người tò mò ấy tan tác ra như một đàn ruồi ở sau móng con bò lúc bị cái đuôi bò đập một cái vậy*”.

Nhưng có một điều quan trọng là trong một tác phẩm nhan đề “*Nhân sự chia rẽ giữa Đệ tam và Đệ tứ*”<sup>(b)</sup> xuất bản ở Sài Gòn năm 1938 (nhà xuất bản Thanh Mậu), Vũ Trọng Phụng đã dựa vào những tài liệu phản động của bọn đế quốc chủ nghĩa và theo luận điệu của bọn Đệ tứ quốc tế để xuyên tạc sự nghiệp cách mạng tháng 10, sự nghiệp của Lê-nin, đề đề cao Trốt-ky, phỉ báng Sta-lin.

Vũ Trọng Phụng viết: “Trong khi Lê-nin trốn tránh ở Phần Lan thì Trốt-ky đã ở nhà ra lệnh tổng công kích... Cái giới khởi công sắp đến. Trong hai tuần lễ, Trốt-ky đã tàng trữ khí giới và phân phát cho mọi người, họp đảng viên thành những tập nhỏ có những kẻ chắc chắn đem đặt các quân đội của mình tại

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

những yếu điểm. Sau cùng theo mật chỉ của Trốt-ky, Lê-nin lại đeo tóc giả, ăn mặc đàn bà, từ Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát”.

Thật là một sự xuyên tạc trắng trợn về sự chuẩn bị Cách mạng tháng 10! Vũ Trọng Phụng hạ thấp vai trò của Lê-nin để đề cao Trốt-ky.

Một mặt khác, chúng ta cũng cần xét tại sao năm vừa qua Trương Tửu đề cao Vũ Trọng Phụng hơn các năm trước? Trong mấy năm trước, *Nhân văn*, *Giai phẩm* chưa ra đời, tư tưởng chống Đảng tức là chống chế độ, chống chủ nghĩa xã hội của Trương Tửu chưa dám bộc lộ một cách trắng trợn. Năm vừa qua, gặp “cơ hội tốt” ở bên ngoài, Trương Tửu mới ngang nhiên đề hết sức cao Vũ Trọng Phụng để cố tình hạ thấp vai trò các nhà văn đảng viên (như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng).

Cuối cùng, như ở trên đã nói, đề cao Vũ Trọng Phụng, đề cao tác phẩm “*Vỡ đê*”, Trương Tửu có dụng ý đề quá cao vai trò của văn nghệ sĩ, hạ thấp vai trò của Đảng. Trương Tửu cố làm cho sinh viên hiểu rằng: “Vũ Trọng Phụng có chịu sự lãnh đạo của Đảng đâu, thế mà cũng là nhà văn hiện thực vĩ đại!” Như vậy, theo Trương Tửu, đúng là văn nghệ sĩ sáng suốt hơn Đảng, đứng trên Đảng, có thể “phát hiện sự thật toàn diện” hơn Đảng!

Dụng ý của Trương Tửu trong lúc giảng dạy rất là thâm độc. Có thể nói Trương Tửu đã nhiều lần xuyên tạc giáo trình đề đầu độc tư tưởng của sinh viên. Chỉ qua việc giảng dạy, ta cũng đủ thấy phương pháp nghiên cứu văn học của Trương Tửu là phương pháp duy tâm chủ quan, thích ai thì khen, ghét ai thì chê, hoàn toàn theo ý muốn cá nhân của mình. Về thái độ chính trị thì đó là chủ nghĩa cơ hội, phản động, lợi dụng thời cơ để phát cò, hôm nay nói thế này, mai nói thế khác một cách rất giáo giở.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Với một lập trường chính trị phản động, thù địch với tư tưởng xã hội chủ nghĩa, với những quan điểm văn nghệ tư sản lỗi thời, với một phương pháp giảng dạy hoàn toàn duy tâm chủ quan, cơ hội, chúng ta có thể kết luận rằng: trong mấy năm qua, Trương Tửu đã tỏ ra không xứng đáng một tí nào với cương vị giáo sư một trường Đại học của chế độ ta, một chế độ tốt đẹp đang tiến dần lên xã hội chủ nghĩa.

Trong bài: *Nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ*, tác giả Nguyễn Văn Phúc đã có nhận định:

*“Có thể thấy ngay từ đầu sự nghiệp nghiên cứu và phê bình văn học, Phan Cự Đệ là người kiên trì vận dụng phương pháp luận mácxít một cách triệt để, đồng thời cũng chú ý vận dụng những phương pháp khác, chẳng hạn những công trình của Bakhtin đã là sự hỗ trợ rất quý cho ông viết một số chương trong cuốn Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại hoặc lý luận của chủ nghĩa tượng trưng siêu thực và cả phân tâm học đã giúp ông thâm nhập sâu hơn và có lý hơn vào thế giới thơ đầy bí ẩn và kinh dị Hàn Mặc Tử... Gần bó rất sớm với một phương pháp, đồng thời ngày càng có ý thức tiếp nhận rộng rãi các quan niệm và phương pháp khác phù hợp với việc giải quyết và soi sáng các hiện tượng văn học - đó là một đặc điểm và cũng là sự thể hiện những bước phát triển trong nhận thức lý luận của nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ để sau một chặng đường năm mươi năm, ông có thể nói điều đó như một thu hoạch của bản thân, sự khẳng định dứt khoát một kinh nghiệm.”*

Tài liệu tham khảo:

- Phan Cự Đệ Web: [hanoimoi.com.vn](http://hanoimoi.com.vn)
- Thái độ và phương pháp giảng dạy của Trương Tửu Web: [viet-studies.info](http://viet-studies.info)

#### 4. Hà Minh Đức



#### **Hà Minh Đức (1935-20 )**

Giáo sư nhà phê bình Hà Minh Đức sinh ngày 3 tháng 5 năm 1935 tại Vĩnh An, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.

Ông tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội nay là Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội năm 1957.

Từ năm 1957 đến nay ông công tác giảng dạy tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Trưởng bộ môn lý luận văn học; Phó chủ nhiệm Khoa Ngữ văn; Chủ nhiệm Khoa Báo chí.

Từ 1995 đến tháng 2 năm 2003 ông kiêm nhiệm công tác tại Viện Văn học, là Viện trưởng Viện Văn học kiêm Tổng biên tập Tạp chí *Văn học*.

Ông còn giữ các chức vụ như thành viên Ủy ban Giáo dục toàn quốc từ năm 1998.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Ủy viên Hội đồng lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương từ tháng 9 năm 2003; Hội viên Hội nhà văn Việt Nam; Hội viên Hội nhà báo Việt Nam.

Giáo sư Hà Minh Đức nhận được giải thưởng và danh hiệu:

- Danh hiệu Nhà giáo Nhân dân
- Giải thưởng nhà nước về nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghiệp năm 2010.

Tác phẩm:

- *Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc* (Văn hóa, 1961)
- *Tác phẩm văn học* (Giáo dục, 1962)
- *Loại thể văn học* (Giáo dục, 1962)
- *Nguyễn Huy Tưởng* (nghiên cứu, viết chung với Phan Cự Đệ, Văn học, 1966)
- *Thơ ca Việt Nam – hình thức và thể loại* (viết chung với Bùi Văn Nguyên, Khoa học Xã hội, 1968)
- *Nhà văn và tác phẩm* (phê bình, tiểu luận, Văn học, 1971)
- *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại* (lý luận, Khoa học Xã hội, 1974)
- *Thực tiễn cách mạng và sáng tạo thi ca* (phê bình, tiểu luận, Văn học, 1977)
- *Nhà văn Việt Nam tập I* (nghiên cứu viết chung với Phan Cự Đệ, Đại học, 1979)
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà thơ lớn của dân tộc* (nghiên cứu, Khoa học Xã hội, 1979)
- *Kỷ yếu về chiến tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội* (nghiên cứu, Quân đội Nhân dân, 1980)
- *C.Mac-Ph.Anghen – V.I.Lênin và một số vấn đề lý luận văn nghệ* (Sự thật, 1982)
- *Nhà văn Việt Nam, tập II* (nghiên cứu viết chung với Phan



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Cự Đệ, Đại học, 1983)

- *Tác phẩm văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh* (nghiên cứu, Khoa học Xã hội 1985)
- *Thời gian và trang sách* (phê bình, tiểu luận, Văn học, 1987)
- *Mấy vấn đề lý luận văn nghệ trong sự nghiệp đổi mới* (chủ biên, Chính trị Quốc gia, 1990)
- *Về một cuộc cách mạng trong thi ca* (biên soạn chủ biên cùng Huy Cận, Giáo dục, 1991)
- *Lý luận văn học* (chủ biên, Giáo dục, 1992)
- *Báo chí – những vấn đề lý luận và thực tiễn* (chủ biên, Giáo dục, 1993)
- *Nguyễn Bình thi sĩ của đồng quê* (nghiên cứu, Giáo dục, 1994)
- *Thời gian và nhân chứng* (3 tập, chủ biên, Chính trị Quốc gia, 1994-2001)
- *Một thời đại trong thơ ca* (nghiên cứu, Khoa học Xã hội, 1996)
- *Vị giáo sư và ẩn sĩ đường* (bút ký, Văn học, 1996)
- *Nam Cao – đời văn và tác phẩm* (nghiên cứu, Văn học, 1997)
- *Khảo luận văn chương* (nghiên cứu, Khoa học Xã hội, 1997)
- *Văn học Việt Nam hiện đại* (bình giảng Thanh niên, 1997)
- *Nhà văn nói về tác phẩm* (biên soạn chủ biên, Văn học, 1997)
- *Chặng đường mới của văn học Việt Nam* (tiểu luận, chủ biên, Chính trị Quốc gia, 1998)
- *Đi tìm chân lý nghệ thuật* (tiểu luận phê bình, Văn học, 1998)
- *Đi hết một mùa thu* (thơ, Văn học, 1999)
- *Báo chí Hồ Chí Minh – Chuyên luận và tuyển chọn* (Chính trị Quốc gia, 2000)
- *Văn thơ Hồ Chí Minh* (tiểu luận, Khoa học xã hội, 2000)
- *Sự nghiệp báo chí và văn học của Hồ Chí Minh* (nghiên

## HUỶNH ÁI TÔNG

cứu, Giáo dục, 2000)

- *Cơ sở lý luận báo chí – Đặc tính chung và phong cách* (biên soạn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000)
- *Ba lần đến nước Mỹ* (bút ký, Nxb Văn học, 2000)
- *Ở giữa ngày đông* (thơ, Văn học, 2001)
- *Văn chương - tài năng và phong cách* (biên soạn, 2001)
- *Nhìn lại văn học Việt Nam thế kỷ XX* (biên khảo in chung, 2002)
- *Bản sắc hiện đại trong các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng* (biên khảo in chung, 2003)
- *Tự lực văn đoàn- trào lưu và tác giả* (biên khảo, Giáo dục, 2007)
- *Tài năng và danh phận* (bút ký, Chính trị quốc gia, 2014)

Trích văn:

### **Trải qua một thế kỷ nhiều biến động, văn nghệ luôn tự đổi mới không ngừng**

(trích tham luận, trong cuộc hội thảo khoa học "Nhìn lại một thế kỷ văn học Việt Nam")

Tiền đề của sự phát triển văn học Việt Nam là các sự kiện và biến động chính trị dồn dập xảy ra trong suốt thế kỷ 20. Những cuộc đấu tranh tư tưởng, tranh luận văn nghệ diễn ra rất sôi nổi. Thị hiếu công chúng và đội ngũ người viết cũng thay đổi nhanh chóng qua các thời kỳ lịch sử.

Những năm đầu thế kỷ 20, sự phát triển của đô thị kéo theo sự xuất hiện của tầng lớp học sinh, sinh viên, đòi hỏi văn nghệ phải đáp ứng được tâm lý, tình cảm và thị hiếu mới. Qua nhiều thời kỳ, vấn đề viết cho ai, viết về cái gì và viết như thế nào được đặc biệt chú ý. Chính vì vậy, có sự chuyển biến về quan điểm nghệ thuật, nội dung xã hội và thi pháp trong văn nghệ.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Thế kỷ này, Việt Nam có nhiều cải cách, nhiều khuynh hướng duy tân tiên bộ. Cải cách 1932 trở thành tiêu điểm có ý nghĩa quan trọng nhất của văn nghệ giai đoạn 1900-1945. *Tự lực văn đoàn* và *Phong trào Thơ mới* trở thành động lực cải cách xã hội, phê phán lễ giáo phong kiến và giải phóng cá nhân. Đóng góp đáng kể nhất của hai phong trào này là về thi pháp, đưa văn học Việt Nam từ thời kỳ cận đại sang thời kỳ hiện đại.

Đối lập với khuynh hướng tư tưởng và quan điểm nghệ thuật của giai cấp tư sản là văn nghệ của giai cấp vô sản hay nền văn học cách mạng. Đề cương *Văn hóa Việt Nam* ra đời năm 1943 đã xác định vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với văn nghệ.

Cách mạng Tháng 8 thành công mở ra một vận hội mới cho nền văn nghệ tự do của một nước độc lập. Văn nghệ nhập cuộc với cuộc sống của dân tộc và thời đại theo luận điểm nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Văn hóa văn nghệ cũng là một mặt trận và anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

Nửa sau thế kỷ 20, văn học mang chủ yếu nội dung chống thực dân đế quốc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới. Văn hóa văn nghệ cũng đạt nhiều hiệu quả và có nhiều triển vọng. Công chúng nghệ thuật hôm nay đang ở vào thời điểm có tính chất giao thời. Tâm lý xã hội biến động nhanh và thị hiếu thẩm mỹ cũng thay đổi.



HUỲNH ÁI TÔNG

Trên trang mạng Đại Học Quốc Gia Hà Nội, trong bài: *GS. Hà Minh Đức, như tôi nghĩ...* tác giả Thành Duy đã viết:

*« Điều đáng khâm phục là Hà Minh Đức không chỉ có những công trình lý luận đóng góp cho giảng dạy và nghiên cứu văn học mà anh còn theo dõi rất sát tình hình văn học cận - hiện đại Việt Nam, có bài nghiên cứu, phê bình hầu hết những nhà văn, nhà thơ tiêu biểu. Điều đó phản ánh một sức đọc bền bỉ, sức làm việc cần cù, chịu khó, mới có được những bài viết công phu, hấp dẫn về hàng chục nhà văn, nhà thơ tiêu biểu của thế kỷ XX. »*

Tài liệu tham khảo:

- Hà Minh Đức Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Trải qua một thế kỷ ...* Web: [vietbao.vn](http://vietbao.vn)

## 5. Phong Lê



### **Phong Lê - Lê Phong Sừ (1938-20 )**

Giáo sư Phong Lê tên thật là Lê Phong Sừ, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1938 tại Sơn Trà, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh.

Năm 1959, tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông về công tác tại Viện Văn học từ đó.

Năm 1960, ông là biên tập viên tòa soạn *Tạp chí Văn học* của Viện Văn học.

Năm 1965-1987, làm Trưởng phòng Phòng văn học Việt Nam hiện đại.

Từ năm 1968, là Ủy viên Hội đồng khoa học Viện Văn học.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ 1979.

Ông được phong học hàm Phó giáo sư năm 1984.

Từ năm 1985 -1993, là Ủy viên Hội đồng Lý luận, phê bình Hội Nhà văn Việt Nam khóa III.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ năm 1988-1995, là Viện trưởng Viện Văn học kiêm Tổng biên tập Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, Nghiên cứu viên cao cấp, Ủy viên Hội đồng khoa học Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Ông được phong học hàm Giáo sư năm 1991.

Giáo sư Phong Lê đã nhận được Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và công nghệ năm 2005.

Giáo sư Phong Lê hiện sống và làm việc tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Máy vấn đề văn xuôi Việt Nam 1945-1970* (1972)
- *Văn và người* (1976)
- *Văn xuôi Việt Nam trên con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa* (1980)
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh và văn học Việt Nam hiện đại* (1986)
- *Văn học và công cuộc đổi mới* (1994)
- *Nam Cao - Phác thảo sự nghiệp và chân dung* (1997)
- *Văn học trên hành trình của thế kỷ XX* (1997)
- *Một số gương mặt văn chương học thuật Việt Nam hiện đại* (2001)
- *Văn học Việt Nam hiện đại - những chân dung tiêu biểu* (2001)
- *Văn học Việt Nam hiện đại - lịch sử và lý luận* (2003)

Trích văn:

### **Sự nghiệp khoa học của giáo sư Trương Tửu (\*)**

Lần đầu tiên tôi tiếp xúc với Trương Tửu qua tiểu thuyết *Một chiến sĩ* (1938), và công trình nghiên cứu *Tâm lý và tư tưởng*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Nguyễn Công Trứ* (1943)<sup>(1)</sup>. Cuốn tiểu thuyết tôi không thích lắm vì quá nhiều lý sự và văn hơi khô. Tôi thích cuốn sau hơn. Cách thức gắn trực tiếp văn học với xã hội học và triết học duy vật quả đã đem lại nhiều kết luận mới mẻ, khác lạ, khiến cho Trương Tửu (dưới bút danh Nguyễn Bách Khoa) trở thành đại diện cho một khuynh hướng mới trong nghiên cứu- phê bình văn học lúc đương thời; và về sau sẽ có người tổng kết và nâng lên thành một khuynh hướng - đó là *khuynh hướng khoa học*.

Tiếp đó, đọc *Nguyễn Du* và “*Truyện Kiều*” (1943), và *Văn chương “Truyện Kiều*” (1944) thì có phần bị “sốc” bởi, với Nguyễn Bách Khoa, lần đầu tiên tôi được nghe những kết luận về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* khác với những gì tôi đã được nghe, và tự mình cảm nhận: “Nguyễn Du là một con bệnh thần kinh” (tr.236) (...) “*Bằng Truyện Kiều*, với tất cả cái hay và cái hỏng của nó, với tất cả cái chân thực và cái bất luận lý của nó, Nguyễn Du đã đánh dấu được cá tính mình, thân thể mình, đẳng cấp mình, thời đại mình, về cả ba phương diện: sinh hoạt, tư tưởng và tâm lý.

Đó là một sinh hoạt cần cỗi và sáo loạn, một tư tưởng nhát hèn và uỷ mị, một tâm lý tùy thời và ích kỷ. *Truyện Kiều* là kết tinh của ba yếu tố suy đồi ấy” (tr.339). “*Truyện Kiều* chỉ là kết tinh của những cái suy nhược trong cốt tủy Việt Nam. *Đầu tiên là cái uỷ mị (...)* *Sau cái uỷ mị là cái hèn (...)* *Sau cái hèn là cái trốn tránh*” (tr.340-341). “*Truyện Kiều* là một thứ văn chương đã ở một vị trí phản tiến hoá lúc đương thời của Nguyễn Du. Nó chứa chan một chất tàn héo, tiêu ma (chất thơ). Nó là kết tinh tinh thần của một chặng đường suy đồi nhất trên tràng kỳ tiến hoá của cá tính Việt Nam. Cái đẹp của *Truyện Kiều* ngày nay chỉ những tâm hồn muốn thụ lùi mới có thể thưởng ngoạn được...” (tr.416). Những kết luận như thế, và còn nhiều nữa trong phân tích, bình luận Nguyễn Du ở hai công trình viết trước 1945, theo tác giả là kết quả của “những cố gắng áp dụng

## HUYỀN ÁI TÔNG

óc khoa học trong công việc nghiên cứu”, là do “đã làm hết nghĩa vụ một nhà phê bình văn tôn thờ khoa học” (tr.340).

Tất nhiên sẽ có nhiều người không đồng tình, thậm chí phản ứng gay gắt với nội dung phê bình của Trương Tửu, như Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Đinh Gia Trinh... Nhưng vấn đề rồi sẽ trở nên trầm trọng hơn, và vượt ra khỏi giới hạn của phê bình văn chương, khi Trương Tửu (trong bút danh mới là Nguyễn Bách Khoa) sáng lập và chủ trì các hoạt động của Nhà xuất bản Hàn Thuyên từ 1941 đến 1946, không kể trước đó khi ông là chủ bút báo *Quốc gia*. Một nhà xuất bản tuy có in Đặng Thai Mai, Nguyễn Đồng Chi... nhưng chủ yếu là địa chỉ hoạt động của một số người thuộc nhóm Torôtxkit như Hồ Hữu Tường, Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Tế Mỹ, Lương Đức Thiệp... chủ trương cách mạng thường trực theo đường lối tả khuynh của Torôtxky, chống lại Đệ tam quốc tế của Stalin. Và như vậy là họ đi khác, đi ngược với đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh: về chính trị là chủ trương đoàn kết toàn dân và tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ; và về văn hoá là thực hiện ba phương châm: Dân tộc hoá, Đại chúng hoá, Khoa học hoá như được nêu trong *Đề cương về văn hoá Việt Nam*, năm 1943.

Tất cả những nhận thức này, phải về sau, khi vào Đại học, rồi vào nghề ở Viện Văn học tôi mới được tiếp cận. Điều đáng lưu ý: sự phê phán đối với nhóm Hàn Thuyên là rất gay gắt, và được phát ra từ chính Đảng Cộng sản Đông Dương và những người thay mặt Đảng. Xin dẫn một vài đoạn. Trong *Đề cương về văn hoá Việt Nam - 1943*: “... phải kịch liệt chống những xu hướng văn hoá bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm... Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hoá quá trớn của bọn Torôtxkit”. Tiếp đó, trong bài *Mấy nguyên tắc của cuộc vận động văn hoá mới Việt Nam lúc này* của Trường Chinh, nhằm giải thích *Đề cương*: “Gần đây các sách báo công



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

khai năng đã động đến vấn đề văn hoá Việt Nam. Nhà Hàn Thuyên xuất bản loại sách “Tân văn hoá” và Tạp chí *Văn mới - nghị luận* để cổ động phong trào “tân văn hoá” một cách hăm hở. Tiếng “tân văn hoá” đã gần thành “mốt!” (...) “Nhóm Tân văn hoá Hàn Thuyên (tiểu tư sản) nhận là trọng khoa học, nhưng đã phản duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tức phản khoa học. Họ chẳng đem học thuyết duy vật tâm thường, duy vật máy móc thay cho duy vật biện chứng đó sao? Họ không đội lốt duy vật lịch sử để dễ xuyên tạc học thuyết duy vật lịch sử của Mác đó sao? (...) Họ coi thường khẩu hiệu dân tộc hoá đến nỗi dám gán chiêu bài “duy vật sử quan” để xuyên tạc lịch sử dân tộc Việt Nam và do đó bôi nhọ học thuyết “duy vật sử quan” (coi cuốn *Hai Bà Trưng khởi nghĩa* của Nguyễn Tế Mỹ, Hàn Thuyên xuất bản, 1941). Đáng lẽ phải tập trung mọi lực lượng văn hoá Việt Nam thành một mặt trận văn hoá đặng chống lại văn hoá ngu dân, văn hoá thoái hoá và trung cổ của bọn phát xít, chống thủ đoạn xâm lấn nguy hiểm của văn hoá Nhật thì họ lại chia rẽ mặt trận văn hoá của dân tộc ta và bởi thế họ đã vô tình hay cố ý làm lợi cho lũ giặc nước. Thật thế, tại sao họ lại chĩa ngọn lửa đấu tranh văn hoá vào các người văn hoá dân dân tộc (*Tri tân, Thanh nghị*) trong khi quyền lợi sinh tử của dân tộc bắt phải liên minh thân thiện với các người văn hoá ấy đặng chĩa ngọn lửa đấu tranh văn hoá vào phát xít Nhật-Pháp? Cái chiêu bài “Tân văn hoá” của nhà Hàn Thuyên ở đó một số Torôtxkit đang hoành hành chẳng đáng ngờ lắm sao?”(2)

Vấn đề càng tiếp tục tính chất nghiêm trọng của nó, khi Trương Tửu đề xuất chủ trương *Tân văn hoá*, và công bố *Tương lai văn nghệ Việt Nam* (3) ngay sau khi cách mạng thành công, với một quan niệm và một chương trình hành động bị chính những người thay mặt Đảng và thay mặt Hội văn hoá cứu quốc phê phán kịch liệt. Với Trương Tửu, tương lai văn nghệ Việt Nam phải được xây dựng trên 4 yếu tố. Đó là: *Cách mạng - Quân chúng - Xã hội chủ nghĩa - Khoa học*. Bốn yếu tố dường như là

## HUYỀN ÁI TÔNG

để tạo đối trọng với *Ba phương châm*: Dân tộc - Đại chúng - Khoa học của *Đề cương về văn hoá Việt Nam* - 1943. Với *Đề cương...*, phương châm *Dân tộc hoá* được đặt ở vị trí số 1 để tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ nhằm giành cho được mục tiêu cuối cùng, là độc lập dân tộc. Trong khi đó, 4 yếu tố của *Tương lai văn nghệ Việt Nam*, không có yếu tố *dân tộc*; vị trí của *dân tộc* được thay bằng *cách mạng*; với sự bổ sung: yếu tố *xã hội chủ nghĩa*; còn *quân chúng* (hoặc *đại chúng*) và *khoa học* thì có cùng tên gọi nhưng cách giải thích là khác nhau. Và như vậy, sự lãng tránh dân tộc hoá, và sự cổ động cho cách mạng, không phải cách mạng dân tộc dân chủ mà là cách mạng xã hội chủ nghĩa, ở thời điểm 1945, là khớp với chủ trương giải phóng giai cấp và cách mạng thường trực của nhóm Torôtxkit có lịch sử hoạt động từ hồi đầu Mặt trận Dân chủ Đông Dương; còn việc Trương Tửu có là đồng chí với các thành viên Torôtxkit trong nhóm Hàn Thuyên hay không là điều tôi không được rõ.

Trở lại thời kỳ đầu sau Cách mạng tháng Tám của Trương Tửu, với chủ trương *Tân văn hoá* và với việc công bố *Tương lai văn nghệ Việt Nam*. Gần như ngay lập tức Hội văn hoá cứu quốc có bài phê phán Trương Tửu, trong đó có sức nặng nhất là bài của Thanh Bình (tức Đặng Thai Mai) đăng trên 3 kỳ *Tiên phong* (4). Thanh Bình bác bỏ sự viển vông, không thực tế trên cả hai phương diện lý thuyết và chương trình hành động của Trương Tửu; đồng thời đi sâu phê bình một số quan niệm cụ thể của Trương Tửu về văn nghệ mà theo ông là mông lung, xa rời thực tế và có hại cho cách mạng như: “Văn nghệ là gì, nếu không phải là sự phản kháng thường xuyên đối với thực tại và hiện tại”; là phải “gieo rắc vào tâm trí mọi người chất men bất phục tùng và phản kháng” - để mượn lại ý của André Gít; là yêu cầu “văn nghệ phải đứng ra ngoài chính trị”, “sự hợp tác” giữa văn nghệ với chính trị “chỉ có thể xảy ra một cách hãn hữ”...

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Đọc lại những cuộc bàn thảo hồi này vào thời điểm ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong không khí chính trị cực kỳ căng thẳng trước mọi loại thù trong giặc ngoài và đời sống văn hoá, văn nghệ còn ngổn ngang bao nhiêu khuynh hướng, hoặc còn đang trong phân vân, chọn lựa... thì mới thấy những phê phán đối với Hàn Thuyên vào lúc này là cần thiết và kịp thời. Bởi đó là những vấn đề không còn giới hạn trong hoạt động của giới văn nghệ mà còn liên quan đến đời sống chính trị, nó là thành bại của cách mạng, là tồn vong của đất nước.

Cho đến 1948, trong *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam*, Trường Chinh vẫn tiếp tục sự phê phán: “Những sách của nhà *Hàn Thuyên* trình bày tư tưởng xã hội dài dòng và duy vật máy móc, xuyên tạc học thuyết Mác, đã được in ra và được thực dân Pháp lợi dụng đăng chế bốt sức mạnh tuyên truyền về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân chủ của Việt Minh”.

Trở lại với lịch sử, và trở về Trương Tửu, bên cạnh tư chất người phê bình đại diện cho *khuynh hướng khoa học* - như ông tự nhận, còn có tư chất một nhà hoạt động văn hoá, và có thể, cả chính trị, khi ông chủ trương Tân văn hoá và viết *Trương lai văn nghệ Việt Nam*. Tức là một người có mẫn cảm về chính trị. Nhưng ở vào thời điểm căng thẳng của dân tộc sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông đã thiếu sáng suốt về chính trị, nên đã có lầm lạc. Việc ông phải chịu sự phê bình gay gắt trong giới nghề nghiệp và giới chính trị cũng là điều tự nhiên. Có điều, sau các vụ, việc đó, không đưa tới một xử lý nặng nề như một số nhân vật tên tuổi khác vào lúc ấy. Đó là điều cũng nên lưu ý.

Kháng chiến chống Pháp Trương Tửu lại có tiếp một thời kỳ sôi nổi mới. Ông tham gia trong các hoạt động của Đoàn văn nghệ kháng chiến Liên khu IV; trong Hội văn hoá và văn nghệ Việt Nam; giảng dạy ở các lớp văn hoá kháng chiến ở Thanh Hoá. Ông còn là thầy của Trường Thiếu sinh quân và của lớp Dự bị Đại học Cao cấp sư phạm - tiền thân của hai trường Đại

## HUYỀN ÁI TÔNG

học Sư phạm và Đại học Tổng hợp sau này mà ông cùng với một số đồng nghiệp khác rồi sẽ được phong làm Giáo sư.

Trong kháng chiến chống Pháp, Trương Tửu viết *Văn nghệ bình dân Việt Nam* (1951), khảo sát văn chương trong mối quan hệ tương tác và đối lập giữa quý tộc và bình dân. Lúc này ở hậu phương Khu Bốn đang triển khai cuộc đấu tranh Giảm tô và chuẩn bị Cải cách ruộng đất, nên sự vận dụng quan điểm giai cấp ở Trương Tửu càng triệt để hơn. Theo Trương Tửu, *giai cấp bình dân* là gồm 7 hạng: phú nông, trung nông, bản nông, cố nông, cùng dân, thợ thủ công, buôn bán... Và *phong kiến thống trị* là gồm: quý tộc, quan liêu, sỹ phiệt, cường hào, phú hộ. Mỗi hạng như thế đều có tiếng nói và tìm được sự phản ánh trong văn học Bình dân. Điều này cho thấy cách nhìn của Trương Tửu lúc nào cũng thật là rành rõ và riết róng về giai cấp, hoặc giai cấp tính - theo cách ông nói.

Sau 1954, ở Trường Đại học, Trương Tửu viết tiếp hai công trình quan trọng. Đó là *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du* (Nxb. Xây dựng; 1956) vốn là đề tài ông theo đuổi rất say mê từ trước 1945. Và một khởi thảo, nghiêng về lý luận và phương pháp luận cho việc viết lịch sử văn học trong *Máy vấn đề văn học sử Việt Nam* (Nxb. Xây dựng; 1958).

Đứng ở thời điểm sau 1954 khi nền giáo dục Đại học mới bắt đầu được khởi động thì hai tác phẩm trên là có những đóng góp tích cực. Khởi phải nói, Nguyễn Du và *Truyện Kiều* thì bất cứ lúc nào cũng có thể là mối quan tâm của nhiều lớp người; còn lịch sử văn học thì đây chính là lúc cần một bộ sử chính thức, trước hết để cho thấy trò ở bậc Đại học dạy và học; và đã được triển khai ở hai nhóm - Nhóm Lê Quý Đôn với *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* 3 tập (1957); và Nhóm Văn Sử Địa với *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* 5 tập (1957-1960); Đọc *Máy vấn đề văn học sử Việt Nam*, thấy tri thức lịch sử văn học dân tộc của Trương Tửu là rất đáng nể trọng. Đó là sự khẳng định: bộ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

phận văn học viết bằng chữ Hán của cha ông vẫn nằm trong văn mạch dân tộc. Là chủ trương đưa *văn học dân gian* thành một khu vực riêng để nhận diện khi viết văn học sử. Là việc xác định nội dung *cổ điển* cho văn học trung đại với các mốc thời gian cụ thể để có thêm *tiền cổ điển* và *hậu cổ điển*. Là cách phân kỳ văn học cho thời *cận đại* và *hiện đại*...

Còn về *Truyện Kiều*, sau hơn 10 năm cho sự nghiền ngẫm, ở chuyên khảo mới mang tên *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du*, Trương Tửu có chủ ý sửa chữa và điều chỉnh những quan niệm và ý kiến một thời từng bị phê bình. Trong *Lời nói đầu* của sách, ông viết: “Hơn mười năm trước đây tôi đã viết và cho xuất bản cuốn *Nguyễn Du và “Truyện Kiều”* (1943) và cuốn *Văn chương “Truyện Kiều”* (1944) - ký tên Nguyễn Bách Khoa. Trong hai tập tiểu luận văn học này, tôi đã cố gắng phân tích và phê phán *Truyện Kiều* theo quan điểm đấu tranh giai cấp. Nhưng vì hồi ấy trình độ lý luận còn ấu trĩ, lập trường chính trị còn lệch lạc, tôi đã áp dụng phương pháp phê bình văn học mác xít một cách phiến diện, gò ép, máy móc, nên đã có những nhận định sai lầm căn bản khi tìm hiểu và phê phán tác phẩm của Nguyễn Du”.

Có được bước chuyên này, theo ông, như được viết trong *Lời nói đầu* sách *“Truyện Kiều” và thời đại Nguyễn Du* là do “sau Cách mạng tháng Tám - 1945 (ông) được học tập thêm lý luận văn nghệ Mác - Lênin - Mao Trạch Đông”. Ngay trong câu mở đầu của *Lời nói đầu* ông đã dẫn một ý kiến của Mao Trạch Đông trong tư cách một “nhà lý luận văn nghệ thiên tài”. Ông còn nói rõ thêm cái nguyên cớ cụ thể, trực tiếp cho việc viết cuốn sách này là một gợi ý (hoặc một câu hỏi) của đồng chí Trường Chinh đặt ra trong một cuộc toạ đàm thân mật về *Truyện Kiều* mà ông được dự. Đó là, vì sao “từ bao nhiêu lâu nay nông dân Việt Nam vẫn rất thích *Truyện Kiều*?”. Và câu trả lời cho nó - đó chính là nội dung sâu tóm của cuốn sách, đã được ông đúc kết trong một đoạn văn in chữ đậm: “Tác giả

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Truyện Kiều*, đứng về phía các tầng lớp nhân dân chống phong kiến ở đương thời, đã phản ánh trung thành và ca tụng nhiệt liệt một cuộc khởi nghĩa vĩ đại nhất của nông dân Việt Nam trong lịch sử - cuộc khởi nghĩa Tây Sơn với tất cả những ưu và nhược điểm của nó”.

Vấn đề làm rõ thêm ý tưởng này, Trương Tửu còn dẫn ra một nhận định của Lênin về L. Tônxtôi, để vận vào Nguyễn Du: “Xét rằng: toàn bộ đời sống ý thức của Nguyễn Du hình thành song song với toàn bộ quá trình thành bại của phong trào Tây Sơn; lại xét rằng: Nguyễn Du quả là một nghệ sĩ thực sự vĩ đại; vậy không có lý gì Nguyễn Du lại không phản ánh được trong tác phẩm một vài cục diện cốt yếu của phong trào Tây Sơn, *mặc dầu thi sĩ đã quay lưng lại nó*. Theo tôi nghĩ, nếu không nghiên cứu Nguyễn Du như một hiện tượng tâm lý phản ánh phong trào Tây Sơn thì sự thành công bền bỉ của *Truyện Kiều* trong nông dân Việt Nam là một điều bí ẩn không sao giải thích được”(5).

Vậy là trong công trình mới này, Trương Tửu vẫn tiếp tục vận dụng và càng quán triệt hơn sự phân tích giai cấp và quan điểm duy vật lịch sử trong tìm hiểu giá trị tác phẩm.

Lý thuyết duy vật về mối quan hệ giữa ý thức và vật chất, về thượng tầng kiến trúc và hạ tầng cơ sở; về tính giai cấp như là sợi chỉ đỏ giúp ta nhận thức mọi hiện tượng của đời sống xã hội, trong đó có văn học chính là cơ sở lý luận được trình bày khá dài, trong phần Mở đầu sách *Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam*. Đối với những người đang nhập môn chủ nghĩa Mác-Lênin, đang bước đầu đi vào con đường nghiên cứu học thuật, theo phương pháp luận mácxít, lêninnít như chúng tôi - đám sinh viên hồi ấy, thì việc đọc Trương Tửu lúc này quả có phần khó nhọc, nhưng cũng thu hoạch được những điều bổ ích.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Có điều cũng cần lưu ý, trong chuyên khảo mới này về *Truyện Kiều*, ở Chương *Lịch sử vấn đề “Truyện Kiều”*, Trương Tửu lần lượt trình bày 5 loại ý kiến mà ông gọi là *quan điểm*. Đó là:

1. Quan điểm của phe phong kiến thống trị.
2. Quan điểm của phe nhà Nho bất mãn.
3. Quan điểm của Phạm Quỳnh và bè lũ.
4. Quan điểm của Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng.
5. Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Nguyễn Bách Khoa.

Ở loại quan điểm cuối cùng này, ông vẫn có sự khẳng định trở lại những điểm khả thủ và đặc ý trong tìm kiếm của mình qua so sánh với Hoài Thanh và Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường... Đó là “quan điểm đấu tranh giai cấp” với tất cả các khía cạnh liên quan đến nó, và với các thành tựu và ưu thế của nó; tuy vậy vẫn còn nhược điểm là: “chưa có hệ thống”, “chưa nắm chắc được quan điểm ấy, vẫn còn vướng mắc trong thuyết di truyền huyết thống tư sản và còn chịu ảnh hưởng nhiều của nhà phân tâm học Freud”(6).

Để kết luận về “cuộc xung đột ý kiến” giữa Nguyễn Bách Khoa, Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường (trong đó Nguyễn Bách Khoa đứng về một phía và 3 người sau đứng về một phía), tác giả cho thấy đó là “biểu hiện xu hướng phân hoá của các tầng lớp tư sản và tiểu tư sản đứng trước cuộc vận động cách mạng quyết liệt của quảng đại quần chúng cần lao (1937-1939) và của nhân dân cách mạng (1941-1945). Một bộ phận cố gắng đi theo ý thức hệ giai cấp công nhân; một bộ phận níu chặt lấy ý thức hệ của giai cấp tư sản đang khủng hoảng”(7).

## HUYỀN ÁI TÔNG

Khỏi cần phải nói thêm: Nguyễn Bách Khoa là đại diện cho ý thức hệ công nhân; và những người còn lại là đại diện cho ý thức hệ của giai cấp tư sản đang khủng hoảng.

Như vậy có thể nghĩ: quan điểm giai cấp, lý luận và phương pháp luận duy vật lịch sử mà Trương Tửu mong muốn vận dụng (còn thành công hay không, và đến đâu, lại là chuyện khác) là một cái gì rất bền vững, ít có thay đổi suốt hành trình nghiên cứu của mình, mà chỉ có điều chỉnh chút ít theo biến động của thời cuộc, cho đến khi ông ngừng công việc nghiên cứu, ở tuổi ngoài 40 vào cuối thập niên 1950. Không biết, nếu ông còn tiếp tục công việc nghiên cứu thì quan điểm và phương pháp của ông có thay đổi gì không? Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hoàn, hồi kháng chiến chống Pháp, khi giảng *Truyện Kiều* “thầy hầu như vẫn trình bày nguyên si các luận điểm cũ của thầy Nguyễn Bách Khoa. Để cung cấp cho học sinh một cách hiểu khác, ban Giám đốc trường đã mời Thiếu tướng Nguyễn Sơn đến nói chuyện ngoại khóa về *Truyện Kiều*. Cuộc nói chuyện đã được tổ chức tại đình làng Sim, huyện Nông Cống, và theo thói quen của người nói, đã diễn ra suốt một ngày! Nguyễn Sơn đã điềm lại các ý kiến bình luận *Truyện Kiều* của Phạm Quỳnh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Đào Duy Anh, Hoài Thanh và đã phê phán mạnh mẽ quan điểm của Nguyễn Bách Khoa. Sau cuộc nói chuyện đó, có dư luận cho là thầy Trương Tửu sẽ thôi giảng dạy ở trường, nhưng việc đó đã không xảy ra”(8).

\* \* \*

Tôi không có may mắn được học với Giáo sư Trương Tửu đầu từ mùa hè 1956 đã được là sinh viên năm thứ nhất Khóa I - Đại học Tổng hợp Hà Nội; đã được quen với không gian các giảng đường và Đại giảng đường 21 Lê Thánh Tông. Thậm chí còn chưa được thấy ông. Mà chỉ là được nghe, được truyền tụng và



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

được đọc một tiểu thuyết và các công trình nghiên cứu ông viết trước và sau 1945.

Thiếu đi những kỷ niệm sống động về người, thế nhưng ấn tượng về những gì đã được đọc là rất sâu. Đọc những gì ông viết và những gì người khác viết về ông. Rồi nhớ mãi. Bởi cách viết và phương pháp viết của ông, gồm cách nghĩ, cách lập luận, cách kết luận trong từng công trình; và cách điều chỉnh, bổ sung hoặc tước bỏ trong cả hệ thống công trình, để cuối cùng vẫn là trung thành, là nhất quán với bản thân, trên hơn 25 năm sự nghiệp viết của mình. Tiếc là với sức nghĩ ấy, ông dừng lại hơi sớm, và ngừng là ngừng hẳn. Điều này có lý do trong bối cảnh thời cuộc khiến ông không thể khác; và có lẽ còn là bởi ở một quan niệm, một chủ kiến, hoặc một phương pháp luận nhất quán, ít thay đổi nơi ông. Nhưng đối với một người viết, đời nghề nghiệp ngắn hay dài không phải là điều quan trọng nhất. Với người đọc là chúng ta, và hậu thế, Giáo sư Trương Tửu vẫn đủ để lại một gương mặt trí thức rất ấn tượng trong hành trình của những tìm kiếm không ngừng nghỉ, và thực sự là không dễ dàng trong thế kỷ XX./.

Tháng 11 – 2013

---

(\*) 18-11-1913 – 16-12-1999.

(1) Các công trình nghiên cứu của Trương Tửu dẫn trong bài này được in trong *Trương Tửu - Tuyển tập nghiên cứu phê bình*; Nguyễn Hữu Sơn - Trịnh Bá Đình sưu tầm và biên soạn; Nxb. Lao động và Trung tâm văn hoá Đông Tây ấn hành; H.; 2007. Các đoạn trích ý kiến có ghi kèm số trang đều rút từ sách này.

(2) Viết ngày 23-9-1944; đăng trên *Tiên phong* số 2; 1-12-1945.

(3) Viết tháng 7-1945; in trong Tập san *Văn mới- nghị luận* số 56; 16-9-1945.

## HUỶNH ÁI TÔNG

- (4) Các số: 2 (1-12-1945), 3 (16-12-1945) và 6 (16-2-1946).
- (5) Các trích dẫn ở trên rút từ *Lời nói đầu “Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du*; Sách *Trương Tửu Tuyển tập*; các tr.419-420.
- (6) Sách trên; tr.437, phần chú thích.
- (7) Sách trên; tr.439.
- (8) *Kỷ niệm về Thầy Trương Tửu*; Sách trên; tr.1074. Tham khảo thêm sách *Trăm năm Nguyễn Sơn*; Nxb. Lao động; H.; 2008; các trang 59-75.

Trên trang mạng Tôn vinh Văn hóa Đọc, trong bài *Vài nét về Giáo sư Phong Lê*, tác giả Nguyễn Ngọc Thiện đã viết:

*“Cây bút Phong Lê vẫn say sưa, mạnh mẽ nhưng uyển chuyển, mềm mại nhiều ưu tư, trầm trở mà phóng khoáng hơn. Ông đề xuất qua các Hội thảo do ông chủ trì hoặc tham gia, qua loạt bài viết tâm huyết, về việc cần xem xét đánh giá lại các trào lưu văn học, tác gia trước 1945 sao cho khách quan, công bằng, có sức thuyết phục. Vấn đề mối quan hệ giữa văn học và hiện thực, văn nghệ và chính trị, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng cần được tiếp cận dưới nhiều góc độ, khắc phục sự một chiều độc tôn một góc nhìn, một kiểu tiếp cận, để nhận ra sự phong phú, phức tạp của thực tiễn sáng tác và đời sống văn học. Một cái nhìn cởi mở, bao dung, đề cao tính dân chủ, đối thoại bình đẳng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học, hướng vào tiến bộ xã hội và nhân đạo hóa con người, đáp ứng những đòi hỏi tự thân của văn học trong bối cảnh xã hội hiện đại, giao lưu và hội nhập, từng bước được thể hiện rõ nét trên những trang viết của ông.”*

Tài liệu tham khảo:

- Phong Lê Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Sự nghiệp khoa học ..... Web: [vanhoanghean.com.vn](http://vanhoanghean.com.vn)

## 6. Trần Đình Sử



### Trần Đình Sử (1940-20 )

Nhà lý luận, phê bình văn học, giáo sư Trần Đình Sử sinh ngày 10 tháng 8 năm 1940, tại Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông có bút danh Sử Hồng, Trần Minh.

Thủa nhỏ, theo gia đình đi kháng chiến, học ở Quảng Trị.

Sau 1954, tập kết ra Bắc, tiếp tục học ở Hà Tây rồi Hà Nội.

Sau khi tốt nghiệp Khoa Trung văn tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ông được giữ lại Trường làm cán bộ giảng dạy.

Năm 1962, ông đi tu nghiệp 4 năm tại khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Nam Khai, Trung Quốc.

Năm 1966, về nước ông giảng dạy tại khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Vinh.

Năm 1976, ông được đi học nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Kiep. Trở về nước, với học vị Phó tiến sỹ nay gọi là Tiến sỹ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ năm 1981, ông giảng dạy Lý luận văn học tại Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, từng làm Chủ nhiệm Khoa Ngữ văn từ năm 1990 đến năm 1995.

Năm 1990, Trần Đình Sử là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1996, được phong Giáo sư, Nhà giáo Ưu tú.

Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và công nghệ, cho cụm công trình nghiên cứu về Thi pháp học.

Từ 2003 đến nay, ông là Ủy viên Hội đồng Lý luận Phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương.

Năm 2005, ông nghỉ hưu từ Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Dẫn luận nghiên cứu văn học của GS G. N. Pospelov chủ biên* (sách dịch in chung, Giáo Dục, 1985)
- *Lý luận văn học* (giáo trình in chung, 1986)
- *Thi pháp thơ Tố Hữu* (Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)
- *Những vấn đề thi pháp Đostoevski, tác giả M. Bakhtin* (sách dịch in chung, Giáo Dục, 1993)
- *Những vấn đề thi pháp học hiện đại* (Vụ Giáo viên, 1993)
- *Những thế giới nghệ thuật thơ* (Giáo Dục, 1995)
- *Lý luận và phê bình văn học* (Hội Nhà Văn, 1996)
- *Về con người cá nhân trong văn học Việt Nam* (in chung, Giáo Dục, 1997)
- *Tư tưởng văn học cổ Trung Quốc của I. N. Liévich* (sách dịch, Giáo Dục, 1997)
- *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam* (Giáo Dục, 1998)
- *Nghệ thuật ngôn ngữ thơ Đường của Cao Hữu Công và Mai Tổ Lân* (sách dịch, Văn học, 2000)
- *Văn học và thời gian* (Văn học, 2001)

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Độc văn, học văn* (Giáo Dục, 2001)
- *Thi pháp Truyện Kiều* (Giáo Dục, 2002)
- *Giáo trình Lý luận văn học hệ cao đẳng* (giáo trình 2 tập, 2003)
- *Tuyển tập Trần Đình Sử* (2 tập, Giáo Dục, 2004)
- *Dẫn luận thi pháp học* (Giáo Dục, 2004)
- *Giáo trình Lý luận văn học tập 2* (giáo trình, ĐHSP, Hà Nội, 2008)
- *Bốn bài giảng mỹ học, của Lý Trách Hậu* (đồng dịch giả với Lê Tâm)
- *Ngữ văn THCS lớp 6, 7, 8, 9* (Chủ biên, Sách giáo khoa phần làm văn)
- *Ngữ văn nâng cao lớp 10, 11, 12* (Tổng chủ biên, Sách giáo khoa)

Trích văn:

### **Thi pháp học hiện đại ở Việt Nam**

Nếu hiểu thi pháp học là học vấn về tiêu chuẩn của ngôn từ văn chương, thể thức, biện pháp tổ chức thể loại tác phẩm thì thi pháp học đã có ở Việt Nam từ những sáng tác đầu tiên trong sáng tác dân gian và văn học viết bằng chữ Hán, rồi được phản ánh vào các bộ tuyển thơ văn, bắt đầu từ *Việt âm thi tập* của Phan Phu Tiên thế kỉ 15. Đó là một truyền thống thi pháp quy phạm, bất biến và quy phạm hoá. Trải qua 10 thế kỉ, đến đầu thế kỉ 20 nước ta mới có các công trình mô tả các thể thức sáng tác văn thơ truyền thống như *Việt Hán văn khảo* của Phan Kế Bính, *Quốc văn cụ thể* của Bùi Ki, *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm... Trước năm 1975 các công trình loại đó nếu ở miền Nam có tác phẩm của Lam Giang về thơ ca truyền thống, Hư Chu, Quách Tấn về thơ Đường, thì ở miền Bắc có công trình *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại* của Bùi Văn Nguyên và Hà Minh Đức, một công trình khoa học

## HUỶNH ÁI TÔNG

quy mô, có hệ thống, nối tiếp việc làm của người trước, có bổ sung thêm về phần thơ mới.

Trong suốt thời kì hiện đại hoá văn học từ những năm 30 cho đến trước Cách mạng tháng Tám thi pháp được nhắc đến trong một số công trình phê bình văn học mà chưa nâng lên lí luận. Từ Cách mạng tháng Tám đến hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm các nhà lí luận và sáng tác văn học cách mạng dường như chỉ quan tâm nội dung phản ánh hiện thực mà hầu như bỏ quên phương diện thi pháp, mặc dù đây đó có lúc quan tâm đến phong cách, bút pháp sáng tác của nhà văn[1]. ở miền Nam trong vùng kiểm soát của chính quyền cũ tuy có điều kiện giới thiệu về lí thuyết cấu trúc song chưa nêu vấn đề nghiên cứu thi pháp văn học. Phải đến những năm 80 thi pháp học Việt Nam mới nổi lên như một trào lưu nghiên cứu.

Sự xuất hiện của thi pháp học ở Việt Nam từ những năm 80 có bối cảnh quốc tế và hoàn cảnh nghiên cứu văn học trong nước. Thi pháp học ở Nga xuất hiện từ cuối thế kỉ 19, nhưng thực sự trỗi dậy từ đầu thế kỉ 20 với chủ nghĩa hình thức Nga, sau đó nó bị trấn áp để nhường chỗ cho nghiên cứu xã hội học Mác xít. Phải đến sau những năm 50, khi Stalin mất, thời kì “băng tan”, thi pháp học mới bắt đầu trở lại với tinh thần thi pháp học lịch sử, mặc dù lúc này chủ nghĩa cấu trúc vẫn tiếp tục bị phê phán. ở Pháp thi pháp học bắt đầu được P. Valery nhắc lại trong chuyên đề giảng ở Viện Hàn Lâm Pháp năm 1935, nhưng nó thực sự trỗi dậy với chủ nghĩa cấu trúc những năm 60 do ảnh hưởng của việc giới thiệu thi pháp học Nga đầu thế kỉ. Tuy nhiên khái niệm thi pháp học hết sức phồn tạp, thiếu nhất trí. Theo trình bày của Jean Yves Tadié trong sách *Phê bình văn học thế kỉ XX*, thi pháp học được hiểu là một hướng nghiên cứu trong các trường phái Phê bình văn học Đức(văn hiến học Roman), Phê bình ý thức chủ thể, Phê bình ý tượng khách thể, Phê bình phân tâm học, Phê bình xã hội học, Phê bình ngôn ngữ học, Kí hiệu học văn học, Phê bình cội nguồn. Bản thân thi

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

pháp học Pháp cũng có nhiều cách hiểu khác nhau, hoặc thiên về nghiên cứu thi pháp thể loại như văn xuôi, thi ca, kịch, hoặc theo một lí luận nào đó như kí hiệu học. Tự sự học của Todorov, G. Genette nằm trong thi pháp học văn xuôi, lí luận đối thoại của Bakhtin được hiểu như là thi pháp tiểu thuyết[2]. Theo cách trình bày của J. Bessiere, E. Kushner, R. Mortier, J. Weiberger trong sách *Lịch sử các thi pháp*[3] thì thi pháp học bao gồm hầu như toàn bộ lí luận văn học, cả xã hội học, cả phong cách học và tu từ học. Chính vì cách hiểu phân tán như thế cho nên ở Miền Nam trước 1975, mặc dù có điều kiện tiếp thu lí luận, phê bình văn học phương Tây khá tự do, đã có một số công trình lí luận của Nguyễn Văn Trung, Trần Thiện Đạo, một số công trình nghiên cứu “cơ cấu” thú vị như của Trần Ngọc Ninh, Bùi Hữu Sùng, Lê Tuyên, Huỳnh Phan Anh, Đặng Tiến[4]...nhưng không tạo ra một “trào lưu”, một xu hướng thi pháp học, ít nhất là trong giới đại học và các viện nghiên cứu như ở Việt Nam những năm 80 -90.

Bối cảnh Việt Nam sau giải phóng, ảnh hưởng Liên Xô cũ vẫn là chủ yếu. Tại Liên Xô những năm ấy thi pháp học lịch sử được đề xướng rầm rộ. Năm 1976 trong sách *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người* (1976) Khrapchenco tổng kết khuynh hướng thi pháp học như là khuynh hướng nổi bật của nghiên cứu văn học Liên xô từ năm 1959 cho đến lúc ấy với các tên tuổi như V. Vinogradov, D. Likhachev, Ju. Mann, G. Fridlender, A. Chicherin, A. Sokolov, M. Poliakov. Các tác phẩm của các nhà hình thức Nga như V. Shklovski, V. Girmunski, Ju. Tynianov, B. Eikhenbaym được in lại, các công trình của Bakhtin được chỉnh lí xuất bản. Các công trình thi pháp học cấu trúc của Ju. Lotman, B. Uspenski...được xuất bản. Trên thực tế các công trình thi pháp học ở Liên Xô còn phong phú hơn rất nhiều so với sự liệt kê của Khrapchenco. Các tạp chí nghiên cứu văn học thường có mục “thi pháp học” bên cạnh mục “phong cách học”. Đó là hướng nghiên cứu xuất hiện như là phản ứng lại hướng nghiên cứu xã hội học độc tôn

## HUYỀN ÁI TÔNG

một thời. Chính luồng nghiên cứu đó đã ảnh hưởng tới tư tưởng thi pháp học ở Việt Nam, khuấy động sự trì trệ của nghiên cứu văn học lúc đó. Những năm 70 tôi đang dạy học ở trường Đại học sư phạm Vinh, đã bắt đầu nghiên cứu phong cách thơ Tố Hữu, Đặc trưng văn học (1971, 1974). Những năm 60 Nguyễn Đăng Mạnh cũng có những tìm tòi về thi pháp của văn thơ xô viết Nghệ Tĩnh, nhưng chưa có ý thức tự giác về phương pháp. Năm 1980 Nguyễn Trung Hiếu ở khoa Văn Đại học sư phạm Vinh cũng bắt đầu nghiên cứu tác phẩm văn học theo phương pháp hệ thống[5]. Tôi đi làm nghiên cứu sinh ở Liên Xô chọn một đề tài thi pháp học – Thời gian nghệ thuật. ở Việt Nam một số người đã giới thiệu thi pháp học Liên Xô vào Việt Nam, công trình của Khrapchenko được dịch ra tiếng Việt, do tôi hiệu đính[6], nhưng chưa gây được chú ý. Sau các bài báo về thời gian nghệ thuật và cái nhìn nghệ thuật trong *Truyện Kiều* của tôi in trên Tạp chí văn học gây được chú ý vào năm 1981, chuyên đề thi pháp học được tôi mở tại Đại học sư phạm Hà Nội. Năm ấy tôi được mời nói chuyện về thi pháp học tại một số tổ bộ môn ở Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học Tổng hợp Hà Nội, ở Hội nhà văn năm 1982. Năm 1983 Hội đồng môn văn học tổ chức Hội thảo về thi pháp học ở Đại học Tổng hợp, có Nguyễn Kim Đính, Trần Đình Sử báo cáo. Cùng thời gian đó Phạm Vĩnh Cư dịch và giảng dạy về lí luận và thi pháp tiểu thuyết của Bakhtin[7]. Từ đó không khí thi pháp học được hâm nóng lên ở nhiều trường Đại học và Viện nghiên cứu. Vương Trí Nhàn ở nhà xuất bản Tác phẩm mới đặt tôi viết “Thi pháp thơ Tố Hữu” do Lại Nguyên Ân biên tập, chuẩn bị cho năm kỉ niệm 1985. Chúng tôi cũng tổ chức dịch sách của Bakhtin[8], một số sách về thi pháp đã dịch trước đó nhưng không ai chú ý, nay mới được quan tâm[9]. Trong không khí đó, một số công trình thi pháp học xuất hiện, dần dần gây thành phong trào chiếm ưu thế, lấn át hẳn khuynh hướng nghiên cứu xã hội học thịnh hành suốt mấy chục năm trước đó. Trong số những người đi tiên phong trong trào lưu này có thể kể tên các tác giả sau.



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Trước hết là một số nhà ngôn ngữ học đã từ lâu áp ứ ý định nghiên cứu thi pháp theo phương pháp ngữ học.

Phan Ngọc[10] chịu ảnh hưởng sâu sắc của thi pháp học cấu trúc chủ nghĩa và ông đã bắt đầu nghiên cứu thi pháp cấu trúc từ những năm 60, nhưng do không khí xã hội Việt Nam những năm ấy không thuận lợi cho nên mãi đến giữa những năm 80 đầu những năm 90 ông mới cho công bố các công trình nghiên cứu về *Truyện Kiều* (1985) và về thơ Đường (1990), thơ song thất lục bát, cách đọc văn học theo ngôn ngữ học. Công trình về *Truyện Kiều* của Phan Ngọc là một tìm tòi về phong cách học trong khi bộ môn này “còn thiếu một lí luận nhất quán để có thể khẳng định nó như một khoa học thật sự” (tr.6). Ông phải tiến hành xây dựng lại các khái niệm của môn phong cách học, khám phá nét nội dung và hình thức không lặp lại phù hợp với nội dung ấy bằng cách xét tần xuất lặp đi lặp lại của một hiện tượng sau đó kiểm chứng trên trục lịch sử và thời đại(tr. 9). Ông không nghiên cứu phong cách một cách cô lập, mà sử dụng thao tác đối lập để tìm nét khu biệt về nội dung và hình thức độc đáo chỉ một mình Nguyễn Du làm được, không phải là nét mà nhiều người cùng thời với nhà văn cũng làm được. Như thế phong cách học của Phan Ngọc không còn là phong cách học hình thức, mà đã gắn chặt với nội dung, điều kiện lịch sử và khu biệt với phong cách thời đại. Phan Ngọc lấy sự lựa chọn làm nguyên tắc khu biệt cơ bản để nghiên cứu, ông thực sự đã đem lại nhiều điều mới mẻ trong cấu trúc nghệ thuật của *Truyện Kiều* và thơ Đường. Như thế thành công của Phan Ngọc gắn liền với tìm tòi phương pháp của chính ông.

Năm 1985 Nguyễn Phan Cảnh cũng cho xuất bản cuốn *Ngôn ngữ thơ*,[11] một công trình vừa có tính lí thuyết vừa có tính phổ cập, đề cập nhiều vấn đề của thơ được bạn đọc chú ý. Đây là công trình đầu tiên ở Việt Nam viết về đặc trưng thi pháp của ngôn ngữ thơ theo quan điểm của chủ nghĩa cấu trúc của một nhà ngữ học.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1998 Nguyễn Tài Cần cho công bố hai công trình: *Tìm hiểu kĩ xảo hồi văn liên hoàn trong bài Vũ trung sơn thủy của Thiệu Trị và ảnh hưởng Hán văn Lí Trần qua thơ và ngôn ngữ thơ Nguyễn Trung Ngạn*. [12]Cuốn thứ nhất đi tìm cách đọc và khả năng đọc bài thơ, liên hoàn viết dưới hình thức bát quái, một hình thức thơ độc đáo thời xưa. Cuốn thứ hai nghiên cứu về cách sử dụng chữ Hán trong văn thơ của người Việt qua trường hợp Nguyễn Trung Ngạn. Tác giả đã thống kê cách gieo vần và khảo sát câu thơ lục ngôn chữ Hán của Nguyễn Trung Ngạn, góp phần giải thích trường hợp câu thơ lục ngôn của Nguyễn Trãi trong Quốc âm thi tập. Đây là một hướng thi pháp học rất quan trọng, làm nền tảng để chúng ta nghiên cứu văn thơ chữ Hán Việt Nam so với văn thơ chữ Hán của người Trung Quốc. Có thể nói các nhà ngữ học có cách đi của mình vào thi pháp học một cách khoa học, coi trọng tính khách quan.

Các nhà phê bình văn học đi vào thi pháp theo cách khác.

Hoàng Trinh trải qua chặng đường từ phê phán, phủ định chủ nghĩa cấu trúc, phê bình mới, kí hiệu học đi đến thừa nhận và vận dụng các lí thuyết ấy vào văn học. Hoàng Trinh chỉ vận dụng lí thuyết kí hiệu học văn học của một trường phái Saussure và những người theo ông ta như R. Jakobson, Tz. Todorov, xem văn học, ở đây chỉ là thơ, là một hệ thống kí hiệu đặc thù thể hiện trong cách sử dụng ngôn từ theo nguyên lí ẩn dụ, hoán dụ. Phạm trù tính thơ hoán dụ, ẩn dụ được ông vận dụng để nghiên cứu tính thơ trong tục ngữ, ca dao và trong thơ qua một số công trình như *Đối thoại văn học* (1992), *Từ kí hiệu học đến thi pháp học* (1997) [13]. Nghiên cứu của ông hoàn toàn mang tính chất minh hoạ lí thuyết, do đó chưa có những phát hiện mà người đọc chờ đợi. Mặc dù ông quan niệm thi pháp gồm: quan niệm về thơ, sử dụng chất liệu để sáng tạo ra ý thơ, vận dụng kết cấu thơ, vận dụng quy luật âm vận nhất định, nhưng trên thực tế Hoàng Trinh chủ yếu đã làm việc giới thiệu, diễn giải một số vấn đề như kí hiệu, nghĩa, tạo nghĩa, tính thơ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

một cách thông tục trên chất liệu tục ngữ, ca dao và thơ đương đại. Ông góp phần quảng bá một số tri thức mà trước đây chưa được chú ý, thậm chí là phê phán một cách thiên lệch. Nhưng công bằng mà nói, công trình của Hoàng Trinh có nhiều mâu thuẫn, nhầm lẫn và hầu như chưa động chạm gì nhiều đến kí hiệu học văn học, một lĩnh vực rộng lớn, bao gồm các hiện tượng văn hoá nghệ thuật, do đó không mở ra được hướng thi pháp kí hiệu học lẽ ra phải có.

Đỗ Đức Hiểu đi vào phê bình mới khá muộn màng. Trước đó ông là nhà phê phán chủ nghĩa hiện sinh (1978). Bắt đầu từ giữa những năm 80 ông mới chuyển sang phê bình văn học theo hướng phê bình mới. Cũng đi theo một hướng thi pháp học phương Tây, xem thi pháp biểu hiện ở phạm vi ngôn từ, lấy tính văn học của ngôn từ làm đối tượng nghiên cứu, Đỗ Đức Hiểu cũng xem xét thi pháp học theo phạm vi thể loại như thơ, văn xuôi, kịch, nghiên cứu cách vận dụng ngôn từ trong một số tác phẩm văn học cụ thể. Thành công của Đỗ Đức Hiểu có thể do ông có trực cảm nhạy bén về ngôn ngữ hơn là vận dụng lí thuyết, bởi lí thuyết của ông vừa thiếu hệ thống, vừa sơ lược. Ông được dẫn dắt bởi một quan niệm chung: “Tôi hiểu phong cách học, nói một cách đơn giản nhất, nghiên cứu những đặc trưng ngôn từ văn chương của một tác giả, một tác phẩm, còn thi pháp học nghiên cứu tính văn học của một trào lưu, một thời đại, có thể gọi là “Phong cách lớn””, nhưng không có các phạm trù công cụ cụ thể. Thi pháp học của ông đồng nghĩa với phê bình phong cách học ngôn từ nghệ thuật với sự lệch chuẩn, các phương thức lựa chọn từ ngữ ám ảnh, từ chìa khoá, các phương thức tu từ như nhại, điệp từ gắn liền với sự cảm nhận về con người và thế giới của một tác giả, tác phẩm... Khác Hoàng Trinh, ông nghiên cứu cả thơ và văn xuôi. Ông đã có một số phát hiện khá lí thú về nghệ thuật ngôn từ trong sáng tác Vũ Trọng Phụng, Hồ Xuân Hương[14]...

## HUYỀN ÁI TÔNG

Đỗ Lai Thúy cũng là nhà phê bình thi pháp học học tương tự như Đỗ Đức Hiểu, đi sâu khám phá nghệ thuật ngôn từ của một tác giả mà ông gọi là “phê bình phong cách”, dựa vào các từ ngữ mang cái nhìn của tác giả về con người và thế giới[15]. Tập sách *Con mắt thơ* tập trung nghiên cứu phong cách của tám nhà thơ mới.

Trong quá trình học ở Liên Xô (1976 – 1980) tôi đã chọn cho mình hướng thi pháp học. Trong khi phần đông nghiên cứu sinh văn học người Việt Nam bấy giờ say mê với các đề tài thuộc về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, về văn học cách mạng thì tôi tìm đọc sách của các nhà thi pháp học Nga từ chủ nghĩa hình thức như Tomashevski, Shklovski, Girmunski, Eykhenbaum đến các nhà thi pháp học hiện đại như Chicherin, Likhachev, Bakhtin, Khravchenko... Nhưng tôi hấp thu tổng hợp, xây dựng một lí luận thi pháp học theo quan niệm hiện đại, không bó hẹp vào thơ ca, ngôn ngữ, “tính văn học” của ngôn từ, bởi đến lượt mình ngôn từ cũng chịu sự chi phối của một cấp độ khác cao hơn. Tôi quan niệm thi pháp học nghiên cứu văn học như những thế giới nghệ thuật. Nó khám phá các nguyên tắc tạo nên các thế giới nghệ thuật phân biệt với thực tại, bắt đầu từ quan niệm nghệ thuật, tiếp theo là các hình thức nhân vật, không gian, thời gian, kiểu sự kiện và cuối cùng là cấu trúc văn bản với các hình thức ngôn từ. Hình thức ngôn từ mang toàn bộ cái nhìn của nhà văn và các phương diện nêu trên của thế giới nghệ thuật. Nói cách khác, tôi chủ trương thi pháp học nghiên cứu cái lí hay là quan niệm nghệ thuật của hình thức. Cái lí của hình thức thể hiện trong hệ thống các nguyên tắc, phương tiện tạo dựng thế giới nghệ thuật. Vì thế tôi đặc biệt coi trọng vai trò của quan niệm nghệ thuật về con người, quan niệm về không gian, thời gian như là các yếu tố của thế giới nghệ thuật. Tôi đề ra mô hình : quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, cốt truyện nghệ thuật, phương thức lời văn nghệ thuật và nghiên cứu chúng trong sự tác động, biến đổi của lịch sử và cá tính

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

sáng tạo của nhà văn, coi đó như một mẫu số chung để đi tìm đặc sắc riêng của thể giới nghệ thuật như là các từ số, chứ không phải để áp dụng trực tiếp một cách thô thiển. Tôi đặc biệt coi trọng tính hệ thống trong sự liên hệ giữa các nguyên tắc và phương tiện nghệ thuật trong thi pháp của tác phẩm, tác giả, thể loại hay văn học một giai đoạn. Các nhà phong cách học thường chú trọng đến sự đối lập, nhưng theo tôi, một phong cách được hình thành trước hết là do tính hệ thống nội tại của nó, và tính hệ thống mới làm cho phong cách này khu biệt với phong cách kia. Không phải mọi khác biệt đều làm nên phong cách. Đồng thời tôi chú trọng phương diện thi pháp học lịch sử, tức sự diễn biến của hình thức văn học, một vấn đề chưa được quan tâm đúng mức ở Việt Nam. Các công trình *Thi pháp thơ Tố Hữu*(1985 – 1987), *Thi pháp Truyện Kiều* (1981 – 2002), *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam* (1998) đã nghiên cứu theo quan niệm như thế. Do nhu cầu dạy học tôi còn viết giáo trình *Dẫn luận thi pháp học*(1987 – 1998), chú trọng khu biệt về thể loại, thời đại văn học, tác gia văn học, các phạm trù hình thức của thể giới nghệ thuật. Giáo trình này cho dù ban đầu chưa hoàn thiện vẫn phát huy ảnh hưởng, tạo thành chuyên đề cao học tại nhiều trường Đại học Việt Nam một thời gian dài. Tôi tiếp thu ở Bakhtin các gợi ý về con người, không gian, thời gian trong tiểu thuyết Dostoievski, cách phân tích của Likhachev về con người, không gian, thời gian nghệ thuật trong văn học Nga cổ, không tiếp thu cách hiểu của Khrapchenko về quan niệm nghệ thuật... Tôi cũng là người đầu tiên giới thiệu và vận dụng các phạm trù thi pháp học quan trọng như quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, hình tượng tác giả, điểm nhìn trần thuật và các phương thức biểu hiện của ngôn từ[16]. Nhằm mở rộng thi pháp học sang lĩnh vực tự sự học, đưa vào thêm nhiều khái niệm mới, tôi chủ trì hai cuộc hội thảo về tự sự học tại trường Đại học sư phạm Hà Nội (2001, 2007).[17] Đây là hướng nghiên cứu được hưởng ứng rộng rãi, nhất là trong các trường đại học và viện nghiên cứu. Hàng loạt sinh viên, học

## HUYỀN ÁI TÔNG

viên cao học, nghiên cứu sinh đi theo thi pháp học, tự sự học. Điều này dễ hiểu, bởi vì văn học Việt Nam có bề dày nhất định, một thời gian dài chỉ nghiên cứu như một sự phản ánh xã hội, một hiện tượng tư tưởng, thế giới quan, nay đã đến lúc phải nhìn nhận nó từ phương diện sáng tạo nghệ thuật, và mặt khác nếu không có thi pháp học họ sẽ thiếu khái niệm công cụ để tiến hành nghiên cứu.

Nhà folklor học Nguyễn Xuân Kính tiếp thu quan niệm thi pháp học từ các học giả Nga, nơi ông tu nghiệp và những người đi trước như Chu Xuân Diên.... Ông hiểu nghiên cứu thi pháp là nhằm chỉ ra cái hay cái bản chất nghệ thuật của tác phẩm, chỉ ra lí do tồn tại của hình thức, và ông nghiên cứu các yếu tố thi pháp trong ca dao từ ngôn ngữ, thể thơ, kết cấu, thời gian và không gian nghệ thuật, biểu tượng, hình ảnh. *Thi pháp ca dao*[18] của ông (xuất bản lần đầu năm 1993, tái bản năm 2004 và bổ sung lần thứ 3 năm 2006) là một trong các công trình tiêu biểu về thi pháp văn học dân gian Việt Nam.

Tiếp theo các tác giả trên các công trình thi pháp học xuất hiện liên tục. Có thể kể: Nguyễn Thị Bích Hải, *Thi pháp thơ Đường*(1995); Lê Dục Tú, *Quan niệm con người trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn*,(1997); Phan Diễm Phương, *Lục bát và song thất lục bát-Lịch sử phát triển, đặc trưng thể loại* (1998), Nguyễn Duy Bắc, *Bản sắc dân tộc trong thơ ca Việt Nam hiện đại*,(1998); Lê Lưu Oanh, *Thơ trữ tình Việt Nam 1975 – 1990* (1998); Phùng Ngọc kiêm, *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945 – 1975* (1998); Lê Huy Bắc, *Núi băng và hiệp sĩ*(1999); Phạm Thu Yên, *Những thế giới nghệ thuật ca dao*, (1998); Vũ Văn Sĩ, *Về một đặc trưng thi pháp thơ Việt Nam 1945 – 1995*(1999); Phan Thu Hiền, *Sử thi án Độ – Mahabharata*(2000); Lê Trường Phát, *Thi pháp văn học dân gian* (2000); Trần Đình Sử, Nguyễn Thanh Tú, *Thi pháp truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan*(2001); Nguyễn Huy Hoàng, *Tìm hiểu thi pháp truyện ngắn Gogon* (2001); Trần

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Đặng Suyền, *Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao* (2001); Phạm Mạnh Hùng, *Thi pháp hoàn cảnh trong tác phẩm của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao*(2001), Nguyễn Đăng Điệp, *Giọng điệu trong thơ từ tình* (2002); Lê Quang Hưng, *Thế giới nghệ thuật thơ Xuân Diệu* (2002); Trần Khánh Thành, *Thi pháp thơ Huy Cận* (2002); Đào Ngọc Chương, *Thi pháp tiểu thuyết và sáng tác của E. Hemingwey* (2003); Hồ Thế Hà, *Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên* (2004); Phan Thu Hiền, *Thi pháp học cổ điển ấn Độ* (2006);...Có thể kể thêm nhiều tác giả khác cũng nghiên cứu thi pháp như La Khắc Hoà, Phan Huy Dũng, Bửu Nam, Trần Thị An, Chu Văn Sơn, Nguyễn Thành Thi, Lê Tiến Dũng, Trần Lê Bảo, Lê Thu Yến, Đỗ Hồng Kỳ, Hà Thị Hoà, Nguyễn ái Học, Đinh Trí Dũng, Nguyễn Khắc Sinh, Hoàng Mạnh Hùng, Đào Duy Hiệp, Biện Minh Điền, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Hoài Thanh, Trương Xuân Tiếu, Nguyễn Thị Mai Chanh, Nguyễn Thị Nương, Lê Trường Phát, Lê Thị Hương, Nguyễn Thị Nhàn, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Thị Tuyết Nga, ... Tôi đánh giá cao công trình của Phan Diễm Phương, Nguyễn Thị Bích Hải, Phan Thu Hiền, Lê Dục Tú, Nguyễn Thanh Tú, Trần Thị An, Nguyễn Duy Bắc... Một số luận văn cao học, tiến sĩ, do chưa thực sự hiểu sâu đã vận dụng sống sượng các phạm trù thi pháp gây ảnh hưởng tiêu cực.

Điều đáng chú ý nhất là các giáo sư cao tuổi như Đỗ Bình Trị, Hoàng Tiến Tựu, Phan Đăng Nhật, Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Đăng Mạnh, Phạm Luận, Nguyễn Đăng Na, Nguyễn Văn Long ... cũng tiến hành nghiên cứu văn học dân gian, nước ngoài hay văn học Việt Nam hiện đại, trung đại theo hướng thi pháp học. Nguyễn Đăng Mạnh đã viết về phong cách Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu... , Phạm Luận viết về thi pháp Việt Nam trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Hải Hà có *Thi pháp tiểu thuyết L. Tônxtôi*, nxb. Giáo dục, 1992; Đỗ Bình Trị có *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian*, nxb. Giáo dục, 1999; Phan Đăng Nhật nghiên cứu thi pháp sử

## HUỶNH ÁI TÔNG

thi Tây Nguyên...; Nguyễn Đăng Na nghiên cứu thi pháp các thể loại văn xuôi trung đại Việt Nam (truyện ngắn, kí, tiểu thuyết). Có những người không đề xướng thi pháp học nhưng trên thực tế vẫn nghiên cứu thi pháp học như các giáo sư Đặng Anh Đào, Phùng Văn Tửu[19]... Một số tác giả khác tập hợp tác phẩm nghiên cứu rồi đặt tên cho công trình mình là thi pháp học.

Một khuynh hướng nghiên cứu thu hút đông đảo nhà nghiên cứu tham gia như thế là một hiện tượng đột xuất của nghiên cứu văn học Việt Nam, nó chứng tỏ nhu cầu bức thiết trong việc đột phá lối nghiên cứu văn học xã hội học ngự trị suốt một thời gian dài từ 1945 cho đến sau năm 1975. Sẽ là không nghiêm túc nếu nhận định đó là một “hội chứng” “chạy theo mốt”, một ham muốn nhất thời có tính thời thượng. Thi pháp học đem lại những phạm trù mới, những đề tài mới cho nghiên cứu văn học, như con người, không gian, thời gian, trần thuật, điểm nhìn, đối thoại, giễu nhại, mỉa mai,... mở rộng các cánh cửa tiếp cận văn bản. Mặc dù chất lượng chưa đồng đều, một điều rất bình thường, nhưng những công trình nêu trên đã góp phần khám phá, vỡ vạc nhiều phương diện nghệ thuật của hầu hết hiện tượng văn học thế kỉ XX, từ văn học hiện thực sang lãng mạn, tượng trưng; văn học trung đại với các thể loại và đặt nền móng cho một sự nghiên cứu cao hơn, sâu hơn về sau.

Thi pháp học Việt Nam tuy chịu ảnh hưởng của Nga hay phương Tây, song khi vào Việt Nam, xét trên một số đóng góp chủ yếu, nó đã có sáng tạo rõ rệt, hoàn toàn không phải là sao chép. Một số công trình nặng tính sao chép, lệ thuộc máy móc vào phương pháp của nước ngoài tỏ ra là nhạt nhẽo, bất cập. Xét về phương pháp, tuy khuynh hướng có chỗ khác nhau, song về đại thể hầu hết nghiên cứu thi pháp, phong cách đều có cách tiếp cận chung khá thống nhất là xét tận xuất để xác định hiện tượng độc đáo, sau đó xây dựng mô hình chỉnh thể, hệ thống, giải thích các hiện tượng tìm được về mặt quan niệm



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

của thời đại và của tác giả. Đó là cách tiếp cận khách quan. So sánh cách tiếp cận của Trần Đình Sử, Phan Ngọc, Đỗ Đức Hiểu, Đỗ Lai Thuý đều cho thấy cái chung đó. Cũng từ đó có thể thấy thi pháp học, phong cách học Việt Nam vẫn đi theo phương hướng chủ yếu của lí thuyết cấu trúc, hệ thống, chưa bước sang giai đoạn giải cấu trúc và hậu hiện đại. Mặc dù ở phương Tây đã có tiếng hô lên “tác giả đã chết”, song ở thi pháp học Việt Nam tác giả vẫn còn ở vị trí trung tâm. Tính đa nghĩa của văn học và tính dân chủ trong tiếp nhận đã được thừa nhận, song trong nghiên cứu thi pháp, xu hướng lí giải độc tôn vẫn còn bám riết lấy một số tác giả như một nhu cầu tự đề cao.

Thi pháp học Việt Nam góp phần đổi mới, tạo ra một giai đoạn mới của phê bình văn học, thay thế dần lối phê bình bình tán chủ quan thịnh hành theo phương pháp giảng văn (Explication) của Lanson, Beard du nhập vào Việt Nam trước 1945, chỉ dựa vào một số cứ liệu về thời đại, sinh hoạt, cá tính tác giả rồi bình tán mà không quan tâm đến các quy luật nghệ thuật nội tại một cách khách quan của văn bản văn học.

Thi pháp học Việt Nam đang đứng trước nhu cầu đa dạng hoá cách tiếp cận, trang bị và nghiên ngẫm sâu thêm về lí thuyết. Nhiều công trình còn sơ lược, nhầm lẫn về phương diện này. Thi pháp học là một phương hướng nghiên cứu có ý nghĩa lâu dài, chính vì thế cần có sự phân hoá thành các trường phái mới có thể phát triển. Thi pháp học có thể theo cách tiếp cận cấu trúc ngữ học, tiếp cận thế giới nghệ thuật, theo phân tâm học, theo kí hiệu học, theo văn hoá học, xã hội học... ở đây việc phiên dịch, giới thiệu các công trình của các tác giả lớn trên thế giới có ý nghĩa quan trọng. Sự thiếu hụt và phiến diện về tri thức thi pháp học trong số đông những người nghiên cứu và đọc thi pháp là trở ngại cho sự nâng cao chất lượng các công trình thi pháp và đánh giá đúng về thi pháp.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Thi pháp học không phải là hướng nghiên cứu văn học duy nhất trong thời gian qua, nhưng phải thừa nhận nó là hiện tượng nổi bật nhất. Các hướng nghiên cứu phân tâm học, văn học so sánh, xã hội học, văn hoá học, tuy có một số thành tựu đáng kể, vẫn chưa được đẩy tới thành những trường phái nghiên cứu hấp dẫn rộng rãi. Bức tranh thi pháp học Việt Nam trên đây do còn khiếm khuyết về tài liệu, chắc chắn khó tránh khỏi thiếu sót, mong được góp ý và sẽ bổ sung thêm về sau./.

-----

- [1] Trường hợp thơ không văn của Nguyễn Đình Thi là một dịp để tìm hiểu thi pháp thơ hiện đại, nhưng đã bị bỏ qua.
- [2] Jean Ives Tadié. *Phê bình văn học thế kỉ XX*, bản dịch trung văn của Nxb. Bách hoa văn nghệ Thiên Tân, 1998.
- [3] J Bessiere, F. Kushner, R. Mortier, J. Weiberger. *Lịch sử các thi pháp*, bản dịch của nxb. Bách hoa văn nghệ Thiên Tân, 2002.
- [4] Nguyễn Văn Trung. *Lược khảo văn học*, tập 1,2,3. Nam Sơn, Sài Gòn, 1966; Trần Thiện Đạo, *Chủ nghĩa hiện sinh và thuyết cấu trúc*, nxb. Văn học, Hà Nội, 2001 (viết khoảng những năm 60 tại Sài Gòn); Trần Ngọc Ninh. *ý nghĩa và cơ cấu Truyện Kiều*, Bách Khoa, năm 1972; Bùi Hữu Sung. *Quan niệm mới về tiểu thuyết: Chử để ra chữ*, Bách khoa, 1972, Đặng Tiễn, *Vũ trụ thơ*, 1972, Sài Gòn....
- [5] Nguyễn Trung Hiếu. *Về tính hệ thống của văn học*, Đại học sư phạm Vinh xuất bản, 1983.
- [6] Vương Trí Nhàn. *Chung quanh khái niệm “thi pháp” trong khoa nghiên cứu văn học xô viết hiện nay*. Tạp chí văn học, số 1, 1981. Nguyễn Kim Đính. *Một số vấn đề thi pháp của nghệ thuật ngôn từ*, Tạp chí văn học, số 5,6, 1985. Trần Đình Sử, *Những vấn đề thi pháp Đôtôïpexki của Bakhtin*. Văn nghệ quân đội, số 10 – 1985. M. V. Khrapchenco. *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người*, tập 1 và 2, nxb. KHXH, Hà Nội, 1985.
- [7] Bakhtin, *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch và giới thiệu. nxb. Văn học và Trường viết văn Nguyễn Du, 1992.
- [8] Bakhtin, *Những vấn đề thi pháp Đôtôïevxki*, Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch, nxb. Giáo dục, 1993, Hà Nội.
- [9] Likhásev D. X. *Thi pháp văn học Nga cổ*, Phan Ngọc dịch, bản đánh máy, bản dịch chưa hoàn thiện, chưa xuất bản, nhưng được

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

phôto khá phổ biến trong giới nghiên cứu sinh.

[10] Phan Ngọc. *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, nxb. KHXH, 1985, *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, nxb. Trẻ, Hồ Chí Minh, 1990., *Thử xét văn hoá văn học bằng ngôn ngữ học*, nxb, Thanh niên, Hà Nội, 2000.

[11] Nguyễn Phan Cảnh. *Ngôn ngữ thơ*, nxb. Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1985, Hà Nội.

[12] Nguyễn Tài Cẩn. *Tìm hiểu kỹ xảo hồi vănliên hoàn trong bài Vũ tung sơn thủy của Thiệu Trị*, nxb. Thuận Hoá, Huế, 1998; *ảnh hưởng Hán văn Lí Trần qua thơ và ngôn ngữ thơ Nguyễn Trung Ngạn*, nxb. Giáo dục, 1998, Hà Nội.

[13] Hoàng Trinh. *Đổi thoại văn học*, nxb. Hà Nội, 1986; *Thi pháp học và thế giới vi mô của tác phẩm văn học*, *Tạp chí văn học*, số 5 – 1991, *Những bài hát ru con dưới góc độ kí hiệu học*, *Tạp chí văn học*, số 2 – 1995. *Từ kí hiệu học đến thi pháp học*, nxb. KHXH, Hà Nội, 1992. *Tuyển tập văn học*, nxb. Hội nhà văn, 1998, Hà Nội.

[14] Đỗ Đức Hiểu. *Đổi mới phê bình văn học*, nxb. KHXH và nxb. Mũi Cà Mau, 1993. *Thi pháp hiện đại*. nxb. Hội nhà văn, 2000., *Đổi mới đọc và bình văn*, nxb. Hội nhà văn, 1998, Hà Nội.

[15] Đỗ Lai Thúy. *Con mắt thơ*, nxb. Lao động, Hà Nội, 1992. Cuốn sách được tái bản nhiều lần. *Hồ Xuân Hương và hoài niệm phồn thực*, nxb.

[16] Ngoài các công trình thi pháp học, xin xem phần Điểm nhìn trần thuật trong giáo trình *Lí luận văn học* tập 2, nxb. Giáo dục, 1987.

[17] Trần Đình Sử. *Thời gian nghệ thuật trong Truyện Kiều*. *Tạp chí văn học*, số 5 – 1981. *Cái nhìn nghệ thuật của Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, *Tạp chí văn học* số 2 – 1982. *Thi pháp thơ Tố Hữu*, nxb. Tác phẩm mới, 1987. *Một số vấn đề thi pháp học hiện đại*, Vụ Giáo viên xb. Hà Nội, 1993; *Những thế giới nghệ thuật thơ*, nxb. Giáo dục, 1995, Hà Nội; *Lí luận và phê bình văn học*, Nxb. Hội nhà văn, 1996, Hà Nội; *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, nxb. Giáo dục, 1998; *Dẫn luận thi pháp học*, nxb. Giáo dục, 1998, 2004. *Thi pháp Truyện Kiều*, nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2002.

[18] Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, nxb. KHXH, 1993, ĐHQG Hà Nội, 2004.

[19] Phùng Văn Tửu, *Tiểu thuyết Pháp hiện đại những tìm tòi đổi mới*, nxb. KHXH, Mũi Cà Mau, 1990; Đặng Anh Đào, *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*, Nxb. Giáo dục, 1995, Hà Nội.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Trong bài: *Trần Đình Sử: Múa girom dưới trời mưa*, tác giả Đỗ Minh Tuấn đã có nhận định:

*“Sự xuất hiện các xu hướng nghiên cứu phê bình mới đã đem lại cho đời sống văn học nước nhà những ánh sáng lung linh mới lạ. Nhưng nếu những nhà nghiên cứu thi pháp khác chỉ tập trung việc phát lộ ánh sáng lấp lánh trong cái hay của từng tác giả và tác phẩm, thì Trần Đình Sử chú tâm vào việc đưa ánh sáng từ một thế giới nghệ thuật bao quát cả đời văn, xuyên thấu nhiều tác phẩm, trù lên cả cái hay cái dở trong hành trình sáng tạo của nhà văn.*

*Và, Thi pháp học của ông trên thực tế đã có một vị trí quan trọng mang ý nghĩa khai sáng trong đời sống văn chương học thuật nước nhà mấy thập kỷ qua mà các thế hệ sau sẽ tiếp tục nghiên cứu và đánh giá”*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Đình Sử Web: [phebinhvanhoc.com.vn](http://phebinhvanhoc.com.vn)
- Thi pháp học hiện đại ở Việt Nam Web: [hcmup.edu.vn](http://hcmup.edu.vn)

## 7. Vương Trí Nhàn



### **Wương Trí Nhàn (1942-20 )**

Nhà phê bình Vương Trí Nhàn sinh ngày 15 tháng 11 năm 1942 tại Hà Nội. Quê quán của ông là xã Đông Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Năm 1964, ông tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội, hệ 3 năm, sau đó nhập ngũ Quân đội Nhân dân Việt Nam cho đến đầu năm 1979.

Trong quân đội ông có nhiệm vụ chính là dạy học và về sau làm báo. Ông từng giáp mặt với thực tế chiến trường B4, B5 là chiến trường Bình Trị Thiên và mặt trận giới tuyến 17 ở Quảng Trị.

Các bài viết của ông xuất hiện trên báo *Văn Nghệ* từ tháng 3 năm 1965, sau đó ông viết đều đều trên các báo *Văn Nghệ*, *Văn Nghệ quân đội*.

Đầu năm 1968, ông chuyển về công tác ở tạp chí *Văn Nghệ Quân đội*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ đầu thập niên 1970, ông học tiếng Nga, có một số bài dịch từ tài liệu tiếng Nga về một số tác phẩm văn học, cũng như biên soạn một tập sách mang tên *Sổ tay truyện ngắn* dựa vào tài liệu tiếng Nga.

Năm 1977, ông được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam.

Tới đầu năm 1979, ông sang công tác cho Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Đây là những cơ quan người sáng tác đông hơn người nghiên cứu phê bình. Việc này có ảnh hưởng quyết định đến những đề tài những tác giả mà ông quan tâm cũng như ảnh hưởng tới cách viết của ông..

Từ 1985 trở đi, bài của ông còn xuất hiện trên *Thể thao văn hóa, Tuổi trẻ chủ nhật, Kiến thức ngày nay ...* các bài nghiên cứu dài thì được đăng trên tạp chí *Văn học*. Ông có một số bài viết về một số vấn đề, một số tác giả văn học chiến tranh và có dự định sẽ trở lại với đề tài này, khi về hưu.

Từ cuối 1986 đến giữa năm 1989, được nhà xuất bản Tác Phẩm Mới cử đi làm chuyên viên hợp tác về biên tập sách văn học Xô-viết dịch ra tiếng Việt, in tại NXB. Raduga(Cầu Vòng)ở Moskva, Liên Xô. Trong thời gian này Vương Trí Nhàn viết cho báo *Văn Nghệ* ở Hà Nội, bài có nhận xét nổi tiếng về "khuôn mặt nhàu nát vì đau khổ" của Nguyễn Huy Thiệp, cùng với các bài khác trong mục "Thư Moskva" về văn học và nhà văn Liên Xô thời perestroika.

Lúc đầu ông chỉ tập trung về mảng văn học đương đại, cho đến đầu thập niên 1980 ông có ý thức dần dần với văn học sử, nhất là giai đoạn nửa đầu thế kỷ 20, và đã viết một số bài nghiên cứu về các nhà văn tiền chiến như Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng ...

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Tới đầu thập niên 1990, trước các hiện tượng văn học quen thuộc, ông lại muốn ngả sang cách tiếp cận văn hoá học.

Năm 2003, Vương Trí Nhàn đoạt Giải B (không có Giải A) về bộ môn Lý luận phê bình của Hội Nhà Văn Việt Nam, cho tác phẩm *Cây bút đời người*.

Năm 2007, nhà văn Vương Trí Nhàn nghỉ hưu, sống ở Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Sổ tay truyện ngắn* (biên soạn, dịch, Tác Phẩm Mới, 1980)
- *Bước đầu đến với văn học* (tiểu luận phê bình, Tác Phẩm Mới, 1986)
- *Một số nhà văn VN hôm nay với Hà Nội* (đời sống văn học, Hà Nội, 1986)
- *Những kiếp hoa dại* (chân dung văn học, Hội Nhà Văn, 1993)
- *Cánh bướm và đóa hướng dương* (tiểu luận phê bình, Hải Phòng, 1999)
- *Chuyện cũ văn chương* (Văn học, 2001)
- *Cây bút đời người* (tiểu luận, Trẻ, 2002)
- *Nhà văn tiền chiến và quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam : Từ đầu thế kỷ XX cho tới 1945* (biên khảo, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005)
- *Ngoài trời lại có trời* (phê bình, tiểu luận, Phụ Nữ, 2006)
- *Nhân nào quả ấy* (phiếm luận, Phụ Nữ, 2004)
- *Những người làm nghề viết văn* (chân dung nhà văn, Hội Nhà Văn, 2006)
- *Có những nhà văn như thế* (chân dung nhà văn, Hội Nhà Văn, 2006)
- *Những chấn thương tâm lý hiện đại* (Trẻ, 2009)

Trích văn:

**Văn học Sài Gòn đã đến với Hà Nội từ trước 1975**

Hồi tôi còn học trung học phổ thông, tức là đầu những năm sáu mươi, trong sách giáo khoa văn học trích giảng, vẫn có những phần nhắc lại một cách sơ lược rằng ở các thành thị miền nam có một nền văn học của mình – dù rằng nhắc để phê phán.

Năm 1959, Chế Lan Viên có bài đọc *Hoa Đăng* của Vũ Hoàng Chương, bài viết kèm theo nhiều trích dẫn.

Trước đó trên báo *Văn nghệ* còn thấy in một lá thư, trong đó nhà văn Nguyễn Tuân thay mặt Hội văn nghệ mời các nhà văn miền Nam cùng dự Hội nghị các nhà văn châu Á tổ chức ở Ấn Độ cuối năm 1956. Lá thư có cái giọng thực sự chân thành và trân trọng “Thân gửi các bạn nhà thơ nhà văn miền Nam... Chúng tôi lấy làm sung sướng chuyển vào các bạn lời mời của Ban trụ bị Hội nghị... Hội Văn nghệ Việt Nam trong khi cử ba bạn nhà văn nhà thơ miền Bắc sang dự Hội nghị cũng rất thiết tha mong mỗi được gặp các bạn để trao đổi những kinh nghiệm sáng tác của chúng ta.”

Bước vào chiến tranh, những thông tin rộng rãi kiểu đó không còn nữa. Tuy nhiên trong những năm ấy, nhiều tờ báo nhiều cuốn sách bên kia giới tuyến vẫn có mặt, sách báo ở Sài Gòn ở các thành thị miền Nam vẫn len lỏi trở đi trở lại trong câu chuyện của giới viết văn ở Hà Nội. Sự tiếp xúc xảy ra âm thầm lura thừa lốt đốt, khi được khi chẳng, nhưng không bao giờ chấm dứt. Và khởi đi từ những năm chống Mỹ, nó sẽ có lúc bùng bột cuộn lên mạnh mẽ (mà cũng là xô bồ tung tóe, nhếch nhác hơn, đầy trác trở hơn) trong những năm hậu chiến và kéo mãi đến ngày nay.

Tại sao những người viết văn năm ấy đang còn trẻ là bọn chúng tôi lại chú ý đến mảng văn học đó? Nếu có người hỏi như vậy, chính tôi cũng sẽ lúng túng và nói bừa rằng thích thì



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

làm vậy. Rồi người ta có thể kể người này có biết gì đâu, chẳng qua học đòi; người kia lúc nào cũng kín kín hở hở khoe rằng mình đã đọc để làm dáng... Tất cả những cái đó có cả.

Thế nhưng ngồi nghĩ lại ở đây còn có một cái gì sâu xa hơn mà dần dần trong thời gian nó mới bộc lộ. Có thể, vâng, tôi lờ mờ cảm thấy không chừng những con người đó và những cuốn sách đó sở dĩ có sức thu hút với bọn tôi là vì những lẽ vừa xa xôi vừa thiết thực. Trong sự chồn vờn *có có không không* lẫn lộn, “nó” giống như một thách thức mà khi nghĩ tới, thúc đẩy chúng tôi làm tốt hơn công việc trước mắt. Bằng cách đưa ra những trang viết khác hẳn chúng tôi đang viết, “nó” gợi ý về những việc có thể làm, nhớ lấy rồi ra lúc khác sẽ làm. Ấy là không kể -- điều này thì chắc chắn chứ không còn nghi ngờ gì nữa --, “nó” mở ra cho chúng tôi một chân trời mới về kiến thức văn học và thức dậy những ham hố phiêu lưu. Đại loại đó là sự tò mò của tuổi trẻ hoặc cái khao khát được sò vào những trái cấm. Mà ...tuổi trẻ bao giờ chẳng thế, trách chúng tôi thì “trách cả nhân loại”!

Hồi ấy trên Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, có cả một chương trình dành cho người nghe ở các đô thị, trước tiên là văn nghệ sĩ Sài gòn. Nhiều nhà văn tên tuổi như Tô Hoài Xuân Diệu và các cây bút loại trí thức như Nguyễn Thành Long thường được mời viết cho chương trình này.

Muốn người ta viết thì phải có cái cho người ta đọc. Tự nhiên là có nhu cầu phải tìm sách và có sự truyền tay sách vở.

Trong bọn chúng tôi có anh Trúc Thông làm ở chương trình đô thị của đài. Gần như cả giới văn chương trẻ Hà Nội biết điều đó. Cứ nghĩ rằng nếu lần la tìm đến ngôi nhà 16 Hồng Phúc sẽ được ngó ngang vài số tạp chí từ trong kia mang ra, lòng đã run rẩy và có phải đi xa mấy để đọc cũng chẳng ai thấy ngại.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Mấy năm gần đây một vài anh thích nhắc đến thơ Thanh Tâm Tuyền. Nhưng chính hồi ấy, chúng tôi biết đến nhiều hơn là một Thanh Tâm Tuyền ở văn xuôi. Một lần nào đó đi họp với *các cụ nhà văn tiền chiến* một bạn trẻ của tôi chợt phát hiện ra Nguyễn Tuân với *Cát lầy* của Thanh Tâm Tuyền. Vâng chính là *nhà văn ấy*, đang đọc *cuốn sách ấy*. Anh về kháo với anh em chúng tôi. Tự nhiên là chúng tôi cũng bị lôi cuốn bảo nhau mò mẫm đi tìm.

Đến cả Nguyễn Khải cũng tìm. *Cát lầy*, theo Nguyễn Khải, ăn ở sự ma quái của mình. Cũng như sau này Nguyễn Minh Châu nói rằng thích *Thần tháp rùa* của Vũ Khắc Khoan vì ở đó có yếu tố tượng trưng. Cả hai nhà văn Hà Nội của tôi viết theo lối thực, nhưng ở chỗ riêng tư, các anh bao giờ cũng nhấn mạnh rằng một thứ văn xuôi thẳng hoa mới là điều đáng ao ước, và chúng tôi cũng học theo các anh mà nói vậy. Ai mà chẳng muốn khác đi một chút so với những gì mình đang có!

Sau Thanh Tâm Tuyền, thấy rõ lên trường họp Nguyễn Thị Hoàng. Có lúc nghĩ lại thấy hình như truyện chẳng có gì, chỉ ăn ở cái lạ là mối tình của một cô giáo với một học trò, nó quá ư là “công”, là ngược với thói quen đạo đức còn nặng chất phong kiến của dân Hà thành. Nhưng nên nhớ hồi ấy, cả Thơ mới và tiểu thuyết Tự lực văn đoàn cũng không ai được đọc. Thì cái chất mùi mẫn kia lại đậm có sức quyến rũ. Và trong sự chăm chú đọc, người ta nhận ra ở nó cả những yếu tố còn lơ mờ, nhưng đã có ở chính mình.

Sở tay tôi còn ghi nhiều cuộc trò chuyện với Nguyễn Minh Châu, trong đó có những nhận xét của anh Châu về *Vòng tay học trò*. Về nghệ thuật, anh Châu bảo “văn chương nó viết nhuyễn thật. Không phải là uốn éo đâu mà với nội dung ấy thì phải viết kiểu ấy, nó mới nói hết được cái phức tạp của con người bây giờ” ( xem *Trò chuyện với Nguyễn Minh Châu*, tạp chí *Nhà văn* số 4-2008). Ai đó nghĩ Nguyễn Minh Châu chuyên

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

viết chiến tranh sao lại có thời giờ lưu ý phần nhân bản trong trang viết. Nhưng đúng anh Châu là thế, nên anh mới cắt nghĩa *Vòng tay học trò* theo kiểu liên hệ *Vòng tay học trò* với *Dấu chân người lính* của mình “ Có một đoạn, Nguyễn Thị Hoàng tả cô Trâm này với tay Minh ra gieo đỗ, nói về sức sống trong lòng đất. Tôi thấy mình cũng gặp nó ở chỗ ấy, trong một đoạn tôi viết Xiêm đi lấy thóc và tự hỏi tại sao không lấy gạo mà lại lấy thóc?...”.

Vậy là việc đọc *Vòng tay học trò* với Nguyễn Minh Châu, là một hành động nghề nghiệp nghiêm chỉnh. Anh ngầm bảo rằng những tác phẩm của phía bên kia kích thích anh, như một lời mời gọi thú vị: “Đọc những tay này, tự nhiên mình dậy lên một thứ thâm thù: Mình cũng phải viết được cái gì để làm cho nó khiếm về mình mới được.”

Cũng không nhớ hết là nguồn ở đâu ra chỉ biết là những cái tên như Nguyễn Thị Hoàng và Nguyễn Thị Thụy Vũ, Mai Thảo và Duyên Anh, Doãn Quốc Sĩ và Thế Uyên... đã đến với chúng tôi rất sớm. Sau này đọc lại thấy sự hiểu biết của mình cũng lỗ mỗ chả bao nhiêu, nhưng lại chả cái gì là không thấp thoáng có mặt. Và có cả những cái tên những quyển sách mà có thể số đông chẳng có mấy ý nghĩa, nhưng với một số người nào đó lại có duyên nợ riêng.

Thật là trớ trêu, nhưng quả thật với tư cách một người mới làm quen với văn, cái mà tôi nhớ hơn cả từ văn chương Sài Gòn năm ấy lại là những tác phẩm viết về thân phận của người cầm bút. Lần ấy, đọc *Một ngày làm việc của Chiêu Hoàng* truyện ngắn của Trùng Dương Nguyễn Thị Thái (in trên bán nguyệt san *Văn* 4-1973) tôi chỉ nghĩ người đàn bà viết văn ở đây sao gần mình. Cũng đau đớn mà làm nghề, vừa viết để thỏa mãn cái tôi muốn tự khẳng định, lại vừa lo kiếm sống. Những vui buồn ngổn ngang lấp đầy cuộc sống hàng ngày sao mà cũng na ná như tâm trạng của chúng tôi.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Một lần khác, tôi tìm thấy hình ảnh của chính mình trong bóng dáng những người viết văn miền nam, đó là một đoạn văn của Mai Thảo viết về Vũ Khắc Khoan, in trên tạp chí *Vấn đề*, 1969

Vũ Khắc Khoan. Một mái tóc đã chiều của một tâm hồn còn sớm. Những buổi chiều Sài Gòn buồn bã. Những buổi chiều Đà Lạt mù sương. Mỗi ngày qua thêm một sợi bạc. Âm thầm đe dọa, lặng lẽ tràn đầy. Ly rượu nửa khuya là ly thứ mấy. Quanh hơi thu lau lách đìu hiu. Muốn một thời đại hoàng kim. Thèm một tấm lòng bè bạn. Mỗi cơn say là một cảm khái ngà ngà. Vũ Khắc Khoan. Của một tự hỏi, tự hoài nghi và tự băng khuâng lăm lăm về cái bình sinh mà mình chưa đạt. Ta đã dùng chi đời ta chưa?

Ai đã dùng chi đời ta chưa? Ngó ra cái chung, cái đại cuộc cái toàn thể, nhìn trở vào cái riêng tây, rùng áy mung lung, núi ấy chập chờn, nghe từng phiến đá tâm linh rụng dần những giấc mơ không thành tựu. Và tôi, một trong ít những người bạn của Vũ Khắc Khoan, tôi muốn nhìn ngắm anh như một cần thiết. Trong cuộc sống hàng ngày thôi, có rất nhiều những giờ phút buồn bã của chúng tôi có Vũ, người ta nhớ thêm được những điều đáng nhớ, quên mau được những điều đáng quên, và cuộc đời xem được là nhẹ hơn hoặc coi được là nặng hơn cái trọng lượng tâm thường và phí lý của nó.

Ngày 5-5-1975, vào Sài Gòn, sau khi đi thăm hiệu sách *Khai trí*, tôi nhờ một sinh viên dẫn đến tòa soạn *Bách Khoa*, gặp Lê Ngọc Châu rồi nhờ ông Châu nhắn gặp Nguyễn Mộng Giác. Có mấy lý do thứ nhất theo tôi đọc được, anh Giác cũng là dân cũng học qua sư phạm như tôi và cách viết cũng nhiều chất trường ốc; và thứ hai, Giác năm ấy so với những Vũ Hạnh, Võ Phiến ... cũng là cánh trẻ. Qua Giác, tôi làm quen với Hoàng Ngọc Tuấn và có lần đến thăm cả Nguyễn Hiến Lê. Cái chính là chúng tôi cảm thấy cùng thân phận. Tôi hay nói với Nguyễn Mộng Giác: Chúng tôi mà ở trong ấy, thì cũng thành các anh.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Mà các anh ở đây cũng thành chúng tôi. Hoàn cảnh quyết định hết!

Không riêng gì tôi! Nghiêm chỉnh và sâu sắc, những kỷ niệm loại này, hẳn có ở nhiều bạn khác. Và cả những kỷ niệm về hiểu lầm nhau, nghĩ sai về nhau, đánh đờn hội chợ chuyện này, thù sâu oán nặng chuyện kia, thật cũng là cái phù vân nhảm nhí của cuộc sống đâu mà chẳng có. Tình trạng rón vào từng cục chẳng ai chịu ai là phổ biến của làng văn Việt Nam, cả giữa các nhà văn trong ấy, lẫn chúng tôi ngoài này. Thì trách nhau mãi sao tiện.

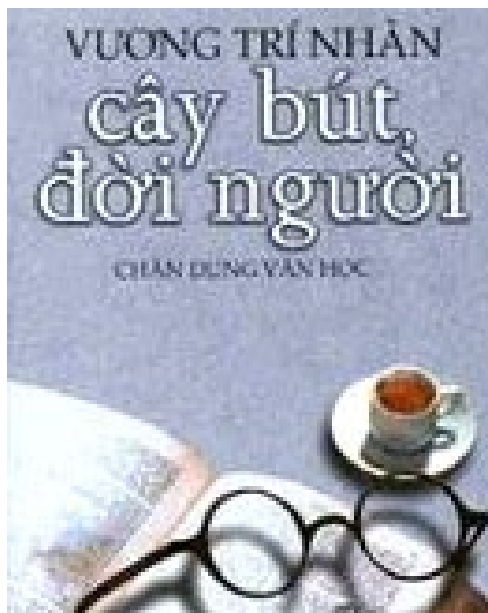
Nhưng thôi, hãy kể ít chuyện cũ đã. Khoảng 1971-73 gì đó, có lần anh Nguyễn Thành Long khoe với tôi là nhân muốn trò chuyện với Thế Uyên, phải lặn lội về tận làng Bằng ở Hà Đông lấy tài liệu để viết một bài về Thạch Lam. Đoạn cuối truyện ngắn *Cô hàng xén* có câu “Tâm dần bước. Cái vòng đen của rặng tre làng Bằng bỗng vụt hiện ra trước mặt, tối tăm và dày đặc”.

Hè 1972, có mặt ở Quảng Trị lúc thành phố chưa bị ném bom hủy diệt tôi mang về nhiều bài báo xé ra từ các số bán nguyệt san *Văn*, trong đó có bài *Tự truyện viết sớm* của E. Evtouchenko. Chính là hồi đó, loại tài liệu này cũng là của hiếm với. Sẵn bản dịch của Vũ Đình Lưu, các bạn như Lưu Quang Vũ, Nghiêm Đa Văn, Lâm Quang Ngọc, ... truyền tay nhau để đọc.

Tôi kể lại hai chuyện này để thấy sự chia sẻ của chúng tôi với văn học đô thị miền Nam còn là ở hai điểm. *Thứ nhất* sự chi chút gia tài văn học quá khứ. Không có các anh trong ấy bao năm gìn giữ, Hàn Mặc Tử chẳng hạn, rồi Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương... không thể trọn vẹn như ngày nay. *Thứ hai*, sự tiếp nhận văn học nước ngoài từ các lý thuyết văn học tới các tác giả cụ thể. Các tạp chí ở Sài Gòn đã làm công việc này

HUỲNH ÁI TÔNG

một cách tự nhiên và cuộc hội nhập với thế giới mà các bạn trẻ đầu thế kỷ XXI này đang làm là tiếp tục đi theo cái mạch đó.



Trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia* có ghi lại nhận xét của Giáo sư Nguyễn Huệ Chi về Vương Trí Nhàn như sau:

*“Trong số những cây bút phê bình lý luận Việt Nam hiện đại, Vương Trí Nhàn là một người từ mấy chục năm nay đã tạo được một giọng điệu riêng khó lẫn. Ông không phải là người tiếp cận thật sâu một vấn đề gì đó và triển khai nó đến tận cùng, mà thường vấn đề gì cũng lướt qua một cách nhẹ nhàng, nhưng lại có những nhận xét khá thâm thúy.”*

Tài liệu tham khảo:

- Vương Trí Nhàn Web: [vi. Wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Văn học Sài Gòn đã đến...* Web: [vuongtrinhan.free.fr](http://vuongtrinhan.free.fr)

## 8. Trần Hữu Lục



### Trần Hữu Lục (1944-20 )

Nhà văn, nhà phê bình, nhà giáo Trần Hữu Lục sinh ngày 14 tháng 3 năm 1944, tại Vân Dương, Tp. Huế. Còn có bút danh Yên My, Trần Phước Nguyễn...

Năm 1961-1963, học sinh Trường Quốc Học, Huế.

Năm 1964-1968, sinh viên Đại học Văn khoa và Đại học Sư phạm Huế.

Năm 1967-1968, làm chủ bút báo *Sinh Viên Huế*, là thành viên của Nhóm Việt, nhóm văn học nghệ thuật Về nguồn tại Huế.

Từ năm 1971-1975, phụ trách phần văn nghệ tạp chí *Đối Diện*.

Có bài viết đăng trên tạp chí *Việt*, báo *Sinh viên Huế*, tạp chí *Văn*, *Đất Nước*, *Đối Diện*, *Ý Thức*, *Trình Bày*....

Sau năm 1975, ông làm báo tại Tp.HCM. ngoài viết văn, ông còn làm thơ, phê bình văn học.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trần Hữu Lục là Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1999, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn Tp.HCM.

Chủ biên thường trực *Nhớ Huế* từ năm 1998.

Tác phẩm:

- *Cách một dòng sông* (tập truyện, Đối Diện, 1971)
- *Chiếc bóng* (tập truyện, Văn Nghệ, 1987)
- *Lời của hoa hồng* (thơ, Trẻ, 1997)
- *Thời tôi yêu* (tập truyện, Văn Nghệ, 1998)
- *Đưa đò* (tạp văn, Văn Nghệ, 2002)
- *Thu phương xa* (thơ, Trẻ 2003)
- *Chuyện Huế ít người biết* (biên soạn, Trẻ, 2004)
- *Vạn xuân* (thơ, Hội Nhà Văn, 2006)
- *Sông Hương ngoài biên giới* (biên soạn, Trẻ, 2006)
- *Mẹ và Con* (truyện và bút ký, Trẻ, 2007)
- *Ngày đầu tiên* (thơ, Hội Nhà Văn, 2009)
- *Góc nhìn văn chương* (bút ký, bình luận, Trẻ, 2010)
- *Giêng xanh* (thơ, in chung, Thanh Niên, 2011)

Trích văn:

### **Lặng lẽ thơ Sài Gòn – Tp. HCM.**

Việt Nam vốn đã định hình một số vùng đất thơ. Mỗi vùng như thế đều có những nét riêng ấn tượng - nơi khơi gợi nhiều cảm hứng sáng tạo, sản sinh nhiều nhà thơ đầy tài năng và có nhiều bài thơ hay. Trong số vùng đất thơ như thế có Bến Nghé - Sài Gòn - Gia Định xưa và nay là Sài Gòn – Tp. HCM.

***Đất hóa tâm hồn***



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

So với các vùng đất thơ khác thì vùng đất thơ Bến Nghé trẻ hơn nhiều, chỉ khoảng 300 năm trở lại. Trên vùng đất này còn lưu truyền nhiều câu hát dân gian, điệu lý, bài thơ vô danh. Người dân vẫn còn nhớ đến câu ca dao: *Nhà Bè nước chảy chia hai/ Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.*

Chưa biết đích xác xuất hiện từ bao giờ nhưng có thể đây là mạch nguồn thi ca của đất Phù Nam hoặc Nam bộ? Có thể thơ có trước câu văn tế: Bến Nghé, Cửa Tiền tan bọt nước... của cụ Đồ Chiểu hay là đã xuất hiện sau dòng thơ của hai nhà Nho yêu nước Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt? Đây là hai câu thơ rất phương Nam do binh lính, những lưu dân hay do chính người bản địa đã sáng tác?

Nhà thơ quá cố Chế Lan Viên có câu thơ sống mãi với thời gian: *Khi ta đến chỉ là đất ở/ Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.* Trong quá khứ, vùng đất Sài Gòn - Gia Định từng là vùng đất “hóa tâm hồn” của nhiều thế hệ nhà thơ - chiến sĩ trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Qua tài liệu, đặc biệt từ năm 1945 đến năm 1975, trong vòng 35 năm, thơ viết về vùng đất này phong phú, đa dạng và có chất lượng hơn hẳn so với các thời kỳ khác.

Đọc lại *Tuyển tập thơ 1945-1975* do Sở Văn hóa - Thông tin và Hội Nhà văn Tp. HCM xuất bản năm 1998, tuyển 119 bài thơ của 52 nhà thơ thì có đến 60 bài thơ viết về đất, người, cuộc sống, chiến đấu của Sài Gòn - Gia Định. Có rất nhiều tác giả, nhà thơ đã gắn tên tuổi với thơ cả về số lượng và chất lượng. Đây là: *Dáng đứng Việt Nam* (Lê Anh Xuân), *Em bé Sài Gòn* (Diệp Minh Tuyên), *Đêm xem bản đồ thành phố* (Chim Trắng), *Thơ tình ngang đất Thép* (Lê Điệp)... Những bài thơ như thế có góp phần vẽ nên diện mạo văn học trong một giai đoạn lịch sử của vùng đất này.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Cũng trong khoảng thời gian tương tự - 30 năm, đọc lại *Tuyển tập Thơ thành phố Hồ Chí Minh 1975-2005* do NXB Hội Nhà văn và Hội Nhà văn Tp. HCM xuất bản, tuyển chọn 230 bài thơ của 128 nhà thơ. Với lực lượng hùng hậu như thế, gồm nhiều thế hệ sáng tác nhưng thơ viết về vùng đất này thì quá ít ỏi.

Trong đó chỉ có khoảng 20 bài thơ lấy nguồn cảm hứng sáng tác từ vùng đất Sài Gòn – Tp. HCM. Lặng lẽ quá vùng đất này! May mà còn chút an ủi trong dăm ba bài thơ: *Đi xa lòng đã nhớ/ Những lối mình đi về/ Mới hai năm đến ở/ Tân Bình lạ thành quê* (Chế Lan Viên). Thi thoảng, thành phố công nghiệp đã phủ khói bụi vào thothở: *Đừng góp bụi vào ban mai xé chiều thanh sạch/ Vì thành phố/ Cần được thở* (Nguyễn Tam Phù Sa).

Trong những tập thơ khác cũng do Hội Nhà văn Tp. HCM (kết hợp với NXB Trẻ) ấn hành, đó là *Thơ 1998, Những ngã đường thơ* (2002), *Sài Gòn thơ (tự chọn) 2007, Thơ văn trẻ Tp. HCM - 2007, Thơ thành phố Hồ Chí Minh - 2008* và các tuyển tập thơ tiếp sau, thì dấu ấn của một vùng đất thi ca Sài Gòn – Tp. HCM lại quá mờ nhạt. Có phải chúng ta đã cạn nguồn sáng tác từ vùng đất này? Hay là cuộc sống, thành phố lại thay da đổi thịt quá nhanh mà những rung động, niềm trăn trở với cuộc sống quanh chúng ta vẫn chưa thể theo kịp?

Thơ đành phải trông chờ vào ai đó để cùng chia sẻ và hỗ trợ trước thái độ bàng quan của bạn đọc, của các nhà thơ cùng hội cùng thuyền và trước cả sự vô tình, vô tâm của các nhà lý luận phê bình văn học. Cuộc đời của thơ thật ngắn vội, tự co cụm và mất hút trong dòng chảy ào ạt của các phương tiện nghe nhìn hiện đại.

***Không lẽ nơi này lặng lẽ?***

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Đường đi của thơ không hẳn là ngõ hẹp. Trên địa bàn thành phố hiện nay đang có những lối đi nhỏ cho thơ đến với công chúng, đây là các trang báo viết và báo mạng như *Sài Gòn Giải Phóng*, *Mực tím*, *Tài hoa trẻ*, *Tuổi trẻ*, *Thanh niên*, *Văn Nghệ Tp. HCM*, *Công an Tp. HCM*, *Thế giới mới*, *Phụ nữ Tp. HCM*... và các trang thơ trên báo mạng của Hội Nhà văn Tp. HCM, Người viễn xứ, Đồng bằng sông Cửu Long, chương trình thơ trên sóng của Đài TNND thành phố, Thơ ca giao hòa trên HTV, Thơ trong những buổi sinh hoạt của CLB Thơ các trường đại học, cao đẳng và các quận, huyện. Dù rằng có lối đi như thế nhưng vẫn còn chật hẹp vì có quá đông nhà thơ, người làm thơ tham gia.

Có thể cải thiện được tình trạng này không? Thơ cần thiết phải gắn bó với hiện thực Sài Gòn – Tp. HCM mới mong được bạn đọc đón nhận. Thơ tiếp tục tìm lối đi trước cuộc sống hiện thực sinh động của một thành phố lớn vốn có nhiều cơ hội và tiềm lực không phải là không làm được. Cuộc đời thơ đã trải qua nhiều nhọc nhằn, thua thiệt. Thơ cần phải gắn bó, gần gũi hơn với hiện thực của vùng đất này. Và trên hết vẫn là tâm lòng của các nhà thơ với vùng đất “Hóa tâm hồn”. Không lẽ để nơi này lặng lẽ?

Trích thơ:

### **Ngàn lau thương nhớ**

*Mùa này thuyền về cố đô  
Sông lặng lẽ không muốn chảy  
Đôi bờ hiu hắt lau trắng  
Núi trùng điệp, chiều sa mù*

*Bao năm cát bụi Hoa Lư  
Âm vọng trong từng thạch nhũ  
Mây trắng bay miền đất cổ*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Để ngàn lau mãi bạc đầu*

*Đèn đài, cung điện còn đâu ?  
Tiếng quân reo ngày tuổi nhỏ  
Tiếng mõ trâu u trầm quá  
Ai thương cảm cố đô này ?*

*Bao lớp người đã qua đây  
Ngàn lau bạc đầu mong đợi*

**Thoắt không thoắt có**

*Con thú hoang trở lại rừng  
Ngọn gió đã bay về đồng cỏ  
Em thoắt không thoắt có  
Anh bắt đầu cuộc kiếm tìm*

*Anh để vượt mắt con gió  
Mỗi vết cắt chưa hết đau  
Nỗi cô đơn chỉ có một  
Lòng bao dung vô bờ*

*Anh tìm em tìm em  
Chỉ thấy chính mình  
Đâu rồi khoảng trời trong vắt  
Tiếng chim hót chẳng đợi bình minh*

*Cánh rừng có là chỗ dung thân  
Khi gian dối hóa thành mật ngọt  
Em bây giờ mỗi phút giây còn lại  
Cũng thoắt có thoắt không*

**Giữ hộ**

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Muốn gửi chút màu rêu trong mắt  
Ngược dòng thời gian có muộn không ?  
Giữ hộ tiếng nguyệt cầm trong gió  
Xa vắng vẫn dịu dàng bên em.  
Một nửa câu thơ... tìm chưa thấy  
Một đêm dài mong đợi nắng lên  
Đường về mù sương giờ lạc lối  
Phương ấy, em chơi trò ú tim.  
Chiếc nón nghiêng bờ vai tượng đá  
Trách chi màu mắt phút phải long  
Dù tháng dù năm... em giữ hộ  
Chảy bên đời thắm thì dòng sông.  
Hoa cát tường ngày ấy đơm nụ  
Giờ còn đắm đuối cuối cơn mê  
Giọng nói cười reo lên lúc nhớ  
Và gió mù tăm chợt thổi về.

### Bến phà đêm

Dòng sông đêm lấp loáng ánh đèn  
Ngã ba sông neo chuyển phà cuối  
Tiếng phà gọi đường như xa lắm  
Bến sông này áo trắng thôi bay...

Đôi bờ vẫn nói đêm và ngày  
Tiếng phà đêm nói thời thơ dại  
Đôi mắt dõi theo lục bình tím  
Ngày ấy, giờ chìm khuất trong sương  
Bến phà đêm đợi người qua sông  
Đường như gió khuya đã ngừng thổi  
Dẫu em về kịp chuyển phà cuối  
Như hạt phù sa về cội nguồn...

Mai này cầu mới bắc qua sông  
Còn đâu tiếng phà giục năm tháng

## HUỲNH ÁI TÔNG

*Mỹ Tho có phôi pha lời hẹn  
Bến đợi sông chờ cá quẫy trắng...*

### **Những đóa hoa hướng dương**

*Đường chúng ta đi không bằng phẳng  
Mỗi ngày vẫn gặp một đóa hướng dương  
Bóng tối sẽ lùi, hừng đông sẽ rạng  
Trái tim khẽ hát những lời yêu thương*

*Rất nhiều người vẫn sống vì mọi người  
Ai đang lặn lội kiếm tìm đường đến  
Những cánh đời rướm đau đánh lổi hẹn  
Thoảng hạnh phúc rất thật còn mong manh*

*Quanh đây còn rất ít điều lành  
Ai đang lặng lẽ đi tìm lẽ phải  
Lên rừng xuống biển, vào Nam ra Bắc  
Mà công lý, sự thật ở ngay trong lòng người*

*Làm nghề báo có lúc phải vào vai diễn  
Như người đi trên dây xiếc một mình  
Lặng lẽ với niềm đau, hiểm nguy không hề nản  
Và lặng thầm khi sự thật hiện nguyên hình*

*Đẹp quá những đóa hoa hướng dương  
Chỉ nở một đời với mặt trời tỏa rạng  
Như chim báo bão trên từng trang báo  
Ngày hôm nay sống vì đất nước mai sau.*

### **Sài Gòn xuân**

*Công nhành mai núi, tôi về  
Sài Gòn xuân từng góc phố*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

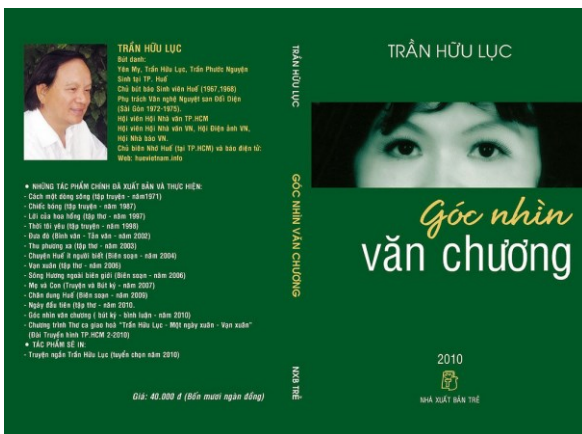
*Bừng thức một thời non trẻ  
Bắt chợt màu áo tím bay...*

*Lẳng lờng theo cánh hoa mai  
Dập dềnh hương giữa chiều muộn  
Sông thơm lặc rôi tiếng song  
Và sương và khói... ngày về*

*Nơi xa ấy nhịp mùa đi  
Một đời sông trong vẫn chảy  
Cuộc tái sinh không báo trước  
Dòng sông- dòng đời phương Nam*

*Tôi nghe giọng nói ngọt mềm  
Tà áo bay trên phố cũ  
Dòng sông chảy qua bến lạ  
Cũng đôi màu theo áo em ?*

*Lòng như thuyền nặng bao dung  
Phù hoa chỉ là... cơn gió  
Nước có rồng về phương nhớ  
Xin chở đầy tình yêu thương.*



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Đọc “Góc nhìn văn chương” của Trần Hữu Lục*, tác giả Nguyễn Thị Kim Thanh hội viên Hội nhà văn Tp. HCM viết:

*“Anh là nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận phê bình, nhà báo... Nhiều “nhà” như vậy nên anh thấy cần thiết cho ra đời tập sách GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG rất ấn tượng. Có thể nói tập sách là tập hợp những bài viết của anh qua những chặng đường dài tác nghiệp. Như “Lời thưa...” của tác giả: “Những năm tháng viết văn, làm báo, gặt gở, giao lưu... tham gia hội thảo...”, anh đã gặt hái được nhiều bông lúa vàng văn chương và hình thành góc nhìn-nói góc nhìn là khiêm tốn. Thực ra Trần Hữu Lục đã hình thành cái nhìn bao quát của cây bút cảm thụ có tiềm năng lý luận sâu sắc, tinh tế, khá chuẩn mực. Những bài viết trong tập sách là quá trình hình thành, tích lũy hơn nửa đời người. Từ bài viết đầu tiên “Một bông hồng cho hòa bình”- năm 1968, anh đã có chỗ đứng trong giới bình luận...”*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Hữu Lục Web: [trannhuong.blogspot.com](http://trannhuong.blogspot.com)
- *Lặng lẽ thơ Sài Gòn – Tp. HCM* Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)



## 9. Lại Nguyên Ân



### Lại Nguyên Ân (1945-20 )

Nhà văn, nhà giáo, nhà phê bình Lại Nguyên Ân sinh ngày 18 tháng 1 năm 1945, tại làng Phù Đạm xã Phù Vân huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam.

Năm 1968, tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Năm 1969, ông công tác ở tạp chí *Học tập* tại Hà Nội, rồi làm giáo viên Trường Trung học thương nghiệp của Bộ Nội thương, trụ sở ở huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây.

Từ 1977 đến 2007 ông là biên tập viên sách văn học, Nhà xuất bản Tác phẩm mới (từ 1990 đổi thành nhà xuất bản Hội nhà văn) thuộc Hội nhà văn Việt Nam.

Lại Nguyên Ân hoạt động chủ yếu là phê bình, nghiên cứu văn học, biên dịch thông tin lý luận văn hoá văn nghệ. Có bài đăng báo từ 1972. Ông còn có bút danh khác như Vân Trang , Ngân Uyên, Tam Vị , Nghĩ Nguyên.

Năm 1987, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 2010 ông được Quỹ văn hóa Phan Châu Trinh trao giải thưởng Phan Châu Trinh.

Hiện ông sống ở Quận Ba Đình, Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Số phận lịch sử của chủ nghĩa hiện thực* (1980)
- *Số phận của tiểu thuyết* (1983)
- *Văn học và phê bình* (1984)
- *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người* (1984)
- *Văn học trong giai đoạn cách mạng mới: Kỷ yếu Đại hội nhà văn Việt Nam lần thứ ba, 26-28/9/1983* (1984)
- *Cơ sở lý luận văn học* (1985)
- *Một thời đại mới trong văn học* (1987)
- *Sự thật của đời sống - sức mạnh của văn học. Tư liệu về Đại hội VIII Hội nhà văn Liên Xô* (1987)
- *Nguyễn Minh Châu, con người và tác phẩm* (1990)
- *Thơ mới 1932-1945: tác giả & tác phẩm* (1992)
- *Từ điển thuật ngữ văn học* (1992)
- *Vũ Trọng Phụng, tài năng và sự thật* (1992)
- *Thi sĩ Hồ Dzếnh* (1993)
- *Vũ Trọng Phụng, con người và tác phẩm* (1994)
- *Từ điển văn học Việt Nam, từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX* (1995)
- *Nhà văn Việt Nam: Chân dung tự họa* (1995)
- *Sưu tập trọn bộ "Tiên phong", tạp chí của Hội văn hóa cứu quốc, 1945-1946* (2 tập: 1996)
- *Văn học 1975-1985: tác phẩm và dư luận* (1997)
- *Sống với văn học cùng thời* (1997)
- *Đọc lại người trước, đọc lại người xưa* (1998)
- *Sưu tập "Văn nghệ" 1948-1954* (7 tập: 1998, 1999, 2000, 2003, 2005, 2006)
- *150 thuật ngữ văn học* (1999)
- *Bách khoa tri thức phổ thông* (2000)

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- Hồ Dzếnh, *một hồn thơ đẹp* (2001)
- Lê Thanh: *Nghiên cứu và phê bình văn học* (2001)
- Vũ Trọng Phụng: *Chống nạng lên đường* (2001)
- Trần Đình Huơu: *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông* (2001)
- *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học* (2002)
- *Tác phẩm Hoàng Cầm* (Q.1: Thơ; Q.2: Truyện thơ. Kịch; Q.3: Văn xuôi, 2002-2003)
- *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ XX* (2003)
- *Văn học hậu hiện đại thế giới. Những vấn đề lý thuyết* (2003)
- Phan Khôi: *Tác phẩm đăng báo 1928* (2003)
- *Từ điển văn học, bộ mới* (2004)
- *Tư liệu thảo luận 1955 về tập thơ "Việt Bắc"* (2005)
- Phan Khôi: *Tác phẩm đăng báo 1929* (2005)
- Phan Khôi: *Tác phẩm đăng báo 1930* (2005)
- Phan Khôi: *Tác phẩm đăng báo 1931* (2007)
- Phan Khôi: *Viết và dịch Lô Tấn* (2007)
- *Nghiên cứu văn bản tiểu thuyết "Giông tố"* (2007)
- *Mệnh mông chật chội...* (2009)
- Vũ Bằng: *Các tác phẩm mới tìm thấy* (2010)
- Phan Khôi: *Tác phẩm đăng báo 1932* (2010)
- Trần Văn Thùy: *Nhật ký thanh niên xung phong, Trường Sơn: 1965-1969* (2011)
- *Hoàng Cầm, hồn thơ độc đáo* (2011)
- Lưu Trọng Lư: *Tác phẩm: Truyện ngắn, tiểu thuyết* (2 tập, 2011)
- Phan Khôi: *Tác phẩm đăng báo 1933-1934* (2013)
- Phan Khôi: *Tác phẩm đăng báo 1935* (2013)
- *Tìm lại di sản* (2013)
- *Biên niên hoạt động văn học Hội nhà văn Việt Nam, tập 1: 1957-1975* (2013)

Trích văn:

**Ý Kiến Chưa Phát Biểu Tại Hội Thảo Về Nguyễn Huy  
Tướng**

24/9/2010 do Hội nhà văn VN, Viện Văn học, Nxb. Kim Đồng cùng tổ chức

Tôi đến dự Hội thảo về Nguyễn Huy Tướng sáng 24/9/2010 là do nhận lời mời của con trai nhà văn. Từ vài tháng trước trở lại đây, Nguyễn Huy Thắng đã vài ba lần gọi điện thoại cho tôi, đề nghị tôi viết tham luận. Tôi đang bận nên chỉ nhận lời phát biểu. Thắng hỏi kỹ tôi sẽ nói đề tài gì, tôi nói đề tài Nguyễn Huy Tướng với trách nhiệm xã hội của nhà văn. Sáng 24/9 tôi tới hội trường số 9 Nguyễn Đình Chiểu dự hội thảo, chỉ mong được nói sớm rồi trở ra Thư viện với các việc đang bỏ dở. Xem tờ chương trình thấy mình được bố trí nói thứ 8, thấy hơi muộn, nhưng đành lòng ngồi lại. Chị Phạm Thị Thành ngồi cạnh bảo anh sẽ được nói trước tôi; tôi chìa cho chị xem mảnh giấy nhỏ bằng ba ngón tay ghi 2 gạch đầu dòng sẽ nói, bảo tôi sẽ nói ngắn. Lần lượt, tới Phạm Xuân Nguyên, rồi Vũ Quân Phương... vẫn trong thứ tự. Gần tới mình rồi. Tôi nhấp ngụm nước, chuẩn bị đứng lên. Vậy mà không, người điều khiển chương trình mời người khác, rồi người khác nữa, người khác nữa... Rồi gia đình nhà văn nói lời cảm ơn. Rồi nhà xuất bản Kim Đồng đọc tổng kết. Rồi hội thảo giải tán. Không ai trong ban tổ chức hội thảo hay gia đình nhà văn có một lời nào với tôi. Tôi ra về trong tâm trạng hối hận vì đã tới cái hội trường số 9 Nguyễn Đình Chiểu này. Người có tham luận viết sẵn có thể nộp ban tổ chức, còn tôi, những lời định nói vẫn còn trong đầu, tôi phải làm gì? Chỉ có cách viết nó ra rồi mới có thể đi làm việc khác.

Tôi đã viết ra, và bây giờ tôi gửi cho, trước tiên, trang web Hội Nhà Văn, xin đề nghị đăng nguyên văn, kể cả đoạn thuyết minh

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

này, cho biết vì sao đây lại là Ý KIẾN CHƯA PHÁT BIỂU TẠI HỘI THẢO VỀ NGUYỄN HUY TƯỜNG. Tôi cũng sẽ gửi đến một vài trang web khác, luôn thể để bạn đọc kiểm tra xem những ai thích biên tập cắt xén của nhau và biên tập cắt xén như thế nào. Còn về nội dung, sẽ mỗi người một kiểu nhận xét, ấy là đương nhiên.

L.N.Â.

Năm nay chúng ta kỷ niệm 50 năm mất nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, và chỉ 2 năm nữa, chúng ta sẽ kỷ niệm 100 năm sinh của ông. Vậy thì nên đặt vấn đề tiếp tục nghiên cứu về thân thế và sự nghiệp ông, và qua trường hợp ông, đề cập các vấn đề khác thuộc văn học sử Việt Nam.

Tôi muốn nêu như gợi ý về một vài điểm như sau.

### 1/ Thứ nhất, vấn đề *nhà văn và tham vọng quyền lực*

Đặt vấn đề này tức là tiếp cận Nguyễn Huy Tưởng không chỉ như một tác gia văn học mà còn như một nhân vật lịch sử; đối tượng này cần tiếp cận cả bằng nghiên cứu văn học lẫn bằng nghiên cứu sử học, ít nhất là nghiên cứu tiểu sử.

Đây là một thực tế xảy ra với các nhà văn tham gia Văn hóa Cứu quốc, tổ chức cách mạng thuộc Mặt trận Việt Minh do Đảng CS Đông Dương lập ra và lãnh đạo. Tinh thể là: các nhà văn này tham gia một tổ chức cách mạng; khi cách mạng thắng lợi, tổ chức cách mạng trở thành nhà nước, trở thành chính phủ, thì không ít nhà văn thành viên tổ chức này có thể trở thành quan chức nhà nước, trở thành chính khách.

Điều này không xảy ra ngay lập tức mà xảy ra từ từ, nhưng khả năng thì mở ra ngay khi cách mạng thành công, tổ chức cách mạng trở thành bộ máy quyền lực nhà nước. Chính vì vậy, tâm

## HUYỀN ÁI TÔNG

thể trở thành quan chức cấp cao, trở thành chính khách, nói khác đi là tham vọng quyền lực, sẽ xuất hiện và chi phối định hướng sống và hành động của không ít nhà văn là thành viên của tổ chức.

Tất nhiên không phải ở mọi thành viên Văn hóa Cứu quốc đều nảy sinh tham vọng quyền lực. Những trường hợp như Nguyễn Hồng, Kim Lân chẳng hạn, người ta ít quan sát thấy biểu hiện của tham vọng này, mặc dù hai ông đều có đủ tư cách “khai quốc công thần” như các thành viên khác. Nhưng những trường hợp như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng chẳng hạn, là những người có đầy đủ hơn (so với các thành viên khác) về điều kiện học vấn, về năng lực hoạt động xã hội, lại sớm được Đảng giao phụ trách tổ chức văn nghệ sĩ này, thì tham vọng quyền lực không thể không nảy sinh và chi phối định hướng tiền thân của họ. Tôi vừa kể tên Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, nhưng hoàn toàn có thể kể tên vào nhóm có tham vọng này những người khác nữa: Nguyễn Hữu Đang, Xuân Diệu, Huy Cận, và nhiều người khác.

Nêu ra dưới ánh mặt trời, đây là những tham vọng có thực, hơn nữa, không hề là một loại tâm thế “xấu” (như tập quán định giá nào đó có thể quan niệm). Người nghiên cứu cần ghi nhận những trường hợp này, hơn thế, cần tìm hiểu sự định hướng tiền thân này (tham vọng quyền lực) chi phối ra sao đến hoạt động xã hội và nội dung sáng tác của con người vốn là văn nghệ sĩ ấy.

Nguyễn Huy Tưởng với vai trò là một trong số những người tham gia Văn hóa Cứu quốc, sau cách mạng được giới thiệu ra ứng cử và được bầu vào Quốc Hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I, rõ ràng là có điều kiện để thực hiện tham vọng quyền lực với những nội dung cụ thể (và cao hơn những vị trí đã đạt được) như: vào BCH trung ương Đảng, làm bộ trưởng, tức là những vị trí tối thiểu để đứng vào hàng chính khách.

Nhưng Nguyễn Huy Tưởng đã lâm bệnh và mất sớm; những gì có thể xảy ra (về sự tiến thân chính trị) đã không xảy ra. Mặt khác, qua nhật ký của ông, người ta có thể thấy nhà văn này đã trải qua những quá trình tư tưởng, tâm lý để tự định cho mình con đường lấy sáng tác làm sự nghiệp chung thân.

Nói cho cùng, dù có chia sẻ hay không chia sẻ sự tự định hướng của Nguyễn Huy Tưởng thì hầu hết những văn nghệ sĩ, do đi với cách mạng mà số phận được đặt trước tham vọng quyền lực, đều không đạt được gì trong tham vọng ấy. Người sát cánh trong Văn hóa Cứu quốc với Nguyễn Huy Tưởng là Nguyễn Đình Thi có thể là một “ca” điển hình. Là “khai quốc công thần” như mọi thành viên VHCQ khác, trong đời mình lại được giao đứng đầu các tổ chức văn nghệ sĩ trong những khoảng thời gian rất dài, nhưng Nguyễn Đình Thi chưa một lần được tham gia BCH trung ương Đảng, chưa một lần được làm bộ trưởng, nghĩa là chưa khi nào có được cái vị thế chính danh của một chính khách, mặc dù có thể nói Nguyễn Đình Thi dư thừa năng lực ấy.

Phải chăng đây chính là giới hạn không thể vượt qua cho tham vọng quyền lực của người văn nghệ sĩ đi với cách mạng? Liệu có thể so sánh ra sao những trường hợp ở nước ta với những trường hợp tương tự ở các nước khác, từ những M. Gorki đến A. Fadeev ở Liên Xô, R. Garaudy và L. Aragon ở Pháp, v.v...?

2/ Thứ hai, về **độ chênh trong sự thức nhận** trạng thái chính trị xã hội của thế giới đương thời ở văn nghệ sĩ nước ta so với nước ngoài.

Về mặt này, Nguyễn Huy Tưởng và nhiều nhà văn gạo cội cùng thời ông như Nguyễn Tuân, đã để lại những chứng từ là những bài viết, những ý kiến cho thấy các ông đều có cùng một nhận thức, cùng một kiểu tâm trạng trước các sự biến ở

## HUYỀN ÁI TÔNG

Hungary, Ba Lan ... năm 1956, đó là: lo lắng cho sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước bạn, và chỉ có thể mà thôi. Trong sự soi sáng lịch sử, người ta sẽ thấy, ngay những con người nhạy bén nhất ở xã hội Bắc Việt Nam khi ấy đã không hề nhận biết rằng những biến động ấy có nghĩa là một bộ phận không nhỏ dân Hungary, Ba Lan đã nhận thấy “chủ nghĩa xã hội hiện thực” là không thể chịu đựng được nữa đối với họ, rằng phản ứng đó của dân các nước này là có lý, hơn thế, là đáng đồng tình. Những Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Hoài Thanh, v.v..., vào những năm 1950-60, dù có dịp được đặt chân đến dăm ba nước Đông Âu, cũng vẫn không hề biết đến điều đó.

Để giải thích sự “không biết” này ở cả những văn nghệ sĩ hàng đầu lẫn những người dân đương thời ấy ở Việt Nam, có thể nêu lên độ chênh lệch về trải nghiệm một chế độ xã hội: khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia phe XHCN (dấu mốc có thể là năm 1955) thì các nước Đông Âu đã có dư 10 năm trải nghiệm chế độ ấy, đã cảm nhận được tính chất chuyên chế độc đoán của hệ thống chính trị, tính chất trì trệ ít hiệu quả của nền kinh tế chỉ huy-quốc doanh hóa-hợp tác hóa, cũng cảm nhận sự can thiệp và áp đặt mang tính đế chế của chính nước đàn anh Xô-viết..., và đang khởi động quá trình vượt thoát chế độ đó. Thế mà đúng lúc ấy, những nhà thơ đến từ đất nước chậm phát triển này lại chỉ thấy chế độ ấy, kinh tế ấy là ưu việt, kể từ những gì thô sơ đơn giản nhất.

“...*Lông không trâu sứt chạy / Anh ngòi hát vượn máy / Chì đi giày làm vườn / Con lớn đi nhà trường / Con thơ ra nhà trẻ ...*” (*Dưới đàn nho*, thơ Nông Quốc Chân, ‘*Văn nghệ*’, s. 37, tháng 11/1952). Trích dẫn một câu cho vui, chứ thật ra có hàng ngàn hàng ngàn câu chữ ca tụng ngọt sớt và nông cạn như vậy, được viết bởi những ngòi bút thậm chí đã từng giành được vinh quang chân chính trên đàn văn Việt Nam trước đó hàng chục năm.



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Sự cảm nhận chán ngán của những dân tộc đã biết đến thực chất của mô hình “chủ nghĩa xã hội hiện thực” và sự cảm nhận háo hức của những dân tộc bắt đầu tiếp nhận mô hình ấy, rõ ràng là lệch pha nhau.

Nhưng nếu chỉ bằng vào cách giải thích trên đây, thì tuy nhận ra được văn nghệ sĩ là thuộc về dân tộc, là nằm trong dân tộc, nhưng lại bỏ mất phương diện khác: ở những trường hợp tài năng sáng tạo lớn, văn nghệ sĩ là kẻ vượt lên cao hơn cái tầm trung bình của dân mình.

Nguyễn Huy Tưởng, qua nhật ký hơn là qua các sáng tác đã công bố, đã tự chứng tỏ ông không sùng bái “phe” XHCN một cách giản đơn. Ông có những trang nhật ký nhận xét những kém cỏi của phim ảnh Xô-viết chiếu tại các rạp Hà Nội, tức là ông vô tình đã cảm thông được với những công chúng Hà Thành từng xem phim của Hollywood trước tháng 10/1954. Cũng trong nhật ký hơn là trong sáng tác, ông có cái nhìn ít lý tưởng hóa vào đời sống thực xung quanh, đời sống dân tình, phố xá Hà Nội... Nhưng những bức xúc của ông đối với cái chế độ mà ông là công thần khai quốc hầu như chỉ dừng lại ở những hiện tượng, và những bức xúc ấy cũng chỉ thiên về tình cảm. Còn trong lý trí, trong lý tưởng, ông vẫn mơ về sự toàn thắng của “phe ta”, tức phe xã hội chủ nghĩa, cái hệ thống thế giới sẽ sụp đổ vào năm thứ 31 kể từ khi Nguyễn Huy Tưởng qua đời (1960).

Với giới văn nghệ sĩ và cả giới trí thức nước ta ở nửa sau thế kỷ XX vừa qua, mọi khả năng nghĩ mới nghĩ khác, mọi khả năng hoài nghi những “chân lý tuyệt đối”, “lý tưởng tuyệt đối” hầu như chỉ được bộc lộ kể từ Đảng CS cầm quyền cho phép đổi mới, “nhìn thẳng vào sự thật”, vào năm 1986. Điều được thấy như thực trạng hiển nhiên này, ngấm ra lại thật là khác biệt biết bao, chẳng hạn, so với thời sống dưới ách thực dân, những thường dân có học qua tiểu học, đọc được báo quốc ngữ,

## HUỶNH ÁI TÔNG

đôi khi cả một ít báo chữ Pháp, đều có thể, trên những nét chung nhất biết cùng lúc, nghĩ cùng chiều với các dân tộc khác đương thời về những hiện trạng chi phối đời sống nhân loại thời mình, từ việc phe phát-xít thắng thế ở Đức ở Ý hay những vụ án kỳ lạ ở Moscou năm 1937...

Dù sao thì quá khứ vẫn chỉ là quá khứ. Điều được trông chờ là phải chặng từ nay, dân Việt Nam, trí thức Việt Nam, văn nghệ sĩ Việt Nam sẽ có năng lực bình thường **cùng nghĩ** với những gì nhân loại đương thời đang nghĩ, hay vẫn cứ nghĩ chậm hơn, như đã từng lệch pha với nhân loại, khi còn sống trong thế giới của “chủ nghĩa xã hội hiện thực” (1945-1991)?./.

Ghi lại, tối 24/9/2010

Trên *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia* có nhận định và đánh giá về Lại Nguyên Ân như sau:

*“Nhiều công trình nghiên cứu của ông được đánh giá cao, đặc biệt trong lĩnh vực biên khảo tư liệu văn học sử Việt Nam. Ông đã được trao giải thưởng nghiên cứu của quỹ văn hóa Phan Châu Trinh. Theo báo mạng "Thời báo kinh tế Sài Gòn" công của ông là "giới thiệu trở lại hàng loạt tác phẩm của các tác gia quan trọng như Phan Khôi, Vũ Bằng, Vũ Trọng Phụng... nhiều giai đoạn báo chí, văn nghệ phức tạp trong quá khứ nhờ vậy, dần dần được công chúng nhìn nhận lại khách quan hơn.”*

Tài liệu tham khảo:

- Lại Nguyên Ân Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Ý kiến chưa phát biểu... Web: [4phuong.net](http://4phuong.net)

## 10. Chu Giang



### **Chu Giang - Nguyễn Văn Lưu (1945-20 )**

Nhà văn, nhà phê bình Chu Giang tên thật là Nguyễn Văn Lưu, sinh ngày 1 tháng 2 năm 1945, tại Ngọc Quang Hạ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Từng là nông dân, quân nhân. Đã qua Trường Tuyên huấn Trung ương, theo học khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, vào Hội nhà văn Việt Nam năm 1991.

Nguyên là Giám đốc nhà xuất bản Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam.

Nhà văn Chu Giang Nguyễn Văn Lưu đã được giải thưởng:

- Giải thưởng loại B của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1996, cho tập *Luận chiến văn chương*.

Nhà văn Chu Giang đã nghỉ hưu, hiện sống tại Hà Nội.

Tác phẩm:

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Luận chiến văn chương* (tiểu luận, phê bình văn học, 1995)
- *Văn xuôi Việt Nam 1930-1945* (tuyển chọn và giới thiệu, 1996)

Trích văn:

**Vấn đề ở Khoa Văn ĐHSB Hà Nội: Văn - Sử bắt ... yên**  
(Xem VNTP HCM từ số256)

*Luận văn* của Nhã Thuyên không phải là sự ngẫu nhiên. Đó là hậu quả của quan điểm đổi mới văn học và xã hội rất sai lầm của những người tự phong mình là "Tiên phong đổi mới". Qua *Hồi ký* của Mạnh tiên sinh, qua *Thư* của cố nhà văn Nguyễn Khải thì quý vị "Tiên phong đổi mới" muốn mượn văn học làm ngọn cờ để thay đổi thể chế: Thánh Gióng ngày xưa đánh giặc xong thì bay lên Trời. Bây giờ các ông đánh giặc xong lẽ ra cũng phải biến đi để người khác quản lí đất nước" (Dẫn lại theo *Luận chiến văn chương* Q.2 trang 18. Nxb Văn học. 2012). Đổi mới theo kiểu "cóc mò cò xoi" thế là khôn lắm. Xin dẫn đoạn thư sau:

"Tôi không thích một lần nữa Hội nhà văn và lãnh vực văn nghệ lại trở thành một trận địa quyết chiến của mấy ông tranh bá đồ vương. Tôi không nói vu đâu, cái sự chửi bới, bôi nhọ, vu khống tất cả những ai dám nói ngược, viết ngược, đe dọa ra mặt hoặc bấn tin đe dọa bất cứ ai tố về lạnh nhạt, hoài nghi, cái sự tàn ác tận diệt, gây ra một không khí căng thẳng hung bạo ấy sặc mùi chính trị. Cứ bảo văn nghệ và chính trị phải chia ra, không được nhập làm một, chúng ta chỉ làm có văn nghệ thôi, nói thế tức là chính trị lắm đấy, chính trị từ gót chân đến đỉnh đầu, vì những người hò hét xua đuổi chính trị ra khỏi văn nghệ lại rất thích quyền lực, nói ra miệng chứ không phải nghĩ thâm, mà quyền lực là mục tiêu cao nhất của chính trị rồi..." (trích thư đề ngày 1-9-1988 gửi Ban chấp hành Hội Nhà văn). Đang là

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Phó tổng thư ký Hội nhà văn nhưng thấy không khí đổi mới như vậy, Nguyễn Khải đã để lại Thư rời trở về Tp HCM với cây bút và bàn viết trong căn nhà quen thuộc của ông. Tôi quý trọng Nguyễn Khải ở sự thành thật ấy.

*Luận văn* này cho thấy căn bệnh của ngành giáo dục nói chung và giáo dục Đại học, trên Đại học... đã nhập lí rồi. Bệnh đã nhập lí, cháo hành tía tô, xông hơi đấm bóp thì không được. Học trò sai, thầy sửa cho được. Thầy sai, mà lại Thầy ở bậc cao nhất, thì sửa sao đây? Tôi nghĩ vẫn chữa được. Toàn ngành giáo dục, toàn xã hội, các cơ quan Nhà nước xúm tay vào, thống nhất lại quan điểm, đồng tâm nhất trí, thì sửa được.

Cần bình tĩnh nhưng kiên quyết. Nếu lấy sự nghiệp chung, lấy việc nước, lấy tương lai của dân tộc, của con em làm mục đích chung thì đoàn kết thống nhất được. Tôi rất tâm đắc với phát biểu của Giáo sư Phong Lê tại Hội nghị LLPB lần thứ 3 ở Tam Đảo vừa qua: Ở Việt Nam Nguyễn Trãi Nguyễn Du Hồ Chí Minh là thiêng liêng, là bất khả xâm phạm là không thể giải thiêng được.

Tôi nghĩ, bảo vệ tư tưởng HCM, thực hiện được tư tưởng HCM thì đoàn kết được cả dân tộc, cả giới văn nghệ... Nếu cùng hành động vì dân giàu nước mạnh xã hội dân chủ công bằng văn minh thì việc gì phải chia ra bảo thủ và đổi mới. Thì ở trung tâm hay ngoài lề, từ Thủ đô đến biên giới, hải đảo... ai ai cũng làm được. Tuỳ sức tuỳ tài, cùng nhau hành động, chẳng vui vẻ hơn ư!

Nhưng nguyên tắc, phải bảo vệ. Những tư tưởng như trong *Luận văn* của Nhã Thuyên dứt khoát phải loại ra khỏi bục giảng của nhà trường. Không thể chỉ kiểm điểm rút kinh nghiệm rồi đầu lại vào đấy.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nếu những kiến nghị của Lê Tuấn Anh và nhiều người khác về chất lượng học thuật, quan điểm học thuật trong công trình của Đặng Mạnh tiên sinh, của Thạc sĩ Nguyễn Thị Bình (Quan niệm nghệ thuật về con người...) được xử lý đúng mức kịp thời ngay từ năm 1995-1996 thì làm gì còn có *Luận văn* như của Nhã Thuyên hôm nay.

Đó là sự rất quan liêu của các cơ quan hữu quan. Đó là hậu quả của bệnh *dĩ hoà vi quý*. Chớ nghĩ rằng *ngươi không đụng đến ta thì ta không đụng đến ngươi*. Nó đụng đến *cái Tất cả* mà xong thì anh phải theo nó hoặc nó sẽ cho anh biết thế nào là lễ độ, nhé!

Không chỉ riêng trong lĩnh vực giáo dục và văn nghệ. Trong khoa học lịch sử cũng có vấn đề. Mới mở cửa thị trường mấy năm mà các giáo sư đầu ngành ở đây đã chao đảo, bán loạn. Giáo sư Phan Huy Lê muốn *chiêu tuyết cho Vương triều Nguyễn, khoả lấp cái tội đầu hàng, bán nước, làm tay sai cho kẻ thù dân tộc*, từ Tự Đức về sau. Giáo sư Đinh Xuân Lâm - Thầy học của tôi trong mấy buổi giảng dạy ở Trường Tuyên giáo Trung ương năm 1970 - lại *chiêu tuyết* cho Phạm Quỳnh, bảo rằng Hồ Chủ tịch có nói: "Cụ Phạm là người của lịch sử sẽ được lịch sử đánh giá lại..." Hai năm nay Giáo sư không trả lời được Tạp chí *Hồn Việt* về xuất xứ của câu nói. Vì tên tuổi của Giáo sư mà người ta cứ truyền nhau câu nói đó. Lại cũng hài hước nữa. Chính trong những bài giảng năm 1970, Giáo sư phê phán Phạm Quỳnh rất mạnh. Chính câu "*Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc...*" là câu Giáo sư nhấn mạnh, tôi ấn tượng đến bây giờ. Xem cuốn "Phạm Quỳnh..." của Khúc Hà Linh (Nxb Thanh Niên. 2010) thì hoá ra câu ấy là *nghe người này nói nghe người kia nói....* Sử liệu mà như thế thì đảo điên là phải.

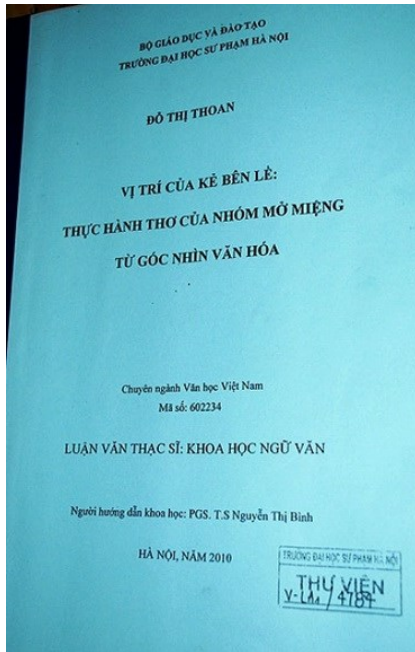
Giáo sư Văn Tạo cũng *chiêu tuyết khá vụng về*: Phạm Quỳnh với danh nghĩa "văn phòng" thì tránh sao khỏi phải thực thi mệnh lệnh của triều đình. Còn xét về hành động Phạm Quỳnh

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

không có hành vi nào tàn ác với nhân dân, không đàn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân như nhiều quan lại thời Nguyễn, không ra lệnh bắt bớ tù đầy các nhà yêu nước..." (Sách đd trên. Trang 153). Thế thì Giáo sư đã rất kém người Pháp ở môn cờ tướng: Xe có việc của xe. Tốt có việc của tốt. Đại gì mà bắt xe làm việc của tốt. Tôi lại rất bất ngờ khi Giáo sư Nguyễn Đình Chú viết: *Phạm Quỳnh là người mở đầu cho văn hoá Việt hiện đại...* (Sách trên trang 121). Xin Giáo sư phân kỳ cho, văn hoá Việt hiện đại bắt đầu từ năm nào? Yêu sách gửi tới Hội nghị Véc-xai năm 1919 và *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1921) của Nguyễn Ái Quốc có phải là Văn hoá Việt không? Có lẽ Giáo sư cho đó không phải là văn hoá Việt do Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp chẳng? Nếu đất nước không độc lập tự do thì Giáo sư hội nhập với thế giới nào ngoài các chef Tây, các me Tây bà đầm? À có đấy. Có cái Triển lãm thuộc địa ở Macxây năm 1922. Đích thân Hoàng đế An Nam cùng các ngài Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh... sang dự. Năm đó Giáo sư còn nhỏ nên không được tháp tùng. Nếu không thì đã biết mùi rượu của người Tây sao nó thơm thế, hơn cả nước hoa, An Nam mình làm sao có được! (Ấy là nước nhúng tay trước khi vào ăn tiệc, Hoàng đế mới ngồi vào, tướng ngự thiện uống luôn. Làm cho các quan Tây hôm đó phải uống theo cho lịch sự. Uống rồi nó chửi cho cái đồ Hoàng đế An Nam sao mà ngu thế. Chi tiết này Giáo sư Đinh Xuân Lâm đã kể trong lớp học của tôi hồi ấy!)

Thượng Chi Tiên sinh rất nổi danh về đường Tây học lại thông thạo Hán học, chắc ở nơi suối vàng Tiên sinh bực mình với lớp hậu sinh này lắm. Được thời, nó đánh mình toi tã. Được thời nữa, nó lại bốc mình lên tận mây xanh. Sao chẳng nhớ câu "Danh dự quá sự thật người quân tử lấy làm xấu hổ" (Mạnh Tử). Sao chẳng nhớ hai chữ TRUNG CHÍNH là cái ĐẠO của người sĩ quân tử! Buồn thay! Buồn thay!

## HUYỀN ÁI TÔNG



Cứ theo phép công minh lịch sử - công bằng xã hội của Văn Tạo Tiên sinh, tôi trộm nghĩ thế này: Cụ Phạm Thượng Chi có công rất lớn với đất nước là đã sinh thành, dưỡng dục, kén chọn được những người con tài danh, thực sự trung với nước, hiếu với mẹ cha như như Giáo sư Phạm Khuê, Nhạc sĩ Phạm Tuyên, Giáo sư Đặng Vũ Hỷ (con rể). Trong các ca khúc ca ngợi Đảng Cộng sản Việt Nam, ai bằng được nhạc sĩ Phạm Tuyên. Chỉ riêng bài "*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*" đã được thưởng Huân chương lao động... nhưng cái cách yêu nước của Cụ lại làm hại cho dân cho nước nhiều lắm. Còn văn hoá của cụ là được đào tạo, là nằm trong mưu lược của thực dân Pháp. Năm 1917, Pháp đưa cụ Phạm ra làm báo *Nam Phong*. Năm 1919, bỏ thi chữ Hán, để cho "*Ông Nghè ông công cũng năm co/ chi bằng đi học làm thầy phán/ Tỏi rượu sâm banh sáng sữa bò*" (Tú Xương). Người Pháp muốn Pháp hoá văn hoá Việt, muốn người Việt Nam tóc đen, da vàng, mũi tẹt nhưng có văn hoá, có tâm hồn và tính cách Gò-



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

loa. Phạm Tiên sinh là người tiên phong trong công cuộc đó. Nhưng vì sao không được. Quý vị nên thỉnh đến Đào Duy Anh tiên sinh, không nhiều, chỉ qua hồi ký *Suy nghĩ chiều hôm* cũng đủ hiểu được phần căn bản.

Sự xâm lăng về văn hoá - mà nhà văn Vũ Hạnh đã nói lên ở Hội nghị LLPB lần thứ II tại Đồ Sơn - 2006, ngày càng rõ rệt. Không chỉ bên ngoài mà còn có tay trong. Nó đã và đang len lách vào các vị trí quan trọng của nền văn hoá - văn nghệ- giáo dục, nơi chi phối đời sống tinh thần, tư tưởng, tình cảm của toàn xã hội: Trường học, báo chí - xuất bản, các ngành vui chơi giải trí v.v.... mà *Luận văn* của Nhã Thuyên có thể là một *động thái thứ phản ứng*. Hướng dẫn và bảo vệ năm 2010, xã hội không biết. Năm 2012 đưa vào tiêu luận *Những tiếng nói ngầm* tung lên mạng phi chính thống, một số người biết. Đến 2013, đưa lên bục giảng Đại học. Nếu sinh viên không phản ứng mạnh mẽ, sự việc đã không vỡ ra. Tôi phàn nàn về sự quan liêu của Đảng uỷ nhà trường nhưng mừng, tin tưởng các em sinh viên đã có nhận thức đúng và hành động dũng cảm, kịp thời. Cần khuyến khích, chăm sóc, bồi dưỡng những sinh viên như thế.

Xin nêu lên hai bài học nhỡ tiền: "Bài học sụp đổ của Liên Xô có rất nhiều nhưng theo hồi ký của Ligatrôp thì thấy rõ Đảng Cộng sản Liên Xô đã mất quyền lãnh đạo vì đã để cho "quyền lực thứ tư" thao túng và kiểm chế, nó đã trở nên một thứ bạo lực chính trị số đông mà nó điều khiển được và bạo lực này đã "đánh vào lòng người" "không đánh mà thắng" (*bất chiến tự nhiên thành*). (*Phê bình và tranh luận văn học* Mai Quốc Liên. Nxb Văn học. 1998. Trang 10)

Năm 2004, đi dự Hội thảo văn học ở Rumani - cùng chủ tịch Hội Nhà văn Hữu Thịnh và các anh chị Lê Thành Nghị, Phạm Viết Đào, Vĩnh Quang Lê, Lê Thị Kim), nhân đi qua ngôi nhà là nơi làm việc của Cheo-chet-xcu, Phạm Viết Đào cho biết:

## HUYỀN ÁI TÔNG

Chỉ một cuộc biểu tình nhỏ bên ngoài hàng rào. Cheo-chet-xcu thiếu bản lĩnh lên trực thăng đi về khu nghỉ mát, phe đối lập khẹp vào tội chạy trốn phản bội tổ quốc. Bị bắn ngay sau đó. Chỉ xin được chôn cùng với vợ. Thảm thương thế. Không phải vì Liên Xô sụp đổ mà Rumani sụp đổ theo. Mà là các chủ nợ của *Thế giới tự do* quyết không cho trả nợ, bắt phải làm con nợ để họ sai sử. không nghe, họ lật đổ. Cũng là bài học: Bắt dân thất lưng buộc bụng để trả nợ nước ngoài. Nước nhỏ dân ít và nghèo lại xây cái Nhà Quốc hội hoành tráng khủng khiếp, cho con gái làm kiến trúc sư thiết kế. Dân họ oán. Thế là tự chuốc lấy thù trong giặc ngoài. Bản lĩnh, bình tĩnh mà làm, đầu đến nổi. Dục tốc bất đạt là thế. Tham vật, tham bát bỏ mâm là thế. Thiếu thốn nổi gì mà phải giành cho con cái Hợp đồng thiết kế. Để rồi chỉ xin được chôn chung với vợ. Con cái thất tán!

Nên cứ mỗi lần nghe nói Ghi nét Việt Nam ghi nhận: chỗ này nhất Đông Nam Á, chỗ kia nhất Đông Nam Á mà lo cho con cháu. Hoa Kỳ họ không vô địch Worl cup còn mấy anh vô địch Worl như Hy Lạp, mới thật thảm hại. Trông người lại ngẫm đến mình, mà lo.

Sai lầm ở Khoa văn ĐHSP Hà Nội là có hệ thống, từ Nguyễn Đăng Mạnh đến Nguyễn Thị Bình và bây giờ là Nhã Thuỳên.

Nguyên nhân sai lầm đó, là dao động, hữu khuynh, mất phương hướng. Họ nghĩ rằng Liên Xô Đông Âu sụp đổ tức là Mác-Lênin, là CNXH sụp đổ. Khi mở cửa thị trường, chấp nhận đầu tư của tư bản nước ngoài cũng như sự xuất hiện của tư bản trong nước - gọi cho đẹp đẽ là các nhà đầu tư - thì họ nghĩ chế độ này nhất định sụp đổ. Trong *Hồi ký*, Nguyễn Đăng Mạnh nhắc lại lời Nguyên Ngọc: Chế độ này thế nào cũng sụp đổ. Nhưng không biết nó sẽ sụp đổ theo kịch bản nào.

Một vị Giáo sư nói: Giữ giáo dục đi đôi với giữ chế độ và giữ nước, mất giáo dục, mất văn hoá thì chúng ta còn gì? là xác

đáng lắm!

Dù trải qua muôn vàn hi sinh gian khổ, cuối cùng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã thắng lợi. Đất nước độc lập thống nhất là nền tảng cho thời kỳ tiếp theo: xây dựng đất nước. Mọi việc làm góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đều phải ghi nhận, trân trọng. Văn học thời đó cần phải tuyên truyền cổ động, là rất đúng. Tố Hữu đã viết: *Dẫu một cây chông trừ giặc Mỹ/ Hơn nghìn trang giấy luận văn chương*. Thời nào việc ấy. Đó là qui luật.

Đất nước hoà bình, văn học phải chuyển sang nhiệm vụ mới. Có điều kiện rộng rãi hơn để người nghệ sĩ sáng tạo. Thì hãy tìm cách mà viết cho hay hơn. Sao lại cứ hò hét về mâu thuẫn thế hệ, bàn giao thế hệ, đổi gác thay phiên... Sao lại cứ phải chê bai bí báng văn học cách mạng và kháng chiến là tuyên truyền minh họa, mỹ học đồng phục, không có mấy giá trị mới là đổi mới. Không làm hay hơn đời trước lại cứ đòi có giá trị hơn đời trước. Nghĩ thật nực cười.

Vấn đề giáo dục nói chung và Đại học nói riêng, phải bàn rộng rãi hơn, thấu đáo hơn. Về sử học cũng phải trao đổi cho rõ ràng. Về văn học, càng phải tình tĩn, thân ái, thẳng thắn trao đổi, thuyết phục mà không áp đặt.

Vùng đất chúng tôi có hai người anh hùng làm rạng rỡ cho quê hương đất nước là Lê Hoàn (Lê Đại Hành) và Lê Lợi. Nhưng cũng có hai người làm ô nhục cho quê hương đất nước là Lê Ngoạ Triều và Lê Chiêu Thống.

Ông cha như thế, con cháu như thế, buồn xiết bao.  
Đời trước không lo cho đời sau thì như thế.  
Đời sau quên đời trước thì như thế. Huống chi chống lại.

Làm sao để không phải như thế, có gì khó hiểu. Nghĩ càng

## HUỶNH ÁI TÔNG

thương Bác, Bác đã nhìn thấy trước, đã viết trong *Di chúc*:  
*Đào tạo các thế hệ cách mạng cho đời sau...* Dạy văn học văn  
làm văn ai chẳng biết câu *Miếng cao lương phong lưu như lợm/  
Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon.* (Ôn Như hầu)

Muốn gì được nấy. Quyền con người mà. Cát bụi cùng một thể  
nhưng mùi vị có chỗ khác nhau.

Chúng tôi kính trọng Trường ĐHSP Hà Nội với truyền thống  
tốt đẹp mà vị Hiệu trưởng đầu tiên là cố giáo sư Đặng Thai  
Mai. Và bao nhiêu thế hệ thầy giáo cô giáo đều là những nhân  
tài của đất nước đã đào tạo biết bao thế hệ giáo viên, gây dựng  
nền nền giáo dục Việt Nam. Các thầy các bậc đàn anh của tôi  
như GS Hà Minh Đức, cố GS Phan Cự Đệ, nhà thơ Nguyễn  
Bao... là sinh viên khoá đầu của Trường.

*Luận văn* Thạc sĩ của Đỗ Thị Thoan tuy chỉ ở trong Tổ văn học  
Việt Nam hiện đại, nhưng cái dây mơ rễ má trên dưới trong  
ngoài thì không đơn giản. Cho nên *chúng tôi không dám biết  
mà không nói.* Mong quý Thầy Cô và bạn đọc hiểu cho. Xin  
trân trọng cảm ơn!

- 0 -

*Nhà phê bình Chu Giang có những bài viết về Vũ Ngọc Liên,  
về Nguyễn Huy Thiệp về Luận văn Nhã Thuyên gây ra những  
tranh cãi, nhất là Luận văn của Nhã Thuyên, nó liên quan đến  
những nhà khoa bảng, liên quan đến tổ chức giáo dục bậc đại  
học, đã đưa tên tuổi của Chu Giang Nguyễn Văn Lưu được  
nhiều người biết tới, tốt hay xấu còn tùy quan điểm của mỗi  
người về mặt chánh trị và lương tri của người cầm bút.*

Tài liệu tham khảo:

- Chu Giang Web: [trannhuong.blogspot.com](http://trannhuong.blogspot.com)
- Vấn đề ở Khoa Văn ĐHSP Hà Nội ... Blog:  
[vanchuongplusvn.blogspot.com](http://vanchuongplusvn.blogspot.com)

## 11. Đỗ Lai Thúy



### Đỗ Lai Thúy (1948-20 )

Nhà văn, nhà phê bình Đỗ Lai Thúy sinh năm 1948, tại Quốc Oai, tỉnh Hà Tây, nay là huyện Quốc Oai, thủ đô Hà Nội.

Ông tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Rồi nhập ngũ vào quân đội.

Năm 1981, sau 10 năm phục vụ quân đội, ông chuyển về làm biên tập viên ở Nhà xuất bản Ngoại văn (Thế giới) làm biên tập viên tạp chí *Etudes Vietnamiennes*, rồi tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*.

Đỗ Lai Thúy có bằng Tiến sĩ về Lịch sử văn hóa Nghệ thuật, được phong hàm phó giáo sư văn học.

Hiện nay, ông là phó tổng biên tập tạp chí *Văn Hóa Nghệ Thuật* (Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch).

Tác phẩm:

## HUYỀN ÁI TÔNG

- *Mắt thơ (Phê bình phong cách Thơ mới) (phê bình, Lao động, 1992)*
- *Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực (biên khảo phê bình, Văn hóa thông tin, 1999)*
- *Từ cái nhìn văn hóa (tiểu luận, Văn hóa dân tộc, 1999)*
- *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật (Văn hóa thông tin, 2000)*
- *Nghệ thuật như là thủ pháp (Lý luận, Hội nhà văn, 2001)*
- *Luận về xã hội học nguyên thủy (dịch, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001)*
- *Chân trời có người bay (biên soạn, Văn hóa thông tin, 2002)*
- *Phân tâm học và văn hóa tâm linh (Văn hóa thông tin, 2002)*
- *Phân tâm học và tình yêu (Văn hóa thông tin, 2003)*
- *Sự đồng đẳng của phương pháp (tiểu luận, Văn hóa thông tin, 2004)*
- *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mẫu người văn hóa (biên khảo, Văn hóa thông tin, 2005)*
- *Theo vết chân những người khổng lồ (lý thuyết văn hóa, Văn hóa thông tin, 2006)*
- *Bút pháp của ham muốn (tiểu luận, Tri Thức, 2009)*
- *Phê bình văn học, con vật lưỡng thể ấy (lý luận, phê bình, Nhã Nam, 2010)*
- *Thơ như là mỹ học của cái khác (chuyên luận, Hội Nhà Văn, 2012)*
- *Vẫn vào vô tận (tùy bút, Phụ Nữ, 2014)*

Trích văn:

### **Thơ như là mỹ học của cái khác**

... Chỉ ở thời hậu - Nhân văn, tức khi phong trào Nhân văn Giai phẩm bị đập tan, Trần Dần, Lê Đạt cùng bạn bè ông bị đẩy ra ngoài lề xã hội, không còn được tham dự vào các cuộc hành hương truy hội của cách mạng, không được nói thứ ngôn ngữ chính thống và chính thức của cách mạng, thì bây giờ, trong sự

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

“cô đơn toàn phần” (chữ của Đặng Đình Hưng), các ông mới *được/ phải* nói thứ ngôn ngữ riêng của mình và của thơ, một thơ không có bất kỳ một tính từ nào đi kèm, mới toàn tâm, toàn sức cho cuộc cách mạng thơ đích thực. Bởi lúc này, thơ và cách tân thơ với các ông là lý do tồn tại, là lẽ sống duy nhất: Thơ hay là Chết! Và chính nhờ sự tập trung năng lượng này, Trần Dân, Lê Đạt đã vượt qua được mô hình Nghĩa -> Chữ, chuyển sang mô hình:

### CHỮ -> NGHĨA

Lấy *chữ* làm tính thứ nhất, làm căn cứ để phát nghĩa, thậm chí cùng lúc phát nhiều nghĩa. Như vậy, chữ, rộng ra là ngôn ngữ, không còn bị lệ thuộc vào cái nghĩa, cái tư tưởng có/ cho trước, nên thoát khỏi thân phận công cụ, trở thành mục đích của văn học, của mỹ học. Đến đây, có lẽ ai cũng thấy mọi cuộc cách mạng *kể cả hoặc nhất là* cuộc cách mạng nghệ thuật, đều phải trả giá. Và sự trả giá càng lớn, càng khốc liệt thì cơ may tạo ra sự đứt đoạn nghệ thuật càng cao. Bởi thế trả giá là số phận của nghệ thuật. Còn dám trả giá, tức dám sống hiểm nguy như Nietzsche nói, là số phận của nghệ sĩ. Có điều trong trường hợp của Trần Dân, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, cái giá của cách mạng thơ này là không nhỏ.

Ở thành thị miền Nam, từ 1955 đến đầu những năm 60, thơ Việt với biết bao tâm sức cũng chuyển được sang mô hình Chữ -> Nghĩa, nhưng bằng con đường phát triển tự nhiên. Do hoàn cảnh chính trị - xã hội đặc biệt văn hóa đô thị miền Nam, sau chín năm kháng chiến, lại tiếp tục liên thông với thế giới như tình trạng trước 1945. Bởi vậy, những trào lưu sáng tác văn học nghệ thuật của thế giới đương đại vẫn tiếp tục được tầng lớp thanh niên, sinh viên, trí thức du nhập vào. Các nhà văn, do vậy, nhận thức được văn học nước mình đang ở đâu trên địa dư văn hóa thế giới. Họ kiên quyết vượt qua Thơ Mới và tiểu thuyết Tự lực Văn đoàn như là những biểu tượng của văn học tiền hiện đại để bước vào văn học hiện đại (chủ nghĩa).

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhóm *Sáng tạo* bao gồm các nghệ sĩ trẻ như Mai Thảo, Quách Thoại, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Thái Tuấn..., ra đời để thực hiện sứ mệnh này. Bằng cả lý luận lẫn sáng tác đăng trên tập san cùng tên, họ đã tạo ra được một luồng gió mới trong văn xuôi tiểu thuyết, đặc biệt là thơ, với Thanh Tâm Tuyền, một trong ba nhà thơ lớn nhất của thơ Việt miền Nam bây giờ.

Thơ Thanh Tâm Tuyền toàn bộ đều là thơ tự do, tức nhạc thơ không dựa vào vần điệu, mà dựa vào nhịp điệu. Trong tuyên ngôn “Nỗi buồn trong thơ hôm nay”, Thanh Tâm Tuyền cũng như Nguyễn Đình Thi trước đây bàn nhiều về nhịp điệu hình ảnh. Và khác Nguyễn Đình Thi ở *nhịp điệu tư tưởng*. Thi nhân tuyên bố ông không dính dáng gì đến các trào lưu phương Tây hiện đại mà tiến thẳng từ ca dao, tức hoàn toàn mới, không hề có “quá khứ thơ ca”, nhất là của thơ Việt. Đặt thơ mình trên cái “mỹ học của khoảng trống” này, Thanh Tâm Tuyền hẳn muốn được hoàn toàn tự do. Nhờ thế, thơ ông mới có thể nhẹ/nhịp bước cùng thời đại. Trước hết *nhịp thơ đô thị*. Thơ Mới trước đây cũng nói đến thành phố, nhưng là thứ thành phố *nằm ngoài* cư dân của nó, thành phố *lạc nhịp* với con người: những thị dân tuy vẫn sống “ở đây và bây giờ” mà đầu óc và trái tim thì lại thuộc về cây đa, bến nước, sân đình ở ngoài kia và trước đây. Còn thành phố của thơ Thanh Tâm Tuyền là thành phố hiện đại với xi măng, sắt thép, nhà máy, bến cảng, cầu tàu. Thành phố tạo ra nhịp sống của con người và con người tạo ra nhịp sống của thành phố. Con người và thành phố nằm trong nhau. Thơ Thanh Tâm Tuyền, vì thế, có một tình thần đô thị hiện đại, đích thực. Cũng vì thế mà thơ ông mới cùng nhịp đập với thế giới đương đại, quan tâm đến những vấn đề của nó, như màu da, nhạc jazz... Có lẽ, lần đầu tiên, thơ Việt mới cập nhật và cập thế giới đến như vậy.

Cuối những năm 50 đầu 60, xã hội miền Nam ở vào thời kỳ



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

tương đôi ổn định. Kinh tế thì phồn vinh do viện trợ của Mỹ. Văn hóa thì khởi sắc do chính sách hỗ trợ phát triển. Các trường đại học Sài Gòn, Huế, Đà Lạt đi vào nề nếp. Nhiều giáo sư, tiến sĩ triết học, văn học tốt nghiệp ở châu Âu, như Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm, Kim Định, Lê Tuyên, Đỗ Long Vân về nước tham gia giảng dạy. Họ phổ biến các trào lưu văn triết như hiện tượng học, chủ nghĩa hiện sinh, cấu trúc luận, phân tâm học. Bối cảnh kinh tế xã hội và văn hóa ấy đã kích thích sự tìm tòi, cách tân, sáng tạo. Không phải ngẫu nhiên mà Thanh Tâm Tuyền đặt tên các thi phẩm của mình như những lời tuyên bố: *Tôi không còn cô độc* và *Liên đêm mặt trời tìm thấy*. Nhưng từ 1963, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, miền Nam rơi vào sự bất ổn, rồi sau đó là chiến tranh, thì những cách tân nghệ thuật lại bị rơi vào sự lãnh đạm nên ít ai theo đuổi. Thơ thành thị miền Nam phần lớn trở lại với *thơ nội dung* và chỉ một phần nhỏ theo xu hướng *hậu hiện đại*. Và, hai nhân vật kiệt xuất, tiêu biểu cho hai lối đi này, lối trước là Tô Thùy Yên và lối sau là Bùi Giáng.

Thơ thành thị miền Nam sau 1963 cũng không còn những hiện tượng cách tân theo hướng hiện đại chủ nghĩa như Thanh Tâm Tuyền nữa. Thậm chí, chính Thanh Tâm Tuyền cũng thôi làm thơ. Hoàn cảnh chiến tranh, những bức xúc về các vấn đề chính trị, nhân sinh, nhân đạo, lấy đi toàn bộ tâm trí con người, nên thi nhân chỉ còn muốn mượn ngôn ngữ để nói ra. Phần lớn nhà thơ, vì vậy, lại trở về với những thể thơ quen thuộc của truyền thống hoặc của Thơ Mới. Hoặc tập trung vào những mảng đề tài chiến tranh, người lính, tình tự dân tộc, thiên. Tiêu biểu cho hướng đi này có Phạm Thiên Thư chuyên thơ thiên, Nguyên Sa thơ tình yêu, tâm tình dân tộc. Đặc biệt là Tô Thùy Yên, người trước đó có tham gia vào nhóm *Sáng tạo*, nhưng dần dần không quan tâm đến cách tân hình thức câu thơ nữa, mà bận tâm đến những vấn đề triết lý, siêu hình. Tuy nhiên, thơ miền Nam với những hoàn cảnh đặc biệt của nó cũng còn đẻ ra một số nhà thơ tư tưởng phóng túng, ngang tàng, dám vi phạm những cấm kỵ

## HUYỀN ÁI TÔNG

xã hội và văn hóa, điên điên khùng khùng, rất gần với hậu hiện đại như Phạm Công Thiện, Nguyễn Đức Sơn (Sơn núi) và Bùi Giáng. Nhưng Bùi Giáng thì *đã là* một nhà thơ hậu hiện đại rồi.

Bùi Giáng bắt đầu làm thơ với *Mưa nguồn* (1962), một tập thơ có nhiều ánh khác lạ bởi một cái nhìn hiện tượng học. Đó là việc đưa ngôn ngữ bị tha hóa trở lại với cội nguồn nguyên thủy và, quan trọng hơn, với bản thể uyên nguyên của nó. Hơn nữa, con người trong *Mưa nguồn* không nhìn thế giới một cách duy nhiên, như một đối tượng, một sự vật, thậm chí một đồ vật, mà nhìn nó như một chủ thể khác đang đối thoại cùng/với mình. Sau đó, ông viết nhiều về Heidegger và về tư tưởng hiện đại, dịch những công trình triết gia này diễn giải thơ Hoelderlin. Rồi chính ông lại dùng thông diễn học Heidegger để diễn giải các nhà thơ và các sự kiện triết học, văn học khác của Việt Nam và thế giới. Cùng với quá trình chín muồi tư tưởng này, Bùi Giáng từ bỏ lối làm thơ trong sáng, trang nghiêm, cân đối và đều đặn thuở *Mưa nguồn*, để viết thơ một cách phóng túng, phá cách. Từ đây, cái ngẫu nhiên đột nhập vào thơ Bùi Giáng, phá vỡ mọi quá trình nhân quả, tuyến tính. Tất cả đều là trò chơi của cái tình cờ, hỗn độn, bất định. Đứng cạnh nhau một cách ngẫu nhiên là các chữ thuần Việt/Hán Việt, các hình ảnh dân gian/bác học, các điển tích Đông/Tây, kim/cổ. Trong một bài thơ câu trước còn trang trọng, cổ điển thì câu sau đã nô đùa mách qué một cách bất ngờ. Không có trò chơi chữ nào là không được áp dụng.

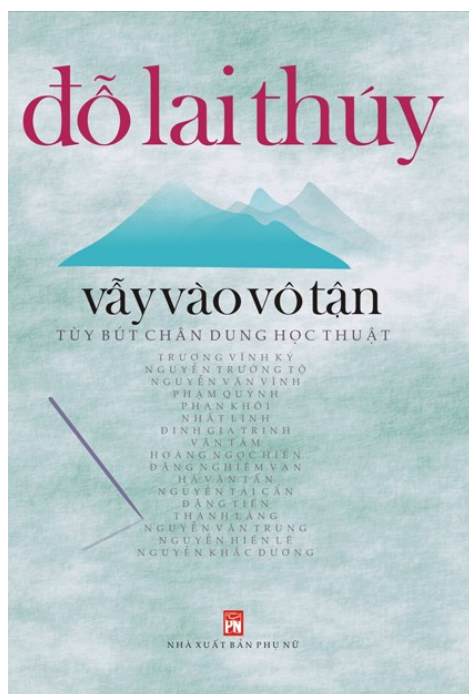
Nhưng từ trò chơi chữ, Bùi Giáng nhanh chóng chuyển sang trò chơi ngôn ngữ. Với ông, lúc này bài thơ như là *kết quả* sáng tạo không còn quan trọng nữa, mà quan trọng là *quá trình* sáng tạo, là *hành vi* sáng tạo. Bởi lẽ, như Heidegger nói: sự tồn tại chỉ ở cái nói về tồn tại, tức là ngôn ngữ. Từ đó, lối làm thơ của Bùi Giáng theo lối “xuất khẩu thành thi” hoặc “làm thơ tại

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

chỗ”, lúc nào muốn dừng lại thì dừng và không phải sửa chữa gì cả.

Mỗi bài thơ dường như chỉ là một nét cắt từ một bài thơ duy nhất là toàn bộ sáng tác của ông, hoặc của chính cuộc đời ông. Bởi lẽ, cuộc đời Bùi Giáng cũng là một bài thơ. Ông sống như ông sáng tác, không hề có khoảng cách. Thậm chí, những gì Bùi Giáng không/chưa nói được bằng thơ thì ông “nói” bằng chính cuộc đời ông. Bởi thế, Bùi Giáng đã chọn, hoặc bị chọn, điên như một thái độ sống, như một cách thế ở đời.

Bùi Giáng là một thi sĩ - triết gia, vừa cổ điển vừa hiện đại. Đúng hơn, cái cổ điển của Bùi Giáng luôn là cái hiện đại, cái đương đại. Đó là cái mới của văn chương hậu hiện đại, một cái mới - cũ, chứ không phải cái mới - mới hiện đại chủ nghĩa.



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Nhà phê bình văn học Đỗ Lai Thúy: Bản mệnh của tôi là phê bình*, tác giả Trần Hoàng Thiên Kim đã viết:

*“Đọc sách của Đỗ Lai Thúy, thấy rõ sức nặng của lý thuyết và thực tiễn của một người đọc nhiều, ngâm nghĩ nhiều. Ông cho rằng, một nhà phê bình nhất thiết phải có hiểu biết lý thuyết. Biết nhưng không phải để tỏ chữ, mà để kết hợp với kinh nghiệm sống, kinh nghiệm thẩm mỹ nhằm kiến tạo những mô hình nghiên cứu. Nhờ đó, khám phá và diễn giải tốt hơn các hiện tượng của văn học Việt Nam.”*

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Lai Thúy Web: [new.chungta.com](http://new.chungta.com)
- Thơ như là mỹ học của cái khác Web: [vanchuongplusvn.blogspot.com](http://vanchuongplusvn.blogspot.com)

## 12. Huỳnh Như Phương



### **Huỳnh Như Phương (1955-20 )**

Nhà lý luận phê bình Huỳnh Như Phương sinh năm 1955 tại Mộ Đức, Quảng Ngãi.

Học trung học tại Quảng Ngãi và Sài Gòn.

Năm 1973-1975, học Ban Triết học Tây phương tại Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Trước năm 1975 có bài đăng trên các báo *Tuổi hoa*, *Trình bày*, *Đối diện*.

Năm 1975-1979, học khoa Ngữ văn Đại học Văn khoa Tp. HCM và Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Từ năm 1979, làm việc tại Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Tp. HCM.

Từ năm 1986-1990, làm Nghiên cứu sinh Ban Lý luận văn học, Viện Văn học thế giới thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và bảo vệ luận án Phó tiến sĩ tại đây năm 1990.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ 1991 đến nay, là giảng viên thỉnh giảng các trường Đại học Sư phạm Tp. HCM. và Đại học Đà Lạt.

Từ năm 1991-1994, là Phó trưởng khoa Ngữ văn tại Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Tp. HCM.

Từ năm 1994-2001, là Trưởng khoa Ngữ văn và Báo chí kiêm Trưởng bộ môn Báo chí.

Từ năm 2008, là Trưởng bộ môn Lý luận và phê bình văn học.

Năm 2002, được công nhận chức danh Phó giáo sư.

Từ 2002 đến nay là Ủy viên Ban biên tập tạp san *Cahiers d'études vietnamiennes* của Đại học Paris 7.

Năm 2010, được công nhận danh hiệu Giáo sư.

Từ năm 2005 đến 2010, là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn TP. Hồ Chí Minh.

Năm học 1999-2000, là Giảng viên thỉnh giảng Đại học Paris 7 - Denis Diderot.

Từ 2010 đến nay là Ủy viên Hội đồng Khoa học liên ngành Văn học - Ngôn ngữ học, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

Tác phẩm:

- *Dẫn vào tác phẩm văn chương* (giáo trình, Đại học Tổng hợp Tp. HCM, 1986).

- *Những trang viết, những nhịp cầu* (tiểu luận phê bình, đồng tác giả với Nguyễn Hương Tâm, Mũi Cà Mau, 1986)

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- *Những tín hiệu mới* (tiểu luận phê bình, Hội Nhà văn, 1994).
- *Mỹ học đại cương* (giáo trình, in chung, Văn hoá Thông tin, 1994)
- *Lý luận văn học – vấn đề và suy nghĩ* (chuyên khảo, đồng tác giả với Nguyễn Văn Hạnh, Giáo dục 1995)
- *Danh lam nước Việt* (khảo cứu, đồng tác giả với Võ Văn Tường, Mỹ Thuật 1995)
- *Ngôi nhà và con người* (tạp văn, Văn Nghệ, 2006)
- *Trường phái hình thức Nga* (chuyên khảo, Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2007)
- *Những nguồn cảm hứng trong văn học* (tiểu luận phê bình, Văn Nghệ, 2008)
- *Lý luận văn học (Nhập môn)* (giáo trình, Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2010)
- *Bây giờ mà có về quê* (tạp văn, Phụ Nữ, 2011)

Trích văn:

### **Bùi Giáng – Thơ phơi giữa nắng \***

Cách đây 15 năm, ngày 07-10-1998, nhà thơ Bùi Giáng phải nợ trần gian sau một cơn tai biến mạch máu não. Đêm trước ngày tiễn ông về nghĩa trang Gò Dưa, giới văn nghệ Sài Gòn tụ tập ở vãng sanh đường chùa Vĩnh Nghiêm, hát và đọc thơ ông. Hôm nay chúng ta gặp nhau ở đây, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, trong khuôn viên Trường Đại học Văn khoa ngày trước, để tưởng nhớ ông.

Mười lăm năm qua, hình ảnh Bùi Giáng ngày càng hiện ra đậm nét và tròn đầy trong ký ức văn học của đất nước. Từ ngày hòa bình đến nay, sau Nguyễn Hiến Lê và Sơn Nam, có lẽ Bùi Giáng là tác giả có nhiều tác phẩm được tái bản, đa dạng về thể loại: thơ, tiểu luận văn học, biên khảo triết học, sách giáo khoa, dịch thuật... Theo một thống kê chưa đầy đủ, sách của Bùi

## HUỖNH ÁI TÔNG

Giáng đã xuất bản trong nước và ngoài nước gồm có 25 tập thơ; 26 công trình nghiên cứu triết học, phê bình văn học, giảng văn; 16 dịch phẩm. Đó là chưa kể hiện nay di cảo thơ của ông còn được cất giữ tản mát trong sưu tập của những người yêu thơ, thỉnh thoảng lại được công bố ra ở nơi này nơi khác nhưng chưa được tập hợp đầy đủ. Vì vậy, mặc dù chồng sách Bùi Giáng để lại nay đã cao lắm, nhưng chắc còn lâu nữa những nhà nghiên cứu mới có thể nói đến một “Toàn tập Bùi Giáng”. Có thể nói, đời sống văn học Việt Nam chịu một cái ơn lớn đối với lao động nghệ thuật và học thuật của ông.

Theo *Sơ lược tiểu truyện Bùi Giáng* do nhà văn Đặng Tiến soạn, Bùi Giáng quê gốc làng Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; sau gia đình dời sang làng Thanh Châu bên cạnh và ông sinh ở đó ngày 17-12-1926. Thân phụ là ông Bùi Thuyên, tục danh là Cửu Tý; thân mẫu là bà Huỳnh Thị Kiên, người vợ kế. Cả hai đời vợ, ông Cửu Tý có đến 12 người con, Bùi Giáng thứ năm, nên được gọi là Sáu Giáng. Bùi Giáng từng làm hai câu thơ vui: *Có ông Cửu Tý họ Bùi/ Để ra Bùi Giáng đuổi ruồi không bay*. Lớn lên ông đi học ở Hội An, Điện Bàn, vào Quy Nhơn rồi ra Huế, đậu bằng thành chung, sau đó tiếp tục theo học bậc tú tài ở Bồng Sơn và Hà Tĩnh, có lúc về làng Trung Phước chăn dê. Trong kháng chiến chống Pháp, Bùi Giáng tham gia một đơn vị bộ đội công binh, theo lời kê của nhà thơ Tường Linh, một người học trò và đồng hương của ông. Ông lập gia đình với bà Phạm Thị Ninh, nhưng bà mất sớm. Sau khi chịu tang vợ, vì mắt kém, sức khỏe yếu, ông xin xuất ngũ rồi vào Sài Gòn làm nghề dạy học.

Từ 1952, Bùi Giáng ở Sài Gòn, vừa dạy Việt văn và Pháp văn cho các trường trung học, vừa làm thơ, soạn sách giáo khoa, dịch văn học Pháp và nghiên cứu văn học, triết học. Năm 1965, một vụ hỏa hoạn thiêu rụi bản thảo, tranh và sách báo ở nhà trọ khiến Bùi Giáng phát bệnh tâm thần, sau phải vào điều trị ở Dưỡng trí viện Biên Hòa. Từ đó cho đến khi qua đời, ông vừa



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

là thi nhân, vừa là bệnh nhân. Ông sống trong thế giới của riêng ông nhưng vẫn không mất cảm giác về thực tại: đất nước, chiến tranh, hòa bình... Đặc biệt, ông là một người điên hiền lành, không làm hại ai và sức sáng tạo vẫn dồi dào cho đến những năm tháng cuối cùng.



## HUYỀN ÁI TÔNG

Nguyễn Minh Châu có lần nói rằng Nguyễn Tuân là cả một định nghĩa về người nghệ sĩ. Trong ý tứ ấy, có lẽ nhà văn muốn nhấn mạnh đến tính độc đáo của Nguyễn Tuân, người mà cách sống và cách viết không hề giống ai và cũng không ai giống được. Không thể lấy Bùi Giáng để định nghĩa về người nghệ sĩ như Nguyễn Tuân, nhưng nói về tính độc đáo thì Bùi Giáng không thua gì, thậm chí có thể nói đó là một “ca” đặc biệt, độc nhất vô nhị, của văn học Việt Nam cả về đời người và đời văn, làm nên căn cước của một văn tài không có “thẻ căn cước”.

Vậy cái độc đáo của Bùi Giáng là ở chỗ nào? Nhiều người đã viết về điều này với những phân tích và dẫn chứng thuyết phục. Nhân đây, cũng xin nói thêm rằng, trong lịch sử tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại, ít có tác gia nào gọi cảm hứng cho nhiều bài viết hay như Bùi Giáng. Hai cuốn sách *Bùi Giáng trong cõi người ta* và *Đuôi voi chân kinh* nói lên điều đó. Kế thừa ý kiến của những nhà nghiên cứu đi trước, dưới đây chúng tôi xin nêu lên một số đặc điểm khái quát nói lên sự độc đáo của văn và người Bùi Giáng.

Thứ nhất, thơ và người Bùi Giáng là sự kết hợp giữa đất đai nguyên sơ, hoang dã và nhịp đời phố thị. Tuổi thơ ông trải qua một vùng thiên nhiên hào phóng ruộng đồng, non nước, cỏ cây dọc sông Thu Bồn, dưới chân núi Cà Tang. Thơ Bùi Giáng hóa kiếp và cho đầu thai để tái sinh cả những cánh bướm, cánh chuồn chuồn, con kiến, con vi trùng, sâu bọ cùng hoa hoang cỏ dại qua ngôn ngữ hiện đại. Ông thi vị hóa và biểu tượng hóa những năm tháng theo đời Tô Vũ những ngày Trung Phục đó. Nhưng ông cũng sớm nhập vào cuộc sống đô thị, bắt đầu từ Hội An, Huế, rồi Sài Gòn: *Anh đi về đô hội/ Ngó phố thị mơ màng*. Ông như một cái cây bị bứng khỏi phù sa Thu Bồn, vất giữa đất Sài Gòn, tương thung thồ lạ lắm mà vẫn hút được dưỡng chất phồn hoa để tồn tại. Những ai từng gặp ông quần áo tả tơi, thối còi, cầm gậy chỉ hướng cho xe cộ ngược xuôi ở một ngã tư giữa trưa nắng Sài Gòn, sẽ thấy sự kết hợp kỳ lạ

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

giữa hình ảnh người nhà quê và văn minh đô thị. Ông vừa lạc lõng giữa đô thành lại vừa muốn là một tế bào – tuy là tế bào dị thể – của nó. Thơ ông không dung dung với “những đèn khuya phố thị”, “những chiều hôm phố thị”. Có lúc ông tự trách mình: *Bây giờ tôi đã quên xưa/ Sài Gòn cảm dỗ tôi chưa chịu về*. Điều kỳ diệu là Bùi Giáng ngao du sơn thủy mà vẫn như trụ chân một chỗ. Sau 34 năm ông mới trở lại quê nhà, nhưng thật ra ông đã có bao chuyến về tâm thức, đúng hơn, chân ông đi xa mà tâm ông còn ở lại: *Hỏi rằng: người ở quê đâu?/ Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà*.

Thứ hai, gắn liền với kết hợp Quê – Phố đó là một kết hợp khác trong sự nghiệp Bùi Giáng: kết hợp giữa cổ xưa và hiện đại, Đông phương và Tây phương. Từ một làng quê xứ Quảng, già từ bầy dê từng được ông choàng hoa và đặt tên, Bùi Giáng và những trang từ điển của ông mở lối lên thành phố và đi ra nhân loại. Rồi ra Trung Niên Thi Sĩ không chỉ thân thiết với Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà...; mà còn làm quen với những tâm hồn xứ lạ của Martin Heidegger, Saint-Exupéry, Gérard de Nerval, André Gide, Albert Camus... Ông chơi với cái cổ điển nhất cũng hết mình như chơi với cái tân kỳ nhất. Ông yêu Thúy Vân trong vẻ đẹp cổ điển nhưng cũng tụng ca Thúy Kiều trên nền nhạc hiện sinh. Nhưng dù là truyền thống hay cách tân, Bùi Giáng vẫn hướng về những giá trị vĩnh cửu. Với ông, cái tĩnh tại uy nghi trường tồn như núi Ngự muôn đời bên bờ sông Hương là đẹp, đồng thời cái biến dịch muôn sắc huy hoàng cũng là đẹp, miễn là chúng ta vĩnh cửu hóa nó bằng nghệ thuật.

Nếu làm một thông kê từ vựng trong thơ Bùi Giáng, sẽ thấy bảng pha màu ngôn ngữ của ông đa dạng biết bao: những từ cổ kính, nghiêm trang đan kết với những từ tân thời, nghịch ngợm. Trục chọn lựa của ông phong phú, đa dạng mà trục kết hợp thì bất ngờ, kỳ lạ. Tác phẩm *Terre des hommes* có nhiều bản dịch tiếng Việt: *Giá trị con người, Quê xứ con người, Đất*

## HUYỀN ÁI TÔNG

*của con người...* nhưng phải nhận rằng cái nhan đề do Bùi Giáng lấy từ câu thơ Kiều là hay nhất: *Cõi người ta*. Tương tự như vậy, theo thiên ý, *Hoàng tử bé* vẫn hay hơn *Cậu hoàng con*, *Chú bé hoàng tử* hay *Cậu bé con nhà trời...* Có lúc ông tặng cho bạn đọc cả hai nhan đề của cùng một cuốn sách: ai thích thân mật, suồng sã thì chọn *Trường học đờn bà*; ai muốn nghiêm cần, đài các thì lấy *Thục nữ học đường*. Để dùng cách nói thời thượng hiện nay, thì ông nhà quê Bùi Giáng là người “mở cửa”, “hội nhập” sớm hơn ai hết. Việc ông giỏi chữ Hán, tiếng Pháp thì không khó hiểu. Nhưng chỉ mười năm ở Sài Gòn, không qua trường lớp nào, mà ông thông thạo tiếng Anh, có thể đọc Shakespeare trong nguyên tác, và am hiểu tiếng Đức một cách chuẩn xác, sâu sắc, khi đọc, dịch, trích dẫn Friedrich Hölderlin, Martin Heidegger, như sự xác nhận qua kiểm chứng trong thực tế của nhà nghiên cứu Bùi Văn Nam Sơn, thì quả là một năng lực ngôn ngữ thâm hậu.

Thứ ba, một đối cực khác được kết hợp trong tác phẩm và con người Bùi Giáng là sách vở, nhà trường trang nghiêm với cuộc đời nắng gió, bụi bặm, xô bồ. Đó cũng là kết hợp giữa quy cách và phá cách. Xuất thân Bùi Giáng là nhà giáo, ông viết những lời trân trọng về các thầy giáo cũ của mình: Lê Trí Viễn, Cao Xuân Huy, Trần Đình Đan, Hoài Thanh, Đào Duy Anh... Ông vào trường thi, thi rớt, phải thi lại để có tấm bằng. Nhưng ông cũng sẵn sàng bỏ trường mà đi khi thất vọng về nó. Khi viết sách giáo khoa, ông viết rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết. Khi sáng tác, viết khảo luận và dịch thuật, ông để dòng ý thức của mình lôi ngòi bút đi miên man bất tận. Khó ai nói là đã hiểu đúng, hiểu hết ý tứ của ông, trong thơ và cả trong tiểu luận. Dịch *Cõi người ta* và *Hoàng tử bé*, ông có thể thêm vào những câu văn của chính mình để quảng diễn tư tưởng của tác giả, miễn là không trái nghịch với nó, như sự phân tích của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc. Say *Truyện Kiều*, nên ông tập Kiều rất nhanh để diễn giải một hiện tượng văn học khác, chẳng hạn

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ông nói về tác phẩm *Sylvie* của G. de Nerval mà ông dịch là *Mùi hương xuân sắc*:

*Người lên ngựa kẻ chia bào  
Màu Sylvie đã nhuộm màu thời gian  
Dặm hồng bụi cuốn chinh an  
Trông vời lịch sử quan san nghiêng mây.*

Sách vở giúp Bùi Giáng trở thành trí giả; cuộc đời và số phận biến ông thành hiền giả. Người trí giả phải chịu lép vế trước người hiền giả trong ông. Điều thú vị là chưa nghe ai nói đến học giả Bùi Giáng, như cách dùng phổ biến lâu nay để chỉ những người chuyên sâu về một lĩnh vực học thuật như ông. Người và văn ông không để cho những chuẩn mực câu thúc, ý văn ông tràn ra ngoài những ranh giới của Lý trí, vì ông tin vào Heidegger: “*Tư tưởng chỉ bắt đầu tư tưởng, là lúc chúng ta đã lịch nghiệm lĩnh hội được rằng cái Lý trí, vốn từ ba thế kỷ được xiên dương, xung tưng, chính nó là thù địch ngoan cố nhất của Tư tưởng*”. Và như vậy tư tưởng của ông đi theo đường dây của nó, từ Nerval đến Shakespeare, từ Shakespeare đến Nguyễn Du, từ Nguyễn Du đến Gide, rồi lại từ Gide đến Saint-Exupéry... Qua cái bề ngoài phi lô-gích, văn bản của ông thách đố người đọc đi tìm sự mạch lạc nội tại của nó.

Thứ tư, đứng về mặt tâm lý sáng tạo và chức năng biểu hiện của văn bản, tác phẩm Bùi Giáng là sự pha trộn, nhập nhòa giữa thực và mộng, giữa tỉnh và mê. Thực và mộng, tỉnh và mê không có ranh giới rõ ràng mà thực hòa trong mộng, tỉnh hòa trong mê và ngược lại. Cô Mọi nhỏ, nàng Brigitte Bardot, em Marilyn Monroe, nường công chúa trong rừng..., đó là thực hay mộng, vậy mà ông thăm thì trò chuyện? Người ta có thể làm thơ trong khi điên, khi mê; nhưng điên và mê mà viết tiểu luận, biên khảo có được không? Có những trang thơ, trang sách Bùi Giáng viết như lên đồng, như viết tự động, viết trong giấc thụy du.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Theo lời kể của gia đình, bệnh án Bùi Giáng có ghi ông mắc bệnh “tâm thần phân liệt dạng sáng tạo chữ”. “Máu cuồng và hồn điên” phải chăng là một tổ chất nghệ sĩ? Điên là cách thoát khỏi thế giới thực tại để đi vào trong một thế giới huyền ảo của tâm hồn. Nói cách khác, điên là lia xa thế giới của người, ẩn sâu vào thế giới của mình, không còn bị gò bó, vướng bận. Từ khi được/ bị xem là điên, Bùi Giáng thông dong đi tiếp con đường của mình, không phải chiều lụy gia đình, xã hội; không ai và không điều gì có thể níu kéo, làm phiền ông nữa. Điên như Bùi Giáng có hai cái lợi. Một mặt, ông không tùy thuộc vào đời sống vật chất, không theo những quy ước thông thường của con người xã hội. Mặt khác, ông có thể nhập thân vào thi giới của mình, một thi giới mang ít nhiều ảnh tượng của hiện thực nhưng lại do chính ông tái tạo và chế biến. Có thể nói ông là đấng toàn năng, là hoàng đế trong thế giới của riêng ông.

Thứ năm, lao động nghệ thuật của Bùi Giáng là sự tương tác giữa nghĩ, viết và chơi. Có lẽ ông không phải là “phu chữ”, như cách nói của Lê Đạt, mà là “người nghịch chữ”. Ngay trong khi nghĩ, ông đã nghịch ngợm những từ ngữ và khi viết ra thì thực sự là ông bày trò chơi trên trang giấy. Bao vấn đề suy tư triết học, tư tưởng văn học hóc búa, rối rắm, ông diễn đạt tụy rườm rà mà đọc vẫn thấy vui, nhiều khi ta chưa hiểu hết ý của ông mà không thấy mệt óc. Ông là bậc kế tục thượng thừa những trò chơi chữ, giễu nhại, nói lái của văn hóa dân gian, của Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tú Quỳ... Người ta ít thấy trong văn Bùi Giáng vẻ nghiêm nghị, cau có của người tin rằng mình đang nói những điều quan trọng hay đang phát ngôn cho chân lý.

Thứ sáu, đây là điều tế nhị mà cũng khó phân tích đầy đủ, ngôn ngữ Bùi Giáng là sự kết hợp giữa tục và thanh, tục mà thanh, thanh mà tục, trong tục có thanh, trong thanh có tục. Tôi e là sẽ đi quá xa nếu dùng khái niệm ẩn ức để giải thích sự say mê từ ngữ có tính chất sinh thực khí, nhiều khi đến độ lãng lơ, của

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Bùi Giáng. Nhưng đó là một thực tại ngôn từ trong văn bản của ông. Lắm khi những khái niệm triết lý uyên áo hay chi tiết nghệ thuật thi vị được biểu đạt bằng một từ mà với cách nói lái, người đọc hồ nghi về sự nghiêm túc của nó. Thay vì tìm đường tránh né bằng cách viết tắt, hay lộ liễu nói ra sự vật không che đậy như các nhà văn trẻ bạo liệt hiện nay, Bùi Giáng dùng cách nói lái, có lẽ vì ông cho rằng cách này sẽ không làm mất đi sự vang lên của âm thanh trong tiếp nhận của người đọc, lại vang những hai lần theo hai lối ngược và xuôi. Hẳn nhiên, như đã nói, ông không phải là kẻ khai phá hay sáng chế thú chơi chữ này, nhưng có lẽ ông là người phát huy nó mạnh mẽ và cuồng nhiệt nhất.

Tuy nhiên, Bùi Giáng lại hiếm khi gắn cái sự nghịch ngợm đó khi phác vẽ hình tượng những người nữ yêu mến của ông. Tình yêu của ông với những người nữ ngoài đời hay trong tưởng tượng, từ Cô mọi nhỏ, nàng công chúa trong rừng đến những bậc nữ lưu danh giá như Phùng Khánh, Kim Cương, Hà Thanh, Marilyn Monroe, Brigitte Bardot... đều là tình yêu thánh hóa, tình yêu trong ý niệm theo kiểu Platon. Những khát khao dục tính chìm khuất dưới lớp từ ngữ nhiều ẩn dụ. Thành ra Bùi Giáng không ưa làm một thứ văn chương sạch sẽ quá, nhưng văn chương ông vẫn là sang trọng, tục mà không thô.



## HUYỀN ÁI TÔNG

Sáu đặc điểm đó nói lên rằng Bùi Giáng là một thứ của lạ, của hiếm trong văn học Việt Nam. Ông là thứ quả mà cây văn chương chỉ kết được một lần. Thiên tài bao giờ cũng là một bí ẩn. Hàn Mặc Tử là bí ẩn. Bích Khê là bí ẩn. Nhưng Hàn Mặc Tử chôn kín đời mình trong trại phong Quy Hòa, Bích Khê giam thân trên con đò Trà Giang, mặc cho người đời tìm cách suy đoán, giải mã thế giới nghệ thuật của họ. Bùi Giáng, trái lại, phơi mình giữa nắng gió cuộc đời, rong chơi bất tận giữa đám đông người mà vẫn là bí ẩn trước mắt thiên hạ.

Ai ở Sài Gòn những năm 70, 80, 90 thế kỷ trước mà không một lần gặp Trung Niên Thi Sĩ. Trên những con đường quanh chợ Trương Minh Giảng. Trước cổng trường Đại học Vạn Hạnh. Trong sân chùa Già Lam. Giữa các con hẻm quanh co của Xóm Gà Gia Định. Chúng tôi có bốn năm là hàng xóm của ông ở Xóm Gà. Một buổi trưa nắng gắt, tôi chạy xe về hẻm 482 Lê Quang Định, thấy ông nằm như thi u ngủ trên một đồng cát nhà ai đang xây, bóng cây không che hết gương mặt teo tóp đọng nắng của ông. Vài tờ giấy viết dở vương vãi bên cạnh. Tôi dừng xe lại, chưa biết làm gì: nhặt giúp ông những tờ bản thảo sắp bay đi hay đánh thức gọi ông vô nhà. Giữa lúc tôi còn phân vân, thì Bùi Giáng, mắt vẫn nhắm nghiền, nhưng linh cảm có người bên cạnh, đưa bàn tay lên xua qua xua lại, ngậm bảo rằng: hãy đi chơi chỗ khác đi, đừng quấy rầy ông, hãy để ông yên với con mê của ông, thế giới của ông.

Chúng ta nói nhiều, viết nhiều về Bùi Giáng, nhưng có lẽ chúng ta vẫn là người xa lạ đối với ông. Cuộc tọa đàm này cần cho chúng ta, để chúng ta thêm một lần đón nhận ông, đón ông về lại với không gian văn hóa này, thậm chí, có thể nói, một cách nào đó là chuộc lỗi với ông, bởi có lần ta đã lạnh nhạt, nếu không muốn nói là xua đuổi thơ ông. Thử tưởng tượng bữa nay Bùi Giáng tinh anh nghe nói có tọa đàm về ông ở trường đại học. Chắc ông sẽ lò dò đến đây, leo lên cầu thang, đứng ngoài cửa ngó vào, nghe lầy đôi câu, rồi hấp háy đôi mắt dưới



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

cặp kính dày cộp mà lầm bầm: “Các con cứ ở đó mà tọa đàm đi, ông Bùi rong chơi tiếp đây!”.

Dẫu có như thế, chúng ta cũng đừng phật ý. Ta hãy đáp lại ông bằng ngôn ngữ của chính ông: “Vui thôi mà, thưa Trung Niên Thi Sĩ”.

(\*) Tham luận tại cuộc tọa đàm về thi sĩ Bùi Giáng, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 14 – 9 – 2013.



Trong bài: *Đọc Bây giờ mà có về quê... của Huỳnh Như Phương*, tác giả Minh Phong đã viết:

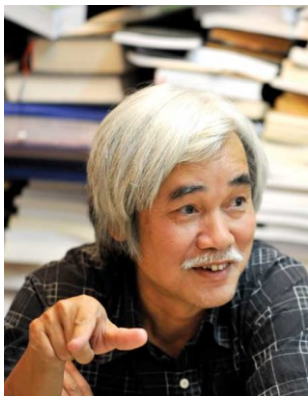
## HUỶNH ÁI TÔNG

“Để trở thành một nhà phê bình văn học như hiện nay, Huỳnh Như Phương đã trải qua không ít thăng trầm của nghiệp bút. Vì thế, những trải nghiệm, suy ngẫm của anh về nghề, về văn chương thật đặc sắc, thú vị. Tôi tin những bạn trẻ có ý định theo đuổi lâu dài con đường văn nghiệp, dẫu sáng tác hay viết phê bình, sẽ tìm thấy những điều bổ ích trong một lời tâm sự như được rút ra từ gan ruột của anh: “Nghề nghiệp mà số phận run rủi đẩy tới đã đem lại cho tôi không ít niềm vui lẫn những cực khổ và tai họa. Nhưng khi tình yêu văn chương đi vào máu của mình rồi thì không dễ gì lung lay. Mình bị hoàn cảnh quy định nhưng phải biết cách vượt thoát khỏi hoàn cảnh. Càng ngày tôi càng nghiệm thấy điều này: văn chương cũng có cách đền đáp của nó; mình bạc bẽo, thô lậu với nó thì nó sẽ bạc bẽo, thô lậu; mình tinh tế, chân thành với nó thì nó sẽ trả ơn bằng sự tinh tế, chân thành. Tôi tin rằng văn chương là cách nói dài sự hiện hữu của con người như một cá tính tự do. Và những khát vọng văn chương từ thời trẻ vẫn không ngừng nung nấu trong tôi một ý thức xã hội để không sa vào con đường của hư văn” (Những bài báo viết thời đi học).”

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Như Phương Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)
- Bùi Giáng – Thơ phơi giữa nắng Web: [tuoitre.vn](http://tuoitre.vn)

### 13. Phạm Xuân Nguyên



#### **Phạm Xuân Nguyên (1956-20 )**

Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên sinh ngày 15 tháng 5 năm 1956 tại thành phố Hà Tĩnh.

Học Trung học, ông luôn ở trong đội tuyển học sinh giỏi môn văn và toán, năm Lớp 6 và Lớp 10, ông được giải nhất về môn văn ở Hà Tĩnh.

Ông học chuyên toán ở Trường cấp 3 Phan Đình Phùng tại Hà Tĩnh, được học tiếng Nga.

Năm 1975, tốt nghiệp Trung học phổ thông, Phạm Xuân Nguyên thi đỗ vào Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, thời gian này ông mượn giáo trình tiếng Pháp của bạn tự học thêm.

Năm 1978, đang theo học Đại học, Phạm Xuân Nguyên đi bộ đội, thời gian này ông tự học tiếng Anh, có thời gian đóng quân tại Tp. HCM. Đến năm 1982, ông rời khỏi đời sống quân ngũ. Phạm Xuân Nguyên không nghe, nói thạo ngoại ngữ nhưng ông có thể dịch Nga, Pháp, Anh văn ra Việt văn. Năm 1980,

## HUYỀN ÁI TÔNG

bài đầu tiên Phạm Xuân Nguyên dịch từ Pháp văn ra Việt văn gửi đăng trên báo *Tiền Phong*. Ông dịch thơ, dịch truyện ngắn, tiểu thuyết, dịch lý thuyết, nghiên cứu. Ông đã dịch sách của Milan Kundera (nhà văn Czech), Haruki Murakami (nhà văn Nhật Bản), Jean-François Lyotard (nhà triết học Pháp)... Là dịch giả, ông dùng bút danh Ngân Xuyên.

Năm 1983, Phạm Xuân Nguyên tốt nghiệp Cử nhân tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội. Ông làm việc tại Viện Văn học ở Hà Nội từ năm 1984.

Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên là Chủ tịch Hội Nhà Văn Hà Nội từ năm 2010.

Tác phẩm:

- *Cuộc phiêu lưu kỳ lạ của thỏ Lốc* (truyện cổ Tây Phi, 1986)
- *Sự bất tử* (tiểu thuyết, dịch của Milan Kundera, 1999)
- *Châm rỗi* (tiểu thuyết, dịch của Milan Kundera, 1999)
- *Bản nguyên* (tiểu thuyết, dịch của Milan Kundera, 1999)
- *Ý nghĩa giá bảy triệu* (tiểu thuyết, dịch của Edi Edigay, 2001)
- *Truyện cổ Myanmar* (2001)
- *Người tình Sputnik* (tiểu thuyết, dịch của Haruki Murakami, 2007)
- *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (triết học, dịch của J-F. Lyotard, 2007)
- *Văn học và cái ác* (nghiên cứu, dịch của G. Bataille, 2012)
- *Nhà văn như Thị Nở* (phê bình, Hội Nhà Văn, 2014)

Trích văn:

**Linh là lạ**

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Vi Thùy Linh, thi sĩ tuổi Thân đứng chữ Canh này không còn lạ trên thi đàn VN kể từ khi cô xuất bản tập thơ đầu tay *Khát* (1999). Năm ấy, cô 19 tuổi. Nhưng Linh luôn là lạ mỗi khi cô xuất hiện, cả cuộc sống lẫn nghề nghiệp.

Cô không thích lặng lẽ, im lìm mỗi khi xuất hiện, vì cho rằng những giá trị cần được tỏ bày dưới ánh sáng một cách chính đáng. Cũng không phải muốn lặng mà được. Lại cũng có người rất muốn gây chú ý và tìm mọi cách nhưng không hiệu quả.

Thật đặc biệt mỗi lần cô cho ra đời một cuốn sách mới. Cô coi đó là một sự kiện và sự thực là thế. Còn hơn sự kiện, thường là một kỷ lục. Không phải là kỷ lục bất kỳ nào, mà phải là kỷ lục của sự đầu tiên. Cô coi là và khiến mọi người phải công nhận đó là vậy. Vi Thùy Linh là nhà thơ đầu tiên và trẻ nhất tạo dựng sự kiện này, có mặt sự kiện kia. Cuốn hút, náo nhiệt, rầm rĩ. Quyết liệt, đam mê, tự tin. Người cười, người không nói. Người ủng hộ, người lắc đầu. Người vào cuộc, người bỏ đi. Song không ai không mặc định điều này khi nói về cô: Linh là lạ. Chỉ ít, nếu tất cả đều phản đối tôi, thì còn một người là tôi, nói: Linh là lạ. Cái lạ thuộc khí chất, thể trạng, tâm tính của cô. Nói gọn lại, Linh là lạ cả về thể phách và tinh anh. Hệt như sự hiện hữu và tồn tại của cô trong đời và trong thơ. Chấp nhận hay bác bỏ là việc của nhân quần, Linh thì không muốn khác. Như mỗi người là không thể khác mình, càng là người văn chương càng vậy. Có điều, Linh là lạ ở mức như chối bỏ và thách thức những thói quen và quán tính của một số đông, của số rất đông.

Một con giáp đã qua khi Linh bắt đầu *Khát* trong thơ. Tiếp đó là Linh (2000), *Đồng tử* (2005), *ViLi in love* (2008), *Phim đôi - Tình tự chậm* (2010). Tập thơ nào của Vi Thùy Linh ra, thành sự kiện của đời sống văn học, chỉ ít là ở Thủ đô. Không thể không ghi nhận công lao của Vi Thùy Linh cho văn học có sức sống, dư luận trước vũ bão truyền thông và sự cạnh tranh khốc

## HUYỀN ÁI TÔNG

liệt giữa các loại hình nghệ thuật, giải trí. Người ta không thể thờ ơ. Công chúng tìm đọc, khen chê, bàn tán. Sao không cảm phục lao động thơ của cô. Với Linh, thơ là thiêng, nhưng lao động thơ là cật lực, công phu, vắt kiệt tâm trí và sức lực cho câu chữ dẫu bận lo toan trần thế. Tôi muốn nói đến việc Linh không chịu để thơ mình bị mờ nhoè, bị xem nhẹ khi xuất bản. Cô làm cho mỗi tập thơ của mình trở thành vật phẩm văn hoá, một giá trị văn hoá từ cách in ấn cho đến cách đưa sách tới người đọc. Tập sau so với tập trước trình bày, bố cục công phu hơn, giá in giá bán đắt hơn, tổ chức ra mắt sang trọng tốn kém hơn, hút kiệt sinh lực tác giả hơn. Ai đó cười chê: cốt là nội dung, những cái đó thêm được gì cho nội dung. Linh làm vì cô tin ở thơ mình và tin người đọc không quay lưng lại thơ. Ở thời buổi này phải biết cách đưa thơ đến người đọc và phải tìm cách đánh thức người đọc tìm lại thơ, biết quý giá chất thơ trong đời sống. Cuộc chơi, nếu ai coi thế, đây là cuộc chơi sang trọng, đáng ước mơ. Hiệu quả thì hãy lấy chính sự sang trọng của cuộc chơi, thực hiện bởi những người chịu chơi, mà Vi Thủy Linh là chủ trò.

Linh nghĩ thế và làm thế. Tận lực. Tận hiến. Đỉnh cao cuộc chơi sang trọng cho thơ và vì thơ của Linh là ngày 1/12, khi cô ra mắt cùng lúc hai tập sách, một thơ và một văn - ViLi & Paris và ViLi tùy bút tại Nhà hát Lớn Hà Nội - với đêm nghệ thuật có một không hai “Bay cùng ViLi”. Đây quả là kỷ lục lần đầu tiên văn học được đưa lên sân khấu Nhà hát Lớn đúng hình thức của nó là tác giả và tác phẩm. Ra mắt sách ở Nhà hát Lớn - sự kiện văn hoá hiếm có. Và thật quyến rũ không cưỡng lại được khi có nhiều nghệ sĩ hàng đầu ở Thủ đô và quốc gia tham gia cùng Linh trình diễn thơ - văn của cô. Linh là lạ, thực vậy!

ViLi & Paris, tập thơ thứ bảy của Linh, chở người đọc bay từ Trùng Khánh quê nội vùng núi phía Bắc băng qua Hà Nội thủ đô châu thổ sông Hồng đến Paris kinh thành ánh sáng trời Âu. Thơ có tính ký sự hành trình, đậm chất sự kiện ở những ngày

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

giờ, chuyến bay, địa danh quảng trường, góc phố, ngôi nhà, ở những tên người danh nhân quen lạ, và ở các chú thích tỉ mỉ, chi tiết. Từ chỗ chỉ khai thác thuần cảm xúc bên trong, Linh đã hướng ngoại để hướng nội sâu hơn. Bởi với thi sĩ, thế giới bên ngoài chỉ là cái cớ, sâu hơn nữa thì là xúc tác, một cú đánh của giác quan làm bật nẩy lên tình cảm, cảm xúc. Linh đã “phải lòng” thủ đô nước Pháp ngay từ lần chạm mặt 2003 và tình yêu ấy ngày càng bền chặt qua các chuyến đi tiếp theo: “Paris đã giữ lại và lưu dấu một phần đời tôi. Không chỉ viết riêng cho Paris, mà ViLi kể từ khi có Paris trong sự sống, nỗi nhớ kéo dài, đã thực sự khác”. Bay tới Paris, bay cùng ViLi đến những chân trời nghệ thuật luôn mời gọi và thách thức, luôn chấp nhận và khước từ, kìm nén và cuốn theo cảm dỗ. Nơi nào, Hà Nội hay Paris, Linh vẫn là Linh - Người Khát Yêu. Không gian Linh đến, Linh ở luôn ngập yêu, tràn yêu. Cô sống hối hả, như chạy đua thời gian, như để bắt kịp một cái gì phía trước có vẻ là không bắt kịp. Và như vậy đọc tập thơ này, ta càng thấy rõ Linh cô đơn, cô độc hơn nhiều. Linh là lạ trong cái vẻ chộn rộn ngày thường, mà tận sâu trong tâm hồn là tĩnh lặng và câm nín. Sự kiện ở Nhà hát Lớn tối 1/12 là một festival tinh hoa đỉnh cao tiếng ồn trong khoảng lặng sâu thẳm đó của cô.



Nên Linh đã viết văn xuôi. ViLi tùy bút là “tập văn xuôi đầu tiên của Vi Thùy Linh”. Tại sao lại là tùy bút mà không phải ký

## HUYỀN ÁI TÔNG

sự? Chắc vì Linh quá nhiều chất thơ và hoài niệm ký ức. Là người kỹ tính trong việc chọn câu chọn chữ, cô là một nhà báo về nghề nghiệp đào tạo và là một nhà báo văn hoá văn nghệ có “gu”, cho nên cô gọi những tác phẩm viết xuôi của mình chọn vào tập văn đầu tiên này là tùy bút hẳn có lý do. Là dòng chảy miên man của cảm xúc, là mạch liên tưởng bất ngờ nhưng logic giữa các sự kiện, là những chi tiết được phát hiện, chọn lọc, cài cắm khéo léo, có dụng ý, là cách cấu tứ có lớp lang bài bản, làm cho một văn bản tưởng tùy hứng, bất chợt vẫn được cố kết bên trong bằng mạch ngầm tình cảm của tác giả - yếu tố quyết định phẩm chất của tùy bút. Linh gọi đó là montage (kỹ thuật dựng của điện ảnh). Làm phim trên giấy, đôi mắt ViLi công bố thế giới quan phong phú của tác giả, đôi mắt mở nhiều góc quay, cỡ cảnh, đưa người đọc đến miền chưa tới, khơi mở các vùng cảm xúc nguyên khiết và lạ lẫm.

Đọc văn xuôi của Linh mới hay, cô đọc cũng đã nhiều, biết cũng đã lắm, kiến thức và tri thức về nhiều mảng văn hoá tích tụ được khá dày - điều cần thiết của một cây viết văn xuôi. Trên hết và trước hết Linh là một nhà thơ, nên cô tổ chức bài văn xuôi của mình theo nguyên tắc thơ, tính thông tin của sự kiện là cần thiết, vẫn phải lùi xuống nhường cho cảm xúc, tâm tư trỗi lên chi phối cả đối tượng và người thưởng thức. Trong cả thơ và văn của Linh, cặp phạm trù Anh - Em viết hoa hay viết thường vừa là thực vừa là ảo, vừa là hiện hữu vừa là hư vô, là chất kết dính toàn bộ sự vật và nhân vật trong thế giới nghệ thuật của Linh.

Hãy đọc bài dài nhất trong tập tùy bút có tên Thời của đời yêu với đối tượng được nói đến là họa sĩ Nguyễn Thị Hiền, “u nuôi” của Linh hiện nay. Những sự thực trong bài có thể khiến nhiều người giật mình, phát giác lại sự thật về một sự thực khác lâu nay. Ngay từ đầu Linh đã xác định chủ âm của bài viết là: “Chuyện tình không thời gian Lưu Quang Vũ - Nguyễn Thị Hiền, Anh và Vi như vừa bắt đầu, đang nồng nàn, rung



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

vang và còn mãi”. Nói vậy là đã nói về cảm xúc tiếc nuối đẹp đẽ buồn bã của một đời người, của nhiều đời người, đi qua tình yêu không thành mà dư âm dư vị dư ảnh thì còn lan toả và lắng đọng. Cái còn lại chỉ là bóng sáng, là “hạnh nguyện vĩnh cửu của nhân loại, của mỗi chúng ta, của những đời yêu quên tuổi”. Linh trong bài đổi vai giữa người phụ nữ bốn mươi năm trước và cô gái bây giờ, giữa nhân vật và tác giả, họ đều là Người Khát Yêu vượt không gian và thời gian. Đây là bài hay nhất trong tập, nó chung đúc được tất cả sự đắm đuối, nồng nàn và day dứt mà Linh đổ tràn trong mỗi bài viết, dù là nói về nhà họ sinh nơi mình cất tiếng chào đời hay về những hòm thư dần biến mất trong thành phố. Dù là kể về bức tranh thiếu nữ Ulan Bator của ông nội hay hồi tưởng cuộc yêu trên cánh đồng nước Pháp. Do vậy, đọc tuỳ bút của Linh chẳng khác đọc thơ, những bài thơ văn xuôi.

Phụ hoạ cho những con chữ của Linh cả trong thơ và văn là màu sắc tím Linh coi như màu chủ của đời mình - tím bìa, tím chữ, tím trang, là những bức tranh của các hoạ sĩ nổi tiếng. Cầm cuốn sách mở ra là được hòa vào sắc màu tưởng thấy những con chữ xôn xao, động mình, làm chửa quây trở thức giác quan và tâm hồn người đọc. Cả ở đây nữa, Linh là lạ, như cô thiếu nữ luôn làm bất ngờ người đối diện bằng những thay đổi tinh nghịch.

Vậy là, ngày 1/12, trên sân khấu Nhà hát Lớn Hà Nội, Vi Thuý Linh làm cuộc ra mắt tập thơ thứ bảy và tập văn đầu tiên của mình. Một sự kiện đầu tiên của văn chương nơi Thánh đường ấy. Linh giỏi, kiếm được tài trợ để tổ chức sự kiện, mời được những nghệ sĩ danh tiếng tham gia sự kiện, mời được những khán giả đáng trọng đến xem sự kiện, quảng bá xứng đáng cho tầm vóc sự kiện. Có quá lời không khi nói: duy chỉ có Linh làm nổi việc này, vì cô ôm ấp khát vọng quá lớn và quyết tâm thực hiện bằng được khát vọng lớn ấy. Sau đêm sự kiện, Linh lại về

## HUYỀN ÁI TÔNG

đối diện mình. Còn người xem về đối diện hai tập sách mới của Linh. Họ sẽ đọc và thấy Linh là lạ.

Những ai được “bay cùng ViLi” trong đêm diễn 1/12 là những người may mắn. Bởi kỷ niệm đắt giá này là món quà siêu thường mà Vi Thuỳ Linh và êkíp sáng tạo, cống hiến cho công chúng thường thức tình sành. Cô kỳ vọng và tin từ đó khát vọng và từ trường của nhiều tài năng sẽ kích động ham muốn sáng tạo của tất cả. Một thế giới khác đã mở ra dưới vòm Nhà hát Lớn. Chúng ta không thể quên, thờ ơ và sống như cũ khi thực sự gặp một dư chấn lạ. Tôi tin chắc thế. Họ sẽ thấy ở Linh một cá tính, một tình yêu mãnh liệt và sâu sắc với cuộc sống và nghệ thuật. Có những ai đó ít đọc Linh mà lại chê tác phẩm vì cá tính Linh, thật là phiến diện. Còn tôi, tôi đã ủng hộ từ đầu cá tính của Vi Thuỳ Linh của đời thường và sáng tạo, dù đôi lần có giận (giận yêu). Bởi đơn giản, Linh đã là ViLi. Luôn là mình nên phong cách của Vi Thuỳ Linh không nhòa lẫn. Cô đã được tự do và vẫn đi tới tự do. Hãy để mọi người sống đúng mình, là mình.

(2/12/2012)

Trích thơ:

**Phạm Xuân Nguyên:** Tôi vốn không phải là nhà thơ nhưng cảm xúc và ấn tượng trong hai chuyến ra thăm Trường Sa (5-2010 và 5-2012) đã làm bật lên trong tôi tiếng thơ như sự đồng cảm chung sức chung lòng với các chiến sĩ hải quân đang ngày đêm canh giữ biển đảo quê hương. Đó cũng là tình cảm yêu nước của tôi. Trong những ngày này, khi nhân dân cả nước đang biểu thị quyết tâm bảo vệ chủ quyền vùng biển của tổ quốc trước hành động trắng trợn gây hấn của Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD 981 chà đạp công lý và công pháp quốc tế, tôi càng nhớ đến những người lính của chúng ta ở Trường Sa. Tôi vững tin họ sẽ không để cho những kẻ có dã tâm coi Biển

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Đông như ao nhà muốn làm gì thì làm. Cả nước đang đoàn kết đứng lên bảo vệ tổ quốc cùng những người lính Trường Sa.

### Đường chân trời

*Tôi nói cùng anh về đường chân trời  
không phải giới hạn của mắt nhìn ra biển  
không phải nơi xa vời chân đi không thể đến  
không phải chốn bồng bênh, hư ảo chân mây*

*Đường chân trời của tôi là Song Tử Tây  
chỉ gần ngay bên nhưng Song Tử Đông cách biệt  
là nắm mộ nhỏ nhoi trên Nam Yết  
người lính trẻ quên mình cứu xuống đảo trôi*

*Là Cô Lin – Gạc Ma, sừng sững đường chân trời  
sáu mươi tư chiến sĩ hải quân hy sinh vì nước  
máu các anh không thể nào tan được  
giữa lớp lớp trùng khơi sóng vỗ bờ bờ*

*Đường chân trời tôi đi từ những tiếng cười  
những ánh mắt của trẻ thơ trên đảo  
từ hàng cây bão táp, phong ba chịu nhiều gió bão  
vẫn xanh hết màu xanh cho đảo hóa quê nhà*

*Tôi vạch đường chân trời qua những giàn DK  
người và sóng lắc lư trên biển  
những người lính lấy thân mình làm bển  
cho neo đậu niềm tin ở giữa đất liền*

*Cho yên cả lòng mình nhớ vợ thương con  
đường chân trời chạy qua bao số phận  
người trên bờ mong trời êm biển lặng  
người giữa khơi lo yên ổn ở nhà*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Tôi nói cùng anh từ quần đảo Trường Sa  
đường chân trời xa ngoài trùng biển cả  
đường chân trời gần trong vùng thương nhớ  
suốt đời ta mang nợ những chân trời*

(Trường Sa 11/5/2010)

**Chuông chùa Trường Sa**

*Tiếng chuông trên đảo Sinh Tôn  
Mang mang cõi Phật muôn muôn cõi người  
Mênh mông biển bao la trời  
Mái chùa thân thuộc ngàn đời hiện ra  
Trường Sa bỗng hóa quê nhà  
Câu kinh tiếng mõ gần xa sớm chiều  
Lẫn trong tiếng trẻ hò reo  
Đảo xa dường bớt quanh hiu thảng ngày  
Nhớ thương khuấy nẻo chân mây  
Tâm linh gửi bóng sư thầy vào ra*

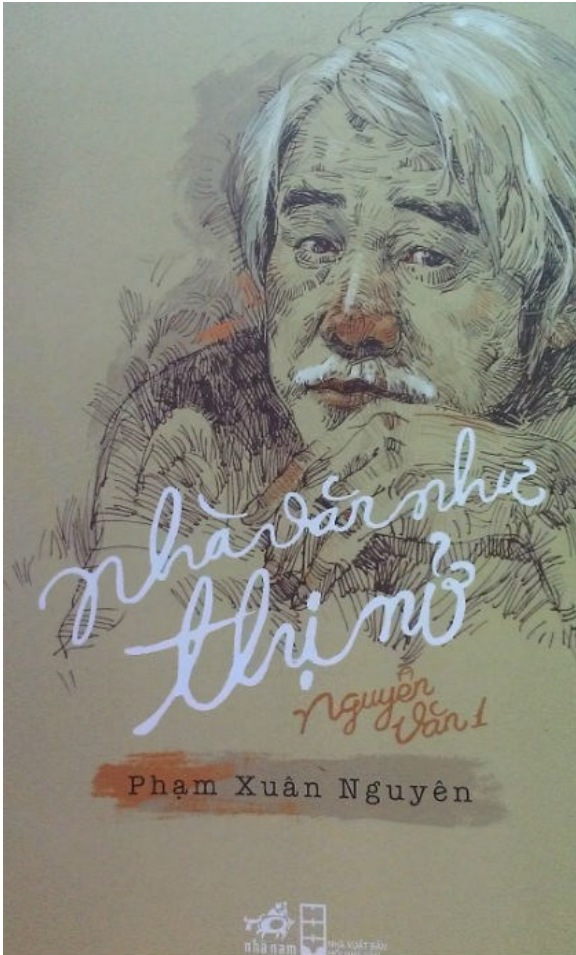
*Chuông vang khắp đảo Trường Sa  
Biển Đông lãnh thổ nước nhà là đây  
Chuông vang nam bắc đông tây  
Trời kia biển đó đảo này của ta  
Chuông Trường Sa vọng Hoàng Sa  
Vọng vang biển đảo sơn hà Việt Nam  
Chuông kêu khẩn nguyện bình an  
Mẹ cha ở cuối thôn làng ngóng con  
Chuông kêu chờ đợi sắt son  
Người đi nhớ vợ thương con chập chùng  
Chuông kêu bầy sắc cầu vòng  
Những người lính trẻ đôi trông lên bờ  
Chuông kêu rình rập kẻ thù  
Máu đào còn nguyện thấm cờ vàng sao*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

*Vượt lên mọi tiếng gầm gào  
Đất liền hải đảo nói vào tiếng chuông.*

(21-23/5/2012)

Viết từ đêm ngủ cạnh chùa trên đảo Sinh Tồn sáng dậy nghe tiếng chuông.



HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Kể tội “Thị Nở” Phạm Xuân Nguyên*, tác giả Hồ Hạ đã viết:

*“Nhưng, dù hờn hay trách thì bất cứ ai đọc xong cuốn sách này (1) cũng cảm thấy thỏa mãn vì nó có sức hấp dẫn như một tác phẩm văn học thực sự. Từ những phân tích sắc sảo, phát hiện độc đáo, giọng điệu đa dạng, đến góc nhìn biến đổi, văn liệu phong phú. Và đằng sau 51 gương mặt văn chương ấy, Phạm Xuân Nguyên đã tự họa chân dung của chính mình: Một “Thị Nở” tinh tế, đầy suy tư, thẳng thắn và không khoan nhượng.”*

-----

(1) *Nhà văn như Thị Nở* (Ghi chú của soạn giả)

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Xuân Nguyên Web: [nguoiduatin.vn](http://nguoiduatin.vn)
- *Linh là lạ* Web: [hcmup.edu.vn](http://hcmup.edu.vn)

## 14. Nguyễn Thanh Sơn



### Nguyễn Thanh Sơn (1970-20 )

Nhà phê bình Nguyễn Thanh Sơn sinh năm 1970 tại Hà Nội.

Những năm trung học, Nguyễn Thanh Sơn học Trung Học Chu Văn An, tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 1987.

Cuối thập niên 1980, du học ở Học viện giao dịch quốc tế tại Moscow thủ đô Liên Xô (Moscow State Institute of International Relation).

Sau đó lấy bằng Thạc sĩ Báo chí quốc tế (MA. International Journalism Moskva Saratovskaya Oblast Russia).

Sau đó, Nguyễn Thanh Sơn nhận bằng thạc sĩ thứ hai về Quan hệ Công chúng tại Đại học Oklahoma (Mỹ).

Nguyễn Thanh Sơn tham gia giảng dạy về truyền thông và văn hóa Á Châu tại Đại học La Trobe ở Australia, Đại học Yonsei ở Hàn Quốc, và Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào tháng 11 năm 2001, Nguyễn Thanh Sơn đi vào lãnh vực kinh doanh, thành lập công Ty T&A tại Hà Nội.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Bên cạnh việc kinh doanh, thỉnh thoảng Nguyễn Thanh Sơn viết những bài phê bình văn học, được nhiều người biết đến.

Tác phẩm:

- *Phê bình văn học của tôi* (phê bình, Trẻ, 2002)

Trích văn:

### ***Tản mạn về Bên Thắng Cuộc***

January 6, 2013 at 10:26am

-1-

Cách đây gần mười năm, khi bạn tôi, nhà văn nữ Hàn Quốc Nawon Kim bay sang Hà nội gặp tôi để giới thiệu về dự án sắp tới của mình, tôi không quá hào hứng. "Chị muốn viết một cuốn sách về Hà nội và về lịch sử hiện đại của nó. Cuốn sách của chị sẽ tái hiện lại lịch sử của Hà nội thông qua các câu chuyện của người dân Hà nội, nên chị sẽ cần phỏng vấn khoảng hai mươi người thuộc các thành phần khác nhau: chị muốn phỏng vấn các họa sĩ, nhà thơ, công chức, công nhân, chiến sĩ, tiêu thương...em có thể giới thiệu cho chị một số người được không?". "Em quen rất nhiều nghệ sĩ nên có thể giúp chị được"- tôi nói-" về họa sĩ, chị có muốn em giới thiệu anh Thành Chương, anh Lê Thiết Cương hay anh Đặng Xuân Hòa không?". "Không, chị không muốn thế"-Nawon trả lời-" những họa sĩ đó quá thành công, nên đã có nhiều người khai thác câu chuyện của họ. Câu chuyện Hà nội của chị sẽ là câu chuyện của những người thất bại, những người thua cuộc".

Tôi đã không thể giúp được gì nhiều cho Nawon, nhưng câu trả lời của chị làm tôi giật mình. Hơn một năm, Nawon đã đi tìm những người thua cuộc của Hà nội để phỏng vấn, và chị đã tìm



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

ra. Trong cuốn sách của mình, Nawon phỏng vấn một họa sĩ đã tham gia vào lớp học đầu tiên của các họa sĩ ở Việt Bắc do cố họa sĩ Tô Ngọc Vân trực tiếp giảng dạy, và sau bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, giờ đây ông ngồi vẽ những bức tranh thờ bán với giá 50 ngàn đồng một bức. Rồi những công chức của Hà nội cũ, những nhà thơ, những tiểu thương hay công nhân của nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo...Tiếc rằng tôi không biết tiếng Hàn để có thể đọc được tác phẩm của chị (khi ra đời, mang tên "Cây vĩ cầm của cha tôi"), nhưng tôi tin, đó sẽ là một cái nhìn độc đáo và khác lạ về lịch sử của Hà nội nói riêng và lịch sử Việt Nam nói chung.

-2-

Nếu chỉ tìm hiểu trên sách vở, bạn khó mà cảm nhận được sự ác cảm của người dân Okinawa với các căn cứ quân sự của Mỹ. Đừng quên, Okinawa đã từng là một công quốc độc lập trước khi bị người Nhật dùng sức mạnh thôn tính, và trong chiến tranh thế giới thứ hai, Okinawa bị Nhật Bản bỏ rơi một cách có chủ ý- sự đoàn bộ binh duy nhất của Nhật bản đóng trên đảo được lệnh tử thủ bằng mọi cách, cho quân đội Mỹ hiểu cái giá mà họ phải trả nếu đem chiến tranh tới lãnh thổ Nhật bản. Trong suốt gần một năm trời trong chiến dịch "con bão thép", quân đội Mỹ đã tàn sát các dân thường, dùng súng phun lửa phun sâu vào các hang đá, ném lựu đạn xuống các hầm trú ẩn, dùng lưỡi lê đâm chết các thương binh. Năm 2008, khi dẫn chúng tôi tới thăm công viên Hòa bình trên đảo, Arasaki Masako-san, người hướng dẫn cho chúng tôi, một trong những nữ sinh trung học đã sống qua những ngày tháng địa ngục đó, dẫn chúng tôi tới Mỏ đá Khóc, nơi hàng trăm người dân Okinawa đã nhảy xuống biển tự sát khi quân đội Mỹ chiếm đóng hoàn toàn đảo này. Những trang như vậy hoàn toàn vắng bóng trong sách lịch sử mà chúng tôi được học về chiến tranh thế giới thứ 2 ở các chương trình giảng dạy về lịch sử trong các nhà trường Mỹ. Trong khi tố cáo mạnh mẽ Lò Thiêu hay

## HUYỀN ÁI TÔNG

những tội ác của quân đội Nhật ở Nam-kinh hoặc các quốc gia Đông Nam Á khác, lịch sử hiện đại hoặc tăng lờ, hoặc lướt qua những tội ác mang tính diệt chủng mà các cuộc không kích của quân đội Đồng Minh đã gây ra trên lãnh thổ Đức, hay những phiên tòa tội ác của Tòa án Quân sự Viễn đông (Tòa án Tokyo) đã kết án treo cổ hàng loạt tướng lĩnh và quan chức dân sự Nhật bản. Đó chính là lý do tại sao người Mỹ theo dõi "một cách thận trọng" chiến thắng của Thủ tướng Nhật bản Shizo Abe vào năm 2006- ông ngoại của ông, Nobosuke Kishi, cựu Bộ trưởng Thương mại thuộc nội các chiến tranh Tojo, đã từng bị giam giữ ở nhà tù Sugamo như "tội phạm chiến tranh loại A", dù may mắn không bị kết án như nhiều đồng nghiệp của mình- trong sự nghiệp chính trị của mình, ông Abe từng nhiều lần bày tỏ thái độ "không đồng tình" với cách lịch sử hiện đại mô tả về nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai. Khi ông Abe trở thành thủ tướng, người Mỹ đã gửi đi một thông điệp rõ ràng và lạnh lẽo "bất cứ một mưu toan nào nhằm viết lại lịch sử đều sẽ gây tổn hại nghiêm trọng đến quan hệ đồng minh chiến lược giữa Nhật bản và Hoa Kỳ"

-3-

Ngày 12 tháng 12 năm 2012 vừa qua, hàng ngàn người trên toàn thế giới đã tham gia quay những đoạn phim ngắn về cuộc sống xung quanh họ để góp sức cho dự án "Một ngày của Trái đất" ( A Day On Earth); hàng ngàn câu chuyện trên toàn thế giới mô tả niềm vui, nỗi buồn, sự đau khổ, hòa bình, chiến tranh, xung đột sắc tộc, tình yêu, hận thù, những thiên đường trên trái đất, những khu ổ chuột, những em bé được sinh ra ở châu Á, những đám tang ở vùng Trung Đông...tất cả tạo thành một bức tranh khảm (mosiac) khổng lồ về một ngày trên Trái đất mà chúng ta đang sống...

Được khởi xướng từ năm 2008, dự án này bắt đầu với một sự kiện tương tự vào ngày 10 tháng 10 năm 2010, rồi 11 tháng 11

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

năm 2011- đạo diễn Kyle Ruddick và những người cùng chí hướng tin rằng, hàng ngàn câu chuyện đó sẽ cho người xem một cảm nhận tương đối trung thực về thế giới mà chúng ta đang sống- với hàng ngàn câu chuyện được kể bằng hàng ngàn góc nhìn và nhân vật khác nhau, đây sẽ là một đoạn "biên niên sử" tương đối khách quan nhất...

-4-

Tuy vậy, cả Nawon Kim lẫn Kyle Ruddick đều chưa bao giờ coi mình là sử gia- họ hoặc là nhà văn, hoặc nhà biên kịch kiêm đạo diễn. Những nỗ lực của họ đều nhằm một mục đích- cung cấp những cái nhìn đa chiều hơn về một quá khứ (Nawon) hay hiện tại (Kyle Ruddick), những cái nhìn, trong phần lớn trường hợp, bị lịch sử "dòng chính" hoặc bỏ qua, hoặc lấp liếm, hoặc xuyên tạc. Bằng việc cung cấp những câu chuyện của hoặc những kẻ thua cuộc, hoặc những con người bình thường nhất, họ muốn thách thức cách mà lịch sử "dòng chính" được kể. Lịch sử "dòng chính" luôn luôn thuộc về hoặc những kẻ thắng trận, hoặc quyền lực thống trị. Họ muốn kể những câu chuyện thuộc về "dòng ngầm" (underground), và muốn những câu chuyện của mình làm đối trọng cho những gì mà lịch sử "dòng chính" mô tả.

Vậy nên, các cuộc tranh luận nảy lửa giữa hai phe "phê phán" và "ủng hộ" Bên Thắng Cuộc đều "trật đích" ngay từ đầu khi coi cuốn sách này là một cuốn sách lịch sử hay thậm chí là một cuốn sách về lịch sử. Bên Thắng Cuộc, như nhà báo Trung Bảo đã đề cập, là những tư liệu và các câu chuyện được ghi chép và tổ chức của một nhà báo về một giai đoạn thời gian mà anh đã trải nghiệm và muốn chia sẻ. Nó có thiên kiến hay không? Tất nhiên là nó thiên kiến! Cho dù được xây dựng bằng hàng trăm câu chuyện khác nhau, với một giọng kể cố gắng khách quan, thì cái "thiên kiến" của nó đã rõ ràng ngay từ lời đề từ trích dẫn thơ của Nguyễn Duy "Suy cho cùng trong mỗi cuộc chiến

## HUYỀN ÁI TÔNG

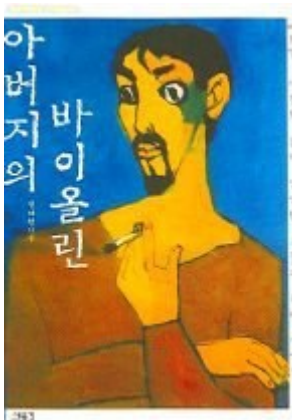
tranh/Bên nào thắng thì nhân dân đều bại"- nó lựa chọn góc nhìn của bên "nhân dân" bị bại trong cuộc chiến tranh giải phóng đất nước (hay cuộc nội chiến- tùy theo góc nhìn của người đọc)- nói một cách khác, nó muốn kể lại những câu chuyện của "dòng ngầm"- những gì người ta hoặc không nhìn thấy, hoặc coi nó không quan trọng, hoặc tảng lờ, hoặc tẩy xóa hay xuyên tạc. Hãy nhớ lại, để tái hiện một ngày diễn ra trên thế giới, đã có hàng ngàn câu chuyện được hàng ngàn con người kể lại, vậy thì sẽ có bao nhiêu câu chuyện đủ để tái hiện một giai đoạn lịch sử hơn ba mươi năm của một dân tộc? Lựa chọn câu chuyện nào, lựa chọn câu chuyện của ai, đó là thiên kiến. Cho nên, đòi hỏi nó tái hiện lại "một lịch sử chiến thắng hào hùng của dân tộc" như nhà báo Đức Hiền và một số người khác đòi hỏi là vô lý- đã có quá nhiều những cuốn sách khai thác những góc nhìn oanh liệt và hào hùng như vậy rồi. Bên Thắng Cuộc góp một góc nhìn khác của một nhà báo, dù rõ ràng là chưa đầy đủ và hoàn chỉnh, về một giai đoạn quan trọng của lịch sử Việt Nam, giai đoạn lịch sử mà, do một số lý do nào đó, có quá ít người chịu tổ chức tư liệu, nghiên cứu và ghi chép một cách tương đối khách quan. Có thể hiểu được lý do tại sao lịch sử "dòng chính" tránh đối mặt với thời kỳ đó- về cơ bản, "độ lùi thời gian" chưa đủ lâu để nó dũng cảm thừa nhận những sai lầm, tìm hiểu những thất bại và nghiên cứu các bài học cho tương lai. Nhưng còn lịch sử "dòng ngầm"? Các sử gia chuyên hay không chuyên chẳng thể đổ lỗi cho ai ngoài chính sự lười biếng của mình về sự vắng bóng của những tác phẩm nghiêm túc về thời kỳ lịch sử đó. Cho nên, như một độc giả đã nói, đóng góp quan trọng của Bên Thắng Cuộc không phải tính chất "chân thực" hay "chính xác" của nó, đóng góp quan trọng nhất của Bên Thắng Cuộc mang tính gợi mở- nó cho người đọc thấy còn rất nhiều những vấn đề quan trọng của lịch sử hiện đại Việt Nam cần phải nghiên cứu và khám phá một cách nghiêm túc. Thảo luận hay tranh luận về tính chính xác, chân thực và đa chiều của Bên Thắng Cuộc nên được coi là tiền đề cho những tác phẩm nghiên cứu lịch sử thực sự về sau, đặc biệt về những

"vùng đen", "vùng trắng" hay "vùng mờ" trong lịch sử hiện đại Việt Nam.

Bên Thắng Cuộc đã động chạm đến những vùng mờ đó- cải tạo, đánh tư sản, đổi tiền, vấn đề thuyền nhân, hai cuộc chiến tranh biên giới...nhưng tham vọng "tái hiện lịch sử" thông qua các câu chuyện nhỏ của một số cá nhân là một tham vọng quá sức đối với cuốn sách. Cho nên, dễ hiểu tại sao Bên Thắng Cuộc lại bị kẹt giữa hai làn đạn của những đại diện của quyền lực thống trị và "quyền lực bị cai trị". Đối với quyền lực thống trị, những câu chuyện của Bên Thắng Cuộc chỉ là những câu chuyện "biết rồi khổ lắm nói mãi", hoặc "tình thế nó thế thì mình phải làm thế", "chỉ khơi lại vết thương cũ để chia rẽ nhân dân", còn đối với cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, những câu chuyện của nhà báo Huy Đức chỉ mới "chạm sơ" trên bề mặt những đau đớn, tủi nhục và mất mát mà họ phải gánh chịu trong những trại cải tạo, những ngày tháng lênh đênh trên biển và nổi uất hận vì mất mát tinh cảm, tài sản và quê hương trong suốt những năm tháng qua- với hơn hai triệu câu chuyện như vậy chỉ tính riêng trên đất Mỹ, vậy thì vài chục câu chuyện không hẳn mang tính đại diện trong Bên Thắng Cuộc làm sao có thể thỏa mãn được một lịch sử đẫm máu mà họ mang theo? (Không loại trừ cả yếu tố "tự ái"- lịch sử về cải tạo tư sản tư doanh, đặc biệt lịch sử về vấn đề thuyền nhân phải do cộng đồng viết ra, đó là "lịch sử về chúng ta", "của chúng ta", làm sao chấp nhận được việc nó được mô tả bởi một người thuộc phía bên kia! Chính tôi cũng đã gặp phải vấn đề tương tự như vậy khi theo nghiên cứu về văn học Việt Nam ở hải ngoại tại trung tâm William Joiner thuộc trường đại học Massachusetts- các cuộc biểu tình phản đối chủ yếu về tính "chính danh" của nghiên cứu này- vấn đề văn học Việt Nam ở hải ngoại phải do các nhà văn hoặc nhà nghiên cứu ở Hải ngoại thực hiện). Nhưng muốn nói gì thì nói, Bên Thắng Cuộc đã thành công trong bước "đột phá" đầu tiên- khơi mào cho những cuộc tranh luận để chúng ta hi vọng đánh động được không khí nghiên

## HUYỀN ÁI TÔNG

cứu và làm việc nghiêm túc về rất nhiều vấn đề còn tồn đọng của lịch sử đương đại Việt Nam



Bìa sách *Cây vĩ cầm của cha tôi* của Nawon Kim

Trong bài: *Người đàn ông làm lùi phía sau Hồng Ánh*, tác giả Đặng Thị Thanh Thanh viết:

*"Cách đây mười năm, Nguyễn Thanh Sơn được nhắc đến như một cây bút phê bình văn học sắc sảo. Những người tung hô anh thì nói ào ào trên báo chí rằng Sơn sẽ làm thay đổi diện mạo của nền phê bình... Mấy năm qua chẳng thấy Sơn viết phê bình nữa. Chỉ thấy Sơn ồn ào trở lại với vai trò là phu quân của nữ diễn viên xinh đẹp và tài năng Hồng Ánh. Ảnh Sơn luôn xuất hiện trên báo chí lạng lẽ phía sau người đẹp..."*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thanh Sơn Web: [facebook.com/nguyenthanson](https://facebook.com/nguyenthanson)
- *Tản mạn về Bên Thắng Cuộc* Blog: [bon-phuong.blogspot.com](https://bon-phuong.blogspot.com)

## 15. Ngô Hương Giang



### Ngô Hương Giang (1985-20 )

Nhà phê bình Ngô Hương Giang sinh ngày 6 tháng 11 năm 1985 tại Nam Định.

Đại biểu tham dự Hội nghị Viết văn trẻ toàn quốc lần thứ VIII vào tháng 9 năm 2011 tại Tuyên Quang.

Ngô Hương Giang có bằng Thạc Sĩ Triết học.

Nhà phê bình Ngô Hương Giang hiện đang công tác tại Viện Triết học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Tác phẩm:

- *Biết đâu địa ngục thiên đường: Bàn và Luận* (in chung, Hội Nhà văn và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông - Tây, Hà Nội, 2010)
- *Những lần ranh văn học* (in chung, Đại học Sư phạm Tp. HCM, 2011)
- *Hiện tượng luận về văn học* (lý luận, Hội nhà văn, Hà Nội, 2013)
- *Chân lý và Hư Cấu* (lý luận, Khoa học Xã hội, HN, 2013)

Trích văn:

### **Con đường thử thách của phê bình văn học Việt Nam**

Xã hội thông tin kéo theo nó là những bất ổn về tri thức. Việc tiếp nhận lý thuyết văn học nước ngoài vào Việt Nam không còn là vấn đề giao lưu học thuật, mà thực sự đã trở thành mối lo âu của sáng tạo. Văn học Việt Nam đương đại có thể đang đi lại vết xe lịch sử của văn học miền Nam những năm 1960-1970.

Một câu hỏi đặt ra là, văn học Việt Nam sẽ làm gì để bứt phá, vượt thoát khỏi những *hấp dẫn* của lý thuyết, của thông tin liên tuyến? Câu hỏi ấy khởi đầu cho truy vấn vượt thoát thực tại có xu hướng chống đối lại khả năng sáng tạo tinh thần của con người, chống đối lại nhân bản văn học. Một thử thách mà văn học Việt Nam cần phải vượt qua.

Lịch sử tư tưởng văn học Việt Nam đã in dấu những ám ảnh của văn học đô thị miền Nam trước 1975, có thể nói, chưa giai đoạn tư tưởng văn học nào lại đồng đều và có ảnh hưởng mạnh như giai đoạn này. Sáng tạo văn học được đặt trên nền của tư duy triết học, nhằm kiến lập thế giới và luận thuyết văn học riêng. Các tác giả miền Nam đã bỏ qua giai đoạn thai nghén của triết học, nhằm sinh hạ đứa con lý thuyết mỹ học/ lý thuyết văn học độc đoán, có tính bè nổi. Họ đi ra từ triết học và đưa triết học vào văn học để sáng tạo thế giới nghệ thuật, trên tinh thần giải- tư tưởng. Một nền văn học như thế, tôi gọi là nền văn học khai phóng.

Cũng thật dễ hiểu, khi nền văn học Việt Nam ở các đô thị miền Nam trước 1975 dường như vắng bóng các lý thuyết văn học, vắng bóng các lý thuyết gia. Nói đúng ra, nền văn học đó đã cô lập khả năng sản sinh, vùng vẫy và áp đặt từ phía các lý thuyết văn học. Tìm lại các tư liệu bị lãng quên, khó thấy cuốn sách



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

nào có tính chất giới thuyết các lý thuyết văn học, lại càng khó thấy sự *lai vãng* của những cuốn sách mang tên “lý luận/ lý thuyết văn học”. Đó là câu hỏi lớn, mà mọi truy vấn về nó kèm theo những suy tư phản tỉnh. Rất nhiều nhà văn, nhà phê bình văn học được sinh ra từ mái trường triết học. Triết học tự nó không phải là lý thuyết, mà là truy vấn về bản chất của tồn tại. Khi truy vấn về bản chất của tồn tại được khai mở, là một ý thức cá thể của chủ thể được khai phóng và không ngừng được khai phóng cho đến khi chủ thể tự phản tỉnh, tự phê phán mình, tạo đà cho ý thức mới nảy sinh. Do đó, sáng tạo văn học là cuộc đối thoại bất tận với chính mình của chủ thể diễn giải. Với ý nghĩa ấy, các tác giả lớn của văn học đô thị miền Nam trước 1975 thường kiêm trong mình vai trò của nhà nghiên cứu triết học. Điều này giúp họ có khoảng không tự do để suy tưởng về cuộc đời và về chính mình, mở ra sự sáng tạo trong thế giới tinh thần.

Hầu hết các lý thuyết mỹ học/ lý thuyết văn học đều được sinh ra từ triết học, nhưng khi đi vào từng nền văn học cụ thể, thì dù ít hay nhiều, nó cũng chịu ảnh hưởng của ý thức hệ thẩm mỹ/ ý thức hệ xã hội. Sự ảnh hưởng đó, biến lý thuyết trở thành *con quỹ* dẫn đường của ý thức hệ thẩm mỹ, chứ không còn là sự nâng đỡ cho tinh thần văn học thăng hoa. Khi chủ thể nhận thức khai mở tinh thần mình từ triết học, điều ấy có nghĩa, họ đang mở suy tưởng về hiện thực. Quá trình đó khách quan và độc lập với ý thức hệ thẩm mỹ bên ngoài, kéo theo sự mở rộng của suy niệm chủ quan về về thế giới nghệ thuật mà họ dự định kiến tạo. Các nhà văn, nhà phê bình trước 1975 ở các đô thị miền Nam sớm nhạy cảm và nhận thức rõ vấn đề này. Chúng ta có thể điểm danh chân dung của các thi sĩ/ văn sĩ/ nhà phê bình trong vai trò nhà nghiên cứu triết học (chứ không phải là nhà nghiên cứu lý thuyết) như thể cách để ghi nhận sự đóng góp của họ. Nguyễn Sa - Trần Bích Lan từng gây dựng cho mình dòng thơ riêng biệt có tiếng vang, rộng khắp văn đàn. Tuy nhiên, bên cạnh vai trò thi nhân, ông còn là nhà phê bình biết

## HUỖNH Ỉ TÔNG

đưa triết học vào văn học. Cuốn *Quan điểm văn học và triết học* [1] được Nguyễn Sa viết vào năm 1960 như là cách ông sáng tạo lại triết học trên tinh thần văn học, dù không được khẳng định là nhà lý thuyết, thì văn bản của ông cũng đã gợi mở cho *sự hình thành tinh thần khai phóng* trong văn học [2].

Nguyễn Văn Trung là người được đào tạo bài bản về triết học ở phương Tây, đồng thời là giáo sư triết học, nhưng các trước tác thời danh của ông lại rơi vào *tình cảnh* văn học. Tác phẩm của ông không phải là bản lược khảo lý thuyết văn học và ứng dụng lý thuyết trong phê bình văn học, mà là ý niệm triết học [3] về văn học. Ngay cả tác phẩm có ảnh hưởng mạnh tới văn học đương đại Việt Nam như *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết* [4] cũng mang giữ âm hưởng triết luận văn chương hơn là sự xác quyết về lý thuyết văn học. Bên cạnh Nguyễn Văn Trung, Phạm Công Thiện là người *nhúng* chân vào hai lĩnh vực triết học và văn học rõ rệt hơn cả. Văn bản của ông không khẳng định, hay tuyệt đối hoá lĩnh vực nào. Với khả năng sử dụng Việt ngữ điêu luyện, cùng văn phong phóng khoáng, Phạm Công Thiện đưa suy niệm triết lý vào văn học như một cách đề sáng tạo triết học. Tác phẩm của ông là những lần ranh mờ, nhạt nhoà đan chéo không phân biệt giữa phê bình tư tưởng và sáng tạo văn học. Cuốn *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* [5] của ông có thể xem là phê bình văn học cũng đúng, mà xác lập quan niệm triết học cũng đúng. Bùi Giáng trước khi trình làng thiên cáo luận thơ của mình, ông đã là nhà phê bình tư tưởng triết học song hành với nhà phê bình văn học. Cuốn *Giảng giải thi ca Hoelderlin* [6] của M. Heidegger đã trở thành cuộc *bình hoá văn học* do thi sĩ họ Bùi khởi xướng, chứ không đơn thuần là “*dịch nhi bất tác*” nữa. Nhiều nhà nghiên cứu xem ông là người phỏng dịch văn bản của Heidegger là không đúng. Theo tôi, công lao lớn nhất của ông trong phê bình tư tưởng và tư tưởng trong văn học là dám sáng tạo lại lý thuyết của tha nhân bằng tâm thức và ngôn ngữ Việt. Chẳng ai có thể tự phụ cho rằng có thể hiểu Heidegger thông qua triết thuyết của ông,

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

nếu không sáng tạo lại điều mình hiểu bằng văn bản cụ thể. Chỉ khi có ý nghĩ sáng tạo và sáng tạo lại tất cả tư tưởng, thì khi ấy, giá trị tư tưởng của triết gia, văn gia mới được chủ thể thẩm mỹ hiểu đúng. Cuốn *Giảng giải thi ca Hoelderlin* được Bùi Giáng dịch thông qua khả năng sáng tạo lại trên tinh thần phê phán nghiêm túc của ông đã góp phần thu hẹp khoảng cách văn hoá hai nền học thuật.

Huỳnh Phan Anh trước khi để lại cho đời cuốn sách quan trọng nhất của mình: *Đi tìm tác phẩm văn chương* [7] đã tự nhủ mình vào tâm thức triết học của Merleau Ponty, tạo đà cho sự khai phóng quan niệm cá biệt về văn học thông qua “Hành trình tác phẩm”, “Ám ảnh của tác phẩm”, “Phê bình và chống phê bình”... Bên cạnh đó còn kể đến Đặng Phùng Quân với *Triết học và văn chương* [8], Trần Đỗ Dũng với *Triết học và khoa học nhân văn* [9], Phạm Công Thiên với *Nikos Kazantzak* [10]...

Việc truy ngược thời gian, tìm lại những dấu ấn của phê bình văn học miền Nam Việt Nam trước 1975 không phải để biện minh cho nền văn học quá khứ, mà nhằm đi đến khẳng định: *muốn có một nền phê bình văn học mạnh, thì phải có một nền luận lý văn học mạnh*. Nhưng một nền *luận lý văn học mạnh* không đồng nghĩa với việc tiếp nhận *lý thuyết văn học mạnh*, mà là hướng tới sự sáng tạo lý thuyết riêng trên tinh thần giải-triết học. Để có thể lập thuyết trong phê bình văn học, thì nhà phê bình cần giải phóng mình khỏi các lý thuyết văn học độc đoán, kiến lập ý niệm riêng trên thực tiễn văn học, sau khi bước ra khỏi thế giới phức tạp của triết học.

Vậy phê bình văn học Việt Nam đương đại thì sao? Phải chăng, chúng ta đang là nô lệ của lý thuyết và nô lệ của chính mình?

Nếu các văn sĩ miền Nam trước 1975 tìm đến triết học như là cứu cánh tư duy để hoài niệm và suy tư sâu về cuộc sống, phác

## HUYỀN ÁI TÔNG

thảo căn nguyên nhân bản thời đại thì văn học sau giải phóng dường như làm ngược lại, họ tìm đến triết học như là công cụ giải quyết vấn đề hình thức của cuộc sống/ của tác phẩm hơn là truy cứu bản chất nơi nó. Đặc biệt, khi phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa được xem như phương pháp chính yếu trong sáng tác và phê bình văn học, thì việc cô lập văn học với đời sống quanh nó theo tỉ lệ thuận, là điều dễ hiểu. Vì vậy, sau thời mở cửa với văn hoá ngoại vi, đặc biệt từ năm 2000 tới nay khi internet là công cụ thức chính được quảng diễn, thì văn học Việt Nam dần dần khởi phát những sáng tạo đột phá. Tuy nhiên, với ảnh hưởng không nhỏ từ cái bóng quá khứ của nền văn học minh hoạ đã kéo ghì văn học trở về vạch xuất phát của nó, mà không phải là bộ phóng võng chắc cho nhận thức văn học sáng lạn khai mở theo quỹ đạo *tư tưởng thời đại*. Vì tính chất đặc thù đó, văn học Việt Nam đương đại dường như đang quay trở lại mốc ban đầu của nền học thuật những năm 1954-1960 ở miền Nam, khi tư tưởng phương Tây bước đầu in dấu ấn.

Việc xây dựng nhận thức luận văn học thiếu nền tảng căn bản triết học ấy, đã đẩy văn học Việt Nam vào việc tiếp thu những đũa con thiếu sót của thời đại được sản sinh từ căn bản triết lý ở phương diện lý thuyết mỹ học và lý thuyết văn học. Cũng chính vì khả năng đứt đoạn không liền mạch trong nhận thức văn học như là môn học về bản chất con người, cho nên, việc ứng dụng lý thuyết văn học nước ngoài vào sáng tác và phê bình văn học giống như việc vớt ngọn bỏ gốc. Quá trình đổi mới văn học không nảy sinh từ bản chất thực hành nhận thức văn học, mà dừng lại ở những cách tân hình thức, cách tân ngôn ngữ diễn giải. Điều này đã đẩy văn học Việt Nam vào vòng xoáy của nền văn học nội quan, đối lập với nền văn học khai phóng mà chúng tôi đã đề cập ở trên. Nền văn học nội quan đã buộc các nhà văn, nhà phê bình bó hẹp mình vào sự chỉ dẫn bên ngoài của lý thuyết, diễn giải theo các khía cạnh đã được dựng sẵn, đưa đến những thiếu sót có tính hệ thống. Với

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

việc *đơn giản hoá* quá trình nhận thức hiện thực vào việc tôn thờ lý thuyết cụ thể, cho nên, chủ thể thẩm mỹ đánh mất cái-  
ngã suy tư cuộc sống và sáng tạo cuộc sống trên nền suy tư ấy. Văn học Việt Nam từ năm 2000 đến nay, là cuộc nổi loạn về hình thức, nhưng cũng chính vì thế mà nó nhanh chóng suy sụp cùng các ước định thẩm mỹ. Tất nhiên, trong số những tác phẩm gây ấn tượng giai đoạn này, không phải là không có tác phẩm ám ảnh thời đại, nhưng điều ấy không thực phổ biến.

Phê bình văn học Việt Nam đương đại thiếu tính chuyên môn hoá rõ rệt. Sự nhập nhằng giữa *phê bình văn học* với *biên luận văn học* đã đẩy phê bình văn học Việt Nam vào thặng trầm, bất ổn định. Nhà phê bình chuyên nghiệp trở nên thiếu vắng, còn người biên luận văn học lại lẫn át, mọc ra như nấm. Quan niệm phê bình văn học như thể cảm luận văn chương đã làm hạn chế những tác động của phê bình chuyên nghiệp tới đời sống văn học. Nhà phê bình văn học đúng nghĩa [11], trở về trạng thái quy ẩn trong nghiên cứu và giới thiệu lý thuyết văn học nước ngoài vào Việt Nam, dẫn đến tình trạng lý thuyết nhiều mà tác động của lý thuyết tới quá trình sáng tạo lại ít. Ở các nước phương Tây thì việc phân ra người làm lý thuyết và người làm phê bình ứng dụng dường như không phổ biến, thường thì nhà lý luận kiêm luôn trong mình vai trò của người phê bình. Vì vậy, sau mỗi lần xuất hiện một lý thuyết mới thường thấy kèm theo đó là sự phê phán ngược trở lại của những nhà lý luận với nhau. Tất yếu của quá trình này là sự phủ nhận giữa các lý thuyết. Nhưng sau mỗi lần phủ nhận lẫn nhau đó thì một hệ hình lý thuyết mới lại ra đời. Ở Việt Nam, tình hình trên khó hơn. Việc tìm kiếm nhà lập thuyết ở Việt Nam là hy hữu. Tuy nhiên, *tính kép* trong nghiên cứu lý thuyết văn học, và ứng dụng lý thuyết trong phê bình văn học cũng chỉ dừng lại ở con số hiếm hoi.

Những lý do trên chưa phải là lý do chính kéo nền phê bình văn học vào sự bình lặng của nó. Theo tôi, hai vấn đề căn cốt

## HUYỀN ÁI TÔNG

nhất làm phê bình văn học Việt Nam yếu là: *tính độc tôn lý thuyết và sự suy tôn thần tượng trong văn học.*

Chúng ta chẳng phải che đậy những lý luận mập mờ, không cần thiết. Việc lý thuyết chủ nghĩa Marx trong văn học *bị thần thánh hoá và huyền thoại hoá*, đã hạn chế những bút phá về tư tưởng sáng tạo và phê bình văn học. Dù tính chất hạn chế của lý thuyết phản ánh luận trong văn học đã được chỉ ra, nhưng ảnh hưởng có tính cụ truyền (tradition) trong nhận thức luận văn học không những không hạn chế, mà ngược lại ngày càng gia tăng trong giáo dục văn học ở Đại học. Điều ấy dẫn đến sự suy tôn phương pháp phê bình duy sử quan lên hàng chính thống, lẫn át những phương pháp phê bình khác. Cũng chính sự tôn sùng thái quá một phương pháp sáng tác/ phê bình văn học, cho nên khả năng bung phá trong tư tưởng của chủ thể viết bị bó hẹp theo. Giá trị nhân bản văn học bị kéo xuống theo những suy tư độc đoán của lý thuyết. Nhà văn, nhà phê bình không còn ý thức tự- chịu trách nhiệm về những luận thuyết mà mình dung nạp, dẫn đến sự buông xuôi ý niệm thẩm mỹ theo lý thuyết mà số đông tôn thờ. Vì vậy, trong phê bình văn học Việt Nam thiếu vắng khả năng lập thuyết văn học dựa trên những phê phán triệt để đối với các lý thuyết khác, cũng như ý thức hệ thẩm mỹ không phù hợp.

Việc tôn sùng lý thuyết gắn chặt với ý thức hệ thẩm mỹ, đã hạn chế và quy giản các lý thuyết khác vào hàng phi- chính thống. Vì vậy, sự bất đồng trong tư tưởng thẩm mỹ không được khai thông. Người giới thuyết lý thuyết cứ giới thuyết, còn nhà cảm luận văn học dựa trên điều phản ánh cứ cảm luận. Nếu có sự dung hoà thì cũng chỉ là dung hoà về hình thức biểu đạt. Từ đó, quy quan niệm về nhà phê bình văn học vào trạng thái “ăn theo” sáng tác, dường như thế, nhà văn tự mình lập thuyết, tự mình khai phóng thể giới ý niệm thành hệ thống luận lý vững chắc(?) Sự lạc quan thái quá ấy trong quan niệm về phê bình văn học, đã đẩy phê bình vào hàng thứ yếu trong nhận thức văn

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

học, hoán chuyển vai trò nhà phê bình vào *trạng huống/ tình cảnh* giới thiệu, điểm sách hoặc bình luận tác phẩm của nhà văn hơn là phát hiện, khám phá những lý thuyết mới dựa trên thực tế của đời sống văn học.

Tính chất độc tôn lý thuyết còn biểu hiện ở sự cảm tính trong khi lựa chọn lý thuyết sáng tạo/ lý thuyết phê bình văn học của chủ thể diễn giải. *Trong đó, sự độc tôn lý thuyết, mà bản thân người sử dụng lý thuyết thiếu sự tiếp nhận bài bản, đã đẩy văn học Việt Nam vào giai đoạn thử nghiệm.* Nhưng điều vô lý xảy ra là, việc thử nghiệm *không bao giờ* là sự độc tôn, vì nó chưa cho ra một kết quả ổn định nào, nhưng ở ta, điều đó ngược lại, *quan niệm về kết quả* thường bắt đầu cùng lúc với thử nghiệm, thậm chí nó còn được *giả định* trước khi thử nghiệm. Có hai dòng văn học thể hiện rõ nhất sự suy tôn lý thuyết một cách cảm tính là dòng văn học viết theo khuynh hướng tính dục và dòng văn học viết theo khuynh hướng hậu- hiện đại. Ở đây, tôi không suy tôn hay phủ định bất cứ lý thuyết nào, vì lý thuyết bao giờ cũng là kết quả của đúc rút từ thực tiễn, vì vậy, dù ít hay nhiều, nó cũng bộc lộ thế mạnh trong một/ một vài khía cạnh của chân lí.

Điềm qua những tác phẩm văn học viết theo khuynh hướng tính dục từ năm 2000 tới nay, thì dường như những tác phẩm *gây đình đám* bao nhiêu khi nó chào làng bạn đọc lại âm thầm rút khỏi cuộc chơi bấy nhiêu sau khi nó được truyền thông PR (Public Relations) rầm rộ[12]. Trong khi đó, những tác phẩm dịch cũng viết về đề tài tính dục được giới thiệu cùng lúc vào Việt Nam lại có ảnh hưởng dai dẳng tới hiện tại. Vì sao lại xảy ra hiện tượng đó? Theo tôi, đó là do chúng ta “mô phỏng” hình thức của lý thuyết trong sáng tạo, hơn là thức nhận tự bản chất đời sống văn học từ sự gợi mở nơi lý thuyết được tiếp nhận ấy. Tất yếu, khi có tác phẩm thì nhà phê bình cũng phải chịu cuốn vòng vòng xoáy của nó. Cái lỗi của nhà phê bình trong trường hợp này là họ đã tự quy giảm trách nhiệm của mình vào làm

## HUỶNH ÁI TÔNG

một với sự PR của giới truyền thông cho tác phẩm. Sự thất bại của dòng thơ tân- hình thức ở Việt Nam, chính là minh chứng rõ nhất cho sự cáo chung của việc tôn sùng lý thuyết nước ngoài. Dòng văn học viết theo khuynh hướng hậu hiện đại, dù chưa phải đã thành hình rõ nét, nhưng nó đã tiêu diệt phần nào sự sa sút tự thân. Đời sống văn học Việt Nam chưa bao giờ bị bão hoà như thực trạng đương đại. Nó phản ánh tính chất đơn điệu cả trong sáng tác lẫn phê bình văn học.

Cùng với việc độc tôn lý thuyết văn học, thì sự suy tôn thần tượng văn học cũng là một trong những nguyên nhân hạn chế sức bút phá của văn học Việt Nam đương đại, nhất là trong phê bình văn học. Những hiện tượng như Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, Đặng Thai Mai, Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Tạ Duy Anh, Bảo Ninh... đã bị *thần tượng hoá* trong nhận thức văn học. Không khó để kiểm chứng nhận định này. Phần lớn tác phẩm phê bình văn học thường bỏ qua sự khảo sát đối với các nhà văn miền Nam trước 1975 hoặc các nhà văn đương đại đã/đang thực sự khai phóng *những ấn tượng* văn chương. Sự suy tôn thần tượng văn học của các nhà phê bình đã hạn chế việc nhìn nhận đúng các hiện tượng “đình đám” trong văn học Việt Nam như hiện tượng Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Thị Hoàng... hoặc trong việc nhìn nhận giới phê bình văn học ở Hải Ngoại như trường hợp Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc - Tuấn, Nguyễn Đăng Trúc... Theo tôi, văn học và phê bình văn học cần phải rạch ròi với chính mình, không nên quy giản tất cả những gì của văn học vào tư tưởng chính trị hay ý thức hệ xã hội. Một nền phê bình, sáng tạo văn học mạnh cần thiết phải tự mình phủ nhận chính mình để mở ra sự bút phá rõ ràng hơn. Sẽ không thể có một nền văn học mạnh, khi chúng ta lặp lại chính chúng ta.



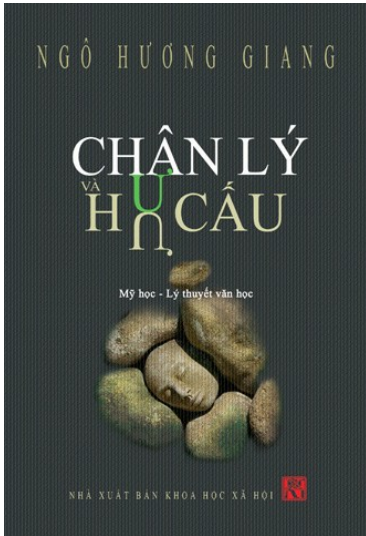
## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

- [1] Nguyên sa- Trần Bích Lan (1960), *Quan điểm văn học và triết học*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn.
- [2] Sự hình thành tinh thần khai phóng trong văn học ở đây là trường hợp của Nguyên Sa - *NHG nhân mạnh*.
- [3] Ý niệm triết học, thuần dựa vào suy niệm duy tâm của chủ thể sáng tạo khi hướng về đối tượng, nhằm khai mở nó một cách tự do. Và đó là sáng tạo đúng nghĩa.
- [4] Nguyễn Văn Trung (1962), *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết*, Tự Do xuất bản, Huế.
- [5] Phạm Công Thiện (1970), *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học*, An Tiêm xuất bản, Sài Gòn.
- [6] Cuốn *Giảng giải thi ca Höelderlin* (Erläuterungen zu Höelderlin/ Approche de Höelderlin) của M. Heidegger được nhà Văn hoá Sài Gòn ấn hành dưới nhan đề *Lễ hội tháng ba*. Xin xem: M. Heidegger - Höelderlin (2008), *Lễ hội tháng ba*, Văn hoá Sài Gòn xuất bản, TP. HCM.
- [7] Huỳnh Phan Anh (1972), *Đi tìm tác phẩm văn chương*, Đồng Tháp xuất bản, Sài Gòn.
- [8] Đặng Phùng Quân (1974), *Triết học và văn chương*, Lửa Thiêng xuất bản, Sài Gòn.
- [9] Trần Đỗ Dũng, *Triết học và khoa học nhân văn*, Anpha xuất bản, ban tu thư Đại học Sài Gòn (không ghi năm NX), Sài Gòn.
- [10] Phạm Công Thiện (1970), *Nikos Kazantzaki*, Phạm Hoàng xuất bản, Sài Gòn.
- [11] Nhà phê bình đúng nghĩa thường kiêm trong mình vai trò của nhà lý thuyết và nhà nghiên cứu triết học.
- [12] Ở đây, tôi xin phép không đơn cử bất cứ tác giả, tác phẩm nào như một cách tôn trọng quá trình sáng tạo của họ.

Trong bài: *Tác phẩm “Chân lý và Hư cấu” của Ngô Hương Giang*, tác giả Phó Giáo sư, Tiến sĩ Hồ Thế Hà, Trường Đại học Khoa Học Huế đã viết:

## HUYỀN ÁI TÔNG

*“Chân lý và Hư cấu của Ngô Hương Giang còn gợi mở những đồng cảm và đồng vọng trao đổi học thuật nhằm tái tri nhận những vấn đề thuộc về triết học - mỹ học - văn học của những tác gia và tác phẩm cụ thể thuộc quá khứ gần và quá khứ xa... Đây là một công trình đầy suy tư và thao thức của một nhà khoa học trẻ tự tin và thiết tha hiểu biết, khám phá những giá trị khoa học.”*



Tài liệu tham khảo:

- Ngô Hương Giang Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)
- Con đường thử thách của phê bình văn học Việt Nam Web: [vanhocquenhavietnam.com.vn](http://vanhocquenhavietnam.com.vn)

### **Chương Chín: Tổng kết**

Sau khi chúng tôi đã trình bày những nhà văn trong các thời kỳ, chúng tôi thiết nghĩ chúng ta sẽ có những nhận định rút ra từ đó.

Ở Miền Nam những cây bút có giá trị, được nhiều người ưa thích như Sơn Nam hay Vương Hồng Sển vẫn tiếp tục viết với đề tài khảo cứu, là những tác phẩm tiếp nối theo con đường *Sài Gòn năm xưa*, *Hương rừng Cà Mau*.

## HUYỀN ÁI TÔNG

Những nhà văn miền Bắc thường xuất thân theo lối mòn, con đường quân nhân như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Khải ...

Những nhà văn bám trụ chiến trường ở miền Nam, như Trần Bạch Đằng hoặc tập kết ra Bắc như Nguyễn Quang Sáng, Anh Đức... Họ là những nhà văn tên tuổi trên văn đàn, trong thời kỳ mới thống nhất đất nước.

Ở hải ngoại, những nhà văn Võ Phiến, Viên Linh, Lê Tất Điều rồi Mai Thảo, Nguyễn Xuân Hoàng, Duyên Anh... làm sống lại một thời văn học miền Nam di tản. Những văn tài nở muện như Tiểu Tử, Đặng Chí Bình, Trần Mộng Tú, Phạm Tín An Ninh, Cao Xuân Huy ...

Không thể không nhắc tới nhà văn Việt Nam đã hội nhập vào dòng chính như Le Ly Hayslip, Dương Vân Mai Elliot, Nguyễn Quý Đức, Lan Cao, Andrew X. Phạm, Nam Lê, Trần Minh Huy, Jenny-Mai Nguyễn ..., họ đã sáng tác bằng ngôn ngữ nơi họ sinh sống, cạnh tranh với những nhà văn bản địa và xuyên quốc gia. Tác phẩm của họ nào là *Sacred Willow*, *Monkey bridge*, *The boat*, *La princesse et le pêcheur*, *Nijura – Da Erber der Elfenkrone*...

Họ là những nhà văn, nhiều thế hệ từ 1920 đến 1980, sinh tại trong nước cũng như ở xứ người, tuy lực lượng nhà văn Việt Nam tại hải ngoại không đông, nhưng đã góp phần điểm tô cho văn học Việt Nam ở hải ngoại đầy màu sắc.

Trong nước cho đến thời kỳ đổi mới vào những năm 1986, những nhà văn khác nổi lên như Ma Văn Kháng, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lê Lựu. Người ta thường nhắc đến những tác phẩm đã làm thay đổi bộ mặt văn học như *Tướng về hưu*, *Nỗi buồn chiến tranh*, *Thời xa vắng*...

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI VII

Sau đó, không thể không nhắc tới những nhà văn người ta gọi là nhà văn phản kháng, tác phẩm của họ nói theo thời thượng là giải thiêng lãnh tụ, phê phán chế độ, xã hội tác phẩm của họ thường được in ở nước ngoài hay phổ biến trên mạng. Đó là những tác giả như Nguyễn Chí Thiệp, Trần Độ, Dương Thu Hương, Vũ Thu Hiền, Nguyễn Khải, Đào Hiếu... với những tác phẩm như *Hoa địa ngục*, *Những thiên đường mù*, *Đêm giữa ban ngày*, *Đi tìm cái tôi đã mất*, *Lạc đường*...

Về sau nhà văn Dương Nghiễm Mậu, tác giả ở miền Nam trước năm 1975 đã được đánh giá lại, có tên tuổi trong Từ điển Văn Học Bộ mới in năm 2004, là nhà văn hiện thực hiện sinh, với nhiều tác phẩm của ông đề cập tới thân phận con người, tác phẩm của ông được in lại 4 quyển, không cảm phổ biến nhưng âm thầm bị thu hồi.

Rồi tới những nhà văn trẻ sau này, văn họ viết ngắn gọn, xúc tích, càng về sau họ đi lên từ những trang mạng, mảng lớn là đề tài tính dục, dần dần trở nên bình thường.

Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa dần dần bị phai nhạt, để văn học đi vào thời kỳ hậu hiện đại.

Một mảng văn học dân tộc thiểu số được đề cập riêng ra, để thấy sự đóng góp của các nhà văn dân tộc và sự phát triển của nó.

Thật là bất công nếu không nói tới những nhà phê bình văn học, nhờ họ độc giả thấy được những tác phẩm hay, dở những ý nghĩa sâu xa và cũng nhờ họ tác giả phát huy được tài năng của mình. Nhà phê bình đóng góp cho nền văn học không phải nhỏ, do vậy cũng cần được đề cập đến.

Có một đặc điểm nói chung là sau này, nhiều nhà văn cũng là nhà thơ, thơ của họ không thua gì nhà thơ đích thực.

HUỶNH ÁI TÔNG

Đó là những nét chính yếu được nhìn lại trong toàn tập bộ sách này.

290714

Cùng soạn giả

- *Văn học Miền Nam (1623-1954)*
- *Văn học Miền Nam 1954-1975 (7 tập)*
- *Hai mươi năm Văn học miền Bắc 1954-1975 (5 tập)*
- *Văn học Việt Nam Cận và Hiện đại (7 tập)*

**Hiên PHẬT HỌC  
2014**